

Table of Contents

Lời Phật dạy trong Kinh tạng NiKaYa	1
Lời căn bịch	3
Lời nói đầu	6
Tập I	8
I. Lòng tin	9
1. Lợi ích của lòng tin	10
2. Biểu hiện của lòng tin	12
3. Chánh tín	14
4. Lòng tin là tài sản tối thượng	16
5. Chỉ tin một người	18
II. Bố thí & Cúng dường	21
1. Phước báo thù thắng của bố thí	22
2. Bố thí & cúng dường như pháp	24
3. Tương quan giữa cho và nhận	26
4. Bố thí với tâm rộng lớn	28
5. Cội phước	30
6. Bố thí thanh tịnh	32
7. Nhân duyên của giàu và nghèo	34
8. Hai hạng người đáng được cúng dường	36
9. Người cày ruộng	38
10. Xứng đáng là ruộng phước	40
III. Làm giàu	43
1. Kinh doanh thành công	44
2. Không kinh doanh phi pháp	46
3. Làm giàu	48
4. Giàu lên dễ sanh tật	50
5. Có mắt mà như mù	52
6. Sự nghèo khổ	54
7. Buôn bán phát tài	56
8. Chủ nhân & người làm	58
IV. Tài sản	61
1. Tài sản của người tu	62

2. Giữ gìn tài sản	64
3. Động sản & Bất động sản	66
4. Có tài sản lớn	68
5. Nguyên nhân phung phí tài sản	70
6. Kế thừa gia tài chánh pháp	72
V. Cư sĩ	75
1. Hoa sen trong giới nam cư sĩ	76
2. Người cư sĩ	78
3. Bổn phận người gia chủ	80
4. Cư sĩ chứng quả dự lưu	82
5. Lật úp bình bát	84
6. Thọ trì năm giới	86
7. Hương đức hạnh	88
8. Nhưng gia đình chư tăng không nên đến	90
VI. Xuất gia	93
1. Ba hạnh của sa môn	94
2. Khất sĩ	96
3. Bậc trưởng lão	98
4. Nam hạng người ăn bình bát	100
5. Sống biệt lập	102
6. Không nên sống quá lâu ở một nơi	104
7. Bốn hạng thuyết trình	106
8. Ba việc trọng yếu của người tu	108
9. Xứng đáng được xây tháp	110
10. Xuất gia khi tuổi xế chiều	112
11. Hoàn tục	114
12. Khó làm	116
13. Hóa duyên	118
14. Thiền và giáo	120
15. Đến với gia chủ	122
VII. Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi	125
1. Dùng chánh pháp làm ngọn đèn	126
2. Tránh xa hai cực đoan	128

3. Dòng đời xuôi ngược	130
4. Sinh tử là việc lớn	132
5. Chớ khinh thường trẻ tuổi	134
6. Năm là trong bàn tay	136
7. Hạt muối	138
8. Tinh cần	140
9. Sợ hãi	142
VIII. Nhân quả	145
1. Trường thọ và đoản thọ	146
2. Vu khống bậc thánh	148
3. Đẹp và xấu	150
4. Quả báo	152
5. Hai loại tội	154
6. Khó được ở đời	156
IX. Hiếu đạo	159
1. Thâm ân nan báo	160
2. Bao la tình mẹ	162
3. Cha mẹ và con cái	164
4. Người thực sự có hiếu không nhiều	166
5. Khuyến hóa cha mẹ hướng thiện	168
6. Phước báo hiếu dưỡng	170
X. Giới	172
1. Rùa và dã can	173
2. Biển lớn không dung chứa tử thi	175
3. Chánh mạng	177
4. Vui trong chánh pháp	179
5. Mang y bát đẹp bị Phật quở	181
6. Không phòng hộ	183
7. Tội lỗi	185
8. Sống với người thứ 2	187
9. Lợi ích của giữ giới	189
XI. Định	191
1. Sơ thiền	192

2. Tứ niệm xứ	194
3. Mạng người trong hơi thở	196
4. Tâm cấu uế	198
5. Niệm Phật	200
6. Trung đạo	202
7. Đất lành chim đậu	204
8. Ung nhọt	206
XII. Tuệ	209
1. Trí tuệ là tối thượng	210
2. Vô minh & Tuệ giác	212
3. Chánh tri kiến	214
4. Không phải của tôi	216
5. Tu tập với tánh không	218
6. Người mù sờ voi	220
7. Vô minh là cấu uế lớn nhất	222
8. Bọt nước	224
9. Có & không	226
10. Tàm và quý	228
11. Tuệ giác vô ngã	230
Tập II	232
I. Ăn uống & Sức khỏe	233
1. Ăn nhiều không tốt cho sức khỏe	234
2. Năm pháp làm gia tăng tuổi thọ	236
3. Lợi ích của kinh hành	238
4. Trăm năm trong cõi người ta	240
5. Thân bệnh nhưng tâm không bệnh	242
6. Ăn đúng giờ có năm lợi ích	244
7. Ai cũng có bệnh	246
8. Bị bệnh vẫn tu được	248
9. Bốn loại bệnh của người xuất gia	250
10. Sức mạnh	252
II. Ngủ nghỉ , thư giãn	255
1. Đêm dài lắm mộng	256

2. Thiền , Liệu pháp của giấc ngủ bình an	258
3. Ngủ ban ngày	260
4. Bốn cách nằm	262
5. Ngủ an lành	264
6. Đói ăn , mệt ngủ	266
7. Lo toan	268
III. Nam giới	271
1. Người đàn ông lý tưởng	272
2. Ba hạng con trai	274
3. Sinh con , gái hay trai đều tốt	276
4. Sự trói buộc giữa nam và nữ	278
5. Thích sinh con trai	280
IV. Phụ nữ	283
1. Người con gái trước thềm hôn nhân	284
2. Phái yếu	286
3. Dễ thương như người vợ trẻ	288
4. Phụ nữ thành công	290
5. Phước báo thiên nữ khả ái	292
6. Sức mạnh của phái yếu	294
7. Mẫu người phụ nữ được nam giới yêu thích	296
8. Người vợ lý tưởng	298
V. Cầu nguyện	301
1. Cầu nguyện	302
2. Tế đàn	304
3. Cúng linh	306
4. Thánh cầu	308
5. Ước nguyện	310
VI. An cư	313
1. An cư	314
2. Tự tứ	316
3. Thời điểm lý tưởng để nỗ lực tu hành	318
4. Xứng đáng được cúng dường	320
5. Đức Phật ăn cư không tiếp khách	322

6. Khúc gỗ	324
7. Không nên sống quá lâu tại một nơi	326
8. Chư thiên cũng luyến tiếc an cư	328
VII. Già chết	331
1. Có sinh ắt có diệt	332
2. Tuổi xế chiều	334
3. Niệm chết	336
4. Chết do tai nạn sẽ tái sinh về đâu?	338
5. Trợ duyên cho người hấp hối	340
6. Chết- một sự thật tất yếu	342
7. Chết có đáng sợ không	344
8. Cội nguồn khổ đau	346
VIII. Thuyết pháp & Nghe pháp	349
1. Ba hạng người nghe pháp	350
2. Đúng thời	352
3. Thuyết pháp phân biệt	354
4. Giáo hóa người nghèo	356
5. Du hành	358
6. Bốn hạng người nghe pháp	360
7. Bản lĩnh hoàng pháp	362
8. Nghe pháp được nhiều lợi ích	364
9. Năm đức của pháp sư	366
9. Thuyết pháp như tỷ kheo Ni Sukka	368
IX. Chư thiên & Ma quỷ	371
1. Nhân duyên phước báo làm thiên chủ	372
2. Trộm hương	374
3. Tụng kinh	376
4. Không bị phi nhân làm hại	378
5. Ngạ quỷ nghe kinh	380
6. Chư thiên cảnh giác	382
7. Không chế ngự	384
8. Ác ma xúi giục cai trị	386
9. Cô độc mà không cô đơn	388

X. Tham ái	391
1. Không bao giờ thỏa mãn	392
2. Con vượn và chiếc bẫy	394
3. Cọ cây lấy lửa	396
4. Vô lượng kiếp luân hồi	398
5. Như cá mắc câu	400
6. Trúng tên độc	402
7. Bị trúng lao	404
8. Bị trói	406
9. Cảnh giác với lợi dưỡng , cung kính	408
10. Nguy hiểm của đam mê rượu chè	410
11. Vương mắc ngũ dục	412
12. Chúng sinh	414
13. Được và mất	416
14. Nguy hiểm của đam mê cờ bạc	418
15. Đằng sau miếng mồi ngon là khổ lụy	420
XI. Sân hận	423
1. Giết giấc phiền não	424
2. Kham nhẫn	426
3. Những hạng người nóng giận	428
4. Người ác và người hiền	430
5. Phẫn nộ	432
6. Tâm người như vết thương	434
XII. Si mê	437
1. Tồn thất lớn nhất	438
2. Vực thăm	440
3. Rửa tội	442
4. Mù lòa	444
5. Trói buộc và ngăn che	446
6. Cội nguồn của bất an	448
7. Ta thương mình nhất	450
8. Nhân duyên của sự suy vong	452
Tập III	454

I. An lạc	455
1. Bốn loại an lạc	456
2. Ngày lành tháng tốt	458
3. Dục lạc và an lạc	460
4. Lợi lạc cho số đông	462
5. Vui trong tĩnh lặng	464
6. Pháp môn đưa đến an ổn	466
7. Biết đủ thường vui	468
8. Thiết lập an lạc	470
II. Bạn tốt	472
1. Xứng đáng là bạn tốt	473
2. Chọn bạn mà chơi	475
3. Cần phải nương tựa	477
4. Thân cận bạn tốt	479
5. Người bạn chân thật	481
6. Ở đâu cũng được thương mến	483
7. Được ái mộ và noi theo	485
III. Hạnh phúc	488
1. Để mãi bên nhau	489
2. Đạo nghĩa vợ chồng	491
3. Bí quyết hạnh phúc	493
4. Tồn hại gia đình	495
5. Thiết lập hạnh phúc	497
6. Báu vật ở đời	499
7. Những cặp vợ chồng	501
IV. Khổ đau	504
1. Nguồn gốc khổ đau	505
2. Giàu mà không được hưởng	507
3. Khổ đau nhiều hơn hạnh phúc	509
4. Sợ hãi và vô úy	511
5. Ác tỷ kheo	513
6. Gốc rễ của đấu tranh	515
7. Khổ vui do mình	517

8. Khổ và diệt khổ	519
9. Khổ tâm và vô tâm	521
10. Thương người bệnh khổ	523
V. Hội chúng	526
1- HOØA HỒI TAÊNG	527
2- CHUÙNG TAÊNG CỒØØNG THÒNH	529
3- SAÙU PHAÙP HOØA KÍNH	531
4- BA LOÃI HOÃI CHUÙNG	533
5- TAÊNG GIAØ THANH TÒNH	535
6- IM LAËNG HUØNG TRAÙNG	537
7- HOÃI CHUÙNG TINH HOA	539
8- TOÃN TRÕING DIEÃU PHAÙP	541
9- NAÊM HAĨNG NGỒØØI SOÁNG ÔÙ RÖØNG	543
VI. Từ bi hỷ xả	546
1. Lợi ích tu tập tâm từ	547
2. Rãi tâm từ	549
3. Từ mẫn với Phật tử	551
4. Hoan hỷ	553
5. Xả buông	555
6. An lạc và hoan hỷ	557
7. Hãy sống với tâm từ	559
VII. Nền tảng của giải thoát	562
1. Nền tảng của giải thoát	563
2. Xa và gần	565
3. Tu học phải song hành	567
4. Hình thức bên ngoài	569
5. Không thoái đọa	571
6. Hướng đến ánh sáng	573
7. Được tiếng thơm	575
8. Nội chứng bên trong	577
9. Cấp thiết phải làm ngay	579
10. Không có che dấu	581
VIII. Những điều khó ở đời	584

1. Không dễ tái sanh làm người	585
2. Khó tìm được ở đời	587
3. Không thể ước lượng	589
4. Rất khó thực hiện	591
5. Không thể nghĩ đến	593
6. Sanh làm người là khó	595
7. Dạy con nên người	597
IX. Phạt và thánh tích	600
1. Một sự xuất hiện vi diệu	601
2. Người mang hạnh phúc cho nhân loại	603
5. Sự xuất hiện của mắt lớn	605
4. Tôn giả Đại Ca Diếp	607
5. Chiêm bái thánh tích	609
6- TỒU ÑOĂNG TAÂM	611
7- DI HUAÁN SAU CUØNG	613
X. Thân nghiệp	616
1. Sát sanh - lợi bất cập hại	617
2. Quả báo của nghiệp giết	619
3. Sát sanh đọa Địa ngục	621
4. Nguy hại của lưỡi biếng	623
5. Quán thân bất tịnh	625
6. Tu tập niệm thân	627
5. Tác hại của lối sống xa hoa	629
8. Đi đêm nhiều nguy hiểm	631
9. Bỏ ác, làm lành	633
XI. Khẩu nghiệp	636
1. Nói và im lặng như pháp	637
2. Nói như hoa , như mật	639
3. Mắng nhiếc bậc thánh	641
4. Hái hoa tặng người	643
5. Nói năng cẩn trọng	645
6. Khéo nói	647
7. Lời nói và việc làm	649

8. Tạt thoại	651
9. Tán thán	653
10. Nói không lỗi lầm	655
11. Một điều nhịn , chín điều lành	657
XII. Ý nghiệp	660
1. Giữ tâm trong sạch	661
2. Tà tư duy	663
3. Tưởng điên đảo	665
4. Kiêu mạn	667
5. Nghiệp mới và cũ	669
6. Vượt qua dòng xoáy cuộc đời	671
7. Đặt tâm đúng hướng	673
8. Lắng lòng thanh tịnh	675

LỜI PHẬT DẠY
trong Kinh tạng Nikàya

QUẢNG TÁNH
biên soạn

LỜI PHẬT DẠY
trong Kinh tạng Nikàya

Tập I, II & III

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP.HỒ CHÍ MINH
2011

Lời căn bịch

*Kính bịch chư tôn đức Tăng Ni,
Thưa quý nam nữ Phật tử,*

Thoáng chốc mười năm đầu (2000-2010) của thế kỷ 21 đã trôi qua. Một thập niên với rất nhiều biến động về tâm thức và thiên nhiên, khoa học lẫn tâm linh.

Riêng đối với Phật giáo, trong thập niên này, một dấu ấn được khắc họa. Từ năm 1999, Tổ chức Liên Hiệp Quốc đã chính thức công nhận Ngày Đại lễ Vesak - rằm tháng Tư là ngày lễ hội tôn giáo và văn hóa trên toàn thế giới.

Năm Tân Mão - 2011, PL.2555, theo truyền thống Phật giáo Nam truyền, là năm kỷ niệm Đức Phật thành đạo tròn 2.600 năm. Hy vọng rằng đây sẽ là năm mang đậm dấu ấn thiêng liêng về sự minh triết, giác ngộ và giải thoát. Với niềm hoan hỷ này, chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử Ban TTXH tịnh xá Trung Tâm và các tịnh xá trực thuộc tại TP.Hồ Chí Minh phát tâm cúng dường tuyển tập "*Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikàya*" do Đại đức Quảng Tánh biên soạn, giới thiệu khái quát những lời dạy căn bản của Đức Thế Tôn về các phương thức tu tập, trau dồi Giới - Định - Tuệ. Trong lần tái bản này, trọn bộ 3 tập được in để cúng dường chư tôn đức Tăng Ni các trường hạ tại TP.Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Long An, một số tỉnh thành phía Bắc, cao nguyên Trung Bộ, miền Đông và miền Tây Nam Bộ...

Mong rằng, với những ý pháp thiết thực, dễ ứng dụng do Đức Phật chỉ dạy và những lời bình dễ hiểu trong tập sách này sẽ hỗ trợ chư tôn đức Tăng Ni hành giả an cư tăng trưởng tâm hạnh Bồ đề, hướng đến giác ngộ, giải thoát.

Nguyện đem công đức cúng dường Pháp bảo này hồi hướng đến pháp giới chúng sanh trong mười phương đều trọn thành Phật đạo.

Nam mô Hoan Hỷ Tạng Bồ tát Ma ha tát tác đại chứng minh.

TM. TỊNH XÁ TRUNG TÂM
Trụ trì
Sa môn Giác Toàn

LỜI GIỚI THIỆU

Lời Phật dạy là một tiểu mục trong chuyên mục Phật học của báo *Giác Ngộ*. Tiểu mục này được xây dựng từ năm 2003, bằng cách trích tuyển nguyên văn hoặc một phân đoạn của những kinh thuộc *Trường Bộ*, *Trung Bộ*, *Tăng Chi Bộ*, *Tương Ưng Bộ* và *Tiểu Bộ* (Kinh tạng Nikàya) đồng thời kèm theo phần Lời bàn ngắn gọn, súc tích và thiết thực.

Nội dung Kinh tạng Nikàya bao hàm nền tảng căn bản giáo lý Phật đà, rất thiết thân, gần gũi, dễ hiểu và dễ ứng dụng thực hành. Trong những năm qua, *Lời Phật dạy* đã lần lượt giới thiệu đến độc giả rất nhiều pháp thoại với nhiều đề tài khác nhau. Từ những giáo lý căn bản như Tam quy, Ngũ giới cho đến Tứ đế, Duyên khởi, Vô ngã; từ những phương thức xây dựng đời sống gia đình an vui hạnh phúc cho hàng Phật tử tại gia đến các phương pháp tu tập chuyển hóa phiền não nhằm thành tựu các Thánh vị cho hàng đệ tử xuất gia v.v... đều được *Lời Phật dạy* chuyển tải đến bạn đọc.

Với khuôn khổ nhỏ hẹp của trang báo, chắc chắn rằng nội dung của *Lời Phật dạy* chưa thể hiện được hết đầy đủ yếu nghĩa của Kinh tạng. Tuy vậy, với sự tìm tòi rất công phu trong Kinh tạng đồ sộ, trích tuyển kinh văn phù hợp với các nội dung tu tập của từng thời điểm trong năm cùng với cước chú chi tiết nguồn gốc mỗi bản kinh và nhất là phần Lời bàn giản dị mà sâu sắc của tác giả đã giúp cho tiểu mục *Lời Phật dạy*

được đồng đảo bạn đọc quan tâm, ủng hộ.

Nay, nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, học tập và thể nghiệm lời Phật dạy của bạn đọc, tác giả tiểu mục *Lời Phật dạy* tập hợp các bài viết đã đăng báo theo từng chủ đề và in thành sách *Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikàya* (tập I, II và III). Thiết nghĩ, tập sách này là hành trang cần yếu cho những ai quan tâm nghiên tầm, học tập những tinh hoa mà Đức Phật đã dạy. Với những giá trị tư tưởng, văn bản học nguyên thủy và cổ xưa nhất của Kinh tạng Nikàya, hy vọng độc giả sẽ được gọi nhần trong phạm âm vi diệu của Thế Tôn, thuở Ngài còn tại thế.

Trân trọng giới thiệu sách *Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikàya* (tập I, II & III) đến với bạn đọc xa gần.

Tổng Biên tập Báo *Giác Ngộ*

Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG

LỜI NÓI ĐẦU

Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikàya là kết tập những bài viết trong mục *Lời Phật dạy* được đăng tải hàng tuần trên báo *Giác Ngộ*. *Lời Phật dạy* được thiết lập nhằm giới thiệu những lời dạy của Thế Tôn trong Kinh tạng Nikàya một cách ngắn gọn, nguyên thủy, dễ nhận thức và thể nghiệm nhất cho độc giả.

Kinh tạng Nikàya là cả kho tàng kinh điển Phật giáo Nam tông (Pàli tạng) rất đồ sộ, hiện đã được chuyển ngữ hoàn toàn sang tiếng Việt, bao gồm Dìgha Nikàya (Trường Bộ), Majjhima Nikàya (Trung Bộ), Samyutta Nikàya (Tương Ưng Bộ), Anguttara Nikàya (Tăng Chi Bộ) và Khuddaka Nikàya (Tiểu Bộ). So với kinh điển Hán tạng thì năm bộ Nikàya chứa phải là nhiều, song với nội dung vô cùng phong phú và được xem là nguyên thủy nhất, Kinh tạng Nikàya là nền tảng căn bản của giáo điển Phật giáo.

Đọc Kinh tạng Nikàya, chúng ta như được sống trong thời đại Thế Tôn và Thánh chúng với bối cảnh xã hội Ấn Độ đương thời cách nay gần 26 thế kỷ. Thế Tôn thật minh triết mà bình dị, đi đến đâu và gặp việc gì thì tùy duyên giáo hóa nên những lời dạy của Ngài vô cùng gần gũi, thiết thân với đời sống con người thời ấy và vẫn còn nguyên giá trị cho nhân loại ngày nay.

Những bài viết trong *Lời Phật dạy* gồm hai phần, kinh văn và lời bàn. Phần kinh văn hầu hết được trích dẫn nguyên bản hay một trích đoạn của kinh hoặc nguyên đoạn kinh nhưng có tính lược những phần lặp lại cùng với xuất xứ cụ thể, chi tiết của đoạn kinh văn đó. Chúng tôi xem đây là phần quan trọng, chính yếu nhất vì đã góp phần giới thiệu đến bạn đọc nguyên văn lời vàng phát xuất từ kim khẩu Thế Tôn. Phần lời bàn, thực ra chỉ là sự giải thích sơ

lược một số từ ngữ hay ý nghĩa kinh văn hoặc là đề xuất một hướng nhận thức cùng sự liên hệ, đối chiếu với thực tế theo thiển ý của người biên soạn, là phần thứ yếu để tham khảo thêm.

Vì tất cả những *Lời Phật dạy* đều được rút ra từ Kinh tạng Nikàya nên khi tập hợp thành sách có tên *Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikàya*. Nội dung tuyển tập *Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikàya* (tập I, II và III) được sắp xếp theo từng chủ đề riêng biệt. Hy vọng rằng cách hệ thống hóa theo chủ đề sẽ tiện lợi cho việc tra cứu những lời Phật dạy về một đề tài nào đó vốn rải rác ở nhiều nơi trong Kinh tạng. Tuy nhiên, chủ đề ở đây cũng chỉ mang tính quy ước tạm thời vì có những lời Phật dạy tuy cô đọng nhưng hàm súc, bao quát ý nghĩa của nhiều vấn đề.

Về địa điểm xuất xứ của từng pháp thoại, trong kinh văn không phải lúc nào cũng ghi rõ. Gặp trường hợp các pháp thoại không trực tiếp ghi địa điểm, khi biên soạn mục Lời Phật dạy, chúng tôi phương tiện bằng cách lần ngược lại phía trước, lấy đó tái xác lập địa điểm để mỗi pháp thoại đạt được hoàn chỉnh và trang nghiêm. Việc làm này rõ ràng có tính chính xác tương đối nên nhân đây, chúng tôi xin thưa rõ để bạn đọc lưu tâm.

Bằng tất cả sự cố gắng và chân thành, *Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikàya*, tập I, II & III, đã ra mắt bạn đọc. Để có được tập sách này, ngoài nỗ lực của bản thân là sự giáo dưỡng, trợ duyên rất nhiều của các bậc thầy, pháp lữ và sự tán trợ của độc giả. Xin chân thành tri ân và ngưỡng mong chư tôn đức cùng bạn đọc hằng soi sáng, chỉ giáo thêm.

Người biên soạn

QUẢNG TÁNH

**Lời Phật dạy
trong Kinh tạng Nikàya**

Tập I

I. LÒNG TIN

1- LỢI ÍCH CỦA LÒNG TIN

Một thời Thế Tôn ở Vesàli, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có năm lợi ích này cho thiện nam tử có lòng tin. Thế nào là năm?

Các Thiện nhân, các Chân nhân, trước hết có lòng thương tưởng đến các vị có lòng tin, không có như vậy đối với các vị không có lòng tin.

Khi đến thăm, trước hết họ đến thăm những vị có lòng tin, không có như vậy đối với những vị không có lòng tin.

Khi chấp nhận thọ thực, họ chấp nhận trước hết những vị có lòng tin, không có như vậy đối với những vị không có lòng tin.

Họ thuyết pháp trước hết cho những người có lòng tin, không cho những người không có lòng tin.

Người có lòng tin, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên cõi lành, cõi trời.

Những pháp này, này các Tỷ kheo, là năm lợi ích cho thiện nam tử có lòng tin.

Ví như, này các Tỷ kheo, trên khoảnh đất tốt, tại ngã tư đường, có cây bàng to lớn là chỗ nương tựa cho các loài chim. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, các thiện nam tử có lòng tin là chỗ nương tựa cho quần chúng, cho các Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, cho nam cư sĩ và nữ cư sĩ.

(ĐTKVN^(*), *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Sumana, phần Sự lợi ích lòng tin, VNCPHVN^(**) ấn hành 1996, tr.369)

LỜI BÀN:

Lòng tin, theo Phật giáo phải là chánh tín, tịnh tín tức niềm tin sau khi đã được kiểm chứng bởi trí tuệ. Niềm tin mà hời hợt, mơ

hồ và dễ dãi đồng thời thiếu hiểu biết về nó chính là mê tín. Vì thế, đã tin thì phải hiểu và hiểu để củng cố, tăng trưởng niềm tin là điều không thể thiếu đối với chánh tín Phật giáo.

Trước hết, hàng Phật tử phải thiết lập được niềm tịnh tín đối với Tam bảo. Bởi chỉ có ánh sáng của Tam bảo mới đủ năng lực xua tan bóng tối của vô minh, đập tắt tham ái và đoạn tận khổ đau. Đỉnh cao của lòng tin là tín tâm, tin tưởng tuyệt đối vào bản tâm thanh tịnh, tự tánh giác ngộ hằng hữu nơi chính bản thân mình. Từ đó nỗ lực tu tập làm hiển lộ chơn tâm sáng suốt, thể nhập chân lý.

Khi đã có lòng tin, người cư sĩ được năm lợi ích. Đó là: được chư tôn thiên đức thương tưởng, thăm viếng, đến nhà thọ trai, thuyết pháp và khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời. Đặc biệt, chính niềm tịnh tín là “chỗ nương tựa cho quần chúng, cho các Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, cho nam cư sĩ và cho nữ cư sĩ”.

Đức tin là mẹ của tất cả công đức, là nền tảng để phát sanh mọi thiện pháp. Vì vậy, nếu chưa có lòng tin thì phải thiết lập, khi đã phát khởi được tịnh tín rồi thì củng cố và trau dồi để niềm tin thêm kiên cố. Chánh tín và tịnh tín Tam bảo là một trong những vấn đề quan yếu mà mỗi người con Phật phải thành tựu để làm cơ sở cho việc tu học, lợi mình và lợi người. Trong bối cảnh khủng hoảng về niềm tin, hoài nghi các giá trị đạo đức, chạy theo thực dụng như hiện nay thì hơn lúc nào hết hàng Phật tử phải tin sâu lời Phật dạy để sống hướng thiện, vị tha, an vui và giải thoát, đồng thời góp phần bảo lưu, gìn giữ những chuẩn mực đạo đức, văn hóa truyền thống của dân tộc. ▀

(*) Đại tạng kinh Việt Nam

(**) Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

2- BIỂU HIỆN CỦA LÒNG TIN

Một thời Thế Tôn trú tại Gomagga, trong khu rừng Simsapà, dạy các Tỷ kheo:

Do ba sự kiện này, này các Tỷ kheo, một người được biết là có lòng tin. Thế nào là ba?

Ưa thấy người có giới hạnh; ưa nghe diệu pháp; với tâm ly cấu uế xan tham, sống trong nhà, bố thí rộng rãi với bàn tay sạch sẽ, thích thú sự từ bỏ, sẵn sàng khi được yêu cầu, thích phân phát vật bố thí.

Do ba sự kiện này, này các Tỷ kheo, một người được biết là có lòng tin.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Nhỏ, phần Sự kiện, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.268)

LỜI BÀN:

Lòng tin, niềm tịnh tín Tam bảo là nhân tố quan trọng cần phải thành tựu để làm nền tảng cho sự tu tập, hướng thiện. Niềm tin vốn tiềm ẩn trong lòng với các phương diện rộng hẹp và mức độ sâu cạn khác nhau. Vì thế, dựa vào những biểu hiện tu học trong cuộc sống hàng ngày, mỗi người có thể kiểm nghiệm lại niềm tin của chính mình hoặc có thể đánh giá niềm tin của người khác.

Trước hết, biểu hiện cụ thể của lòng tin là tôn trọng và thực hành các chuẩn mực, giá trị đạo đức. Khi một người hâm mộ, ca ngợi và kính ngưỡng người có giới hạnh (đạo đức), chứng tỏ người ấy đang hướng thiện, mong muốn làm bạn với thiện, sợ hãi những điều ác, tin sâu nhân quả. Sự thân cận, quý kính các bậc chân tu, luôn quan tâm đến vấn đề “người tốt, việc tốt” trong xã hội để học tập, noi gương là biểu hiện của người có lòng tin.

Niềm tin của những người con Phật, theo tuệ giác của Thế Tôn,

luôn song hành với hiểu biết. Muốn tin sâu, tin chắc phải hiểu rõ giáo pháp, mở mắt ra để thấy rõ rồi tin mới là chánh tín, tịnh tín. Do vậy, thích thú nghiên tẩm kinh điển, say mê học hỏi giáo pháp nhằm hiểu biết sâu sắc hơn lời Phật dạy và ứng dụng vào cuộc sống để được những lợi ích, an vui là biểu hiện thứ hai của lòng tin.

Khi đã hiểu rõ diệu pháp, thấy được sự mong manh của kiếp người, cuộc đời nên nguyện không nắm giữ, chấp thủ và xả ly. Bố thí, cho, buông bỏ, xả... hết thảy một cách hoan hỷ, tự nhiên vì thấy rõ chẳng có gì xứng đáng để nắm giữ. Sống là cho, là phụng hiến chính là minh triết cao cả và thánh thiện của những tâm hồn tịnh tín. Chỉ những ai thành tựu được niềm tin bất động vào Tam bảo mới làm được điều thí xả trọn vẹn này.

Thì ra, niềm tin tuy ở trong lòng nhưng cũng dễ thấy qua những biểu hiện, hành xử trong cuộc sống. Và quan trọng hơn, thành tựu được niềm tin cũng chính là thành tựu tuệ giác. Chính vì vậy, kinh *Hoa Nghiêm* nói: “Niềm tin là mẹ của các công đức”.▲

3- CHÁNH TÍN

Một thời Thế Tôn du hành giữa dân chúng Kosala, tại thị trấn của người Kàlà mà, ở Kesaputta. Rồi các người Kàlà mà đi đến đánh lễ, ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn:

Có một số Sa môn, Bà la môn, bạch Thế Tôn, đi đến Kesaputta. Họ làm sáng tỏ và làm chói sáng quan điểm của mình nhưng họ lại bài xích, khinh miệt, chê bai và xuyên tạc quan điểm của người khác. Chúng con có những nghi ngờ và phân vân trong những vị này, ai nói sự thật, ai nói sai sự thật?

Này các Kàlà mà, chớ vội tin vì nghe truyền thuyết, chớ vội tin vì theo truyền thống, chớ vội tin vì được kinh điển truyền tụng, chớ vội tin vì lý luận siêu hình, chớ vội tin vì đúng theo một lập trường, chớ vội tin vì phù hợp với định kiến, chớ vội tin vì xuất phát từ nơi có uy quyền và chớ vội tin vì vị Sa môn nói ra những lời ấy là bậc đạo sư của mình.

Này Kàlà mà, khi nào tự mình biết rõ như sau: Các pháp này là bất thiện, là tội lỗi; các pháp này bị những người có trí chỉ trích; các pháp này nếu chấp nhận và thực hiện đưa đến bất hạnh và khổ đau, thì này Kàlà mà, hãy từ bỏ chúng.

Này Kàlà mà, khi nào tự mình biết rõ như sau: Các pháp này là thiện, là không có tội lỗi; các pháp này được những người có trí tán thán; các pháp này nếu chấp nhận và thực hiện đưa đến hạnh phúc và an lạc, thì này Kàlà mà, hãy chứng đạt và an trú.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Lớn, phần Các vị ở Kesaputta, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.336)

LỜI BÀN:

Thói thường của con người là phạm cái gì vốn của ta, có liên hệ đến ta thì bao giờ cũng tối thắng. Bóng đen của tự ngã luôn bao

trùm, che lấp làm chướng ngại sự thể nhập chân lý đồng thời là cội nguồn dẫn đến mọi khổ đau. Vì thế, nỗ lực để làm sáng tỏ quan điểm, lập trường của mình nhằm phát huy cái ta và cái của ta là chuyện bình thường vốn dĩ của thế gian. Tuy nhiên, song hành với việc bảo vệ quan điểm của mình là hành vi lên án, bài xích và khinh miệt quan điểm của người khác, nhất là những quan điểm tiến bộ là một điều tệ hại; biểu hiện rõ nét của chấp ngã, cuồng tín và vô minh.

Theo tuệ giác Thế Tôn, đối với mọi quan điểm, tư tưởng nên thận trọng, chớ vội tin, cần hoài nghi và xét lại tất cả. Dù nghi ngờ là một trong những phiền não làm chướng ngại thánh đạo nhưng trong nhận thức, hoài nghi là một biểu hiện của trí tuệ vì “đại nghi tức đại ngộ”. Sau hoài nghi mới đi đến niềm tin vững chắc là lộ trình của chánh tín và tịnh tín của những người con Phật. Nếu không được nghi, không được xét lại, chỉ nhắm mắt tin theo thì niềm tin ấy chỉ là mê tín, vô cùng ngậy dại và tăm tối.

Trong quan điểm của mình, Thế Tôn chưa bao giờ phán quyết rồi bắt buộc mọi người phải cúi đầu tin theo đồng thời luôn cho phép và khuyến khích hàng đệ tử đem ra thảo luận, bàn bạc những lời dạy của Ngài. Niềm tin về giáo pháp của hàng đệ tử được thành tựu sau khi quán sát, tư duy và chiêm nghiệm. Đặc biệt là khi rõ biết về điều đó là thiện, không có tội lỗi, thực hành đem đến hạnh phúc, an vui và nhất là trên bình diện nhận thức được những người trí chấp nhận thì hãy tin theo, chúng đạt và an trú, nếu ngược lại thì dứt khoát từ bỏ.

Niềm tin phải đi liền với trí tuệ mới là chánh tín. Cho nên người con Phật không vội tin bất cứ điều gì, họ chỉ tin sau khi thực hành và điều đó mang đến hạnh phúc, an vui cho mình và người, trong hiện tại và mai sau.▀

4- LÒNG TIN LÀ TÀI SẢN TỐI THƯỢNG

Một thời Thế Tôn trú ở Àlavi, tại trú xứ của Dạ xoa Alavakka. Rồi Dạ xoa đi đến và nói với Thế Tôn:

Này Sa môn, ta sẽ hỏi ông một câu. Nếu ông không trả lời ta được, ta sẽ làm tâm ông điên loạn, hay ta sẽ làm ông bể tim, hay nắm lấy chân, ta sẽ quăng ông qua bờ bên kia sông Hằng.

Này Hiền giả, Ta không thấy một ai ở chư Thiên, Ma giới, Phạm thiên hay với chúng Sa môn, Bà la môn và loài người có thể làm tâm Ta điên loạn hay làm bể tim Ta, hay nắm lấy chân quăng Ta qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, hãy hỏi đi, nếu ông muốn.

Này Sa môn: “Cái gì đối với người, là tài sản tối thượng? Cái gì khéo hành trì, đem lại chơn an lạc? Cái gì giữa các vị, là vị ngọt tối thượng? Phải sống như thế nào, được gọi sống tối thượng?”.

Này Hiền giả: “Lòng tin đối với người, là tài sản tối thượng. Chánh pháp khéo hành trì, đem lại chơn an lạc. Chân lý giữa các vị, là vị ngọt tối thượng. Phải sống với trí tuệ, được gọi là sống tối thượng”.

(ĐTKVN, *Tương Ưng I*, chương 10, phần Àlavi, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.471)

LỜI BÀN:

Con người sống trên đời thường mong ước có được nhiều thứ như tài sản, danh vọng, hạnh phúc v.v... Thế nhưng, khi được hỏi trong những thứ ấy cái nào là tối thượng thì đa phần đều lúng túng vì mong ước của con người vốn vô hạn, không có điểm dừng. Đa phần, với những ai chín chắn và bình tâm thì trả lời một cách nôm na rằng: Những gì đáp ứng được nhu cầu cần thiết nhất

trong hiện tại là tối thượng.

Dạ xoa Alavakka cũng sở hữu được nhiều thứ nhưng vẫn chưa thỏa mãn tham vọng và kiêu căng vốn dĩ của mình, giận dữ vì không biết cái gì là tối thượng để sở hữu, manh tâm chiếm đoạt.

Trong các thứ tài sản, theo tuệ giác Thế Tôn, thì lòng tin là tối thượng. Quan niệm này kể ra cũng lạ nhưng nếu lắng lòng chiêm nghiệm lời Phật thì trực nhận rằng tài sản chỉ là cái đến sau, là kết quả của lòng tin. Bởi “đức tin là mẹ của các công đức”, có lòng tin thì có được tất cả.

Làm gì để được an vui lâu dài cũng là một vấn nạn lớn? Vì niềm vui mà con người có được thì khá nhiều nhưng tất cả đều tạm bợ, qua nhanh đồng thời niềm vui ấy rất khó tìm nhưng dễ mất. Với Thế Tôn, chỉ có thực hành Chánh pháp mới có được hạnh phúc lâu dài.

Vị ngọt của cuộc đời cũng rất nhiều nhưng đa phần đều tựa như chút mật dính trên lưỡi dao, người tham chút mật ngọt ấy sẽ khó tránh được tai họa đứt lưỡi. Đằng sau cái hương vị ngọt ngào ấy luôn là cạm bẫy và hiểm nguy rình rập. Cũng vì chạy theo vị ngọt của cuộc đời mà không ít người thân bại, danh liệt thậm chí tán thân, thất mạng. Ngược lại, hạnh phúc của chúng nghiệm chân lý tức giải thoát và giác ngộ thì vĩnh cửu, an lành nên được gọi là vị ngọt tối thượng.

Để có được một đời sống đúng nghĩa thì chỉ có sống với trí tuệ và minh triết. Vì lẽ, nếu thiếu vắng trí tuệ thì không thể gọi là đời sống cao, văn minh dù vật chất đầy đủ. Mặt khác, chỉ có trí tuệ mới đủ năng lực chế ngự khổ đau, phá tan tà kiến, đạt được tự chủ và tự tại.

Vì vậy, mỗi người con Phật phải nhận ra chân giá trị của cuộc sống để có lòng tin, thực hành Chánh pháp, phát huy trí tuệ và chúng nghiệm giải thoát. ▀

5- CHỈ TIN MỘT NGƯỜI

Một thời Thế Tôn ở Kimbilà, tại Veluvana, dạy các Tỷ kheo:

Có năm nguy hại này, này các Tỷ kheo, trong lòng tịnh tín đối với một người. Thế nào là năm?

Này các Tỷ kheo, người nào được một người tịnh tín, rồi người ấy phạm lỗi và chúng Tăng tùy theo lỗi đã phạm ngưng chúc người ấy, bắt người ấy xuống ngồi cuối. Lại nữa, người nào được một người tịnh tín, rồi người ấy đi đến nơi khác hoặc người ấy bị loạn tâm hay người ấy bị mạng chung.

Người này suy nghĩ: “Người mà ta ái mộ, ưa thích, nay người ấy bị chúng Tăng ngưng chúc, bị bắt xuống ngồi cuối; nay người ấy đã đi xa, bị loạn tâm, bị mạng chung” và người này không còn tịnh tín với các Tỷ kheo. Do không còn liên hệ với các Tỷ kheo khác, người này không nghe diệu pháp, do không nghe diệu pháp nên người này thối đọa khỏi Chánh pháp.

Này các Tỷ kheo, đây là năm nguy hại đối với việc chỉ tịnh tín đối với một người.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Ác hành, phần Tịnh tín đối với một người [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.745)

LỜI BÀN:

Đức tin vào Tam bảo, nhất là tin Tăng được xem là một yếu tố quan trọng của niềm tịnh tín, làm tăng trưởng phước báo và thăng hoa tinh thần của tự thân. Tăng là một đoàn thể thanh tịnh và hòa hợp, tin Tăng đúng nghĩa là gửi trọn niềm tin vào đoàn thể ấy. Dựa trên niềm tin Tăng bảo, một Phật tử có thể thân cận, gần

gũi để được hướng dẫn và tu học với một vị xuất gia. Thế nhưng chỉ tin vào một vị Tăng duy nhất và gần như phớt lờ với Tăng già, đó là điều nguy hại.

Cộng đồng xuất gia ngày nay chưa thể gọi là rất ráo thanh tịnh, bởi một số vị chưa làm tròn bổn phận xuất gia của mình. Sự thật này tuy ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín của chư Tăng nói chung nhưng đó là việc cá nhân, không hề liên hệ đến bản thể Tăng già vốn thanh tịnh và hòa hợp. Cũng chính vì thế mà hiện tồn tại hiện tượng một số người (có thể chưa hiểu sâu sắc về giáo lý hay do sự hướng dẫn thiên kiến của thầy mình) chỉ tin vào một người duy nhất là thầy của tôi, sư phụ của tôi, chân sư của tôi... và đánh mất niềm tin Tăng già.

Cách tin này dễ rơi vào sự sùng kính thái quá đến mê muội, khó tránh khỏi chấp thủ cho người tin và làm tăng tự mãn đối với người được kính tin. Theo tuệ giác của Thế Tôn, đó là những nguy hại. Bởi khi chỉ đặt niềm tin vào một người, rồi người ấy chẳng may thăng trầm, suy thịnh theo lẽ vô thường, dẫn đến chao đảo, hụt hẫng, mất nơi nương tựa tinh thần và thối đọa trong Chánh pháp.

Vì thế, người con Phật phải xây dựng niềm tin, sự kính trọng vào Tăng bảo. Thầy của mình chỉ là một chiếc lá của cây Tăng, một tế bào của cơ thể Tăng. Cây Tăng luôn to lớn, cành lá xum xuê, gốc rễ bền chặt. Chiếc lá có thể vàng úa và rụng rơi nhưng đại thọ kia thì luôn vững chãi. Bỏ quên cây lớn để nắm bắt chiếc lá là một thiệt thòi, lầm tưởng chiếc lá là đại thọ lại càng đáng thương hơn. Và đây cũng là điều mà hàng sơ học cần suy tư để thành tựu niềm tịnh tín Tăng bảo. ▀

II. BỐ THÍ & CÚNG DƯỜNG

1- PHƯỚC BÁO THÙ THẮNG CỦA BỐ THÍ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Sumanà, con gái vua cùng năm trăm thiếu nữ hộ tống, đi đến đánh lễ và bạch Thế Tôn:

Ở đây, bạch Thế Tôn, có hai đệ tử của Thế Tôn đồng đẳng về tín, đồng đẳng về giới, đồng đẳng về tuệ, một có bố thí, một không bố thí. Sau khi thân hoại mạng chung, cả hai vị ấy được sanh lên cõi trời hoặc sanh lại cõi người thì giữa hai vị ấy, có sự đặc thù gì, có sự sai khác gì?

Có sự sai biệt, này Sumanà!

Người có bố thí, khi được làm một vị trời hoặc được làm người đều vượt qua người không bố thí trên năm phương diện. Đó là thọ mạng, nhan sắc, an lạc, danh xưng và tăng thượng. Người có bố thí, này Sumanà, khi được làm vị trời hoặc được làm người đều vượt qua người không bố thí về năm phương diện này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Sumanà, phần Con gái vua, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.351)

LỜI BÀN:

Trong cuộc sống thường xảy ra trường hợp cùng một công việc, cùng một thời điểm và những người thực hiện công việc ấy vốn có tài sức ngang ngửa nhau, thế nhưng có người thành công rực rỡ và có người lại thành công rất khiêm tốn, thậm chí thất bại. Đối với những người không thành công, đa phần tự an ủi mình bằng lập luận ta chưa tới thời hoặc ca cẩm rằng “mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên”. Ít ai ngờ rằng, nhân tố tiềm ẩn chi phối sự thành công hay thất bại của mỗi người chính là phước báo của

chính họ, do tu tập bố thí trong quá khứ và ngay trong hiện tại.

Theo tuệ giác Thế Tôn, nếu hai người tu tập với niềm tịnh tín Tam bảo, giới đức và trí tuệ ngang nhau nhưng có sự chênh lệch về công hạnh bố thí thì tất nhiên người tu tập về bố thí nhiều hơn sẽ gạt hái những phước báo, vượt thắng rất xa người ít hoặc không tu tập về bố thí. Sự vượt thắng này xảy ra trên năm phương diện thọ mạng, nhan sắc, an lạc, danh xưng và tăng thượng. Vì thế, người Phật tử tu tập giới-định-tuệ phải song hành và phát huy hơn nữa công hạnh bố thí. Đỉnh cao của bố thí là Bố thí Ba la mật, bình đẳng, vô điều kiện và vô ngã. Tu tập bố thí sẽ góp phần thiết thực đem lại hạnh phúc, an vui cho tha nhân và để trang nghiêm phước báo của tự thân.

Phước báo sống thọ và khỏe mạnh, nhan sắc dễ nhìn và khả ái, đời sống an vui, có danh phận rõ ràng, mọi điều vốn tốt đẹp lại càng tốt đẹp thêm (tăng thượng) là mơ ước của mọi người. Do vậy, người con Phật sống và tu tập theo lời Phật dạy luôn thực hành bố thí và cúng dường để đời sống hiện tại và mai sau được hạnh phúc, an lạc như ý.▲

2- BỐ THÍ & CÚNG DƯỜNG NHƯ PHÁP

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, mẹ của Nanda, nữ gia chủ người Velukandaki làm một thí vật gồm có sáu phần cúng dường chúng Tăng. Bấy giờ, Thế Tôn với thiên nhân thuần tịnh siêu nhiên thấy mẹ của Nanda làm một thí vật gồm có sáu phần liền bảo các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có ba phần thuộc về người bố thí và có ba phần thuộc về người nhận vật phẩm bố thí. Thế nào là ba phần thuộc về người bố thí? Này các Tỷ kheo, người bố thí, trước khi bố thí, ý được vui lòng; trong khi bố thí, tâm được tịnh tín; sau khi bố thí, cảm thấy hoan hỷ. Đây là ba phần của người bố thí. Thế nào là ba phần của người nhận phẩm vật bố thí? Ở đây, này các Tỷ kheo, những người nhận phẩm vật bố thí, đã được ly tham hay đang thực hành hạnh ly tham; đã được ly sân hay đang thực hành hạnh ly sân; đã được ly si hay đang thực hành hạnh ly si. Đây là ba phần của người nhận phẩm vật bố thí. Như vậy, này các Tỷ kheo, đây là thí vật có sáu phần.

Này các Tỷ kheo, công đức của thí vật sáu phần thật vô lượng: “Là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện, món ăn an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thực, dẫn đến cõi Trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, hạnh phúc và an lạc”.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, phẩm Chư thiên, phần Bố thí, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.91)

LỜI BÀN:

Bố thí và cúng dường là pháp tu phổ biến của hàng Phật tử. Tuy nhiên, để đạt được sự bố thí và cúng dường đúng như pháp là

việc không phải dễ dàng đối với người thí và cả người thọ thí.

Người thí chủ thực hành bố thí và cúng dường trước hết phải xuất phát từ sự hân hoan, hoàn toàn tự giác và tự nguyện. Phát tâm bố thí và cúng dường phải đứng trên nền tảng tịnh tín. Bởi lẽ, nếu thiếu tịnh tín thì việc làm cao cả ấy sẽ lệch hướng, chỉ nuôi lớn lòng ngã mạn vì thấy rằng ta là kẻ ban ơn. Vì “của cho không bằng cách cho”, do vậy chưa hẳn nhiều tiền của mà thực hành được tịnh thí. Mặt khác, tu tập bố thí và cúng dường phải thành tựu hoan hỷ, vui vẻ khi đem niềm vui đến cho người. Đây là ba yếu tố cơ bản người thí chủ cần tu tập để đạt được sự bố thí và cúng dường như pháp.

Đối với chúng Tăng, những người thọ thí, lại càng phải nỗ lực để hoàn thiện tự thân hơn vì bao giờ “cửa biếu là cửa lo, cửa cho là cửa nợ”. Nếu không trau giồi, tu sửa thân tâm, đoạn trừ phiền não thì “tín thí nan tiêu”. Sự thọ nhận càng nhiều chỉ mang nợ đàn na thí chủ càng lớn nếu không tạo ra công đức để hồi hướng cho thí chủ. Vì vậy, song hành với tịnh thí của người thí chủ thì người thọ nhận phẩm vật bố thí, cúng dường phải đạt được sự tịnh thọ, tức sự thọ nhận với tâm thanh tịnh, tâm của người nhận đã và đang đoạn tận tham lam, sân hận và si mê.

Do đó, để việc bố thí và cúng dường như pháp, đạt được lợi ích lớn, công đức vô lượng thì người thí chủ và người thọ thí phải thành tựu “thí vật có sáu phần” như lời Đức Phật đã dạy.▲

3- TƯƠNG QUAN GIỮA CHO VÀ NHẬN

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại giảng đường có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến trú xứ của gia chủ Ugga, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Gia chủ Ugga đi đến đánh lễ, ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, con nghe như sau từ miệng Thế Tôn: “Ai cho vật khả ý thì nhận được điều khả ý”. Vì thế, con có nấu cháo từ hoa cây sàla và rất nhiều loại món ăn thật là khả ý; con có nhiều loại vải dệt từ Kàsi thật là khả ý. Mong Thế Tôn hãy nhận lấy vì lòng từ ái đối với chúng con.

Thế Tôn nhận lời và nói với Ugga bài kệ tùy hỷ này: “Ai cho vật khả ý, nhận được điều khả ý, đối với bậc Chánh trực, vui lòng đem bố thí, vải mặc và giường nằm, ăn uống các vật dụng, biết được bậc La hán, được ví là phước điền, nên các bậc Chân nhân, thí những vật khó thí, được từ bỏ giải thoát, không làm tâm đắm trước, người thí vật khả ý, nhận được điều khả ý”.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Vua Munda, phần Cho các vật khả ý, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.382)

LỜI BÀN:

Cho người thực ra đó là cho mình là một nhận thức quen thuộc của những người con Phật. Vì thế, ngoài tấm lòng từ bi bao dung, độ lượng đối với tha nhân, người Phật tử thực hành bố thí với mục đích nhằm vun bồi phước báo cho chính mình.

Thi ân, sẵn sàng cho đi mà không cầu đền đáp là một phạm trù vốn rất xa lạ và khó làm đối với những người vị kỷ, keo kiệt. Càng

khó khăn hơn đối với họ khi phải cho những vật khả ý, tức những vật mà mình yêu thích. Đa phần, những đồ vật đem cho thường là những vật thừa thãi, vô dụng nhưng “xả” được như vậy đối với họ cũng là quý hóa lắm rồi.

Người Phật tử thì không như vậy, cho người là một nhiệm vụ, một nghĩa cử thiêng liêng. Vì thế, họ sẵn sàng ban tặng những gì mà chúng sanh cần, kể cả những vật khả ý thậm chí dâng hiến cả thân mạng vốn là một tài sản bất khả xâm phạm. Cho những gì mình thích, mình trân quý mới thực sự là cách cho trọn vẹn và khó làm nhất.

Để đạt được cách cho cao cả như vậy không phải người nào cũng làm được mà phải có trí tuệ, thấu hiểu bản chất của cuộc đời là vô thường và vô ngã. Chính tuệ giác vô ngã đã soi sáng cho hành động bố thí thông thường tiến dần đến Bố thí Ba la mật, một sự ban tặng mà vô cầu, vô điều kiện và vô phân biệt.

Tuy vô cầu, vô điều kiện và vô phân biệt trong khi cho nhưng phước báo của người cho vẫn tròn đủ. Nhân quả trong bố thí rất bình đẳng và đạt đến đỉnh cao nếu người tu tập bố thí đạt đến trình độ Bố thí Ba la mật. Vì vậy, hãy cho tất cả để có được tất cả là lý tưởng, phương châm sống của người con Phật.▲

4- BỐ THÍ VỚI TÂM RỘNG LỚN

Một thời, Thế Tôn ở Campà, trên bờ hồ Gaggara. Bấy giờ có nhiều cư sĩ ở Campà cùng Tôn giả Sàriputta đi đến đánh lễ, bạch Thế Tôn:

Có thể, bạch Thế Tôn, ở đây có hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn. Nhưng bạch Thế Tôn, ở đây có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn.

Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì có hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn và do nhân gì, do duyên gì có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn?

Ở đây, này Sàriputta, có người bố thí với tâm mong cầu, bố thí với tâm trói buộc (về kết quả), bố thí với ý nghĩ “tôi sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau”. Vị ấy bố thí như vậy, khi thân hoại mạng chung được cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Tứ Thiên Vương. Khi nghiệp lực được đoạn tận, thần lực, danh tiếng và uy quyền đoạn tận thì trở lui trạng thái này.

Nhưng ở đây, này Sàriputta, có người bố thí với tâm không mong cầu, bố thí với tâm không trói buộc, bố thí không với ý nghĩ “ta sẽ hưởng thọ cái này ở đời sau”, chỉ bố thí với ý nghĩ “lành thay sự bố thí”. Vị ấy bố thí để trang nghiêm tâm. Do bố thí như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Phạm Chúng. Khi nghiệp lực đoạn tận, thần lực, danh tiếng và uy quyền đoạn tận, vị ấy trở thành vị Bất lai, không trở lui trạng thái này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 7, phẩm Tế đàn, phần Bố thí, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.355)

LỜI BÀN:

Bố thí là một pháp tu quan trọng, phổ biến, dễ thực hành đối với hàng Phật tử nhằm cải thiện và tăng thượng phước báo cho tự thân. Bố thí có nhiều chủng loại, pháp thức, mục đích và tâm nguyện khác nhau. Do vậy, cùng tu tập về bố thí nhưng tùy mục đích và tâm nguyện của mỗi người mà có kết quả, phước báo sai biệt.

Điều mà ai cũng biết là bố thí sẽ mang lại phước báo tốt lành trong hiện tại và mai sau. Tuy nhiên, ngoài việc mong cầu phước báo, bố thí còn là một hình thức của tu tập về xả, nhằm đoạn tận chấp thủ và đạt đến ly tham. Do vậy, hành giả tu tập bố thí phải nỗ lực để vươn tới đỉnh cao Bố thí Ba la mật. Bố thí Ba la mật là một hình thức bố thí siêu việt chủ thể và đối tượng. Ở đây, hoàn toàn vắng mặt tác ý phân biệt về người cho, người được cho và cái đem cho đồng thời siêu việt cả kết quả, nhờ đó công đức trở thành vô lượng.

Theo tuệ giác Thế Tôn, nếu bố thí với hữu tâm, có điều kiện thì gặt được phước báo hữu hạn. Đó là phước báo đầy đủ, sung mãn của cõi trời Tứ Thiên Vương, thuộc Dục giới. Nhưng nếu bố thí vô tâm, không điều kiện, chỉ “lành thay, sự bố thí” thì được sanh vào Phạm Chúng thiên, thuộc Sắc giới. Và điều đáng lưu tâm ở đây là khi hết phước báo ở cõi trời thì người bố thí hữu tâm sanh lại cõi người, trong khi đó người bố thí vô tâm sẽ chứng đắc Đệ tam Thánh quả A na hàm, trở thành vị Bất lai, không còn đọa lạc.

Vì thế, tu tập bố thí muốn đạt được lợi ích lớn và kết quả lớn thì tâm phải rộng lớn, không mong cầu, không trói buộc, vô tâm; bởi chỉ có vô tâm mới đạt được công đức, phước báo vô lượng. ▀

5- CỘI PHƯỚC

Một thời, Thế Tôn trú tại Gomagga, trong khu rừng Simsapà, dạy các Tỷ kheo:

Do sự có mặt của ba pháp, này các Tỷ kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước. Thế nào là ba?

Do sự có mặt của lòng tin, này các Tỷ kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước. Do sự có mặt của vật bố thí, này các Tỷ kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước. Do sự có mặt của các vị xứng đáng cúng dường, này các Tỷ kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước.

Do sự có mặt của ba pháp này, này các Tỷ kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Nhỏ, phần Sự có mặt, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.268)

LỜI BÀN:

Vô phước thì vô phần là quan niệm phổ biến trong dân gian. Những ai từng trải nghiệm trong đời hẳn thấy rõ tầm quan trọng của phước báo, bởi lẽ dù cho tài trí đến mấy mà thiếu phước thì chưa chắc đã thành công. Phước báo của mỗi người giống như cây cối có gốc rễ, thân cành và hoa trái. Vì thế cây phước cần phải tưới tắm, chăm bón và vun trồng thì mới tốt tươi và trổ quả phước thơm ngọt.

Lòng tin là cội rễ của cây phước, giúp nó vững chãi trước mọi giông tố cuộc đời. Chánh tín là tin nhân quả-nghiệp báo, tin chắc những việc làm, lời nói và suy nghĩ của mình trong hiện tại sẽ có hiệu ứng trong tương lai, hoặc xa hoặc gần, hoặc tốt hoặc xấu tùy theo nghiệp nhân hiện tại. Tin tưởng sâu sắc vào Tam bảo, vì Tam

bảo sẽ soi sáng cho đời mình thăng hoa theo hướng thiện lành. Chính lòng tin này là gốc rễ của phước báo, nền tảng cho con người làm lành, tạo phước và từ bỏ, tránh xa những điều xấu ác. Cây phước lớn dần lên nhờ bố thí, cúng dường. Luôn mở rộng vòng tay đối với người nghèo khổ và cung kính phụng hiến những bậc trưởng thượng, cao đức. Thương kính luôn được biểu hiện gắn liền với ban tặng, phụng cúng. Chính những việc làm cụ thể này sẽ vun bồi cội phước, trưởng dưỡng thân cành, hoa trái phước đức tươi tốt xum xuê.

Quan trọng hơn là việc bố thí đúng đối tượng, cúng dường cho người xứng đáng có đầy đủ giới đức. Như cây được chăm sóc đúng mức cùng với điều kiện thời tiết thuận lợi sẽ lớn mạnh thêm và chắc chắn trĩu quả. Cũng vậy, cây phước nếu được vun trồng đúng thời, đúng việc và đúng đối tượng sẽ cho quả phước như ý.

“Có phước có đức thì mặc sức mà hưởng” đã khẳng định tầm quan trọng của phước báo. Do vậy, vun trồng cội phước với đầy đủ ba phương diện lòng tin, vật bố thí và người nhận xứng đáng là một pháp tu, điều không thể thiếu trong hành trang tu học của những người con Phật.▲

6- BỐ THÍ THANH TỊNH

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambi, Ngài cho gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có bốn thanh tịnh thí vật này. Thế nào là bốn?

Có bố thí, này các Tỷ kheo, thanh tịnh từ người cho, không thanh tịnh từ người nhận; có bố thí thanh tịnh từ người nhận, không thanh tịnh từ người cho; có bố thí không thanh tịnh từ người cho cũng không thanh tịnh từ người nhận; có bố thí thanh tịnh từ người cho cũng thanh tịnh từ người nhận.

Ở đây, này các Tỷ kheo, người cho có giới, theo thiện pháp còn người nhận là ác giới, theo ác pháp. Như vậy là bố thí thanh tịnh từ người cho, không thanh tịnh từ người nhận.

Này các Tỷ kheo, ở đây, người bố thí ác giới, theo ác pháp còn người nhận có giới, theo thiện pháp. Như vậy là bố thí người nhận thanh tịnh, người cho không thanh tịnh.

Ở đây, này các Tỷ kheo, người cho là ác giới, theo ác pháp và người nhận cũng là ác giới, theo ác pháp. Như vậy là bố thí, người cho không thanh tịnh và người nhận cũng không thanh tịnh.

Này các Tỷ kheo, ở đây, người bố thí có giới, theo thiện pháp và người nhận cũng có giới, theo thiện pháp. Như vậy là bố thí người cho thanh tịnh và người nhận cũng thanh tịnh.

Này các Tỷ kheo, có bốn thanh tịnh thí vật này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương IV, phẩm Không hý luận, phần Thanh tịnh thí vật, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.706)

LỜI BÀN:

Bố thí và cúng dường là một trong những pháp tu quan trọng của hàng Phật tử. Tuy nhiên, để bố thí và cúng dường thực sự có lợi ích, mang ý nghĩa tịnh thí thì người cho lẫn người nhận phải nỗ lực để tự hoàn thiện mình.

Biện chứng giữa tương quan cho và nhận của tịnh thí cho thấy không phải hề có tài vật là có thể cho một cách đúng pháp được đồng thời cũng không thể nếu có người cho thì có thể vô tư để thọ nhận được. Người cho phải quán sát xem những gì được đem cho xuất phát từ đâu, có phải tịnh vật hay không? Người nhận cũng nên tự vấn lương tâm xem mình đã xứng đáng, có phần nào tương ứng để thọ nhận sự bố thí và cúng dường ấy để hồi hướng phước báo cho thí chủ hay không? Nếu tương quan này khập khiễng, tức giữa người cho hoặc người nhận không thanh tịnh thì sự tịnh thí không thành, thậm chí chỉ còn lại hình thức trao đổi, hoán chuyển giá trị như muôn vàn sự trao đổi khác trong cuộc sống.

Vậy thì, muốn có được sự tịnh thí, người cho và người nhận chỉ cần tuân thủ nguyên tắc “có giới, theo thiện pháp”. Khi một người sống trong sự bảo hộ của giới pháp đồng thời nỗ lực làm các việc lành thì tự thân đã đầy đủ phước báo xứng đáng để cho và nhận. Trong mọi trường hợp, thành tâm và nhất tâm vẫn là điều kiện cơ bản và then chốt nhất để tác thành bố thí thanh tịnh.

Cho là một nghĩa cử cao đẹp, là biểu hiện của tâm xả. Tuy vậy, để sự thí xả ấy đạt được phước báo viên mãn thì phải nỗ lực để thành tựu tịnh thí tức người cho, vật đem cho cùng người nhận phải thanh tịnh và nhất tâm. Vì thế, sống “có giới, theo thiện pháp” nhằm trang nghiêm phước báo tự thân nhờ tịnh thí luôn là phương châm sống của những người con Phật.▲

7- NHÂN DUYÊN CỦA GIÀU VÀ NGHÈO

Một thời, Thế Tôn ở Sàvatthi, tại tinh xá ông Anàthapindika. Có thanh niên Subha Todeyyaputta đi đến đánh lễ, bạch Thế Tôn:

Thưa Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì giữa loài người với nhau, chúng tôi thấy có người tài sản nhỏ, có người tài sản lớn?

Này Thanh niên, hãy nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói:

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông không bố thí, cúng dường cho Sa môn hay Bà la môn các đồ ăn uống, y phục, xe cộ, ngựa cưỡi, y dược, đèn đuốc, nhà cửa... Do nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú và đọa xứ. Nếu được sanh vào loài người, người ấy phải chịu nghèo hèn, có tài sản nhỏ.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông có bố thí và cúng dường cho Sa môn hay Bà la môn các đồ ăn uống, y phục, xe cộ, ngựa cưỡi, y dược, đèn đuốc, nhà cửa... Do nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, thiên giới. Nếu sanh vào loài người, người ấy được giàu sang, có tài sản lớn.

(ĐTKVN, *Trung Bộ III*, kinh Tiểu nghiệp phân biệt [trích], VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.478)

LỜI BÀN:

Bố thí và cúng dường là những nhân lành để tạo hoa trái phước báo giàu sang cho đời này và những đời sau. Do vậy, những người khá giả, có tài sản lớn trong hiện đời là biểu hiện cụ thể, rõ rệt nhất của phước báo bố thí và cúng dường. Ngược lại, những người không tu tập hạnh bố thí và cúng dường thì không có phước báo

nên hiện tại rất nghèo hèn, có tài sản ít ỏi dù quanh năm lam lũ, lao nhọc.

Trong các đối tượng thọ nhận bố thí và cúng dường thì các bậc Sa môn, những người tu hành là xứng đáng nhất. Bởi lẽ, nhân cách của họ đã đạt đến sự toàn thiện, đầy đủ đức hạnh phước báo trang nghiêm. Các ngài là ruộng phước điền tối thượng để chúng sanh gieo trồng phước đức. Cố nhiên, không vì thế mà người bố thí và cúng dường chỉ hướng đến những vị đạo cao đức trọng mà bỏ quên những kẻ nghèo hèn. Chính sự phát tâm bố thí rộng rãi, không phân biệt, không chấp thủ mới là đỉnh cao của bố thí và tạo ra phước báo vô lượng.

Tuy nhiên, không ít người vẫn thắc mắc về những hiện thực có tính chất phi nhân quả như những kẻ bất nhân, làm ăn phi pháp, tạo nghiệp bất thiện nhưng vẫn sống giàu sang, có nhiều thế lực và tài sản lớn. Nên biết rằng, sự giàu sang ấy là dư báo của bố thí và cúng dường trong những tiền kiếp của họ chứ không phải do làm ăn phi pháp trong đời này mà có được. Đồng thời những người hiền lành, làm ăn lương thiện mà vẫn đói nghèo là do họ thiếu phước báo bố thí và cúng dường chứ không phải vì thật thà, lương thiện mà bị thua thiệt, đói nghèo.

Bố thí và cúng dường là pháp tu căn bản quyết định phước báo trong đời này và đời sau. Đặc biệt là ai cũng thực thực hiện được pháp tu này. Vì nếu không có tài sản để bố thí và cúng dường thì phát tâm tùy hỷ thí, phước đức của hai người vẫn bằng nhau. Do vậy, hãy bố thí và tùy hỷ thí để cải thiện phước báo của chính mình được đầy đủ, giàu sang và có tài sản lớn như lời Phật đã dạy.▶

8- HAI HẠNG NGƯỜI ĐÁNG ĐƯỢC CÚNG DƯỜNG

Một thời, Thế Tôn ở tại Sàvatthi, vườn ông Anàthapindika. Rồi gia chủ Anàthapindika đi đến đảnh lễ và bạch Thế Tôn:

Có bao nhiêu hạng người, bạch Thế Tôn, đáng được cúng dường ở đời? Và chỗ nào cần phải bố thí và cúng dường?

Này gia chủ, có hai hạng người đáng được cúng dường ở đời: Hữu học và Vô học. Đối với hai hạng người này xứng đáng được cúng dường ở đời. Và này gia chủ, ở đây (tinh xá Kỳ Viên) cần phải bố thí và cúng dường.

“Hữu học và Vô học; cả hai ở trong đời; đều đáng được cúng dường; đối với người dâng cúng; phải giữ thân chánh trực; cả lời nói, ý nghĩ; phước điền người dâng cúng; đây thí có quả lớn”.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* I, chương 2, phẩm Tâm thăng bằng, phần Đất, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.121)

LỜI BÀN:

Bố thí là mở rộng tấm lòng, ban phát cho những người nghèo khổ thực phẩm, quần áo, thuốc men... hay tạo sinh kế cho người cơ nhỡ, thất nghiệp. Cúng dường là dâng cúng phẩm vật lên những bậc tu hành phạm hạnh với lòng kính trọng, tâm nguyện chí thành. Tất cả những phước báo tốt đẹp trong hiện tại và tương lai đều nhờ vào sự gieo trồng phước đức bố thí và cúng dường này.

Được cúng dường những bậc giới đức, phạm hạnh càng cao thì phước báo càng lớn. Gia chủ Anàthapindika (Cấp Cô Độc), đệ tử ngoại hộ trụ tín của Thế Tôn, không chỉ cúng dường Phật và chư Tăng mà còn cúng dường hết thầy các Sa môn, Bà la môn.

Nhưng khi muốn xác định hạng người nào xứng đáng được cúng dường nhất thì Thế Tôn khẳng định đó là hai hạng Hữu học và Vô học. Vì đây là những Thánh giả đã từng bước đoạn tận phiền não, tham ái, chứng đắc quả vị từ Tu đà hoàn, Tư đà hàm đến A na hàm (Hữu học) và đặc biệt những vị Thánh A la hán (Vô học) hoàn toàn đoạn tận kiết sử, thoát ly sanh tử, phước trí trang nghiêm là ruộng phước tối thượng ở đời. Thế Tôn còn xác định trụ xứ cần phải cúng dường chính là những đạo tràng tu tập của chư Tăng như các tinh xá, chùa viện. Vì đó là nơi sản sinh ra những bậc Thánh Hữu học và Vô học mà không nơi nào có thể thành tựu được.

Song hành với việc xác định đúng địa điểm và đối tượng cúng dường, người Phật tử phải trang nghiêm tự thân bằng cách tu tập hướng đến thanh tịnh ba nghiệp. Theo tuệ giác Thế Tôn, người cúng dường cần phải chuyển hóa ba nghiệp thân miệng ý cho thanh tịnh thì phước báo mới thật sự tròn đầy. Đây chính là như pháp cúng dường tức thực hành viên mãn cả hai phương diện trên sẽ tạo ra phước báo vô lượng cho thí chủ.▶

9- NGƯỜI CÀY RUỘNG

Một thời, Thế Tôn ở Magadha, tại làng Ekanàlà. Lúc bấy giờ là thời gian gieo mạ, Bà la môn Kasi Bhàradvaja sắp đặt khoảng năm trăm lưỡi cày, đang phân phát đồ ăn cho nhân công thì Thế Tôn đi đến.

Bà la môn Kasi Bhàradvaja thấy Thế Tôn đang đứng khát thực, thấy vậy liền nói:

Này Sa môn, tôi cày và gieo mạ, sau khi cày và gieo mạ, tôi ăn. Còn ông, ông có cày và gieo mạ không, nếu không thì lấy gì ông ăn?

Này Bà la môn, Ta cũng có cày và gieo mạ, sau khi cày và gieo mạ, Ta ăn.

Nhưng chúng tôi không hề thấy cái ách, cái cày, cái lưỡi cày, cây gậy hay các con bò của ông. Ông nói là nông phu nhưng không hề thấy ông cày cấy. Hãy nói cho chúng tôi biết là ông thực sự có cày cấy.

Này Bà la môn: Lòng tin là hạt giống, khổ hạnh là mưa móc, trí tuệ đối với ta là cày và ách mang, tầm quý là cán cày, ý căn là dây cột, chánh niệm đối với ta là lưỡi cày, gậy đâm... đưa ta tiến dần đến, an ổn khỏi ách nạn, đi đến không trở lui, chỗ ta đi không sâu. Như vậy cày ruộng này, đưa đến quả bất tử, sau khi cày ruộng này, mọi đau khổ được thoát.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 7, phẩm Cư sĩ, phần Cày ruộng, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr. 377)

LỜI BÀN:

Không phải ngày nay mà từ thời Thế Tôn tại thế, đời sống thánh thiện, cao cả của người xuất gia chưa hẳn được đại đa số

dân chúng hiểu rõ để tán thán và tôn vinh. Thắng hoặc đây đó vẫn phảng phất những quan điểm lệch lạc rằng tu sĩ là những thành phần lười biếng lao động, ăn bám và là gánh nặng của xã hội. Quan niệm thiển cận của Bà la môn Kasi Bhàradvāja là một điển hình.

Thế Tôn đã khẳng định rõ lập trường rằng Ngài và những đệ tử xuất gia của Ngài là những người lao động chân chính. Thành quả lao động của Thế Tôn là hoàn thiện tự thân, giải thoát giác ngộ đã ảnh hưởng tích cực đến xã hội, góp phần hướng thiện giúp ổn định và phát triển xã hội.

Tuy không cày ruộng và gieo mạ nhưng Ngài vẫn là một nông phu thực thụ vì đã cày xới đất tâm, gieo trồng hạt giống Thánh nhân và gặt hái được hoa trái giải thoát. Vì thế, dâng cúng vật thực cho Thế Tôn và những đệ tử giới đức, đạo hạnh là nghĩa vụ đồng thời là phương thức vun bồi, nâng cao phước báo tự thân của hàng Phật tử. Tuy nhiên, hàng đệ tử xuất gia nếu không hoàn thiện sứ mạng của mình thì rõ ràng không xứng đáng và không có quyền thọ nhận bất cứ sự dâng cúng nào.

Ngày nay, khi người xuất gia ngày một đông, sự dâng cúng của tín đồ ngày càng hậu hĩ thì trách nhiệm của chư Tăng lại càng nặng nề thêm. Pháp thoại giữa Thế Tôn và Bà la môn Kasi Bhàradvāja vẫn còn nóng hổi tính thời sự, là bài học quý báu để Tăng tín đồ Phật tử suy gẫm nhằm sống và tu tập ngày một tinh tấn hơn. ▀

10- XÚNG ĐÁNG LÀ RUỘNG PHƯỚC

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại khu vườn ông Anàthapindika, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, thành tựu sáu pháp này, Tỷ kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ kheo, khi mắt thấy sắc, không có ưa thích, không có ghét bỏ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân xúc chạm... khi ý biết pháp, không có ưa thích, không có ghét bỏ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 6, phẩm Đáng được cung kính, phần Đáng được cung kính [1], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.9)

LỜI BÀN:

Thường thì hàng Phật tử, vâng lời Phật dạy, luôn kính lễ và cúng dường hàng xuất gia, bởi chư Tăng là ruộng phước tối thắng để mọi người gieo trồng phước đức. Thế nhưng, trong chư Tăng không hẳn ai cũng nhận thức đúng như Pháp, như Luật về điều ấy, vẫn còn không ít người mới bước vào đạo quan niệm sai lạc rằng việc cúng dường là “pháp nhĩ hiệp cúng” (Cảnh sách) mà không lo tự hoàn thiện mình, như Tổ Quy Sơn đã từng cảnh tỉnh.

Thực ra, để làm ruộng phước đích thực cho tín thí không phải là điều khó song cũng chẳng dễ dàng, đó là hộ trì sáu căn đồng thời

đây cũng là nhiệm vụ, trọng tâm tu tập của hàng xuất gia. Khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, nếu không hộ trì thì tham sân si ác nghiệp được tạo ra nhưng nếu có chánh niệm tỉnh giác, không nắm bắt, không chạy theo thì ba nghiệp thanh tịnh. Chính sự tịnh nghiệp này mới có khả năng tạo ra phước đức cho tín chủ; những người gieo trồng, vun bồi cõi phước.

Hộ trì chứ không đóng kín các giác quan, vẫn sống trong cuộc đời với đầy đủ sắc màu, vẫn thấy nghe hay biết đầy đủ nhưng thực sự làm chủ để không vướng mắc. Thương hay ghét, thích và không thích cũng đều kẹt. Sự an nhiên hay các căn được hộ trì là ở chỗ vượt lên sự thấy biết theo nghiệp bình thường để thấy biết với tâm chánh niệm tỉnh giác. Chính tâm “trú xả”, buông bỏ, không dính mắc khi đối duyên xúc cảnh là tác nhân chính yếu để hình thành nhân cách của bậc Thánh, nền tảng của mọi phước điền.

Hàng ngày, người xuất gia đều thọ nhận sự cung kính và cúng dường, đó là vay, là nợ. Phải làm gì để trả số nợ ấy luôn là điều ưu tư hàng đầu của hàng sơ tâm xuất gia. Theo tuệ giác Thế Tôn, người tu chỉ cần hộ trì vững chãi sáu căn. Khi sáu căn được hộ trì, nghiệp mới được đoạn giảm, phước đức càng tăng thêm, không chỉ xứng đáng là ruộng phước cho hàng Phật tử mà còn là cơ sở để người xuất gia bước lên những Thánh vị, đạt được giải thoát và an lạc.▲

III. LÀM GIÀU

1- KINH DOANH THÀNH CÔNG

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi, vườn Ghosita, rồi Tôn giả Sàriputta đi đến đánh lễ và bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì có người buôn bán thất bại, không thành tựu như ý muốn? Có người buôn bán thành tựu như ý muốn và thành tựu ngoài ý muốn?

Này Sàriputta, có hạng người đi đến vị Sa môn, hứa hẹn giúp đỡ nhưng không cho như đã hứa. Người ấy, sau khi mạng chung đi đến chỗ này, dẫu có buôn bán gì cũng đi đến thất bại, không thành tựu như ý muốn.

Nhưng ở đây, này Sàriputta, có hạng người đi đến vị Sa môn hứa hẹn giúp đỡ, và người ấy đã cho như đã hứa. Sau khi mạng chung, người ấy đi đến chỗ này, dẫu buôn bán gì cũng thành tựu như ý muốn.

Ở đây, này Sàriputta, có hạng người đi đến vị Sa môn hứa hẹn giúp đỡ, và người ấy đã cho nhiều hơn như đã hứa. Người ấy sau khi mạng chung, đi đến chỗ này, dẫu buôn bán gì cũng được thành tựu ngoài ý muốn.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, Chương IV, phẩm Không hý luận, phần Buôn bán, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.708)

LỜI BÀN:

Hàng Phật tử tại gia, ngoài việc tu học còn có một nhiệm vụ khác vô cùng quan trọng là lo kiếm sống. Không ít người trong hàng Phật tử kiếm sống bằng công việc kinh doanh, buôn bán lương thiện. Tuy nhiên, không hẳn ai cũng buôn bán thành công dù tận lực với công việc.

Trong bối cảnh kinh doanh đầy biến động như hiện nay, chỉ xét riêng về những người làm ăn chân chính, có nhiều người phất lên

nhanh chóng nhưng cũng có không ít người ngậm đắng nuốt cay vì công việc trì trệ, thậm chí lỗ lã và dẫn đến tán gia bại sản.

Để lý giải cho thành công của mình, đa phần những doanh nhân đều cho rằng họ biết nhìn xa trông rộng, nắm bắt được quy luật thị trường và có chút phần may mắn. Đối với những doanh nhân làm ăn thất bại thì tiếc nuối tìm cơ hội khác, vì mình đâu kém ai nhưng sự đời vốn “mưu sự tại người nhưng thành sự tại trời”.

Ít ai ngờ rằng, công việc kinh doanh của họ trong hiện tại thành công hay thất bại có liên hệ mật thiết với phước báo mà họ đã gieo trồng trong quá khứ. Chính điều này đã lý giải rõ ràng điều mà ngành kinh tế học không lý giải nổi, đó là cơ may thị trường.

Vì thế, người con Phật khi “làm chơi mà ăn thiệt” thì không vội tự mãn; khi “làm thiệt mà ăn chơi” thì chẳng nên chán nản, bi quan. Bởi trong kinh doanh, ngoài năng lực, nhạy bén, biết chớp thời cơ, nắm bắt cơ hội thì may mắn vẫn là yếu tố quan trọng, đôi khi mang tính quyết định. May mắn ấy, theo Phật giáo chính là phước báo của mỗi người.

Phước báo được tô bồi, vun đắp bởi nhiều đời, làm nhiều điều thiện. Ảnh hưởng mạnh nhất là sự tạo phước bằng cách trợ duyên cho người thành tựu giới đức có điều kiện tu tập. Do vậy, hãy xây dựng phước báo cho mình trong đời này và đời sau bằng cách phát nguyện hộ trì người tu hành và thực hiện đúng như những gì mình đã phát nguyện.▲

2- KHÔNG KINH DOANH PHI PHÁP

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo.

Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Này các Tỷ kheo, có năm nghề buôn bán mà người cư sĩ không nên làm. Thế nào là năm?

Buôn bán đao kiếm, buôn bán người, buôn bán thịt, buôn bán rượu và buôn bán thuốc độc.

Năm nghề buôn bán này, này các Tỷ kheo, người cư sĩ không nên làm.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Nam cư sĩ, phần Người buôn bán, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.646)

LỜI BÀN:

Kinh doanh, buôn bán là một trong những nghề nghiệp đem lại hiệu quả kinh tế cao, có nhiều cơ hội để thành công trở nên giàu có nhưng đồng thời cũng dễ dàng chuốc lấy thất bại. Vì lẽ, sự biến động về thị trường, giá cả và cạnh tranh rất dữ dội, trong khi quyết định đầu tư đôi lúc chỉ xảy ra trong tích tắc. Dù thương trường luôn là chiến trường nhưng từ xưa cho đến nay, kinh doanh buôn bán vẫn là một nghề hấp dẫn vì “phi thương bất phú”, không lao vào kinh doanh thì khó mà giàu lên được.

Tuy nhiên, không phải ai cũng dùng công sức và trí tuệ của mình để làm ăn chân chính, kinh doanh hợp pháp với hoài bão đem lại hạnh phúc cho tự thân và góp phần cải thiện, nâng cao đời sống xã hội. Để kiếm tiền nhanh chóng, chạy theo siêu lợi nhuận,

không ít người đã táng tận lương tâm, làm ăn phi pháp, gây ra biết bao tai họa. Những phi vụ đen về vũ khí, hạt nhân; các đường dây buôn bán phụ nữ; những hoạt động buôn bán ma túy, rửa tiền có tính đa quốc gia của các tập đoàn, băng nhóm tội phạm đã trở thành mối hiểm họa, đe dọa an ninh và sức khỏe của nhân loại trên toàn cầu.

Không phải đến tận ngày nay nhân loại mới báo động đỏ, tấn công không khoan nhượng với các loại tội phạm kinh tế, mà ngay từ thời Thế Tôn, Ngài đã lên án, tuyên chiến và khai tử đối với loại tội phạm cực kỳ nguy hiểm này. Người Phật tử, vâng lời răn dạy của Thế Tôn không nên và không được buôn bán đao kiếm, buôn bán người, buôn bán thịt, buôn bán rượu và buôn bán thuốc độc.

Ngày nay, nhân loại đang sống trong thời đại văn minh và tiến bộ, song những thủ đoạn làm ăn bất chính của các tập đoàn, băng đảng tội phạm lại càng tinh vi hơn, đặc biệt cực kỳ nguy hiểm vì mang tính toàn cầu. Hơn ai hết, người con Phật luôn ý thức sâu sắc về sự nguy hại của những hoạt động kinh doanh phi pháp, chạy theo lợi nhuận mà không màng đến hậu quả để làm ăn lương thiện nhằm xây dựng hạnh phúc, an vui bền vững cho bản thân và xã hội. Kiên quyết đấu tranh với các hình thức kinh doanh bất chính, phi nhân và phi nghĩa là hành động thiết thực của người Phật tử, sống theo lời Phật dạy.▲

3- LÀM GIÀU

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại khu vườn ông Anàthapindika. Rồi gia chủ Anàthapindika đi đến, sau khi đánh lễ và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anàthapindika.

Này Gia chủ, có năm lý do để gây dựng tài sản. Thế nào là năm?

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn, thấu góp với sức mạnh của bàn tay, kiếm được do đổ mồ hôi, thấu được một cách hợp pháp. Tự mình làm an lạc, hoan hỷ. Làm cho cha mẹ, vợ con, người phục vụ, người làm công được an lạc, hoan hỷ. Đây là lý do thứ nhất để gây dựng tài sản.

Lại nữa, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử kiếm được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn... Vị này làm cho bạn bè, thân hữu an lạc, hoan hỷ. Đây là lý do thứ hai để gây dựng tài sản.

Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử kiếm được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn... Các tai họa để trở thành trắng tay bị chặn đứng và vị ấy giữ tài sản được an toàn cho vị ấy. Đây là lý do thứ ba để gây dựng tài sản.

Lại nữa, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử kiếm được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn... Vị ấy có thể hiến cúng cho bà con, cho khách, cho hương linh đã chết; hiến cúng cho vua và chư thiên. Đây là lý do thứ tư để gây dựng tài sản.

Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử kiếm được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn... Vị ấy tổ chức cúng dường các vị Sa môn, Bà la môn. Sự cúng dường tối thượng này đưa đến phước báo vô lượng ở cõi người, cõi trời. Đây là lý do thứ năm để gây dựng tài sản.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Vua Munda, phần Trở thành giàu [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.374)

LỜI BÀN:

Đề cập đến Phật giáo, xưa nay đa phần đều nghĩ về khuynh hướng ly dục, muốn ít và thanh bần. Ít ai ngờ rằng, Thế Tôn từng khuyến khích hàng đệ tử phải cố gắng làm giàu. Hãy gây dựng tài sản, làm giàu với năm mục đích cao thượng. Làm cho cá nhân và xã hội trở nên giàu có, thịnh vượng là khát vọng của nhân loại. Thế nhưng, con đường để trở thành giàu có không phải ở đâu và lúc nào cũng chân chính, là thành quả lao động khó nhọc từ khối óc và bàn tay. Vì thế, người Phật tử vâng lời Thế Tôn dạy, làm giàu chân chính bằng sự nỗ lực, cố gắng; bằng tất cả trí tuệ và sức lực; bằng các phương thức lao động, kinh doanh hợp pháp. Đồng thời, việc tạo ra của cải vật chất với mục đích cao cả là đem lại sự an vui và hạnh phúc cho mình và tha nhân.

Người Phật tử làm giàu trước hết nhằm đem lại hạnh phúc cho tự thân, gia đình và các nhân công, người phục vụ. Kế đến, đem tài sản của mình làm ra cho bà con, thân hữu, bè bạn và tha nhân được an vui, hạnh phúc. Mặt khác, biết cách bảo vệ thành quả lao động đồng thời không lãng phí và đầu tư vào những công việc không đem lại lợi ích cho con người. Ngoài ra, người Phật tử phải biết đem tài sản do mình làm ra để xây dựng các công trình văn hóa, nhớ về cội nguồn, cúng tế ông bà, tổ tiên và bố thí cho các vong hồn đói khát. Sau cùng, người con Phật phải biết hướng về các vị bồ lao, những người có đời sống đạo đức, phạm hạnh như Sa môn để cúng dường đồng thời học theo đức hạnh của các ngài nhằm xây dựng phước báo tốt đẹp cho tự thân trong đời này và đời sau.

Làm giàu với năm mục đích cao thượng như trên, người con Phật đã góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh, công bằng, tiến bộ và văn minh.▲

4- GIÀU LÊN DỄ SANH TẬT

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến, bạch Thế Tôn:

Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con đang ngồi yên tịnh một mình, tư tưởng này khởi lên nơi con: “Ít thay là những người trong đời này, sau khi được tài sản phong phú, dồi dào lại có thể không bị lôi cuốn, không bị chìm đắm, không bị say mê trong các dục và không có những hành vi không tốt đẹp đối với các người khác. Trái lại, thật là nhiều thay, những người trong đời này, sau khi được tài sản phong phú, dồi dào lại có thể bị lôi cuốn, bị chìm đắm, bị say mê trong các dục và có những hành vi không tốt đẹp đối với các người khác”.

Thật sự là như vậy, thật sự là như vậy, thưa Đại vương: “Loài người bị đắm say; Trong tài sản, trong dục; Họ tham lam, điên dại; Trong các dục ở đời; Không ý thức rõ ràng; Đã quá độ mê say; Chẳng khác gì con nai; Không thấy đặt bẫy sập; Về sau họ khổ đau; Chịu quả báo ác nghiệp”.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 3, phẩm 1, phần Thiểu số [lược], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.170)

LỜI BÀN:

Thường thì chúng ta hay quy kết cho đói nghèo là nguyên nhân chủ yếu của các tệ nạn xã hội. Thế nhưng khi con người và xã hội giàu có lên cũng không hẳn là giảm bớt đi những tệ nạn ấy, đôi khi lại còn trầm trọng hơn.

Giàu lên bằng sự làm ăn chân chính là điều ai cũng mong muốn. Khi chia tay với cái đói nghèo, sánh vai cùng khấm khá,

giàu sang nhưng chớ ảo tưởng rằng ta đã thành công, đang neo thuyền đời nơi bến bờ hạnh phúc. Thực tế cho thấy không phải hễ “có tiền thì mua tiên cũng được”. Sự đổi đời, giàu lên nhanh chóng dễ dàng tạo ra chênh vênh, lúng túng, thậm chí lệch lạc trong nhận thức cũng như hành động và đem đến không ít bất hạnh trong đời.

Khi trong tay có tiền, nếu không biết làm chủ bản thân, tư tưởng hưởng thụ bất chính bắt đầu trỗi dậy. Không ít các trò đua đòi chưng diện xa hoa, ăn chơi trác táng và tệ hại hơn là quan niệm sống hưởng thụ, trụy lạc, sa đọa bắt đầu từ đây. Bằng chứng là những con nghiện, các “anh hùng xa lộ”, những dân chơi “lắc” thâu đêm suốt sáng ở vũ trường v.v... hiện nay phần lớn đều là người giàu hoặc con cái nhà giàu.

Đó là chưa kể đã giàu lại mong muốn giàu thêm. Có tiền sanh ra đủ tật: ăn nhậu, bài bạc, chơi bời, chim chuột... và để bù cho những khoản chi vì các tật xấu ấy nên mới có tham quan, hối lộ, bòn rút của công hoặc không có chức quyền thì trộm cướp, buôn lậu, lừa đảo. Và hậu quả là không ít gia đình tan vỡ hạnh phúc vì cái giàu, bị tù tội và hối hận vì sự ham giàu, mất niềm tin với cuộc sống dù cho giàu có, dư dật.

Như vậy, giàu có về vật chất là điều cần đạt được nhưng phải song hành với sung mãn về đạo đức, tinh thần. Mất cân đối giữa giàu sang về vật chất và tinh thần là hiểm họa. Do vậy, cùng làm giàu vật chất và thăng hoa tinh thần là mục tiêu của tất cả những người con Phật.▲

5- CÓ MẮT MÀ NHƯ MÙ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, dạy các Tỷ kheo:

Có ba hạng người, này các Tỷ kheo, có mắt ở đời. Thế nào là ba? Người mù, người một mắt, người có hai mắt.

Này các Tỷ kheo, thế nào là người mù? Ở đây, có người không có mắt để có thể thu hoạch được tài sản chưa thu hoạch, làm tăng trưởng tài sản đã thu hoạch; không có mắt để có thể biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không có tội, pháp thuộc thành phần đen và trắng. Này các Tỷ kheo, đây gọi là hạng người mù.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người có một mắt? Ở đây, có người có mắt để có thể thu hoạch được tài sản chưa thu hoạch, làm tăng trưởng tài sản đã thu hoạch; nhưng không có mắt để có thể biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không có tội, pháp thuộc thành phần đen và trắng. Này các Tỷ kheo, đây gọi là hạng người có một mắt.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người có hai mắt? Ở đây, có người có mắt để có thể thu hoạch được tài sản chưa thu hoạch, làm tăng trưởng tài sản đã thu hoạch; và có mắt để có thể biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không có tội, pháp thuộc thành phần đen và trắng. Này các Tỷ kheo, đây gọi là hạng người có hai mắt.

Này các Tỷ kheo, có ba hạng người này có mắt ở đời.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Người, phần Mù lòa, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.229)

LỜI BÀN:

Trên đời, trừ những người tật nguyền, hầu hết mỗi người đều có

đôi mắt sáng. Tuy nhiên, để thực sự có đôi mắt sáng đúng nghĩa tức biết nhìn lại chính mình đồng thời để nhìn rõ đục trong giữa dòng đời thì không phải ai cũng có. Do vậy, có khá nhiều người đầy đủ cả hai mắt mà cũng như mù hoặc chột nên phải rèn luyện và tu dưỡng thật nhiều mới đem lại ánh sáng đích thực cho đôi mắt của chính mình.

Theo tuệ giác Thế Tôn, một người thực sự có hai mắt khi người này biết làm ăn chân chính, đem lại sự no ấm, thịnh vượng cho gia đình và xã hội đồng thời biết phân biệt rõ ràng xấu tốt, thiện ác và họa phúc. Làm giàu một cách chính đáng bằng cách tuân thủ pháp luật, các nguyên tắc đạo đức và nhất là biết chia sẻ những thành quả lao động với cộng sự và những người kém may mắn hơn mình.

Nhưng nếu chỉ biết làm giàu, nghĩ đến cái lợi trước mắt mà quên đi hậu quả thì như người chột, vì đôi mắt của hạng người này chỉ nhìn thấy lợi mà thôi. Không thấy được điều ác, bất thiện để tránh né hoặc từ bỏ thì dẫu có chút thành công nhưng chỉ mang tính nhất thời. Tuy vậy, hạng người này vẫn còn khá hơn hạng người có mắt mà như mù, những người không có khả năng tự xây dựng đời sống no ấm cho chính mình và chẳng nhận ra những điều xấu ác, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội.

Do vậy, vâng lời Phật dạy, mỗi người con Phật phải nỗ lực tu dưỡng để có đôi mắt sáng tức thành tựu chánh kiến, bằng cách xây dựng đời sống vật chất và tinh thần ngày một phát triển, thăng hoa.▲

6- SỰ NGHÈO KHỔ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetanava, dạy các Tỷ kheo:

Sự nghèo khổ, này các Tỷ kheo, là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời. Khi một người nghèo khổ không có sở hữu, sống túng thiếu, phải mắc nợ, phải chấp nhận tiền lời, khi thời hạn đến nếu không trả được tiền lời bị người ta hối thúc, bị theo sát gót, bị truy tìm và bị người ta bắt trói.

Này các Tỷ kheo, như vậy, nghèo khổ là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời. Mắc nợ cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời. Tiền lời cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời. Bị hối thúc, cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời. Bị theo sát gót, bị truy tìm cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời. Bị bắt trói cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, ai không có lòng tin trong các thiện pháp, không có lòng hổ thẹn trong các thiện pháp, không có lòng sợ hãi trong các thiện pháp, không có tinh tấn trong các thiện pháp, không có trí tuệ trong các thiện pháp; người này, này các Tỷ kheo, được gọi là người nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu trong Pháp và Luật của bậc Thánh.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 6, phẩm Dhammika, phần Nghèo khổ, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.117)

LỜI BÀN:

Đã nghèo lại gặp eo, dẫn đến túng thiếu, nợ nần, rồi lãi mẹ đẻ lãi con, nếu không trả được tiền lời thì bị hối thúc, bị truy bắt thực sự là một bất hạnh, đau khổ cho người nghèo. Chẳng ai muốn lâm

vào nghèo khó nợ nần, cũng không người nào muốn bị các chủ nợ bức bách nhưng hoàn cảnh bắt buộc như thế thì cũng đành ngậm cay, nuốt đắng, chịu mọi tủi nhục, đau khổ mà thôi.

Thân nghèo thường đi với phận hèn, vì nghèo nên phải túng, cái khó lại bó cái khôn, hoàn cảnh ấy lại càng làm cho khổ đau hơn đối với những người có nhiều mong cầu, tham vọng. Khi mà hiện thực xã hội thiên về thực dụng, coi trọng vật chất, ma lực đồng tiền có thể biến điều không thể thành có thể thì thân phận của những kẻ nghèo hèn lại càng bị đát hơn.

Đối với những người đã phát nguyện xả phú cầu bần thì tiền bạc, tài sản đối với họ không quan trọng. Không ai chê cười người tu mà nghèo kiết xác cả, có chăng chỉ là trường hợp ngược lại. Tài sản và sự giàu có của người tu thuộc về tinh thần, suốt một đời phấn đấu để đạt được một gia tài chơn không mẫu nhiệm, không có gì mà thực sự có tất cả.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, cái nghèo nàn, túng thiếu của người học Phật chính là xu hướng tìm cầu sự sung túc vật chất theo kiểu thế gian vốn dĩ phù vân, hư giả. Biểu hiện cụ thể của sự “nghèo túng” là không có lòng tin, không có hổ thẹn, không biết sợ hãi, không siêng năng, thiếu hẳn trí tuệ.

Vì thế, để thực sự giàu có, sung mãn trong Pháp và Luật của bậc Thánh, người con Phật phải trau giồi, trưởng dưỡng lòng tin; phải biết hổ thẹn với mọi người và với chính mình đặc biệt là biết sợ đối với các bất thiện pháp; tinh cần, siêng năng, nỗ lực tu học và phụng sự chúng sanh dưới sự soi sáng của tuệ giác. Chính lòng tin, hổ thẹn, sợ hãi với ác pháp, tinh cần và trí tuệ mới là tài sản, làm nên sự giàu có đích thực của những người đệ tử Phật.▲

7- BUÔN BÁN PHÁT TÀI

Một thời, Thế Tôn trú tại Bàranàsi, chỗ Vườn Nai, gọi các Tỷ kheo:

Thành tựu với ba chi phần, này các Tỷ kheo, người buôn bán không bao lâu đạt được về tài sản lớn mạnh và rộng lớn. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ kheo, người buôn bán có mắt, khéo phẩn đấu và xây dựng được cơ bản.

Thế nào là người buôn bán có mắt? Ở đây, này các Tỷ kheo, người buôn bán biết các thương phẩm. Vật này mua như vậy, bán như vậy, sẽ đưa lại tiền lời như vậy.

Thế nào là người buôn bán khéo phẩn đấu? Ở đây, này các Tỷ kheo, người thương gia khéo léo mua và bán các thương phẩm.

Và thế nào là người thương gia xây dựng được cơ bản? Ở đây, này các Tỷ kheo, người buôn bán được các gia chủ hay con các gia chủ, được các nhà giàu, có tiền bạc lớn, có tài sản lớn biết đến như sau: Người buôn bán này là người có mắt, khéo phẩn đấu, có đủ sức cấp dưỡng vợ con, và thường trả tiền lời cho chúng ta. Chúng ta trao hàng hóa cho người này: Này bạn thương gia, hãy lấy tiền này, xây dựng tài sản để nuôi dưỡng vợ con và thường thường trả tiền lời cho chúng tôi. Như vậy, này các Tỷ kheo, là người buôn bán xây dựng được cơ bản.

Thành tựu với ba chi phần này, này các Tỷ kheo, người buôn bán không bao lâu đạt đến tài sản lớn mạnh và rộng lớn.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Người đóng xe, phần Người buôn bán [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.207)

LỜI BÀN:

Người xưa thường nói “phi thương bất phú”, nghĩa là không kinh doanh buôn bán thì khó mà giàu mạnh. Tuy nhiên để gặt hái thành công, làm giàu một cách chính đáng bằng nghề buôn bán, theo tuệ giác của Thế Tôn cần hội đủ ba yếu tố nền tảng: có mắt, khéo phấn đấu, và xây dựng được cơ bản.

Có mắt, tức nghiệp vụ chuyên môn, biết rõ về nhu cầu thị trường, đặc điểm hàng hóa và hiệu quả kinh tế của các thương vụ. Ngoài chuyên môn thì tầm nhìn chiến lược, kinh nghiệm buôn bán và sự phấn đấu bền bỉ để đạt được mục tiêu (khéo phấn đấu) cũng góp phần quan trọng đem lại hiệu quả kinh doanh. Đặc biệt là phải có uy tín, tức xây dựng được cơ bản, trong kinh doanh buôn bán chữ tín luôn được đặt lên hàng đầu. Chữ tín bao gồm uy tín doanh nghiệp, chất lượng sản phẩm, trách nhiệm của nhà sản xuất đối với người tiêu dùng và luôn đảm bảo mục tiêu lợi ích song phương.

Theo kinh nghiệm của Thế Tôn, những doanh nghiệp, doanh nhân nào “thành tựu với ba chi phần này, không bao lâu sẽ đạt đến tài sản lớn mạnh và rộng lớn”. Và đây chính là tiêu chí cơ bản cho những doanh nhân Phật tử áp dụng để kinh doanh buôn bán thành công, lợi mình và lợi người.▲

8- CHỦ NHÂN & NGƯỜI LÀM

Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana. Bấy giờ, Singālaka, Gia chủ tử, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, chấp tay đánh lễ sáu phương.

Rồi Thế Tôn, buổi sáng vào thành Vương Xá khát thực, sau khi dạy Singālaka về ý nghĩa đánh lễ sáu phương, Ngài dạy thêm:

Này Gia chủ tử, có năm cách một vị Thánh chủ nhân đối xử với hạng nô bộc: Giao việc đúng theo sức lực của họ, lo cho họ ăn uống và tiền lương, điều trị cho họ khi bệnh hoạn, chia sẻ các mỹ vị đặc biệt cho họ, thỉnh thoảng cho họ nghỉ phép.

Này Gia chủ tử, các hàng nô bộc được Thánh chủ nhân đối xử với năm cách như trên, có lòng thương tưởng đối với vị chủ nhân theo năm cách sau: Dậy trước khi chủ dậy, đi ngủ sau chủ, tự bằng lòng với các vật đã cho, khéo làm các công việc, đem danh tiếng tốt đẹp cho chủ.

Này Gia chủ tử, vị Thánh chủ nhân đối xử với các hàng nô bộc theo năm cách, và nô bộc có lòng thương tưởng đối với Thánh chủ nhân theo năm cách, như vậy tất cả đều được an ổn, thoát khỏi các sự sợ hãi.

(ĐTKVN, *Trường Bộ II*, kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt [trích], VNCPHVN ấn hành, 1991, tr.544)

LỜI BÀN:

Bàn về mối quan hệ giữa giới chủ với thợ thuyền, Thế Tôn đã đề cập đến trách nhiệm của giới chủ trước. Đây là một cách nhìn nhận vấn đề rất nhân bản và tiến bộ trong thời cổ đại, khi mà những người làm công luôn bị khinh rẻ, thậm chí bị xem như nô

lệ, giới chủ được trọn quyền sinh sát.

Một người chủ muốn thành công, trước hết phải có khả năng quản trị, điều hành nhân viên. Bố trí người có năng lực chuyên môn vào đúng vị trí công việc. Không đúng người đúng việc thì cho dù người đông vẫn không chạy việc, về lâu về dài chắc chắn sẽ chuốc lấy sự tổn hại và thất bại. Mặt khác, phải luôn nghĩ đến quyền lợi của người lao động. Chế độ lương bổng hợp lý, ăn uống đầy đủ. Nhất là quan tâm đến người làm khi khi bệnh tật hoặc xảy ra tai nạn lao động. Trong những dịp lễ tết, cần ban thưởng hay thiết đãi tiệc tùng để động viên, khuyến khích. Và nhất là chế độ nghỉ phép hợp lý để người làm được nghỉ ngơi hoặc có dịp đi xa thăm viếng, tham quan.

Hẳn chúng ta sẽ ngỡ ngàng khi biết được cách đây hơn 2.500 năm mà Thế Tôn đã có quan niệm về sử dụng lao động không khác mấy so với thời đại chúng ta bây giờ. Nếu giới chủ kiện toàn được những yếu tố trên thì lo gì những người làm công không gắn bó, làm việc hết lòng.

Một khi người sử dụng lao động và những người lao động đều được lợi ích, no ấm thì xã hội bớt mâu thuẫn, bất công, mọi người đều hạnh phúc, an vui. Chính điều này đã góp phần kiến tạo xã hội thịnh vượng, công bằng và văn minh. Đó cũng là mục tiêu hướng đến diệt khổ của đạo Phật.▲

IV. TÀI SẢN

1- TÀI SẢN CỦA NGƯỜI TU

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có bảy tài sản này, thế nào là bảy? Tín tài, giới tài, tâm tài, quý tài, văn tài, thí tài và tuệ tài.

Ở đây, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng vào sự giác ngộ của Như lai, gọi là tín tài.

Ở đây, vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh, trộm cắp... say sưa, gọi là giới tài.

Ở đây, vị Thánh đệ tử có xấu hổ đối với thân, miệng, ý làm ác, gọi là tâm tài.

Ở đây, vị Thánh đệ tử có sợ hãi đối với thân, miệng, ý làm ác, gọi là quý tài.

Ở đây, vị Thánh đệ tử nghe nhiều, giữ gìn những gì đã nghe, đề cao đời sống phạm hạnh, đọc tụng nhiều lần, chuyên tâm quán sát, thành tựu chánh kiến, gọi là văn tài.

Ở đây, vị Thánh đệ tử với tâm từ bỏ xan tham, ưa thích xả bỏ, san sẻ vật bố thí, gọi là thí tài.

Ở đây, vị Thánh đệ tử có trí tuệ về sanh diệt, thành tựu Thánh thể nhập, đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau, gọi là tuệ tài.

Này các Tỷ kheo, đây gọi là bảy tài sản, ai có được những tài sản này, được gọi là không nghèo khổ.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 7, phẩm Tài sản, phần Các tài sản rộng thuyết, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.280)

LỜI BÀN:

Nói đến tài sản, người ta thường nghĩ đến sự sở hữu nhiều thứ

như tiền bạc, nhà cửa, đất đai... Càng có nhiều tài sản thì càng được tiếng giàu có và nhất là cảm giác ổn định, bền vững trong cuộc sống được gia cố vững chắc thêm. Vì thế, làm giàu đúng đắn, lương thiện là tiêu chí chung cho toàn thể nhân loại phấn đấu, hướng đến xây dựng một đời sống hoàn thiện, sung mãn.

Tuy vậy, xây dựng tài sản vật chất chỉ là một phần của cuộc sống. Sẽ là một sai sót lớn cho cá nhân và cả xã hội nếu chỉ chú trọng tạo dựng tài sản vật chất mà xem nhẹ hoặc quên mất việc làm giàu, phát triển tài sản tinh thần. Sự mất quân bình trong quá trình phát triển vật chất và tinh thần sẽ tạo ra những khủng hoảng xã hội, nhất là các vấn đề như băng hoại đạo đức, suy đồi nhân cách, những quan niệm sống lệch lạc thiên về hưởng thụ, vong thân vong bản...

Đối với người tu thì “xả phú cầu bần” là một trong những điều kiện cần để góp phần tích lũy, thăng hoa gia sản tinh thần. Tài sản tinh thần tuy vô hình nhưng rất đồ sộ và không khó để tạo dựng. Chẳng cần phải cạnh tranh khốc liệt kiểu “thương trường là chiến trường” vẫn kiến tạo được tài sản tinh thần tín, giới, tàm, quý, văn, thí và tuệ.

Tài sản tinh thần là tặng phẩm của tạo hóa vốn dĩ hào phóng ban tặng đầy đủ cho mỗi người. Tìm lại những gì thánh thiện uyên nguyên đã lãng quên và đánh mất là cách làm giàu của người tu. Tài sản này một khi đã tích lũy được sẽ làm cho những ai sở hữu nó thật sự giàu có, hạnh phúc và bền vững trước mọi biến động của thời cuộc. ▀

2- GIỮ GÌN TÀI SẢN

Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Koliya, tại thị trấn Kakakrapatta. Rồi Byagghapajja, đi đến đánh lễ, bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, chúng con là những người gia chủ thọ hưởng các dục vọng, sống trói buộc với vợ con, dùng hương chiên đàn, đeo vòng hoa, thọ lãnh vàng bạc. Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp cho những người như chúng con, để chúng con được hạnh phúc, an lạc trong hiện tại..

Này Byagghapajja, có bốn cửa xuất để tài sản bị tiêu phí: Đam mê đàn bà; đam mê rượu chè; đam mê cờ bạc; bạn bè, thân hữu và giao du với kẻ ác. Ví như một hồ nước lớn, có bốn cửa nước chảy vào và bốn cửa nước chảy ra. Có người đóng các cửa nước chảy vào và mở các cửa nước chảy ra. Như vậy, nước hồ ấy ngày càng bị giảm thiểu, không tăng trưởng.

Lại nữa, này Byagghapajja, có bốn cửa nhập để tài sản được hưng khởi: Không đắm say đàn bà; không đắm say rượu chè; không đắm say cờ bạc; bạn bè, thân hữu và giao du với người thiện. Ví như một hồ nước lớn, có bốn cửa nước chảy vào và bốn cửa nước chảy ra. Có người mở các cửa nước chảy vào và đóng các cửa nước chảy ra. Như vậy, nước hồ ấy ngày càng tăng trưởng, không có giảm thiểu.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương VIII, phẩm Gotamì, phần Dighajànu - Người Koliya, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.661)

LỜI BÀN:

Đam mê là một cái thú đồng thời là cái tật của con người. Có thể nói rằng hầu hết những người làm nên cơ nghiệp đều bắt đầu từ

những đam mê nhưng có không ít người cũng vì đam mê mà thân bại, danh liệt. Cuộc sống nếu thiếu đam mê sẽ nhạt nhẽo, vô vị và mất sinh khí. Vì thực ra, đam mê vốn không phải là tội lỗi nhưng vấn đề cần đặt ra với con người là đam mê cái gì, đam mê như thế nào?

Đam mê là một biểu hiện của nghiệp, thể hiện rõ trong tư duy, ý chí và hành động. Ai đam mê cái gì thì nặng nghiệp về phương diện ấy. Vì thế, người Phật tử phải luôn quán sát tự thân để biết rõ nghiệp của mình. Nếu thấy rằng những khát vọng, mong ước, đắm say của mình hướng về Chân-Thiện-Mỹ thì phát huy và ngược lại thì nên kiềm chế, loại trừ.

Về phương diện giữ gìn tài sản, nếu kiềm chế và chuyển hóa được những đam mê bất chính là phương cách hiệu quả nhất. Vì một khi đã thú, đã đam mê thực sự thì vấn đề tốn kém hay phung phí chẳng có nghĩa lý gì; nhất là khi đã chìm đắm, say mê vào đàn bà (đàn ông), cờ bạc, rượu chè và bạn xấu. Những ai đã từng một lần vung tiền qua cửa sổ để thỏa cái thú đam mê đến khi hồi tỉnh mới thấy được cái giá của sự góp nhặt, chắt chiu, cần kiệm.

Tài sản do mồ hôi và công khó làm ra, vì thế người con Phật phải hết sức trân quý, chi tiêu đúng mực, đúng chỗ để làm lợi ích cho mình và cho người. Luôn quán sát tự thân, cẩn trọng với những đam mê bất chính, tránh tiêu xài phung phí để xây dựng và giữ gìn cuộc sống luôn được an vui, hạnh phúc.▲

3- ĐỘNG SẢN & BẤT ĐỘNG SẢN

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, khu vườn ông Anàthapindika. Bấy giờ Ugga, vị đại thần của vua đi đến Thế Tôn, sau khi đánh lễ, ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn:

Thật vi diệu thay, thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Giàu có đến như vậy, đại phú đến như vậy, tài sản nhiều đến như vậy, bạch Thế Tôn, là Migàra Rohaneyyo!

Này Ugga, Migàra Rohaneyyo giàu có đến mức nào, đại phú đến mức nào, tài sản nhiều đến mức nào?

Bạch Thế Tôn, về vàng có đến trăm trăm ngàn, còn nói chi về bạc!

Này Ugga, đây có thể là tài sản chăng? Không phải Ta nói rằng đây không phải là tài sản. Nhưng tài sản ấy bị chi phối bởi lửa, nước, vua chúa, ăn trộm, các kẻ thừa tự, thù địch.

Này Ugga, có bảy tài sản không bị lửa, nước, vua chúa, ăn trộm, các kẻ thừa tự, thù địch chi phối. Thế nào là bảy? Tín tài, giới tài, tâm tài, quý tài, văn tài, thí tài và tuệ tài. Bảy loại tài sản này, này Ugga, không bị lửa, nước, vua chúa, ăn trộm, các kẻ thừa tự, thù địch chi phối. Ai có tài sản này, người ấy là đại phú, thiên nhân giới khó thắng.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương Bảy pháp, phẩm Tài sản, phần Ugga, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.283)

LỜI BÀN:

Tài sản là huyết mạch, là tiêu chí để phấn đấu, là cơ sở tồn tại có tính quyết định của một cá nhân, gia đình và cả một đất nước. Tài sản là minh chứng hùng hồn nhất cho sự thành công, phát triển,

giàu mạnh và thịnh vượng. Vì thế chúng ta không lạ khi các chỉ số về tài khoản, động sản và bất động sản của cá nhân hay thu nhập bình quân mỗi người, tổng thu nhập quốc gia luôn được mọi người quan tâm.

Nhìn chung, con người sống trong cuộc đời, đâu làm bất cứ việc gì, mục đích cuối cùng của họ cũng không ngoài việc kiếm tiền. Tích lũy và phát triển tài sản, làm giàu lương thiện là điều tốt song khá nhiều người cuồng tín vào ma lực của đồng tiền, “có tiền mua tiên cũng được” nên quay cuồng với việc kiếm tiền mà bất chấp hậu quả. Mặt khác, tạo dựng tài sản hợp pháp vốn dĩ rất khó khăn nhưng để giữ vững nó lại càng khó khăn hơn. Bởi thế, không ít người sau một đêm thức dậy chột trắng tay, luôn nơm nớp lo sợ “một sớm mai kia, chột thấy hư vô trong đời”.

Với tuệ giác của Thế Tôn thì giàu có, sở hữu nhiều tài sản hợp pháp là phước báo. Tuy nhiên, tự thân các tài sản này không mang thuộc tính bền vững mà cực kỳ mong manh, luôn biến động và bị chi phối, xâu xé bởi: lụt lội, hỏa hoạn, nhà nước tịch thu, trộm cắp, con cái hư hỏng và sự phá hoại của các thế lực thù địch. Vì vậy, Thế Tôn giới thiệu một phương thức tích lũy tài sản khác, bền vững, tuyệt đối ổn định và bất động. Ai sống ở trên đời tạo dựng được Thất thánh tài mới là bậc đại phú, kẻ giàu có nhất trong thế gian, kể cả cõi trời.

Do vậy, ngoài việc tạo dựng tài sản thế gian hợp pháp, người con Phật phải nỗ lực tạo dựng và tích lũy bảy loại tài sản xuất thế gian của bậc Thánh. Phát triển niềm tin, trau dồi giới hạnh, biết hổ thẹn với người ngoài, hổ thẹn với chính mình, học tập Chánh pháp, thực hành bố thí, phát huy tuệ giác là bảy tài sản cố định vô cùng quý giá, đảm bảo cho một người giàu có đến vô tận, trong đời này và những đời sau.▀

4- CÓ TÀI SẢN LỚN

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, dạy các Tỷ kheo:

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ kheo, vị Thánh đệ tử được gọi là giàu, rất giàu, có tài sản lớn, có danh xưng lớn. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tính bất động đối với Phật: “Đây là Như Lai, bậc A La Hán... Phật, Thế Tôn”. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ nhất. Lại nữa, này các Tỷ kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tính bất động đối với Pháp... đối với Tăng... thành tựu các Giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiên định. Đây là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc thứ hai, thứ ba và thứ tư. Những pháp này, này các Tỷ kheo, là bốn phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ kheo, vị Thánh đệ tử được gọi là giàu, rất giàu, có tài sản lớn, có danh xưng lớn. (ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 11, phẩm Phước đức sung mãn với kệ, phần Rất giàu hay giàu [1], Nxb Tôn Giáo, 2002, tr.586)

LỜI BÀN:

Tiền bạc, của cải là biểu trưng cho sự giàu có, là mục tiêu để phấn đấu của mọi người. Làm giàu lương thiện để ổn định cuộc sống và góp phần xây dựng xã hội là phương châm sống của những người chân chính. Để đạt được sự giàu có, sung túc về phương diện vật chất ắt phải có một phước báo lớn, không phải ai cũng có được. Tuy vậy, sự giàu có vật chất vốn rất tạm bợ, mong manh, khó tìm nhưng dễ mất. Vì thế, bên cạnh tiêu chí làm giàu

về tiền bạc, tài sản con người cần phải làm giàu tâm hồn, phải thực sự giàu có về phương diện tinh thần.

Theo tuệ giác Thế Tôn thì việc thành tựu niềm tin bất động vào Phật, Pháp, Tăng và thành tựu Giới luật đưa đến thiền định mới được gọi là giàu, rất giàu. Đây chính là tài sản tinh thần của tất cả những người con Phật. So với tài sản vật chất tạm bợ thì tài sản tinh thần này rất ổn định, làm giàu cho những ai sở hữu nó không chỉ trong đời này mà cả những đời sau. Con đường đi đến giàu có tinh thần này không đi kèm với sự trả giá bằng máu và nước mắt; hoàn toàn vắng bật tham vọng, toan tính, hận thù cùng với tất cả sợ hãi, lo âu; giàu có mà cực kỳ an vui, thanh thản và tự tại.

Trong bối cảnh đất nước ngày càng phát triển, kinh tế xã hội gia tăng đáng kể, những người con Phật cũng ngày càng giàu lên, trong đó tất yếu có cả hàng ngũ xuất gia. Với tinh thần phương tiện, tất cả những người con Phật đều có thể làm giàu về phương diện vật chất vì đời sống tự thân, gia đình và thực hành bi nguyện độ sanh. Tuy nhiên, dẫu cho sự làm giàu này hoàn toàn chân chính, lương thiện và đúng chánh pháp thì vẫn không đạt được sự giàu có đích thực. Vì thế, những ai bám víu, cố chấp vào sự thành tựu vật chất mà chểnh mảng việc làm giàu tinh thần, theo tuệ giác của Thế Tôn, người ấy vẫn thực sự nghèo nàn.

Mỗi người con Phật ngoài việc làm giàu vật chất phải chú trọng đến làm giàu tinh thần. Chỉ có gia tài Phật pháp mới thật sự giàu có và bền vững. Làm giàu tinh thần tức thành tựu tịnh tín bất động với Tam bảo và Giới luật mới thực sự là giàu, rất giàu, có tài sản lớn, có danh xưng lớn.▲

5- NGUYÊN NHÂN PHUNG PHÍ TÀI SẢN

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana. Bấy giờ, Singālaka, gia chủ tử, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, chấp tay đánh lễ sáu phương.

Rồi Thế Tôn, buổi sáng vào thành Vương Xá khất thực, sau khi dạy Singālaka về ý nghĩa đánh lễ sáu phương, Ngài dạy thêm:

Này gia chủ tử, có sáu nguyên nhân phung phí tài sản: Đam mê rượu chè là nguyên nhân phung phí tài sản. Du hành đường phố phi thời là nguyên nhân phung phí tài sản. La cà hí viện đình đám là nguyên nhân phung phí tài sản. Đam mê cờ bạc là nguyên nhân phung phí tài sản. Giao du với bạn ác là nguyên nhân phung phí tài sản. Quen thói lười biếng là nguyên nhân phung phí tài sản...

(ĐTKVN, *Trường Bộ II*, kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt [trích], VNCPHVN ấn hành, 1991, tr.532)

LỜI BÀN:

Tài sản vốn là huyết mạch, mạng sống của hầu hết mọi người. Trải qua nhiều gian khó mới làm ra tài sản một cách chân chính nhưng để gìn giữ hoặc tiêu xài đúng đắn, có ý nghĩa thiết thực thì chẳng dễ dàng. Mỗi người đều có một thú vui, sở thích tiêu xài riêng. Chính những sự tiêu xài phung phí, không chính đáng ấy đã khiến cho không ít người giàu lao đao và người nghèo càng thêm khốn đốn.

Theo tuệ giác Thế Tôn, có sáu nguyên nhân phung phí tài sản, bắt nguồn từ sự đam mê (theo khuynh hướng xấu) của con người: Đam mê rượu chè, cờ bạc, chơi đêm, la cà hí viện, giao du với bạn ác và lười biếng. Thực trạng xã hội cho thấy những nguyên

nhân dẫn đến phung phí tài sản này hiện đang tràn lan. Điều đáng nói là không chỉ giới nhiều tiền mới phung phí mà ngay cả những người lao động, thu nhập thấp cũng bị đam mê cuốn hút làm cho khánh kiệt.

Vì vậy, người con Phật luôn quán niệm về sự khó nhọc của bản thân, tài sản được đổi bằng mồ hôi và nước mắt để ý thức về tiết kiệm, không phí phạm. Mặt khác, quán niệm về sự nghèo khó của những người xung quanh, nuôi dưỡng và phát khởi từ bi để sẻ chia, sử dụng tài sản một cách có ý nghĩa và hiệu quả thiết thực nhất.

Ngày nay, công nghệ và dịch vụ giải trí rất phát triển, hoạt động hợp pháp, đáp ứng nhu cầu giải trí, thư giãn của con người. Ở một số nơi, giải trí là ngành công nghiệp mũi nhọn, đem lại doanh thu đáng kể. Đáng rằng, giải trí và thư giãn vốn rất cần thiết cho đời sống nhưng người tham gia giải trí cần phải chánh niệm, tỉnh giác với đam mê, biết dừng lại đúng lúc... để tránh phung phí tài sản. ▀

6- KẾ THỪA GIA TÀI CHÁNH PHÁP

Một thời, Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anàthapindika. Tại chỗ ấy, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, hãy là những người thừa tự pháp của Ta, đừng là người thừa tự tài vật. Ta có lòng thương tưởng các người và nghĩ: “Làm sao những đệ tử của Ta là những người thừa tự pháp của Ta, không phải là những người thừa tự tài vật”.

Và này các Tỷ kheo, nếu các người là những người thừa tự tài vật của Ta, không phải là những người thừa tự pháp thì không những các người mà cả Ta cũng trở thành người mà người ta nói: “Cả thầy và trò đều là những người thừa tự tài vật, không phải là những người thừa tự pháp”.

Và này các Tỷ kheo, nếu các người là những người thừa tự pháp của Ta, không phải là những người thừa tự tài vật thì không những các người mà cả Ta cũng trở thành người mà người ta nói: “Cả thầy và trò đều là những người thừa tự pháp, không phải là những người thừa tự tài vật”.

Do vậy, này các Tỷ kheo, hãy là những người thừa tự pháp của Ta, đừng là người thừa tự tài vật.

(ĐTKVN, *Trung Bộ I*, kinh Thừa tự pháp
[lược], VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.31)

LỜI BÀN:

Trong tất cả chúng ta, bất kỳ ai đâu có kế thừa vật chất hay không thì cũng được thừa kế một gia tài huyết thống và tinh thần từ cha mẹ, ông bà, tổ tiên. Chính điều này đã góp phần quan trọng tác thành nên thể chất và tâm hồn, tạo ra đặc thù nơi mỗi cá nhân đồng thời phản ánh rõ ràng nghiệp lực của người ấy. Tuy

nhiên, không nhiều người để ý đến phương diện này, đa phần họ đều quan tâm đến thừa kế tài sản, nhà cửa, đất đai (nếu có) và đó cũng là nguyên nhân tạo ra đổ vỡ, xung đột, bất hòa trong mỗi gia đình.

Đối với người tu cũng vậy, kế thừa gia tài Chánh pháp của Phật và thầy tổ để ứng dụng tu tập, hoằng truyền giáo pháp là việc cần làm. Song, thực tế thì điều này chưa được quán triệt trong nhận thức của một số người và kết quả tranh chấp, xung đột, chia rẽ xảy ra trong huynh đệ, trụ xứ và Tăng đoàn là điều không tránh khỏi.

Thời Thế Tôn, Ngài và chúng Tăng sống đời khát thực ba y một bát, du hành từ nơi này đến nơi khác, khi mọi người gần như vô sản mà Ngài đã lưu tâm, cảnh báo đến việc thừa kế vật chất chúng tỏ tâm tham ái của chúng sanh lớn đến mức nào! Ngày nay, đời sống xã hội ngày càng phát triển, sung túc hơn dĩ nhiên đời sống của người tu cũng được nâng cao và ổn định hơn. Tuy nhiên, sự phát triển về vật chất chỉ mới là điều kiện cần nhưng chưa thực sự đủ cho việc tịnh hóa thân tâm, thậm chí đôi khi nó còn mang đến hiệu ứng ngược lại. Do đó, phải thành tựu Chánh kiến để thừa kế gia tài Pháp bảo của Như Lai, không thừa kế bất cứ cái gì ngoài Chánh pháp. Trong bối cảnh tu học hiện nay, thừa tự Pháp là điều mà hàng hậu học cần suy gẫm, quán sát thật sâu sắc nhằm thực hành lời Phật dạy để thăng hoa và giải thoát.▲

V. CỬ SĨ

1- HOA SEN TRONG GIỚI NAM CƯ SĨ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ kheo, nam cư sĩ là kẻ bị vất bỏ ra khỏi giới nam cư sĩ, là cấu uế, là tối hạ liệt cho nam cư sĩ. Thế nào là năm?

Không tin; ác giới; đoán tương lai với những nghi lễ đặc biệt; tin tưởng điềm lành, không tin hành động; tìm kiếm ngoài Tăng chúng người xứng đáng tôn trọng và tại đấy phục vụ trước.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ kheo, nam cư sĩ là hòn ngọc trong giới nam cư sĩ, là hoa sen hồng, là hoa sen trắng trong giới nam cư sĩ. Thế nào là năm?

Có lòng tin; có giới; không đoán tương lai với những nghi lễ đặc biệt; không tin tưởng điềm lành, tin ở hành động; không tìm kiếm ngoài Tăng chúng người xứng đáng tôn trọng và tại đấy phục vụ trước.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Nam cư sĩ, phần Kẻ bị vất bỏ, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.643)

LỜI BÀN:

Trong bốn chúng đệ tử Phật, ngoài hai chúng xuất gia thì hai chúng ngoại hộ tại gia có vai trò rất quan trọng, nhất là hộ trì Chánh pháp. Khi một người thức tỉnh quay về nương tựa Tam bảo liền được Thế Tôn tán thán: Lành thay, lành thay! Tuy nhiên, Thế Tôn cũng rất cứng rắn, sau nhiều lần khuyên dạy mà không chuyển hóa thì “lật úp bình bát” đối với bất cứ đệ tử nào nếu không tu tập đúng pháp, chẳng tuân thủ giới luật, rơi vào tà kiến.

Nam cư sĩ trụ tín thường được ca ngợi là thiện nam. Để trở thành

người con trai lành trong Chánh pháp, trước hết phải có lòng tin; thâm tín Tam bảo, tin sâu nhân quả, tội phước và nghiệp báo. Nam cư sĩ trụ tín phải có đầy đủ năm nhân cách (năm giới) của người Phật tử đồng thời không bị mê hoặc bởi những trò tiên đoán kiết hung hay tế lễ thần linh để cầu tăng phước, tiêu tai. Người nam cư sĩ chân chính tin tưởng sâu sắc vào nghiệp báo ngay nơi những hành động hiện tiền của thân, khẩu và ý bởi chính những gì chúng ta đang thực hành trong hiện tại sẽ kiến tạo nền tảng ở tương lai. Đặc biệt là phải xác định đúng, quy kính bậc chân sư sáng suốt để nương tựa tinh thần, học tập giáo pháp và tận lực hộ pháp.

Thực hành trọn vẹn năm điều trên, một nam cư sĩ xứng đáng được tôn trọng, quý giá như vàng ngọc, thơm ngát như hoa sen trong giới nam cư sĩ. Tuy nhiên, không phải nam cư sĩ nào cũng hội đủ duyên lành, nỗ lực tu học, xứng đáng là thiện nam tử làm gương sáng cho hội chúng cư sĩ. Đa phần những nam cư sĩ đang trên lộ trình hướng đến việc thực hiện trọn vẹn năm điều ấy. Khi một nam cư sĩ không hoàn thành trách nhiệm và bổn phận của mình: không thâm tín Tam bảo, chưa giữ trọn năm giới đồng thời lại tin theo tà kiến, mê tín, quy hướng thầy tà bạn ác... theo Thế Tôn là “kẻ bị vất bỏ, cấu uế và tối hạ liệt”, không còn xứng đáng là một nam cư sĩ trong Chánh pháp. Do vậy, những nam cư sĩ hãy nhận thức sâu sắc về lời Phật dạy để tự chuyển hóa và hoàn thiện mình trở thành ngọc quý, hoa sen luôn tỏa hương đức hạnh và tuệ giác làm đẹp cho tự thân và cuộc đời.▲

2- NGƯỜI CƯ SĨ

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, trong khu vườn cây bàng. Rồi Mahànàma đi đến đảnh lễ, bạch Thế Tôn:

Cho đến thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ?

Ai quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ.

Cho đến thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ giới?

Này Mahànàma, người cư sĩ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ giới.

Cho đến thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ tín?

Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: “Đây là Như Lai, bậc A la hán, Phật, Thế Tôn”. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ tín.

Cho đến thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ bố thí?

Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ trú ở gia đình, tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, chia sẻ vật bố thí. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ bố thí.

Cho đến thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ?

Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ thành tựu trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ các bậc Thánh thể nhập, đưa đến đoạn tận khổ đau. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 11, phẩm Phước đức sung mãn, phần Mahànàma, NXB Tôn Giáo, 2002, tr.574)

LỜI BÀN:

Một trong những tiêu chuẩn cơ bản để tác thành người Phật tử là quy y Tam bảo. Được trở về, quy kính, nương tựa Phật, Pháp, Tăng làm người con Phật là một sự chuyển hóa lớn, không phải người nào cũng hội đủ duyên lành. Cùng với việc phát tâm quy y Tam bảo, người cư sĩ phải trau dồi nhân cách, đạo đức của mình bằng cách tự nguyện thọ trì năm giới.

Có thể nói Tam quy và Ngũ giới là nền tảng của người Phật tử. Tuy vậy, ngoài Tam quy và Ngũ giới, hàng cư sĩ cần nỗ lực phát triển thêm các hạnh lành, đặc biệt là niềm tịnh tín Tam bảo. Thâm tín Tam bảo là điểm tựa vững chãi nhất của lộ trình tăng thượng phước báo và thăng hoa đời sống tâm linh. Tín tâm phải kiên cố thì sở nguyện mới viên thành.

Để cải thiện phước báo của tự thân, tu tập về bố thí là phương tiện thù thắng nhất. Mở rộng vòng tay với tha nhân, nhường cơm sẻ áo, nhớ nghĩ về mọi người là trách nhiệm và bổn phận của người con Phật. Đồng thời, bố thí là cách thể hiện rõ nét việc làm đoạn giảm xan tham, cố bám víu vật chất, một tâm lý cố hữu của chúng sanh, nguyên nhân chủ yếu của mọi khổ đau, luân hồi sanh tử.

Điều đặc biệt quan trọng đối với người con Phật là phải thành tựu trí tuệ. Nỗ lực quán chiếu để thấy được vô thường, sanh diệt của con người và thế giới. Không có cái gì trường cửu, bất biến, tồn tại mãi mãi trên cuộc đời này, vạn pháp đều luân chuyển. Nhờ quán sát và tuệ tri như vậy, người Phật tử bớt tham ái, giảm cố chấp đồng thời tin tưởng vào sự chuyển hóa của tự thân ngày một tốt hơn.▀

3- BỐN PHẬN NGƯỜI GIA CHỦ

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Koli, tại thị trấn Sajanela. Rồi gia chủ Anàthapindika đi đến đánh lễ và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ như sau:

Thành tựu bốn pháp này, này gia chủ, vị Thánh đệ tử bước vào con đường thích đáng của gia chủ, con đường đem lại tiếng tốt, con đường đưa đến cõi trời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử hộ trì chúng Tỷ kheo; hộ trì chúng Tỷ kheo với y, với đồ ăn khát thực, với sàng tọa, với dược phẩm trị bệnh.

Thành tựu bốn pháp này, này gia chủ, vị Thánh đệ tử bước vào con đường thích đáng của gia chủ, con đường đem lại tiếng tốt, con đường đưa đến cõi trời.

“Bạc hiền trí thực hiện; con đường thật xứng đáng; của người làm gia chủ; hộ trì bậc có giới; bậc sở hành chân chánh; hộ trì với y áo; với đồ ăn khát thực; sàng tọa, thuốc trị bệnh; công đức họ tăng trưởng; thường hằng, ngày lẫn đêm; do làm nghiệp hiền thiện; đi đến cảnh chư Thiên”.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 4, phẩm Nguồn sanh phước, phần Bốn phận người gia chủ, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.674)

LỜI BÀN:

Người Phật tử sau khi đã quy y, giữ năm giới cấm để từng bước hoàn thiện nhân cách đồng thời song hành tu tập phước huệ, nguyện trọn đời hộ trì Tam bảo. Trong đó, hộ trì chúng Tăng về bốn vật dụng thiết yếu như y phục, ăn uống, sàng tọa, thuốc thang để yên ổn tu tập có ý nghĩa quan trọng. Bởi ngoài việc vun bồi phước báo cho tự thân, hộ trì chúng Tăng là góp phần tích cực nhất trong việc bảo vệ và giữ gìn Chánh pháp được

trường tồn.

Kể từ khi Thế Tôn nhập Niết bàn, Chánh pháp trở thành đối tượng quan trọng bậc nhất. Vì nếu không có Thế Tôn ở đời mà người con Phật biết nương tựa vào Chánh pháp thì vẫn thành tựu giải thoát. Đến nay, giáo pháp vẫn được bảo tồn và hoằng truyền rộng rãi, song để giải mã giáo pháp thành Chánh pháp là điều không phải ai cũng làm được. Bởi Chánh pháp phải được cảm nhận và diễn dịch trên cơ sở liễu tri và thân chứng. Vì thế, vai trò của chư Tăng trong việc duy trì Chánh pháp lại càng quan trọng hơn.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, hộ trì chư Tăng với bốn vật dụng sẽ được phước báo sanh về cõi Trời. Sanh lên Thiên giới cũng là một trong những kết quả tu tập của hàng Phật tử vì cõi Trời vốn đầy đủ phước báo. Nhưng đây chỉ là bước chuyển nghiệp tạm thời dành cho những đối tượng cầu phước báo, cứu cánh của người tu Phật là Vô thượng Bồ đề. Do vậy, hộ trì chư Tăng để hoằng dương Chánh pháp, giữ gìn Tam bảo trường tồn, nương tựa Tăng thực hành Chánh pháp nhằm đạt đến cứu cánh giải thoát. Phước báo hộ trì Tăng bảo vốn vô lượng, không chỉ đem lại tiếng tốt, được sanh Thiên mà còn là nền tảng vững chắc để thành tựu quả vị Giác ngộ. ▀

4- CƯ SĨ CHỨNG QUẢ DỰ LƯU

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, mang bát đi đến nhà Thích nữ Kàligodhà. Sau khi ngồi vào chỗ đã dọn sẵn, Thế Tôn nói với Thích nữ Kàligodhà:

Thành tựu bốn pháp này, này Godhà, vị nữ Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Godhà, vị nữ Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và vị này trú ở gia đình, tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, chia sẻ, bố thí.

Này Godhà, thành tựu bốn pháp này, một nữ Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 11, phẩm Phước đức sung man, phần Kàli, NXB Tôn Giáo, 2000, tr.577)

LỜI BÀN:

Chuyện cư sĩ tu hành đắc Sơ quả sau khi nghe xong pháp thoại hoặc trải qua quá trình tu tập rất phổ biến trong thời Thế Tôn còn tại thế. Đến tận ngày nay, vẫn còn khá nhiều vị Phật tử miên mật hành trì pháp môn Niệm Phật đã thành tựu vãng sanh, lưu xá lợi. Thực ra, sự thực tập, hành trì giáo pháp chính là lộ trình chuyển hóa tâm thức, không phân biệt hình thức tại gia hay xuất gia. Nếu chuyên tâm tu tập thì chắc chắn hành giả sẽ dự phần vào dòng Thánh.

Để bước chân vào Dự lưu (Sơ quả Tu đà hoàn), theo tuệ giác của

Thế Tôn, một cư sĩ phải thành tựu lòng tin thanh tịnh bất động vào Phật, Pháp, Tăng và hoan hỷ thí xả. Đa phần chúng ta đều có niềm tin nhưng chưa thực sự đạt đến sự tin tưởng sâu sắc, tuyệt đối, không lay chuyển vào Tam bảo. Vì thế, dấu hiệu tại chúng ta có nỗ lực tọa thiền, tụng kinh, niệm Phật nhưng Thánh vị vẫn còn xa.

Đến khi nào an trụ vững chắc trong chánh tín, hành giả vận dụng tuệ giác thiền quán quét sạch ba kiết sử đầu tiên Thân kiến, Nghi và Giới cấm thủ thì dự phần vào Sơ quả Dự lưu, Nhập lưu hay Thất lai. Bậc Dự lưu kinh qua giây phút đầu tiên chứng nghiệm đạo quả, đắc được ba pháp. Một là người đó không còn chấp linh hồn hay có cái ta tồn tại mãi mãi, biết rõ thân và tâm vô thường, vô ngã. Hai là dứt trừ hoài nghi về Tam bảo, hiểu rõ và tin tưởng tuyệt đối Phật, Pháp, Tăng. Ba là không còn giới cấm thủ, chấp trì các hủ tục, mê tín dị đoan chỉ tin tưởng vào nhân quả, trì giới... Và đặc biệt là sự hoan hỷ thí xả, buông bỏ trong niềm an lạc.

Dù chỉ mới ở địa vị Thất lai (phải trải qua bảy lần tái sanh nữa) nhưng Dự lưu là đã nhập vào dòng Thánh, không còn bị thối chuyển, đọa lạc trầm luân. Từ đây đến quả vị giải thoát hoàn toàn, vấn đề chỉ còn là thời gian. Vì vậy, những ai chưa thành tựu chánh tín, tịnh tín và thí xả thì hãy cố gắng hơn nữa trong việc thực hành lời Phật dạy. ▀

5- LẬT ÚP BÌNH BÁT

Một thời, Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Kosala và dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, nếu muốn, chúng Tăng có thể lật úp bình bát của một nam cư sĩ thành tựu tám pháp. Thế nào là tám?

Cố gắng đem lại thiệt hại cho các Tỷ kheo; cố gắng đem lại bất lợi cho các Tỷ kheo; cố gắng đuổi các Tỷ kheo không cho trú ở; mắng nhiếc, chỉ trích các Tỷ kheo; làm ly gián giữa các Tỷ kheo; hủy báng Phật; hủy báng Pháp; hủy báng Tăng.

Này các Tỷ kheo, nếu muốn, chúng Tăng có thể lật úp bình bát của một nam cư sĩ thành tựu tám pháp này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ IV*, phẩm Niệm, phần Bình bát, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr.55)

LỜI BÀN:

Lật úp bình bát của một người có nghĩa là không chấp nhận, không dung chứa hay nói cách khác là cách ly, tẩn xuất, đuổi người ấy ra khỏi đoàn thể, cộng đồng. Song hành với nỗ lực làm trong sạch hàng ngũ xuất gia, nhiệm vụ của các Tỷ kheo phải làm thanh tịnh hàng ngũ cư sĩ, bằng cách lật úp bình bát của họ.

Không phải đến tận ngày nay mà ngay thời Thế Tôn còn tại thế, len lỏi trong hàng ngũ cư sĩ tín tâm, thiện chí tu học là một vài phần tử xấu. Họ gia nhập các tổ chức Phật tử không nhằm mục đích tu học mà với mục đích khác, phục vụ cho ý đồ xấu xa của họ. Biểu hiện cụ thể của các phần tử này là tìm cách nói xấu, tìm lỗi, chỉ trích, hủy báng và làm ly gián, phá hoại sự hòa hợp của chúng Tăng.

Theo quan điểm của Thế Tôn, phải vạch trần những hành vi lợi dụng danh nghĩa Phật tử để làm rối Đạo đồng thời tẩn xuất ngay những người ấy ra khỏi Thất chúng đệ tử Phật. Thế Tôn đã cảnh báo cho hàng đệ tử biết rằng không một loài muông thú nào có thể quật ngã sư tử ngoại trừ chính vi trùng trong thân sư tử. Cũng vậy, sự phá hoại Chánh pháp không phải đến từ bên ngoài mà nguy cơ lại tiềm ẩn bên trong những người nhân danh vì sự hưng suy của Chánh pháp. Vì thế, nếu cần thiết, để tránh họa “sư tử trùng”, chư Tăng phải kiên quyết lật úp bình bát của họ.

Trong bối cảnh Tăng đoàn ít nhiều có sự phân hóa như hiện nay, nếu không có biện pháp tích cực để khắc phục thì tương lai của Tăng đoàn sẽ vô cùng ảm đạm. Vì lẽ, bí quyết tồn tại và phát triển của Tăng đoàn là tinh thần hòa hợp. Sự hòa hợp giữa chư Tăng nói riêng và Thất chúng đệ tử nói chung là mối liên hệ khăng khít bất khả phân, như nước với sữa. Đánh mất sự hòa hợp là hủy hoại bản thể Tăng già, điều này đồng nghĩa với tự sát mà nguyên nhân chủ yếu của vấn đề chắc chắn có sự hiện hữu của “sư tử trùng”.

Vì thế, hơn lúc nào hết, người Phật tử trong quá trình hoàn thiện tự thân phải gương cao ngọn đèn Chánh pháp. Cảnh giác cao độ với tất cả mọi động thái, hành vi, lời nói có khuynh hướng tổn hại Tam bảo đồng thời phải có thái độ kiên quyết, ly khai đối với những phần tử “sư tử trùng” nhằm bảo vệ Chánh pháp là hành động thiết thực của người con Phật, sống theo lời Phật dạy.▲

6- THỌ TRÌ NĂM GIỚI

Một thời, Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Magadha. Các nam cư sĩ làng Pàtali đi đến, đánh lễ và bạch Thế Tôn.

Mong Thế Tôn trú ở giảng đường của con!

Thế Tôn im lặng nhận lời rồi khi đến giảng đường bảo các nam cư sĩ làng Pàtali:

Này các gia chủ, có năm điều nguy hiểm này cho người phạm giới. Thế nào là năm? Ở đây, này các gia chủ, người phạm giới do nhân duyên phóng dật nên hao mất tài sản lớn, đây là nguy hiểm thứ nhất. Người phạm giới tiếng xấu đồn xa, đây là nguy hiểm thứ hai. Người phạm giới khi đi đến hội chúng nào đều đến với tâm trạng sợ hãi, đây là nguy hiểm thứ ba. Người phạm giới khi chết bị si ám, đây là nguy hiểm thứ tư. Người phạm giới khi mạng chung bị sanh vào ác thú, đoạ xứ, địa ngục, đây là nguy hiểm thứ năm.

Này các gia chủ, có năm điều lợi ích này cho người giữ giới. Thế nào là năm? Ở đây, này các gia chủ, người giữ giới do nhân duyên không phóng dật nên được tài sản lớn, đây là lợi ích thứ nhất. Người giữ giới tiếng tốt được đồn xa, đây là lợi ích thứ hai. Người giữ giới khi đi đến hội chúng nào đều đến với tâm trạng không có sợ hãi, đây là lợi ích thứ ba. Người giữ giới khi chết không bị si ám, đây là lợi ích thứ tư. Người giữ giới khi mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này, đây là lợi ích thứ năm.

(ĐTKVN, *Tiểu Bộ I*, Kinh Phật tự thuyết, chương 8, phẩm Pataligamiya, NXB TP.HCM, 1999, tr.276)

LỜI BÀN:

Hàng Phật tử, sau khi quy y thì phát tâm thọ trì năm giới, phát

nguyện không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu trong suốt cuộc đời. Thọ giới và giữ giới trong đạo Phật hoàn toàn mang ý nghĩa tự giác và tự nguyện ngộ hấu thành tựu nhân cách của người con Phật và đạt được nhiều lợi ích trong cuộc sống.

Giới pháp như ngọn đèn soi sáng bóng đêm giúp người đi đường không lạc lối. Giới như hàng rào che chắn, bảo vệ cho người thọ trì vượt thoát những cám dỗ, hiểm nguy. Giữ giới chính là ý thức tự giữ gìn sự an toàn và hạnh phúc cho chính mình. Vì thế, người Phật tử hoàn toàn chủ động trong việc cải thiện phước báo của mình ngày một tốt đẹp hơn đồng thời chịu trách nhiệm hoàn toàn trước mọi hành động của mình mà không hề bị trừng phạt hay được ban ơn từ thần linh hoặc một đấng thiêng liêng.

Người sống vượt ra khỏi giới pháp thì ngay lập tức năm nguy hiểm sẽ chờ đón. Nếu không dừng lại và chuyển hóa những hành vi giết chóc, trộm cướp, tà dâm, dối trá và say sưa, nghiện ngập thì hậu quả về mất mát tài sản, tai tiếng, sợ hãi, si mê và khi chết堕 vào địa ngục là điều không thể tránh khỏi. Ngược lại, tuân thủ và giữ gìn giới pháp đã thọ thì chắc chắn gặt hái năm điều lợi ích: giữ vững tài sản, tiếng tốt đồn xa, tự tin trước mọi người, tâm hồn trong sáng và phước báo trời người ở đời sau.

Phật dạy: Hãy tự mình thấp đuối lên mà đi; Hãy tự mình nương tựa hải đảo của chính mình; Như Lai là Bạc Y Vương tùy bệnh cho thuốc; Như Lai chỉ là Bạc Thầy dẫn đường... Vậy thì, muốn lành bệnh thì phải tự uống thuốc, muốn đến đích thì tự bước đi, muốn lợi ích và an vui thì người con Phật phải tự giữ giới. Hạnh phúc hay khổ đau, lợi ích hoặc nguy hiểm đều ở nơi tự tâm, đều phụ thuộc vào việc tuân thủ hay hủy phạm giới pháp. Cho nên tự ý thức, hành động theo giới pháp để được lợi ích, an vui trong đời này và đời sau là phương châm sống của người con Phật.▲

7- HƯƠNG ĐỨC HẠNH

Một thời, Thế Tôn trú tại Vesàli. Rồi Tôn giả Ananda đi đến đánh lễ, bạch Thế Tôn:

Có ba loại cây hương này, bạch Thế Tôn, hương của chúng bay theo chiều gió. Thế nào là ba? Cây hương rế, cây hương lõi và cây hương hoa.

Này Ananda, có loại cây hương mà hương bay thuận gió, bay ngược gió và bay thuận gió ngược gió.

Bạch Thế Tôn, loại cây hương ấy là gì?

Ở đây, này Ananda, có nữ hay nam nhân quy y Phật, Pháp, Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ sống tà hạnh, từ bỏ nói láo, từ bỏ uống rượu, giữ giới, tâm tính hiền lương, không xan tham, ưa thích bố thí... Người như vậy, được các Sa môn, Bà la môn tán thán khắp bốn phương.

Cây hương như vậy, này Ananda, có hương bay thuận gió, bay ngược gió và bay thuận gió ngược gió. “Không một hương hoa nào; Bay ngược chiều gió thổi; Dầu là hoa Chiên đàn; Già la hay Mạt ly; Chỉ hương người đức hạnh; Bay ngược chiều gió thổi; Chỉ hương bậc Chân nhân; Biến mãn mọi phương trời”.

(ĐTKVN, *Tăng Chi I*, chương 3, phẩm Ananda, phần Hương, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.408)

LỜI BÀN:

Có thể hôm ấy là một ngày đẹp trời, Tôn giả Ananda được gió mang đến ban tặng cho Ngài những hương thơm tinh khiết của cỏ cây. Tôn giả hồn nhiên cảm tạ đất trời đã gửi hương cho gió.

Nhưng khi chia sẻ kinh nghiệm ấy với Thế Tôn thì Ananda ngạc nhiên vô cùng, bởi cảm nhận về hương của bậc Đạo Sư tinh tế

quá. Thế Tôn đã giới thiệu một loại siêu hương, thơm ngát cả trời đất, ngậy ngát mọi tâm hồn, bay muôn nơi mà chẳng nương vào gió, không nhạt nhòa theo thời gian và cũng chẳng tan loãng trong không gian.

Thì ra, đó là hương thơm của đức hạnh. Danh thơm, tiếng lành của một người con Phật chân chính được ca ngợi, đồn xa. Khi một người phát tâm quay về sống nương tựa Tam bảo, giữ gìn năm giới, thực hành các hạnh lành, tránh xa những điều xấu ác đồng thời nhân ái với mọi người thì tự thân người ấy tỏa ra hương thơm đức hạnh, bay khắp muôn phương.

Danh thơm này luôn được các Sa môn tán thán, những bằng hữu ca ngợi và muôn đời được hậu thế truyền tụng, nhắc tên. Cấp Cô Độc (cấp dưỡng cho những người cô độc, cơ nhỡ) là danh thơm của Phật tử Tu Đạt không chỉ ngát hương khắp toàn cõi Ấn Độ thời bấy giờ mà dư âm của hương xưa còn vang vọng đến tận hôm nay và mãi ngàn sau.

Nếu như danh thơm lan tỏa đến mọi ngõ ngách cuộc đời thì tiếng xấu cũng lan truyền nhanh không kém. Rắn chết để da, người ta chết để tiếng. Bất kể tiếng gì, nức tiếng hay tai tiếng đều bay khắp muôn nơi. Vì thế, người con Phật luôn nỗ lực phấn đấu để tự hoàn thiện mình, tỏa ngát hương đức hạnh. Phải hướng về nương tựa Tam bảo để được soi đường, chỉ lối và dẫn dắt nhằm tránh xa những điều xấu ác, bất thiện, không làm ô danh cho mình và cho đời, hôm nay và mai sau.

“Trăm năm bia đá cũng mòn/Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”. Do vậy, mỗi người con Phật phải trau dồi giới hạnh để luôn mãi ngát hương trong cuộc đời.▲

8- NHỮNG GIA ĐÌNH CHƯ TĂNG KHÔNG NÊN ĐẾN

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, gia đình nào thành tựu bảy chi phần sau; nếu chưa đến thăm, thì không xứng đáng để đi đến; nếu đã đến thăm thì không xứng đáng để ngồi xuống. Thế nào là bảy?

Không vui vẻ đứng dậy; không vui vẻ chào đón; không vui vẻ mời ngồi; có chỗ ngồi đem giấu đi; từ chỗ cho nhiều họ cho ít; từ đồ thù thắng họ cho đồ thô xấu; họ cho không có kính trọng, không có kính lễ.

Này các Tỷ kheo, gia đình nào thành tựu bảy chi phần này; nếu chưa đến thì không xứng đáng để đến; nếu đã đến, thì không xứng đáng để ngồi xuống.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 7, phẩm Tùy miên, phần Gia đình, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.287)

LỜI BÀN:

Quan hệ giữa bốn chúng đệ tử vốn mật thiết, hòa hợp như nước với sữa có từ thời Thế Tôn còn tại thế và được tiếp nối, duy trì cho đến ngày nay. Chư Tăng không nhất thiết tinh tu nơi chùa viện thâm nghiêm mà phải vân du, khát thực, lân mẫn với mọi người để tùy duyên hóa độ, “vì lợi ích, an lạc, hạnh phúc cho chư thiên và loài người”.

Tuy nhiên, vị Tỷ kheo phải quán sát, xem xét, đánh giá thái độ cư xử của những người ở nơi mình đến; phải tinh tế để nhận ra thâm ý của gia chủ. Nếu sự hiện diện của vị Tỷ kheo là một sự trở ngại, họ tiếp đón một cách gượng ép, không hoan hỷ thì ngay lập tức

phải rời khỏi nơi ấy.

Bởi lẽ, chư Tăng ra vào chốn tụ lạc, tiếp xúc với tín đồ không ngoài mục đích hoằng pháp, hóa duyên. Do đó, vị Tỷ kheo luôn giữ vững thể diện của người ly tục, xuất thế đồng thời phải thực sự đem đến hạnh phúc, an vui cho gia chủ. Nếu không làm được điều ấy, vị Tỷ kheo không hoàn thành được sứ mạng của mình thì tốt nhất không nên ra ngoài.

Đối với tín đồ, đa phần đều cảm thấy hạnh phúc và hãnh diện khi chư Tăng thân hành quang lâm. Bởi “Tăng đạo như Phật lai” là quan niệm chung của hàng Phật tử. Song, không phải ở đâu và lúc nào tinh thần ấy cũng được duy trì, thực thi một cách trọn vẹn, nhất là đối với những người sơ cơ, chưa có sự tin hiểu Phật pháp sâu sắc.

Thái độ cư xử khinh trọng đối với chư Tăng phản ánh rõ nét tín tâm của gia chủ. Đừng để gia chủ suy giảm tín tâm và tuyệt đối không nên vì sự xuất hiện của mình mà trở thành gánh nặng, lo toan cho gia chủ. Bởi lẽ, mỗi gia đình có một hoàn cảnh khác nhau, do đó muốn đến nhà cư sĩ, vị Tỷ kheo phải tri thời, đến và đi đúng nơi, đúng lúc. Vì vậy, “hữu thỉnh hữu lai, vô thỉnh bất đáo” là điều mà mỗi Tỷ kheo phải tuân thủ khi đến nhà cư sĩ. ▀

VI. XUẤT GIA

1- BA HẠNH CỦA SA MÔN

Một thời, Thế Tôn trú tại Vesàli, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có ba hạnh này của Sa môn cần phải làm. Thế nào là ba?

Thọ trì tăng thượng giới học, định học và tuệ học. Đây là ba hạnh của Sa môn cần phải làm. Do vậy, các Tỷ kheo phải học tập như sau: Sắc bén là ước muốn của chúng ta để thọ trì tăng thượng giới học, định học và tuệ học.

Ví như, này các Tỷ kheo, một con lừa đi theo sau một đàn bò, nghĩ rằng “ta cũng là con bò” nhưng nó không có màu sắc, tiếng kêu và chân giống con bò. Tuy vậy, nó vẫn đi theo đàn bò và nghĩ rằng “ta cũng là con bò”.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, ở đây có Tỷ kheo đi theo sau lưng chúng Tỷ kheo, nghĩ rằng “ta cũng là Tỷ kheo”. Nhưng vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng giới học, định học và tuệ học như những Tỷ kheo khác. Tuy vậy, vị ấy vẫn đi theo sau lưng chúng Tỷ kheo, nghĩ rằng “ta cũng là Tỷ kheo”.

Do vậy, các Tỷ kheo phải học tập như sau: Sắc bén là ước muốn của chúng ta để thọ trì tăng thượng giới học, định học và tuệ học.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Sa môn, phần Sa môn [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.415)

LỜI BÀN:

Xuất gia vốn đã khó, làm tròn bổn phận của người xuất gia lại càng khó hơn. Nhiều người nghĩ rằng đã đi tu, làm Tỷ kheo là thanh tịnh, giải thoát và hoàn thiện. Thực ra, đó chỉ là bước đầu, người xuất gia phải tu luyện trong một thời gian dài, phấn đấu và

nỗ lực thật nhiều mới có thể kiện toàn những phẩm chất cần có. Người xuất gia, dù tu tập theo bất cứ truyền thống, hệ phái, tông phái nào và dù ở bất cứ vị trí nào trong Giáo hội hay xã hội thì mục tiêu phải đạt được là thành tựu giới học, định học và tuệ học. Giới định tuệ là cốt lõi của sự nghiệp tu tập, là ba chân vạc chắc chắn của đời sống xuất gia. Do vậy, có thể nói, nếu không chuyển hóa để “thọ trì tăng thượng giới học, định học và tuệ học” thì người ấy chỉ là “hình đồng xuất gia” mà thôi.

Thế Tôn đưa ra ảnh dụ về con lừa đi theo đàn bò và nghĩ rằng “ta cũng là con bò” thật cụ thể, ấn tượng và sâu sắc. Con lừa thì hoàn toàn khác biệt con bò nên đâu có đi theo đàn bò hay lẫn lộn giữa đàn bò thì lừa cũng vẫn là lừa. Chỉ tội nghiệp cho con lừa mê muội nghĩ rằng mình là bò, “thấy sang bắt quàng làm họ” mà chẳng chút tương ứng.

Ngày nay, người xuất gia khá nhiều. Chúng ta đều nguyện theo dấu chân xưa của Phật, Tổ nhưng ai đã theo kịp? Ai đích thực là Tỷ kheo và ai chỉ là người đi theo sau lưng chúng Tỷ kheo mà nghĩ rằng “ta cũng là Tỷ kheo”? Giới, định và tuệ nơi tự thân mỗi người sẽ là câu trả lời và đó cũng chính là mục tiêu thiết thực nhất cho một đời dẫn thân tu học. ▀

2- KHẮT SĨ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Rồi Bà la môn Bhikkhaka đi đến, sau khi chào đón, hỏi thăm, ngồi xuống một bên bạch Thế Tôn:

Thưa Tôn giả Gotama, con là người khát thực và Tôn giả cũng là người khát thực. Vậy có sự sai khác gì giữa chúng ta?

Thế Tôn đáp: “Không phải ai ăn xin; cũng gọi là khát sĩ; nếu chấp trì độc pháp; không còn gọi Tỷ kheo; ai sống ở đời này; từ bỏ các phước báo; đoạn trừ mọi ác pháp; hành trì theo phạm hạnh; sống đời sống chánh trí; vị ấy xứng Tỷ kheo”.

Khi được nghe nói như vậy, Bà la môn Bhikkhaka bạch Thế Tôn:

Thật vi diệu thay Tôn giả Gotama! Mong Tôn giả nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 7, phẩm Cư sĩ, phần Bhikkhaka, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.400)

LỜI BÀN:

Khất sĩ là một trong những ý nghĩa cao quý của Tỷ kheo. Về phương diện nuôi sống thân mạng, Tỷ kheo chọn pháp khát thực, làm một kẻ ăn xin đích thực. Trong vô vàn kẻ ăn xin lang thang từ nơi này đến nơi khác tìm cái ăn để sống vất vưởng qua ngày thì những người ăn xin, Tỷ kheo trì bình khát thực với mục đích hoàn toàn khác, vì tự lợi và lợi tha. Tự lợi là dùng khát thực làm phương tiện nuôi dưỡng sắc thân để tu tập. Lợi tha là dùng phương tiện khát thực để giáo hóa và tạo phước điền cho chúng sanh. Vì thế,

khất thực là truyền thống của mười phương ba đời chư Phật.

Khất sĩ là người ăn xin nhưng không phải kẻ xin ăn nào cũng là khất sĩ, Thế Tôn đã khẳng định như vậy. Nếu thực hành hạnh khất thực để chỉ đơn thuần nuôi thân mà không đoạn trừ ác pháp, không thực hành phạm hạnh, không sống đời chánh trí thì không phải Tỷ kheo. Ngày nay, đa phần các Tỷ kheo không trì bình khất thực nhưng vẫn nhận sự dâng cúng của Phật tử và sự ủng hộ của các nhà hảo tâm để sống, tu tập và thực thi Phật sự. Dù không trực tiếp thực hành theo phương thức “một bát, cơm ngàn nhà” nhưng bản chất của khất sĩ vẫn không thay đổi.

Quán chiếu để thấy tự thân là một khất sĩ, một người ăn xin đích thực là nhiệm vụ của mỗi Tỷ kheo. Nguyên sống đời khất sĩ không cầu phước báo nhân thiên, chỉ vì mục đích duy nhất là thoát ly sanh tử và nguyện cứu độ chúng sanh. Trong tinh thần phương tiện, một khất sĩ có thể và có quyền sở hữu nhưng phải thường quán sát với tuệ giác không có bất cứ cái gì “là tôi, là của tôi và tự ngã của tôi”.

Tuệ tri thường trực về ý nghĩa và bản chất của đời sống khất sĩ là động lực quan trọng để làm suy giảm, dẫn đến triệt tiêu tự ngã và tham ái. Đó cũng là lý do hàng Phật tử khi tu tập bố thí, gieo trồng ruộng phước nơi chúng Tăng không đơn thuần bố thí mà mang ý nghĩa cao cả là cung kính cúng dường.▲

3- BẬC TRƯỞNG LÃO

Một thời, Tôn giả Mahà Kaccàna trú ở Madhurà. Rồi Bà la môn Kandaràyana đi đến, thưa với Tôn giả Mahà Kaccàna như sau:

Tôi có nghe, thưa Tôn giả Mahà Kaccàna: “Sa môn Mahà Kaccàna không kính lễ, không đứng dậy, không lấy ghế mời ngồi đối với các bậc trưởng lão, trưởng thượng đã đi quá nửa cuộc đời, đã đạt mức cuối tuổi đời”. Thưa Tôn giả Mahà Kaccàna, có phải sự tình là như vậy không? Nếu sự tình có như vậy, thưa Tôn giả Mahà Kaccàna, là không được tốt đẹp.

Này Bà la môn, Thế Tôn, bậc Chánh đẳng giác đã tuyên bố về địa vị của trưởng lão và tuổi trẻ. Vị trưởng lão, này Bà la môn, 80 tuổi hay 100 tuổi đời, nếu vị ấy thọ hưởng các dục vọng, sống giữa các dục vọng, bị đốt cháy bởi lửa nhiệt não của dục vọng, bị nhai nghiền bởi các tâm tư dục vọng, cố gắng tìm cầu các dục vọng; người ấy như vậy được gọi là kẻ ngu, không phải là bậc trưởng lão. Dù cho, này Bà la môn, một người còn trẻ, với tóc đen nhánh, trong thời sơ khởi của tuổi đời, mà người ấy không thọ hưởng các dục vọng, không sống giữa các dục vọng, không bị đốt cháy bởi lửa nhiệt não của dục vọng, không bị nhai nghiền bởi các tâm tư dục vọng, không cố gắng tìm cầu các dục vọng; người ấy như vậy được gọi là bậc có trí, bậc trưởng lão.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 2, phẩm Tâm thăng bằng, phần Đất [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.128)

LỜI BÀN:

Ở đời, tuổi tác là một nhân tố quan trọng tác thành nên vị trí của

cá nhân trong cộng đồng. Những người đáng tuổi ông, tuổi cha, tóc bạc, râu dài thì mặc nhiên được hậu sinh kính nể, tôn trọng. Trong đạo cũng vậy, những bậc trưởng lão, thâm niên lại càng được kính nể và tôn trọng hơn.

Tuy nhiên, ngoài vấn đề tuổi tác ra, nhân cách và tuệ giác của chính vị ấy mới là nhân tố quyết định địa vị đích thực của họ trong cộng đồng xã hội hoặc trong Tăng đoàn. Nhất là đối với hàng xuất gia thì phạm hạnh hay đức độ cùng với tuệ giác quyết định hoàn toàn vị trí của họ trong Tăng chúng.

Điều này giới luật đã quy định rạch ròi, đơn cử như một người dù lớn tuổi nhưng xuất gia và thọ giới sau thì phải ngồi dưới hoặc sau (hạ tọa). Nhưng sự phân biệt về thứ lớp có tính hình thức bên ngoài chưa phải là điều quan trọng, cốt tủy của vấn đề là thành tựu ly tham, ly dục biểu hiện bằng đạo đức, phẩm hạnh và tuệ giác nơi mỗi cá nhân. Thiếu vắng hoặc khiếm khuyết những phẩm chất giải thoát này thì dù cho vị ấy có niên cao lạp trưởng, thường ngồi cao hay ngồi trên trong chúng Tỷ kheo thì vẫn là bậc hạ tọa, trung tọa mà không phải là bậc trưởng lão.

Thì ra, ly dục và vượt thoát lưới dục mới là chất liệu kiến tạo nên địa vị trưởng lão. Chưa thoát ly khỏi trói buộc của tham đắm lợi danh, dù người ấy được tôn vinh tới đâu đi nữa, theo Thế Tôn chỉ là hàng vô trí, bậc hạ tọa mà thôi. Vậy nên, bậc có trí, hàng trưởng lão đích thực luôn phản tỉnh để biết rõ tâm mình, bởi trạng huống của nội tâm trong hiện tại phản ánh vị trí của mình trong Tăng đoàn chính xác nhất.▲

4- NĂM HẠNG NGƯỜI ĂN BÌNH BÁT

Một thời, Thế Tôn ở Kosala, Ngài cho gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có năm hạng người ăn từ bình bát này. Thế nào là năm?

Hạng dần độn ngu si ăn từ bình bát; hạng ác dục ác tánh ăn từ bình bát; hạng kiêu mạn loạn tâm ăn từ bình bát; hạng ăn từ bình bát vì được nghe Thế Tôn và các đệ tử Phật tán thán; hạng vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này, ăn từ bình bát.

Trong năm hạng người ăn từ bình bát, này các Tỷ kheo, hạng ăn từ bình bát vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này là đệ nhất, là tối thắng, là thượng thủ.

Ví như, này các Tỷ kheo, từ con bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thực tô, từ thực tô có đề hồ. Đây được gọi là đệ nhất. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, trong năm hạng người ăn từ bình bát, hạng ăn từ bình bát vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này là đệ nhất, là tối thắng, là thượng thủ.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Rừng, phần Ăn từ bình bát, VNCPHVN ấn hành 1996, tr.666)

LỜI BÀN:

Chư Tỷ kheo ôm bình bát khát thực vào mỗi buổi sáng là hình ảnh đẹp và quen thuộc đối với những địa phương có chư Tăng Phật giáo Nam tông. Phật giáo Bắc tông tuy không trì bình khát thực nhưng mỗi năm vào mùa An cư, chư vị Tỷ kheo vẫn giữ truyền thống thọ bát.

Theo quan điểm của Thế Tôn thì thành phần của những người thọ

bát này rất đa dạng, có đến năm hạng. Điều này cũng dễ hiểu bởi chúng sanh căn tánh và nghiệp lực sai biệt. Do vậy, dẫu xuất gia rồi nhưng trong quá trình phấn đấu chuyển nghiệp để đạt đến sự hoàn thiện thì một số người còn những biểu hiện của sự tồn tại, hạn chế xuất phát từ nghiệp là tất nhiên. Tuy cùng hình thức xuất thế, đầu tròn áo vuông, ba y một bát nhưng trong bản chất thì mỗi Tỷ kheo phải phấn đấu để khắc phục nghiệp dĩ của chính mình. Có người nặng về nghiệp si, nghiệp tham, nghiệp sân hoặc nặng về danh vọng và cung kính... nói chung là những chướng ngại cho tiến trình thăng hoa và thanh tịnh tâm.

Trong năm hạng người ăn từ bình bát, Thế Tôn tán thán hạng người ăn bình bát vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành. Bởi đây là những Tỷ kheo hạt giống, là tiềm năng cho quả vị A la hán. Vì muốn ít và biết đủ là nền tảng căn bản của việc đoạn trừ tham, một phiền não làm nên bản chất của chúng sanh. Đoạn giảm là nỗ lực chế ngự dẫn đến triệt tiêu những chướng ngại của phiền não. Viễn ly là xa lìa những ảnh hưởng và tác động của thế tục để hướng đến sự thanh tịnh đồng thời tận lực làm tất cả những điều lành để phát triển thiện nghiệp. Vì lẽ ấy mà những Tỷ kheo nào thực hành đầy đủ các công hạnh này thì được Thế Tôn tán thán là thượng thủ, đệ nhất.

Từ sữa qua quá trình tinh luyện sẽ thành醍醐. Cũng vậy, từ năm hạng người ăn bát, nếu chư Tỷ kheo biết tinh tấn tu học, nhất là trong những mùa an cư thì sẽ còn một hạng duy nhất, đó là hạng thượng thủ, tối thắng. Đây cũng là bản hoài của Thế Tôn đối với hàng Thích tử trong thời Ngài tại thế và mãi cho đến tận hôm nay.▲

5- SỐNG BIỆT LẬP

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Đại Lâm, dạy các Tỷ kheo:

Thành tựu năm pháp này, vị Tỷ kheo không đủ điều kiện để sống biệt lập với chúng Tăng. Thế nào là năm?

Này các Tỷ kheo, ở đây, Tỷ kheo không tự vừa đủ với y phục nhận được chỗ này chỗ kia; không tự vừa đủ với đồ ăn khát thực chỗ này chỗ kia; không tự vừa đủ với sàng tọa nhận được chỗ này chỗ kia; không tự vừa đủ với dược phẩm trị bệnh nhận được chỗ này chỗ kia; và sống với nhiều tư duy về dục.

Thành tựu năm pháp này, vị Tỷ kheo không đủ điều kiện để sống biệt lập với chúng Tăng.

Này các Tỷ kheo, ở đây, Tỷ kheo tự vừa đủ với y phục nhận được chỗ này chỗ kia; tự vừa đủ với đồ ăn khát thực chỗ này chỗ kia; tự vừa đủ với sàng tọa nhận được chỗ này chỗ kia; tự vừa đủ với dược phẩm trị bệnh nhận được chỗ này chỗ kia; và sống với nhiều tư duy về viễn ly.

Thành tựu năm pháp này, vị Tỷ kheo đủ điều kiện để sống biệt lập với chúng Tăng.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Bệnh, phần Sống biệt lập, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.544)

LỜI BÀN:

Không phải đợi đến ngày nay Giáo hội mới đề cập đến việc Tăng Ni ra ở riêng, lập am, cất cốc, dựng thất... mà từ thời Thế Tôn, vấn đề này đã được hướng dẫn chi tiết, rõ ràng với các tiêu chí, điều kiện cụ thể.

Trước hết, Thế Tôn luôn ca ngợi, tán thán những ai lập hạnh và

dấn thân trên con đường độc cư thiền định. Bởi sống độc cư là thực hiện hạnh viễn ly, tạo môi trường lý tưởng cho thực tập thiền định để chúng đạt hạnh phúc, giác ngộ và giải thoát. Tuy nhiên, không phải ai cũng đủ tiêu chuẩn để bước vào con đường này. Nếu chưa điều phục, đoạn giảm tham dục để muốn ít và biết đủ và nhất là chưa thiết lập được chánh niệm vững chãi thì tốt nhất cần phải nương tựa vào Tăng chúng, không được ở riêng.

Vì thế, đa phần những người tu sơ cơ phải gắn bó với Tăng. Tăng chúng có năng lực bảo hộ, soi sáng và trợ duyên rất nhiều cho người xuất gia. Rồi khi đại chúng trong khi chưa đủ hành trang để sống một mình là tự phế bỏ sự nghiệp tu học. Kinh nghiệm của các bậc cao tăng tiền bối “Tăng ly chúng Tăng tàn” đã chứng minh điều ấy.

Trước thực tế Tăng Ni sống biệt lập với đại chúng, xây dựng am cốc ngày càng gia tăng hiện nay, chưa hẳn là điều đáng mừng. Đức Phật tuy khuyến khích hàng xuất gia sống độc cư thiền định nhưng quy định các điều kiện khá chặt chẽ và tiêu chuẩn cũng khá cao. Do đó, những ai tự xét đã hội đủ các quy chuẩn để sống biệt lập thì nên dấn thân để thành tựu giải thoát. Đối với những ai tự thấy mình còn nhiều tham dục, chưa đủ điều kiện để sống riêng thì cần trở về nương tựa Tăng.▲

6- KHÔNG NÊN SỐNG QUÁ LÂU Ở MỘT NƠI

Một thời, Thế Tôn trú tại Veluvana, dạy các Tỷ kheo:

Có năm nguy hại này, này các Tỷ kheo, nếu sống quá lâu tại một chỗ. Thế nào là năm?

Xan tham đối với trú xứ, xan tham đối với gia đình, xan tham đối với đồ vật cúng dường, xan tham đối với công đức, xan tham đối với pháp.

Có năm lợi ích này, này các Tỷ kheo, nếu sống đồng đều tại mỗi chỗ. Thế nào là năm?

Không xan tham đối với trú xứ, không xan tham đối với gia đình, không xan tham đối với đồ vật cúng dường, không xan tham đối với công đức, không xan tham đối với pháp.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Du hành dài, phần Sống quá lâu một nơi, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.725)

LỜI BÀN:

Một trong những đặc điểm của đời sống chư Tăng là du hành. Không nhà cửa, tài sản, vợ con đã đành lại không sống lâu ở một nơi nhằm buông xả, tránh dính mắc, luyện ái với mọi thứ. Ngay cả gốc cây mà vị Tăng an trú trong rừng cũng được Thế Tôn khuyến cáo không nên trụ quá ba đêm, hướng gì nhà cao cửa rộng, chùa to Phật lớn. Vì thế, sẽ không ngạc nhiên khi chư Tăng thường hay di chuyển, thay đổi trú xứ, thông dong với “Một bát cơm ngàn nhà, thân chơi muôn dặm xa, mắt trông xem trần thế, mây trắng hỏi đường qua”.

Con người thích hoài niệm, luyện tiếc quá khứ nên rất khó quên và xả ly những gì mình đã từng dày công vun đắp, gây dựng, gắn bó và thân thương. Cố nhiên đó không phải là điều xấu nhưng

mến thương, lưu luyến nhiều cũng chưa phải là điều hay, nhất là đối với những ai nguyện hướng đến buông xả, thanh thoi và tự tại. Suốt một cuộc đời ta chuyên tâm làm điều thiện như tu niệm, xây chùa, dựng tháp, giáo hóa đồ chúng, với biết bao công đức và phước báo. Rồi trước những thành công cùng với cung kính, ca ngợi, tán dương ấy ta có đủ bản lĩnh và tỉnh táo để vô chấp, khước từ, ra đi không lưu lại dấu vết như “nhạn quá trường không”?

Xây dựng thiện nghiệp vốn cực kỳ khó nhưng từ bỏ nó để đi đến tuyệt cùng xả buông cũng chẳng dễ tí nào. Vì thế, không ít người dám vượt qua Hóa thành để thông dong về Bảo sở. Tham ái theo dục vọng tầm thường hay tham ái thiện nghiệp dù khác nhau nhưng xét cho cùng cũng vẫn là tham, mà đã là tham thì chưa giải thoát.

Xuất gia là ra đi, một cuộc chia tay, ly tham, khước từ vĩ đại nhất đối với hết thảy: làm tất cả điều thiện, lợi ích mà không chấp thủ; không bị dính mắc, trói buộc và buông bỏ tất cả. Vẫn biết “có an cư mới lạc nghiệp” song ý nghĩa đích thực của an cư là tâm thái xa lìa hoàn toàn tham ái và chấp thủ.▶

7- BỐN HẠNG THUYẾT TRÌNH

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có bốn hạng thuyết trình này. Thế nào là bốn?

Có bốn hạng thuyết trình, này các Tỷ kheo, đi đến ngô bí về nghĩa, không về văn; có hạng thuyết trình này, này các Tỷ kheo, đi đến ngô bí về văn nhưng không về nghĩa; có hạng người này, này các Tỷ kheo, đi đến ngô bí về nghĩa cũng như về văn; có hạng người, này các Tỷ kheo, không đi đến ngô bí về nghĩa cũng như về văn.

Này các Tỷ kheo, có bốn hạng người thuyết trình này.

Không có trường hợp này, này các Tỷ kheo, không có cơ hội này, là một người đã thành tựu bốn vô ngại giải, lại đi đến ngô bí về nghĩa cũng như về văn.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 4, phẩm Loài người, VNCPHVN ấn hành 1996, tr.78)

LỜI BÀN:

Trong phận sự của mỗi người con Phật, ngoài việc tu tập để đạt an lạc, giải thoát cho tự thân thì tuyên thuyết, trao truyền và xiển dương giáo pháp nhằm giáo hóa chúng sanh hướng về Tam bảo là nhiệm vụ quan trọng. Muốn hành trì và thuyết giảng đúng Chánh pháp thì trước phải học tập, nghiên cứu để am tường giáo pháp.

Con đường để nhận thức toàn diện giáo pháp là Văn-Tư-Tu; nghe, đọc, học hỏi, nghiên tẩm rồi suy tư, chiêm nghiệm nghĩa lý và nhất là sự thẩm thấu, thể nghiệm giáo pháp thông qua hành trì, nội chứng. Kiện toàn được những yếu tố này, thì dù chưa đạt đến biện tài vô ngại song cũng đủ tư lương để xiển

dương Chánh pháp.

Theo kinh nghiệm của Thế Tôn, muốn diễn đạt, tuyên thuyết, trình bày một vấn đề trước hội chúng có sức thuyết phục cần thông suốt văn và nghĩa. Văn bản, kinh sách, tâm chương trích cú phải thông thuộc, đúng gốc, rõ ràng đồng thời nghĩa lý, ý tứ của kinh văn phải hiểu rõ để diễn đạt mạch lạc, chính xác. Và dĩ nhiên, nhưng ai chưa thông suốt cả văn lẫn nghĩa hoặc thông thạo về văn nhưng chưa thông về nghĩa lý thì tốt nhất là “im lặng như Chánh pháp”, cần rèn luyện và trau dồi thêm. Trường hợp, liễu triệt về nghĩa nhưng bị giới hạn về văn, muốn có phương tiện hoàng hóa cũng cần bổ túc thêm cho đến khi hiểu biết trọn vẹn cả văn lẫn nghĩa.

Khi dự vào Thánh vị, thành tựu Bốn vô ngại giải (giáo pháp, nghĩa lý, ngôn từ, biện giải vô ngại) là điều kiện lý tưởng để tuyên thuyết giáo pháp. Khi chưa thành tựu Bốn vô ngại giải hay liễu tri văn nghĩa, không vì thế mà không tận lực tuyên dương Chánh pháp, song cần phải tự biết mình để kiện toàn. Ngày nay, không ít người thuyết pháp vì không hiểu được tinh nghĩa Đại thừa nên vội vàng quy kết là phi Phật pháp. Trừ những ai chứng đạt Bốn vô ngại giải, còn hàng phàm phu thì nên cẩn trọng, thiết nghĩ đó cũng là vấn đề cần lưu tâm của mỗi người con Phật, trong bối cảnh hoàng pháp hiện nay.▲

8- BA VIỆC TRỌNG YẾU CỦA NGƯỜI TU

Một thời, Thế Tôn trú tại Vesàli, dạy các Tỷ kheo:

Có ba việc này, này các Tỷ kheo, một nông phu cần phải làm trước. Thế nào là ba?

Người nông phu trước hết phải khéo cày bừa. Cày bừa xong người ấy gieo hạt đúng thời. Gieo hạt đúng thời xong người ấy cho nước chảy vô chảy ra đúng thời. Ba việc này, này các Tỷ kheo, một nông phu cần phải làm trước.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, có ba công việc này, một Tỷ kheo cần phải làm trước. Thế nào là ba?

Thọ trì tăng thượng giới học, thọ trì tăng thượng tâm học, thọ trì tăng thượng tuệ học. Ba công việc này, này các Tỷ kheo, một Tỷ kheo cần phải làm trước.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Sa môn, phần Nghề nông [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.416)

LỜI BÀN:

Mỗi người đều có vô vàn công việc, từ chuyên môn cho đến những chuyện vụn vặt, từ những việc làm có lợi ích thiết thực ngay hiện tại cho đến sẽ hữu ích trong tương lai... Tuy nhiên, điều quan trọng là mỗi người với vai trò khác nhau phải xác định được những việc chính yếu cần làm ngay để hoàn thành trách nhiệm với tự thân và xã hội.

Với người nông dân thì vụ mùa bội thu là phần thưởng xứng đáng cho những nỗ lực cày bừa, gieo hạt, chăm sóc... trước đó. Sau vụ mùa, người nông dân có thể làm một nghề tay trái nào đó để cải thiện, tăng thu nhập nhưng trong chính vụ mà lơ là hoặc không tập trung cho công việc đồng áng thì không nên.

Đối với người tu Phật cũng vậy, thành tựu Tam vô lậu học Giới-

Định-Tuệ là trọng tâm của sự nghiệp tu tập giải thoát, vì thế ba môn học vô lậu này phải được ưu tiên hàng đầu. Giới-Định-Tuệ là cốt tủy, xương sống của mọi pháp môn tu tập Phật giáo. Dù Phật giáo có vô lượng pháp môn nhưng nếu nhân danh tu tập theo Phật mà thiếu vắng hoặc trống rỗng về Giới-Định-Tuệ thì xem như đang ở bên ngoài Chánh pháp.

Mặc dù tinh thần phương tiện cho phép người tu tùy duyên thực hành mọi việc lành để lợi ích cho chúng sanh nhưng phải xác định rõ ràng giữa cứu cánh và phương tiện. Cứu cánh là giải thoát, tức thành tựu viên mãn về Tam vô lậu học Giới-Định-Tuệ. Tinh thần phương tiện đúng đắn của Phật giáo chính là thông qua phương tiện sẽ trui rèn ý chí, mài giũa nhân cách và làm hiển lộ cứu cánh nội tâm thanh tịnh, trí tuệ sáng suốt, từ bi tràn đầy. Nếu vận dụng phương tiện trong quá trình tu học mà không đem đến “lợi mình, lợi người, lợi cả hai” lại còn tăng trưởng phiền não, ngã chấp, tham ái... thì chắc chắn đó không phải là phương tiện thiện xảo.

Việc đáng làm thì chưa làm hoặc làm chưa trọn, việc làm trước thì lại làm sau... phải chăng đây là điều mà những hành giả cần phải suy ngẫm trước vô vàn “Phật sự” bộn bề. Vì thế, xác định đúng vấn đề là chính yếu hay thứ yếu để thực hành là sự trạch pháp, một trong những yếu tố căn bản đưa đến thành công.▲

9- XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC XÂY THÁP

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, bốn hạng người này xứng đáng để được dựng tháp. Thế nào là bốn?

Như Lai, bậc A la hán xứng đáng được dựng tháp; vị Độc giác Phật xứng đáng được dựng tháp; đệ tử của Như Lai xứng đáng được dựng tháp; Chuyển luân vương xứng đáng được dựng tháp.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ kheo, xứng đáng được dựng tháp.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 4, phẩm Sợ hãi phạm tội, phần Xứng đáng được dựng tháp, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.283)

LỜI BÀN:

Tháp là một kiến trúc đặc trưng trong quần thể kiến trúc chùa viện Phật giáo. Ngoài những ngôi tháp cao lớn thờ Phật, xá lợi Phật, kinh sách, pháp khí, còn có các tháp mộ thờ xá lợi hoặc an táng hài cốt của chư Tăng. Hiện nay, hầu hết các chùa viện trên thế giới và ở nước ta đều xây dựng tháp phụng thờ Tam bảo. Tháp và bi ký ngoài biểu tượng tôn giáo và tâm linh còn là những chứng tích lịch sử quan trọng.

Thời Thế Tôn còn tại thế, tuy chủ trương du hành, tu tập giải thoát, việc xây dựng tu viện phần lớn do hàng cư sĩ đảm trách nhưng Ngài quan tâm đến việc xây tháp và đã chỉ đạo đệ tử xây tháp phụng thờ xá lợi chư Thánh tăng như Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, Kiều Đàm Di v.v... Sau khi Thế Tôn nhập Niết bàn, việc xây tháp phụng thờ Tam bảo, nhất là thờ xá lợi Phật và chư Tăng là một trong những Phật sự quan trọng, truyền thống này vẫn được

truyền thừa đến ngày nay.

Theo tuệ giác Thế Tôn, chỉ những người tu hành, đầy đủ phước đức và trí tuệ, là biểu tượng cao cả để cho hậu thế noi gương mới xứng đáng được xây tháp phụng thờ. Đức Phật và các bậc Thánh A la hán, những vị Độc giác, chư Tăng và Chuyển luân vương (người có công đem lại hòa bình và hạnh phúc cho toàn thể nhân loại) mới được xây tháp. Bảo tháp thờ Phật Pháp Tăng được xem trọng như bảo điện (chánh điện), là nơi cầu nguyện lễ bái của tín đồ và dĩ nhiên thiêng liêng, bất khả xâm phạm.

Ngày nay, một vài chư Tăng không có di nguyện xây mộ tháp sau khi xả báo thân. Đó là tâm nguyện riêng của các ngài, chúng ta luôn tôn trọng nhưng phải ý thức rằng quý ngài đầy đủ phước báo, xứng đáng được xây tháp để kính lễ và tôn thờ. Dầu rằng tứ đại giai không, các pháp đều như huyễn nhưng trong phạm trù tương đãi của tục đế, bảo tháp là biểu tượng cao cả của Tam bảo, là kết tinh của sự nghiệp và công hạnh của một vị Tăng cho hàng hậu thế lễ bái, học tập và noi theo. ▀

10- XUẤT GIA KHI TUỔI XẾ CHIỀU

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Đại Lâm, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi lại thành tựu năm pháp này. Thế nào là năm?

Thật khó tìm được, này các Tỷ kheo, một người xuất gia lớn tuổi lại tế nhị; thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi có uy nghi tốt đẹp; thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi nghe nhiều; thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi thuyết pháp; thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi trì luật.

Này các Tỷ kheo, thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi lại thành tựu năm pháp này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Triền cái, phần Khó tìm được [1], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.432)

LỜI BÀN:

Thâm niên trong cửa thiền là một trong những điều kiện cần để thấm nhuần giáo pháp, un đúc và kiện toàn những phẩm chất cần thiết của một người xuất gia. Vì thế, hàng đồng chơn (tuổi trẻ) xuất gia luôn là niềm hy vọng cho đạo pháp và thực tế cho thấy đa phần các cao tăng đều xuất gia khi tuổi đời còn rất trẻ.

Vậy nên khi lớn tuổi mới đủ duyên xuất gia, nỗ lực ấy thật đáng trân trọng song phải phấn đấu, cố gắng thật nhiều. Bởi tập khí cuộc đời in sâu vào tâm thức như tấm vải đã ố bụi trần, sẽ rất khó để nhuộm thành màu như ý nếu không chuyên cần tẩy rửa tinh sạch. Vì thế, có không ít thách thức chờ đợi người xuất gia lớn tuổi...

Trước hết là sự tế nhị tức độ mềm dẻo, chín chắn đến thuần thực

biểu lộ ra bằng hành xử bình thường trong đời sống hàng ngày. Chấp nhận làm sư đệ, ở vị trí thấp, ngồi sau và nhất là phải kính trọng, phục tùng, học tập hàng sư huynh chỉ đáng tuổi em, cháu mình là điều không đơn giản. Khá nhiều người xuất gia lớn tuổi chưa vượt qua được cửa ải này.

Kế đến là chuyển hóa tập khí để có được sự đĩnh đạc mà thanh thoát, nghiêm trang mà dung dị, nhẹ nhàng nhằm thành tựu uy nghi một cách tự nhiên cũng là điều khó. Dấu ấn thế gian hẳn sâu vào nét mặt, lời nói, tiếng cười và cả mỗi bước chân đi... khiến người có kinh nghiệm dễ dàng nhận ra “chưa thấm tương chao”, dù lúc “ngài” nào cũng lẩn tránh hạt hay diện cả áo vàng sáng rực.

Càng khó hơn cho người xuất gia lớn tuổi nhằm thành tựu học rộng, nghe nhiều, thuyết kinh, giảng pháp và trì giới vì lực bất tòng tâm. Sức khỏe, ý chí và nhất là tập khí làm chướng ngại sự chuyển hóa không ít. Do vậy, hơn ai hết, những người xuất gia khi tuổi về chiều phải thấy rõ duyên nghiệp của mình để khắc phục, vươn lên.

Xuất gia vốn là con đường hẹp, càng hẹp hơn cho người lớn tuổi. Trong các đại giới đàn hiện nay, không ít các cụ Sa di và Tỷ kheo xứng xính trong những bộ y vàng. Đây cũng là một tín hiệu lành cho xã hội và đạo pháp nếu chư vị biết nhìn lại mình để phần đầu nhiều hơn.▲

11- HOÀN TỤC

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, Tỷ kheo hay Tỷ kheo ni nào, từ bỏ học pháp, trở lui đời sống thế tục, có năm vấn đề hợp pháp để tự trách và chỉ trích đến với vị ấy ngay trong hiện tại. Thế nào là năm?

Trong Thầy (vị ấy nghĩ) không có lòng tin đối với các thiện pháp, trong Thầy không có lòng hổ thẹn đối với các thiện pháp, trong Thầy không có lòng sợ hãi đối với các thiện pháp, trong Thầy không có tinh tấn đối với các thiện pháp, trong Thầy không có trí tuệ đối với các thiện pháp.

Tỷ kheo hay Tỷ kheo ni nào, này các Tỷ kheo, từ bỏ học pháp, trở lui đời sống thế tục, năm vấn đề hợp pháp này để tự trách và chỉ trích đến với vị ấy ngay trong hiện tại.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Sức mạnh hữu học, phần Học pháp [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.309)

LỜI BÀN:

Xuất gia là phát nguyện đi theo con đường Thánh, lộ trình ấy thường được gọi nghịch lưu. Bởi không xuôi theo những cám dỗ, đam mê của thế thường nên người sơ tâm phải đối diện với vô vàn khó khăn trước tình cảnh phước mỏng, nghiệp dày. Với thách thức này, không phải người xuất gia nào cũng dễ dàng vượt qua nên có người phải trở về rồi quay lại hoặc về hẳn làm người con Phật tại gia, tu thân và hộ pháp.

Không còn tiếp tục con đường xuất gia, trở về đời sống cư sĩ tại gia là chuyện rất bình thường. Đôi khi, hoàn tục là điều hay cho những ai nhận thấy sức mình không kham nổi hoặc thối thất chí

nguyện ban đầu hay gặp những hoàn cảnh xảy ra ngoài ý muốn. Thời Thế Tôn tại thế, nhiều vị xuất gia đã hoàn tục, dù có quả trách ít nhiều song hầu hết Phật đều tùy thuận. Bởi Ngài thấu rõ duyên nghiệp mỗi người và nhất là tu tập hoàn toàn dựa trên nền tảng tự nguyện, mọi sự ép uổng sẽ không đem lại kết quả mà đôi khi còn phản tác dụng.

Với bất cứ hoàn cảnh nào, người con Phật cũng cần quán sát nguyên nhân. Khi đã thấy rõ duyên khởi của vấn đề thì chúng ta không trách cứ hay phàn nàn về ai cả. Do thấy tổ không quan tâm, do huynh đệ không đùm bọc, do Phật tử không ủng hộ ư? Điều quan trọng nhất phải nhận ra là do mình. Dấn thân bước tới, dừng lại hưởng an nhàn hay thoái lui hoàn tục, xét cho cùng cũng do mình tự quyết. Vì thế, nếu trách trước phải nên tự trách mình.

Cố nhiên hoàn tục là thói thất trong sự nghiệp xuất gia nhưng điều quan trọng là chúng ta nhìn nhận vấn đề như thế nào và bản thân người hoàn tục nhận thức ra sao về trách nhiệm của mình với Đạo pháp? Đâu đó vẫn còn những nhìn nhận, đánh giá thiếu cảm thông và nhất là chưa có giải pháp thỏa đáng cho những vị đã hoàn tục có điều kiện tiếp tục cố gắng xây dựng ngôi nhà Phật pháp. Điều này thiết nghĩ cũng là thao thức, trăn trở của tất cả những người con Phật trong bối cảnh hiện nay. ▀

12- KHÓ LÀM

Một thời, Tôn giả Sàriputta trú ở Maghadha, làng Nàlaka. Rồi du sĩ Jambukhàdaka đi đến, sau khi chào đón hỏi thăm và nói với Tôn giả Sàriputta:

Này Hiền giả Sàriputta, trong Pháp-Luật này cái gì là khó làm?

Xuất gia, này Hiền giả, là điều khó làm trong Pháp-Luật này.

Đối với người đã xuất gia, này Hiền giả Sàriputta, cái gì là khó làm?

Đối với người đã xuất gia, này Hiền giả, hoan hỷ là điều khó làm.

Này Hiền giả Sàriputta, đối với người đã hoan hỷ, cái gì là khó làm?

Này Hiền giả, đối với người đã hoan hỷ, điều khó làm là sự thực hành đúng pháp và tùy pháp.

Có lâu không, này Hiền giả Sàriputta, một người đã thực hành đúng pháp và tùy pháp có thể thành vị A la hán?

Không lâu, này Hiền giả.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ IV*, chương 4, Tương ứng Jambukhàdaka, phần Khó làm, NXB Tôn Giáo, 2001, tr.416)

LỜI BÀN:

Trong nỗ lực hướng thiện của tự thân chắc chắn có nhiều việc khó làm nhưng có lẽ khó nhất là phát tâm xuất gia. Vượt qua những ràng buộc về thể thường, phát nguyện sống thanh bần thông dong tự tại, dẫn thân vì thượng cầu hạ hóa là điều mà không phải ai cũng hội đủ duyên lành để thực hiện trọn vẹn.

Tuy khó làm nhưng xuất gia chỉ mới ở trong giai đoạn đầu. Bởi ngoài việc ra khỏi căn nhà thế tục, người xuất gia phải cố gắng thật nhiều để thoát khỏi căn nhà phiền não và vượt qua vòng kềm tỏa sanh tử nơi nhà lửa tam giới. Trong đời sống xuất gia, khi nội lực của định tuệ chưa đủ thâm hậu để đạt đến sự vững chãi và an tịnh thì rất cần đến sự kham nhẫn. Chịu đựng, nhẫn nại, chấp nhận thực tại để vượt qua mọi khó khăn, thử thách trên đường tu một cách hoan hỷ, vui vẻ là điều không đơn giản.

Hoan hỷ là biểu hiện của một tâm lượng bao dung, tràn đầy tuệ giác và từ bi. Khi chưa đạt được hạnh phúc giải thoát của bậc Thánh, hoan hỷ là một trong những chất liệu tối cần để nuôi dưỡng thân tâm và giữ vững ý chí, tâm nguyện xuất gia ban đầu. Nếu đánh mất hoặc thiếu vắng sự hoan hỷ sẽ khiến cho tâm hồn trở nên cau có, khô cằn, chai sạn thậm chí có thể trở lì, đông đặc hoặc phản ứng ngược lại trở thành mềm yếu, đa cảm, ủy mị và bi thương. Hoàn toàn chướng ngại cho tiến trình thăng hoa tâm linh nếu rơi vào những tâm lý thái cực này.

Một khi đã chấp nhận thực tại với tâm hoan hỷ thì việc cần làm và phải làm của người xuất gia là thực hành đúng pháp và tùy pháp. Chỉ có nương tựa và thực hành theo Chánh pháp mới có thể đoạn trừ phiền não, giải thoát khổ đau, thoát ly sanh tử. Thế nhưng trong thực tế tu tập thì việc thực hành đúng pháp và tùy pháp lại vô cùng nan giải. Điều này tưởng chừng phi lý nhưng lại vô cùng hợp lý bởi quá trình vận động nghịch lưu với thác ghềnh nghiệp lực thì không phải lúc nào cũng như ý, muốn là được. Do đó, để thực hành đúng pháp và tùy pháp là cả một quá trình tu học bền bỉ và liên tục.

Nhờ đó, quả vị A la hán sẽ đến không lâu sau cho những ai thực hành đúng pháp và tùy pháp. Ngay đây, “Sanh đã tận, lậu đã tận, gánh nặng đã đặt xuống...” những điều khó làm đã làm xong. ▴

13- HÓA DUYÊN

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambì, Ngài cho gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, thành tựu năm pháp này, Tỷ kheo thân cận các gia đình, không được các gia đình ái mộ, thích ý, kính trọng và noi gương để tu tập. Thế nào là năm?

Vị ấy thân mật với người không thân tín, can thiệp vào việc không có thẩm quyền, ra vào với các phần tử chống đối, nói riêng một bên tai và xin quá nhiều.

Này các Tỷ kheo, thành tựu năm pháp này, Tỷ kheo thân cận các gia đình, được các gia đình ái mộ, thích ý, kính trọng và noi gương để tu tập. Thế nào là năm?

Vị ấy không thân mật với người không thân tín, không can thiệp vào việc không có thẩm quyền, không ra vào với các phần tử chống đối, không nói riêng một bên tai và không xin quá nhiều.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Andhakavinda, phần Đi đến các gia đình, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.529)

LỜI BÀN:

Trong bốn chúng đệ tử Phật, hàng cư sĩ có vai trò và vị trí quan trọng. Ngoài việc nương tựa chúng Tăng để tu học, những nam nữ cư sĩ còn đảm trách sứ mạng hộ pháp. Vì thế, hàng cư sĩ áo trắng còn được gọi là những Cận sự của Tam bảo. Trong quan niệm của người Phật tử thì “Tăng đáo như Phật lai”, chư Tăng đến nhà như Phật đến. Thật vinh dự và hạnh phúc cho gia chủ khi lời thỉnh cầu thọ trai hoặc pháp sự được chư Tăng chấp nhận hay vì một duyên sự nào đó mà chư Tăng hiện hữu trong gia đình.

Đối với Tỷ kheo, vị xuất gia cầu giải thoát khi thân cận hàng

Phật tử tựu trung không ngoài Phật sự, bi nguyện độ sanh. Vị Tỷ kheo đối với tín đồ phải là người thầy, bậc mô phạm để Phật tử quy ngưỡng, kính trọng và noi gương tu tập. Tuy nhiên, không phải vị Tỷ kheo nào khi thân cận với Phật tử cũng để lại ấn tượng tốt đẹp. Thảng hoặc đây đó trong hàng ngũ xuất thế, một vài Tỷ kheo sau khi tiếp cận với tín đồ không đem lại tịnh tín cho họ. Không chỉ không được các gia đình ái mộ, thích ý, kính trọng và noi gương để tu tập thậm chí còn làm suy giảm, thối thất niềm tin nơi Tam bảo.

Theo kinh nghiệm của Thế Tôn, nếu không phải vì hóa duyên thì nên tránh xa những nơi ồn náo, tụ lạc. Khi có duyên sự phải đến nhà cư sĩ thì phải tránh năm điều: không thân mật với người không thân tín, không can thiệp vào việc không có thẩm quyền, không ra vào với các phần tử chống đối, không nói riêng một bên tai và không xin quá nhiều. Gặp đúng người, nói đúng việc, giữ vững uy nghi khi vào tư gia của Phật tử là điều bất buộc đối với một vị Tỷ kheo. Đặc biệt là không nên vận động hay quyên góp quá nhiều, dù rằng việc làm này đem đến phúc báo cho người Phật tử nhưng sẽ tốt hơn nên để họ phát tâm, tự lượng sức để ủng hộ, cúng dường mà không làm suy kiệt hoặc ảnh hưởng đến kinh tế.

Lân mẫn, thân cận để trợ duyên cho Phật tử tu học đồng thời giữ vững phong thái của một bậc thầy là trách nhiệm của vị Tỷ kheo. Hướng về giải thoát, làm đạo sư của trời người, vị Tỷ kheo phải tinh chuyên để hoàn thiện mình, xứng đáng làm nơi nương tựa cho hàng Phật tử quy ngưỡng, noi gương tu học.▲

14- THIỀN VÀ GIÁO

Một thời, Tôn giả Mahàcunda trú ở Ceti, tại Sahajàti. Tại đây, Tôn giả gọi các Tỷ kheo:

Này các chư Hiền, một số Tỷ kheo chuyên tâm về pháp không ưa thích các Tỷ kheo tu thiền, nói như sau: “Những người này thiền cái gì? Thiền có lợi ích gì? Thiền như thế nào?”. Các Tỷ kheo chuyên tâm về pháp không hoan hỷ và các Tỷ kheo tu Thiền cũng không hoan hỷ; hành động như vậy không đưa đến hạnh phúc và an lạc cho nhiều người; không đưa đến lợi ích, an lạc cho chư Thiên và loài người.

Ở đây, này các chư Hiền, một số Tỷ kheo tu Thiền không ưa thích các Tỷ kheo chuyên về tâm pháp, nói như sau: “Họ tháo động, thất niệm, lảm lời... Những người này chuyên tâm về cái gì? Pháp có lợi ích gì? Chuyên tâm về pháp như thế nào?”. Các Tỷ kheo tu Thiền không hoan hỷ và các Tỷ kheo chuyên tâm về pháp cũng không hoan hỷ; hành động như vậy không đưa đến hạnh phúc và an lạc cho nhiều người; không đưa đến lợi ích, an lạc cho chư Thiên và loài người.

(ĐTKVN, Tăng chi Bộ III, phẩm Dhamika, phần Mahàcunda [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.124)

LỜI BÀN:

Trong vô lượng pháp môn tu mà Thế Tôn đã tuyên thuyết, tuy phong phú và đa dạng nhưng đều có một điểm chung, thuần nhất, đó chính là an lạc và giải thoát. Phương tiện thì tùy theo căn cơ có vô vàn sai biệt nhưng cứu cánh Niết bàn chỉ có một, duy nhất.

Tu Thiền hay chuyên tâm về Pháp, Tông môn hoặc Giáo môn

thầy đều là phương tiện và dĩ nhiên mỗi phương tiện đều có một đặc trưng riêng. Vì lẽ các pháp môn tu đều lưu xuất từ tuệ giác của Thế Tôn cho nên chắc chắn sẽ đưa hành giả đến giải thoát Niết bàn, như trăm sông đều xuôi về biển cả.

Tùy theo căn cơ, hoàn cảnh, nhân duyên... mà mỗi người con Phật tự chọn cho mình một pháp môn tu thích hợp. Tuy các pháp môn phương tiện có nhanh chậm, khó dễ khác nhau nhưng pháp môn nào cũng thù thắng, đều đưa đến giải thoát và an lạc. Do đó, người tu ngoài việc nắm vững pháp môn của mình cần tìm hiểu để biết thêm về các pháp môn khác nhằm trợ duyên hay ít ra cũng tránh được việc chỉ trích, phê phán đồng đạo, những pháp lữ có nhân duyên với những pháp môn tu tập khác nhau.

Vì vậy, không thể quy kết, tự cho pháp môn của mình là tối thắng. Sự tối thắng, theo quan điểm của Thế Tôn, chính là sự thực hành trọn vẹn theo pháp môn đã chọn. Ngày nay, thẳng hoặc vẫn còn sự “xung đột” về quan điểm tu tập giữa các tông phái (có thể vô tình hay cố ý nhằm xiển dương tông phái của mình) là điều không nên có. Vì như lời Tôn giả Mahàcunda đã học được từ Thế Tôn: “Hành động như vậy không đưa đến hạnh phúc, an lạc cho nhiều người; không đưa đến lợi ích, an lạc cho chư Thiên và loài người”. ▴

15- ĐẾN VỚI GIA CHỦ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, dạy các Tỷ kheo:

Hãy giống như mặt trăng, này các Tỷ kheo, khi đi đến các gia đình, thân tâm phải dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, chớ có đường đột xông xáo.

Này các Tỷ kheo, ví như một người nhìn cái giếng cũ, sườn núi dốc hay thác nước, thân tâm phải dè dặt, không có đường đột xông xáo.

Này các Tỷ kheo, các ông nghĩ như thế nào một Tỷ kheo xứng đáng đi đến các gia đình?

Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm sở y.

Này các Tỷ kheo, ví như bàn tay này giữa hư không, không bị dính vào, không bị nắm lấy, không bị trói buộc. Cũng vậy, vị Tỷ kheo đi đến các gia đình, tâm không bị dính vào, không bị nắm lấy, không bị trói buộc, nghĩ rằng: “Những ai muốn được lợi, hãy được lợi! Những ai muốn công đức, hãy làm các công đức!”.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ II*, chương 5, phần Ví dụ với trăng [trích], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.341)

LỜI BÀN:

Đời sống xuất gia, tuy bản chất là ly tục song thực tế luôn gắn liền với con người và cuộc đời. Khất thực để nuôi sống thân mạng và tùy duyên thuyết pháp độ sanh là nhiệm vụ của mỗi Tỷ kheo. Do đó, đi đến với gia chủ vào mỗi buổi sáng hàng ngày đối với các Tỷ kheo là tất yếu.

Tuy nhiên, vấn đề ở chỗ đến với gia chủ với thái độ và cung cách

thế nào? Thật tuyệt vời khi Thế Tôn dùng hình ảnh mặt trăng để biểu thị cho sự quang lâm của Tỷ kheo, phải thực sự mang đến ánh sáng, mát mẻ và yên bình cho mọi nhà.

Trước hết là sự dè dặt, không đường đột xông xáo, luôn chánh niệm tỉnh giác để mọi biểu hiện luôn tương hợp với oai nghi tế hạnh. Sự thận trọng trong từng cử chỉ, lời nói là điều tối cần thiết vì ngay nơi cung cách của Tỷ kheo đã phản ánh rõ nét sự an tịnh nội tâm, tư cách đạo đức và năng lực giáo hóa của chính vị ấy.

Tiếp đến, vị Tỷ kheo khi đến với gia chủ trong tâm thái buông xả, như bàn tay mở giữa hư không. Đành rằng, khát thực là xin ăn nhưng không đơn thuần là nhận mà trong đó còn cho, cho rất nhiều bằng cách ban tặng giáo pháp. Do đó, luôn ý thức để tự làm chủ trong tinh thần muốn ít và biết đủ, không để cho danh lợi cám dỗ, sanh khởi tham ái. Nhờ đó, vị Tỷ kheo không bị vướng mắc, chẳng bị trói buộc.

Vì thế, muốn xứng đáng để đi đến các gia đình, nhằm giáo hóa và làm mô phạm cho hàng Phật tử, người con Phật xuất gia phải tự rèn luyện mình, trong sáng như mặt trăng, buông xả như bàn tay mở giữa hư không, tự tại và giải thoát.▲

VII. HÃY TỰ MÌNH THẤP ĐƯỢC LÊN MÀ ĐI

1- DỪNG CHÁNH PHÁP LÀM NGỌN ĐÈN

Một thời, Thế Tôn trú tại Vesàli, làng Veluva, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, hãy an cư vào mùa mưa, chỗ nào có bạn bè, có người quen biết. Ta sẽ an cư mùa mưa tại làng Veluva này.

Trong mùa an cư ấy, Thế Tôn bị bệnh trầm trọng, cảm thọ đau đớn khốc liệt nhưng Thế Tôn vẫn chánh niệm, tỉnh giác, không than vãn.

Rồi Thế Tôn thoát khỏi cơn bệnh, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, con được chút an ủi rằng Thế Tôn sẽ không diệt độ nếu Ngài không có lời di giáo lại cho chúng Tỷ kheo.

Này Ànanda, Như Lai không nghĩ rằng: “Ta sẽ là vị cầm đầu chúng Tỷ kheo”, hay “Chúng Tỷ kheo chịu sự giáo huấn của Ta”, thì này Ànanda, làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng Tỷ kheo?

Này Ànanda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một điều gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một điều gì khác.

Này Ànanda, những ai hiện nay hoặc sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác. Những vị ấy, này Ànanda, là những vị tối thượng trong hàng Tỷ kheo của Ta.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 3, phẩm Ambapàli, phần Bệnh [trích], NXB Tôn Giáo, 2002, tr.237)

LỜI BÀN:

Ngay từ thời Thế Tôn còn tại thế, Ngài đã khẳng định một điều cực kỳ hệ trọng rằng Như Lai không phải là giáo chủ, nhà lãnh đạo, điều hành chúng Tăng mà chỉ là vị Thầy chỉ đường, tùy duyên giáo hóa. Mặt khác, chúng Tỷ kheo cũng không phải chịu sự lãnh đạo, lệ thuộc hoàn toàn vào Thế Tôn mà phải tự giác, tự chứng, tự mình thấp đước lên mà đi. Điều này xác chứng rằng trong Phật giáo không có giáo quyền và sau khi Thế Tôn nhập Niết bàn, hàng đệ tử ngoài việc nương tựa chính mình thì chỉ nương tựa vào Chánh pháp mà thôi.

Những lời giáo huấn của Thế Tôn trong mùa an cư sau cùng một lần nữa khẳng định tinh thần tự lực và tự giác ngộ. Người thầy chỉ có vai trò chỉ bày con đường tu tập, trợ duyên cho quá trình thăng hoa tâm của học trò. Và như thế, vai trò lãnh đạo chỉ hạn cuộc trong các hình thức tổ chức, đoàn thể có tính phương tiện chứ không thể lãnh đạo tâm linh. Chính Như Lai, người khai sáng ra đạo Phật mà đã phủ nhận vai trò lãnh đạo của mình, chỉ thừa nhận là Đạo sư, là Y vương thì hàng hậu thế không một ai là người có thể đảm nhận vai trò ấy. Đây là đặc điểm rất riêng, hy hữu, chỉ có trong Phật giáo.

Hàng đệ tử Phật dù khi Thế Tôn còn tại thế hay sau khi Thế Tôn diệt độ cần phải tự mình soi sáng cho chính mình bằng cách nương tựa Chánh pháp. Điều này đã được Thế Tôn lặp lại một lần nữa trước khi Niết bàn: “Này Ânanda, sau khi Như Lai diệt độ, chính Pháp và Luật sẽ là Đạo sư của các người”. Do vậy, thực hành nương tựa vào Chánh pháp, nương tựa vào chính mình là phương châm tu học của tất cả những người con Phật. ▀

2- TRÁNH XA HAI CỰC ĐOAN

Một thời, Thế Tôn trú ở Bārāṇasi, tại Isipatana. Tại đấy, Thế Tôn bảo các Tỷ kheo:

Có hai cực đoan này, này các Tỷ kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo. Thế nào là hai?

Một là đắm say trong các dục, hạ liệt, phạm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỷ kheo, là con đường Trung đạo, do Như Lai chánh giác, tác thành trí, đưa đến an tịnh, giác ngộ, Niết bàn.

Này các Tỷ kheo, thế nào là con đường Trung đạo? Chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường Trung đạo, do Như Lai chánh giác, tác thành trí, đưa đến an tịnh, giác ngộ, Niết bàn.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 12, phẩm Chuyển pháp luân, phần Như Lai thuyết [trích], NXB Tôn Giáo, 2000, tr.610)

LỜI BÀN:

Khi Thế Tôn rời khỏi Bồ Đề đạo tràng đến vườn Nai, lời vàng đầu tiên của Ngài là tu tập trung đạo, tránh xa hai cực đoan dục lạc và khổ hạnh ép xác. Như vậy, đắm say theo những tham vọng trần tục hay chịu cực khổ quá mức đều không phải chánh đạo, không liên hệ đến mục đích giải thoát. Đây cũng là kim chỉ nam tu tập cho tất cả những người con Phật, nhất là hàng xuất gia.

Tuy nhiên, vấn đề là hiện nay chúng ta xác định như thế nào là tránh xa hai cực đoan “đắm say trong các dục” và “tự hành khổ

mình”? Thời bấy giờ, khi Thế Tôn tắm rửa và thọ thực (bát cháo sũa do nàng Sujata dâng cúng) đã bị nhóm đạo sĩ Kiều Trần Như cho là hưởng thọ dục lạc. Có thể sự “hưởng dục” ấy, ngày nay không chừng lại bị xem là khổ hạnh, ép xác.

Như vậy, trong chừng mực nào đó, trung đạo chính là thiết lập sự quân bình, trung dung tương ứng với mức sống của xã hội hiện tại trong tinh thần thiểu dục tri túc. Ngày nay, kinh tế xã hội phát triển, nhờ đó mà chùa chiền xây dựng to lớn, đời sống của hàng xuất gia được nâng cao với nhiều tiện nghi, nếu như không rơi vào tân thời, sang trọng và xa hoa (chỉ tầm tầm bậc trung) thì có thể xem đó là lối sống trung đạo. Vì thế, chúng ta cần hiểu lời dạy của Thế Tôn một cách linh động về phương diện này.

Quan trọng hơn, Thế Tôn đã nói rõ tinh thần trung đạo của Ngài chính là Bát Thánh đạo. Như vậy, tránh xa hai cực đoan là tránh dẹp những chướng duyên có tính thái quá, cố chấp và rơi vào những thái cực nhằm phát huy và thành tựu Thánh đạo, đó cũng chính là Trung đạo. Cốt tủy của con đường này là thành tựu chánh kiến, thấu triệt sự thật về tính duyên sanh của thân, tâm và thế giới, vượt thoát tham ái và chấp thủ, chúng đạt giải thoát.▶

3- DÒNG ĐỜI XUÔI NGƯỢC

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Vajji, tại làng Bhandā. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Có bốn hạng người, này các Tỷ kheo, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Hạng người đi thuận dòng, hạng người đi nghịch dòng, hạng người tự đứng lại và hạng người đã vượt qua đến bờ kia, đứng trên đất liền.

Này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người đi thuận dòng? Hạng người thọ hưởng các dục và làm ác nghiệp gọi là đi thuận dòng.

Thế nào là hạng người đi ngược dòng? Này các Tỷ kheo, có hạng người không thọ hưởng các dục, không làm ác nghiệp, sống Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh gọi là đi ngược dòng.

Này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người tự đứng lại? Hạng người do diệt tận năm kiết sử, được hóa sanh, không còn trở lại đời này nữa gọi là tự đứng lại.

Thế nào là hạng người đã vượt qua đến bờ bên kia, đứng trên đất liền? Này các Tỷ kheo, có hạng người do diệt các lậu hoặc, chứng ngộ và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát gọi là đã vượt qua đến bờ bên kia, đứng trên đất liền.

Này các Tỷ kheo, có bốn hạng người như vậy có mặt ở đời.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 4, phẩm Bhandagāma, phần Thuận dòng, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.557)

LỜI BÀN:

Dòng đời trôi như dòng sông với thuyền bè xuôi ngược. Lênh

đênh trong dòng tử sanh có lắm thứ vui buồn, hạnh phúc thì ít nhưng khổ đau và hiểm nguy lại nhiều. Chỉ có ai bước lên bờ, đứng trên mặt đất tâm bằng phẳng ngắm nhìn dòng sông trần tục bon chen, hỗn độn mới cảm nhận sâu sắc nỗi khổ trần gian và niềm hạnh phúc xuất thế.

Trong dòng sông đời ấy, thuận theo dòng chảy nghiệp lực thì dễ dàng. Hưởng dục và làm ác chính là thuận dòng sinh tử. Thuyền đời thuận dòng đồng đảo, chen chúc, âm ỉ, giành giật và hưởng thụ, hả hê để mãi vui mà chẳng ai biết rằng nó đang xuôi nhanh về ác đạo.

Rồi một vài con thuyền nhận ra đâu là bến đỗ nên mới quay đầu, đập sóng, vượt gió trở về cội nguồn. Chấp nhận nghịch lưu, quay lưng với trần gian, bỏ lại sau lưng bọt bèo và rác rưởi, thuyền đời xuất gia lăm lũi tiến lên. Đi ngược dòng thế gian thì khó khăn trở nên bội phần nhưng thênh thang, trống trải.

Đi mãi rồi cũng về tới bến xưa, trước mặt là rừng xanh, dưới chân là cát mịn. Thuyền đời dừng lại, không cần thả neo, ngủ yên trong bến vắng vì năm ngọn sóng kiết sử không còn. Nơi đây thuyền đã hóa thân, không trở lại dòng sông sanh tử nữa (Bất lai).

Cũng nơi bến xưa ấy, có những con thuyền được kéo lên bờ bình yên, dòng sông ái ngày xưa chỉ còn là kỷ niệm. Từ đây, mặc cho dòng sông đời vẫn cứ trôi, sóng gió ái dục phiền não trên sông vẫn gào thét giập vùi nhưng thuyền từ Bát nhã vẫn an nhiên. Rồi lòng từ bi giục giã thuyền xuôi trở lại dòng sông để độ đời. Vì thế, dòng sông đời vẫn luôn rộn ràng ngược xuôi rồi xuôi ngược.

Bốn loại thuyền ngược xuôi trong sông ái cũng chính là bốn hạng người sống trong đời. Tìm về an lạc, giải thoát là lẽ sống đích thực của con người cũng như những con thuyền kia tìm về bến đỗ bình an.▲

4- SANH TỬ LÀ VIỆC LỚN

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana. Rồi Tôn giả Malunkyaputta khởi lên sự tư duy như sau: “Có một số vấn đề Thế Tôn không trả lời, loại bỏ ra một bên: Thế giới là thường còn hay vô thường. Thế giới là hữu biên hay vô biên. Sinh mạng và thân này là một hay khác. Như Lai có tồn tại hay không tồn tại sau khi chết...”. Thế Tôn không trả lời cho ta biết. Vậy ta phải đi tìm Thế Tôn để hỏi những ý nghĩa này.

Nghĩ vậy rồi Tôn giả Malunkyaputta đi đến bạch hỏi Thế Tôn về những nghi vấn ở trên, thỉnh cầu Thế Tôn trả lời dứt khoát rằng “biết hoặc không biết” đồng thời suy nghĩ nếu Thế Tôn trả lời thì ta sẽ sống Phạm hạnh theo hướng dẫn của Thế Tôn, bằng không ta sẽ hoàn tục.

Này Malunkyaputta, ví như một người bị bắn bởi mũi tên có tẩm thuốc độc. Bạn bè, bà con mời một y sĩ đến trị thương nhưng người ấy nói: “Tôi sẽ không rút mũi tên ra nếu chưa biết rõ dòng tộc, tên họ, hình dáng, nơi ở của người bắn; Tôi sẽ không rút mũi tên ra nếu chưa biết cung tên được làm bằng chất liệu và cấu tạo thế nào? Tẩm chất độc gì?...”. Này Malunkyaputta, người ấy sẽ chết và vẫn không biết được gì.

Cũng vậy, này Malunkyaputta, nếu có ai nói như sau: “Ta sẽ sống theo Phạm hạnh nếu Thế Tôn trả lời ta: Thế giới là thường còn hay vô thường...”, thì người ấy sẽ chết mà vẫn không được Như Lai trả lời.

(ĐTKVN, *Trung Bộ II*, Tiểu kinh Malunkya [trích], số 63, VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.193)

LỜI BÀN:

Thế Tôn đã từng nhặt một nắm lá cây và tuyên bố rằng những gì Như Lai biết như lá trong rừng, còn những gì Như Lai nói chỉ như lá trong bàn tay. Tuy ít ỏi nhưng nắm lá trong bàn tay của Thế Tôn hàm chứa tất cả những điều cần thiết để thoát ly sanh tử.

Vì mạng người mong manh, sát na sanh diệt cho nên giải thoát sanh tử là việc lớn, cần thiết và quan trọng nhất cần phải làm ngay. Tất cả những vấn đề có tính chất hý luận, siêu hình đều không liên hệ và chẳng giúp ích gì cho việc đoạn trừ phiền não, giải thoát khổ đau. Sở dĩ Thế Tôn không trả lời, loại bỏ ra một bên những điều ấy vì chúng không phải là căn bản của Phạm hạnh; không đưa đến ly tham, thắng trí, giải thoát, giác ngộ và Niết bàn.

Khi một người bị trúng tên độc, việc cần kíp nhất là nhổ mũi tên ra khỏi cơ thể để tránh tử vong. Sau khi chữa trị lành vết thương rồi thì tìm hiểu về nguồn gốc của mũi tên đó cũng chẳng muộn màng gì. Tương tự như thế, những vấn đề thuộc phạm trù siêu hình cũng chẳng có gì bí mật đối với một bậc đã đạt Thánh trí. Tuy nhiên, khi chưa giác ngộ, giải thoát thì phải hết sức nỗ lực để đoạn trừ phiền não, thành tựu Niết bàn.

Trọng tâm giáo pháp của Thế Tôn là thực hành con đường đưa đến Khổ diệt. Nhổ tung tất cả khổ đau, phiền não ra khỏi thân tâm mới là điều chính yếu. Đừng lãng phí thời gian và công sức cho những chuyện vô bổ, không liên hệ đến giải thoát vì sẽ không kịp. Vì thế, giải thoát sanh tử là mục đích chính yếu, cần thiết nhất, ưu tiên số một trong nhận thức và tu tập của những đệ tử Phật.▲

5- CHỖ KHINH THƯỜNG TRẺ TUỔI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana. Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến, sau khi chào hỏi, ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn:

Tôn giả Gotama có tự cho mình đã chứng Vô thượng Chánh đẳng giác không?

Thưa Đại vương, nếu ai có thể nói là mình đã chứng Vô thượng Chánh đẳng giác, thời người ấy phải chính là Ta. Thưa Đại vương, Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Thưa Tôn giả Gotama, có những vị Sa môn, Bà la môn là giáo chủ, hội chủ, sư trưởng có tiếng tăm, có danh vọng, được quần chúng tôn sùng như các ngài Purana Kassapa, Nigantha Nàtaputta... Khi con hỏi các vị ấy “Có tự xem là đã chứng Vô thượng Chánh đẳng giác không?”, thì họ trả lời là không tự xem mình đã chứng Vô thượng Chánh đẳng giác. Vậy thì tại sao Tôn giả Gotama trẻ tuổi, sanh sau để muộu và chỉ mới xuất gia lại tự cho mình như vậy?

Thưa Đại vương, có bốn loại tuổi trẻ không nên khinh thường, không nên miệt thị vì họ là trẻ. Thế nào là bốn? Đó là vị vương tử trẻ tuổi, một con rắn trẻ tuổi, một ngọn lửa trẻ tuổi và một vị Tỷ kheo trẻ tuổi.

Thưa Đại vương, bốn loại trẻ tuổi này không nên khinh thường, không nên miệt thị vì chúng là trẻ.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 3, phẩm Thứ nhất, phần Tuổi trẻ, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.159)

LỜI BÀN:

Đứng về phương diện chín chắn và kinh nghiệm trong cuộc sống, xưa nay xã hội vẫn dành cho người già một địa vị trang trọng. Tuy

nhiên, về phương diện tài năng, nhất là những tài năng xuất chúng thì bất luận tuổi tác, bởi thiên tài vốn thiên bẩm, là phúc báo riêng của mỗi người. Do vậy, chẳng có ai ngờ ngàng trước chuyện tuổi tác của thiên tài cả.

Vì thế, với tuệ giác của Thế Tôn, Ngài thấu rõ bản chất của bốn nhóm đối tượng đặc biệt, rất lợi hại, rất nguy hiểm dù cho còn trẻ tuổi, sự nghiệp mới manh nha. Một vị vương tử trẻ tuổi nhưng đã tiềm ẩn bên trong một đại đế quyền uy, đứng trên muôn dân, cai trị toàn thể thiên hạ. Một con rắn nhỏ nhưng là rắn độc thì phải tránh xa nếu không muốn mất mạng. Một ngọn lửa nhỏ là khởi đầu của trận đại hỏa hoạn, thiêu rụi tất cả. Vị Tỷ kheo trẻ tuổi nhưng với thiện căn nhiều đời, giới hạnh viên mãn đã ẩn tàng bên trong một bậc Đạo sư, một đấng Giác ngộ.

Pháp thoại này, Thế Tôn muốn đề cập đến hai phương diện đối lập của sự lợi hại trong những hiện tượng mới phát sinh. Người con Phật phải nhận thức và dự liệu được hai mặt của vấn đề khi nó còn trong trứng nước. Nếu nó là nguyên nhân sâu xa của sự xấu ác, bất thiện thì phải nên chế ngự và diệt trừ, dù nó chỉ mới hình thành trong tư tưởng. Ngược lại, nếu nó là cội nguồn của thiện pháp thì phải tin tưởng, phát huy để đạt đến đỉnh cao.

Khuynh hướng của xã hội hiện nay là trẻ hóa, nhất là trẻ hóa đội ngũ lãnh đạo là một chuyển biến tích cực, năng động, kích thích sự phấn đấu vươn lên để tự thể hiện mình của giới trẻ. Giáo hội cũng đang có những động thái trẻ hóa hàng ngũ lãnh đạo nhưng xem ra vẫn còn quá dè dặt. Giữa hai thế hệ già và trẻ bao giờ cũng có những lợi thế và những hạn chế riêng. Tuy vậy, phải tin tưởng vào sức trẻ, dìu dắt và nâng đỡ đồng thời giao phó trách nhiệm cho lớp trẻ chính là thực hiện di huấn của Thế Tôn. Thế nên, chúng ta không nên xem thường hay nghi ngờ thế hệ trẻ, một khi họ có đầy đủ những tố chất của sự trưởng thành. ▀

6- NĂM LÁ TRONG BÀN TAY

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại rừng Simsapà. Thế Tôn lấy tay nhặt lên một ít lá Simsapà, rồi bảo các Tỷ kheo:

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ kheo, cái gì là nhiều hơn, một số ít lá Simsapà mà Ta nắm lấy trong tay hay lá trong rừng Simsapà?

Thật quá ít, bạch Thế Tôn, một ít lá Simsapà mà Thế Tôn nắm lấy trong tay và thật là quá nhiều, lá trong rừng Simsapà.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, thật là quá nhiều, những gì Ta đã thắng tri mà không nói cho các ông! Thật là quá ít những gì Ta đã nói ra.

(ĐTKVN, *Tương Ưng V*, Chương 12, phẩm Rừng Simsapà, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.635)

LỜI BÀN:

Với dung lượng đồ sộ của Tam tạng thánh điển Phật giáo, trong một đời người không hẳn ai cũng vinh hạnh được một lần duyệt qua mà chỉ là nắm lá trong bàn tay của Thế Tôn, thế mới biết trí tuệ của bậc Toàn giác bao la, vĩ đại biết dường nào. Những điều Thế Tôn dạy cho con người thật quá ít so với những điều mà Ngài biết, ít đến nỗi như nắm lá trong bàn tay so với lá trong rừng.

Đây mới là đặc tính siêu việt, thể hiện sự toàn giác, toàn tri trong tuệ giác của Thế Tôn. Một người thầy giỏi không nhất thiết phải trình bày tất cả những gì mình đã biết mà cốt yếu là tìm ra một phương pháp giáo dục thích hợp, hiệu quả nhất để dẫn dắt học trò dần tiến đến sự hiểu biết như mình.

Nắm lá Simsapà trong bàn tay chỉ là “những điều liên hệ đến

mục đích giải thoát, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến ly tham, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết bàn”. Đó là những gì căn bản và cần thiết nhất nhằm giúp cho con người vượt thoát khổ đau để sống an lạc, hạnh phúc. Vì quý thời gian cho một đời người vô cùng ngắn ngủi, do đó càng không thể phí phạm, viển vông trong thế giới của luận lý, siêu hình không có lợi ích cho giác ngộ và giải thoát.

Như một người bị trúng mũi tên có độc, việc cấp bách và cần thiết nhất là nhổ mũi tên độc ấy ra và trị liệu vết thương. Sẽ mất mạng, nếu người ấy không cho nhổ tên mà cứ vòng vo muốn tìm hiểu xem mũi tên này do ai bắn ra, nó được làm bằng cách nào. Những điều Thế Tôn dạy như nắm lá trong bàn tay tuy ít nhưng nó là chìa khóa để mở cửa kho tàng tuệ giác của lá cây trong rừng. Chỉ cần khảo sát tường tận một phần nắm lá ấy thì tự khắc chúng ta sẽ hiểu được bản chất của toàn bộ lá cây trong rừng giác ngộ của Thế Tôn.▲

7- HẠT MUỐI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Ở đây, này các Tỷ kheo, có người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, hạn hẹp, nhỏ nhen. Người như vậy, làm nghiệp ác nhỏ mọn và nghiệp ác ấy đưa họ vào địa ngục.

Ở đây, này các Tỷ kheo, có người thân được tu tập, giới được tu tập, tâm được tu tập, tuệ được tu tập, không có hạn hẹp, rộng lượng. Người như vậy, có làm việc ác nhỏ mọn tương tự, nghiệp ác ấy đưa họ đến cảm thọ ngay trong hiện tại cho đến chút ít cũng không thấy được (trong đời sau), nói gì là nhiều.

Này các Tỷ kheo, ví như có người bỏ nắm muối vào trong một chén nước nhỏ, nước trong chén ấy vì nắm muối trở thành mặn và không uống được. Nhưng có người bỏ nắm muối vào nước sông Hằng, khối nước ấy rất lớn không vì nắm muối này mà trở thành mặn và không uống được.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, Chương 3, phẩm Hạt muối, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.451)

LỜI BÀN:

Khi chưa dự phần vào Thánh vị thì không ai tránh khỏi lỗi lầm. Tuy nhiên, những lỗi lầm tác động đến tự thân của họ hoàn toàn khác nhau. Điều ấy phụ thuộc vào mức độ vi phạm và công đức tu tập của mỗi người. Nếu người nào tu tập như pháp, công đức sâu dày thì công đức ấy sẽ hóa giải một phần nào những lỗi lầm lớn và có thể triệt tiêu những lỗi lầm nhỏ. Ngược lại, nếu người nào không tu tập như pháp, không tích lũy được nhiều công đức thì sẽ

gánh chịu hoàn toàn những hậu quả do lỗi lầm mình gây ra, dù đó là lỗi nhỏ.

Giống như người giàu mất một số tiền nhỏ thì không ảnh hưởng gì đến kinh tế của gia đình nhưng người nghèo đánh mất số tiền ấy thì có nguy cơ nợ nần, đói khát. Hoặc như nắm muối bỏ xuống sông Hằng, nước sông không vì nắm muối mà trở thành mặn và không uống được nhưng cũng nắm muối ấy mà bỏ vào một chén nước nhỏ thì nước trong chén sẽ mặn chát và không thể uống.

Tuy nhiên, điều này không có nghĩa những người có nhiều công đức muốn làm gì thì tùy ý. Vì công đức được tạo ra vô cùng khó khăn, phải tích lũy lâu dài và vun đắp liên tục nhưng nếu sơ suất phạm vào lỗi lầm, đặc biệt những lỗi lầm lớn thì có thể tiêu tan công đức, trở thành trắng tay. Do vậy, phải nỗ lực tu tập, tạo phước, trưởng dưỡng công đức, tránh khinh suất để bảo tồn thành quả tu tập. Và nếu không may tạo ra lỗi lầm nhỏ thì không vì thế mà dẫn đến đọa lạc hay chịu hậu quả nghiêm trọng vì công năng tu tập sẽ hóa giải làm thiếu giảm đến thấp nhất những ảnh hưởng và tác động xấu đến tự thân.▲

8- TINH CẦN

Một thời, Thế Tôn sống giữa dân chúng Bhagga, rừng Bhesakala, vườn Lộc Uyển. Bấy giờ, vương tử Bodhi thỉnh Thế Tôn và chúng Tỷ kheo đến nhà thọ trai. Sau khi thọ trai xong, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

Khoảng bao lâu, bạch Thế Tôn, một vị Tỷ kheo tu tập theo giáo pháp của Như Lai, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh?

Này Vương tử, có năm tinh cần chi này. Thế nào là năm? Ở đây, này Vương tử: Vị Tỷ kheo có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai; Vị ấy ít bệnh, ít nã, có sức khỏe; Vị ấy không gian trá, như thật đối với bậc Đạo sư và các đồng Phạm hạnh; Vị ấy siêng năng từ bỏ các bất thiện pháp, tu tập các thiện pháp; Vị ấy có trí tuệ về sự sanh diệt của các pháp.

Này Vương tử, vị Tỷ kheo thành tựu năm tinh cần chi này có thể đắc lậu tận trong bảy năm, cũng có thể là sáu, năm, bốn, ba, hai, một năm, nửa tháng, cho đến bảy ngày, có thể có người được giảng dạy buổi sáng thì buổi chiều đã chứng đắc.

(ĐTKVN, *Trung Bộ II*, kinh Bồ đề vương tử [trích], VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.565)

LỜI BÀN:

Tinh cần tức siêng năng, cần mẫn, tinh chuyên và bền bỉ là một trong những yếu tố cực kỳ quan trọng quyết định sự thành công, dù cho phải đối mặt với những trở ngại, khó khăn nhất. Trong sự nghiệp tu tập, tinh cần là một trợ đạo, góp phần không nhỏ cho việc thành tựu Thánh quả.

Theo tuệ giác Thế Tôn, giữ vững niềm tin Phật, đấng Toàn giác là yếu tố đầu tiên. Tin tưởng tuyệt đối vào bậc Đạo sư, người dẫn đường tối thượng đã hoàn toàn giải thoát và giác ngộ. Tin Phật để tin tâm, thành tựu niềm tịnh tín bất hoại là tin vào khả năng giác ngộ của chính mình. Như Lai là Phật đã thành, chúng ta là Phật sẽ thành. Tiếp đến, người tu phải có sức khỏe và thể lực tốt. Thân và tâm vốn nhất như, có liên hệ mật thiết với nhau. Không thể có sự minh triết, sáng suốt trong một thân thể bệnh hoạn, ốm yếu đến kiệt sức. Mặt khác, tu tập là một sự tự giác và tự nguyện. Vì thế, trung thực và chân thật với chính mình và mọi người là một nguyên tắc căn bản để tiến tu, tịnh nghiệp. Nguyên từ bỏ các điều ác, làm tất cả việc lành đồng thời những điều ác chưa sinh thì không để phát sinh, những việc lành đã sinh thì phải làm cho tăng trưởng là cốt tủy của chánh cần. Cuối cùng là vận dụng tuệ giác, nỗ lực thiền quán về sự sanh diệt của các pháp để thân chúng về Khổ, Vô thường và Vô ngã.

Thời gian để chúng đạt và an trú quả vị giải thoát luôn tỷ lệ nghịch với tinh tấn, chuyên cần. Có thể rất dài, trải qua ba A tăng kỳ kiếp nhưng cũng có thể rất ngắn, bảy ngày cho đến một ngày, thậm chí trong một sớm một chiều tùy thuộc hoàn toàn vào sự tu tập năm tinh cần chi này của mỗi hành giả. Tinh tấn, siêng năng hay chánh cần có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp tu học như thế, nên trong lời di huấn cuối cùng trước lúc Niết bàn, Thế Tôn chỉ răn dạy: “Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật” (*Kinh Đại Bát Niết Bàn*).▲

9- SỢ HÃI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có bốn sự sợ hãi này. Thế nào là bốn? Sợ hãi tự mình trách, sợ hãi người khác trách, sợ hãi hình phạt, sợ hãi ác thú.

Thế nào là sợ hãi tự mình trách? Ở đây, này các Tỷ kheo, có hạng người suy xét: “Nếu thân ta làm ác, lời ta nói ác, ý ta nghĩ ác, thời chính ta có thể trách ta: Sao lại làm nghiệp ấy?”. Người ấy do sợ hãi tự trách, bỏ ác làm lành, sống đời trong sạch. Này các Tỷ kheo, đây gọi là sợ hãi tự trách.

Thế nào là sợ hãi về người khác trách? Ở đây, này các Tỷ kheo, có hạng người suy xét: “Nếu thân ta làm ác, lời ta nói ác, ý ta nghĩ ác, thời người khác có thể trách ta: Sao lại làm nghiệp ấy?”. Người ấy do sợ hãi người khác trách, bỏ ác làm lành, sống đời trong sạch. Này các Tỷ kheo, đây gọi là sợ hãi người khác trách.

Thế nào là sợ hãi hình phạt? Ở đây, này các Tỷ kheo, có người thấy các vua chúa khi bắt được kẻ trộm cướp liền dùng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, bằng gậy cho đến lấy gươm chặt đầu. Người ấy vì sợ hãi hình phạt, không có đi trộm cắp tài sản của người khác. Này các Tỷ kheo, đây gọi là sợ hãi hình phạt.

Thế nào là sợ hãi ác thú? Ở đây, này các Tỷ kheo, có người suy nghĩ như sau: “Những ai thân làm ác, nói lời ác, ý nghĩ ác thì có ác báo trong tương lai”. Người ấy vì sợ hãi ác thú, đọa xứ nên đoạn tận thân làm ác, nói lời ác và ý nghĩ ác. Này các Tỷ kheo, đây gọi là sợ hãi ác thú.

Này các Tỷ kheo, có bốn loại sợ hãi này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 4, phẩm Sợ hãi, phần Tự trách [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.46)

LỜI BÀN:

Lo sợ, bất an là một trong những phiền não làm xáo động tâm tư con người. Tuy vậy, sự lo sợ vốn thật cần thiết cho con người hướng thiện, tránh xa những điều xấu ác. Trong cuộc sống, nếu không có chút sợ sệt, nể nang thì người ta có thể làm mọi chuyện, chẳng chừa bất cứ điều gì.

Tự vấn lương tâm, tự dần vặt với mình về những điều xấu ác là nền tảng căn bản của tự hoàn thiện. Sợ hãi sự chê trách của người khác là dĩ nhiên với người đứng đắn và tương đối dễ làm nhưng sự tự chê trách, ghê tởm với chính mình (khi sự việc không hoặc chưa ai biết) mới là điều khó, không phải ai cũng làm được.

Sợ hãi về hình phạt, sự nghiêm trị của pháp luật cũng giúp cho con người chùn tay trước những việc ác. Luật pháp càng nghiêm minh thì cái ác càng bị đẩy lùi. Tuy chỉ giải quyết được phần ngọn của cái ác nhưng pháp luật có tác dụng trừng phạt, răn đe hiệu quả.

Không chỉ lo sợ quả báo nhãn tiền, sự sợ hãi quả báo ác thú, đọa xứ ở tương lai cũng góp phần quan trọng cho việc hoàn thiện con người. Gieo nhân ác ắt sẽ gặp quả ác là một sự thật. Vì thế, những người con Phật luôn quán sát thân tâm, phát huy tuệ giác, biết sợ hãi những điều xấu ác để sống hiền thiện nhằm gạt hái an lành cho đời này và đời sau.▲

VIII. NHẬN QUẢ

1- TRƯỜNG THỌ VÀ ĐOẢN THỌ

Một thời, Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Jetavana, tinh xá ông Anàthapindika. Có thanh niên Subha Todeyyaputta đi đến Thế Tôn, sau khi chào và hỏi thăm, liền ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn :

Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì giữa loài người với nhau, chúng tôi thấy có người đoản thọ, có người trường thọ...?

Vậy, này Thanh niên, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói:

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông sát sinh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại, đả thương, tâm không từ bi đối với các loại chúng sanh. Do nghiệp ấy, sau khi mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú. Nếu được tái sanh trong loài người, người ấy phải đoản mạng.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh. Do nghiệp ấy, sau khi mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới. Nếu tái sanh trong loài người, người ấy được trường thọ.

(ĐTKVN, *Trung Bộ III*, kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt [trích], VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.473)

LỜI BÀN:

Mỗi người sống trên đời đều có một thân phận, tuổi thọ khác nhau. Có người sống lâu và khỏe mạnh nhưng cũng có người luôn bị bệnh tật, tai nạn hoặc thậm chí chết yểu. Nguyên nhân của sự

khác biệt về thọ mạng giữa người trường thọ và người đoản thọ là do hành nghiệp của họ trong quá khứ và ngay chính trong hiện tại khác nhau. Nếu người nào tạo nhiều nghiệp sát sinh, không có lòng từ thì người ấy bị ác báo sát sinh làm cho đoản mạng. Ngược lại, người nào sống trên đời không sát sinh, biết bảo vệ và tôn trọng sự sống, giàu lòng từ ái đối với mọi người, mọi loài thì người ấy được phúc báo trường thọ.

Nhân quả về thọ mạng rất rõ ràng và minh bạch, không một đấng quyền năng hoặc siêu nhiên nào có quyền chi phối và quyết định sự sống con người. Chính con người tự quyết định lấy số phận của họ thông qua nghiệp lực do chính họ tác tạo.

Để cải tạo nghiệp lực, nhất là nghiệp sát sinh nhằm tăng thượng phúc báo về thọ mạng thì mỗi người nên tu tập phát triển lòng từ. Chỉ có từ bi mới dập tắt hận thù; chỉ có lòng thương không phân biệt và vô điều kiện của từ bi mới hóa giải mọi mâu thuẫn và xung đột. Trong bối cảnh chiến tranh, khủng bố, bạo lực và giết hại tràn lan khắp thế giới, ác nghiệp sát sinh đang hoành hành, người Phật tử phải ý thức sâu sắc về hậu quả của nghiệp giết hại, tận lực kêu gọi và đấu tranh cho hòa bình. Đồng thời, tự thân khắc phục sát nghiệp bằng cách thực hành ăn chay, bảo vệ môi trường, tôn trọng sự sống, trường dưỡng và phát tán hạt giống từ bi đến với mọi người.▲

2- VU KHỔNG BẠCH THÁNH

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetanava, trong khu vườn của ông Anàthapindika. Rồi Tỷ kheo Kokàliya đi đến đánh lễ, ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn :

- Bạch Thế Tôn, Sàriputta và Moggallàna là ác dục, bị ác dục chinh phục.

- Này Kokàliya, chớ có vậy! Này Kokàliya, chớ có vậy! Này Kokàliya, tâm hãy tịnh tín đối với Sàriputta và Moggallàna. Hiền thiện Sàriputta và Moggallàna.

Lần thứ hai, Tỷ kheo Kokàliya lại bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có lòng tin và tin tưởng, nhưng đối với con, Sàriputta và Moggallàna là ác dục, bị ác dục chinh phục.

(Thế Tôn đã ba lần khuyến cáo Kokàliya như trên).

Rồi Tỷ kheo Kokàliya từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn và ra đi. Tỷ kheo Kokàliya ra đi không bao lâu, toàn thân nổi lên những mụn to bằng hạt cải; sau khi lớn lên bằng hạt cải, chúng lớn lên bằng hạt đậu; sau khi lớn lên bằng hạt đậu, chúng lớn lên bằng hòn đá; sau khi lớn lên bằng hòn đá, chúng lớn lên bằng trái táo... Sau cùng chúng bị vỡ ra, mủ và máu chảy ra.

Rồi Tỷ kheo Kokàliya do bệnh này mà mệnh chung. Bị mệnh chung, Tỷ kheo Kokàliya sanh trong địa ngục Sen hồng, với tâm hận thù đối với Sàriputta và Moggallàna.

(ĐTKVN, *Kinh Tiểu Bộ I*, Chương 3, Đại phẩm, kinh Kokàliya, NXB TP.HCM, 1999, tr.654)

LỜI BÀN:

Tôn giả Sàriputta (Xá Lợi Phất) và Tôn giả Moggallàna (Mục Kiền

Liên) là những bậc Thánh, đã đoạn tận lậu hoặc, hoàn toàn thanh tịnh và giải thoát. Là những Đại đệ tử của Thế Tôn, Đệ nhất trí tuệ và Đệ nhất thần thông, hai vị Tôn giả này có đầy đủ công đức, trí tuệ và từ bi, cố nhiên các Ngài hoàn toàn vô tâm, an trú trong Thánh vị. Nhưng vì vu khống, xúc phạm đến Thánh nhân nên phước đức của Kokàliya tổn giảm, tự chiêu cảm quả báo bị mù tịt ghê hành hạ đến chết. Sau khi chết rồi, dư báo vẫn còn nặng nề nên đọa vào địa ngục Sen hồng chịu nhiều thống khổ.

Sự việc Kokàliya bị quả báo và đọa lạc trong địa ngục do vu khống các bậc Thánh đã cho chúng ta một bài học. Khi chưa dự phần vào Thánh vị thì chúng ta không đủ năng lực để thẩm định, phân biệt thánh phàm. Do đó, phải thận trọng khi đánh giá, nhận định hoặc bày tỏ thái độ đối với mọi người. Ngày nay, dù những bậc Thánh không còn nhiều (hoặc có mà che giấu thân phận không lộ diện) nhưng những người tu hành đức độ, phạm hạnh không phải là ít. Tuy vậy, vẫn có không ít sự chỉ trích, phê phán, gièm pha, thậm chí vu khống người tu hành ở khắp nơi.

Đối với các bậc chân tu, có thể họ kham nhẫn được tất cả những gì mà cuộc đời dành cho (vinh danh hoặc chà đạp) mà không có bất kỳ phản ứng nào và cũng không thù oán hay đáp trả. Nhưng chắc chắn những người mang dã tâm vu khống sẽ chịu quả báo nặng nề. Chúng ta đang sống trong cõi phàm thánh cùng ở chung (Phàm thánh đồng cư độ) và nhất là trong bối cảnh ngày càng nhiều sự chỉ trích, nhận xét nhân thân các bậc tu hành nên càng phải cẩn trọng hơn để tránh hậu quả đáng tiếc như Kokàliya.▲

3- ĐẸP VÀ XẤU

Một thời, Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Jetavana, tinh xá ông Anathapindika. Có thanh niên Subha Todeyyaputta đi đến Thế Tôn, sau khi chào và hỏi thăm, liền ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn:

Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì giữa loài người với nhau chúng tôi thấy có người xấu xí, có người đẹp đẽ.

Vậy, này Thanh niên, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói:

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, phần nộ, nhiều phật ý, bị nói đến một chút thời bất bình, sân hận, chống đối và tỏ lộ bất mãn. Do nghiệp ấy, sau khi mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú. Nếu được tái sanh trong loài người, người ấy phải chịu xấu xí.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không phần nộ, không nhiều phật ý, dầu cho bị nói đến nhiều cũng không bất bình, không sân hận, chống đối và tỏ lộ bất mãn. Do nghiệp ấy, sau khi mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới. Nếu tái sanh trong loài người, người ấy được đẹp đẽ.

(ĐTKVN, *Trung Bộ III*, kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt [trích], VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.473)

LỜI BÀN:

Mỗi con người khi được sinh ra trên cõi đời đã mang một thân phận. Ai cũng mong muốn mình đẹp đẽ, khả ái đồng thời chẳng ai muốn mình xấu xí, khiếm khuyết và khó nhìn. Tuy nhiên, chính dung mạo của mỗi cá nhân trong hiện tại đã phản ánh một cách

trung thực, rõ ràng nhất nghiệp nhân của chính họ.

Tác nhân cơ bản và quan trọng nhất ảnh hưởng đến dung mạo xấu xí, khiếm khuyết là nghiệp được tạo ra do sự nóng nảy, sân hận, thiếu kiểm chế, bức xúc, chống đối và bất mãn. Không cần đợi đến kiếp sau, chỉ ngay trong hiện tại, những tâm lý và hành vi kể trên đã tàn phá, hủy hoại và làm thay đổi đáng kể diện mạo của người nóng giận.

Ngược lại, người có tâm hoan hỷ, hòa ái, bình tĩnh, khoan dung và tràn đầy tình thương thì nét đẹp trên dung mạo vốn có của họ càng được nhân lên nhờ năng lượng của hoan hỷ và hòa ái, rất dễ gần gũi và thân thiện. Bởi tâm không bị lửa nóng giận thiêu đốt, mặt mũi không bị phẫn nộ làm biến dạng mà rạng rỡ, tươi vui làm họ đẹp thêm lên. Đây cũng chính là nghiệp nhân cho nhan sắc đáng yêu của người ấy trong hiện tại và mai sau.

Vì thế, người con Phật cần giữ vững chánh niệm để đạt được tự chủ, bình tĩnh trong mọi tình huống của cuộc sống. Mặt khác, nuôi dưỡng và tăng trưởng lòng từ để thương yêu, tha thứ, bao dung và nhất là dùng từ tâm chuyển hóa nóng nảy, giận hờn là nghệ thuật sống an vui theo lời Phật dạy. Chính những điều ấy là chất liệu để hình thành thành nên vẻ khả ái, đáng yêu nơi tự thân của mỗi cá nhân.▲

4- QUẢ BÁO

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana. Bấy giờ, Tôn giả Moggallāna trú ở núi Gijjhakūta (Linh Thứu), khi từ núi bước xuống liền mỉm cười. Các Tôn giả khác thấy vậy hỏi nguyên nhân, Moggallāna đáp:

Ở đây, này các Hiền giả, khi từ núi Gijjhakūta bước xuống, tôi thấy một Sa di ni giữa hư không. Y của vị này bị cháy đỏ rực, đỏ ngọn. Bình bát, cái nịt, thân thể cũng bị cháy đỏ rực, đỏ ngọn. Vị ấy thốt lên những tiếng kêu đau đớn.

Này các Hiền giả, tôi suy nghĩ như sau: Thật hy hữu thay! Một kẻ như vậy lại trở thành một chúng sanh, một Dạ xoa như vậy.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Xưa kia Ta cũng thấy vị Sa di ni ấy nhưng Ta không nói, bởi nếu có nói, các người khác cũng không tin.

Này các Tỷ kheo, vị Sa di ni ấy là một ác Sa di ni trong thời Bạc Chánh đẳng giác Kassapa thuyết pháp. Do ác nghiệp người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, với quả báo còn lại, vị ấy cảm thọ một thân thể như vậy.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ II*, chương 8, phẩm 2, phần Sa di ni [lược], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.547)

LỜI BÀN:

Sẽ kinh hãi cho bất cứ ai khi nhìn thấy một chúng sanh du hành trong hư không với toàn thân bị lửa cháy, than khóc thảm thiết. Càng kinh hãi hơn khi chúng ta biết đó là một nữ tu Phật giáo, vị Sa di ni. Thế nhưng chuyện gì cũng có thể xảy ra, dù là người

xuất gia nếu không chánh niệm, làm ác thì bị đọa lạc cũng là chuyện thường.

Nhân quả vốn công bằng, không ai có thể trốn tránh được nhân quả, gieo gió ắt gặt bão. Có điều, với tuệ giác của Thế Tôn và bậc Thần thông đệ nhất Moggallàna cùng các Thánh giả A la hán thì thấy rõ nhân quả của chúng sanh (Thiên nhãn minh), còn chúng ta người phàm mắt thịt thì lại không. Đã không thấy nên nhiều khi chẳng tin hoặc có tin thì cũng không kiên cố. Vì vậy mà người tu tuy nhiều nhưng giải thoát chứng đạo thì chẳng bao nhiêu, thậm chí một vài người còn bị đọa lạc.

Điều đáng lưu tâm ở đây là sự “không nói” của Thế Tôn và nụ cười mỉm của Tôn giả Moggallàna. Thấy rõ sự thật nhân quả nhưng khó chia sẻ cho người phàm vốn trí mỏng nghiệp dày, trừ một vài trường hợp có duyên lành. Nhân quả có ba thời, trong thời hiện tại hiện báo vẫn có người chưa tin hướng chi như những thời tương lai sinh báo và hậu báo.

Nhưng chắc chắn rằng làm ác sẽ bị ác báo. Vị Sa di ni tạo ác nghiệp trong thời Phật quá khứ mà đến thời Thế Tôn dư báo vẫn còn, làm quý Dạ xoa bị thiêu đốt, đói khát khổ sở, khóc than thảm thiết trong khi du hành giữa hư không. Sự kiện này cảnh tỉnh chúng ta luôn thận trọng với điều ác, dù nhỏ như tơ tóc. Quả báo ác sẽ theo người làm ác như bóng theo hình, như “bánh xe theo chân con vật kéo xe”, bất luận người đó là ai.▲

5- HAI LOẠI TỘI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại khu vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có hai loại tội. Thế nào là hai? Tội có kết quả ngay trong hiện tại và tội có kết quả trong đời sau.

Thế nào là tội có kết quả ngay trong hiện tại? Này các Tỷ kheo, khi thấy nhà vua bắt được kẻ trộm, kẻ vô loại, liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ bị đánh bằng roi cho đến bị chặt đầu. Thấy vậy liền suy nghĩ: Do làm các nghiệp ác nên mới bị các hình phạt như vậy. Nghĩ vậy, người ấy sợ hãi tội lỗi trong hiện tại.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là tội có kết quả trong đời sau? Ở đây, có người suy xét như sau: Quả báo dị thực của thân khẩu ý ác, sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, địa ngục. Nghĩ vậy, người ấy sợ hãi tội lỗi trong đời sau.

Do vậy, này các Tỷ kheo, cần phải học tập như sau: Chúng ta phải sợ hãi đối với tội có kết quả hiện tại và trong đời sau. Chúng ta phải thấy rõ sự nguy hiểm và tránh xa các tội.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 2, phẩm Hình phạt, phần Hai loại tội [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.94)

LỜI BÀN:

Nhân quả ở đời vốn rất chính xác và rõ ràng, gieo nhân nào thì gặt quả ấy. Đức Phật cũng từng dạy: Dù lên núi cao hay xuống vực thẳm cũng không tránh được nghiệp quả. Do nhận thức đúng về nhân quả nên người con Phật luôn thận trọng trong mỗi việc làm, lời nói và suy nghĩ của chính mình.

Tiến trình từ nhân đến quả, có thể báo ứng ngay trong hiện tại mà cũng có thể xảy ra ở tương lai gần hoặc xa. Chỉ cần quan sát trong hiện tại, chúng ta cũng dễ dàng nhận ra quả báo nhân tiền của những việc làm ác như: trộm cướp, đua xe, hút chích, phụ tình, trù dập, hãm hại, buôn lậu, tham ô... dẫn đến bị bắt, bị truy tố, giam cầm cho đến xử tử.

Ngoài những tội có kết quả trong hiện tại còn vô số những việc ác sẽ kết thành quả xấu trong tương lai. Con người thường sợ quả báo hiện tại mà xem thường quả báo ở vị lai. Vì thế, những người đã phạm tội nhưng chưa bị phát hiện hoặc đã “hạ cánh an toàn” thì ung dung hưởng thụ, thân nhiên như người vô tội, thậm chí đắc ý cười thầm. Sự thật thì không như vậy, lương tâm luôn cắn rứt và tội báo sẽ đến với những người ấy, không thể nào thoát khỏi.

Vì thế, người học Phật thấy rõ nhân quả nên luôn sợ hãi với quả báo, quyết không làm điều ác, tránh xa tội lỗi. Niềm tin nhân quả, sự sợ hãi quả báo trong đời này và những đời sau sẽ góp phần tác thành nên nhân cách, đạo đức cho mỗi người. Xã hội sẽ bình an, thiện lành và phát triển ổn định hơn khi mỗi người đều có nhận thức đúng đắn về nhân quả và nghiệp báo.▲

6- KHÓ ĐƯỢC Ở ĐỜI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Rồi gia chủ Anàthapindika đi đến đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anàthapindika:

Có bốn pháp này, này Gia chủ, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời. Thế nào là bốn?

Mong rằng tài sản khởi lên cho ta đúng pháp; mong rằng tiếng tốt được đồn về ta, cùng với bà con; mong rằng ta được sống lâu, thọ mạng kéo dài; mong rằng khi thân hoại mạng chung, ta được sanh lên cõi thiện, cõi trời và cõi đời này. Đây là bốn pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời.

Này Gia chủ, đối với bốn pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời này, có bốn pháp đưa đến chứng được những pháp ấy. Thế nào là bốn? Đó là đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới, đầy đủ bố thí và đầy đủ trí tuệ.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 4, phẩm Nghiệp công đức, phần Bốn nghiệp công đức [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.676)

LỜI BÀN:

Sống ở đời, ai cũng mong muốn được đầy đủ, sung túc và thịnh phát. Không những thế, họ còn mong ước được danh thơm, khỏe mạnh và sống lâu, xa hơn nữa là mong rằng sau khi từ giã cõi đời được sanh về thế giới an lành. Những hoài mong đó thật chính đáng, thiện lành nhưng khó được, bởi không mấy người có đủ phước báo tròn đầy.

Thường thì chúng ta được cái này lại mất cái kia. Tuy vậy, có cái để được cũng quý hóa lắm rồi, vì xung quanh ta có khá nhiều người chẳng còn gì để mất. Chính những thăng trầm vinh nhục

trong đời, trải nghiệm về sự được mất có đó rồi không đó, khiến chúng ta nhận ra giá trị của phước đức. “Có tài mà cậy chi tài”, có nhiều thứ nhưng ai dám chắc rằng chúng là của ta mãi mãi? Chỉ có phước đức sâu dày, may ra mới đem lại bình an, hạnh phúc trong cuộc mưu sinh đầy biến động này.

Không phải ngẫu nhiên mà ông cha ta đã rút ra kinh nghiệm sống quý giá “Có phước, có đức mặc sức mà hưởng”. Phước đức ấy chính là sự tiếp nối tuệ giác của Thế Tôn, ứng dụng trong đời sống hàng ngày thông qua những biểu hiện thiết thực: có đầy đủ niềm tin, giới hạnh, bố thí và trí tuệ. Niềm tin Tam bảo là cội nguồn của mọi phước đức. Vì ba ngôi quý báu Phật Pháp Tăng là ngọn đuốc sáng soi đường cho mọi nẻo lành. An trú vững chắc vào niềm tịnh tín Tam bảo thì tự khắc chúng ta sẽ thiết lập được đời sống đạo đức, lương thiện và hân hoan với thí xả, mở rộng lòng ra với mọi người. Biết sống với niềm tin, đạo đức và buông xả, sống cho mình và mọi người, sống với an vui hiện tại và tương lai, đó chính là tuệ giác.

Vì thế, mong ước hạnh phúc của hàng Phật tử không phải là mơ ước suông, tin tưởng mơ hồ, cầu xin ai đó ban phước mà phải tích lũy, xây dựng phước báo cho mình bằng cách sống tốt trong từng ngày, từng giờ. Một khi phước đức đã đủ đầy thì mọi việc tùy duyên thành tựu như ý, an vui và hạnh phúc bền lâu.▲

IX. HIẾU ĐẠO

1- THÂM ÂN NAN BÁO

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Ngài cho gọi các Tỷ kheo:

Có hai hạng người, này các Tỷ kheo, Ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và cha. Nếu một bên vai công mẹ, một bên vai công cha, làm vậy suốt trăm năm cho đến trăm tuổi; nếu đấm bóp, xoa gội, tắm rửa và dầu tại đây cha mẹ có đại tiểu tiện, như vậy, này các Tỷ kheo cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha.

Vì cơ sao? Vì rằng, này các Tỷ kheo, cha mẹ đã làm nhiều cho con cái, nuôi dưỡng chúng khôn lớn, giới thiệu chúng vào đời này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 2, phẩm Tâm thăng bằng, phần Đất [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.119)

LỜI BÀN:

Hiếu dưỡng cha mẹ là một trong những chuẩn mực đạo đức căn bản của những người con Phật. Học theo hạnh Phật, trước hết phải là kiện toàn công hạnh của những người con chí hiếu. Nếu chưa tròn câu hiếu đạo thì không đủ tư cách làm người và dự phần vào hàng Phật tử chân chính.

Biết ơn và đền ơn các đấng sanh thành là điều người con Phật hằng tâm niệm. Tuy vậy, công ơn sanh thành dưỡng dục vốn cao như núi, rộng như biển nên thật khó đáp đền. Phụng dưỡng và hiếu kính cha mẹ trọn vẹn về phương diện vật chất trong hiện đời đã là việc khó làm. Nhưng dầu có làm được, theo tuệ giác của Thế Tôn vẫn chưa gọi là đủ. Người con Phật chí hiếu nhận thức rõ về tác dụng của nghiệp trong dòng luân chuyển của sanh tử luân hồi, đồng thời phải định hướng cho cha mẹ tác tạo thiện nghiệp ngõ

hầu thặng hoa đời sống trong tương lai.

Mỗi người có một nghiệp riêng, do đó chiêu cảm quả báo khác nhau. Trong phương diện biệt nghiệp thì phước ai làm người ấy hưởng và tội ai làm thì người ấy chịu. Khi nghiệp chín muồi và trở quả thì dẫu chí thân hay trọn tình đến mấy vẫn không ai có thể chịu thay. Do vậy, song hành với hiếu dưỡng, chu toàn cho cha mẹ hiện đời, người con Phật hiếu thảo còn hướng thiện cho cha mẹ để song thân được an lạc trong nhiều đời.

Vì thế, những người con Phật chân chính ngoài việc tu tập chuyển hóa tự thân, chu toàn hiếu dưỡng, cần phải nỗ lực trợ duyên, khuyến hóa song thân tịnh tín Tam bảo, an trú thiện giới, siêng năng tu bố thí, hoan hỷ với hạnh cúng dường và nhất là thành tựu chánh kiến. Chính tuệ giác của chánh kiến sẽ soi sáng cho tất cả những pháp lành trên con đường thực hành Bát chánh đạo. Nhờ đó mà những bậc cha mẹ hội đủ duyên thành tác tạo nên nhiều thiện nghiệp, xa lìa ác đạo trong những đời sau.

Đây chính là nét đặc thù của tinh thần hiếu đạo Phật giáo đồng thời cũng là phương pháp báo hiếu đầy đủ và trọn vẹn nhất.▲

2- BAO LA TÌNH MẸ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, gọi các Tỷ kheo:

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ kheo, cái gì là nhiều hơn? Sữa mẹ mà các ông đã uống trong khi các ông lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài hay nước trong bốn biển?

Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn dạy, chúng con hiểu rằng, nhiều hơn là sữa mẹ mà chúng con đã uống trong khi lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài chớ không phải nước trong bốn biển.

Lành thay, này các Tỷ kheo, các ông đã hiểu pháp mà Ta đã dạy.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ II*, chương 4, phẩm 1, phần Sữa, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.314)

LỜI BÀN:

Hầu hết chúng ta lớn khôn đều bắt đầu từ dòng sữa mẹ. Tạo hóa đã ban cho mẹ một bầu sữa ngọt ngào, giúp trẻ sơ sinh có đầy đủ các dưỡng chất và kháng thể mà hiếm có một hợp chất dinh dưỡng nhân tạo nào có thể thay thế được. Và những dòng sữa ấy cũng chính là một phần thân thể mẹ.

Trước đó, khi biết mình đã mang thai, mẹ đã sống vì con. Gần mười tháng cưu mang, ba năm bú mớm, mẹ đã dồn hết sinh lực của mình để san sẻ cho con. Với mẹ, con là tất cả, thậm chí có thể vì con mà quên đi tính mạng của mình. Con ngày càng khôn lớn thì sức mẹ cũng hao mòn, cạn kiệt dần nhưng mẹ luôn vui về điều đó. Mẹ đã cho con tấm hình hài bằng tất cả tình thương và máu thịt. Vì thế, khi nói sữa mẹ mà chúng ta đã uống trong khi lưu chuyển luân hồi từ vô thủy đến nay nhiều hơn nước trong bốn

biển cũng chẳng cường điệu chút nào.

Vẫn biết “lòng mẹ bao la như biển Thái Bình” nhưng cuộc sống với vô vàn biến động, mãi lo kiếm sống nên nhiều khi lãng quên, chểnh mảng bổn phận làm con. Vì thế, những người con hiếu thảo cần phải quán niệm thường xuyên về thâm ân dưỡng dục để nuôi lớn và giữ trọn hiếu tâm, hiếu hạnh đối với những đấng sanh thành.

Nhận thức được thâm ân sanh dưỡng của cha mẹ bao la như trời biển là cơ sở quan trọng để thực hành trọn vẹn hạnh hiếu. “Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật”. Tâm làm nền tảng cho hành động, vì thế, một khi đã thành tựu tâm hiếu thì chắc chắn sẽ viên thành hạnh hiếu. ▀

3- CHA MẸ & CON CÁI

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana. Lúc bất giờ Singākala (Thi Ca La Việt), con của gia chủ, dậy sớm, ra khỏi thành đánh lễ sáu phương. Khi gặp Thế Tôn, Ngài dạy Singākala về hiếu đạo như sau:

Này Gia chủ, có năm trường hợp người con phải phụng dưỡng cha mẹ: Được nuôi dưỡng, con sẽ phụng dưỡng cha mẹ; con sẽ làm tròn bốn phận đối với cha mẹ; con sẽ giữ gìn gia đình và truyền thống; con bảo vệ tài sản thừa tự; con sẽ làm tang lễ khi cha mẹ qua đời.

Này Gia chủ, được con phụng dưỡng theo năm cách như vậy, cha mẹ có lòng thương tưởng đến con cũng theo năm cách: Ngăn chặn con làm điều ác, khuyến khích con làm điều thiện; dạy con nghề nghiệp; dựng vợ, gả chồng xứng đáng cho con; đúng thời trao của thừa tự cho con.

Này Gia chủ, cha mẹ được con phụng dưỡng và cha mẹ có lòng thương tưởng đến con theo năm cách như vậy, gia đình sẽ an ổn, thoát khỏi các sự sợ hãi.

(ĐTKVN, *Trường Bộ II*, kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt [lược], VNCPHVN ấn hành, 1991, tr.541)

LỜI BÀN:

Mái ấm gia đình là một điểm tựa quan trọng cho các thành viên trong gia đình, nhất là trong bối cảnh xã hội, kinh tế nhiều biến động thì nhu yếu thiết lập một gia đình hạnh phúc để che chở lẫn nhau lại càng cần thiết hơn. Muốn làm được điều đó, tất cả các thành viên trong gia đình, cha mẹ và con cái đều cần phải nỗ lực để chu toàn trách nhiệm và bốn phận của mình.

Muốn cho con nên người, biết siêng năng, cần mẫn làm việc, có

đầy đủ tư cách đạo đức, hiếu kính thì các bậc cha mẹ phải thực sự yêu thương và phải chăm lo giáo dưỡng con cái. Không phải ngẫu nhiên mà ông cha ta đã quy kết trách nhiệm rằng “con hư tại mẹ”. Con cái là những búp măng, nếu biết uốn nắn, chỏ che thì về sau mới thành tre ngay thẳng, có ích. Vì thế, thiết lập nền tảng đạo đức cơ bản cho con cái như khuyên dạy bỏ ác làm lành, không tham lam, biết thương đồng loại... là điều cần làm. Kế đến là công tác hướng nghiệp, tạo lập gia đình và tin tưởng đầu tư, trao truyền sự nghiệp cho con cái, để con tự lập, đứng vững giữa cuộc đời.

Cha mẹ biết thương yêu, giáo dưỡng con cái nên người, có công danh, gia đình, sự nghiệp thì chắc chắn con cái sẽ thấu hiểu và báo ơn bằng sự hiếu thuận. Theo tuệ giác của Thế Tôn, để trở thành người con hiếu thảo thì niệm ân cha mẹ để báo ân là điều tối cần. Nhờ nuôi dưỡng tâm niệm về thâm ân dưỡng dục mà tâm hiếu được hình thành và ngày càng tăng trưởng dẫn đến bốn phận làm con sẽ được chu toàn. Như vậy, hiếu thảo là một trong những bốn phận quan trọng của đạo làm con được hình thành từ chính tình thương yêu và sự giáo dưỡng của cha mẹ. Hiếu dưỡng sẽ tròn đầy một cách như nhiên khi chính các bậc cha mẹ thực sự gương mẫu, trọn vẹn với đạo làm cha mẹ thì con cái sẽ viên thành đạo nghĩa làm con của mình.▲

4- NGƯỜI THỰC SỰ CÓ HIẾU KHÔNG NHIỀU

Một thời, Thế Tôn trú tại Rajàgaha, trên núi Gijjhakùta. Rồi Thế Tôn lấy một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỷ kheo:

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ kheo, cái nào là nhiều hơn, một ít đất trên đầu móng tay hay là quả đất lớn này?

Bạch Thế Tôn, cái nhiều hơn là quả đất này, còn ít hơn là đất trên đầu móng tay.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, ít hơn là các chúng sanh có hiếu kính với mẹ, với cha và nhiều hơn là các chúng sanh không hiếu kính với mẹ, với cha.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 12, phẩm Bánh xe lược thuyết, phần Hiếu kính mẹ-Hiếu kính cha [trích], NXB Tôn Giáo, 2002, tr.675)

LỜI BÀN:

Hiếu kính với cha mẹ là một lẽ đương nhiên, gần như bất cứ người con nào cũng biết niệm ân và hết lòng hiếu dưỡng song thân để đáp đền ân nghĩa sanh thành. Thế thì vì sao Thế Tôn lại khẳng định “ít hơn là các chúng sanh có hiếu kính với mẹ, với cha và nhiều hơn là các chúng sanh không hiếu kính với mẹ, với cha”?

Có thể nói từ trong tâm khảm, không ai mà không thương kính cha mẹ. Nhưng để thực hiện song hành tâm hiếu và hạnh hiếu một cách trọn vẹn thì không mấy ai làm được. Ở đây, chúng ta không bàn đến hạng người mang tội đại nghịch (giết cha, giết mẹ) hay những kẻ nghịch tử chỉ báo hại và làm khổ cha mẹ. Vấn đề đáng nói là đối với những người con tuy có hiếu, mong muốn được thể hiện đạo hiếu nhưng rồi cũng không làm được gì nhiều

cho các đấng sanh thành.

Vì sao? Có đến 1.001 lý do để biện giải cho điều ấy. Cho dù những lý do ấy có xác đáng đến mấy và dấu cho cha mẹ hoàn toàn thông cảm, hy sinh thì chúng ta vẫn phải thừa nhận rằng những gì mình đã làm cho cha mẹ thật sự quá ít so với thâm ân sanh dưỡng như biển trời. Sống ở trên đời, có lòng hiếu đã khó, thực hiện nó lại càng khó hơn bởi không phải ai cũng có đầy đủ phước duyên để phụng dưỡng và kính thờ cha mẹ như ý của mình.

Cuộc sống vốn phức tạp và đầy biến động, mải lao theo những việc quan trọng, cấp thiết hơn nên niềm riêng về cha mẹ tạm thời gác lại. Điều này cũng dễ dàng cảm thông nhưng trở trêu thay là không có cái gì chờ đợi chúng ta cả. Rồi chuyện sẽ đến đã đến và chúng ta không kịp trở tay, chỉ còn ôm niềm ân hận là chưa làm được nhiều cho cha mẹ thì người đã đi rồi.

Tư duy và chiêm nghiệm về lời dạy của Thế Tôn để thấy mình vẫn chưa tròn câu hiếu đạo. Người thực sự hiếu kính cha mẹ như đất ở móng tay so với đất trên địa cầu nhắc chúng ta phải làm ngay những việc cần làm cho cha mẹ, đừng hẹn ngày mai để khỏi hối hận về sau.▀

5- KHUYẾN HÓA CHA MẸ HƯỚNG THIỆN

Một thời, Thế Tôn ở Sàvatthi, tại vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, ai đối với cha mẹ không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với cha mẹ theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với cha mẹ xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú vào bố thí; đối với cha mẹ theo ác tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú vào trí tuệ. Như vậy là làm đủ và trả ơn đủ cho mẹ và cha.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 2, phẩm Tâm thăng bằng, phần Đất [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.119)

LỜI BÀN:

Hầu hết chúng ta đều tâm niệm cha mẹ là Trời Phật, là đối tượng kính thờ, là bất khả xâm phạm. Nuôi dưỡng và un đúc ý niệm này sâu vào tâm khảm là một tố chất quan trọng để tác thành nên tâm hiếu, hạnh hiếu. Song thực tế cho thấy vẫn còn nhiều bậc cha mẹ do nghiệp lực chi phối nên chưa thực sự gương mẫu và thể hiện hết trách nhiệm, vai trò phụ mẫu của mình, dẫn đến ảnh hưởng không nhỏ cho con cái và cả gia đình.

Người đời thường phê phán con cái bất hiếu là nghịch tử nhưng cũng nghiêm khắc khi quy kết “con hư tại mẹ, cháu hư tại bà”. Hiện có không ít những người con phải gánh chịu tải nặng bởi cha mẹ thiếu lương tâm và trách nhiệm, thậm chí chua chát với câu “ân nghĩa sanh thành”, oán trách và xa lánh cả song thân. Ở đây, chúng ta không trách cứ ai cả, vì đã là con người thì dù ở vai vị nào cũng có những hạn chế nhất định, không ai tránh khỏi lỗi lầm.

Cần bình tâm quán sát về bản thân, gia đình để nhận ra dòng vận hành của nghiệp lực, cộng nghiệp của cả gia đình. Nhờ quán chiếu sâu sắc vào cộng nghiệp, chúng ta sẽ thấy rõ ràng hơn về thực trạng gia đình hiện tại mà bớt đi những oán trách lẫn nhau và quan trọng hơn là mở ra một hướng mới để chuyển hóa, khắc phục. Ngay đây, việc thực thi hạnh hiếu được nâng tầm cao hơn là khuyến hóa cha mẹ bỏ tà quy chánh.

Con hư cũng là con, cha mẹ đâu có “sơ suất” gì thì cũng là cha mẹ, không ai thay đổi được cộng nghiệp này. Do vậy, trợ duyên để chuyển hóa lẫn nhau, cải tạo cộng nghiệp gia đình tốt đẹp hơn là điều cần làm của người con Phật hiếu thảo. Với con người, mọi lỗi lầm đều từ vô minh mà ra, từ tham ái mà hình thành, từ sân si mà dấy khởi. Thay vì oán trách, chúng ta hãy vận dụng tín (niềm tin), giới (làm lành, tránh ác), thí (buông xả) và tuệ (hiểu biết) cùng với tình thương, kính trọng để khuyến hóa cha mẹ hướng về Tam bảo.

Không ai nỡ nhìn người thân của mình đi vào cõi ác. Do vậy, khuyến hóa cha mẹ hướng thiện, bỏ tà quy chánh không chỉ đem lại hạnh phúc an vui cho cha mẹ trong đời này mà cả những đời sau. Làm được điều này mới gọi là tận hiếu, chí hiếu, là “làm đủ và trả ơn đủ cho mẹ và cha”.▲

6- PHƯỚC BÁO HIẾU DƯỠNG

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Rồi Bà la môn Mátaposaka đi đến đảnh lễ và bạch Thế Tôn:

Thưa Tôn giả Gotama, tôi tìm món ăn thiết thực theo thường pháp, sau đó tôi nuôi dưỡng mẹ cha. Thưa Tôn giả Gotama, tôi làm như vậy có đúng trách nhiệm không?

Này Bà la môn, ông làm như vậy là đúng trách nhiệm. Này Bà la môn, ai tìm đồ ăn thiết thực theo thường pháp, sau đó nuôi dưỡng mẹ cha thì người ấy được nhiều công đức.

Thế Tôn nói kệ: *Người nào theo thường pháp/ Nuôi dưỡng mẹ và cha/ Chính do công hạnh này/ Đối với cha với mẹ/ Nhờ vậy bậc Hiền Thánh/ Trong đời này tán thán/ Sau khi chết được sanh/ Hưởng an lạc chư Thiên.*

Khi được nghe như vậy, Bà la môn Mátaposaka bạch Thế Tôn:

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Mong Tôn giả nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 7, phẩm Cư sĩ, phần Mátaposaka, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.398)

LỜI BÀN:

Phụng dưỡng cha mẹ là một trong những bổn phận quan trọng của con cái. Không chỉ phụng dưỡng, người con hiếu còn phải thuận thảo, thương yêu và kính trọng cha mẹ với tất cả chân thành. Phước báo phụng dưỡng cha mẹ, theo tuệ giác Thế Tôn, hiện tại được người đời tôn vinh ca ngợi và tương lai được sanh về Thiên giới hạnh phúc an vui.

Tuy nhiên, điều quan trọng mà Thế Tôn muốn nhấn mạnh ở đây là những phẩm vật phụng dưỡng, kính thờ cha mẹ phải trong sạch, là thành quả sự lao động chân chính (theo thường pháp). Ngay đây, tinh thần hiếu đạo được nhìn nhận qua một lăng kính khác sâu sắc hơn là truy tìm nguyên nhân của tất cả những thành quả mà người con đạt được đem phụng dưỡng cha mẹ có thật sự trong sáng, đúng đắn hay không.

Nếu những thành tựu vật chất trong hiện tại là kết quả của việc làm ăn phi pháp như tranh đoạt, trộm cướp, lừa gạt, trốn thuế, hối lộ, tham nhũng v.v... rồi đem phụng dưỡng cha mẹ thì chẳng những không được phước mà cha mẹ có thể bị liên lụy theo. Quán chiếu sâu vào vấn đề này để chúng ta tự định hình, điều chỉnh phương cách ứng xử đạo hiếu cho chính mình. Mới hay, thương kính và hiếu thảo với cha mẹ đích thực chính là sự hoàn thiện nhân cách, làm ăn chân chính, sống đạo đức, luôn hướng về lẽ thiện lành.

Trong bối cảnh mưu sinh đầy cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, thiết nghĩ cần suy ngẫm thật sâu sắc về lời dạy của Thế Tôn để sống thiện lành và hiếu thảo trọn vẹn với những bậc sanh thành. Bởi hơn ai hết, những bậc cha mẹ chẳng bao giờ mong con làm ác và lại càng không mong muốn con cái làm ác vì mình. ▴

X. GIỚI

1- RỪA & DÃ CAN

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Ngài cho gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, thuở xưa có một con rùa, vào một buổi chiều đang đi kiếm mồi dọc theo bờ sông. Từ đằng xa, rùa trông thấy con dã can đang đi tới. Thấy vậy, rùa liền rụt bốn chân, đầu và đuôi vào trong mai, nằm bất động và im lặng. Dã can đi tới thấy rùa liền nghĩ rằng: “Khi nào con rùa này thò ra thân phần nào thì ngay tại chỗ ấy, ta sẽ nắm lấy, bẻ gãy và ăn”. Nhưng vì rùa không thò ra một thân phần nào nên dã can không nắm được cơ hội, nhàm chán con rùa và bỏ đi.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, Ác ma thường xuyên trong tư thế rình rập các ông với ý nghĩ: “Rất có thể ta nắm được cơ hội để bắt gặp từ con mắt... từ cái lưỡi... hay từ ý”.

Do vậy, này các Tỷ kheo, hãy sống hộ trì các căn. Khi nào các ông sống hộ trì sáu căn, thời Ác ma nhàm chán các ông và sẽ bỏ đi, không nắm giữ được cơ hội, như con dã can đối với con rùa.

(ĐTKVN, *Tương Ưng IV*, Chương I, phẩm Rắn độc, phần Con rùa, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.291)

LỜI BÀN:

Trong tự nhiên, mỗi sinh vật muốn tồn tại và phát triển, bắt buộc tự thân sinh vật ấy phải tìm ra cho mình một cơ chế tự bảo vệ. Mỗi loài có một phương thức tự vệ khác nhau. Loài rùa tuy chậm chạp, vụng về nhưng có một chiếc mai vô cùng chắc chắn. Rụt tứ chi, đầu và đuôi vào trong mai là cách tự vệ hữu hiệu của loài này. Vì thế, dã can tuy có nanh nhọn, vuốt sắc nhưng đành bất lực,

phải bỏ đi trong tiếc nuối bởi rùa bất động.

Trong tu tập cũng vậy, việc thu thúc, bảo vệ và hộ trì sáu căn là một việc làm tối quan trọng để giữ gìn giới thân huệ mạng của người tu hành. Bởi sáu căn luôn tìm cầu, chạy theo sáu trần khả ái, khả lạc để rồi từ đó sáu thức tạo ra vô số ác nghiệp.

Tuy nhiên, hộ trì sáu căn không có nghĩa là đóng kín các giác quan. Hộ trì là luôn chánh niệm khi căn tiếp xúc với trần, để không bị chi phối bởi ngoại cảnh. Đồng thời, Ác ma cũng không phải ai xa lạ, đó chính là tham ái, ưu bi và các bất thiện pháp của tự thân khi tâm không được kiểm soát, không có chánh niệm.

Mặc dầu Ác ma luôn rình rập, luôn tìm cơ hội nhưng nếu người tu giữ vững chánh niệm, tỉnh giác và bất động trước mọi hoàn cảnh thì Ác ma phải chào thua. Tuy vậy, phải luôn cảnh giác vì khi đã can bỏ đi nhưng chưa hẳn rùa đã an toàn tuyệt đối, nó sẽ trở lại tấn công rùa bất cứ lúc nào. Cũng vậy, khi tham ái và ưu bi tạm thời lắng xuống không có nghĩa Ác ma đã bị tiêu diệt. Do đó, phải nỗ lực để duy trì chánh niệm thường trực, vì chánh niệm là nền tảng vững chắc nhất cho việc hộ trì sáu căn an toàn trước nanh vuốt của Ác ma.▲

2- BIỂN LỚN KHÔNG DUNG CHỨA TỬ THI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Dubbaràma, trong lâu đài của Migàrà. Lúc bấy giờ vào ngày trai giới, Thế Tôn đang ngồi giữa chúng Tỷ kheo. Rồi Tôn giả Ananda, sau khi đêm đã gần mãn, từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, chúng Tỷ kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ kheo.

Sau ba lần tác bạch mà Thế Tôn vẫn im lặng vì trong hội chúng có người không thanh tịnh. Rồi Tôn giả Moggallàna dùng tâm của mình tác ý đến tâm toàn thể đại chúng. Tôn giả thấy một người ác giới, theo ác pháp, không thanh tịnh, tự xưng Sa môn, không theo Phạm hạnh, nội tâm hủ hóa, đầy ứ dục vọng, một đống rác ô uế đang ngồi giữa chúng Tỷ kheo. Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến và mời vị ấy ra ngoài.

Thế Tôn dạy: “Này các Tỷ kheo, biển lớn không chứa chấp xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, người nào là ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh, không phải Sa môn mà tự xưng Sa môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, chứa đầy tham dục. Chúng Tăng không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và đuổi người ấy ra khỏi chúng Tăng”.

(ĐTKVN, *Tiểu Bộ I*, chương 5, phẩm Trưởng lão Sona, NXB TP.HCM, 1999, tr.215)

LỜI BÀN:

Pháp thoại này, ngoài việc thiết lập nguyên tắc hòa hợp và thanh

tịnh của chúng Tăng trước khi bố tát, Thế Tôn còn đưa ra một phương pháp thanh lọc nhằm tịnh hóa Tăng già. Đó là không sống chung, cách ly và thậm chí trục xuất những phần tử phi phạm hạnh, không trong sạch, ác giới ra khỏi chúng Tăng. Đây là một biện pháp tích cực để cứu vãn và duy trì sự hòa hợp, thanh tịnh trong Tăng chúng.

Ngày nay, chư Tăng đa phần không thành tựu thiên nhân như Tôn giả Moggallāna, nên không phân biệt được ai là người thanh tịnh và ai là người bất tịnh. Tuy nhiên, như Phật đã dạy, những tử thi không bao giờ được biến cả dung nạp, sớm muộn gì cũng bị vất lên bờ. Cũng vậy, sự tinh cần tu tập, thực hành Phạm hạnh của chúng Tăng dần dần sẽ khiến cho chân tướng của những kẻ phi phạm hạnh, lợi dụng Phật pháp bị phơi bày.

Đây cũng là quá trình đào thải tự nhiên trong lộ trình hướng đến thành tựu giải thoát. Trong bối cảnh Tăng già đang phải đối mặt với nhiều vấn nạn và gặp nhiều thách thức trong công cuộc kiến tạo thanh tịnh, hòa hợp, nếu những “tử thi” này không nhanh chóng chuyển hóa, thực hành Phạm hạnh để hòa hợp và thanh tịnh cùng với Tăng già thì nhất thiết Tăng già phải vận động như biển cả; không chấp nhận, không chứa chấp, không dung nạp và quăng tử thi lên bờ.▲

3- CHÁNH MẠNG

Một thời, Tôn giả Sàriputta trú ở Rājagaha, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi một nữ du sĩ ngoại đạo tên Sùcimukhi đi đến và nói với Tôn giả Sàriputta:

Này Sa môn, có phải Ông ăn, cúi mặt xuống?

Tôi ăn, không cúi mặt xuống.

Vậy Sa môn, có phải Ông ăn, ngẩng mặt lên?

Tôi ăn, không ngẩng mặt lên.

Vậy Sa môn, có phải Ông ăn, hướng mặt về bốn phương chính?

Tôi ăn, không hướng mặt về bốn phương chính.

Vậy Sa môn, có phải Ông ăn, hướng mặt về bốn phương phụ?

Tôi ăn, không hướng mặt về bốn phương phụ.

Vậy này Sa môn, Ông ăn, hành động như thế nào?

Những Sa môn hay Bà la môn nào, nuôi sống bằng những tà mạng như địa lý, các vị ấy được gọi là các Sa môn, Bà la môn ăn cúi mặt xuống.

Những Sa môn hay Bà la môn nào, nuôi sống bằng những tà mạng như thiên văn, các vị ấy được gọi là các Sa môn, Bà la môn ăn ngẩng mặt lên.

Những Sa môn hay Bà la môn nào, nuôi sống bằng những tà mạng như đưa tin tức, làm trung gian môi giới, các vị ấy được gọi là các Sa môn, Bà la môn ăn hướng mặt về bốn phương chính.

Những Sa môn hay Bà la môn nào, nuôi sống bằng những tà mạng như bói toán, các vị ấy được gọi là các Sa môn, Bà la môn ăn hướng mặt về bốn phương phụ.

Còn Ta, Ta không nuôi sống bằng những tà mạng như xem địa lý, thiên văn, đưa tin tức, làm trung gian môi

giới, bói toán và các nghề hèn hạ. Ta tìm cầu món ăn một cách hợp pháp. Sau khi Ta tìm cầu món ăn một cách hợp pháp, Ta dùng các món ăn ấy.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ III*, chương 7, phần Sùcimukhi, NXB Tôn Giáo, 2000, tr.387)

LỜI BÀN:

Người xuất gia với tâm nguyện “xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo”, sống đời thanh tịnh, hướng đến giác ngộ, giải thoát. Một trong những ý nghĩa cao quý của Tỷ kheo là khát sĩ. Thực hành hạnh khát thực, xin thức ăn của mọi nhà để nuôi sống sắc thân là chánh mạng thanh tịnh của Tăng sĩ Phật giáo.

Theo tuệ giác Thế Tôn, khát thực là một pháp tu truyền thống của ba đời, mười phương chư Phật với ý nghĩa: không tham đắm vị ngon, vì phá trừ ngã mạn và từ bi bình đẳng. Một Tỷ kheo thực hành khát thực, về phương diện tự lợi là dứt bỏ mọi việc thế tục, làm phương tiện tu đạo; ở phương diện lợi tha là tạo phúc điền cho chúng sanh. Tỷ kheo tự tạo sinh kế để nuôi thân, đó là tà mạng.

Ngày nay, vì nhiều hoàn cảnh khác nhau nên đa phần các Tỷ kheo không duy trì hạnh khát thực nhưng chủ yếu vẫn sống nhờ vào tịnh thí. Mặt khác, một vài Tỷ kheo vận dụng phương tiện “tà mạng” để giáo hóa, dẫn dắt người sơ cơ vào đạo, ít nhiều vẫn có những thành công nhất định. Vì chúng sanh căn cơ đa dạng nên phương tiện giáo hóa phải linh động song phương tiện chỉ có tính chất đối cơ, vì tâm từ bi mà hành hóa. Do vậy, nếu không thiện xảo trong khi sử dụng phương tiện thì chỉ lợi bất cập hại, tạo nên tà kiến bởi tà mạng của chính mình.

Vì vậy, giữ vững chánh kiến, sống đời chánh mạng, tu tập theo Bát Thánh đạo để tự lợi và lợi tha là phương châm, trách nhiệm của mỗi người con Phật, nhất là những người con Phật xuất gia. ▀

4- VUI TRONG CHÁNH PHÁP

Một thời, Thế Tôn du hành giữa dân chúng Kosala, Ngài dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, được xem là khóc than trong giới luật bậc Thánh, tức là ca vịnh.

Này các Tỷ kheo, được xem là điên loạn trong giới luật bậc Thánh, tức là nhảy múa.

Này các Tỷ kheo, được xem là trẻ con trong giới luật bậc Thánh, tức là cười quá đáng để lộ cả răng.

Do vậy, này các Tỷ kheo, hãy phá cây cầu đi đến ca hát. Hãy phá cây cầu đi đến nhảy múa. Thật là vừa đủ, nếu các Thầy được hoan hỷ đúng pháp, mỉm cười để biểu thị là các Thầy được hoan hỷ.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Chánh giác, phần Khóc than, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.472)

LỜI BÀN:

Cuộc sống lao động vốn gian lao, vất vả vì thế rất cần đến nhu cầu giải trí vui tươi, lành mạnh. Ca hát, nhảy múa, tiệc tùng, họp mặt vui vẻ là một liệu pháp nhằm thư giãn, nghỉ ngơi, xua tan mệt nhọc. Đời sống xuất gia cũng vậy, ngoài việc tu học thì giải trí và thư giãn là một nhu yếu rất cần thiết để vui sống, làm nền tảng cho sự thanh tịnh và thăng hoa tâm hồn.

Điều khác biệt cơ bản so với thế tục là trong hình thức và nội dung giải trí của người xuất gia luôn hàm dưỡng sự tĩnh lặng, an tịnh, tuệ giác và hoàn toàn lành mạnh. Trồng hoa, tưới cây, đi bộ, uống trà, xem tranh, sáng tác, xưng tán Thế Tôn, ca ngợi hạnh phúc giải thoát v.v... là những loại hình sinh hoạt giải trí cơ bản của chúng Tăng. Ngoài ra, tất cả những thể loại giải trí khác

mang đến sự dao động, thất niệm, tán loạn và đánh mất tự chủ thì người xuất gia không nên và không được thực hành.

Theo quan điểm của Thế Tôn, ca hát và ngâm nga những tình khúc lâm ly, ủy mị và bi thương có tính chất “văn nghệ đứt ruột” chỉ làm cho nỗi đau lớn thêm, tham vọng và nuôi tiếc chất chồng là những tiếng khóc than trong giới luật của bậc Thánh. Những vũ khúc uyển chuyển, mềm mại, tha thướt, huyền ảo và mê hoặc hay những vũ điệu mạnh mẽ, sôi nổi, hùng tráng hoặc khêu gợi, kích động và bốc lửa làm lay động lòng người đều không có ích cho người xuất gia, trong giới luật của bậc Thánh được xem là điên loạn. Ngay cả khi cực vui cũng không cười đến độ chảy nước mắt, bò ra mà cười hay cười như nắc nẻ mà chỉ mỉm cười. Vui cười phải luôn ở trong tỉnh giác, chánh niệm mới thật sự an lạc và mẫu nhiệm.

Tuy nhiên, đối với việc hát múa nhằm cúng dường ca ngợi Tam bảo, xưng tán Phật pháp, khuyến khích tu tập, bỏ tà quy chánh thì đáng được tuyên dương. Thông qua phương tiện văn nghệ, ca hát vui chơi để hiểu biết, thương yêu và phát triển chánh niệm nhằm xiển dương Phật pháp là điều đáng làm.

Người con Phật luôn giữ tâm chánh niệm, thăng bằng không bị vui buồn chi phối, chẳng dao động trước mọi hoàn cảnh là đỉnh cao của nghệ thuật sống minh triết và tuệ giác.▲

5- MANG Y BÁT ĐẸP BỊ PHẬT QUỠ

Một thời, Thế Tôn trú tại Sàvatthi. Rồi Tôn giả Nanda, đắp những y khéo ủi, khéo là, bôi vẽ mắt, cầm bát sáng chói, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Thế Tôn nói với Tôn giả Nanda như sau:

Như vậy không xứng đáng cho ông, này Nanda, là con nhà lành, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình, lại mang những y khéo ủi, khéo là, bôi vẽ con mắt và cầm bát sáng chói. Như vậy là xứng đáng cho ông, này Nanda, là con nhà lành, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình, tức là sống trong rừng, sống bằng khát thực, sống mặc y phẩn tảo và sống không mong đợi các dục vọng.

Thuyết giảng xong, Thế Tôn nói thêm: Ta mong được nhìn thấy; Nanda sống trong rừng; mặc y phục phẩn tảo; sống với những đồ ăn; biết là đã vứt bỏ; không mong chờ dục vọng.

Rồi Tôn giả Nanda, sau một thời gian trở thành vị Tăng sống trong rừng, ăn đồ ăn khát thực, mặc y phục phẩn tảo, không mong đợi các dục vọng.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ II*, chương 10, phần Nanda, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.491)

LỜI BÀN:

Người ta vẫn thường nói “Chiếc áo không làm nên nhà tu nhưng nhà tu thì không thể thiếu chiếc áo”. Xem ra, chiếc áo của người tu cũng lắm vấn đề để bàn...

Đối với Tăng sĩ Phật giáo thì y bát là những pháp khí rất quan

trọng, được trân quý, giữ gìn cẩn thận như tròng con mắt, là vật bất ly thân của mỗi Tỷ kheo. Thời Thế Tôn tại thế, y bát của Tỷ kheo sử dụng có tính tùy duyên, do gia chủ cúng dường, tốt xấu đủ loại. Ngoài ra, có khá nhiều Tỷ kheo nguyện mặc y phẩn tảo, bằng cách lượm lặt những mảnh vải liệm xác chết quăng bỏ ngoài nghĩa địa hoặc vải hư rách nơi bãi rác, sau đó giặt sạch, nhuộm cho hoại sắc (không còn chính sắc) và kết lại thành y.

Tuy nhiên, thời Thế Tôn cũng như bây giờ, một vài Tỷ kheo quá chú trọng đến hình thức bên ngoài, vẽ mày tô mặt, y lóng bát trơn... như Tôn giả Nanda từng làm và đã bị Thế Tôn quở trách nặng nề. Đành rằng, một Tỷ kheo, bậc mô phạm “thầy của trời người” tất yếu cần phải trang nghiêm. Tuy vậy, sự trang nghiêm đúng nghĩa phải là “trang nghiêm tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm” (*Kinh Kim Cang*). Phẩm chất đích thực của vị Tỷ kheo là nơi tâm trang nghiêm tỏa sáng làm nên vẻ trang nghiêm bên ngoài dù hình thức chỉ là một kẻ ăn xin (khất sĩ) tầm thường mặc y phẩn tảo.

Vì thế, một khi nội tâm chưa thật sự thúc liễm để đạt được thanh tịnh thì sự xun xoe áo mào bên ngoài trong chừng mực nào đó cũng cần nhưng không thiết thực. Việc Tôn giả Nanda sau khi nghe lời dạy của Thế Tôn đã chuyển sang mặc y phẩn tảo, sống đời khất thực, đoạn trừ dục vọng phải chăng là bài học quý giá cho những người con Phật hậu thế suy ngẫm và noi gương? ▀

6- KHÔNG PHÒNG HỘ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Lúc bấy giờ, có Tỷ kheo dùng quá nhiều thì giờ giao tế với các gia đình. Các Tỷ kheo khác thấy vậy nhắc nhở, Tỷ kheo ấy nghe vậy, tâm không hoan hỷ. Rồi chuyện được bạch lên Thế Tôn, Ngài dạy:

Này các Tỷ kheo, thuở xưa, có con mèo rình chuột cạnh một đồng rác và nghĩ rằng: Nếu có con chuột nhất nào chạy ra, ta sẽ bắt lấy và ăn thịt nó.

Rồi, này các Tỷ kheo, có một con chuột nhất chạy ra, mèo vồ bắt lấy rồi nuốt chửng. Và con chuột nhất ấy cắn xé phủ tạng mèo. Do nhân duyên ấy, mèo bị đau đớn hành hạ đến chết hay gần chết.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, ở đây, một số Tỷ kheo vào buổi sáng đắp y, cầm bát, đi vào làng khát thực, thân không phòng hộ, lời nói không phòng hộ, tâm không phòng hộ, niệm không an trú, các căn không chế ngự. Các vị Tỷ kheo ấy bị tham dục nào hại đến chết hay gần chết.

Do vậy, này các Tỷ kheo, phòng hộ thân, phòng hộ lời nói, phòng hộ tâm, an trú chánh niệm, chế ngự các căn là điều cần phải học tập.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ II*, chương 9, phần Con mèo [lược], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.472)

LỜI BÀN:

Với những người sơ tâm học đạo, tuy không xa lánh cuộc đời nhưng phải thiết lập những khoảng cách an toàn cần thiết. Bởi nghiệp lực còn sâu dày, tập khí thế tục chưa gột sạch nên khả năng dính mắc với những hấp dẫn ở đời là rất cao. Nên ngoài

những Phật sự, cần tránh duyên, hạn chế tiếp xúc, dành thời gian tu niệm để trau dồi và chuyển hóa thân tâm.

Vấn biết, mối quan hệ vững chắc giữa hàng xuất gia và tại gia là cần thiết, song hàng sơ tâm không nên lãng phí thời gian tu học cho những giao tế đời thường, vô bổ để rồi vướng mắc vào cám dỗ của danh lợi, ngũ dục. Khi lực tu còn yếu, không đủ khả năng tự phòng hộ, chánh niệm chưa vững chắc thì tham sanh khởi chạy theo ngũ dục và chuốc lấy đau khổ là điều không tránh khỏi. Như con mèo tham lam kia vì nuốt chửng mỗi ngon nên gánh chịu tai họa bị chuột nhất cắn nát phủ tạng.

Theo tuệ giác Thế Tôn, để an trú trong chánh niệm, điều cần yếu trong tu tập là phòng hộ, chế ngự sáu căn. Có thể nói, ngay nơi sáu giác quan luôn tiếp xúc với trần cảnh trong cuộc đời là “đạo tràng” tu tập quan trọng nhất. Thăng hoa, chứng Thánh hay suy đồi, đọa lạc đều dựa vào sự trang nghiêm, thanh tịnh hay tán loạn, ô nhiễm của đạo tràng này.

Mặt khác, tránh duyên cũng là vấn đề quan trọng bởi duyên sanh vạn pháp sanh. Tham từ duyên sanh khởi, trừ các bậc A la hán, mấy ai trong cõi đời này đã diệt tận tham? Do đó, cần tránh duyên để tự chế ngự, phòng hộ và an trú. Ảnh dụ con mèo nuốt chửng chuột nhất nên bị chuột cắn nát phủ tạng làm cho đau đớn, quần quai đến chết hay gần chết thật ấn tượng, là bài học tỉnh thức cho những ai chưa đoạn tận tham dục.▶

7- TỘI LỖI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có bốn hạng người này hiện hữu, có mặt ở đời. Thế nào là bốn? Có tội, nhiều tội, ít tội và không có tội.

Thế nào là hạng người có tội? Này các Tỷ kheo, có hạng người thành tựu thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp có tội. Như vậy là hạng người có tội.

Và thế nào là hạng người nhiều tội? Này các Tỷ kheo, có hạng người thành tựu thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp có nhiều tội. Như vậy là hạng người có nhiều tội.

Thế nào là hạng người có ít tội? Này các Tỷ kheo, có hạng người thành tựu thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp không có tội nhiều, chỉ có ít tội. Như vậy là hạng người có ít tội.

Và thế nào là hạng người không có tội? Này các Tỷ kheo, có hạng người thành tựu thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp không có tội. Như vậy là hạng người không có tội.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ kheo, hiện hữu, có mặt ở đời.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 4, phẩm Loài người, phần Có tội [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.72)

LỜI BÀN:

Tội lỗi là một trong những thuộc tính cơ bản của chúng sanh. Con người có mặt ở trên đời thì tội lỗi có mặt. Thậm chí từ trong quá khứ, trước khi được sinh ra, tội lỗi hay nghiệp đã đóng vai trò chi phối, là tác nhân chính để hình thành nên hình dáng, tính cách,

hoàn cảnh của mỗi cá nhân trong hiện tại. Vì thế, con người là sự kế thừa tội lỗi, nghiệp lực của chính mình và do vậy, người sống trên đời có tội cũng là chuyện bình thường.

Khi chưa trở thành các bậc Thánh, ai cũng giống nhau ở chỗ là đều có tội cả. Có khác chăng là mức độ gây nghiệp, tạo tội nhiều hay ít, về phương diện này hay phương diện kia mà thôi. Tội lỗi, theo tuệ giác Thế Tôn, đó là những hành vi tạo tác bất thiện được tạo ra nơi việc làm, lời nói và suy nghĩ của con người.

Tuy chúng ta chấp nhận có tội vì hiện ba nghiệp chưa thanh tịnh nhưng tội phải ít và nhỏ thôi và điều cần thiết nhất là tự thân phải rõ biết điều đó. Khi còn trong thân phận chúng sanh, biết rõ những hạn chế, thói hư tật xấu của chính mình để phấn đấu, vươn lên, loại trừ điều ác, đạt đến sự hoàn thiện là tối cần. Con người sở dĩ ngày càng tạo nhiều tội lỗi, một phần do không nhận chân được điều xấu ác hoặc xem những điều xấu ác hiện tồn tại với số đông là bình thường, thậm chí không ít người còn tự mãn với những thành tựu dựa trên nền tảng tham sân si.

Hơn ai hết, người con Phật cần phải trở về với chính mình, biết rõ mọi hành vi của tự thân nhằm kiểm soát, từng bước làm chủ, chuyển hóa ba nghiệp thân khẩu ý xấu ác. Đạt đến sự hoàn thiện, không tội lỗi là một lộ trình dài. Nền tảng cơ bản của lộ trình đó là tuệ tri, biết rõ tự thân có tội nên trước hết phải cố gắng để không tạo thêm nhiều tội lỗi đồng thời phát huy thiện quán để thấy mọi tội lỗi đều xuất phát từ tâm, tâm thanh tịnh tức ba nghiệp thanh tịnh.▲

8- SỐNG VỚI NGƯỜI THỨ HAI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, rồi Tôn giả Migajàla đi đến bạch Thế Tôn:

“Sống một mình! Sống một mình!” được nói đến như vậy, bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là sống một mình? Và cho đến như thế nào là sống có người thứ hai?

Này Migajàla, có những sắc do mắt nhận thức; có những tiếng do tai nhận thức; có những hương do mũi nhận thức... có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả ái, liên hệ đến các dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ kheo hoan hỷ và trú với lòng tham luyến sắc, thanh... pháp ấy nên hỷ khởi lên. Do hỷ có mặt nên dục tham có mặt. Do dục tham có mặt nên triền phược có mặt. Bị trói buộc bởi hỷ triền phược, này Migajàla, nên Tỷ kheo được gọi là người sống có người thứ hai.

Tỷ kheo sống như vậy, này Migajàla, dầu ở các trụ xứ xa vắng, các khu rừng, vắng người, thích hợp với tịnh; dầu vậy, vẫn được gọi là sống với người thứ hai.

Này Migajàla, có những sắc do mắt nhận thức; có những tiếng do tai nhận thức; có những hương do mũi nhận thức... có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả ái, liên hệ đến các dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ kheo không hoan hỷ và trú với lòng tham luyến sắc, thanh... pháp ấy nên hỷ đoạn diệt. Do hỷ không có mặt nên dục tham không có mặt. Do dục tham không có mặt nên triền phược không có mặt. Không bị trói buộc bởi hỷ triền phược, này Migajàla, nên Tỷ kheo được gọi là người sống một mình.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ IV*, phẩm Migajàla, phần Bối Migajàla [lược], NXB Tôn Giáo, 2001, tr.65)

LỜI BÀN:

Đời sống của người phát tâm hướng thượng, ly tục tất nhiên phải là sống một mình. Người biết sống một mình là người đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật sống. Tuy vậy, không phải ai cũng đủ bản lĩnh để sống một mình mà đa phần đều sống hai mình.

Sống với người thứ hai đối với thế tục là chuyện thường nhưng với người xuất gia mới là chuyện lạ. Ấy thế mà không hề xa lạ vì không những ta đang sống với người thứ hai mà đã và đang sống với người thứ... hàng triệu triệu. Bởi khi tâm chưa an trú vào chánh niệm thường trực thì ta còn lang thang, bầu bạn thiết thân với vô lượng phiền não. Người thứ hai không phải ai xa lạ mà chính là vọng tâm, loạn tưởng của chính mình.

Khi sáu căn duyên với sáu trần cảnh, nếu không chánh niệm tức thời tham ái có mặt đồng thời trói buộc, khổ đau có mặt tức người thứ hai hiện hữu. Người thứ hai luôn theo sát ta như bóng với hình, thủy chung vô hạn. Dẫu ở trong rừng rậm, núi cao, hoang đảo hay bể quan nhập thất nếu chưa thiết lập được chánh niệm, tâm chưa an trú vào pháp thì chỉ là hành giả cô độc mà không cô đơn vì luôn có người thứ hai bên cạnh.

Làm chủ sáu căn bằng sự tỉnh thức trọn vẹn chính là cách hay nhất để chia tay vĩnh viễn với người thứ hai, người bạn đời trói buộc và khổ đau. Làm chủ sáu căn cũng chính là làm chủ cuộc đời mình và thực sự là người biết sống một mình, tự tại và giải thoát khỏi cuộc sống với muôn hình vạn trạng đang vận hành và tiếp diễn xung quanh ta.▶

9- LỢI ÍCH CỦA GIỮ GIỚI

Một thời Thế Tôn trú ở Pataligàma, dạy các cư sĩ:

Này các Gia chủ, có năm sự lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ có tiền của dồi dào vì sống không phóng dật. Đó là sự lợi ích thứ nhất cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật được tiếng tốt đồn xa. Đó là sự lợi ích thứ hai cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật khi đi vào hội chúng nào, hoặc Sát đế lỵ, hoặc Bà la môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa môn, người ấy đi vào với tâm thần không sợ hãi, không bối rối. Đó là sự lợi ích thứ ba cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ chết với tâm hồn không rối loạn. Đó là sự lợi ích thứ tư cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh vào thiện thú, thiên giới. Đó là sự lợi ích thứ năm cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

(ĐTKVN, *Trường Bộ I, Kinh Đại Bát Niết Bàn*, VNCPHVN ấn hành, 1991, tr.562)

LỜI BÀN:

Năm giới mà hàng Phật tử tại gia phát nguyện vâng giữ, thọ trì là nền tảng đạo đức căn bản để kiện toàn nhân cách của người con

Phật. Sau khi quy y Tam bảo, người Phật tử được khuyến tấn thọ trì năm giới: Không giết hại, không trộm cướp, không tà hạnh, không nói dối và không uống rượu nhằm trau dồi đạo đức, trưởng dưỡng đạo tâm, xây dựng cuộc sống bình an và hạnh phúc.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, người nào tuân thủ trọn vẹn năm nguyên tắc đạo đức này thì luôn gặt hái nhiều lợi ích và thành công trong cuộc sống. Trước hết là giữ gìn được tiền bạc, tài sản do công khó làm ra. Tiền bạc tuy không phải là yếu tố chính quyết định hạnh phúc nhưng thiếu hụt cũng gây ra khốn đốn nhiều bề. Thế nhưng, do tập khí phóng dật, người ta thường dễ hao tán của cải vì đam mê rượu chè, cờ bạc và chi tiêu vô bổ.

Người có đạo đức, sống giữ giới thì mọi người đều yêu thương, tôn trọng và kính nể. Không chỉ có uy tín trong cộng đồng, tiếng tốt đồn xa, người sống có giới đức luôn thanh thản, tự tin với chính mình và mọi người. Họ không hề phân vân, hổ thẹn hay sợ hãi khi gặp gỡ bà con, bè bạn hay đi vào những chốn đông người. Quan trọng hơn, người một đời sống đạo đức khi lâm chung sẽ ra đi trong tỉnh giác, không mê loạn, không hối hận ăn năn về những việc ác đã gây tạo trong đời. Nhờ tâm thanh thản và thanh tịnh nên họ sẽ tái sanh vào cõi lành.

Vì vậy, sống đạo đức, có giới hạnh để mang lại lợi ích cho tự thân và xã hội trong hiện tại và cả tương lai, luôn là nếp sống của những người con Phật.▲

XI. ĐỊNH

1- SƠ THIỀN

Một thời, Thế Tôn du hành giữa dân chúng Kosala, dạy các Tỷ kheo:

Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ kheo, không có thể đạt được và an trú Sơ thiền. Thế nào là sáu?

Dục tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi và không như thật khéo thấy với chánh trí tuệ về nguy hại trong các dục.

Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ kheo, không có thể đạt được và an trú Sơ thiền.

Này các Tỷ kheo, đoạn tận sáu pháp này, có thể đạt được và an trú Sơ thiền. Thế nào là sáu?

Dục tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi và như thật khéo thấy với chánh trí tuệ về nguy hại trong các dục.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ kheo, có thể đạt được và an trú Sơ thiền.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 6, phẩm Chư thiên, phần Thiền [1], VNCPHVN ấn hành 1996, tr.238)

LỜI BÀN:

Thiền định là một trong những nội dung tu tập cực kỳ quan trọng của Phật giáo. Có thể nói, nếu không thực hành và thành tựu thiền định thì sẽ không chứng đạt tuệ giác, giải thoát. Thiền định được bàn đến ở đây không chỉ dành cho pháp môn Thiền mà bao hàm các pháp môn khác như tụng kinh, niệm Phật, trì chú v.v...

Nội dung cơ bản của Định học là Tứ thiền và Tứ không định, trong đó Sơ thiền là nấc thang đầu tiên của Tứ thiền (Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền). Để nhập định, bước vào Sơ thiền,

trước hết phải vượt qua Năm triền cái. Triền cái là trói buộc và ngăn che, chính dục tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi đã trói buộc, ngăn che, làm chướng ngại thiền định. Ngoài ra, không thấy được sự nguy hại của các dục, chạy theo ham muốn nên phiền não dấy khởi theo trần cảnh, cũng góp phần quan trọng khuấy đảo sự định tĩnh.

Do vậy, giữ giới để phòng hộ, bảo vệ thân tâm cùng với việc phát huy niệm lực, thiết lập chánh niệm, tỉnh giác thường trực là cơ sở để chế ngự tâm, hạn chế đến thấp nhất sự khuấy đảo của triền cái, từng bước an trú và thể nhập định, Sơ thiền. Từ Sơ thiền đến Tứ thiền là cả một lộ trình dài và từ Tứ thiền phát huy thiền quán để đạt được tâm giải thoát bất động (A la hán) lại càng khó khăn hơn. Tuy vậy, bước vào Sơ thiền là một trong những thành tựu đáng kể của hành trình tu tập, nhất là trong hoàn cảnh phước mỏng nghiệp dày như chúng ta hiện nay.

Sơ thiền là nền tảng của định, có định mới thành tựu tuệ giác giải thoát. Vì thế, có thể xem Sơ thiền là nền tảng để bước vào đạo. Vẫn biết, không dễ dàng để chứng đắc Sơ thiền vì Năm triền cái luôn đeo đẳng và ràng buộc. Tuy vậy, nếu hành giả thiết tha với sự nghiệp giải thoát, tinh tấn chế ngự, chuyển hóa triền cái và nhất là luôn duy trì chánh niệm, thấy rõ nguy hiểm của dục vọng mà hướng đến xuất ly thì chứng và trú Sơ thiền là điều có thể thực hiện được. ▀

2- TỨ NIỆM XÚ

Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sàvatthi. Tại đấy, Tôn giả gọi các Tỷ kheo:

Này chư Hiền, ví như sông Hằng chảy về hướng Đông, xuôi về hướng Đông. Rồi một số đông quần chúng đến và nói: Chúng ta sẽ làm cho sông Hằng chảy về hướng Tây. Thưa chư Hiền, chư Hiền nghĩ sao, số đông quần chúng ấy có thể làm cho sông Hằng chảy về hướng Tây không?

Thưa không, Hiền giả, vì không dễ gì khiến cho sông Hằng chảy về hướng Tây được. Và quần chúng ấy chỉ mệt nhọc và tổn não mà thôi.

Cũng vậy, này chư Hiền, Tỷ kheo tu tập Tứ niệm xứ, làm cho sung mãn Tứ niệm xứ. Dù cho vua chúa hay đại thần, thân hữu hay bà con có thể đến dâng tài vật và mời gọi: Hãy đến, này người tốt kia, sao lại đi biểu diễn với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng các tài vật và làm phước đức!

Thưa chư Hiền, Tỷ kheo ấy được tu tập Tứ niệm xứ, được làm cho sung mãn Tứ niệm xứ thì không thể từ bỏ giới trở lui hoàn tục. Vì sao? Này chư Hiền, vì tâm người ấy đã lâu ngày hướng về viễn ly, xuôi về viễn ly.

Và thế nào là tu tập Tứ niệm xứ? Này chư Hiền, Tỷ kheo trú, quán thân trên thân, quán thọ trên các cảm thọ, quán tâm trên tâm và quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, nhiếp phục tham ưu ở đời.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 8, phẩm Độc cư, phần Nhà bằng cây Sàla [lược], NXB Tôn Giáo, 2002, tr.450)

LỜI BÀN:

Thiền quán là cốt tủy của các phương thức tu tập thiền định Phật

giáo. Thế Tôn trở thành Bạc Giác ngộ cũng xuất phát từ 49 ngày đêm thiền quán dưới cội bồ đề. Và Tứ niệm xứ là một trong những nội dung quan trọng của thiền quán. Chính Thế Tôn đã khẳng định, một người tu tập viên mãn Tứ niệm xứ chỉ trong một tuần cũng có thể thành tựu giải thoát và đây là con đường duy nhất giúp chúng sanh vượt thắng phiền não, tiêu diệt khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết bàn.

Có thể nói, Tứ niệm xứ là cột sống nâng đỡ thân thể sự nghiệp xuất gia. Nội dung các pháp môn tu tập, dù đốn hay tiệm đều có mặt của những chất liệu Tứ niệm xứ. Niệm thân, thọ, tâm và pháp có công năng làm cho tâm xuôi về viển ly, hướng về viển ly như sông Hằng vốn xuôi về hướng Đông, không thể khác được.

Vì thế, trong cơn lốc cám dỗ vật chất của đời sống hiện đại, Tứ niệm xứ là một trong những thành lũy kiên cố và vững chãi nhất mà người tu cần phải nương tựa. Thực ra, người tu không ngại duyên trần mà chỉ lo nội tâm có vững vàng, chánh niệm hay không? Cuộc đời dẫu có mời gọi nhưng nếu nội tâm thanh tịnh, an trú Tứ niệm xứ, hướng về viển ly thì hành giả vẫn an nhiên, tự tại.

Để vượt qua dòng sông đời sanh tử với bọt bèo lợi danh đã có chiếc bè Tứ niệm xứ. Thế Tôn đã cho chúng ta chiếc bè, vượt sông đời qua đến bờ kia hay chìm ngấm giữa dòng là trách nhiệm của mỗi chúng ta.▶

3- MẠNG NGƯỜI TRONG HỜI THỞ

Một thời, Thế Tôn trú ở Nàdika, tại Gijjakàvasattha. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Niệm chết, này các Tỷ kheo, được tu tập, làm cho sung mãn, có quả báo lớn, có lợi ích lớn, nhập vào bất tử. Các Thầy hãy tu tập niệm chết.

Này các Tỷ kheo, các Thầy tu tập niệm chết như thế nào?

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Mong rằng ta sống ngày và đêm tác ý đến lời dạy của Thế Tôn”.

Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Mong rằng ta sống trọn ngày tác ý đến lời dạy của Thế Tôn”.

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn đồ ăn khát thực, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn”.

Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn một miếng đồ ăn, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn”.

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Cho đến khi nào, sau khi thở vào, ta thở ra hay sau khi thở ra, ta thở vào, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn”. Như vậy, bạch Thế Tôn, con đã làm nhiều như vậy, tu tập niệm chết như vậy.

Này các Tỷ kheo, các Thầy cần phải tu học như sau: “Hãy sống không phóng dật, tu tập một cách sắc sảo niệm chết để đoạn tận lậu hoặc”.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương 6, phẩm Cần phải nhớ, phần Niệm chết [1], VNCPHVN ấn hành 1996, tr.45)

LỜI BÀN:

Con người sống trên đời, ngoài hoài niệm quá khứ họ thường nghĩ đến tương lai. Một viễn cảnh tốt đẹp hơn sẽ đến với ta là niềm an ủi, hy vọng của nhiều người. Điều trở trêu là chưa biết các viễn cảnh ấy có xảy ra đúng như mong ước hay không nhưng chắc chắn một điều sẽ đến dù chúng ta không hề mong đợi, đó là cái chết.

Có tiêu cực chẳng khi nghĩ rằng ta sẽ chết? Làm sao vui sống khi không biết ngày mai và một cái chết mà không hẹn trước? Nhưng oái oăm thay điều ấy lại là sự thật, một sự thật phũ phàng của thân phận con người. Vì thế, đối diện với sự thật dù đó là mất mát và tang thương thì không có gì bi quan và tiêu cực cả mà có thể làm cho con người sống tích cực hơn.

Con người sở dĩ quá tham lam, hung hăng và ích kỷ bởi họ chìm đắm trong giấc mơ trường cửu, không thấy được sự mong manh, tạm bợ của kiếp người. Chỉ cần họ nhận ra một thoáng vô thường phù du thôi cũng đã giảm thiểu khổ đau do tranh danh, đoạt lợi. Nhân loại sẽ bớt khổ và thương nhau hơn nếu biết bình tâm nhìn lại chính mình, không có gì chắc chắn cả, ta và của ta cũng chỉ là bọt nước, là hoa đóm chợt còn chợt mất giữa hư không.

Đối với tuệ giác của Thế Tôn thì thọ mạng con người chỉ ngắn bằng hơi thở. Thở ra mà còn hít vào được thì biết rằng ta còn sống, còn nếu chỉ thở ra thôi và yên lặng thì xong một đời. Khi đã nhận thức được mạng người chỉ trong hơi thở, vậy thì phải làm ngay những việc cần làm, không chậm trễ, không hứa hẹn và cũng chẳng có gì quý giá hơn nữa để bám víu và tham đắm. Duy trì được sự quán niệm vô thường về thân mạng, con người sẵn sàng thông cảm, tha thứ, mở rộng vòng tay... Do vậy, quán chiếu về sự chết để an nhiên trong cuộc sống là một tuệ giác không thể thiếu trong mỗi người con Phật. ▀

4- TÂM CẤU UẾ

Một thời, Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Jetavana. Tại đây, Tôn giả Xá Lợi Phát dạy các Tỷ kheo:

Này chư Hiền, ở đời có bốn hạng người. Thế nào là bốn? Ở đây, có hạng người có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri “Nội thân ta có cấu uế”. Có hạng người có cấu uế và như thật tuệ tri “Nội thân ta có cấu uế”. Ở đây, có hạng người không có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri “Nội thân ta không có cấu uế”. Lại nữa, có hạng người không có cấu uế và như thật tuệ tri “Nội thân ta không có cấu uế”.

Này chư Hiền, hai hạng người có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri “Nội thân ta có cấu uế” và hạng người không có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri “Nội thân ta không có cấu uế” được gọi là hạng hạ liệt. Hai hạng người có cấu uế và như thật tuệ tri “Nội thân ta có cấu uế” cùng hạng người không có cấu uế và như thật tuệ tri “Nội thân ta không có cấu uế” được gọi là hạng ưu thắng.

(ĐTKVN, *Trung Bộ I*, kinh Không uế nhiễm
[lược], VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.59)

LỜI BÀN:

Trừ hàng Bồ tát với nguyện lực độ sanh mà tái sanh vào cuộc đời, còn lại tất cả chúng ta có mặt ở đời đều do nghiệp sanh. Vì lẽ ấy, cấu uế hay những phiền não tồn tại trong tâm mỗi con người là chuyện bình thường. Vấn đề là phương thức chuyển hóa những cấu uế đó thế nào, nhất là đối với những ai thiết tha với sự nghiệp thanh lọc và thăng hoa tâm.

Thế Tôn đã trao truyền một phương thức chuyển hóa cấu uế rất đơn giản và hiệu quả. Đó là thiết lập tuệ tri thường trực về thân

tâm. Tuệ tri là nhìn rõ, thấy biết thân tâm với sự tỉnh táo, tuệ giác và chánh niệm. Một sự nhận diện chính mình trung thực, nhận thức tự nội và ngoại giới như chính nó là tuệ tri. Chỉ cần tuệ tri, tự khắc chúng ta sẽ được soi sáng và biết “hãy tự mình thấp đước lên mà đi”.

Biết quay về nhìn lại chính mình, theo quan điểm của Thế Tôn, đó là hạng người ưu thắng. Tâm mình có phiền não, cấu uế hay không phải biết rõ, nếu có phải nỗ lực đoạn trừ còn nếu không thì phải cảnh giác với các cấu uế có thể khởi lên. Đây là cách “chặn” tâm hiệu quả nhất.

Nguộc lại, không rõ biết về thân tâm của mình, ngay cả khi tâm vắng lặng mà không tuệ tri thì vẫn là hạng người hạ liệt. Sự hạ liệt ở đây là không nhận thức rõ cái ác đang hiện hữu và những ác pháp khác đang tiềm ẩn, sẵn sàng bùng phát bất cứ lúc nào. Một kẻ “chặn trâu” mà chẳng để ý, không thấy con trâu của mình thì rất nguy hiểm và đáng trách.

Trở về để thấy, hiểu, tìm lại chính mình là con đường tất yếu cho bất kỳ ai muốn tịnh hóa và thăng hoa tâm. Vì thế, trong vô vàn công việc, người con Phật phải thiết lập “hành nhi vô hành” và xác định “phản quan tự kỷ bốn phạm sự”.▲

5- NIỆM PHẬT

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, rừng Jetavana. Tại đấy, Thế Tôn dạy các Tỷ kheo:

Có một pháp này, này các Tỷ kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn. Một pháp ấy là gì? Chính là niệm Phật.

Chính một pháp này, này các Tỷ kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn.

Có một pháp này, này các Tỷ kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn. Một pháp ấy là gì? Chính là niệm Pháp... niệm Tăng... niệm Giới... niệm Thí... niệm Thiên... niệm Hơi thở ra, Hơi thở vô... niệm Chết... niệm Thân... niệm An tịnh.

Chính một pháp này, này các Tỷ kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 1, phẩm Một pháp, phần Niệm Phật, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.64)

LỜI BÀN:

Niệm Phật là pháp môn tu học rất phổ biến của hàng Phật tử. Chỉ một pháp này, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn sẽ đưa đến nhất hướng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn. Niệm Phật được những người con Phật tu tập từ thời Thế Tôn còn tại thế và duy trì đến tận ngày nay.

Niệm Phật là nhớ nghĩ, quán tưởng, tâm niệm hướng về một đối

tượng duy nhất là Thế Tôn; với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp; với bốn tâm vô lượng, bốn đức vô úy, mười trí lực, mười danh hiệu... Tu tập niệm Phật sung mãn sẽ thành tựu chánh niệm tức viên mãn Bát Thánh đạo, chứng đắc thắng trí, Niết bàn.

Không riêng pháp môn niệm Phật mà niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm Hơi thở ra - Hơi thở vô, niệm Chết, niệm Thân và niệm An tịnh... nếu được tu tập sung mãn đều có thể đạt đến giải thoát. Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn tu nhưng chỉ cần tu tập một pháp là viên mãn tất cả các pháp giống như trăm sông đều xuôi về biển và thuận nhất một vị mặn; vị an lạc, giải thoát, Niết bàn.

Trong truyền thống Phật giáo phát triển, tông Tịnh Độ chủ trương niệm Phật A Di Đà. Dù có đôi chút khác biệt so với phương thức niệm Phật nguyên thủy song vẫn kế thừa trọn vẹn tinh hoa và bản sắc của tinh thần niệm Phật thời Thế Tôn. Niệm danh hiệu Phật A Di Đà đến nhất tâm bất loạn là chánh niệm, cơ sở vững chắc của vãng sanh và giải thoát.

Mặt khác, chư Phật trong mười phương vốn đồng nhất thể, niệm một danh hiệu Phật tức đồng thời niệm vô lượng Phật. Theo lời Phật dạy, chỉ cần tu tập một pháp, tùy nhân duyên mà mỗi người có thể niệm Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, Phật Dược Sư, Bồ tát Quán Thế Âm hoặc niệm Pháp, niệm Tăng. Với tất cả thành tâm, tinh tín, nỗ lực, tinh cần tu niệm một pháp thì chắc chắn người con Phật sẽ thành tựu chánh niệm và giải thoát sanh tử luân hồi. ▀

6- TRUNG ĐẠO

Một thời, Thế Tôn trú tại Rājagaha, núi Gijjhakūta. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sona ở tại rừng Sita, trong thiên đình, tư tưởng sau đây được khởi lên: “Những ai là đệ tử Thế Tôn, phải sống tinh cần tinh tấn. Nhưng ta còn chấp thủ, tâm chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc. Gia đình ta có tài sản, ta có thể hưởng thọ tài sản ấy và làm điều công đức. Vậy ta hãy từ bỏ học pháp, hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức”.

Thế Tôn biết được tâm thối thất của Tôn giả Sona, liền đi đến trước mặt và dạy:

Thầy nghĩ thế nào, này Sona? Có phải trước đây, khi còn là gia chủ, Thầy giỏi đánh đàn tỳ bà?

Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Khi những sợi dây đàn quá căng, đàn của Thầy có phát âm hay sử dụng được không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Khi những sợi dây đàn quá chùng, đàn của Thầy có phát âm hay sử dụng được không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Khi những sợi dây đàn không quá căng, cũng không quá chùng, vặn đúng mức trung bình, khi ấy đàn của Thầy có phát âm hay sử dụng được không?

Thưa được, bạch Thế Tôn.

Cũng vậy, này Sona, khi tinh cần tinh tấn quá căng thẳng, thời đưa đến dao động; khi tinh cần tinh tấn quá thụ động, thời đưa đến biếng nhác. Do vậy, Thầy phải an trú tinh tấn một cách bình đẳng.

Sau đó, Tôn giả Sona trở thành một vị A la hán.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 6, phẩm Đại,
phần Sona, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.155)

LỜI BÀN:

Tu tập cũng giống như thực hiện bất cứ một công việc nào khác đều đòi hỏi sự chuyên cần. Chính sự bền bỉ, tinh chuyên là nền tảng, bí quyết của thành công. Trong đó, ý chí là nhân tố quan trọng để duy trì và tăng trưởng sự tinh cần tinh tấn.

Đối với những người sơ học, ai cũng mang trong mình tâm nguyện chí thiết, ý chí kiên cường, quyết tâm và cố gắng hết mình để mong tìm ra chân lý. Tuy mong ước giải thoát, chứng ngộ trong thời gian ngắn nhất là điều tốt song dễ dẫn đến thực trạng “lực bất tòng tâm”. Vì rằng, tiến trình chuyển hóa để thăng hoa tâm linh tùy thuộc vào nghiệp lực của mỗi cá nhân nên có những trở ngại và nhanh chậm khác nhau. Do đó, nếu nỗ lực thái quá mà không đạt kết quả thường kéo theo hiệu ứng mệt mỏi đồng thời tạo ra cảm giác tự ti, thất vọng và dẫn đến thối thất. Ngược lại, nếu quá thụ động, thiếu tinh cần sẽ dẫn đến biếng nhác, nhàm chán, phó mặc thân phận cũng đưa đến thối thất, hoàn tục.

Đây là hai thái cực cần tránh trong công việc và nhất là trong tu tập. Chủ trương của Đức Phật trong tu tập là Trung đạo, xa lìa mọi cực đoan. Pháp thoại giữa Thế Tôn và Sona về việc sử dụng đàn tỳ bà là một trong nhiều ví dụ điển hình về tinh thần Trung đạo của Phật giáo. Đồng thời, đây cũng là bí quyết tu tập thành công của Tôn giả Sona và tất cả những người con Phật.▲

7- ĐẤT LÀNH CHIM ĐẬU

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Chư Tỷ kheo, Ta sẽ giảng pháp môn về khu rừng. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ.

Tỷ kheo sống tại khu rừng nào mà các niệm chưa được an trú không được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được đoạn trừ không được đoạn trừ; vô thượng an ổn chưa chứng đạt không được chứng đạt và y phục, đồ ăn, sàng tọa, thuốc men kiếm được một cách khó khăn. Tỷ kheo phải từ bỏ khu rừng ấy bất kể ngày hay đêm.

Tỷ kheo sống tại khu rừng nào mà các niệm chưa được an trú không được an trú; ... (như trên) và y phục, đồ ăn, sàng tọa, thuốc men kiếm được một cách dễ dàng. Tỷ kheo phải từ bỏ khu rừng ấy.

Tỷ kheo sống tại khu rừng nào mà các niệm chưa được an trú được an trú; tâm tư chưa được định tĩnh được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được đoạn trừ được đoạn trừ; vô thượng an ổn chưa chứng đạt được chứng đạt và y phục, đồ ăn, sàng tọa, thuốc men kiếm được một cách khó khăn. Tỷ kheo phải ở lại khu rừng ấy.

Tỷ kheo sống tại khu rừng nào mà các niệm chưa được an trú được an trú; ...(như trên) và y phục, đồ ăn, sàng tọa, thuốc men kiếm được một cách dễ dàng. Tỷ kheo phải ở lại khu rừng ấy đến trọn đời.

(ĐTKVN, *Trung Bộ I*, kinh Khu rừng [lược], số 17, VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.239)

LỜI BÀN:

Thời Thế Tôn còn tại thế, các Tỷ kheo đa phần sống du hành. Với hành trang chủ yếu là ba y và một bát, khát thực để nuôi thân, luôn di chuyển từ nơi này đến nơi khác là đặc trưng của đời sống xuất gia. Cũng có lúc các vị Tỷ kheo sống ở tinh xá hoặc nhà của thí chủ nhưng chủ yếu vẫn là các khu rừng bên ngoài những làng mạc, phố xá.

Theo kinh nghiệm của Thế Tôn, nếu khu rừng nào mà không cải thiện được đời sống tâm linh, không thăng tiến về định tuệ thì dù cho nơi ấy có đời sống sung túc cũng phải từ bỏ ngay lập tức. Ngược lại, khu rừng nào mà nơi ấy sự tu tập ngày càng tiến bộ, dẫu đời sống khó khăn thì cũng nên ở lại, nếu đủ duyên thì có thể ở lại đến trọn đời.

Ngày nay, chư Tỷ kheo không còn ở rừng và du hành nữa mà thường ở cố định trong những già lam song kinh nghiệm về bốn khu rừng vẫn còn liên hệ mật thiết đến đời sống xuất gia. Do đó, nếu một Tỷ kheo không cảm nhận được sự tiến bộ tâm linh thì có quyền rời bỏ trụ xứ để tìm một nơi ở khác thích hợp.

Vì thế, những vị có trách nhiệm lãnh đạo các chùa viện ngoài việc cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, chăm lo đời sống vật chất cần đặc biệt quan tâm đến sự thăng hoa tâm linh của đại chúng. Sự ổn định và phát triển về phương diện vật chất tuy cần nhưng cần nhất vẫn là sự tiến bộ tinh thần.

Đất lành thì chim đậu. Cũng vậy, khu rừng nào có an lạc và giải thoát thì Tăng chúng tìm về nương tựa. Điều này lý giải cho việc có khá nhiều “khu rừng” hiện nay bên ngoài nguy nga, tráng lệ, sung mãn vật chất nhưng thiếu vắng chư Tăng bởi không kiến tạo được chất liệu an tịnh, giải thoát. ▀

8- UNG NHỌT

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika, Ngài cho gọi các Tỷ kheo.

Này các Tỷ kheo, ví như một ung nhọt đã trải qua nhiều năm. Nó có chín miệng vết thương, có chín miệng rạn nứt. Từ đấy có cái gì chảy ra? Chắc chắn bất tịnh rỉ chảy, chắc chắn hôi thúi rỉ chảy, chắc chắn nhàm chán rỉ chảy. Có cái gì nứt chảy? Chắc chắn bất tịnh nứt chảy, chắc chắn hôi thúi nứt chảy, chắc chắn nhàm chán nứt chảy.

Ung nhọt, này các Tỷ kheo, là đồng nghĩa với thân này do bốn đại tác thành, do cơm cháo chất chứa nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, tan nát, hủy hoại, có chín miệng vết thương, có chín miệng rạn nứt. Từ đấy có cái gì chảy ra? Chắc chắn bất tịnh rỉ chảy, chắc chắn hôi thúi rỉ chảy, chắc chắn nhàm chán rỉ chảy. Có cái gì nứt chảy? Chắc chắn bất tịnh nứt chảy, chắc chắn hôi thúi nứt chảy, chắc chắn nhàm chán nứt chảy.

Do vậy, này các Tỷ kheo, hãy nhàm chán thân này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ IV*, chương 9, phẩm Tiếng rống con sư tử, phần Ung nhọt, VNCPHVN ấn hành 1997, tr.116)

LỜI BÀN:

Nếu được hỏi, trên đời cái gì là quý giá nhất hẳn ai cũng trả lời đó là sinh mạng, thân thể. Người ta có thể cho bất cứ vật gì mình sở hữu nhưng đối với thân mạng thì không. Vì một lẽ đơn giản, người làm ra của chứ của không làm ra người. Vì vô giá, nên con người rất thương mến, nâng niu, gìn giữ và luyến tiếc chính bản thân mình. Thân thể của tôi, đối với riêng tôi thật đẹp, thật quý

và bất khả xâm phạm.

Thương yêu và trân quý thân mạng là điều tốt đồng thời không biết quý trọng thân thể là tội lỗi. Nhưng quá tham đắm, thương tiếc, chấp thủ, chăm lo, vun vén cho riêng mình thì không nên. Bởi cuộc đời cần phải có sự cống hiến, sẻ chia, dâng tặng thậm chí có thể phải hy sinh vì hạnh phúc cho nhiều người. Muốn được vậy, cái tôi cá nhân phải nhỏ lại thì tình yêu rộng lớn mới có cơ hội mở ra. Cũng từ đây, con người mới có khả năng mang đến cho đời những hoa trái hạnh phúc.

Trong đạo lộ giải thoát, thân thể rất quan trọng, là chiếc bè đưa hành giả đến bờ giải thoát. Dù quý trọng nhưng không tham đắm và luyến ái sắc thân thì mới thoát ly ngã chấp và thành tựu trí tuệ. Theo tuệ giác Thế Tôn, thân này dầu được khéo léo che đậy, trang điểm hoàn hảo đến đâu thì bản chất của nó vốn không sạch sẽ, như một ung nhọt nhiều năm có chín miệng rạn nứt, rỉ chảy bất tịnh.

Thân thể là một ung nhọt thật sự được che đậy, bao bọc bằng một lớp da mỏng kiêu diễm bên ngoài. Chỉ cần một trầy xước nhỏ thôi là ung nhọt ấy sẽ vỡ ra. Hay dù cho khi thân thể vẹn toàn thì chín miệng của ung nhọt ấy là hai lỗ tai, hai mắt, hai lỗ mũi, miệng, tiểu tiện và đại tiện vẫn luôn thải ra bất tịnh. Duy trì thường trực tuệ quán về thân thể như vậy sẽ làm suy giảm dần đến chấm dứt sự tham ái và chấp thủ sắc thân.

Chấp thủ và luyến ái tự ngã, vun vén và tô bồi sắc thân là nguyên nhân của mọi khổ đau, luân hồi sanh tử. Nỗ lực quán sát, như thật tuệ tri về bất tịnh của thân thể để thoát ly tham ái là một trong những chìa khóa quan trọng của những người con Phật để mở cửa giải thoát, thành tựu Niết bàn. ▀

XII. TỰ

1- TRÍ TUỆ LÀ TỐI THƯỢNG

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Kosala, tại ngôi làng tên Sàlà. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, ví như trong loài bàng sanh, sư tử, vua các loài thú được xem là tối thượng, tức là về sức mạnh, tốc lực và đồng mãnh. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, trong các pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

Và thế nào là các pháp thuộc phần giác ngộ? Này các Tỷ kheo, đó là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn là pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ.

Ví như, này các Tỷ kheo, trong loài bàng sanh, sư tử, vua các loài thú được xem là tối thượng, tức là về sức mạnh, tốc lực và đồng mãnh. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, trong các pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ V*, chương 4, phẩm 6, phần Sàlà, NXB Tôn Giáo, 2000, tr.354)

LỜI BÀN:

Giáo lý ngũ căn (tín, tấn, niệm, định và tuệ căn) là nền tảng căn bản, là nguồn gốc cho mọi thiện pháp phát sinh. Nói cách khác, ngũ căn là các pháp thuộc phần giác ngộ, vì đưa đến giác ngộ.

Giác ngộ là mục tiêu của tu tập ngũ căn và toàn bộ giáo lý Phật đà. Trong nội dung tu tập ngũ căn: Thiết lập niềm tin sâu sắc vào Tam bảo (tín), tinh cần thực hiện và thành tựu tất cả các điều lành trong cuộc sống (tấn), thực tập chánh niệm, đặc biệt là Tứ niệm xứ (niệm), chứng đắc và an trú Tứ thiên (định), đầy đủ trí tuệ về sự sanh diệt của các pháp, rõ biết như thật về Tứ Thánh

đế (tuệ), tất cả không ngoài mục đích hướng đến giác ngộ.

Theo Thế Tôn, trong các pháp thuộc phần giác ngộ ấy, tuệ căn là tối thượng. Cũng như trong Bát Thánh đạo, chánh kiến dẫn đầu. Đành rằng, các pháp khác có tác dụng hỗ trợ rất tích cực cho tuệ giác phát khởi nhưng chỉ có tuệ giác mới giải quyết trọn vẹn vấn đề phiền não, sanh tử. Vì lẽ ấy, phương châm tu học của người con Phật luôn là “duy tuệ thị nghiệp”.

Do vậy, thiền quán, cơ sở của tuệ giác, là nội dung thực tập cần yếu nhất, không thể thiếu trong nội dung tu tập của người con Phật. Thiền quán, thực chất là sự tu tập tuệ căn (ngũ căn), chánh kiến (Bát Thánh đạo), tuệ (Tam vô lậu học). Tuệ giác của thiền quán (phát triển trên nền thiền chỉ-định) sẽ quét sạch mọi tham ái, vô minh. Thấy biết đúng như thật về bản chất của các pháp là duyên sanh, vô thường, khổ, không, vô ngã chính là tuệ giác. Ngay đây, sự thật về thân, tâm và thế giới hiển bày và hành giả vượt thoát mọi trói buộc của tham sân si, thành tựu giải thoát, giác ngộ. ▴

2- VÔ MINH & TUỆ GIÁC

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có hai loại người ngu này. Thế nào là hai? Người thấy có phạm tội nhưng không thấy có phạm tội và người không chấp nhận người khác như pháp phát lộ tội của mình. Này các Tỷ kheo, có hai loại người ngu này.

Này các Tỷ kheo, có hai loại người có trí. Thế nào là hai? Người có phạm tội là thấy có phạm tội và người chấp nhận người khác như pháp phát lộ tội của mình. Này các Tỷ kheo, có hai loại người có trí này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 2, phẩm Người ngu, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.114)

LỜI BÀN:

Trong quá trình phấn đấu vươn lên của nhân loại, tri thức là nhân tố quan trọng, có tính quyết định cho việc phát triển xã hội. Tuy nhiên, tri thức là một con dao hai lưỡi; nếu không được dẫn dắt và định hướng của đạo đức thì tri thức có thể mang đến bất hạnh cho con người. Thảm họa của vũ khí công nghệ cao có tác dụng hủy diệt hàng loạt đã minh chứng điều ấy. Vì thế, Phật giáo đặt trọng tâm vào sự nghiệp phát triển và thành tựu tuệ giác (trí tuệ) còn tri thức chỉ là phương tiện mà thôi.

Đối với những ai chân thật cầu tuệ giác thì phải thấy rõ những ác nghiệp của chính mình. Trừ những bậc Thánh, không ai trong chúng ta mà không có tội lỗi, chỉ khác biệt là nhiều hay ít nơi mỗi người. Vì thế, nhận ra những lầm lỗi và thừa nhận nó như một sự giới hạn, thấp hèn của tự thân là một sự tiến bộ, biểu hiện ban

đầu của tuệ giác. Trong trường hợp tự thân không nhận ra lầm lỗi thì phải mong cầu người khác chỉ lỗi, góp ý và soi sáng thêm. Bất kỳ ai, muốn cầu tiến thì phải biết lắng nghe; nhất là nghe cái dở, cái xấu... của chính mình. Người dám nói lên những điều chưa tốt của người khác với thành ý xây dựng, đúng lúc đúng nơi là người tốt đồng thời người biết tiếp thu những góp ý, phê bình và thẩm tri ân sự soi sáng ấy để kiện toàn là người có trí.

Tuy vậy, sự đòi thường “tốt khoe xấu che” nên lắm khi “lời ngay trái tai”. Nói thật, nói ngay thì dễ mất lòng thậm chí bị trừ dập, thù ghét bởi đa phần ai cũng bị tổn thương và mong muốn che đậy những hạn chế của mình. Người không thấy tội ác nên trượt dài vào hố thẳm đã đành nhưng nếu có đôi lần tâm chợt loé sáng, giật mình nhận ra tội lỗi thì cố che giấu. Kẻ thông minh tài trí mà ác tâm thì việc làm ác cùng che đậy tội lỗi của họ rất tinh vi, nguy trang khéo léo, nhằm thỏa mãn tham vọng nhiều hơn. Những hạng người này, dù có tri thức cao, theo Thế Tôn, vẫn là người thiếu trí, vô minh, không có tuệ giác.

Bậc trí, theo Thế Tôn, không nhất thiết là có tri thức cao bởi tri thức không đủ năng lực chuyển hóa được phiền não. Người có tuệ giác biết nhìn thẳng vào sự thật và chấp nhận sự thật ấy dù đau thương rồi nỗ lực chuyển hóa, thăng hoa. Hoa sen tinh khiết và ngát hương cũng vươn lên từ bùn lầy. Cũng vậy, tuệ giác cũng nở hoa từ bùn nhơ vô minh, tội lỗi khi con người dám nhìn thẳng, thừa nhận và chuyển hóa nó. ▀

3- CHÁNH TRI KIẾN

Một thời, Thế Tôn du hành giữa dân chúng Kosala, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra. Thế nào là sáu?

Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ do tự mình làm. Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ do người khác làm. Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ do tự mình làm, do người khác làm. Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ không do tự mình làm, do tự nhiên sanh. Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ không do người khác làm, do tự nhiên sanh. Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ không do tự mình làm và không do người khác làm, do tự nhiên sanh. Vì có sao?

Này các Tỷ kheo, đối với người có đầy đủ tri kiến, nhân và các pháp do nhân sanh đã được khéo thấy.

Này các Tỷ kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 6, phẩm Mát lạnh, phần Tự làm, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.256)

LỜI BÀN:

Trước vô vàn biến động thuận nghịch trong cuộc đời, con người thường truy tìm cái nguyên do, vì đâu mà nên nỗi, rồi vui buồn, than vãn, trách mình và trách người. Khi thắng lợi thì vui sướng, tự hào rằng sự thành công này là nhờ mình; khi thất bại thì buồn bực bởi mất mát, thua thiệt này là do người, hoặc do mình một phần, hoặc do tự nhiên, số phận v.v...

Với tuệ giác Thế Tôn, người đầy đủ tri kiến thì không có những quan điểm như thế bởi họ đã thấu suốt quy luật Duyên sinh. Mọi sự vận hành, biến đổi của thân, tâm và thế giới đều bị chi phối bởi duyên sinh. Nói cách khác, nhân-duyên-quả với mối tương hệ chằng chịt, trùng trùng là nền tảng hình thành mọi hiện hữu. Do vậy, tất cả những vui buồn, được mất, hơn thua, thành công, thất bại... trên cuộc đời này đều không chỉ đơn thuần là do mình, do người hay do tự nhiên mà có. Nhận thức được sự thật này là thành tựu chánh tri kiến, có tuệ giác và vượt qua mọi khổ đau do nhận thức và quan điểm sai lầm tạo nên.

Thế Tôn từng dạy, những ai đến với giáo pháp của Ngài là để thấy chứ không phải để tin. Chính quan điểm đúng đắn, sự thấy biết chính xác sẽ dẫn đường cho tư duy và hành động đúng đắn, hướng đến Chân Thiện Mỹ. Vì thế, nỗ lực thiền quán để thấy rõ bản chất của các pháp là duyên sanh vô ngã là một trong những nội dung tu tập quan trọng hàng đầu. Trong 37 phẩm trợ đạo thì Bát Thánh đạo quan trọng nhất và trong Bát Thánh đạo thì chánh kiến là cốt tủy, bởi thấy được duyên khởi trong mọi sự sanh thành, hoại diệt chính là thấy Pháp, mà thấy Pháp tức thấy Như Lai.▲

4- KHÔNG PHẢI CỦA TÔI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, cái gì không phải của các ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc cho các ông.

Này các Tỷ kheo, cái gì không phải của các ông? Sắc, thọ, tưởng, hành và thức, không phải của các ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc.

Ví như, này các Tỷ kheo, có người gom cành, lá của Jetavana này đem đốt hay tùy duyên sử dụng. Các ông có nghĩ rằng đem đốt hay tùy duyên sử dụng chúng tôi?

Thưa không. Vì sao vậy? Vì những cái ấy không phải chúng con. Bạch Thế Tôn, những cái ấy không thuộc tự ngã chúng con.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, sắc, thọ, tưởng, hành và thức, không phải của các ông, hãy từ bỏ nó. Từ bỏ nó, các ông sẽ được hạnh phúc, an lạc.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ III*, chương 1, phẩm Không phải của các ông [lược], NXB Tôn Giáo, 2000, tr.67)

LỜI BÀN:

Tuệ giác về duyên sinh pháp cho thấy vạn sự vạn vật đều tồn tại trong quan hệ hỗ tương, làm điều kiện cho nhau hình thành và hoại diệt. Do đó, không có bất cứ sự vật, hiện tượng nào trên đời là vĩnh hằng, thường trụ, thuần nhất và bất biến cả. Ngay đến bản thân con người, sinh mạng chúng ta đang hiện hữu đây cũng không phải của mình đích thực, thì nói chi đến những vật ngoài thân.

Con người là hợp thể của năm uẩn gồm thân thể (sắc), cảm giác (thọ), tri giác (tưởng), tư duy (hành) và nhận thức (thức). Dưới

ánh sáng của thiền quán duyên sinh, con người là một sinh thể do năm uẩn này hòa hợp mà thành. Đã là hòa hợp tất không có ngã tính hay linh hồn bất tử nơi con người. Vậy, tôi hay của tôi chỉ là sự chấp thủ do vô minh và tham ái sâu dày che lấp. Chính sự chấp thủ về tôi và của tôi là cơ sở, cội nguồn của mọi khổ đau.

Nhìn sâu hơn, mỗi thành phần của hợp thể năm uẩn cũng do nhiều nhân duyên khác tạo nên. Đơn cử như thân thể (sắc) phát triển nhờ thức ăn từ bên ngoài, cảm giác (thọ) được tạo ra khi hội đủ duyên tiếp xúc giữa các giác quan (căn) và đối tượng giác quan (trần). Quán chiếu sâu sắc vào chính bản thân mình, chúng ta sẽ thấy được sự thật của “cái tôi” là duyên sinh, vô ngã.

Vì thế Đức Phật dạy chúng ta hãy từ bỏ năm uẩn. Từ bỏ ở đây chính là không chấp thủ, càng buông xả thì con người càng được thanh thoi, an vui và hạnh phúc. Vì nghiệp lực và vô minh che lấp, con người luôn chấp thủ “cái tôi” và tin tưởng vào sự nắm giữ và làm giàu có “cái của tôi”, xem như đó là nền tảng của hạnh phúc. Nhưng sự thật không phải như vậy, càng nắm giữ thì con người càng khổ đau.

Do vậy, tuệ giác thiền quán vô ngã là liệu pháp duy nhất để hướng đến hạnh phúc, an vui đích thực. ▴

5- TU TẬP TÁNH KHÔNG

Một thời, Thế Tôn trú ở Bàrànasi, tại Isipatana. Rồi cư sĩ Dhammadina với năm trăm cư sĩ đi đến đảnh lễ và bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, hãy giảng dạy cho chúng con, hãy giáo giới cho chúng con. Nhờ vậy, chúng con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Này Dhammadina, các ông cần phải học tập như sau: Các kinh điển nào do Như Lai thuyết giảng thâm sâu, siêu thế, liên hệ đến nghĩa Không, cần phải thường được tìm đến và an trú (học hỏi). Như vậy, này Dhammadina, các ông cần phải học tập.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ V*, chương 11, phẩm Với trí tuệ, phần Dhammadina [trích], NXB Tôn Giáo, 2002, tr.591)

LỜI BÀN:

Không phải đợi đến thời kỳ Phật giáo Phát triển (Đại thừa) mà ngay trong thời Thế Tôn, Ngài đã khai thị về lý Không (Sùnyatà). Pháp thoại này đã cho thấy vấn đề cốt tử nhất, tinh yếu nhất của Đại thừa là tánh Không đã được Thế Tôn truyền trao, khuyến tấn tu tập không những cho hàng xuất gia mà ngay cả những Phật tử tại gia.

Có thể nói, học thuyết tánh Không thể hiện bằng bạc trong *Bát Nhã, Trung quán luận* v.v... là hoa trái của lời dạy “Các ông cần phải học tập như sau: Các kinh điển nào do Như Lai thuyết giảng thâm sâu, siêu thế, liên hệ đến nghĩa Không, cần phải thường được tìm đến và an trú (học hỏi)”. Và như thế, chúng ta không lạ gì khi vị Tổ sư học thuyết tánh Không của Đại thừa, Bồ tát Long Thọ (Nàgàrjuna) được tôn xưng là Đệ nhị Thích Ca.

Mặt khác, giáo lý Vô ngã vốn được triển khai từ rất sớm đồng thời là nền tảng căn bản nhất của phương thức tu tập và nhận thức theo kinh tạng Nikàya lại chính là cơ sở của tánh Không. Từ đây, người học Phật dễ dàng nhận ra sự liên hệ mật thiết, có tính kế thừa trọn vẹn tinh thần Phật giáo Nguyên thủy trong hệ thống kinh tạng Phật giáo Phát triển.

Bát Nhã Tâm kinh đề cập đến Bồ tát Quán Tự Tại nhờ “chiếu kiến ngũ uẩn giai không” nên vượt thoát mọi khổ ách. Tuệ giác tánh Không là công cụ hữu hiệu nhất để quét sạch mọi tư duy hữu ngã (cội nguồn của khổ đau) và xua tan bóng tối phiền não, tham ái, vô minh. Do vậy, muốn Dhammadina cùng năm trăm cư sĩ chúng đạt hạnh phúc và an lạc lâu dài, Thế Tôn đã khuyến tấn họ tu tập lý Không.

Thực tập thiền quán vô ngã nhằm trực nhận vô ngã tính (tánh Không) trong thân tâm cùng tất cả vạn pháp là chìa khóa để vượt thoát ngục tù sanh tử khổ đau. Vì vậy nghiên cứu, học hỏi và thực tập thiền quán để an trú vào tánh Không, thành tựu tuệ giác vô ngã là nhiệm vụ trọng tâm của tất cả những người con Phật.▲

6- NGƯỜI MÙ SỜ VOI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ có một số đông các Sa môn, Bà la môn và các du sĩ ngoại đạo vào thành Sàvatthi để khát thực. Họ có nhiều quan điểm, sở thích và nương tựa vào các quan niệm khác nhau. Do đó, họ luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi: Như thế này là pháp. Như thế này không phải pháp...

Các Tỷ kheo sau khi khát thực ở Sàvatthi, trở về kể lại với Thế Tôn. Ngài dạy:

Này các Tỷ kheo, các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt, không biết pháp và không biết phi pháp...

Này các Tỷ kheo, thuở xưa cũng tại thành Sàvatthi này, có một ông vua đã cho nhóm họp các người mù lại rồi sai người dắt đến một con voi. Sau khi sờ voi, những người sờ được cái đầu nói con voi như cái ghè; những người sờ được cái tai bảo con voi như cái sàng gạo; những người sờ được cái ngà nói con voi như lưỡi cày; những người sờ được cái bụng bảo con voi như cái trống; những người sờ được cái chân nói con voi như cái cột; những người sờ được cái đuôi bảo con voi như cây chổi...

Này các Tỷ kheo, các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt, không biết pháp và không biết phi pháp. Do đó, họ mới luận tranh, đấu tranh ...

(ĐTKVN, *Tiểu Bộ I*, kinh Phật Tự Thuyết, chương 6, phẩm Sanh ra đã mù, NXB TP.HCM, 1999, tr.238)

LỜI BÀN:

Một con người dù thông thái đến mấy cũng khó mà nhận thức hết

mọi sự vật và hiện tượng của thế giới. Nhất là ngày nay khi sự chuyên môn hóa được phát huy đến cao độ thì càng khó khăn cho một người có được kiến thức bách khoa. Do đó, phải hết sức dè dặt và khiêm tốn với kiến thức giới hạn của chính mình.

Bảo vệ một quan điểm triết học hay một niềm tin tôn giáo là điều nên làm nhưng cực đoan cho quan điểm và niềm tin của mình là vô địch là điều nên tránh. Vì rằng sự thấy biết của con người rất giới hạn, chỉ thấy biết đơn tuyến mà không lĩnh hội được toàn thể. Cũng như những người mù kia, thấy biết về con voi của họ không sai nhưng chỉ đúng mỗi một phần.

Đối với sự nghiệp tu học, cảm nhận về sự chứng ngộ, thể nhập chân lý cũng có sâu cạn khác nhau nơi mỗi cá nhân. Trong bối cảnh có khá nhiều sự phê phán, luận chiến về tư tưởng, đường lối, pháp môn và mức độ chứng đắc... khiến cho không ít người hậu học hoang mang. Thiết nghĩ, khi chưa đạt đến toàn giác như Đức Phật thì người tu cũng nên thận trọng và khiêm hạ khi đánh giá về pháp môn và sở đắc của người khác. Bởi lẽ, đa phần chúng ta cũng đều là người mù trong biển giác bao la.▲

7- VÔ MINH LÀ CẤU ỨẾ LỚN NHẤT

Một thời, Thế Tôn ở Vesàli, tại Mahavàna, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có tám cấu ứế này. Thế nào là tám?

Này các Tỷ kheo, không đọc tụng là cấu ứế của Thánh điển; không thức dậy là cấu ứế của nhà; biếng nhác là cấu ứế của dung sắc; phóng dật là cấu ứế của phòng hộ; ác hạnh là cấu ứế của đàn bà; xan tham là cấu ứế của bố thí; các ác pháp là cấu ứế của đời này và đời sau. Nhưng này các Tỷ kheo, còn có cấu ứế lớn hơn các cấu ứế, vô minh là cấu ứế lớn nhất.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 8, phẩm Lớn, phần Các cấu ứế [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.553)

LỜI BÀN:

Cấu ứế tức các phiền não nói chung là nhân tố chính làm trở ngại sự thăng hoa tâm trong lộ trình tu tập. Tâm của chúng ta có vô vàn cấu ứế, mỗi loại có một ảnh hưởng đến một khía cạnh khác nhau trong quá trình thanh lọc tâm. Chung quy cấu ứế là dơ bẩn, làm trở ngại, chướng ngại thanh tịnh cần phải chuyển hóa, loại trừ.

Không tìm hiểu, nghiên tâm để nhận thức đúng đắn về giáo pháp là một chướng ngại. Giáo pháp giải thoát của Thế Tôn thật quý giá nhưng sự tôn kính giáo pháp phải được thể hiện nơi học tập, tìm ra con đường và thân chứng. Vì thế, Thánh điển sẽ không phát huy tác dụng, thậm chí bị mai một dần nếu chúng ta thỉnh về chỉ để... thờ.

Các phương diện khác của đời sống cũng vậy, từ nhà cửa cho đến thân thể sẽ bị biếng nhác, giải đãi làm cho cấu ứế. Sự buông thả,

phóng túng sẽ trở ngại việc phòng hộ, giữ gìn; giữ sáu căn không loạn động khi tiếp xúc với trần cảnh. Tâm ích kỷ, ganh tỵ cùng với những hành động xấu ác sẽ làm hoen ố nhân cách con người. Sự xan tham sẽ làm chùn tâm bố thí, những ý niệm tốt đẹp về san sẻ dễ dàng bị lòng tham che lấp, ngăn ngại. Và những điều xấu ác đang xảy ra trong hiện tại chắc chắn sẽ làm cấu bẩn sự tốt đẹp, tươi sáng ở tương lai.

Tuy nhiên, cấu uế lớn nhất và chi phối mạnh mẽ nhất đối với mọi lãnh vực hoạt động của con người đó là vô minh. Chính sự si ám, không sáng suốt, thiếu tuệ giác là cội nguồn của tham ái, chấp thủ và cấu uế. Mọi khổ đau của chúng sanh đều bắt nguồn từ vô minh. Vì thế, đoạn trừ vô minh để khai mở tuệ giác là trọng tâm của tu tập. Do vậy, chúng ta không lạ khi phương châm tu học của hàng Phật tử luôn là “Duy tuệ thị nghiệp”.▲

8- BỌT NƯỚC

Một thời, Thế Tôn ở Ayujjaya, trên bờ sông Hằng. Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Ví như, này các Tỷ kheo, sông Hằng này chảy mang theo đồng bọt nước lớn. Có người có mắt nhìn đồng bọt nước ấy, chuyên chú, như lý quán sát. Do nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, đồng bọt nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Này các Tỷ kheo, làm sao có lõi cứng trong đồng bọt nước được?

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, phàm có sắc, thọ, tưởng, hành và thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; vị Tỷ kheo thấy sắc (thọ, tưởng, hành và thức) chuyên chú, như lý quán sát về sắc (thọ, tưởng, hành và thức). Do vị Tỷ kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát sắc (thọ, tưởng, hành và thức), sắc (thọ, tưởng, hành và thức) ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ kheo, lại có lõi cứng trong sắc (thọ, tưởng, hành và thức) được?

Thấy vậy, này các Tỷ kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhằm chán đối với sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Do nhằm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ III*, chương 1, phẩm Hoa, phần Bọt nước, NXB Tôn Giáo 2000, tr.252)0

LỜI BÀN:

Con người và thế giới khách quan vốn hiện hữu, vận động theo quy luật thành, trụ, hoại, không song nhận thức về điều ấy lại

khác nhau tùy theo nghiệp của mỗi người, ít có ai nhận thức đúng như thật về tự thân và hiện tượng giới. Chính nhận thức chủ quan, nhuộm màu tự ngã là nguyên nhân để phát khởi tham ái, cội nguồn của mọi khổ đau.

Gốc rễ của mọi bất hạnh giáng xuống thân phận con người xuất phát từ nhận thức sai lầm rằng có một cái là tôi, là của tôi, là tự ngã của tôi trong và ngoài tấm thân ngũ uẩn. Thực ra, theo tuệ giác của Thế Tôn thì cái mà chúng sanh luôn lầm chấp là tôi, của tôi và tự ngã của tôi thực chất là rỗng không, trống không, không có lõi cứng. Chính tuệ quán vô ngã về ngũ uẩn đã làm bật tung mọi sự che đậy của vô minh, làm phơi bày mọi ngõ ngách của năm ấm, hiển lộ thực tướng vô ngã.

Nhận thức về vô ngã tướng có thể thực hiện được trong cuộc sống hàng ngày. Bởi tự thân của vạn pháp vốn như thế, do duyên sanh, giả có và không thật. Không có mấy khác biệt giữa cái ta ngũ uẩn và đồng bọt nước lơ lững trôi trên dòng sông Hằng. Đồng bọt nước ấy tuy có nhưng thực ra chỉ là sự tích tụ của vô số bong bóng nước, sẽ lần lượt vỡ tan dưới ánh sáng mặt trời. Cũng vậy, cái ta ngũ uẩn mà chúng ta hằng yêu thương, chấp thủ cũng không nằm ngoài cấu trúc bong bóng nước ấy. Chỉ cần chuyên chú, quan sát tinh tế tự thân trong sâu lắng của chánh niệm là chúng ta sẽ tỉnh thức về một sự thật giản dị là không có một cái gì thường hằng, bền chắc trong tứ đại, ngũ uẩn. Chúng có đấy nhưng duyên hợp, vô thường, giả có và không thật.

Hàng đệ tử Phật phải luôn chánh niệm, quán chiếu về vô ngã. Nếu duy trì thường trực tuệ quán về vô ngã tính của tự thân và vạn pháp thì sẽ không còn chấp thủ ngũ uẩn, thoát ly được tâm lý tham ái và chấm dứt mọi khổ đau, thành tựu giải thoát, giác ngộ.▲

9- CÓ & KHÔNG

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, Ta không tranh luận với đời, chỉ có đời tranh luận với Ta. Này các Tỷ kheo, người nói pháp không tranh luận với bất cứ một ai ở đời.

Này các Tỷ kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là không, Ta cũng nói là không; cái gì người có trí ở đời chấp nhận là có, Ta cũng nói có.

Và này các Tỷ kheo, người có trí ở đời không chấp nhận sắc, thọ, tưởng, hành và thức là thường còn, không chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là không.

Này các Tỷ kheo, đây là cái gì người có trí ở đời chấp nhận là không, Ta cũng nói là không.

Này các Tỷ kheo, người có trí ở đời chấp nhận sắc, thọ, tưởng, hành và thức là vô thường, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là có vậy.

Này các Tỷ kheo, đây là cái gì người có trí ở đời chấp nhận là có, Ta cũng nói là có.

Ở trong đời, này các Tỷ kheo, có thế pháp. Thế pháp ấy Như Lai hoàn toàn chứng ngộ. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị.

Sắc thọ tưởng hành và thức, này các Tỷ kheo, là thế pháp. Thế pháp ấy Như Lai hoàn toàn chứng ngộ. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị. Và những ai, khi Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị như vậy, vẫn không biết, không thấy, với người ấy, Ta xem là

phàm phu, mù lòa, không có mắt.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ III*, chương 1, phẩm Hoa, phần Bông hoa [lược], NXB Tôn Giáo, 2000, tr.249)

LỜI BÀN:

Thế Tôn tuyên thuyết giáo pháp dựa trên nền tảng tuệ giác mà Ngài đã chứng ngộ. Vì thế, giáo pháp không phải là sản phẩm của tư duy, thiên về luận lý như một học thuyết mà đơn thuần chỉ là những kinh nghiệm về con đường vượt thoát khổ đau, là trải nghiệm của người đã đi qua và đã chứng đạt.

Với tuệ giác giải thoát, vạn pháp đều bị chi phối bởi vô thường, là khổ và hoàn toàn vô ngã. Đó là một sự thật khách quan, là cái thấy biết và chứng tri của bậc Giác ngộ về các pháp. Vì thế, khi tuyên thuyết có và không, Thế Tôn vẫn giữ một lập trường duy nhất là năm uẩn đều không, vô thường và vô ngã.

Tất nhiên, đối với những ai đã từng chấp nhận có một tự ngã, cái tôi hay linh hồn trường cửu, bất biến thì tuyên bố về sự thật vô ngã của Thế Tôn quả là sấm sét. Nhưng không phải ai cũng có đủ duyên lành để có thể mở to đôi mắt trần thế nhìn thẳng vào sự thật, thấy rõ sự vận động tương tục không gián đoạn và tính chất duyên sinh của năm uẩn. Vì thế, ngoài những bậc trí, còn lại đa phần chúng ta tuy có mắt mà như mù.

Có và không chỉ là thế pháp, vì thuận theo thế gian trong sự thật tương đối Thế Tôn có thể nói có và không nhưng cốt tủy của sự chứng tri vẫn là các pháp đều Không.▲

10- TÀM VÀ QUÝ

Một thời, Thế Tôn ở Sàvatthi, tại vườn ông Anàthapindika, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, hai pháp này là pháp đen. Thế nào là hai? Không tầm và không quý.

Và này các Tỷ kheo, hai pháp này gọi là pháp trắng. Thế nào là hai? Tầm và quý.

Hai pháp trắng này, này các Tỷ kheo, che chở cho thế giới. Nếu không có hai pháp trắng này che chở cho thế giới thì không thể chỉ ra được đây là mẹ hay là em hoặc chị của mẹ, đây là vợ của anh hay em, đây là vợ của thầy hay vợ các vị tôn trưởng. Và thế giới sẽ đi đến hỗn loạn như giữa các loài dê, heo, chó, gà, vịt.

Này các Tỷ kheo, vì có hai pháp trắng này che chở, nên mới có thể chỉ được đây là mẹ hay là em hoặc chị của mẹ, đây là vợ của anh hay em, đây là vợ của thầy hay vợ các vị tôn trưởng.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 2, phẩm Hình phạt, phần Hai loại tội [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.100)

LỜI BÀN:

Biết hổ thẹn là một nhân tố quan trọng trong việc hoàn thiện nhân cách của con người. Tầm là biết hổ thẹn với chính mình và quý là biết hổ thẹn, sợ hãi với người khác. Nhờ biết hổ thẹn nên chúng ta có thể vượt thắng, làm chủ được bản thân trước những thôi thúc của tham lam, sân hận và si mê.

Trong mỗi chúng ta đều tồn tại hai thế lực đen và trắng này. Giữa thanh thiên bạch nhật, hầu hết chúng ta đều thể hiện sự ý tứ, sợ người khác chê cười, phê phán, chỉ trích hoặc lên án (quý). Người

mà vô cảm trước dư luận, bỏ ngoài tai mọi sự chê cười, mai mỉa của người đời (vô quý) thì xem như... cùn, sống bên lề xã hội hoặc bị tâm thần. Có thể nói, khi có ý thức về mình và xã hội thì sự xấu hổ, biết thẹn với người còn cơ may hiện hữu.

Cái khó là khi đối diện với chính mình, ta có tự vấn lương tâm, xấu hổ và thẹn thùng với điều chỉ mình biết hay không? Lẽ thường ở đời là khi vụ việc chưa đổ bể ra thì xem như con người ta vô cùng trong sáng, chân chính và thánh thiện. Thậm chí tồn tại khá phổ biến quan niệm những việc làm tội lỗi nhưng qua mặt được pháp luật thì xem như không có tội tình gì.

Phải can đảm và trí dũng lắm người ta mới sống với lương tri, nhận ra những sai trái của chính mình để từ bỏ dù chưa ai biết hoặc không hề biết. Đức tính quý báu ấy gọi là tàm, phải tỉnh thức thật nhiều mới nhận ra và thực hành được điều ấy trong đời sống hàng ngày. Biết xấu hổ với mình trước những tội lỗi là nền tảng đạo đức căn bản của cá nhân và xã hội.

Thế Tôn đã khẳng định nếu không hổ thẹn với chính mình và mọi người thì con người chẳng khác nào cầm thú, thế giới sẽ đi đến hỗn loạn. Do đó, thực tập nội quán, phản tỉnh, nhìn lại mình, tự vấn lương tâm nhằm chặn đứng những điều xấu ác chính là nội dung thiền quán về tuệ học của Phật giáo mà mọi người trong xã hội cần ứng dụng để tự kiện toàn nhân cách.▲

11- TUỆ GIÁC VÔ NGÃ

Một thời, Thế Tôn trú ở Bàranasi, tại Isipitana, chỗ vườn Nai. Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến, sau khi đảnh lễ, thưa Thế Tôn:

Thưa Tôn giả Gotama, có tự ngã không?

Thế Tôn im lặng. Sau khi hỏi lại lần thứ hai, Thế Tôn cũng im lặng, du sĩ Vacchagotta liền đứng dậy và ra đi.

Rồi Tôn giả Ananda, sau khi du sĩ ra đi, hỏi Thế Tôn vì sao không trả lời câu hỏi của du sĩ Vacchagotta.

Này Ananda, nếu Ta trả lời “có tự ngã” như vậy thuộc về chấp thường kiến. Và nếu Ta trả lời “không có tự ngã” như vậy thuộc về chấp đoạn kiến.

Lại nữa, này Ananda, nếu Ta trả lời “có tự ngã”, như vậy, câu trả lời của Ta có phù hợp với trí tuệ “Tất cả các pháp là vô ngã”? Và nếu Ta trả lời “không có tự ngã”, như vậy, lại làm cho du sĩ Vacchagotta càng ngờ ngác, bối rối hơn nữa: “Trước đây ta có tự ngã, nay không có tự ngã nữa”.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ IV*, chương 10, phần Ananda [lược], NXB Tôn Giáo, 2001, tr.619)

LỜI BÀN:

Không phải ngẫu nhiên mà sau khi thành đạo, Thế Tôn đã không vội vàng thuyết pháp, bởi chúng sanh nghiệp chướng sâu dày, thật khó lãnh hội được tuệ giác duyên khởi-vô ngã. Và cho đến về sau, không phải với bất cứ ai, Ngài cũng triển khai về điều này, trừ những trường hợp đủ duyên lành, có thể lãnh hội được. Vì thế, Ngài đã im lặng trước câu hỏi của du sĩ Vacchagotta và cũng không ít người khác đương thời.

Tự ngã, linh hồn hay cái tôi trường cửu bất diệt là tín điều ăn sâu

vào cốt tủy của những ai tin tưởng vào thần linh sáng tạo. Trong vòng luẩn quẩn của tư duy thì chỉ có hai phạm trù cơ bản là có và không, thật nan giải để nói Không-vô ngã đối với vấn đề tự ngã.

Nếu nói có ngã lập tức rơi vào chấp thường, nói không có ngã tức rơi vào chấp đoạn, mà chấp thường hay đoạn cũng đều là tà kiến. Mặt khác, nói có ngã thì trái với sự thấy biết vô ngã của Phật, nói không có ngã thì làm cho người nghe hoang mang, mất chỗ bám víu; tốt nhất là im lặng.

Các thiên sư đời sau ứng cơ khai thị mà không ít người ngộ nhận cho là cuồng thiên, tà đạo thực chất thì cũng học theo Phật, bởi im lặng không nói như Phật hay “nói nhảm” hoặc đánh cho một gậy thì cũng giống nhau. Vô ngã là tuệ giác, là chứng ngộ sự thật chứ không phải để hiểu, nhận thức. Vì thế, nếu triển khai về lý thuyết vô ngã đại để như “giả có, duyên sanh, không thực thể...” cũng chỉ là “ngón tay chỉ mặt trăng”.

Do vậy mà Phật im lặng thuyết pháp, bài pháp vô ngôn này lại hay tuyệt cùng trong trường hợp này. Không phải có, chẳng phải không, vậy tự ngã là cái gì? Cứ tư duy về điều ấy đi, là cái gì thì mỗi người tự cảm nhận lấy, biết đâu sẽ bùng vỡ ra một cái gì đó vượt ngoài có không của tư duy hữu ngã.▲

HẾT TẬP I

**Lời Phật dạy
trong Kinh tạng Nikàya**

Tập II

I. ĂN UỐNG & SỨC KHỎE

1- ĂN NHIỀU KHÔNG TỐT CHO SỨC KHỎE

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Lúc bấy giờ, vua Pasenadi nước Kosala thường ăn những bữa ăn thịnh soạn. Rồi vua Pasenadi sau khi ăn xong, no đủ, thỏa thích, đi đến đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Thế Tôn sau khi biết vua Pasenadi đã ăn xong, no đủ, thỏa thích, ngay lúc ấy liền nói bài kệ: *Con người thường chánh niệm / Được ăn, biết phải chăng / Chừng mực, cảm thọ mạnh / Già chậm, tuổi thọ dài.*

Lúc ấy, vua Pasenadi liền gọi thanh niên Bà la môn Sudassana đang đứng hầu sau lưng:

Này bạn, hãy học thuộc lòng bài kệ từ Thế Tôn, và trong khi dọn ăn cho ta hãy đọc lên bài kệ ấy, ta sẽ cấp thường nhật cho bạn một trăm đồng tiền vàng.

Thanh niên Sudassana vâng lời vua, học thuộc lòng bài kệ và mỗi khi dọn cơm cho nhà vua thường đọc lên bài kệ này.

Rồi vua Pasenadi tuân tự ăn uống hạn chế, cho đến chỉ ăn nhiều nhất là một nàlika. Sau một thời gian, thân thể nhà vua trở nên khỏe mạnh, tự xoa bóp chân tay và nói lên lời cảm hứng như sau: Ôi, thật sự Thế Tôn đã thương tưởng nghĩ đến lợi ích cho ta, cả hai đời hiện tại và vị lai!

(ĐTKVN ^(*), *Tương Ưng Bộ I*, chương 3, phẩm 2, phần Đại thực, VNCPHVN ^(**) ấn hành, 1993, tr.186)

LỜI BÀN:

Ăn uống hàng ngày là cách tốt nhất để chuyển các dưỡng chất từ bên ngoài vào nuôi dưỡng và phát triển cơ thể, phục hồi sức lực. Tuy nhiên, nếu không biết tiết độ và chọn lựa thực phẩm phù hợp thì ăn uống lại là một trong những nguyên nhân dẫn đến bệnh tật. Vì thế, từ rất xa xưa “bệnh tùng khẩu nhập” là một kinh nghiệm,

kiến thức phổ thông về ăn uống cho mọi người.

Ngày nay, những bệnh tật có liên quan mật thiết đến việc ăn uống thiếu tiết độ như bệnh béo phì đang trở thành chứng nan y, là nguy cơ về sức khỏe và tuổi thọ cho xã hội, nhất là tại những quốc gia phát triển. Ăn uống quá nhiều cộng với việc ít vận động làm cho cơ thể tăng cân nhanh chóng đồng thời phát sinh nhiều tật bệnh rất khó chữa trị.

Vì thế, với tuệ giác của Thế Tôn, Ngài chỉ cho phép hàng đệ tử xuất gia ăn mỗi ngày một bữa đồng thời rèn luyện thân thể bằng cách đi bộ khất thực hàng ngày. Với chế độ ăn uống và thể dục hợp lý cộng với việc nỗ lực rèn luyện tinh thần bằng thiền định, những người đệ tử Phật dễ dàng phát triển trí tuệ, đạt được Thánh quả.

Truyền thống ăn chay của Phật giáo, ngoài việc nuôi dưỡng và phát triển tâm từ bi còn là liệu pháp dinh dưỡng rất có lợi cho sức khỏe, nhất là phương diện bổ dưỡng và tinh khiết. Khoa học về dinh dưỡng và trị liệu đã chứng minh cụ thể điều ấy. Ứng dụng và thực hành theo lời dạy của Thế Tôn, hiện nay vấn đề ăn chay và đi bộ đang trở thành thời thượng, được áp dụng rộng rãi khắp thế giới, đặc biệt ở Hoa Kỳ và các nước Tây phương.

Ở nước ta, tuy bệnh béo phì do ăn uống quá độ chưa trở thành vấn nạn của xã hội nhưng dấu hiệu của vấn đề đã xuất hiện ở các đô thị, đặc biệt là đối với phụ nữ, trẻ em, thiếu nhi và một bộ phận nam giới (uống nhiều rượu bia). Noi gương vua Pasenadi, những người con Phật phải biết kham nhẫn, tiết độ và chừng mực trong ăn uống, thực hành ăn chay để thân thể được gọn gàng, tráng kiện đồng thời giúp cho tinh thần sáng suốt, minh mẫn. Đó cũng là cách tốt nhất để phát triển từ tâm, nâng cao tuổi thọ, giảm thiểu bệnh tật và là phương châm sống theo lời Phật dạy.▲

(*) Đại tạng kinh Việt Nam

(**) Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

2- NĂM PHÁP LÀM GIA TĂNG TUỔI THỌ

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Đại Lâm. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiên đình đứng dậy, đi đến thăm một Tỷ kheo bị bệnh, sau đó bảo các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có năm pháp không gia tăng tuổi thọ. Thế nào là năm? Làm việc không thích đáng, không biết vừa phải trong việc thích đáng, ăn các đồ không tiêu hóa, du hành phi thời và sống không phạm hạnh. Năm pháp này, này các Tỷ kheo, không gia tăng tuổi thọ.

Nhưng này các Tỷ kheo, có năm pháp gia làm gia tăng tuổi thọ. Thế nào là năm? Làm việc thích đáng, biết vừa phải trong việc thích đáng, ăn các đồ ăn tiêu hóa, du hành phải thời và sống phạm hạnh. Năm pháp này, này các Tỷ kheo, làm gia tăng tuổi thọ.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Bệnh, phần Tuổi thọ, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.543)

LỜI BÀN:

Sống lành mạnh, ăn uống điều độ, làm việc chừng mực và giữ cho tâm hồn thanh thản là xu hướng chung của con người trong đời sống hiện đại nhằm sống lâu và khỏe mạnh. Bởi sự đầy đủ tiện nghi vật chất cùng với nhịp sống công nghiệp tất bật và giải trí đa dạng của đời sống hiện đại vẫn chưa đủ để phục vụ cho sức khỏe con người, đôi khi còn có tác dụng ngược lại.

Những căn bệnh hiểm nghèo như béo phì, tim mạch, rối loạn tâm lý... thường được gọi là bệnh “người giàu” rất phổ biến. Một trong những nguyên nhân góp phần gia tăng tai nạn giao thông là do ăn uống vô độ dẫn đến mất tự chủ. Đại dịch của thế kỷ, bệnh AIDS, nổi kinh hoàng của mọi người đa phần xuất phát từ sự buông thả,

quan hệ bừa bãi, phóng túng.

Để gia tăng tuổi thọ, theo tuệ giác của Thế Tôn, con người cần xây dựng và tuân thủ năm điều kiện trong đời sống. Đó là: có công việc phù hợp và lương thiện; làm việc chừng mực, biết nghỉ ngơi; ăn uống điều độ, dinh dưỡng; đi lại trong điều kiện thời tiết tốt và sau cùng là giữ gìn đạo đức và nhân cách, không rơi vào đam mê, sa đọa và trụy lạc.

Năm điều kiện trên dù được tuyên thuyết từ rất xa xưa nhưng thiết nghĩ vẫn là những chuẩn mực rất cơ bản để đem lại sức khỏe và sống thọ cho con người trong thời văn minh, hiện đại. Xây dựng một nếp sống lành mạnh, thân và tâm luôn bình ổn và nhẹ nhàng là một trong những liệu pháp hiệu quả nhất để giữ gìn sức khỏe.

Sống thọ và khỏe mạnh là một phúc báo, là mơ ước của mọi người. Đừng để hối tiếc khi còn chưa quá muộn, đừng phí phạm sức khỏe và mạng sống vì một khi đã mất đi không bao giờ lấy lại được. Hãy sống và thực hành lời Phật dạy để có một đời sống an vui, khỏe mạnh và trường thọ.▲

3- LỢI ÍCH CỦA KINH HÀNH

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anàthapindika. Tại đấy, Thế Tôn dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có năm lợi ích của kinh hành. Thế nào là năm?

Kham nhẫn được đường trường; kham nhẫn được tinh cần; ít bệnh tật; đưa đến tiêu hóa tốt đẹp các thức ăn, thức uống; định chứng được trong khi kinh hành tồn tại lâu dài. Những pháp này, này các Tỷ kheo, là năm lợi ích của kinh hành.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Năm phần, phần Kinh hành, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.346)

LỜI BÀN:

Kinh hành hay thiền hành là một pháp tu quan trọng, được ứng dụng rộng rãi, phổ cập cho hàng đệ tử Phật. Không phân biệt tông phái, trình độ, căn cơ, bất kỳ đối tượng nào cũng có thể hành trì và gặt hái được kết quả, lợi ích thiết thực.

Kinh hành là đi bộ, đi dạo hoặc tản bộ trong trạng thái thân tâm chánh niệm. Đi nhưng không nhằm mục đích đến mà đi để “trở về”. Trở về với chánh niệm đương tại, rũ bỏ những âu lo, sầu muộn của quá khứ đồng thời buông xả những dự định, toan tính cho tương lai. Kinh hành là đi trong thanh thoi, an lạc với mỗi bước đi của mình.

Nếu đi bộ mà không chánh niệm thì không phải kinh hành, song vẫn thu được nhiều lợi ích cho sức khỏe. Ngày nay, đi bộ trở thành một môn thể thao đại chúng, là liệu pháp tích cực và dễ thực hành nhất nhằm nâng cao sức khỏe, đẩy lùi bệnh tật, nhất là những bệnh hiểm nghèo do đời sống hiện đại gây ra.

Thực tập kinh hành đều đặn trong cuộc sống hàng ngày, ngoài việc phục hồi và nâng cao sức khỏe, còn tạo ra hiệu ứng phần chấn tinh thần, tâm tư thanh thản, tĩnh lặng. Lợi ích thiết thực nhất của kinh hành là sự kham nhẫn, siêng năng, nhẫn nại đối với công việc, đặc biệt là tăng cường khả năng chịu đựng đối với áp lực ngày càng cao của cuộc sống hiện đại. Mặt khác, kinh hành giúp điều hòa cơ thể, bền bỉ và dẻo dai, tăng cường chức năng tuần hoàn, tiêu hóa v.v... Đặc biệt, kinh hành giúp ổn định tinh thần, dễ dàng duy trì chánh niệm, phát huy và tập trung định lực cao độ, làm cơ sở cho việc thành tựu trí tuệ, giải thoát.

Với các lợi ích của kinh hành như lời Phật đã dạy, người Phật tử cần ứng dụng và thực tập kinh hành trong đời sống hàng ngày. Cuộc sống sẽ có ý nghĩa hơn nếu con người biết ứng dụng kinh hành để có được sự khỏe mạnh và an ổn tinh thần.▲

4- TRĂM NĂM TRONG CÕI NGƯỜI TA

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Ở đây, Thế Tôn dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, ngắn ngủi thay là tuổi thọ loài người ở đời này, rồi phải đi trong tương lai. Hãy làm điều lành. Hãy sống phạm hạnh. Không có gì sinh ra lại không bị tử vong. Này các Tỷ kheo, người sống lâu chỉ có một trăm năm, hoặc ít hơn, hoặc nhiều hơn.

Loài người thọ mạng ngắn / Người lành phải lo âu / Như chày đầu, hãy sống / Tử vong rồi phải đến / Ngày đêm có trôi qua / Thọ mạng có chấm dứt / Mạng người phải khô cạn / Như sỏi nhỏ đầu non.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ I*, chương 4, phẩm 1, phần Tuổi thọ [lược], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.241)

LỜI BÀN:

Trăm năm trong cõi người ta tuy có tới ba vạn sáu ngàn ngày nhưng thật là ngắn ngủi. Càng ngắn ngủi hơn vì mấy ai sống tới trăm năm. Vô thường sẽ lần lượt đến với mọi người mà không bao giờ hẹn trước. Do vậy, phải ý thức sâu sắc về thọ mạng, về sự tồn tại ngắn ngủi của kiếp người để xây dựng đời sống thật tốt đẹp và có ý nghĩa nhất.

Hãy đứng lên làm lại đời mình, làm đẹp cho cuộc đời. Hãy tha thứ và yêu thương, rũ bỏ tất cả niềm đau và thù hận. Thời gian rất quý giá, lại trôi nhanh như bóng câu qua cửa sổ. Đừng để một mai lực bất tòng tâm, đừng để bao ý niệm tốt đẹp phải theo mình về nơi đất lạnh. Mỗi ngày đi qua đời mình như con lừa đang trên đường dẫn đến lò sát sinh thì có vui gì khi cố níu kéo những ngọn cỏ bên vệ đường. Vì mạng người mong manh, nên phải làm điều lành,

phải sống phạm hạnh.

Sở dĩ người ta tranh chấp, giành giật, đấu đá nhau chí tử một mất một còn vì không ý thức được sự thật của thân phận kiếp người. Cứ tưởng rằng thế lực, sức mạnh của mình là trường cửu nên chẳng bao giờ biết nhường nhịn, chia sẻ trong tinh thần đôi bên cùng lợi ích mà cứ lo tranh đoạt, thủ tóm cho riêng mình. Đó cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến xung đột, tàn hại và giết chóc lẫn nhau, gây biết bao đau khổ cho nhân loại.

Một đời người mấy ai sống tới trăm năm, tuy thời gian ấy không phải là dài nhưng cũng đủ cho ta chiêm nghiệm về những giá trị sống. Rốt cuộc thì trọng tâm của đời sống này là gì, phải chăng chỉ là hưởng thụ, tranh giành và chiếm đoạt? Chỉ cần một ngày giác ngộ được Chánh pháp, biết sống và làm đẹp cuộc đời, biết yêu thương, tha thứ và bao dung, biết nhận lãnh trách nhiệm về những nghiệp nhân đã gây tạo... thì dẫu vô thường, kiếp người tạm bợ nhưng cuộc đời này vẫn đẹp và đáng sống.

Vì thế, ý thức về vô thường, quán chiếu về thọ mạng ngắn ngủi, sự sống mong manh không phải là thái độ bi quan, tiêu cực mà ngược lại chính điều đó giúp chúng ta sống có ích hơn, không lãng phí cuộc đời, biết quý trọng sức khỏe, biết tận dụng thời gian quý báu để tu tập, làm tất cả những việc lành có thể để giúp mình và giúp người.▲

5- THÂN BỆNH NHƯNG TÂM KHÔNG BỆNH

Một thời, Thế Tôn sống giữa dân chúng Bhayga, rừng Bhesaka, vườn Nai. Rồi gia chủ Nakulapità đi đến đánh lễ bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, con đã già, tuổi đã lớn, thân bệnh hoạn, luôn ốm đau, mong Thế Tôn hãy giảng dạy cho con để con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Này gia chủ, thật sự là như vậy, thân của gia chủ là bệnh hoạn, là ốm đau, bị ô nhiễm che đậy. Này gia chủ, ai mang cái thân này, lại tự cho là không bệnh, dầu chỉ trong một phút; người ấy phải là người thiếu trí!

Do vậy, này gia chủ, cần phải học tập như sau: Dầu cho thân tôi có bệnh, tâm sẽ không bị bệnh. Như vậy, này gia chủ, đây là điều gia chủ cần phải học tập.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ III*, chương 1, phẩm Nakulapità, phần Nakulapità, Nxb Tôn Giáo, 2000, tr.9)

LỜI BÀN:

Con người sống trên đời quý nhất là sức khỏe, bởi có sức khỏe là có tất cả. Thế nhưng, trừ một vài trường hợp hi hữu đầy đủ phước báo về sức khỏe, chẳng biết ốm đau và thuốc thang là gì, còn lại hầu hết mọi người đều mang trong mình nhiều bệnh tật. Bệnh hoạn, ốm đau, già yếu là thuộc tính của đời sống con người, là quy luật của sự sống, là thân phận của chúng sinh.

Đã bệnh tất nhiên phải khổ, nỗi khổ càng được nhân lên khi về già. Già yếu và bệnh tật đã và đang gặm nhấm sự sống con người. Nỗi khổ này là một sự thật mà tự thân mỗi người đều chứng nghiệm được và chẳng ai tránh khỏi. Vậy thì người con Phật phải làm gì để vượt qua thân phận sinh lão bệnh tử?

Theo tuệ giác của Thế Tôn, trước hết phải nhận ra già bệnh của thân là một sự thật, là bản chất của tám thân tứ đại này. Hình hài, thân thể chỉ là trạm trung chuyển, điểm dừng tạm thời của bốn yếu tố đất, nước, gió và lửa vốn luân lưu bất tận. Bốn đại điều hòa tạm gọi là khỏe, không điều hòa gọi là bệnh, nhưng mấy khi bốn đại thực sự điều hòa. Nhận ra sự thật về già bệnh của thân có tính tất yếu để chấp nhận và thiết thân với nó là điều rất quan trọng. Đây là một tuệ giác.

Nhưng khổ đau lớn nhất của con người không phải do già bệnh mà do chấp thủ thân này là tôi, là của tôi và tự ngã của tôi. Thực ra, chẳng có gì trong bốn đại và năm uẩn này đích thực là tôi cả. Vì không phải là tự ngã nên ta không thể bắt bốn đại vận hành theo mong muốn riêng mình. Ta khát khao được khỏe mạnh, trường thọ trong khi bốn đại cứ lạnh lùng vận hành theo hướng già chết. Phải quán sát để thấy rõ ràng không chỉ thân thể mà cả cảm thọ, tri giác, tư duy và nhận thức không có chủ thể, không phải là tôi. Nhờ thấy rõ như vậy, khi năm uẩn thay đổi, biến hoại, mục nát thì người con Phật vẫn thản nhiên, không sầu bi khổ ưu nào.

Đây chính là tuệ giác lớn mà Thế Tôn đã huấn thị cho gia chủ Nakulapita thực tập để vượt thoát khổ đau già bệnh và cũng chính là điều mọi người con Phật phải thực hành nhằm đạt đến bình an, bởi sự thật là “dầu cho thân tôi có bệnh, tâm sẽ không bị bệnh”.▲

6- ĂN ĐÚNG GIỜ CÓ NĂM LỢI ÍCH

Một thời, Thế Tôn trú ở Kimbilà, tại Veluvana dạy các Tỷ kheo:

Có năm lợi ích này, này các Tỷ kheo, trong gia đình ăn cơm đúng thời. Thế nào là năm?

Đối với chư Thiên, lãnh thọ các vật cúng dường đúng thời; đối với các Sa môn từ bỏ ăn phi thời, cúng dường đúng thời; đối với khách đến thăm, mời cơm đúng thời; những người phục vụ, làm công được thoải mái; các món ăn, khi ăn đúng thời có đầy đủ chất bổ dưỡng.

Có năm lợi ích này, này các Tỷ kheo, trong gia đình ăn cơm đúng thời.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Du hành dài, phần Bữa ăn, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.728)

LỜI BÀN:

Ngày xưa, mỗi bữa ăn thường ngày, dù đạm bạc hay thịnh soạn, người xưa luôn cẩn trọng nhớ nghĩ đến cúng dường, mời thỉnh chứ không phải ngồi vào bàn là ăn như chúng ta bây giờ. Bày cơm ra, trước thành tâm cúng dường lên chư Thiên, thánh thần, bà con cô bác khuất mày khuất mặt, kể đến là quán sát xem đã tùy duyên cúng dường các bậc tu hành, các Sa môn, Bà la môn hay chưa và sau cùng, thân mời khách bạn (nếu có) rồi mới ăn cơm. Những nghi thức này có vẻ như lễ mễ, rườm rà, mất thì giờ đối với nhịp sống hối hả, tất bật trong hiện tại nhưng biểu hiện rõ nét sự cung kính, biết ơn, quan tâm đến mọi người. Và ít ai nghĩ rằng, chính sự thành tâm cúng dường, bố thí đó là cơ hội vun bồi phước báo cho tự thân và gia đình.

Mặt khác, việc ăn cơm và nghỉ ngơi đúng giờ sẽ tạo ra sự thoải mái

cho nhân viên, những người làm công, giúp việc, góp phần nâng cao hiệu quả lao động. Những nhà quản lý lao động hiện nay sẽ ngạc nhiên và thích thú khi biết từ xa xưa, Thế Tôn đã quan tâm đến mối quan hệ giữa hiệu quả lao động, ăn uống và nghỉ ngơi.

Quan trọng nhất, ăn cơm đúng giờ thì thức ăn có đầy đủ chất bổ dưỡng. Chúng ta đều biết thức ăn sau khi chế biến xong sẽ dần phân hủy. Do vậy, cần phải ăn uống kịp thời, đúng giờ. Ngày nay, trong các lễ trai tăng, thực phẩm dâng cúng đa phần được chế biến từ rất sớm và lễ tiết cúng dường đôi khi quá rườm rà làm thức ăn nguội lạnh, điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe của chư Tăng.

Thế Tôn không những quan tâm đến giác ngộ và giải thoát, Ngài còn đặc biệt chú trọng đến những vấn đề bình thường như ăn uống đúng giờ giấc. Thân và tâm vốn có quan hệ mật thiết, tác động qua lại, ảnh hưởng lẫn nhau. Do vậy, ngoài việc tu tập, tinh luyện tâm, người con Phật luôn chú trọng đến chăm sóc sức khỏe. Và một trong những liệu pháp nâng cao sức khỏe con người là sự điều độ, ăn uống đúng giờ. ▀

7- AI CŨNG CÓ BỆNH

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có hai loại bệnh này. Thế nào là hai? Bệnh về thân và bệnh về tâm.

Này các Tỷ kheo, chúng ta thấy có chúng sinh tự nhận là mình không có bệnh về thân được một năm, được năm năm, được mười năm, được năm mươi năm, cho đến được một trăm năm.

Nhưng này các Tỷ kheo, rất khó tìm được ở đời là những chúng sinh tự nhận mình không có bệnh về tâm dù chỉ trong một khoảnh khắc, trừ những bậc Thánh đã đoạn trừ các lậu hoặc.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 4, phẩm Các căn, phần Bệnh [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.86)

LỜI BÀN:

Bệnh tật là một nỗi khổ lớn, luôn gắn liền với đời sống con người. Hầu như không một ai tránh khỏi bệnh tật, có khác chăng là bệnh nặng hay nhẹ và bình phục chậm hay nhanh ở mỗi người.

Có vô số chúng bệnh đang hành hạ con người, chung quy không ngoài thân bệnh và tâm bệnh. Với tiến bộ không ngừng của y học, hiện nay nhiều căn bệnh nan y đã có thuốc chữa. Và tương lai, trong chừng mực nào đó, có thể nói giải quyết các vấn đề về thân bệnh không phải là điều khó, sẽ được thực hiện nhanh chóng nhờ các thành tựu y học hiện đại. Thực tế cho thấy hiện có nhiều người rất ít bệnh và một vài trường hợp cá biệt suốt đời gần như không bị bệnh.

Tuy nhiên, theo tuệ giác Thế Tôn, dù cho những người ấy có sức

khỏe, tráng kiện đến mấy thì vẫn là người bệnh, vì tâm bệnh. Tâm con người mang bệnh thường trực với các triệu chứng là những biểu hiện liên tục của tham lam, thù hận, ganh tỵ, bực bội, căng thẳng, yêu ghét, buồn vui..., nói chung là tâm tán loạn, mất kiểm soát, không thể làm chủ chính mình. Thân và tâm vốn quan hệ mật thiết, tác động và chi phối hỗ tương lẫn nhau nên khó thiết lập được sự khỏe mạnh toàn diện, khi chỉ chú trọng giải quyết các vấn đề về thân bệnh mà bỏ quên hoặc xem nhẹ đến trị liệu tâm bệnh.

Và đây cũng chính là một trong những vấn đề then chốt của các phương thức trị liệu hiện đại. Tâm bệnh cũng cần nội soi, phẫu thuật, băng bó... và phải dùng các loại thuốc đặc trị tương thích như thân bệnh. Có nhiều phương thức trị liệu tâm bệnh nhưng Thiền định Phật giáo, có thể nói là đặc sắc và toàn triệt nhất. Hiện nay, ngành tâm lý trị liệu đã phát triển, thiền định được áp dụng và đem lại hiệu quả điều trị cao nhưng thực sự chưa được nhiều người quan tâm.

Thực ra tâm bệnh mới chính là căn nguyên cho các trường hợp thân bệnh. Vì vậy, dù thân đau yếu hay khỏe mạnh vẫn cần trị liệu tâm bệnh. Các phương thức Thiền định Phật giáo sẽ giúp chúng ta ổn định sức khỏe, tâm lý một cách an toàn và hiệu quả nhất. Hãy đến với Thiền để trị liệu thân tâm; để sống vui, khỏe và thọ.▲

8- BỊ BỆNH VẤN TU ĐƯỢC

Một thời, Thế Tôn trú ở Vasàli, tại Đại Lâm. Vào buổi chiều, Thế Tôn đi đến thăm một Tỷ kheo bị bệnh nặng. Sau khi đến, Ngài ngồi xuống một bên và bảo các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, nếu năm pháp này không rời bỏ một kẻ ốm yếu bệnh hoạn, thời người ấy không bao lâu sẽ đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, với thắng trí sẽ chứng ngộ và an trú vô lậu tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ kheo, vị Tỷ kheo sống quán bất tịnh trên thân, với tưởng ghê gớm đối với các món ăn, với tưởng không thích thú đối với tất cả thế giới, quán vô thường trong tất cả hành, và nội tâm an trú trong tưởng về chết.

Này các Tỷ kheo, nếu năm pháp này không rời bỏ một kẻ ốm yếu bệnh hoạn, thời người ấy không bao lâu sẽ đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, với thắng trí sẽ chứng ngộ và an trú vô lậu tâm giải thoát và tuệ giải thoát.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Bệnh, phần Người bị bệnh, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.539)

LỜI BÀN:

Hiện tại, sức khỏe của chư Tăng nói chung là một vấn đề cần được nghiên cứu nghiêm túc nhằm tìm ra nguyên nhân và phương pháp trị liệu, vì có khá nhiều vị bị bệnh. Tất nhiên bệnh tật là một thuộc tính cố hữu của con người, có thân ắt có bệnh. Đã bệnh thì không làm được việc gì nhưng nếu cố gắng thì vẫn tu được, kể cả những người đang lâm bệnh hiểm nghèo, đối diện với thập tử nhất sinh.

Thường thì đối với người đang lâm bệnh, thân thể bị hành hạ đau đớn khiến cho tâm tư phiền muộn, khổ não, thậm chí có lúc bi quan, tuyệt vọng. Ai đã từng bị bệnh dai dẳng hoặc mang những căn bệnh nan y thì kinh nghiệm sâu sắc về điều này. Trong dân gian có phương thức trị liệu “lấy độc trị độc”, cũng vậy, người bệnh có thể chọn đề mục thiền quán ngay nơi thân bệnh của mình. Thay vì lo nghĩ và sầu muộn, người bệnh hãy dừng cảm nhìn vào sự thật của chính mình.

Thấy rõ thân này là tạm bợ và bất tịnh. Thân thể chỉ là tập hợp của tứ đại, nhờ thức ăn vào ra mà hình thành. Thân này rồi đây sẽ tan rã, tứ đại sẽ phân tán và vạn sự vạn vật trên đời cũng vô thường tán tụ như vậy. Nhận diện một sự thật rằng không có cái gì vĩnh cửu, tồn tại mãi mãi chính là tuệ giác. Vậy thì, khi tẩm thân bệnh hoạn này đã rệu rạo, hồng hóc thì nếu có bỏ đi, chẳng có gì để luyến tiếc nữa. Và ngay cả cái chết cũng chỉ là một sự “thay áo mới”, không có gì để sợ hãi.

Một người bệnh duy trì liên tục các đề mục thiền quán như thế về thân tâm và thế giới thì chắc chắn không còn bận tâm, lo lắng nhiều về thực trạng của chính mình. Nếu nỗ lực hơn nữa, người bệnh có thể giác ngộ sự thật, thành tựu chánh trí và giác ngộ, giải thoát.▲

9- BỐN LOẠI BỆNH CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có bốn loại bệnh này cho người xuất gia. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ kheo, người có dục lớn, bực bội tức tối, không tự bằng lòng với bốn vật dụng. Người ấy vì dục lớn, không bằng lòng với bốn vật dụng khởi lên thèm khát, ác dục, muốn được các lợi dưỡng, cung kính, danh vọng. Vì ấy nỗ lực, cố gắng để được các điều ấy. Sau khi tính toán, vị ấy đi đến các gia đình thuyết pháp. Như vậy, này các Tỷ kheo, đây là bốn chứng bệnh của người xuất gia.

Do vậy, này các Tỷ kheo, các ông cần học tập như sau: “Ta sẽ không có dục lớn, bực bội tức tối, tự bằng lòng với bốn vật dụng. Ta sẽ không khởi lên thèm khát, ác dục, muốn được các lợi dưỡng, cung kính, danh vọng. Ta sẽ không nỗ lực, cố gắng để được các điều ấy. Ta sẽ kham nhẫn nóng lạnh, đói khát và những lời nói khó chịu... Như vậy, này các Tỷ kheo, các thầy cần phải học tập.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 4, phẩm Các căn, phần Bệnh [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.86)

LỜI BÀN:

Mong muốn nhiều, bị lợi danh trói buộc là căn bệnh trầm kha của chúng sinh. Dầu rằng phấn đấu để đạt lợi danh chính đáng không phải là điều xấu nhưng đối với sự nghiệp giải thoát thì đó là một chướng ngại. Và nguy hiểm hơn, khi hàng sơ tâm học đạo xem những thành tựu ấy là sự nghiệp, là mục tiêu hướng đến trên bước đường tu học.

Ai cũng biết rằng mong muốn nhiều là khổ nhiều. Tuy vậy, cám dỗ của vật dục, lợi danh luôn thôi thúc, mời gọi và cuối cùng không phải ai cũng vượt qua. Những vương mắc ấy Thế Tôn gọi là bệnh và dĩ nhiên đã vương bệnh thì phải trị liệu, chạy chữa. Do đó, thiếu dục và tri túc là phương thuốc không thể thiếu cho hành trình trưởng dưỡng tâm linh, thăng hoa tuệ giác của người xuất gia.

Điều đặc biệt nơi pháp thoại này là một số người tuy nỗ lực làm những Phật sự nhưng mục đích vì mình chứ không phải hướng đến lợi ích chúng sinh. Thân cận, thuyết pháp cho hàng cư sĩ áo trắng nhưng không hướng đến mục tiêu giáo hóa, chuyển mê khai ngộ mà chỉ nghĩ đến lợi dưỡng, danh vọng và cung kính. Và chính điều này đã đặt ra không ít thắc mắc, nghi ngờ cho nhiều người trước những việc làm nhân danh từ bi, vô ngã, vị tha.

Tham vốn hằn sâu vào tâm thức của mọi người. Chưa chứng A la hán thì tham vẫn còn. Vì thế, phải cảnh giác với tâm tham, biết chấp nhận, kham nhẫn và bằng lòng với hiện tại để sống thanh thản, nhẹ nhàng. Hay nói cách khác, đối với người xuất gia, tham là bệnh. Căn bệnh này sẽ được giảm thiểu và chữa lành nếu siêng năng dùng các phương thuốc thiếu dục, tri túc, kham nhẫn và nỗ lực thiền quán để quét sạch vô minh, thành tựu tuệ giác. ▀

10- SỨC MẠNH

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, Ngài cho gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có tám sức mạnh này. Thế nào là tám?

Này các Tỷ kheo, sức mạnh của con nít là khóc; sức mạnh của đàn bà là phần nộ; sức mạnh của người ăn trộm là vũ khí; sức mạnh của vua chúa là uy quyền; sức mạnh của kẻ ngu là áp đảo; sức mạnh của bậc hiền trí là cảm hóa; sức mạnh của vị nghe nhiều là thẩm sát; sức mạnh của Sa môn, Bà la môn là nhẫn nhục.

Này các Tỷ kheo, đây là tám sức mạnh.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương 8, phẩm Gia chủ, phần Sức mạnh [1], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.587)

LỜI BÀN:

Nói đến sức mạnh, chúng ta thường liên tưởng ngay đến những người to khỏe, vai u và thịt bắp. Thực ra thì mỗi người đều có một sức mạnh riêng, một thứ vũ khí riêng để tồn tại. Biết được thế mạnh của mỗi hạng người để xây dựng sống hòa hợp và an vui là đỉnh cao của nghệ thuật sống.

Tiếng khóc là sức mạnh của trẻ con. Tiếng khóc ấy cất lên như làn roi quất vào lòng mẹ, có quyền uy chi phối hành động đương tại của mẹ để hướng về nó. Người mẹ sẽ buông hết công việc, thậm chí bất chấp hiểm nguy, lao về phía con khi con khóc.

Phái yếu vốn dĩ chân yếu tay mềm, dịu dàng duyên dáng nhưng khi họ nổi giận thì chó xem thường. Như nước trong đại dương, những con sóng lấn tăn vỗ về bờ cát ngoan hiền ấy một khi đã biến thành cuồng nộ thì cuốn phăng và nhận chìm tất cả.

Cố nhiên ăn trộm thì luôn sợ người ta phát giác, phải hành sự thật nhanh, lặng lẽ, gọn gàng rồi chuẩn êm. Muốn thao tác được vậy, người ăn trộm phải có những khí cụ đặc biệt như khóa vạn năng, kẽm cộng lực... Khi bị phát giác và truy đuổi, họ không ngần ngại sử dụng vũ lực để thoát thân.

Đối với vua quan, sức mạnh đích thực của họ là uy quyền. Trong bối cảnh của một xã hội lạc hậu, thiếu dân chủ thì chân lý luôn nằm trong tay kẻ mạnh. Vua quan có thể dựa vào quyền lực để biến hóa vô cùng nhằm thủ lợi và củng cố thêm sức mạnh quyền uy của họ.

Người thiếu thông minh thì dùng sức mạnh cơ bắp. Áp đảo, lấn lướt đồng loại theo kiểu “lấy thịt đè người”, dùng sức mạnh để ức hiếp kẻ yếu là vũ khí đồng thời là sức mạnh của họ.

Bậc hiền trí thì hiếm khi dụng lực mà chuyên về dụng tâm. Phát huy trí tuệ và từ bi để cảm hóa người ác thức tỉnh, quay về sống đời hiền thiện là sức mạnh của những bậc hiền trí.

Đối với những bậc học rộng, nghe nhiều, hiểu biết sâu sắc về cuộc sống thì sức mạnh của họ là thẩm sát. Chính những người này mới có khả năng thẩm định, xem xét và đánh giá các vấn đề.

Nhẫn nhục là sức mạnh của Sa môn, Bà la môn. Người tu không cần dựa dẫm vào các loại sức mạnh và quyền lực thế gian, bởi họ có sức mạnh riêng. Nhẫn nhục về hình thức có vẻ như chịu đựng, thụ động nhưng thực ra nhẫn được mọi chuyện mới đích thực là đại hùng và đại lực. Vượt qua mọi chướng ngại trong cuộc đời với tuệ giác vô thường, vô ngã thì mới có thể an trú và bất động.▲

II. NGỦ NGHỈ, THƯ GIÃN

1- ĐÊM DÀI LẮM MỘNG

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Đại Lâm, giảng đường có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn cho gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có năm hạng người ban đêm ngủ ít thức nhiều. Thế nào là năm?

Người đàn bà, này các Tỷ kheo, thao thức đến đàn ông, ban đêm ngủ ít thức nhiều. Người đàn ông, này các Tỷ kheo, thao thức đến đàn bà, ban đêm ngủ ít thức nhiều. Người ăn trộm, này các Tỷ kheo, thao thức đến đồ ăn trộm, ban đêm ngủ ít thức nhiều. Vị vua, này các Tỷ kheo, lo lắng các công việc của vua, ban đêm ngủ ít thức nhiều. Vị Tỷ kheo, này các Tỷ kheo, thao thức đến ly hệ phược, ban đêm ngủ ít thức nhiều.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Vua, phần Chúng ngủ rất ít, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.563)

LỜI BÀN:

Lấy đêm làm ngày là xu thế chung của đời sống hiện đại. Vì thế, chúng mất ngủ hoặc ngủ rất ít ngày càng gia tăng, ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe và hiệu quả lao động. Trong đó, ngoài những người do công việc phải ngủ ít, còn đa phần thao thức vì suy nghĩ, toan tính cho những tham vọng cố hữu của con người.

Thường thì những lúc cuộc sống bị biến động do áp lực công việc, tình cảm thái quá cùng với bao nỗi lo toan sẽ dẫn đến căng thẳng, khó ngủ hoặc không ngủ được. Ai đã từng “thức khuya mới biết đêm dài” và ít nhiều có cơ hội đối diện với chính mình khi xung quanh đều vắng lặng rồi tự khám phá rằng “đêm thấy ta là thác đổ”. Bóng đêm thật đáng sợ, vì đó là lúc con người cảm nhận một cách sâu sắc về những điều sâu kín, tiềm ẩn trong tâm hồn. Những

niềm vui, nỗi buồn, yêu thương và thù hận, nhân cách cao thượng hay thấp hèn, những khát khao thầm kín, cháy bỏng... tất cả đều trào tuôn, sủi bọt và tung tóe trên dòng sông tư tưởng.

Đặc biệt nhất là những suy tư liên hệ đến ái và dục. Những đêm trắng thao thức dệt mộng vàng đã nung nấu và đốt cháy thời gian nghỉ ngơi của con người. Mặt khác, những dự định, toan tính cho sự nghiệp ngày mai đều góp phần làm cho con người thức nhiều, ngủ ít. Nhưng đêm dài lắm mộng nên ngoài những suy tư đem đến hạnh phúc cho cá nhân và xã hội còn có nhiều mưu đồ đen tối và xấu xa lợi mình, hại người.

Tuy nhiên, còn không ít người biết tận dụng quỹ thời gian ít ỏi của đời người để suy nghĩ, tìm cách đem lại lợi ích, an lạc và hạnh phúc cho tha nhân. Đặc biệt là sự thao thức đến việc kiện toàn nhân cách để trở thành con người hoàn thiện, có ích cho xã hội.

Mặc dù Thế Tôn không cho phép hàng đệ tử ngủ nghỉ quá nhiều, bởi tham đắm sự ngủ nghỉ sẽ chướng ngại tu tập và làm cho con người trở thành biếng nhác, nhưng Ngài cũng không tán thành việc ít ngủ để tư duy những việc không cần thiết. Phải biết tận dụng thời gian, tập trung vào công việc, nhất là những việc lợi mình và lợi người là phương châm sống của những người con Phật.▲

2- THIÊN, LIỆU PHÁP CỦA GIẤC NGỦ BÌNH AN

Một thời, Thế Tôn trú ở Kimbilà, tại Veluvana, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có năm nguy hại này đối với người thất niệm, không tỉnh giấc rơi vào giấc ngủ. Thế nào là năm?

Ngủ một cách khổ sở; thức dậy một cách khổ sở; thấy ác mộng; chư Thiên không phòng hộ; bất tịnh chảy ra.

Này các Tỷ kheo, đây là năm nguy hại đối với người thất niệm, không tỉnh giấc rơi vào giấc ngủ.

Này các Tỷ kheo, có năm lợi ích này đối với người trú niệm, tỉnh giấc rơi vào giấc ngủ. Thế nào là năm?

Ngủ một cách ngon lành; thức dậy một cách ngon lành; không thấy ác mộng; được chư Thiên phòng hộ; bất tịnh không chảy ra.

Này các Tỷ kheo, đây là năm lợi ích đối với người trú niệm, tỉnh giấc rơi vào giấc ngủ.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Kimbilà, phần Thất niệm, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.713)

LỜI BÀN:

Cuộc sống lao động hàng ngày, đối với hầu hết mọi người thật gian nan vất vả. Một giấc ngủ say, đầy đủ và an lành vào ban đêm là cơ hội quý báu nhằm nghỉ ngơi, phục hồi sinh lực để bắt đầu cho một ngày lao động mới. Tuy vậy, để có một giấc ngủ bình an ngon lành, điều tưởng chừng như quá dễ dàng và đơn giản nhưng thực sự là niềm mong ước của rất nhiều người.

Tình trạng quá căng thẳng do áp lực công việc cùng với các biến động phức tạp của đời sống hiện đại đã làm tổn thương sự bình

yên tinh thần. Con người đa phần phải sống trong hồi hộp, lo âu, buồn bực, hơn thua, hận thù và sợ hãi...

Chính tâm trạng bồn chồn này là kẻ thù phá hoại giấc ngủ, gặm nhấm đến cùng kiệt sinh lực và tinh thần của con người. Thuốc ngủ có thể tạm thời làm dịu đi những căng thẳng, ru ta vào giấc ngủ vùi ngổn ngang mộng mị nhưng tỉnh dậy trong tình trạng phờ phạc, mệt mỏi.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, muốn ngủ bình an thì trong cuộc sống hàng ngày hoặc ít nhất trước khi ngủ, tâm hồn phải bình an, nhẹ nhàng và thư thái. Nói cách khác là phải tu tập chánh niệm hàng ngày và thực hành *thiền buông thư* trước khi ngủ.

Rū bỏ mọi lo âu, toan tính; tâm trú niệm vào pháp môn (niệm Phật, niệm hơi thở...); vài phút thiền hành; thư giãn toàn thân; tuyệt đối không dùng các chất kích thích như trà, cà-phê... là liệu pháp rất tốt cho một giấc ngủ ngon lành.

Những ai biết trú niệm và tỉnh giác rơi vào giấc ngủ thì dễ dàng đạt được một giấc ngủ sâu, an lành. Giấc ngủ sâu dù ngắn vẫn đem lại sự an lạc, sung mãn cho thân tâm hơn hẳn ngủ nhiều trong chập chờn, ác mộng. Ngủ bình an là nền tảng của thức giấc bình an và ngược lại.

Ngủ an lành là một pháp tu có tác dụng nuôi dưỡng và bảo hộ thân tâm an lạc. Vì thế, hàng Phật tử trong cuộc sống hàng ngày thường tâm niệm nguyện ngày an lành, đêm an lành...▲

3- NGỦ BAN NGÀY

Một thời, một Tỷ kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng. Lúc bấy giờ, vị Tỷ kheo ấy thường hay ngủ ban ngày.

Rồi một vị Thiên ở trong khu rừng đó, thương xót vị Tỷ kheo ấy, muốn cảnh giác liền đi đến. Sau khi đến, vị Thiên nói lên bài kệ cảnh giác cho Tỷ kheo ấy:

Tỷ kheo, hãy thức dậy / Sao ông hãy còn nằm / Ông được lợi ích gì / Trong giấc ngủ của ông / Kẻ bệnh, kẻ trúng tên / Bị đánh, sao ngủ được / Vì lòng tin xuất gia / Bỏ nhà, sống không nhà / Tín ấy cần phát triển / Chớ để ngủ chinh phục.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 9, phần Sản sóc, hầu hạ [trích], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.434)

LỜI BÀN:

Ngủ nghỉ là một trong những nhu cầu quan trọng của đời sống con người. Giấc ngủ có tác dụng trị liệu, nghỉ ngơi, thư giãn, phục hồi sức khỏe cho thân và tâm. Không ngủ, thiếu ngủ hoặc mất ngủ là bệnh hoặc sẽ dẫn đến bệnh. Tuy vậy, ngủ nhiều, ngủ quá thời gian cho phép cũng không phải là điều hay.

Đối với người tu hành, mê đắm ngủ nghỉ là một trong những yếu tố ngăn che, chướng ngại thiền định. Ngủ nhiều sẽ sinh biếng nhác, giải đãi, mê muội và mất thời gian cho công phu tu tập. Vì thế, muốn phát triển thiền định thì ngủ nghỉ cần phải được tiết chế, giảm thiểu trong đời sống hàng ngày.

Khi phiền não còn đầy đầy, vô minh còn che lấp tâm trí thì người tu được xem như đang “bị bệnh, bị đánh, một kẻ bị trúng tên”, do vậy không nên lãng phí thời gian cho ngủ nghỉ, phải dồn hết thời gian để tu tập. Mặt khác, đời người vô thường, thân mạng mong

manh, vì thế không nên hứa hẹn hay chờ đợi mà phải tinh tấn, nỗ lực tu học ở ngay đây và bây giờ.

Tuy hạn chế ngủ nghỉ đến tối đa, ngày đêm sáu thời công phu, thức khuya dậy sớm nhưng người tu vẫn khỏe khoắn, minh mẫn sáng suốt, không dật dờ đói ngủ. Bí quyết đem đến thành tựu này chính là thiền định và giấc ngủ sâu. Thiền định đã mang lại sự thư giãn cho thân thể, sâu lắng và an tịnh cho tâm hồn, nhờ đó các hành giả dễ dàng đạt đến giấc ngủ sâu khi ngủ. Không ác mộng, không chấp chờn hay giật mình thức giấc, giấc ngủ sâu tạo ra sự nghỉ ngơi gần như tuyệt đối, nhanh chóng phục hồi sức lực, tạo ra sự sáng khoái, hưng phấn tinh thần, dù thời gian ngủ không nhiều.

Ngủ ít nhưng sâu và an lành là một trong những yếu tố người tu cần điều chỉnh thân tâm để thành tựu. Được như vậy, ngoài việc tiết kiệm được thời gian dành cho tu tập, người tu còn tránh được giải đãi, lười biếng và những chi phối của vọng tưởng do ngủ “nướng” phát sanh. Trừ bệnh tật, người tu không ngủ quá nhiều vào ban ngày, bởi không chỉ bị người chê cười, chư Thiên quả trách mà còn đánh mất hạnh tinh tấn, điều cần yếu cho việc phát triển, thành tựu thiền định.▲

4- BỐN CÁCH NÀM

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có bốn cách nằm này. Thế nào là bốn?

Cách nằm của ngựa quý, cách nằm của kẻ hưởng thọ dục vọng, cách nằm của sư tử và cách nằm của Như Lai.

Thế nào là cách nằm của ngựa quý? Này các Tỷ kheo, phần lớn các ngựa quý nằm ngửa.

Này các Tỷ kheo, thế nào là cách nằm của người hưởng thọ các dục vọng? Phần lớn các người hưởng thọ các dục vọng nằm nghiêng phía bên trái.

Thế nào là cách nằm của sư tử? Này các Tỷ kheo, sư tử, vua các loài thú nằm nghiêng về phía hông bên phải, hai chân gác lên nhau.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là cách nằm của Như Lai? Ở đây, này các Tỷ kheo, vị Tỷ kheo ly dục... chứng đạt và an trú Tứ thiên, đây là cách nằm của Như Lai.

Này các Tỷ kheo, có bốn cách nằm này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 4, phẩm Sơ hãi phạm tội, phần Cách nằm [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.282)

LỜI BÀN:

Nằm là tư thế lý tưởng để nghỉ ngơi, thư giãn, ngủ nghỉ vốn không thể thiếu trong đời sống hàng ngày. Bình thường thì người ta nằm theo thói quen, thích sao thì nằm vậy hoặc nằm xoay trở với nhiều tư thế khác nhau. Không phải ai cũng ý thức được rằng cách nằm của mình có liên hệ rất nhiều đến sự an ổn thân tâm và sức khỏe.

Thực ra, nằm đúng oai nghi cũng là một cách tu. Tư thế nằm phản ánh tâm trạng và ảnh hưởng sâu sắc đến sự an tịnh của thân tâm

của người nằm. Theo tuệ giác của Thế Tôn, những người nào thích nằm ngửa thể hiện nỗi khát khao, bị khổ đau dần vặt. Vì thế, nằm ngửa khó nhiếp phục tâm khát ái, vọng tưởng hơn các tư thế khác. Ngoài ra, nằm ngửa sẽ tạo ra sự hờ hênh, nhất là lúc ngủ say có thể đánh mất oai nghi.

Tư thế nằm nghiêng bên trái phản ánh tâm trạng của phần lớn những người ưa thích thọ hưởng dục vọng. Mặt khác, nằm nghiêng bên trái cũng ảnh hưởng không tốt đến hệ tuần hoàn. Vì thế, người tu thường không nằm theo hai tư thế này.

Nằm nghiêng bên phải, hai chân gác lên nhau như sư tử là tư thế hội đủ oai nghi, một trong những tế hạnh của người tu. Đây là tư thế nằm cát tường, tạo ra sự yên lành, an ổn cho thân thể và nhất là tâm luôn đạt được sự giác tỉnh.

Lý tưởng nhất là nằm với tâm an trú trong an tịnh của Tứ thiền, đây là cách nằm của Như Lai. Để đạt được cách nằm này, tốt nhất là rèn luyện thân tâm với tư thế nằm cát tường của sư tử. Tu tập cần phải được thực hiện liên tục trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi. Do vậy, chọn cách nằm đúng pháp để an tịnh thân tâm là một trong những nội dung tu tập quan trọng của mỗi người con Phật. ▀

5- NGỦ AN LÀNH

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại rừng Sita. Lúc bấy giờ, cư sĩ Anāthapindika (Cấp Cô Độc) đến Rājagaha để làm một vài công việc, muốn yết kiến Thế Tôn.

Rồi cư sĩ suy nghĩ: Nay chưa phải thời, ngày mai mới phải thời để yết kiến Thế Tôn. Với ý nghĩ như vậy, Anāthapindika nằm ngủ. Trong đêm ấy, ông thức dậy ba lần, tưởng rằng trời đã sáng.

Rồi cư sĩ Anāthapindika đi đến rừng Sita. Lúc bấy giờ, Thế Tôn thức dậy khi đêm vừa mãn và đang đi kinh hành ngoài trời.

Thế Tôn thấy Anāthapindika từ xa đi đến liền nói với cư sĩ:

Hãy đến đây, Sudatta!

Cư sĩ Anāthapindika cúi đầu đánh lễ và bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, Ngài ngủ có an lạc chăng?

Thế Tôn trả lời:

*Bà la môn tịch tịnh / Luôn sống trong an lạc / Không đeo
bòng dục vọng / Thanh lương, không sinh ý / Mọi tham ái
đoạn diệt / Tịch tịnh, sống an lạc / Tâm tư đạt hòa bình.*

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 10, phần Sudatta [lược],
VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.465)

LỜI BÀN:

Trong khi chờ đợi những công việc quan trọng sắp xảy ra hay gặp những phiền muộn, rắc rối, đa phần chúng ta cảm thấy bồn chồn, thấp thỏm, không ngủ được. Sự thao thức ấy vốn xảy ra rất bình thường trong cuộc sống con người, nếu không biết cách khắc phục

sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe và công việc sắp đối diện. Cư sĩ Cấp Cô Độc cũng vậy, mong sớm được diện kiến Thế Tôn nên đã giết mình, thức giấc đến ba lần, cứ nghĩ là trời đã sáng và chắc chắn, ngày hôm sau sức khỏe của ông sẽ bị suy giảm vì mất ngủ.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, ngủ an lành là một yếu tố quan trọng để giữ gìn sức khỏe, luôn tỉnh táo, vui vẻ, tươi tắn trong cuộc sống và nhất là tạo ra sáng khoái, làm thăng hoa tinh thần. Muốn được vậy, trước hết phải thiết lập một đời sống an tịnh cho cả thân và tâm.

Về thân, một chế độ làm việc và ăn uống hợp lý rất cần thiết, tránh dùng nhiều những chất kích thích, chất béo; ăn chay cũng là một phương thức dưỡng sinh rất tốt cho giấc ngủ. Đặc biệt là phải thiết lập được sự bình ổn tinh thần. Dệt mộng, tơ tưởng, mong ước, hoạch định cho tương lai cũng rất cần cho cuộc sống nhưng nó cũng chính là thủ phạm quấy phá giấc ngủ an lành. Nói cách khác, chính lòng tham, dục vọng và những điều không như ý đã khuấy đảo tâm tư, làm cho con người đau khổ, bất an. Ngoài ra, những niềm vui thái quá cũng góp phần làm dao động, không ngủ được. Vì vậy, nhiếp tâm, tịnh tâm bằng những phương thức thiền định là điều cần thiết đối với mọi người.

Một người khi tâm thanh tịnh, không còn bị dục vọng chi phối, luôn sống trong niềm tịnh lạc thì lúc thức cũng như ngủ đều an lành. Mới hay, hạnh phúc đích thực ở đời là có thân thể khỏe mạnh và tinh thần an lạc, điều mà ông cha ta đã từng kinh nghiệm “Ăn được, ngủ được là tiên”.▲

6- ĐÓI ĂN, MỆT NGỦ

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha, tại Veluvana. Rồi Thế Tôn sau khi đã đi kinh hành ngoài trời đến khi đêm gần mãn, Ngài rửa chân, bước vào tinh xá nằm xuống phía hông bên phải theo thế nằm của con sư tử, hai chân gác lên nhau, chánh niệm tỉnh giác và nghỉ đến lúc thức dậy.

Rồi ác ma đi đến, nói lên bài kệ sau đây với Thế Tôn:

Sao Ngài còn nằm ngủ / Sao Ngài vẫn nằm ngủ / Sao Ngài ngủ như vậy / Như kẻ chết nằm co / Nghĩ rằng nhà trống không / Nên Ngài ngủ như vậy / Sao Ngài ngủ như vậy / Khi mặt trời đã mọc?

Thế Tôn đáp:

Khi không còn tham ái / Với lưới thiên noc độc / Người vậy được giải thoát / Không bị dẫn nơi nào / Ác ma, Bạc Giác ngộ / Mọi sinh y diệt tận / Vị ấy nếu có ngủ / Các ông làm được gì?

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 4, phẩm 1, phần Thụy miên, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.238)

LỜI BÀN:

Các thiên sư đời sau đã học theo hạnh “đói ăn, mệt ngủ” của Thế Tôn, đúng là “vô tâm đối cảnh hỏi chi Thiên”. Khi “việc làm đã xong, gánh nặng đã đặt xuống” thì các Ngài có thể tha hồ tùy ý, tự tại vô ngại. Đối với Thế Tôn, nằm ngủ hay tọa thiền, hai việc này xem ra chẳng khác gì nhau.

Chúng ta không thể nào đem tánh phàm để lượng Thánh, tức phán xét về hành vi, lời nói hay ứng xử phi phạm của Phật, Bồ tát hay các thiên sư đã giác ngộ. Bởi tất cả mọi biểu hiện đều trở thành điều dụng độ sinh của các Ngài. Đôi lúc, các Ngài thể hiện một số

việc làm có vẻ như trái đạo (hành tung của Tế Diên Hòa thượng chẳng hạn) nhưng thực ra đó chỉ là nghịch hạnh, nhằm giáo hóa những đối tượng đặc biệt và hết thấy những việc làm ấy đều không ngoài bi nguyện độ sanh.

Như Thế Tôn, Ngài vẫn nằm dài ngủ say khi mặt trời đã mọc khiến cho ác ma thấy rằng đây là cơ hội tốt để công kích Ngài. Nhưng ác ma đâu có ngờ rằng đó cũng là cơ hội cho Thế Tôn giáo hóa. Nhờ đó, ác ma thấy rằng, đối với người đã giác ngộ giải thoát thì ra khỏi lưới ma, không một thế lực nào có thể chi phối được, họ là thầy của trời người.

Tuy nhiên, đối với hàng sơ cơ nhập đạo thì ngủ nghỉ là một trong những triền cái làm ngăn che tuệ giác, chướng ngại thiền định đồng thời còn là một trong năm món dục ưa thích nhất đối với chúng sinh. Vì thế, trong nhà thiền gọi mê ngủ là con ma, là rắn độc cần phải loại trừ. Khi việc lớn sinh tử chưa giải quyết xong thì đam mê ngủ nghỉ là đọa lạc, nhưng khi đã giác ngộ rồi thì ngủ hay thức đều là phương tiện tùy duyên hóa độ chúng sinh.▲

7- LO TOAN

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại vườn ông Anàthapindika. Tại đây Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có hai hạng người các lậu hoặc tăng trưởng. Thế nào là hai? Hạng người lo lắng những việc không đáng lo lắng và hạng người không lo lắng những việc đáng lo lắng. Hai hạng người này, này các Tỷ kheo, các lậu hoặc tăng trưởng.

Có hai hạng người, này các Tỷ kheo, các lậu hoặc không tăng trưởng. Thế nào là hai? Hạng người không lo lắng những việc không đáng lo lắng và hạng người lo lắng những việc đáng lo lắng. Hai hạng người này, này các Tỷ kheo, các lậu hoặc không tăng trưởng.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* I, chương 2, phẩm Kê ngu [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.157)

LỜI BÀN:

Biết lo toan tức có sự tiên liệu về kết quả của những việc mình sắp làm. Nhờ vậy mà có thể tránh được những sai sót, lầm lỗi không đáng có và hy vọng có thể đi đến thành công. Một người không có khả năng lo liệu và toan tính cho công việc của bản thân và gia đình thì xem như hỏng hoặc chỉ là người “ăn chưa no, lo chưa tới”.

Lo lắng hay biết lo xa là tốt. Tuy vậy không phải lúc nào lo lắng cũng là điều hay, bởi có những mối lo không cần thiết. Theo tuệ giác Thế Tôn, người lo lắng những việc không đáng lo lắng và không lo lắng những việc đáng lo lắng là nguyên nhân khiến cho các lậu hoặc tăng trưởng và ngược lại chỉ lo những điều đáng lo, còn lại phải xả buông để cho thân tâm an tịnh, thanh thoi.

Con người sống ở đời mang nhiều nỗi lo: Lo làm giàu, lo tích lũy tài

sản, lo mất mát, lo tranh danh đoạt lợi, lo tô bồi bản ngã... Những lo toan này gần như chiếm phần lớn thời gian của một đời người và là cội nguồn phát sinh mọi phiền não trong cuộc sống. Và cuối cùng thì dù sang hay hèn, thành công hay thất bại trong cuộc đời, không ai tránh khỏi điều họ luôn lo sợ, ám ảnh nhất là cái chết, sự mất mát và ra đi vĩnh viễn.

Trong khi đáng ra điều này phải ưu tiên lo lắng thật nhiều để nhận ra sự mong manh, tạm bợ, vô thường của thế gian mà xây dựng lối sống nhẹ nhàng, thanh thản và thương yêu nhau hơn. Nhờ lo lắng đúng đắn về những điều cần phải lo nên xả ly tham ái và chấp thủ, tôn trọng nhân quả, biết làm lành tránh dữ, xây dựng cuộc sống theo hướng thiện lành, góp phần thiết lập bình an và hạnh phúc cho cá nhân cùng toàn thể xã hội.▲

III. NAM GIỚI

1- NGƯỜI ĐÀN ÔNG LÝ TƯỞNG

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Ngài cho gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một người đàn ông hoàn toàn không khả ý đối với nữ nhân. Thế nào là năm? Không có nhan sắc, không có tài sản, không có giới hạnh, lười biếng và không có khả năng sinh con. Này các Tỷ kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một người đàn ông hoàn toàn không khả ý đối với nữ nhân.

Này các Tỷ kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một người đàn ông hoàn toàn khả ý đối với nữ nhân. Thế nào là năm? Có nhan sắc, có tài sản, có giới hạnh, không biếng nhác và có khả năng sinh con. Này các Tỷ kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một người đàn ông hoàn toàn khả ý đối với nữ nhân.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ IV*, chương 3, phẩm Trung lược, phần Khả ý, không khả ý, Nxb Tôn Giáo, 2001, tr.384)

LỜI BÀN:

Làm người, ai cũng mong muốn tự hoàn thiện mình, nhất là các đấng mày râu, tự cho mình là phái mạnh thì phải luôn phấn đấu giữ gìn “nam nhi chi chí” để xứng đáng là bậc trượng phu. Cũng không khác biệt gì mấy so với đàn bà, đàn ông luôn khát vọng, mơ ước trở thành trung tâm chú ý của chị em, đặc biệt là mong muốn làm đẹp lòng ý trung nhân của mình.

Dù rất cố gắng nhưng không phải ai trong cánh đàn ông cũng biết làm hài lòng phụ nữ, nhất là những người mình rất mực yêu thương. Đó cũng chính là nguyên nhân của những đổ vỡ, mất mát và tang thương của không ít đàn ông phải gánh chịu trong cuộc

đời này.

Một người đàn ông lý tưởng, khả ý đối với phụ nữ, theo tuệ giác của Thế Tôn phải hội đủ năm tiêu chuẩn, đó là: Có nhan sắc, có tài sản, có giới hạnh, không biếng nhác và có khả năng sinh con. Đây là năm điều kiện cần và đủ để trở thành người chồng, người cha tốt. Nếu thiếu một trong năm điều kiện này thì đàn ông trước nên tự trách mình trước những biến cố, tan vỡ, bất hạnh của bản thân và gia đình.

Trong xu thế bình đẳng giữa vợ chồng, nam nữ của xã hội hiện đại, khi mà người vợ có khả năng tự lập cao, không còn phụ thuộc nhiều vào người chồng thì đàn ông hơn lúc nào hết phải thực sự chúng tỏ bản lĩnh đàn ông của mình. Nỗ lực hoàn thiện mình nhằm làm đẹp lòng phụ nữ để được họ mãi yêu thương, luôn kính trọng, sắt son chung thủy đồng thời đó cũng là cách thể hiện tình cảm, lòng biết ơn và sự tôn vinh của đàn ông đối với phụ nữ.

Một trong những đức tính cao đẹp của phụ nữ là sẵn sàng hy sinh tất cả vì chồng con, vì gia đình nếu họ được thương, được hiểu và được đẹp lòng. Vì thế, đàn ông phải luôn phấn đấu, tự kiện toàn để trở thành người đàn ông lý tưởng. Hạnh phúc gia đình do chính các thành viên trong gia đình ấy tự xây dựng nên. Do vậy, làm một người chồng, người cha tốt và luôn được mọi người yêu mến là mục tiêu phấn đấu của những nam cư sĩ.▲

2- BA HẠNG CON TRAI

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A la hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ kheo, có ba hạng con trai này xuất hiện, có mặt ở đời. Thế nào là ba? Ưu sanh, tùy sinh và liệt sanh.

Này các Tỷ kheo, thế nào là người con trai ưu sanh? Ở đây, cha mẹ của người con không quy y Phật, không quy y Pháp, không quy y Tăng, không từ bỏ sát sinh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà hạnh trong các dục, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, ác giới theo ác pháp. Còn người con trai của họ quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sinh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, giữ giới theo thiện pháp.

Này các Tỷ kheo, thế nào là người con trai tùy sanh? Ở đây, cha mẹ của người con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sinh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, giữ giới theo thiện pháp. Người con trai của họ cũng quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sinh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, giữ giới theo thiện pháp.

Này các Tỷ kheo, thế nào là người con trai liệt sanh? Ở đây, cha mẹ của người con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sinh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, giữ giới theo thiện pháp. Và người con trai của họ không quy y Phật, không quy y Pháp, không quy y Tăng, không từ bỏ sát sinh, không từ bỏ lấy của không cho, không

từ bỏ tà hạnh trong các dục, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, ác giới theo ác pháp.

(ĐTKVN, *Tiểu Bộ I*, chương 3, phẩm 3, Nxb TP.HCM, 1999, tr.383)

LỜI BÀN:

Ngày nay, sinh con trai hay con gái không là vấn đề vì nếu có đầy đủ phước duyên thì sinh con nào cũng tốt đẹp cả. Bởi ngay cả khi sinh được con trai thì chưa hẳn người con trai ấy đem đến hạnh phúc, an vui cho gia đình vì con trai có đến ba hạng, nếu sinh con trai là hạng liệt sinh thì chắc chắn sẽ không hạnh phúc.

Khi con cái có những ngộ nghịch, các bậc cha mẹ thường tự an ủi với quan niệm *cha mẹ sinh con nhưng trời sinh tánh*. Thực ra, trời không sinh tánh mà chính là biệt nghiệp của cậu trai và cộng nghiệp của gia đình. Duyên nghiệp quá khứ ràng buộc, đưa đẩy để hiện đời làm quyến thuộc của nhau, cùng nhau chia sẻ ngọt nghiệp báo của cả gia đình.

May mắn và phước đức cho những gia đình nào có con hơn cha, con trai thuộc hạng ưu sanh. Hạnh phúc và bình an cho những gia đình có con bằng cha, con trai của họ thuộc hạng tùy sanh. Bất hạnh và tủi nhục cho những gia đình con thua cha, có con trai thuộc hạng liệt sanh.

Những ai mong muốn sinh con trai thuộc hạng ưu sanh và tùy sanh thì phải nỗ lực chuyển hóa nghiệp lực của chính mình. Tu tập để tạo ra cộng nghiệp tốt đẹp cho cả gia đình nhằm tránh quả báo con trai rơi vào hạng liệt sinh là điều cần làm đối với tất cả những người con Phật. ▀

3- SINH CON - GÁI HAY TRAI ĐỀU TỐT

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Vua Pasenadi nước Kosala đi đến, sau khi đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Rồi một người đi đến vua Pasenadi báo tin kê bên tai nhà vua: Thưa Đại vương, hoàng hậu Mallikà đã hạ sinh được một người con gái.

Khi được nghe như vậy, vua Pasenadi nước Kosala không được hoan hỷ.

Sau khi biết vua Pasenadi nước Kosala không được hoan hỷ, ngay lúc ấy Thế Tôn nói lên bài kệ: *Này Nhân chủ, ở đời/Có một số thiếu nữ/Có thể tốt đẹp hơn/So sánh với con trai/Có trí tuệ, giới đức/Khiến nhạc mẫu thán phục/Rồi sinh được con trai/Là anh hùng, quốc chủ/Người con trai như vậy/Của người vợ hiền đức/Thật xứng là Đạo sư/Giáo giới cho toàn quốc.*

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 3, phẩm 2, phần Người con gái, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.193)

LỜI BÀN:

“Con nào cũng là con” hoặc “trai hay gái không thành vấn đề” là câu nói gần như cửa miệng của mọi người sống trong xã hội văn minh, dân chủ và bình đẳng ngày nay. Thế nhưng quan niệm ấy được nêu lên cách nay hơn 25 thế kỷ trong xã hội Ấn Độ cổ đại, khi mà nữ giới được xem như “ngọn đuốc soi sáng con đường dẫn xuống địa ngục” và “sinh con gái là thêm một trở ngại, một bất hạnh trong gia đình” quả là một tuyên ngôn sấm sét, vĩ đại và tiên phong nhất trong lịch sử phát triển của nhân loại về cải cách xã hội, quyền bình đẳng nam nữ.

Với tuệ giác của Thế Tôn, Ngài đánh giá nhân cách một con người tốt hay xấu, hữu dụng hay vô dụng hoàn toàn không dựa vào giới tính, địa vị, giai cấp hoặc chủng tộc mà tùy thuộc vào nghiệp lực (nghiệp cũ và mới) của chính cá nhân ấy. Do vậy, dù là con trai hay con gái, nam hoặc nữ nếu mang một nghiệp cũ tốt đồng thời biết tích lũy, trau dồi và phát triển thiện nghiệp của mình trong hiện tại thì chắc chắn sẽ trở thành một người tốt, hữu ích cho chính bản thân, gia đình và xã hội.

Không chỉ ở phương diện xã hội, về khả năng tu tập giải thoát, quan điểm của Thế Tôn đối với nữ giới cực kỳ khoáng đạt và chân xác. Ngài tuyên bố rằng giới tính không phải là trở ngại chính cho việc thanh lọc thân tâm, nếu được tu tập trong Chánh pháp đầy đủ kỷ cương, giới luật thì hàng nữ lưu vẫn chứng đắc Thánh quả. Sự hình thành giáo hội Tỷ kheo ni và các vị Thánh đệ tử Ni đã xác chứng điều ấy.

Sinh một người con gái có trí tuệ và giới đức có thể tốt hơn con trai, lời dạy của Thế Tôn đã làm rúng động xã hội Ấn Độ, vang vọng khắp thế giới, ngày nay vẫn còn nguyên giá trị và tác dụng, nhất là ở những quốc gia còn mang nặng âm hưởng của tàn dư phong kiến, trọng nam khinh nữ. Người Phật tử nhận thức sâu sắc về lời Phật dạy, giáo dưỡng và thương yêu con cái trong tinh thần bình đẳng, quan tâm đến việc tác thành cho con cái giới đức và trí tuệ để trở thành người con ngoan hiền, hiếu thảo là hành động thiết thực của các bậc phụ mẫu, đệ tử Phật.▶

4- SỰ TRÓI BUỘC GIỮA NAM VÀ NỮ

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với tám hình tướng. Thế nào là tám?

Nữ nhân trói buộc nam nhân với nhan sắc; nữ nhân trói buộc nam nhân với tiếng cười; nữ nhân trói buộc nam nhân với lời nói; nữ nhân trói buộc nam nhân với lời ca; nữ nhân trói buộc nam nhân với nước mắt; nữ nhân trói buộc nam nhân với áo quần; nữ nhân trói buộc nam nhân với vật tặng; nữ nhân trói buộc nam nhân với xúc chạm.

Này các Tỷ kheo, nam nhân cũng trói buộc nữ nhân với tám hình tướng tương tự như thế.

Với tám hình tướng này, này các Tỷ kheo, nam nữ trói buộc lẫn nhau. Các loài hữu tình bị trói buộc bởi các hình tướng ấy, giống như bị trói buộc bởi bẫy sập.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương 8, phẩm Lớn, phần Sự trói buộc của nữ nhân, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.555)

LỜI BÀN:

Do nghiệp lực, nên mỗi loài chúng sinh đều được phân chia thành hai phái tính, có hấp lực thu hút lẫn nhau để tự sinh tồn. Loài người cũng vậy, duyên ái giữa nam và nữ là bản chất của con người và trở thành một trong những vấn đề trọng đại của cả đời người.

Kinh nghiệm dân gian cho rằng “gái yêu bằng tai, trai yêu bằng mắt” hay “gái ham tài, trai ham sắc” nhưng thực tế thì sự duyên ái nam nữ xảy ra không chỉ giới hạn ở đó mà trải rộng trên tám phương diện. Từ nhan sắc cho đến lời nói; từ lời ca, tiếng hát cho đến trang phục; từ quà tặng cho đến xúc chạm thân thể; thậm chí cả tiếng cười và nước mắt, tất cả đều là những tác nhân tạo ra hấp

lực hình thành nên sự yêu thương, luyện ái lẫn nhau.

Tất nhiên, căn nguyên sâu xa của sự thương yêu, trói buộc lẫn nhau giữa nam nữ là lòng ái dục. Sự tự nguyện trói buộc, luyện ái lẫn nhau sẽ đạt đến đỉnh cao nếu được hỗ trợ đầy đủ các điều kiện như trên. Năm vững nguyên tắc này, con người hiện đại biết khai thác và tận dụng triệt để những lợi thế mà mình có, để biến mình luôn luôn là “cạm bẫy” cho bất cứ đối tượng khác phái nào.

Đối với người xuất gia, phát nguyện sống đời phạm hạnh, ly dục thì nhờ nắm vững nhân duyên của sự trói buộc, luyện ái nam nữ nên dễ dàng tránh duyên. Nhờ đó, người khéo tu biết tiềm ẩn những lợi thế của mình và giữ được tự chủ, không bị lung lạc trước lợi thế của người nên viên thành phạm hạnh.

Riêng hàng Phật tử tại gia, vì đã tự nguyện trói buộc lẫn nhau nên cần phát huy hơn nữa mọi lợi thế của mình để gắn bó, thương yêu nhau trong suốt cuộc đời. Tự chăm sóc mình và chăm sóc người bạn đời để mãi mãi “trói buộc” nhau, xây dựng đời sống gia đình hạnh phúc là điều cần làm theo lời Phật dạy.▲

5- THÍCH SINH CON TRAI

Một thời, Thế Tôn ở Vesàli, tại giảng đường có nóc nhọn, dạy các Tỷ kheo:

Thấy năm điều này, này các Tỷ kheo, mẹ cha muốn con trai sinh trong gia đình. Thế nào là năm? Được giúp đỡ, sẽ giúp đỡ chúng ta; hay sẽ làm công việc cho chúng ta; sẽ duy trì lâu dài truyền thống gia đình; sẽ tiếp tục di sản thừa hưởng; sẽ cúng dường hiến vật cho các hương linh bị mệnh chung.

Do thấy năm điểm này, này các Tỷ kheo, mẹ cha muốn con trai sinh trong gia đình.

Do thấy năm sự việc / Bậc trí muốn con trai / Được giúp, giúp ta lại / Sẽ làm việc cho ta / Sẽ duy trì lâu dài / Truyền thống của gia đình / Sẽ tiếp tục gìn giữ / Gia sản được thừa hưởng / Hay đối với hương linh / Hiến dâng các vật cúng / Do thấy sự việc ấy / Bậc trí muốn con trai / Bậc Hiền thiện, Chân nhân / Nhớ ơn, biết trả ơn / Nhớ đến việc làm xưa / Họ hiếu dưỡng mẹ cha / Họ làm mọi công việc / Như trước làm cho họ / Thực hiện lời giảng dạy / Được giúp, hiếu dưỡng lại / Với truyền thống gia đình / Duy trì được lâu dài / Đầy đủ tín và giới / Con trai được tán thán.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Sumana, phần Con trai, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.371)

LỜI BÀN:

Người xưa rất coi trọng vấn đề sinh được con trai. Họ quan niệm “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” nghĩa là sinh mười người con gái cũng là số không, vì con gái là con người ta, con trai mới là con của mình.

Đàn ông, con trai được chú trọng vì họ có sức mạnh để có thể lao động, săn bắt, chiến đấu với kẻ thù, giúp đỡ và phụng dưỡng những người thân, giữ gìn truyền thống gia tộc, nối dõi tông đường, kế thừa tài sản và nhất là cúng kính ông bà tổ tiên.

Tuy vậy, không phải người đàn ông, con trai nào cũng gương mẫu, có trách nhiệm, hội đủ các đức tính tốt đẹp kể trên. Nếu không được nuôi dưỡng và giáo dục đến nơi đến chốn đồng thời bản thân người ấy không tự rèn luyện, nỗ lực đoạn trừ những điều xấu ác để thăng hoa đến hoàn thiện thì dù có sinh mười người con trai như vậy cũng chẳng ích gì.

Trong khi có những gia đình sinh con gái nhưng nhờ khéo nuôi dạy trở nên ngoan hiền, hiếu nghĩa. Như vậy, vấn đề không phải là sinh con trai hay con gái mà quan trọng là sự giáo dục thế nào để con cái trở nên hiếu thuận, có ích cho bản thân, gia đình và cuộc đời.

Trong bối cảnh hiện nay, con trai hay con gái đều có thể học tập, lao động, có trách nhiệm với gia đình và cống hiến cho xã hội như nhau nên quan niệm “con nào cũng là con” trở nên phổ biến. Đây là một tuệ giác, bởi phước báo gia đình cùng với sự tận tâm giáo dục của cha mẹ sẽ un đúc nên tinh thần trách nhiệm, đạo đức, ngoan hiền, hiếu thuận cho con, dù cho đó là con trai hay con gái.▶

IV. PHỤ NỮ

1- NGƯỜI CON GÁI TRƯỚC THỀM HÔN NHÂN

Một thời, Thế Tôn trú ở Bhaddiya, trong rừng Jàti. Rồi Uggaha đi đến đánh lễ, mời Thế Tôn về nhà thọ trai. Sau khi thọ trai xong, Uggaha cùng gia quyến bạch Thế Tôn:

Những đứa con gái này của con, bạch Thế Tôn, sẽ đi về nhà chồng. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy giáo giới chúng, hãy khuyên dạy chúng, để chúng được hạnh phúc.

Rồi Thế Tôn nói với những người con gái ấy:

Này các thiếu nữ, các con hãy học tập như sau:

Đối với người chồng, vì muốn lợi ích, vì tìm hạnh phúc, đối với vị ấy, các con hãy thức dậy trước, đi ngủ sau cùng, vui lòng làm mọi công việc, xử sự đẹp lòng, lời nói dễ thương.

Những ai, chồng các con kính trọng như cha, mẹ, Sa môn, Bà la môn thì các con hãy tôn trọng, đánh lễ, cúng dường.

Phàm những công việc trong nhà, các con phải thông thạo, không được biếng nhác, tự tìm hiểu phương pháp làm, vừa đủ để tự mình làm, vừa đủ để sắp đặt người làm.

Trong nhà người chồng, phàm có nô tỳ nào, hay người làm công, các con phải biết công việc của họ đã làm; những thiếu sót của họ với công việc không làm. Phải biết tình trạng sức khỏe của những người đau bệnh; phân chia thực phẩm cho mỗi người.

Phàm có tiền bạc, lúa gạo, bạc vàng do người chồng mang về, các con phải phòng hộ và bảo vệ chúng, giữ gìn để khỏi bị ăn trộm, ăn cắp và bị phá hoại.

Này các thiếu nữ, đây là những điều các con cần phải học tập để được hạnh phúc, an vui.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, phẩm Sumana, phần Uggaha - người gia chủ, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.358)

LỜI BÀN:

Tri thức là hành trang đi vào cuộc sống. Do vậy, mỗi người phải tự trang bị, cập nhật những tri thức cần thiết để xây dựng hạnh phúc, an vui cho chính mình. Trước thềm hôn nhân, người con gái với những hiểu biết về đời sống, công việc và các mối quan hệ gia đình chồng là điều tối cần thiết.

Trở thành người vợ tốt của chồng, con dâu hiếu thảo của cha mẹ chồng và là người mẹ hiền của con cái là khát vọng, mơ ước của tất cả những người thiếu nữ. Song, để ước mơ cao cả mà giản dị ấy trở thành hiện thực là điều không phải dễ dàng, đòi hỏi sự nỗ lực học hỏi, hiểu và thương thật sự, đồng thời phải phấn đấu và khắc phục những sai sót một cách thường xuyên, bền bỉ, liên tục trong cuộc sống.

Mặc dù những chuẩn mực về một người vợ lý tưởng đa phần không giống nhau, tùy thuộc vào thời đại, những nền văn hóa, tập quán, phong tục và quan niệm cá nhân của mỗi người. Mặt khác, vị trí và vai trò của người phụ nữ trong gia đình cũng như ngoài xã hội ngày nay đã khác xưa. Tuy nhiên, những tiêu chí về người con dâu hiếu thảo, người vợ tốt và người mẹ hiền mà Thế Tôn đã thiết lập để xây dựng hạnh phúc hôn nhân cho hàng Phật tử đến nay vẫn còn nguyên vẹn chân giá trị, có tác dụng tích cực để xây đắp hạnh phúc gia đình.

Ngoài ra, không chỉ riêng tự thân của những người thiếu nữ tự trang bị cho mình kiến thức về hôn nhân mà những bậc cha mẹ phải quan tâm đến tương lai của con cái. Noi gương gia chủ Uggaha, các bậc cha mẹ không nên phó mặc mà phải tham gia tích cực vào việc định hướng, giáo dục con cái. Trong xu thế thực dụng như hiện nay thì việc học tập theo những di huấn của Thế Tôn để xây dựng hạnh phúc gia đình đồng thời giữ gìn những bản sắc cao đẹp của người phụ nữ dân tộc như đoan chính, trung hậu và đảm đang là điều cần làm. ▀

2- PHÁI YẾU

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Trúc Lâm. Ngài cho gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có năm đau khổ riêng biệt mà người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ kheo, người đàn bà lúc trẻ tuổi đi đến nhà chồng, không có bà con. Đây là đau khổ riêng biệt thứ nhất, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ kheo, người đàn bà có kinh nguyệt. Đây là đau khổ riêng biệt thứ hai, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ kheo, người đàn bà phải mang thai. Đây là đau khổ riêng biệt thứ ba, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ kheo, người đàn bà phải sinh con. Đây là đau khổ riêng biệt thứ tư, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

Lại nữa, này các Tỷ kheo, người đàn bà hầu hạ đàn ông. Đây là đau khổ riêng biệt thứ năm, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

Này các Tỷ kheo, đây là năm đau khổ riêng biệt, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ IV*, chương 3, phẩm Trung lược, phần Đặc thù, Nxb Tôn Giáo, 2001, tr.384)

LỜI BÀN:

Đã mang thân phận con người, tất nhiên ai cũng có khổ đau. Nhưng người phụ nữ, vì nghiệp giới tính phải mang thiên chức làm

mẹ nên có cấu trúc tâm sinh lý đặc thù, làm phái yếu và dĩ nhiên có những đau khổ riêng khác biệt với phái mạnh, đàn ông.

Đề cập đến những nỗi đau thầm kín, riêng tư của phụ nữ để hiểu, thông cảm và yêu thương họ là một cử chỉ tôn vinh và trân trọng. Một trong những nhu yếu quan trọng của con người là được hiểu, nhất là đối với phái yếu thì nhu cầu này tối cần. Trong xã hội hiện đại, người phụ nữ được quyền bình đẳng với nam giới trong mọi phương diện. Song, những giới hạn về nghiệp giới tính làm cho người phụ nữ không thể bình đẳng thực sự với nam giới và nam giới dù cho yêu thương phụ nữ đến mấy cũng không chia sẻ được, điển hình trong những bực bội, phiền toái dằng dặc mỗi tháng; sự nặng nề, mệt mỏi lúc mang thai; nỗi đau và hiểm nguy vượt cạn lúc sinh nở.

Ngày nay, xu thế giải phóng phụ nữ, bình đẳng xã hội đạt đến đỉnh cao. Vì thế, đa phần phụ nữ thoát khỏi hai nỗi đau riêng là về nhà chồng khi tuổi còn trẻ, không có người thân và hầu hạ đàn ông. Tuy nhiên, nỗ lực của một vài nhà khoa học và một số chị em ở các nước phát triển muốn giải phóng luôn cả thiên chức của người phụ nữ là một sai lầm lớn. Vì một người phụ nữ nếu không có kinh nguyệt, không mang thai và không sinh con sẽ không còn là phái yếu, phái đẹp mà thậm chí cũng chẳng phải là đàn bà nữa.

Hiểu để thông cảm và yêu thương người bạn đời của mình hơn là nhiệm vụ của người nam cư sĩ sống theo lời Phật dạy. Người phụ nữ cũng cần hiểu mình hơn, đặc biệt là ý thức rõ ràng về nghiệp giới tính của phái nữ để tự hoàn thiện mình, xứng đáng là phái đẹp.▲

3- DỄ THƯƠNG NHƯ NGƯỜI VỢ TRẺ

Một thời, Thế Tôn trú tại Rājagaha, dạy các Tỷ kheo:

Ví như, này các Tỷ kheo, người vợ trẻ trong đêm hay ngày, được đưa về nhà chồng, nàng cảm thấy hết sức xấu hổ, sợ hãi trước mặt mẹ chồng, cha chồng, trước mặt chồng cho đến các người phục vụ, làm công. Sau một thời gian, do chung sống, do thân mật, nàng có thể nói với mẹ chồng, với cha chồng và cả với chồng: Hãy đi đi, các người có biết được gì.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, ở đây có Tỷ kheo, trong đêm hay ngày được xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình, cảm thấy hết sức xấu hổ, sợ hãi trước mặt các Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ cho đến trước cả Sa di và những người làm vườn. Sau một thời gian, do chung sống, do thân mật, vị ấy có thể nói với thầy A xà lê, thầy Giáo thọ: Hãy đi đi, các người có thể biết được gì.

Do vậy, này các Tỷ kheo, các thầy cần phải học tập như sau: Ta sẽ sống với tâm của người vợ trẻ khi mới về nhà chồng. Như vậy, này các Tỷ kheo, đây là điều cần phải học tập.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 4, phẩm Không hý luận, phần Người vợ trẻ, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.702)

LỜI BÀN:

Trong vai trò và phận sự làm vợ, làm dâu, có lẽ đẹp nhất và dễ thương nhất là lúc nàng dâu mới được đưa về nhà chồng. Chuyển đồ vu quy đưa nàng dâu về bến lạ với nhiều nỗi buồn vui lẫn lộn. Hiện hữu và hòa nhập trong một gia đình hoàn toàn xa lạ là một thử thách lớn. Vì thế, nàng dâu mới lúc nào cũng rụt rè, e thẹn,

khép nép và khiêm cung. Nói năng nhỏ nhẹ, cử chỉ từ hòa, kính trên nhường dưới, siêng năng chăm chỉ cho đến di thừa về trình, nhất nhất đều lễ phép, hiền thực. Chính mang tâm niệm này, nàng dâu đã thể hiện trọn vẹn nét đẹp đoan trang, thùy mị, thực nữ.

Sau một thời gian chung sống, quen người và quen việc rồi thì nàng dâu hiền thực kia không còn ý tứ và lần lượt xuất hiện những tính cách thô tháo vốn ẩn tàng trong bản chất của mình. Không những thô tháo, thậm chí có lúc hỗn hào với chồng và vô lễ với cha mẹ chồng. Giờ đây, trong mắt mọi người và cả chính nàng, nàng không còn đẹp và dễ thương nữa.

Người xuất gia cũng vậy, sơ tâm thật trong trắng và đẹp đẽ. Những ngày mới xuất gia, nhìn đâu cũng thấy Phật và Bồ tát. Tiếc rằng, ngày tháng trôi đưa, “nhất niên Phật hiện tiền, nhị niên Phật thăng thiên” để rồi ngẩn ngơ tiếc nuối cái sơ tâm ngày ấy. Thực ra, cái tâm ban đầu trinh nguyên ấy không mất, nó vẫn ẩn tàng trong tâm khảm mọi người. Có điều, cuộc sống với bao hiện thực trần trụi đã làm nó chai lì, héo úa và cằn cỗi. Chính điều này đã làm suy giảm niềm tịnh tín, dễ dàng tăng trưởng tự ngã dẫn đến bất kính và thối thất.

Người đệ tử Phật phải luôn chánh niệm để biết rõ tự thân của mình. Sống với đức khiêm hạ, tâm trong sáng, ý hiền thiện và thận trọng trong hành xử cũng như mọi việc làm. Sống với tâm của người vợ trẻ khi mới về nhà chồng là bí quyết để tồn tại và được trưởng dưỡng trong Chánh pháp. ▀

4- PHỤ NỮ THÀNH CÔNG

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại lâu đài của Migàrà. Rồi Visàkhà, mẹ của Migàrà đi đến, sau khi đánh lễ và ngồi xuống một bên, Thế Tôn nói với Visàkhà:

Này Visàkhà, đầy đủ bốn pháp, nữ nhân thành tựu sự chiến thắng ở đời này. Đời này rơi vào trong tầm tay của nàng. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Visàkhà, nữ nhân có khả năng khéo làm các công việc, biết thâm nhiếp các người phục vụ, sở hành vừa ý chồng, biết giữ gìn tài sản.

Thành tựu bốn pháp này, này Visàkhà, nữ nhân thành tựu sự chiến thắng ở đời này. Đời này rơi vào trong tầm tay của nàng.

Này Visàkhà, đầy đủ bốn pháp, nữ nhân thành tựu sự chiến thắng ở đời sau. Đời sau rơi vào tay của nàng. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Visàkhà, nữ nhân đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới đức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ.

Thành tựu bốn pháp này, này Visàkhà, nữ nhân thành tựu sự chiến thắng ở đời sau. Đời sau rơi vào trong tầm tay của nàng.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương 8, phẩm Ngày trai giới, phần Ở đời này [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.644)

LỜI BÀN:

Một phụ nữ được xem là thành công trong cuộc đời, ngoài hạnh phúc của chính bản thân còn là niềm vui, sự tự hào cho chồng con và cả gia đình. Vai trò của người phụ nữ trong gia đình vô cùng quan trọng, vì thế, hầu như bất cứ người phụ nữ nào cũng phấn đấu

để tự hoàn thiện mình, hướng đến sự thành công.

Theo quan điểm của Thế Tôn, một phụ nữ thành công trước hết phải có khả năng khéo làm các công việc. Ngoài công việc nhà, người phụ nữ phải có một nghề nghiệp chuyên môn để cùng với chồng con xây dựng cuộc sống. Không những có nghề nghiệp chuyên môn cao mà còn có khả năng điều hành và quản lý nhân sự (tôi tớ và nhân công). Đối với phụ nữ ngày nay, thành tựu hai tiêu chí trên là chuyện bình thường, song vào thời Thế Tôn, phụ nữ bị xem thường và bị khinh rẻ, thì quan điểm này thực sự cấp tiến.

Tiếp đến, người phụ nữ thành công phải thể hiện nhuần nhuyễn nghệ thuật sống nhằm đưa đến sự hòa hợp trong gia đình. Làm cho chồng con đẹp lòng là điều không đơn giản, đòi hỏi một kinh nghiệm sống phong phú, tình thương, sự chịu đựng và trên hết là sự hy sinh tất cả vì hạnh phúc gia đình. Sau cùng, người phụ nữ thành công phải biết giữ gìn tài sản của gia đình. Của chồng nhưng công vợ, vì thế vai trò nội tướng của người phụ nữ ở trong gia đình cực kỳ quan trọng, có tính chất quyết định sự tồn vong của cả gia đình. Đó là sự điều tiết chi tiêu hợp lý, cân đối và căn bản trong thu chi, giữ vững các thành quả lao động và tài sản của gia đình.

Trên đây là những nhân tố cơ bản giúp một người phụ nữ thành công trong đời này. Tuy vậy, để tiếp tục duy trì thành công trong tương lai, người phụ nữ phải nỗ lực tu học, kiện toàn tự thân, nhất là phải thành tựu về tín, giới, thí và tuệ. Để thành công trong hiện đời là khó nhưng để thành công trong những đời sau lại càng khó hơn, bởi lẽ đi kèm với thành công luôn là sự ngã mạn, xem thường người khác.

Do đó, hàng nữ cư sĩ phải nhận thức sâu sắc và ứng dụng ngay những lời dạy của Đức Thế Tôn vào cuộc sống thực tiễn nếu muốn trở thành người phụ nữ thành công trong đời này và đời sau. ▀

5- PHƯỚC BÁO THIÊN NỮ KHẢ ÁI

Một thời, Thế Tôn trú tại Kosambi. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anuruddha đang ngồi thiền tịnh thì rất nhiều Thiên nữ đi đến thưa Tôn giả:

Chúng tôi là những Thiên nữ với thân hình khả ái. Trên cả ba lĩnh vực, chúng tôi có quyền lực và tự tại. Thưa Tôn giả, chúng tôi muốn có hình sắc, tiếng hay và lạc thọ như thế nào thì ngay lập tức liền được hình sắc, tiếng hay và lạc thọ như thế ấy.

Rồi Tôn giả Anuruddha xuất thiền, đi đến đánh lễ, bạch Thế Tôn:

Trong khi con tọa thiền, các Thiên nữ khả ái đi đến nói chúng tôi có quyền lực và tự tại. Bạch Thế Tôn, thành tựu bao nhiêu pháp, nữ nhân sau khi thân hoại mạng chung, được sinh về ở chung với các Thiên nữ khả ái?

Này Anuruddha, phải có đầy đủ tám pháp, thế nào là tám?

Ở đây, nữ nhân đối với chồng ngủ sau, dậy trước, vui vẻ với công việc, xử sự đẹp lòng, nói lời dễ thương. Người chồng kính trọng Sa môn, Bà la môn thì nữ nhân ấy cũng kính trọng, cúng dường. Phàm tất cả việc nhà phải thông thạo, biết phương pháp làm, sắp đặt người làm. Trong nhà người chồng, phàm có nô tỳ, nhân công phải biết quản lý, sắp xếp công việc, quan tâm đến đời sống của họ. Tài sản chồng làm ra phải biết gìn giữ, bảo vệ không để hao phí, mất mát. Nữ nhân quy y Tam bảo. Nữ nhân giữ gìn năm giới. Nữ nhân sống với tâm rộng rãi, ưa thích bố thí.

Thành tựu tám pháp này, nữ nhân sau khi thân hoại mạng chung, được sinh về ở chung với các Thiên nữ khả ái.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương 8, phẩm Ngày trai giới, phần Tôn giả Anuruddha, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.638)

LỜI BÀN:

Trong lục đạo thì cõi trời là cảnh giới có phước báo thù thắng nhất. Sống lâu, đẹp đẽ và những điều kiện tối ưu của đời sống luôn hiện ra đầy đủ tùy theo ý muốn là đặc điểm của chư Thiên ở thiên giới. Tu tập các pháp lành để sinh về những cõi trời là mục đích của tất cả các tôn giáo trên thế giới, trong đó có Phật giáo.

Dẫu rằng các cõi trời chưa phải là cứu cánh, Phật giáo chủ trương thành tựu tuệ giác, chấm dứt sinh tử, vượt thoát ba cõi. Song những ai chưa đầy đủ duyên lành đoạn tận phiền não, thành tựu Niết bàn thì nên tu tập phước thiện để tái sinh vào cõi trời, từ thắng duyên ở cõi trời, phát Bồ đề tâm tu tập đến giải thoát.

Muốn được tái sinh thiên giới làm những thiên nữ khả ái có quyền lực và tự tại, đối với phụ nữ phải thành tựu tám pháp. Đó là một người vợ hoàn hảo về tình yêu, lòng chung thủy, đầy đủ phẩm hạnh, có trách nhiệm, biết hy sinh, khéo léo, tận tụy, tháo vát và đảm đang. Mặt khác, phải biết nương tựa Tam bảo, giữ gìn năm giới để thành tựu nhân cách người nữ cư sĩ. Đặc biệt là tu tập bố thí, tâm tính rộng rãi, trải rộng lòng từ, bi mẫn với tha nhân. Đây là những nhân lành cần thiết để thành tựu phước báo sinh về các cõi trời.

Xét về phương diện hiện tại, một phụ nữ thực hành đầy đủ tám pháp trên chắc chắn sẽ đem đến hạnh phúc, an vui cho gia đình và chính bản thân mình. Vì thế, tám pháp này cần được hàng đệ tử Phật tu tập để có đầy đủ phước báo, hạnh phúc trong hiện tại và tương lai.▲

6- SỨC MẠNH CỦA PHÁI YẾU

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Trúc Lâm, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có năm sức mạnh này của người đàn bà. Thế nào là năm? Sức mạnh nhan sắc, sức mạnh tài sản, sức mạnh bà con, sức mạnh có con trai và sức mạnh giới hạnh.

Này các Tỷ kheo, người đàn bà không do nhân nhan sắc, không do nhân tài sản, không do nhân bà con hay không do nhân sinh con trai được sinh thiện thú, thiên giới hay cõi đời này.

Này các Tỷ kheo, người đàn bà do nhân giới hạnh, sau khi thân hoại mạng chung được sinh thiện thú, thiên giới hay cõi đời này.

Này các Tỷ kheo, đây là năm sức mạnh của người đàn bà.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ IV*, chương 3, phẩm 3, phần Nhân, Nxb Tôn Giáo, 2001, tr.397)

LỜI BÀN:

Người ta thường nói phụ nữ là phái yếu, có thể vì chân yếu tay mềm và tâm hồn đa cảm nên cần được phái mạnh bảo vệ, yêu thương và che chở. Kỳ thực họ chẳng “yếu” chút nào, nhất là những phụ nữ có nhan sắc, tiền bạc, bà con, con trai và giới hạnh biết vận dụng, phát huy, khai thác hết các thế mạnh sở trường.

Từ xưa đến nay, nhan sắc phụ nữ luôn là một vũ khí lợi hại, có sức mạnh làm “đổ nước, nghiêng thành”. Sự giàu sang cũng làm cho phái yếu thêm sức mạnh, bởi ma lực của đồng tiền có thể sai khiến người khác làm theo ý mình. Có đông đảo bà con, dòng tộc và nhất

là có con trai (theo quan niệm xưa) lại càng củng cố vị thế của người phụ nữ trong gia đình, xã hội.

Phụ nữ đẹp tất được nhân loại tôn vinh nhưng sức mạnh tiềm tàng và mạnh mẽ nhất của họ chính là đức hạnh, thước đo về đẹp toàn mỹ của nữ giới. Chính đức hạnh là nhân tố làm nên nét đẹp vĩnh cửu, để lại ấn tượng khó phai và có sức mạnh cảm hóa lòng người. Tuy nhiên, đức hạnh phải do học tập, rèn luyện và trau giồi mới thành tựu. Ngoài công dung ngôn hạnh thì tu tập giữ giới (không giết hại, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không cờ bạc, rượu chè, ma túy...) là nền tảng căn bản để kiện toàn phẩm hạnh người phụ nữ lý tưởng.

Ở đời, có một trong năm nhân tố kể trên thì phụ nữ đó có sức mạnh. Theo Thế Tôn, bốn sức mạnh nhan sắc, tiền bạc, bà con và con trai không bền vững, không tạo nên bình an và hạnh phúc lâu dài trong hiện tại và tương lai cho phụ nữ bằng sức mạnh giới hạnh. Phụ nữ thì phải đẹp, có đức hạnh lại càng đẹp hơn. Vì thế từ xưa cho đến nay, “cái nét đánh chết cái đẹp” vẫn mang giá trị vĩnh hằng đồng thời là mục tiêu cho hàng nữ lưu Phật tử hướng đến và chúng đạt.▲

7- MẪU NGƯỜI PHỤ NỮ ĐƯỢC NAM GIỚI YÊU THÍCH

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Trúc Lâm, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, đầy đủ năm đức tánh, một nữ nhân hoàn toàn không khả ý đối với người đàn ông. Thế nào là năm? Không có nhan sắc, không có tài sản, không có giới hạnh, lười biếng, không sinh con. Này các Tỷ kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một nữ nhân hoàn toàn không khả ý đối với người đàn ông.

Và này các Tỷ kheo, đầy đủ năm đức tánh này, một nữ nhân hoàn toàn khả ý đối với người đàn ông. Thế nào là năm? Có nhan sắc, có tài sản, có giới hạnh, không biếng nhác, có sinh con. Đầy đủ năm đức tánh này, này các Tỷ kheo, một nữ nhân hoàn toàn khả ý đối với người đàn ông.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ IV*, chương 3, phẩm Trung lược, phần Khả ý, không khả ý, Nxb Tôn Giáo, 2001, tr.383)

LỜI BÀN:

Phái nữ được tôn vinh là phái đẹp. Tuy nhiên, như thế nào là đẹp thì còn tùy thuộc quan niệm của mỗi người, mỗi thời, phong tục tập quán, các định chế xã hội... Vì thế, quan niệm về phái đẹp có muôn màu muôn vẻ khác nhau. Thời Thế Tôn, một phụ nữ lý tưởng phải bao gồm năm yếu tố: có sắc đẹp, có sản nghiệp, có đạo đức, siêng năng lành lợi và có thể sinh con. Người phụ nữ nào đầy đủ năm đức này là biểu tượng cho nam giới đeo đuổi, chinh phục và kết thân làm bạn đời.

Người phụ nữ lý tưởng trước hết là có ngoại hình đẹp. Kế đến, người phụ nữ ấy phải có sự nghiệp, tài sản. Không chỉ đẹp bên ngoài mà phải có tâm hồn cao thượng, đạo đức sáng ngời và giới

hạnh thủy chung. Cần thiết hơn là sự tháo vát, lanh lợi, siêng năng, cần mẫn để đảm nhiệm thành công vai trò nội tướng, ổn định hậu phương gia đình vững chắc. Và yếu tố quan trọng nhất của người phụ nữ lý tưởng là thiên chức sinh con, giúp duy trì nòi giống, nối dõi tông đường, phát triển dòng tộc.

Xem ra, những tiêu chuẩn về một người phụ nữ lý tưởng thời Thế Tôn đến tận bây giờ vẫn là khuôn mẫu cho đàn ông tìm kiếm. Và đây cũng chính là những yếu tố mà các người con gái của Thế Tôn (nữ cư sĩ) hiện nay cần học tập, rèn luyện tự kiện toàn để trở nên đáng yêu hơn trong mắt chồng con. Đừng vội than trách rằng chồng con không thương mình mà hãy nhìn lại chính mình có dễ thương hay không, mình đã hội đủ năm đức tính của người con gái lành của Thế Tôn chưa? Những phụ nữ nào biết tự vấn điều này thì chính họ đã tìm ra đáp án trả lời. ▀

8- NGƯỜI VỢ LÝ TƯỞNG

Một thời, Thế Tôn trú ở Savatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, trong trú xứ của Anàthapindika có người nói ồn ào, lớn tiếng. Sau khi hỏi nguyên do, được biết có nàng dâu Sujàtà không vâng lời mẹ, cha chồng; không vâng lời chồng... Rồi Thế Tôn cho gọi Sujàtà:

Này Sujàtà, có bảy hạng vợ trên đời, thế nào là bảy? Vợ như người sát nhân, vợ như người ăn trộm, vợ như người chủ nhân, vợ như người mẹ, vợ như người chị, vợ như người bạn, vợ như người nữ tỳ. Này Sujàtà, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói:

Ai tâm bị ướm nhiễm, không từ mẫn thương người, thích thú những người khác, bị mua chuộc bằng tiền, hăng say giết hại người, hạng người vợ như vậy, được gọi vợ sát nhân.

Còn hạng nữ nhân nào, tiêu xài tài sản chồng, do công khó đem lại, do vậy nếu muốn trộm, dầu có ít đi nữa, hạng người vợ như vậy, được gọi vợ ăn trộm.

Không ưa thích làm việc, biếng nhác nhưng ăn nhiều, ác khẩu và bạo lực, phát ngôn lời khó chịu, đàn áp và chỉ huy, hạng người vợ như vậy, được gọi vợ chủ nhân.

Ai luôn luôn từ mẫn, có lòng thương xót người, sẵn sóc giúp đỡ chồng, như mẹ chăm sóc con, tài sản chồng tạo ra, biết hộ trì gìn giữ, hạng người vợ như vậy, được gọi vợ như mẹ.

Ai như người em gái, biết cung kính tôn trọng, đối với người chồng mình, với tâm biết tầm quý, tùy thuận phục vụ chồng, hạng người vợ như vậy, được gọi vợ như chị.

Ai ở đời thấy chồng, tâm hoan hỷ vui vẻ, như người bạn

tốt lành, đã lâu từ xa về, giữ giới dạ trung thành, hạng người vợ như vậy, được gọi vợ như bạn.

Không tức giận an tịnh, không sợ các hình phạt, tâm tư không hiểm hận, nhẫn nhịn đối với chồng, không phẫn nộ tức giận, tùy thuận lời chồng dạy, hạng người vợ như vậy, được gọi vợ nữ tỳ.

Những người vợ thuộc hạng sát nhân, ăn trộm, chủ nhân do không giữ giới, ác khẩu và vô lễ nên khi thân hoại mạng chung, bị sinh vào địa ngục.

Những người vợ thuộc hạng như mẹ, chị, bạn và nữ tỳ do an trú trên giới đức, nên khi thân hoại mạng chung, được sinh vào thiện thú, thiên giới.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương 7, phẩm Không tuyên bố, phần Các người vợ, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.404)

LỜI BÀN:

Vợ chồng tự nguyện gắn bó, chung sống với nhau, đó là duyên mà âu cũng là nợ. Người đàn ông nào cũng mong muốn có được người vợ hiền trong đời. Thế nhưng, do nghiệp lực và duyên nợ của mỗi người nên không phải ai cũng tìm được người vợ như ý.

Về phía phụ nữ, mang trong mình một sứ mạng và thiên chức cao cả, ai mà không muốn mình trở nên hoàn thiện, là người vợ, người mẹ hiền để xây dựng, vun đắp hạnh phúc gia đình đem lại an vui cho chồng con. Chỉ ngạt nổi thực tế của cuộc sống thì mấy khi mong muốn bình thường ấy trở thành hiện thực, bởi mỗi người có nghiệp lực riêng và ít ai vượt qua được nghiệp lực của chính mình.

Vì thế, sự kết hợp vợ chồng có tính tự nguyện ấy, nếu không khéo vun bồi, chuyển hóa và khắc phục lỗi lầm thì đôi khi lại là trôi

buộc và tự làm khổ cho nhau. Theo quan điểm của Thế Tôn thì có bảy hạng vợ ở trên đời. Tuy nhiên, cách phân loại ấy chỉ có tính biểu trưng, vì rằng trong bất cứ người phụ nữ nào cũng tiềm ẩn và dung chứa tính cách của bảy hạng người ấy. Do vậy, người nữ Phật tử, muốn trở thành người vợ tốt thì hãy vâng lời Phật dạy, siêng năng tu tập để chuyển hóa tự thân. Thường học và hành pháp để chuyển những tâm niệm của các người vợ như sát nhân, ăn trộm, chủ nhân thành tâm niệm của những người vợ như mẹ, chị, bạn và nữ tỳ.

Hạnh phúc hôn nhân do chính hai vợ chồng tạo dựng và xây đắp nên. Hiểu biết nhau để thương yêu nhau thực sự; cùng nhau sẻ chia, cảm thông và tha thứ, bao dung, khắc phục lỗi lầm để vượt qua mọi trở ngại trên cuộc đời nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc là trách nhiệm của những người con Phật.▲

V. CẦU NGUYỆN

1- CẦU NGUYỆN

Một thời, Thế Tôn trú ở Nàlandà, tại rừng Pāvārikamba, có vị thôn trưởng Asibandhakaputta đi đến đánh lễ rồi bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, các vị Bà la môn có thể cầu nguyện cho một người đã chết bằng cách kêu tên vị ấy lên và dẫn vị ấy vào Thiên giới?

Này thôn trưởng, Ông nghĩ thế nào khi có một người sát sinh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, vọng ngữ, tham lam, sân hận, tà kiến; khi người ấy mạng chung, mọi người tụ họp cầu khẩn, mong rằng người này được sinh về Thiên giới?

Này thôn trưởng, ví như có người lấy một tảng đá lớn ném xuống hồ sâu, rồi tụ họp lại cầu khẩn, mong rằng tảng đá hãy nổi lên. Ông nghĩ thế nào, tảng đá ấy do nhân duyên cầu khẩn mà có thể nổi lên không? Thưa không, bạch Thế Tôn.

Cũng vậy, những người sống theo ác hạnh như trên, khi mạng chung dù được cầu nguyện sinh Thiên giới nhưng vẫn phải đọa vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng, khi có một người từ bỏ sát sinh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh, không vọng ngữ... có chánh tri kiến; khi người ấy mạng chung, mọi người tụ họp cầu khẩn, mong rằng người này bị đọa vào địa ngục?

Này thôn trưởng, ví như có người đem dầu đổ xuống hồ nước, rồi tụ họp lại cầu khẩn, mong rằng dầu hãy chìm sâu xuống nước. Ông nghĩ thế nào, dầu ấy do nhân duyên cầu khẩn mà có thể chìm xuống đáy hồ? Thưa không, bạch Thế Tôn.

Cũng vậy, những người sống theo thiện hạnh như trên, khi mạng chung dù bị cầu nguyện đọa vào địa ngục nhưng vẫn sinh vào Thiên giới.

(ĐTKVN, *Tương Ưng IV*, chương 8, phần Người đất phương Tây hay người đã chết, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.488)

LỜI BÀN:

Cầu nguyện là một phương thức tu tập phổ biến trong Phật giáo và các tôn giáo khác. Tuy nhiên, cầu nguyện theo tuệ giác của Thế Tôn rất đặc thù, không phó thác thân phận vào một sự ban ơn của một đấng siêu nhiên mà hoàn toàn tự chủ, nguyện cầu được sáng suốt để chuyển hóa nghiệp lực của tự thân.

Phật giáo tuy có chủ trương cầu nguyện, nhưng không phải để xin xỏ, mong được ban ơn. Sự gia tâm cầu nguyện chỉ nhằm mục đích soi sáng, thấp lên ngọn đèn tinh thức trong tự tâm của người được cầu nguyện, nhằm giúp họ tự thăng hoa, chuyển hóa thân tâm để được giải thoát.

Do vậy, theo đạo Phật, người nào sống đúng với Chánh pháp thì chắc chắn người ấy đạt được an lạc. Họ sống an vui, hạnh phúc, vượt ra ngoài khổ đau một cách đương nhiên, như dầu thì luôn nổi lên mặt nước.

Ngược lại, người nào sống với ác hạnh, không như Chánh pháp thì chắc chắn người ấy sẽ chịu khổ đau, đọa lạc. Với các nghiệp quá nặng nề thì năng lực cầu nguyện sẽ không mấy tác dụng, tự thân cá nhân ấy bị đọa lạc như tảng đá nặng sẽ chìm xuống nước là điều tất yếu.

Người Phật tử luôn cầu nguyện mà không ỷ lại, không phó thác đồng thời không cầu nguyện suông. Sống và tu tập đúng như pháp là cách cầu nguyện chân chính và thiết thực nhất cho tự thân và tha nhân. ▀

2- TẾ ĐÀN

Một thời, Thế Tôn trú ở Ràjagaha. Rồi Bà la môn Ujjaya đi đến đánh lễ, ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn:

Có phải Tôn giả Gotama không tán thán tế đàn?

Này Bà la môn, Ta không phải không tán thán tất cả loại tế đàn. Những loại tế đàn nào, này Bà la môn, bò bị giết, dê cừu bị giết, gà heo bị giết, các loài sinh vật khác đi đến bị giết hại. Loại tế đàn ấy, này Bà la môn, liên hệ đến sát sinh, Ta không tán thán loại tế đàn ấy. Những loại tế đàn có sát sinh như vậy, này Bà la môn, các A la hán và những ai đi trên con đường hướng đến A la hán, không có đi đến.

Này Bà la môn, tại những tế đàn nào, trong ấy không có bò bị giết, không có dê cừu bị giết, không có gà heo bị giết, không có các loài sinh vật khác bị giết hại. Này Bà la môn, Ta tán thán loại tế đàn không có sát sinh như vậy, tức là làm bố thí, tế đàn cầu hạnh phúc cho gia đình. Những loại tế đàn không có sát sinh như vậy, này Bà la môn, các A la hán và những ai đi trên con đường hướng đến A la hán, có đi đến.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* I, chương 4, phẩm Bánh xe, phần Ujjaya, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.629)

LỜI BÀN:

Tế lễ là một hình thức tín ngưỡng có từ rất xa xưa. Con người thường thiết lập đàn tràng, sắm sanh lễ vật rồi tế lễ để cảm tạ trời đất, thần linh hoặc để cầu xin tha tội hay ân sủng từ những đấng thiêng liêng. Dù tế đàn, một hình thức tín ngưỡng cổ xưa nhưng ngày nay vẫn tồn tại đồng thời có vai trò quan trọng trong đời sống

ting thần của con người, nhất là những dân tộc còn duy trì được các sắc thái văn hóa bản địa truyền thống.

Theo quan điểm của Thế Tôn, Ngài không ca ngợi và không chấp nhận bất cứ loại tế đàn nào có liên hệ đến sự giết hại. Bởi lẽ, lễ phẩm của tế đàn từ xưa đến nay gần như mặc định phải có rượu và máu cùng thịt của chúng sinh. Thậm chí, một vài tế đàn cực kỳ dã man và cuồng tín khi lễ phẩm dâng cúng thần linh không phải súc vật mà là con người, thường thì đó là một trinh nữ xấu số. Thế Tôn và những đệ tử của Ngài cực lực phản đối, không đi đến những nơi cúng tế mà có sự giết hại bởi những cuộc tế lễ này không đem lại lợi ích, không tạo ra phước báo mà chỉ tạo thêm oan nghiệt, giết chóc, khổ đau và thù hận cho chúng sinh.

Tuy nhiên, Thế Tôn lại ca ngợi và hoan hỷ với những loại tế đàn không có sát sinh. Một tế đàn mà phẩm vật dâng cúng hoàn toàn chay tịnh sẽ tạo ra phước báo lớn vì không có khổ đau của giết hại, chỉ thuần túy bố thí và cúng dường, được các bậc giới đức chứng minh, chú nguyện. Nhờ lễ phẩm tế đàn chay tịnh, nhân sự tế đàn thanh tịnh, chúng sinh được lợi ích bố thí nên chư Thiên, thần linh đều hoan hỷ, hộ niệm cho gia chủ được toại nguyện, như ý, lợi ích và an vui.

Trai đàn chẩn tế trong nghi lễ Phật giáo hiện nay cũng là một hình thức tế đàn trang nghiêm và thanh tịnh. Với lễ phẩm trai nghi cùng với tâm tịnh tín bố thí và cúng dường, trai đàn chẩn tế sẽ mang lại phước báo lớn cho gia chủ, âm dương lưỡng lợi, được Thế Tôn ca ngợi và tán thán.▶

3- CÚNG LINH

Một thời, Thế Tôn ở tại trú xứ của Bà la môn Jàanussoni. Sau khi đi đến cung kính đảnh lễ, hỏi thăm và ngồi xuống một bên, Bà la môn Jàanussoni bạch Thế Tôn:

Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi bố thí, làm các lễ cúng cho người chết. Mong rằng, bố thí này cho bà con huyết thống đã chết được lợi ích! Mong rằng, các bà con huyết thống đã chết, thọ hưởng bố thí này! Thưa Tôn giả Gotama, bố thí như thế có lợi ích gì cho các bà con huyết thống đã chết không? Các bà con huyết thống đã chết có được thọ hưởng bố thí ấy hay không?

Này Bà la môn, nếu có tương ứng xứ, thời có lợi ích; không có lợi ích nếu không có tương ứng xứ.

Ở đây, này Bà la môn, những người nào... sau khi thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục, sinh vào loại bàng sanh, sinh cộng trú với loài người, sinh cộng trú với chư Thiên. Những vị này, được nuôi sống và tồn tại với những món ăn ứng với cảnh giới của các vị ấy. Này Bà la môn, đây là không tương ứng xứ; trú ở những nơi ấy, các vị ấy không được lợi ích của bố thí ấy.

Nhưng ở đây, này Bà la môn, người nào sau khi thân hoại mạng chung, sinh vào cõi ngã quý. Vị ấy được nuôi sống và tồn tại với các món ăn tại đấy. Món ăn nào, các bạn bè, thân hữu, hoặc bà con, hoặc người cùng huyết thống muốn hưởng cúng cho vị ấy; tại đấy, vị ấy sống với món ăn đó, tồn tại với món ăn đó. Này Bà la môn, đây là tương ứng xứ; trú nơi đây, vị ấy được lợi ích của bố thí ấy.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* IV, chương 10, phẩm Jàanussoni, phần Jàanussoni, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr.595)

LỜI BÀN:

Cúng bái tổ tiên, ông bà, cha mẹ hoặc bà con thân quyến là một trong những lễ tiết quan trọng của đời sống tinh thần, tâm linh có truyền thống lâu đời, nhằm thể hiện sự tri ân, báo ân, lòng thương kính đối với người đã chết.

Tuy nhiên, do không nhận thức đầy đủ về sự thọ dụng của các chúng sinh trong các cảnh giới có sự sai khác nên việc cúng bái, giỗ chạp đa phần thường được làm theo cảm tính, thể hiện lòng thành đối với người đã khuất mà không biết người được cúng có thọ dụng được hay không?

Thực ra, theo tuệ giác của Thế Tôn, chỉ có những chúng sinh nào sinh vào loài quỷ thần, thuộc tương ưng xứ mới hưởng được vật thực dâng cúng. Như vậy, về phương diện đối tượng được cúng bái thì chỉ những chúng sinh trong cõi quỷ thần mới thọ dụng được vật thực, đồ ăn, còn các chúng sinh trong các loài khác thì không vì bất tương ưng xứ. Tuy không nhận được thức ăn nhưng các chúng sinh ấy vẫn nhận được phước báo nếu người thân làm phước để hồi hướng cho họ. Vì thế, đối với người cúng bái, muốn thân quyến được lợi ích dù ở bất kỳ cõi nào thì ngoài việc sắm sửa lễ vật cần phải thực hành phóng sinh, bố thí và cúng dường.

Điều đáng lưu ý ở đây là các chúng sinh dù ở tương ưng xứ nhưng chỉ nhận được đồ ăn chứ không nhận các thứ khác như quần áo, xe cộ, nhà cửa hay tiền bạc v.v... Vì lẽ ấy, không nên cúng vàng mã cho người chết, chỉ cúng đồ ăn, thức uống và hoa trái mà thôi.

Thực hành cúng bái như lời Phật dạy trên đây thì không những âm dương lưỡng lợi, người chết được lợi ích, người sống được phước báo mà còn bảo lưu nét văn hóa tâm linh của dân tộc và đạo pháp.▶

4- THÁNH CẦU

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anathapindika, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có hai sự tầm cầu này: Thánh cầu và phi Thánh cầu.

Thế nào là phi Thánh cầu? Ở đây, này các Tỷ kheo, có người tự mình bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị ô nhiễm lại tầm cầu cái bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị ô nhiễm.

Này các Tỷ kheo, cái gì gọi là bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị ô nhiễm? Đó là vợ con, tôi tớ, gia súc, vàng bạc. Chấp thủ, nắm giữ, tham đắm và say mê chúng gọi là tự mình bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị ô nhiễm lại tầm cầu cái bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị ô nhiễm. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là phi Thánh cầu.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là Thánh cầu? Ở đây, này các Tỷ kheo, có người tự mình bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị ô nhiễm; sau khi biết rõ sự nguy hại của chúng, tầm cầu cái vô sanh, không già, không bệnh, bất tử, không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết bàn. Này các Tỷ kheo, như vậy gọi là Thánh cầu.

(ĐTKVN, *Trung Bộ I*, kinh Thánh cầu [trích], VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.361)

LỜI BÀN:

Đi chùa, lễ Phật, cầu nguyện an lành, cát tường và thịnh vượng là nét văn hóa tâm linh của những người con Phật. Sự cầu nguyện, mong ước sẽ tốt đẹp hơn trong tương lai là điều cần thiết đối với mọi người.

Đa phần chúng ta thường mong cầu, tìm kiếm những yếu tố hạnh

phúc bình thường như sức khỏe, phát tài, bình an gia đạo... nói chung là mong rằng vạn sự như ý. Những mong cầu này là chính đáng, hợp lý và thực tiễn. Tuy vậy, Thế Tôn vẫn răn nhắc rằng đó chưa phải là mong ước, sự tìm cầu cao thượng, Thánh cầu. Bởi đó chỉ là vòng lẩn quẩn của “người tự mình bị sanh, già, bệnh, chết và ô nhiễm lại tìm cầu cái bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị ô nhiễm”.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, mong ước xây dựng đời sống hạnh phúc bình thường vốn rất quan trọng, nhưng quan trọng hơn là thiết lập nền tảng đạo đức để tịnh hóa thân tâm, thăng hoa cuộc sống, hướng đến giải thoát và giác ngộ. Ở đây, sự mong cầu được nâng lên một tầm cao mới, tìm kiếm sự hoàn thiện nhân cách hơn là sung mãn những nhu cầu vật chất, danh tiếng theo dục vọng tầm thường.

Như vậy, Thánh cầu là mong cầu tối thượng, không thể thiếu trong lộ trình tu học. Do đó, ngoài những mong cầu tốt đẹp bình thường, người tu Phật cần hướng đến những mong cầu cao thượng là tự tại, giải thoát, bằng cách thực hành tự giác và giác tha đến viên mãn.▶

5- ƯỚC NGUYỆN

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại khu vườn ông Anàthapindika dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, Tỷ kheo có tín tâm, nếu hy cầu một cách chân chánh sẽ mong cầu như sau: “Mong rằng ta sẽ như Sàriputta và Moggallàna”. Này các Tỷ kheo, đây là cán cân, là đồ đo lường đối với các đệ tử Tỷ kheo của Ta.

Này các Tỷ kheo, Tỷ kheo ni có tín tâm, nếu hy cầu một cách chân chánh sẽ mong cầu như sau: “Mong rằng ta sẽ như Tỷ kheo ni Khemà và Uppalavanna”. Này các Tỷ kheo, đây là cán cân, là đồ đo lường đối với các đệ tử Tỷ kheo ni của Ta.

Này các Tỷ kheo, nam cư sĩ có tín tâm, nếu hy cầu một cách chân chánh sẽ mong cầu như sau: “Mong rằng ta sẽ như gia chủ Citta và Hatthaka ở Àlavì”. Này các Tỷ kheo, đây là cán cân, là đồ đo lường đối với các đệ tử nam cư sĩ của Ta.

Này các Tỷ kheo, nữ cư sĩ có tín tâm, nếu hy cầu một cách chân chánh sẽ mong cầu như sau: “Mong rằng ta sẽ như nữ cư sĩ Khujjattarà và Velukantakiyà, mẹ của Nanda”. Này các Tỷ kheo, đây là cán cân, là đồ đo lường đối với các đệ tử nữ cư sĩ của Ta.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 2, phẩm Hy cầu [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.163)

LỜI BÀN:

Cầu mong và ước nguyện là một trong những hoạt động tâm linh của những người con Phật tại các chùa viện. Không ít những mong cầu giản dị, bình thường như mạnh khỏe, no ấm, thịnh vượng và an

bình được gói gắm lên mười phương chư Phật trong khói hương và lòng thành kính. Tuy vậy, trong tinh thần Chánh pháp, ngoài những mong cầu bình thường ấy, những người con Phật còn phải ước vọng hướng đến sự thực hành để thành tựu giải thoát, an lạc như những bậc Thánh.

Đối với hàng đệ tử xuất gia, những Tỷ kheo và Tỷ kheo ni tuy hướng đến xả ly tham dục nhưng “dục như ý túc” vẫn rất cần. Đó là những mong muốn được thăng tiến trên đường đạo, mong cầu sớm đoạn trừ phiền não, thành tựu ước nguyện “thượng cầu hạ hóa” của người xuất gia. Mong sao cho mình giữ vững chí nguyện để tiếp tục dẫn thân và thành tựu giải thoát vĩ đại như Sàriputta và Moggallàna, như Khemà và Uppalavanna. Những vị Thánh giả A la hán, các vị đại đệ tử ấy quả là tấm gương, niềm ngưỡng mộ, vọng cầu của hàng xuất gia hậu thế.

Hàng nam nữ cư sĩ cũng vậy, mục tiêu của mọi sự mong cầu vẫn không ngoài thành thoi, an lạc và giải thoát. Những vị cư sĩ như Citta và Hatthaka (nam) hoặc Khujjuttarà và Velukantakiya (nữ) vốn thành công, mẫu mực trong cuộc sống đời thường đồng thời chúng đăc các Thánh quả, có đầy đủ khả năng hoằng pháp và xây dựng đạo tràng, hộ pháp đăc lực... chính là chuẩn mực (cán cân, đồ đo lường), là gương sáng cho hàng cư sĩ ngày nay noi theo, học tập.

Do vậy, người con Phật không chỉ cầu nguyện bình an gia đạo, phát tài, đăc lộc mà phải mong cầu và hướng đến thành tựu phẩm hạnh và giải thoát như các bậc Thánh.▲

VI. AN CỬ

1- AN CƯ

Một thời, Thế Tôn ở Kosambì, tại khu vườn Ghosita, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có năm an ổn trú này, thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo an trú từ thân nghiệp đối với các đồng Phạm hạnh, trước mặt và sau lưng. An trú từ khẩu nghiệp đối với các đồng Phạm hạnh, trước mặt và sau lưng. An trú từ ý nghiệp đối với các đồng Phạm hạnh, trước mặt và sau lưng. Đối với các giới không bị bể vụn, không bị sút mẻ, không bị uest nhiễm, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiên định, vị ấy sống thành tựu các giới như vậy đối với các đồng Phạm hạnh, trước mặt và sau lưng. Đối với tri kiến này, thuộc bậc Thánh đưa đến xuất ly, được người thực hành chân chánh đoạn diệt khổ đau, vị ấy sống thành tựu tri kiến như vậy đối với các đồng Phạm hạnh, trước mặt và sau lưng.

Năm pháp này, này các Tỷ kheo, là năm an ổn trú.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm An ổn trú, phần An ổn trú, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.522)

LỜI BÀN:

An cư nghĩa là ở yên, cuộc sống có yên ổn mới làm được mọi việc, vì thế phải an cư mới lạc nghiệp. Đối với đời sống xuất gia, được sống yên ổn là một nhu yếu quan trọng để từng bước hướng đến thanh tịnh tâm hồn, phát triển và thăng hoa tâm linh.

Trong ý nghĩa cao quý của an cư kiết hạ mà mỗi người xuất gia đều phải tuân thủ khi mùa mưa đến là thân an cư và tâm an cư thì được ở yên hay an ổn trú thuộc về thân an cư. Người xuất gia có truyền

thống sống chung với Tăng đoàn, do vậy để đạt được hòa hợp, an vui cần phải tuân thủ những nguyên tắc, quy củ thiển môn mà Phật đã chế định và quan trọng hơn phải có một nghệ thuật sống tràn đầy chất liệu tuệ giác và tình thương.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, muốn ở yên, một hành giả cần phải nỗ lực để kiện toàn tự thân bằng cách thực hành những nghệ thuật sống thoát tục. Trước hết, đối với ba nghiệp gồm suy nghĩ, lời nói và hành động phải được nuôi dưỡng và biểu hiện bằng tâm từ, phát xuất từ lòng yêu thương chân thật đối với những người bạn đồng tu, các đồng Phạm hạnh, trong mọi lúc và mọi nơi. Kế đến, muốn sống chung an lạc, một hành giả phải tuân thủ thanh quy, giới luật. Chính sự tự giác khép mình trong khuôn khổ, an trụ trong giới pháp của mỗi cá nhân tạo nên sự bình ổn trong cộng đồng, góp phần giúp đại chúng ở yên. Đặc biệt là sự thành tựu Chánh tri kiến, thấy rõ về sự thật của các pháp là vô thường, vô ngã; nhận thức đúng đắn về con đường xuất ly, ly dục, đoạn diệt khổ đau để thực hành trọn vẹn Bát Thánh đạo.

Mỗi người xuất gia là một tế bào trong cơ thể Tăng đoàn. Vì thế, một người sống an ổn sẽ góp phần tạo nên sự an ổn và thanh tịnh trong đại chúng. Đây cũng là một phần ý nghĩa an cư mà mỗi người con Phật cần thực hành và chúng đạt trong mùa an cư kiết hạ và trong đời sống tu tập hàng ngày.▲

2- TỰ TỨ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Đông Viên, giảng đường Lộc Mẫu, cùng đại chúng khoảng năm trăm vị Tỷ kheo, tất cả đều chứng quả A la hán.

Lúc bảy giờ, nhân ngày trăng tròn Bố tát Tự tứ, Thế Tôn ngồi giữa đại chúng, sau khi nhìn quanh đại chúng im lặng, liền bảo các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, Ta mời các ông nói lên, các ông có điều gì chỉ trích Ta hay không, về thân hay về lời nói?

Được nghe như vậy, Tôn giả Sàriputta từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay cung kính bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, chúng con không có chỉ trích gì Thế Tôn về thân hay lời nói. Và bạch Thế Tôn, con xin mời Thế Tôn nói lên, Thế Tôn có điều gì chỉ trích con hay không, về thân hay về lời nói?

Này Sàriputta, Ta không có gì chỉ trích ông về thân hay về lời nói.

Bạch Thế Tôn, đối với năm trăm Tỷ kheo này, Thế Tôn có gì chỉ trích về thân và lời nói hay không?

Này Sàriputta, đối với năm trăm Tỷ kheo này, ta không có gì chỉ trích về thân hay về lời nói.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 8, phần Tự tứ [lược], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.419)

LỜI BÀN:

Trong cuộc sống ở thế gian, thường thì “tốt khoe, xấu che”, che được chừng nào tốt chừng nấy. Nhưng trong tu tập của chư Tỷ kheo thì ngược lại, cần phải soi sáng cho nhau, bất kể đó là ai nếu họ vẫn còn những điều hạn chế, lỗi lầm. Đặc biệt là sự hoan hỷ tiếp

nhận và tri ân về những lời soi sáng chân tình của huynh đệ để thành tâm sám hối; không hề thù oán, để bụng hay giận hờn. Đây là điểm son của giáo pháp được thể hiện qua tinh thần Tỳ tứ.

Trước khi giải hạ, chúng Tăng họp lại làm lễ Tỳ tứ, mỗi người tự thỉnh cầu đại chúng vì thương mến mà chỉ lỗi cho mình. Ngay cả Thế Tôn, bậc Đạo sư cũng cầu thỉnh đại chúng Tỳ kheo “chỉ trích” Ngài. Khi một Tỳ kheo cầu thỉnh chỉ lỗi, tất cả những gì mà đại chúng đã thấy hoặc nghe, thậm chí chỉ nghi thôi cũng chỉ ra. Không cần nề nang hay châm chế gì cả vì đối tượng cầu thỉnh thành tâm mong mỗi được chỉ lỗi. Người được soi sáng nếu nhận thấy đúng là lỗi của mình thì lập tức ghi nhận và sám hối ngay. Vì thế, khi Tỳ tứ xong tâm hoàn toàn được thanh tịnh.

Đặc điểm của pháp Tỳ tứ trong Phật giáo là sự thỉnh cầu mọi người soi sáng cho mình, người chỉ lỗi và người được chỉ lỗi đều chân tình và hoan hỷ. Tỳ tứ là pháp diệt trừ tội lỗi, giúp hành giả hướng đến an tâm và thanh tịnh tâm. Lễ Tỳ tứ sẽ không có giá trị chuyển hóa thiết thực khi được thực thi chiếu lệ, hình thức.

Ngày nay, đạo tràng an cư kiết hạ nào cũng như pháp tổ chúc Tỳ tứ, giải hạ. Tuy vậy, để tinh thần Tỳ tứ diễn ra đúng nghĩa trong chúng Tăng nhằm tịnh hóa Tăng già, thành tựu các Thánh quả là điều mỗi trụ xứ, đạo tràng an cư phải nỗ lực. Tỳ tứ như pháp sẽ đem lại lợi ích to lớn cho tiến trình thăng hoa và thanh tịnh của chúng Tăng. Nhờ Tỳ tứ, chúng Tăng ngày một trưởng thành hơn trong Chánh pháp. Vì thế, ngày Tăng Tỳ tứ cũng chính là ngày Phật hoan hỷ. ▀

3- THỜI ĐIỂM LÝ TƯỞNG ĐỂ NỖ LỰC TU HÀNH

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana gọi các Tỷ kheo:

Có năm phi thời để tinh cần, này các Tỷ kheo, thế nào là năm?

Tỷ kheo già yếu, bị bệnh chinh phục; Tỷ kheo bệnh hoạn, bị bệnh hoạn chinh phục; Khi có nạn đói, khát thực khó khăn; Lúc có giặc cướp, dân chúng đều chạy trốn; Khi Tăng chúng bị chia rẽ, có sự đấu khẩu, kết tội, tấn xuất lẫn nhau.

Này các Tỷ kheo, đây là năm phi thời để tinh cần.

Có năm đúng thời để tinh cần, này các Tỷ kheo, thế nào là năm?

Tỷ kheo còn trẻ, trong tuổi thanh xuân; Tỷ kheo ít bệnh, ít nã, thân thể điều hòa; Tỷ kheo ăn uống đầy đủ, khát thực dễ dàng; Khi sống trong vùng dân chúng an bình, không có sợ hãi; Lúc các Tỷ kheo sống hòa hợp như nước với sữa, ái kính lẫn nhau.

Này các Tỷ kheo, đây là năm đúng thời để tinh cần.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Triền cái, phần Thời gian để tinh cần [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.411)

LỜI BÀN:

Siêng năng, chăm chỉ, chuyên cần là yếu tố cực kỳ quan trọng để dẫn đến mọi thành công trong cuộc sống. Tu tập cũng vậy, thiếu vắng nhân tố tinh cần thì chắc chắn sẽ thối đọa hoặc giậm chân tại chỗ, không thể tiến bộ tâm linh. Nỗ lực tu tập rất cần thiết song điều quan yếu cần phải xác định đúng thời điểm thì mới có kết quả

cao, tiến bộ nhanh chóng.

Học tập, làm việc cho đến tu hành khi còn trẻ trung, sức khỏe tràn đầy, nhiệt huyết sung mãn mới đạt đến đỉnh cao phong độ. Một ngộ nhận khá phổ biến và thật đáng tiếc là khi trẻ cứ vô tư vui vẻ, đợi đến già thì tu hành cũng chẳng muộn. Đến khi tuổi già, sức yếu, thân thể bệnh hoạn, tinh thần bạc nhược thì lực bất tòng tâm, dẫu muốn tu cũng không kham nổi, cố gắng lắm cũng chẳng được gì nhiều. Vì thế, tuổi trẻ và sức khỏe là thời điểm tốt nhất cho mọi người thực hiện hoài bão của mình, nhất là trong tu tập lại càng cần thiết hơn.

Có thực mới vực được đạo, an cư mới lạc nghiệp, vì vậy tu tập sẽ thuận duyên hơn nếu được ngoại hộ an toàn, đầy đủ. Nhưng quan trọng nhất là được tu học trong một Tăng chúng hòa hợp, hạnh phúc. Sẽ thiệt thòi, mất mát lớn lao cho người tu khi huynh đệ, bằng hữu có những xáo trộn, mâu thuẫn và bất an. Đại chúng là điểm tựa quan trọng nhất để những người sơ tâm phấn đấu, dẫn thân, phụng sự. Do vậy, xây dựng một hội chúng an tịnh nhằm trợ duyên cho mọi người nỗ lực tu học là điều cần làm.

Sự tinh cần luôn cần thiết cho tu tập nhưng những cố gắng ấy sẽ đạt kết quả cao, mỹ mãn hơn trong điều kiện thuận lợi nhất. Đó là tuệ giác mà mỗi người con Phật cần trạch pháp để hạ thủ công phu nhằm thành tựu giải thoát, an lạc.▲

4- XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC CÚNG DƯỜNG

Một thời, Thế Tôn trú ở Koliya, dạy các Tỷ kheo:

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ kheo, vị Tỷ kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ kheo, vị Tỷ kheo giữ giới, chấp nhận và học tập các học pháp; nghe nhiều và khéo thể nhập với chánh kiến; làm bạn với thiện; có chánh tri kiến; chứng đạt Bốn thiên, hiện tại lạc trú; nhớ được nhiều đời trước; đắc thiên nhãn thanh tịnh; đoạn diệt các lậu hoặc.

Này các Tỷ kheo, thành tựu tám pháp này, vị Tỷ kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương 8, phẩm Gotamì, phần Xứng đáng được cúng dường [1], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.670)

LỜI BÀN:

Người xuất gia, nguyện làm khất sĩ, sống nhờ tài vật bá tánh cung cấp, cúng dường. Cố nhiên, người tu không trực tiếp lao động sản xuất, làm ra của cải vật chất nhưng đóng góp của họ vào việc gìn giữ các giếng mối đạo đức, phát huy đời sống tinh thần cho xã hội rất lớn. Bằng việc trang nghiêm tự thân, hoàn thiện chính mình, hướng dẫn đạo đức xã hội, hàng xuất gia trở thành phước điền tối thắng cho Phật tử nương tựa, gieo trồng cội phước.

Đặc biệt trong mùa an cư kiết hạ, chư Tăng ngừng du phương hoằng hóa, tập trung về an trụ tại các đạo tràng, thực hành an cư thì việc cúng dường của tín thí càng hậu hĩ, chu đáo hơn. Để xứng đáng là ruộng phước cho hàng Phật tử, các hành giả an cư cần nỗ

lực, tinh tấn hơn trong phận sự an cư của mình.

Tôn trọng và gìn giữ giới luật là yếu tố quan trọng nhất, bởi giới luật là nền tảng xây dựng nên tất cả công đức, trí tuệ. Học tập kinh điển để thể nhập những ý chỉ sâu xa của giáo pháp. Mùa an cư là cơ hội vàng để các hành giả học hỏi, củng cố và trau dồi nhận thức về Phật pháp. Mặt khác, sự tu tập tinh chuyên trong một trụ xứ với đông đảo chư Tăng sẽ tác động và trợ duyên cho hành giả tinh tấn, tăng trưởng thiện pháp. Nhất là thành tựu chánh kiến, nhận thức đúng đắn về Chánh pháp làm kim chỉ nam cho tu học và phụng sự. Đặc biệt là nhờ tinh chuyên tu tập, mùa an cư là cơ hội thành tựu các thiền định, chứng đắc Tam minh, Lục thông và giải thoát tối hậu.

Thời Thế Tôn, sau mỗi mùa an cư, chúng Tăng nhờ thực hành tám pháp này nên thường chứng đạt, tăng tiến các Thánh vị từ Tu đà hoàn cho đến A la hán. Ngày nay, chư Tăng thực hành an cư là từng bước hướng về lộ trình này để xứng đáng là nơi nương tựa, gieo trồng cội phước cho hàng Phật tử tín tâm.►

5- ĐỨC PHẬT AN CƯ KHÔNG TIẾP KHÁCH

Một thời, Thế Tôn trú tại một khu rừng ở Icchànangala. Tại đây, Thế Tôn bảo các Tỷ kheo:

Ta muốn sống độc cư thiền tịnh trong ba tháng, không tiếp một ai, trừ một người đem đồ ăn đến.

Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, sau khi ba tháng an cư đã mãn, từ chỗ thiền tịnh độc cư đứng dậy, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo đến hỏi: “Với sự an trú nào, này chư Hiền, Sa môn Gotama an trú nhiều ngày trong mùa mưa?”, các ông hãy trả lời: “Với định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này chư Hiền, Thế Tôn an trú nhiều ngày trong mùa mưa”.

Này các Tỷ kheo, đây là Thánh trú, là Phạm trú, là Như Lai trú.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 10, phẩm 2, phần Icchànangala [lược], Nxb Tôn Giáo, 2002, tr.486)

LỜI BÀN:

Có lẽ ít ai ngờ rằng Thế Tôn cũng “nhập thất”, thực hiện quán niệm hơi thở một cách miên mật và không hề tiếp khách hay gặp bất cứ ai trong mùa an cư. Ngài quá mệt mỏi với thế sự rồi chẳng hay chỉ “thị hiện” để răn dạy các Tỷ kheo và hậu thế chúng ta?

Tất nhiên, Thế Tôn cũng cần nghỉ ngơi bằng cách an trú thân tâm trong thiền tịnh và hiện tại lạc lạc trú. Nhưng quan trọng hơn là Ngài đã làm gương, cảnh sách các đệ tử đã lãng phí quá nhiều thời gian tu tập trong việc tiếp xúc, lễ lạy, hạp hành, hội thảo... mà chểnh mảng phạm sự an cư.

Mặt khác, Phật muốn nhấn mạnh đến tầm quan trọng của thiền

định, nhất là pháp môn Tứ niệm xứ, nền tảng cho các Thánh quả. Đa phần các Tỷ kheo thời Thế Tôn nhờ thực hành niệm thân, thọ, tâm, pháp trong mùa an cư mà thành tựu giải thoát, chứng đắc các Thánh quả.

Ngày nay, các Tỷ kheo cũng thực hành an cư nhưng chưa thực sự hướng nội hoàn toàn. Phật sự đa đoan đã gặm nhấm hết thời gian và tâm lực, nên nếu không khéo vận dụng tu học thì an cư chỉ đạt được hình thức mà thôi.

Do vậy, thực hiện an cư cấm túc, không ra khỏi trụ xứ, ngày đêm nghiêm mật sáu thời công phu thiền định là điều cần làm. Một năm chỉ có ba tháng an cư, Đức Phật là bậc đã giác ngộ mà còn không tiếp khách, tinh chuyên tu tập, phải chăng đây là điều mà hàng hậu học phước mỏng nghiệp dày như chúng ta cần suy ngẫm?

Vấn biết, an cư đích thực là ngay nơi tự tâm của hành giả và cứu cánh nằm trong phương tiện, những việc làm của Bồ tát vốn không thể nghĩ bàn. Nhưng nếu chưa phải là Bồ tát sở hành vô ngại thì noi gương Phật, hạn chế ngoại duyên, chuyên tâm thiền định, thực hiện phận sự an cư. ▀

6- KHÚC GỖ

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambi. Trên bờ sông Hằng, Ngài thấy một khúc gỗ lớn trôi theo dòng sông, thấy vậy liền gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, các ông có thấy khúc gỗ to lớn này đang trôi theo dòng nước sông Hằng không?

Thưa có, bạch Thế Tôn.

Này các Tỷ kheo, nếu khúc gỗ ấy không đâm vào bờ bên này, không đâm vào bờ bên kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn trên miếng đất nổi, không bị người và chur Thiên nhật lấy, không bị mắc vào nước xoáy, không bị mục nát bên trong; như vậy, này các Tỷ kheo, khúc gỗ ấy sẽ hướng về biển, sẽ xuôi theo biển, sẽ nhập vào biển.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, nếu các ông không đâm vào bờ bên này, không đâm vào bờ bên kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn trên miếng đất nổi, không bị người và chur Thiên nhật lấy, không bị mắc vào nước xoáy, không bị mục nát bên trong; như vậy, này các Tỷ kheo, các ông sẽ hướng về Niết bàn, sẽ xuôi theo Niết bàn và sẽ nhập vào Niết bàn.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ IV*, phẩm Rắn độc, phần Khúc gỗ, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.293)

LỜI BÀN:

Dấn thân tu học để đạt được hạnh phúc, an lạc, giải thoát và đem lại lợi ích cho mọi người là một việc khó khăn. Trong lộ trình tu tập, không phải ai cũng vượt qua chướng ngại, thuận buồm xuôi gió về đến bờ giác ngộ. Giống như khúc gỗ trôi theo dòng sông, phải trải qua thời gian, vượt qua rất nhiều trở ngại mới mong về biển.

Khúc gỗ xuôi theo dòng sông một cách tự nhiên, phó mặc thân phận cho dòng nước đẩy đưa, nhưng người tu xuôi về Niết bàn thì có định hướng rõ rệt và phải nỗ lực không ngừng. Trong đó, trí tuệ là nhân tố cực kỳ quan trọng, giữ vai trò quyết định chi phối tiến trình thăng hoa tâm thức. Trí tuệ giúp cho hành giả không bị kẹt vào đôi bờ tà kiến, không bị tham ái nhận chìm, không bị thế tục hóa và không bị mục nát giới thân huệ mạng. Nhờ đó, người tu vượt qua mọi trở ngại, xuôi về giải thoát.

Ngày nay, việc tu tập càng khó khăn hơn vì cuộc sống hiện đại có rất nhiều sự chướng ngại, cám dỗ. Tuy nhiên, dòng sông vừa đưa khúc gỗ vào những vướng mắc nhưng vừa là động lực đẩy nó về đại dương. Cũng vậy, dòng đời lắm nhiễu nhưng đồng thời cũng là môi trường giúp người tu thử thách, rèn luyện để xuôi về biển giác.

Vì thế, nỗ lực thúc liễm thân tâm, trau giồi phạm hạnh, phát huy tuệ giác là điều mà tự thân mỗi hành giả phải thành tựu để chứng đắc Niết bàn. Chính sự tinh cần tu tập, an cư cấm túc của chư Tăng trong mùa an cư kiết hạ là một biểu hiện cụ thể nhằm tấn tu đạo nghiệp, khai mở tuệ giác, vượt qua chướng ngại, thành tựu giải thoát.▲

7- KHÔNG NÊN SỐNG QUÁ LÂU TẠI MỘT NƠI

Một thời, Thế Tôn trú ở Kimbilà, tại Veluvana, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có năm nguy hại này, nếu sống quá lâu tại một chỗ. Thế nào là năm?

Đồ dùng nhiều, cất chứa nhiều đồ dùng; nhiều dục phẩm, cất chứa nhiều dục phẩm; nhiều công việc phải làm, không khéo léo trong những công việc phải làm; sống lẫn lộn với gia chủ, tùy thuận trong sự liên hệ với gia chủ; và khi bỏ trú xứ ấy, ra đi với sự luyến tiếc.

Này các Tỷ kheo, đó là năm nguy hại nếu sống quá lâu tại một chỗ.

Có năm lợi ích này, này các Tỷ kheo, nếu sống đồng đều tại mỗi chỗ. Thế nào là năm?

Đồ dùng không nhiều, không cất chứa nhiều đồ dùng; dục phẩm không nhiều, không cất chứa nhiều dục phẩm; không nhiều công việc phải làm, khéo léo trong những công việc phải làm; không sống lẫn lộn với gia chủ, không tùy thuận trong sự liên hệ với gia chủ; và khi bỏ trú xứ ấy, ra đi không với sự luyến tiếc.

Này các Tỷ kheo, đây là năm lợi ích nếu sống đồng đều tại mỗi chỗ.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Du hành dài, phần Sống quá lâu [1], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.724)

LỜI BÀN:

Một trong những đặc điểm của đời sống xuất gia thời Thế Tôn là du hành, không ở cố định một nơi mà thường xuyên thay đổi. Chính đặc điểm của đời sống du hành với ba y và một bát đã trợ duyên

rất nhiều cho thành tựu Phạm hạnh, hạn chế đến tối đa tham ái, chấp thủ và dính mắc.

Ngày nay, phần lớn các Tỷ kheo không sống du hành mà thường ở cố định nơi chùa viện của mình. Do vậy, những cảnh báo của Thế Tôn về những dính mắc liên quan đến danh lợi, công việc và tình cảm là điều mà người tu chúng ta phải suy ngẫm. Đơn cử như việc nhập chúng an cư, bốn phận quan trọng của người xuất gia, nhưng không phải ai cũng hội đủ duyên lành để thực hiện. Dù những lý do đưa ra như chùa neo người, chùa đang xây dựng, phải đáp ứng nhu cầu nghi lễ cho tín đồ v.v... để lý giải cho việc không tham dự an cư tập trung là hoàn toàn chính đáng, song những điều ấy lại biểu hiện rõ nét sự dính mắc. Và một khi đã dính mắc thì chắc chắn khó có thể tránh được nguy hại.

Vì thế, nhập chúng an cư ngoài ý nghĩa tu tập còn là cơ hội thay đổi môi trường sống, làm gián đoạn các nhân duyên tham ái đã tác tạo nơi trụ xứ. Dầu biết rằng, những đạo tràng an cư phần lớn không tiện nghi, phù hợp với thói quen của mình nhưng kham nhẫn và tùy duyên, tùy hỷ được với hiện tại đã chứng tỏ một phần sự không dính mắc, giải thoát. Do vậy, những ai thực hiện phận sự an cư, chỉ xét về phương diện “sống đồng đều tại mỗi chỗ” thôi cũng đã gặt hái được nhiều lợi ích.▲

8- CHƯ THIÊN CŨNG LUYẾN TIẾC AN CƯ

Một thời, nhiều Tỷ kheo trú tại khu rừng ở Kosala. Sau khi an cư ba tháng mùa mưa xong, các Tỷ kheo bắt đầu du hành.

Bấy giờ một vị Thiên trú ở khu rừng ấy, không thấy các Tỷ kheo nữa liền ưu buồn, nói lên bài kệ: *Hôm nay tâm của ta / Cảm thấy không vui vẻ / Khi thấy nhiều chỗ ngồi / Trống không, không có người / Những bậc Đa văn ấy / Thuyết pháp thật mỹ diệu / Đệ tử Gotama / Hiện nay đang ở đâu?*

Khi nghe như vậy, một vị Thiên khác nói lên bài kệ: *Họ đi Magadha / Họ đi Kosala / Và một số vị ấy / Đi đến xứ Vajjà / Như nai thoát bẫy sập / Chạy nhảy khắp bốn phương / Tỷ kheo không nhà cửa / Sống giải thoát như vậy.*

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 9, phần Đa số hay du hành, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.437)

LỜI BÀN:

Mỗi khi mùa mưa đến, chư Tăng lo thu xếp Phật sự, chuẩn bị nhập chúng an cư. Thời Thế Tôn tại thế, trụ xứ an cư có thể là tinh xá Trúc Lâm, Kỳ Viên hay thôn xóm và thường là những khu rừng. An cư xong, chư Tăng ngày nay trở về chùa, còn các Tỷ kheo ngày xưa thì tiếp tục du hành.

Trong mùa an cư, chư Tăng thường cầu nguyện hộ pháp, thiện thần, chư Thiên gia hộ cho đạo tràng được sung mãn, ổn định. Có điều mà chúng ta ít nghĩ đến là chư vị ấy cũng theo chúng Tăng nghe pháp và tu tập. Nên khi an cư xong, các Tỷ kheo ra đi, chư Thiên cũng buồn, lưu luyến và tiếc thương...

Như một vị Thiên ở rừng Kosala, khi chúng Tăng đi rồi, nhìn thấy khu rừng trống vắng và nhất là không được nghe diệu pháp nữa

nên cảm thấy buồn. Thì ra, việc tu tập an cư của chúng Tăng không chỉ thặng hoa tự thân, làm ruộng phước cho Phật tử mà còn giáo hóa cả những người “khuất mặt”. Chư Thiên biết rõ từng tâm niệm của người phạm. Do đó, chúng Tăng phải đạt được thanh tịnh, hoan hỷ và hòa hợp đích thực mới cảm hóa được họ, ra đi khiến họ phải kính tiếc. Sau mỗi mùa an cư, chư Tăng thời Thế Tôn đa phần đều chứng Thánh. Còn các Tỷ kheo ngày nay, an cư xong dù chưa chứng quả nhưng cũng cảm nhận được đạo vị, đạo tình của an lạc và thanh tịnh.

Nhờ nỗ lực tu tập trong mùa an cư và đặc biệt là thành tựu pháp Tự tứ khi mãn hạ, chư Tăng đã tự thanh lọc và hoàn thiện mình để xứng đáng là nơi nương tựa của trời và người. Ngày Tăng Tự tứ, Phật hoan hỷ, chư Thiên hoan hỷ và Phật tử cũng hoan hỷ. Mùa an cư đi qua, đọng lại trong lòng mọi người là sự an lạc và luyến tiếc, mong hội ngộ vào mùa mưa sang năm là một sự thành tựu. ▀

VII. GIÀ CHẾT

1- CÓ SINH ẮT CÓ DIỆT

Một thời, Thế Tôn trú ở Savatthi, rồi một hôm vua Pàsenadi nước Kosala đi đến, ngồi một bên, bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, có cái gì sinh mà không già và không chết không?

Thưa Đại vương, không có cái gì sinh mà không già và không chết.

Thưa Đại vương, dầu cho những vị Sát đế lỵ là những bậc đại phú, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng bạc, có nhiều tài sản, vật dụng, có nhiều ngũ cốc. Các vị ấy có sinh thì cũng không thoát khỏi già và chết.

Thưa Đại vương, dầu cho những vị Bà la môn là những bậc đại phú, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng bạc, có nhiều tài sản, vật dụng, có nhiều ngũ cốc. Các vị ấy có sinh thì cũng không thoát khỏi già và chết.

Thưa Đại vương, cho đến các vị Tỷ kheo, những bậc A la hán đã đoạn tận các lậu hoặc, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích tối hậu, đã hoàn toàn giải thoát, cho đến thân này của các vị ấy cũng phải bị hủy hoại, cũng phải bị từ bỏ.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ* I, chương 3, phẩm 1, phần Vua, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.165)

LỜI BÀN:

Sinh diệt là lẽ thường nhiên vận động tương tục trong xoay vần của tạo hóa. Vạn sự vạn vật, từ vật chất đến tinh thần, từ hữu hình đến vô hình nếu được sinh ra tất nhiên sẽ bị diệt đi. Con người cũng vậy, một khi đã sinh ra trên cõi đời, dù sang hay hèn, đẹp hay xấu, hạnh phúc hay bất hạnh thì đều có một điểm

chung là sẽ chết.

Làm người, ai cũng biết rất rõ rằng cái chết sẽ đến với mình. Tuy vậy, mấy ai ý thức về điều ấy một cách thường trực. Tất cả đều hy vọng mong manh rằng cái chết sẽ còn xa lắm, thậm chí cố tình lảng tránh, cố quên cái chung cục bi thảm của thân phận con người. Nhưng cái chết lại thân thiện và luôn ưu ái dành cho con người mọi lúc, mọi nơi.

Nhận thức một cách thường trực về sự chết đang chờ đón con người phải chăng là một tâm lý tiêu cực? Vì rằng sự sống của con người dưới nhận thức như thế tràn ngập bi quan chẳng khác nào kẻ tử tù đợi ngày hành quyết? Nhưng chết là một sự thật, nên nhận thức sâu sắc với sự chết sẽ đến với con người bất cứ lúc nào lại trở thành cơ hội. Cơ hội tốt để cuộc sống tạm bợ này trở nên có ý nghĩa, ít ra cũng đem lại lợi ích thiết thực cho cuộc đời.

Cuộc đời sẽ bớt tang thương hơn nếu mỗi người từng có đôi lần ưu tư về thân phận ngắn ngủi. Con người sẽ tha thứ, bao dung và bớt xung đột, tranh chấp hơn khi nhận ra kiếp người giả tạm, mong manh. Yêu thương sẽ thay thế hận thù, vị ngã sẽ chuyển thành vị tha, cuộc sống sẽ ý nghĩa hơn, những gì chưa làm được phải nên làm là lẽ sống của con người khi nhận thức sâu sắc về sự chết.

Không ai thoát khỏi già chết, kể cả bậc Thánh nhân, vì thế phải sống hết mình, sống cho đáng sống.▲

2- TUỔI XẾ CHIỀU

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Pubbàrama, trong lâu đài của mẹ Migàra. Lúc bấy giờ vào buổi chiều, Thế Tôn từ chỗ độc cư đứng dậy, ngồi sưởi ấm lưng trong ánh nắng phương Tây. Rồi Tôn giả Ananda đi đến, sau khi đánh lễ, xoa bóp chân tay cho Thế Tôn, thưa rằng:

Bạch Thế Tôn, thật kinh hoàng thay, thật kỳ dị thay, màu da Thế Tôn nay không còn trong sáng; chân tay rã rời, nhăn nheo; thân được thấy còm về phía trước; các căn đang bị đổi khác, nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn và thân căn.

Sự thể là như vậy, này Ananda, tánh già nằm trong tuổi trẻ; tánh bệnh ở trong sức khỏe; tánh chết nằm trong sự sống. Như vậy, màu da nay không còn trong sáng; chân tay rã rời, nhăn nheo; thân được thấy còm về phía trước; các căn đang bị đổi khác, nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn và thân căn.

Thế Tôn lại nói thêm:

Bất hạnh thay tuổi già! Đáng sợ thay cuộc sống! Tuổi già làm phai nhạt sắc diện của màu da. Hình bóng ngày xưa khả ý, nay già đã phá tan! Ai sống được trăm tuổi, cuối cùng cũng phải chết, không bỏ sót một ai, tất cả bị phá sập.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 4, phẩm Về già, phần Già, Nxb Tôn Giáo, 2002, tr.338)

LỜI BÀN:

Sinh già bệnh chết là một quy luật của tạo hóa, là thân phận của kiếp người. Dù thành công hay thất bại trong cuộc nhân sinh ba vạn sáu ngàn ngày, ai cũng chợt đượm buồn khi tuổi đời xế bóng. Hoàng hôn và màu tím hiu hắt không còn thơ mộng mà bao trùm

nỗi buồn man mác khi cuộc đời đã về chiều.

Tuổi già, có lẽ không ai muốn mình già nhưng mà cái gì đến ắt phải đến. Con người có thể chạy trốn được nhiều thứ nhưng không thể chạy trốn thân phận. Tuổi già là tuổi của kinh nghiệm, hoài niệm và tiếc nuối. Già kinh nghiệm làm cho người già luôn hoài nghi và thận trọng, nhiều hoài niệm vì đã qua rồi một thời vang bóng và tiếc nuối vì còn nhiều việc chưa làm được khi lực bất tòng tâm. Nhưng ưu tư lớn nhất của người già là sức khỏe. Đầu rồi mái tóc xanh, làn da trơn láng mịn màng và những bước chân thoăn thoắt của một thời xẻ núi ngăn sông. Chỉ còn lại đây những bước chân run dưới tấm thân còng theo năm tháng, đôi mắt xanh mờ màng nay đã mờ đục, má hồng lố chỗ đồi mồi, mái đầu bạc phất phơ như những làn vôi trắng xóa dần đi cả một đời người. Đa phần những người già đều lạc quan vì họ đã hoàn thành nhiệm vụ, đã tạo dựng nên những thế hệ kế thừa. Song chẳng có gì ngạc nhiên khi người già thường bệnh, hay buồn và có phần khó tính vì đó vốn dĩ là những thuộc tính của tuổi già.

Điều thú vị ở đây là Thế Tôn đã nhìn thấy được sự già nua ẩn tàng trong tuổi trẻ, mầm mống của bệnh tật len lỏi trong sức khỏe và cả cái chết tiềm tàng trong sự sống. Chính nhận thức về con người và thân phận với tuệ giác như vậy nên Thế Tôn cùng hàng đệ tử của Ngài an nhiên, tự tại. Không tự hào, kiêu căng và ỷ lại khi trẻ trung, khỏe mạnh đồng thời cũng không bi quan, chán nản và khổ đau khi tuổi xế chiều.

Tuổi già thì thường đau yếu và bệnh tật, già nua tàn phá ý chí và dung nhan, tuổi già là đèn xanh của thần chết. Vì vậy, những người con Phật phải biết trân quý tuổi trẻ và sức khỏe. Ai cũng sẽ già và phải chết nên cần làm ngay tất cả những gì cần thiết trong khi còn có thể.▀

3- NIỆM CHẾT

Một thời, Thế Tôn trú ở Nàdika, tại Ginjakàvasatha. Tại đây, Thế Tôn dạy các Tỷ kheo:

Niệm chết, này các Tỷ kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn thời có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử. Tu tập niệm chết như thế nào để đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử?

Này các Tỷ kheo, khi ngày vừa tàn, đêm vừa an trú, suy tư như sau: Các nhân duyên đem đến cái chết cho ta rất nhiều. Con rắn, con bò cạp hay con rít có thể cắn ta, ta có thể mạng chung. Ta có thể vấp ngã và té xuống. Thức ăn có thể làm cho ta mắc bệnh, làm ta có thể mạng chung.. Như vậy sẽ là chướng ngại.

Này các Tỷ kheo, khi đêm vừa tàn, ngày vừa an trú, suy tư như sau: Các nhân duyên đem đến cái chết cho ta rất nhiều. Con rắn, con bò cạp hay con rít có thể cắn ta, ta có thể mạng chung. Ta có thể vấp ngã và té xuống. Thức ăn có thể làm cho ta mắc bệnh, làm ta có thể mạng chung.. Như vậy sẽ là chướng ngại.

Này các Tỷ kheo, Tỷ kheo ấy cần suy nghĩ như sau: Ta còn những pháp ác, bất thiện chưa đoạn tận, nếu lỡ mạng chung đêm hoặc ngày nay, chúng có thể là những chướng ngại cho ta. Biết được như vậy, Tỷ kheo ấy tinh cần, nỗ lực, chánh niệm tỉnh giác, ngày đêm cần phải học tập trong các thiện pháp.

Này các Tỷ kheo, niệm chết, tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy thời được quả lớn, được lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương 6, phẩm Cần phải nhớ, phần Niệm chết, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.49)

LỜI BÀN:

Đời sống của con người thật quý giá nhưng cũng thật quá đổi mong manh. Hôm nay còn khỏe mạnh, vui sống nhưng ngày sau sẽ ra sao vẫn là điệp khúc bí ẩn vẫn nạn nhân sinh muôn thuở. Con người chỉ chạnh lòng, tê tái khi chứng kiến cảnh vô thường sống chết xảy ra với mọi người xung quanh mà chẳng mấy ai lưu tâm đến điều ấy có thể xảy ra với mình.

Theo tuệ giác của Thế Tôn thì mạng người chỉ tồn tại trong hơi thở, một khi thở ra mà không thở vào là kết thúc một đời người. Do vậy, quán niệm và đối diện với sự thật của chính mình rằng cái chết sẽ đến với mình bất cứ lúc nào là điều mỗi người phải thực hành. Chính nhận ra sự mong manh, tạm bợ, nay còn mai mất của kiếp người sẽ giúp con người biết trân quý cuộc sống hơn. Những thành bại, được mất, hơn thua, tranh đoạt, tham vọng và thù hận v.v... sẽ chẳng có giá trị gì nếu như gắn kể với cái chết. Mặt khác, nhận thức được án tử đang lảng lơ quanh mình nên con người nỗ lực làm ngay những việc cần làm, sống sao cho đáng sống.

Cuộc sống xung quanh ta luôn biến động, đẩy dẩy những tai nạn, rủi ro và bất trắc. Ý thức rõ ràng về sự chết có thể đến với con người bất kỳ lúc nào, người con Phật không hèn ngày mai. Sống trọn vẹn với giờ phút hiện tại, bớt tham ái, hỷ xả, tha thứ và luôn nghĩ đến mọi người đồng thời tinh cần thực hành các thiện pháp. Nghĩ đến vô thường, thân chết đang rình rập là một cách thể nghiệm sự thật của đời sống. Cuộc sống sẽ bớt khổ đau và con người sẽ thương nhau hơn nếu như mọi người biết suy niệm về cái chết.▲

4- CHẾT DO TAI NẠN SẼ TÁI SINH VỀ ĐÂU?

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigroda. Rồi Mahànàma đi đến, sau khi đánh lễ, ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn:

Kapilavatthu này, bạch Thế Tôn, rất phồn vinh, dân cư đông đúc, quần chúng chen chúc, chật hẹp. Bạch Thế Tôn, sau khi hầu hạ Thế Tôn hay các Tỷ kheo đáng kính, vào buổi chiều, con đi vào Kapilavatthu, con gặp con voi cuồng chạy, con gặp con ngựa cuồng chạy, con gặp người cuồng chạy, con gặp cỗ xe lớn cuồng chạy, con gặp cỗ xe nhỏ cuồng chạy. Trong khi ấy, bạch Thế Tôn, tâm con nghĩ đến Phật, Pháp và Tăng bị hoang mang. Rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: Nếu lúc ấy con mệnh chung, thời sinh thú của con là gì, sinh xứ đời sau là chỗ nào?

Chớ có sợ, này Mahànàma! Không ác là cái chết của ông! Này Mahànàma, với những ai đã lâu ngày tâm tu tập trọn vẹn về tín, về giới, về sở văn, về thí xả, về trí tuệ; với những người ấy, dầu sắc thân này bị vô thường phá hoại, tan nát, hoại diệt, nhưng nếu tâm vị ấy được tu tập lâu ngày trọn vẹn về tín, giới, sở văn, thí xả và trí tuệ thì tâm của vị ấy thượng thặng, đi đến thù thắng.

Ví như, này Mahànàma, một người nhận chìm một ghè dầu vào trong hồ nước sâu và đập bể ghè ấy. Ở đây, các mảnh ghè vì chìm xuống nước nhưng dầu thì nổi lên, trôi lên trên. Cũng vậy, với ai đã lâu ngày tâm được tu tập trọn vẹn về tín, giới, sở văn, thí xả và trí tuệ; với những người ấy, dầu sắc thân này bị vô thường phá hoại, tan nát, hoại diệt, nhưng nếu tâm vị ấy được tu tập lâu ngày trọn vẹn về tín, giới, sở văn, thí xả và trí tuệ thì tâm của

vị ấy thượng thặng, đi đến thù thắng.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 10, phẩm Saranàri, phần Mahànàma [1], Nxb Tôn Giáo, 2002, tr.539)

LỜI BÀN:

Cuộc sống của con người luôn đồng hành với vô vàn biến động, bất trắc. Thiên tai, dịch họa, bệnh tật cùng với các tai nạn lao động, giao thông, hỏa hoạn... từng phút, từng giây đã cướp đi rất nhiều sinh mạng. Thân người thật mong manh, dễ vỡ, dù thận trọng đến mấy thì không ai dám xác quyết rằng ta sẽ an toàn trong những giây phút tiếp theo.

Những cái chết bất thành linh, bất đắc kỳ tử, đột tử do các tai nạn thật oan uổng nhưng luôn rình rập, đe dọa con người. Trong các trường hợp này, sự chết ập đến rất nhanh và đa phần các nạn nhân đều hoảng loạn trước khi chết. Đối với người ít tu tập thì chính điều này đã tạo ra cận tử nghiệp bất thiện, ảnh hưởng không tốt đến xu hướng tái sinh.

Tuy nhiên, theo tuệ giác của Thế Tôn, những ai đã tu tập lâu ngày trọn vẹn về tín, giới, sở văn, thí xả và trí tuệ thì đều bị hoang mang, không giữ vững chánh niệm trước lúc chết do tai nạn quá bất ngờ nhưng với nền tảng tu tập vững chắc, trọn vẹn đối với các thiện pháp, nhờ thiện nghiệp sâu dày sẽ giúp họ đi đến chỗ thù thắng, tái sinh vào cõi lành, không hề bị đọa lạc.

Sinh thuận, tử an là một phúc báo lớn của con người. Một khi chưa biết nghiệp duyên của mình sẽ chết bình an hay bất an thì hãy cố gắng tu tập các thiện pháp. Sự chuẩn bị này sẽ vô cùng quan trọng, có ý nghĩa thiết thực cho đời sống hiện tại và cả những cái chết bất ngờ, nếu có, ở tương lai.▲

5- TRỢ DUYÊN CHO NGƯỜI HẤP HỐI

Một thời, Thế Tôn trú ở Bhagga, rừng Bhesakàla, Lộc Uyển. Lúc bấy giờ, gia chủ, cha của Nakula bị trọng bệnh. Mẹ của Nakula nói với cha của Nakula như sau:

Thưa gia chủ, chớ có mạng chung với tâm còn mong cầu luyến ái. Đau khổ là người khi mạng chung với tâm còn mong cầu luyến ái. Thế Tôn đã quở trách người khi mạng chung với tâm còn mong cầu luyến ái.

Gia chủ có thể suy nghĩ: Mẹ của Nakula, sau khi ta mạng chung, không có thể nuôi dưỡng các con và duy trì nhà cửa; Sau khi ta mạng chung, mẹ của Nakula sẽ đi đến một gia đình khác; Mẹ của Nakula, sau khi ta mạng chung, sẽ không muốn yết kiến Thế Tôn và chúng Tăng; Sau khi ta mạng chung, mẹ của Nakula sẽ không giữ giới một cách đầy đủ...

Thưa gia chủ, chớ có nghĩ như vậy! Sau khi gia chủ mạng chung, tôi có thể nuôi dưỡng các con và duy trì nhà cửa; Gia chủ cũng đã biết, mười sáu năm nay tôi đã sống với gia chủ và thực hành phạm hạnh thế nào rồi; Sau khi gia chủ mạng chung, tôi sẽ yết kiến Thế Tôn và chúng Tăng nhiều hơn; Cho đến khi nào, các nữ đệ tử áo trắng của Thế Tôn còn giữ giới luật một cách đầy đủ, tôi là một trong những người ấy...

Do vậy, gia chủ, chớ có mạng chung với tâm còn mong cầu luyến ái.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương 6, phẩm Cần phải nhớ, phần Cha mẹ của Nakula [1], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.32)

LỜI BÀN:

Con người, đối diện với cái chết, nếu chưa phải là bậc Thánh thì

đa phần đều lo âu, hoang mang và sợ hãi. Ngoài việc sợ chết, người lâm trọng bệnh biết mình không qua khỏi còn ân hận với những điều chưa làm được trong đời, tiếc nuối những niềm vui chưa hưởng trọn đồng thời trăn trở và thao thức thật nhiều về vợ con, tài sản, bè bạn... Sau khi ta nhắm mắt, họ sẽ làm gì? Sống như thế nào? Sản nghiệp ta đã dày công tạo dựng sẽ đi về đâu???

Chính những băn khoăn, tiếc nuối và lo sợ ấy là *tâm mong cầu luyến ái* đã tạo ra cận tử nghiệp tiêu cực, ảnh hưởng không tốt đến xu hướng tái sinh. Do vậy, trợ duyên cho người sắp chết bằng cách trấn an, hứa khả làm tròn bốn phận, sẽ thực hiện các di nguyện của người sắp chết để giúp tâm họ an ổn, thanh thản là điều cần làm.

Sinh thuận, tử an là một phúc báo lớn. Để có được một sự ra đi nhẹ nhàng và bình an, chìm vào “giấc ngủ ngàn thu” một cách lặng lẽ không đau đớn, vật vã, quằn quại và hốt hoảng là điều không phải ai cũng có được. Sinh thời phải tu tâm dưỡng tánh, trồng phúc tích đức, từ bi hỷ xả thật nhiều thì mới hy vọng có một cái chết bình an.

Đặc biệt là sự trợ duyên của người thân như nói pháp cho người hấp hối để họ nhận thức về lẽ vô thường, sinh tử; tụng kinh, niệm Phật để tâm họ an tịnh; nhắc lại những điều tốt mà họ đã làm trong đời; biểu hiện sự chu toàn trách nhiệm với gia đình khi họ vĩnh viễn đi xa... sẽ làm cho người hấp hối được thỏa nguyện và ra đi thanh thản. Chính những điều này đã góp phần xả ly luyến ái để trợ duyên cho người chết sinh về cảnh giới an lành.▲

6- CHẾT - MỘT SỰ THẬT TẤT YẾU

Một thời, Thế Tôn ở Sàvatthi. Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến, sau khi đánh lễ và ngồi xuống một bên.

Đại vương từ đâu đi đến giữa trưa thế này?

Bạch Thế Tôn, tổ mẫu của con già nua, đã đạt đến tuổi thọ và đã mệnh chung. Con rất yêu quý tổ mẫu. Bạch Thế Tôn, nếu con được cho một voi báu, hay để tổ mẫu con khỏi chết, con sẽ cho voi báu... Nếu con được cho một quốc độ, hay để tổ mẫu con khỏi chết, con sẽ cho quốc độ.

Thưa đại vương, tất cả chúng sinh đều phải chết, đều kết thúc trong sự chết, đều không vượt qua sự chết.

Thật vi diệu, thật hy hữu thay! Bạch Thế Tôn.

Như vậy là phải, thưa đại vương. Tất cả chúng sinh đều phải chết, đều kết thúc trong sự chết, đều không vượt qua sự chết. Ví như, tất cả đồ gốm được làm ra đều phải bể, đều kết thúc trong sự bể, đều không vượt qua sự bể.

Đại vương nên biết: *Mọi chúng sinh sẽ chết / Mạng sống sẽ kết thúc / Tùy nghiệp, họ sẽ đi / Nhận lãnh quả thiện ác / Ác nghiệp đọa địa ngục / Thiện nghiệp lên thiên giới / Do vậy hãy làm lành / Tích lũy cho đời sau / Công đức cho đời sau / Làm hậu cứ cho người.*

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 3, phẩm 3, phần Tổ mẫu [trích], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.216)

LỜI BÀN:

Ai cũng biết rồi đây mình sẽ chết nhưng không biết chết lúc nào và cái chết đến với mình như thế nào? Bởi vì chết là một sự kết thúc tàn nhẫn và phũ phàng nên đa phần mọi người đều cố tránh, xem như cái chết còn xa lắm. Rồi khi một người thân trong

gia quyến mất đi dẫu còn xuân xanh hay thượng thọ thì niềm đau thương, tiếc nuối dành cho người mất vẫn lớn vô hạn. Vì thế, trong đời sống phải trang bị nhận thức và phát huy tuệ quán để đối diện và vượt qua đau thương mất mát ấy.

Vua Pasenadi thực sự đau đớn khi tổ mẫu qua đời, dẫu đã thượng thọ. Ông thương tiếc cùng tột và nghĩ rằng có thể đổi cả vương quốc nếu được, để giành lại sự sống cho tổ mẫu. Nhờ gặp Thế Tôn, vua được khai thị hiểu rõ vô thường, có sinh thì có diệt, cái chết sẽ đến với mọi người là một sự thật tất yếu.

Nhận chân được sự thật này, người con Phật nguyện sống hiền thiện và được chết thanh thản, không tham sống mà cũng chẳng sợ chết. Thực tế thì sự sống chết, sinh diệt đang diễn ra từng giây phút trong chúng ta. Chết không phải là hết, chấm dứt tất cả mà chỉ là sự thay đổi, chuyển sang một đời sống khác trong dòng luân hồi vô tận. Sự kết thúc này chính là tiền đề cho một sự bắt đầu mà đời sống ở tương lai hoàn toàn phụ thuộc vào nghiệp lực đã tạo ra trong hiện tại.

Một khi hiểu rõ chết là điều không tránh khỏi với tất cả mọi loài, người con Phật càng trân quý sự sống, bình thản với sự chết hơn đồng thời làm tất cả những gì cần làm để đem đến an vui cho mình và người, ở đời này và đời sau. ▀

7- CHẾT CÓ ĐÁNG SỢ KHÔNG?

Một thời, Thế Tôn trú ở Kapilavatthu, gọi Mahànàma:

Chớ có sợ hãi, này Mahànàma! Không ác sẽ là cái chết của ông. Không ác là cái chết của ông. Do thành tựu bốn pháp, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử hướng về Niết bàn, xuôi về Niết bàn. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Mahànàma, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, thành tựu các Giới, được các bậc Thánh ái kính... đưa đến thiền định.

Ví như, này Mahànàma, một cây nghiêng về phía Đông, hướng về phía Đông, nếu bị chặt đứt nó sẽ ngã về phía nào?

Bạch Thế Tôn, nó sẽ ngã theo phía nó nghiêng, nó hướng về.

Cũng vậy, này Mahànàma, thành tựu bốn pháp này, vị Thánh đệ tử hướng về Niết bàn, xuôi về Niết bàn.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 11, phẩm Saranàni, phần Mahànàma [2], Nxb Tôn Giáo, 2002, tr.542)

LỜI BÀN:

Có lẽ điều đáng sợ và ám ảnh nhất cho mọi người ở trên đời là cái chết. Mỗi người có một cách nhìn nhận về sự chết khác nhau và hầu như ai cũng cố tình lẩn tránh nó nhưng cuối cùng thì phải đối diện.

Nếu như chết là hết, không còn gì cả thì sự sống hiện tại không mấy ý nghĩa. Giả như chết rồi hoặc sinh về cõi trời hoặc đọa xuống hỏa ngục vĩnh kiếp thì người ta luôn phập phồng, bất an vì đời sống vốn trộn lẫn hai mặt của thiện ác. Và khi bỏ xác thân này, thần thức sẽ theo nghiệp của tự thân đã gây tạo mà tái sinh vào cảnh

giới tương ứng, xem ra điều này khá công bằng, con người không oán trách ai cả ngoài chính bản thân mình.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, “Con người là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự nghiệp”. Tùy theo nghiệp mình tạo ra thiện hoặc ác mà gặt hái kết quả hạnh phúc hay khổ đau trong hiện tại và cả tương lai. Như một cây nghiêng, nghiêng về hướng nào thì khi bị chặt gốc sẽ ngã theo hướng đó.

Những người con Phật luôn xây dựng cây đời nghiêng theo hướng thiện, bằng cách chuyển hóa ba nghiệp thân khẩu ý từ xấu ác thành tốt đẹp, thì chắc chắn nó sẽ ngã theo hướng lành. Vậy thì cái chết sẽ là một sự thay áo mới, thăng hoa thêm, tốt đẹp hơn ở đời sống tương lai và như thế thì có gì phải đáng sợ.

Sự sống luôn trôi chảy, như dòng sông qua mỗi khúc quanh sẽ khác đi, thác ghềnh hoặc êm ả nhưng rồi sẽ xuôi ra biển lớn. Cái chết của con người cũng vậy, là bước ngoặt của dòng sống để mở ra một sinh lộ mới thênh thang hơn, sẽ xuôi về Niết bàn nếu người con Phật chuyên làm các việc lành, nhất là có niềm tin sâu sắc vào Tam bảo, giới luật và thành tựu thiền định.▶

8- CỘI NGUỒN KHỔ ĐAU

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Đông Viên, Lộc Mẫu giảng đường. Lúc bấy giờ, người cháu trai của Visàkhà bị mệnh chung. Và Visàkhà với áo dầm ướt, tóc dầm ướt, vào lúc sáng sớm đi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Visàkhà:

Này Visàkhà, bà từ đâu đến, với áo và tóc dầm ướt, đi đến đây quá sớm như vậy?

Bạch Thế Tôn, đứa cháu khả ái và dễ thương của con đã mệnh chung. Cho nên con với áo và tóc dầm ướt, đi đến đây vào sáng sớm như vậy.

Này Visàkhà, bà có muốn tất cả người ở Sàvatthi này là con và là cháu của bà không?

Bạch Thế Tôn, con muốn tất cả người ở Sàvatthi này là con và là cháu của con.

Nhưng này Visàkhà, có bao nhiêu người ở Sàvatthi mạng chung (chết) hàng ngày?

Bạch Thế Tôn, có mười người ở Sàvatthi mạng chung hàng ngày. Cho đến có một người ở Sàvatthi mạng chung hàng ngày. Bạch Thế Tôn, ở Sàvatthi không có thoát được số người bị chết.

Bà nghĩ thế nào, này Visàkhà? Như vậy bà có khi nào được khô vải và tóc không bị ướt không?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Thật là vừa đủ cho con, số nhiều như vậy về con và về cháu.

Này Visàkhà, những ai có một trăm người thân yêu, những người ấy có một trăm sự đau khổ. Cho đến những ai có một người thân yêu, những người ấy có một sự đau khổ.

Những ai không có người thân yêu, những người ấy không có sự đau khổ. Ta nói rằng họ là người không có sâu, không có tham đắm và không có ưu não.

(ĐTKVN, *Tiểu Bộ I*, chương 8, phẩm Pàtaligàmiya [lược], Nxb TP.HCM ấn hành, 1999, tr.286)

LỜI BÀN:

Sống trên đời, mỗi người đều có những người thân thương như gia đình, bạn bè, đồng nghiệp. Khi xảy ra những mất mát, chia ly, ai cũng thương tiếc và khổ đau. Có lẽ niềm đau lớn nhất của con người là cuộc chia tay với những người rất thân yêu, vĩnh viễn ra đi không bao giờ trở lại.

Niềm đau ấy là thuộc tính, là thân phận của con người, không ai tránh khỏi. Có điều là đau khổ ấy nhiều hay ít, thưa thớt hay dồn dập và thái độ tiếp nhận, đối diện với thực tế phũ phàng giữa mỗi người khác biệt mà thôi.

Ôm chặt lấy niềm đau hay vượt lên trên đau khổ để tồn tại là một câu hỏi lớn. Có thể ai cũng biết cách lý giải nhưng không phải người nào cũng làm được. Vì rằng, mất đi một người thân thương nhất là mất tất cả, có khi mất luôn phương hướng và điểm tựa của một đời người. Nhưng trở trêu và nghiệt ngã thay cho cuộc đời là người mất ra đi thì đã đành nhưng người còn sống thì vẫn ở lại. Ở lại để tiếc thương, để thấm thía và để cảm nhận sâu thẳm tột cùng thế thái, nhân tình.

Theo tuệ giác Thế Tôn, chính sự luyến ái, thương yêu là cội nguồn của đau khổ. Tuy nhiên, những ai thiếu vắng thương yêu thì không thể là người. Vì thế, người con Phật vốn giàu lòng yêu thương nhưng phải vượt lên trên đau khổ bằng tuệ quán bởi niềm đau ấy không phải chỉ riêng mình. Như bà Visàkha nhận thức được rằng niềm đau ấy không chỉ riêng mình mà bao trùm cả thành Sàvatthi.

Đức Phật dạy *những ai không có người thân yêu, những người ấy không đau khổ* không có nghĩa là gỗ đá, vô cảm, quay lưng với thân nhân và cuộc đời mà chính là vượt lên tình chấp thương yêu vị kỷ, siêu việt cái tôi luyến ái cá nhân. Vì thế, người con Phật phải biết chấp nhận quy luật vô thường nghiệt ngã của cuộc đời để vượt lên niềm đau của tình cảm cá nhân, an trú trong hiện tại.▲

VIII. THUYẾT PHÁP & NGHE PHÁP

1- BA HẠNG NGƯỜI NGHE PHÁP

Một thời, Thế Tôn trú ở Savatthi, tại vườn ông Anàthapindika dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có ba hạng người này xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Hạng người với trí tuệ lộn ngược, hạng người với trí tuệ bấp vế, hạng người với trí tuệ rộng lớn.

Này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người với trí tuệ lộn ngược? Ở đây, có hạng người thường đi nghe pháp. Người ấy, đối với bài thuyết giảng không có tác ý đến đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối. Khi đứng dậy, đối với bài thuyết giảng không có tác ý đến đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối. Ví như, một cái ghè lộn ngược, nước chứa trong ghè tuôn chảy, không dừng lại.

Này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người với trí tuệ bấp vế? Ở đây, có hạng người thường đi nghe pháp. Người ấy, đối với bài thuyết giảng có tác ý đến đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối. Nhưng khi đứng dậy, đối với bài thuyết giảng không có tác ý đến đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối. Ví như, trên bấp vế một người, để các hạt đậu, hạt gạo. Khi người ấy đứng dậy, khiến tất cả đều rơi vãi.

Này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người với trí tuệ rộng lớn? Ở đây, có hạng người thường đi nghe pháp. Người ấy, đối với bài thuyết giảng có tác ý đến đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối. Khi đứng dậy, đối với bài thuyết giảng có tác ý đến đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối. Ví như, một cái ghè dựng đứng, nước chứa trong ấy được giữ lại, không có chảy đi.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Người, phần Lộn ngược [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.231)

LỜI BÀN:

Trong Phật giáo, nghe pháp là một trong những phương thức tu tập trí tuệ (văn tuệ). Nhờ nghe pháp mà am hiểu giáo lý và trực nhận ra nhiều vấn đề, rồi từ đó có thể chuyển hóa được các tật xấu, những khổ đau. Tuy nhiên, trong số khá nhiều người tham dự nghe pháp tại các đạo tràng, giảng đường thì không phải ai cũng hội đủ căn lành để nhận thức trọn vẹn giáo pháp.

Có hạng người nghe pháp chỉ để “gieo duyên”, không tập trung, không nắm bắt được giáo nghĩa và tất nhiên là họ không thể suy tư, chiêm nghiệm về lời Phật dạy để áp dụng trong cuộc sống thường ngày. Phật ví hạng người này như cái ghè úp ngược, không đựng được chút nước nào.

Hạng người thứ hai thì mau quên, khi nghe pháp có tập trung, hiểu được giáo pháp nhưng nghe xong thì thôi, chẳng lưu tâm nghiền ngẫm. Tuy có khá hơn hạng người thứ nhất nhưng vì ít lưu tâm nên dù nghe pháp nhiều vẫn hiểu biết giáo pháp rất khiêm nhường. Phật ví sự hiểu biết giáo pháp của hạng người này như hạt đậu, hạt gạo để trên bấp vế, đứng dậy là rơi ngay xuống đất, không dính lại.

Hạng người thứ ba nghe pháp được Phật khen ngợi, vì sau khi nghe hiểu thì thường xuyên nhớ nghĩ, tư duy, chiêm nghiệm về những gì đã được nghe. Nhờ vậy, giáo pháp luôn thấm nhuần trong cuộc sống, ứng xử của họ. Và hẳn nhiên hạng người này tu tập có chuyển hóa, đạt được an vui, giải thoát.

Vì thế, những người con Phật luôn tự răn nhắc mình để hướng đến là hạng người nghe pháp với trí tuệ rộng lớn: nghe, hiểu, ghi nhớ, chiêm nghiệm và thực hành.▲

2- ĐÚNG THỜI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, dạy các Tỷ kheo:

Có bốn thời gian này, này các Tỷ kheo, nếu khéo tu tập, khéo vận chuyển, tuần tự đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là bốn? Nghe pháp đúng thời, đàm luận về pháp đúng thời, chỉ đúng thời, quán đúng thời.

Này các Tỷ kheo, ví như trời mưa trên đỉnh núi, nước chảy theo khe núi tràn đầy thung lũng, sau đó tràn ngập ao hồ, tràn đầy sông suối rồi tràn xuống đại dương. Cũng vậy, bốn thời gian này, này các Tỷ kheo, nếu khéo tu tập, khéo vận chuyển, tuần tự đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 4, phẩm Ánh sáng, phần Thời gian, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.81)

LỜI BÀN:

Sự nghiệp tu tập của một người, để đoạn tận lậu hoặc, đạt đến giải thoát, cần tuân thủ theo một trình tự nhất định. Tiến trình này được Thế Tôn ảnh dụ như nước xuôi dòng từ trên đỉnh núi về đến biển khơi.

Nghe pháp là nhân tố quan trọng đầu tiên. Không nghe giảng, học tập, nghiên cứu và tìm hiểu giáo điển thì chắc chắn “tu mù”. Nghe pháp chính là một trong những pháp tu tác thành nên trí tuệ (Văn tuệ). Việc tìm hiểu kinh điển phải đúng thời, tức là phải đi theo trình tự, theo thứ bậc từ thấp đến cao, từ tục đế đến chân đế.

Sau khi nghe pháp, không phải ai cũng hiểu trọn vẹn, nắm bắt được tinh túy của giáo pháp. Vì thế, cần phải tư duy, chiêm nghiệm và đàm luận để đào sâu nghĩa lý. Pháp đàm là một

phương thức học Phật pháp vô cùng cần thiết. Tư duy và thảo luận Phật pháp sẽ giúp hành giả thẩm thấu giáo pháp sâu sắc, chính xác hơn (Tư tuệ).

Vấn tuệ và Tư tuệ vốn rất quan trọng, làm nền tảng cho Tu tuệ. Chỉ và quán, hay nói cách khác, tu tập định và tuệ là cơ sở cho mọi pháp môn. Chỉ là định, tức sự tập trung, ngưng đọng, lắng yên tất cả mọi tạp niệm. Quán là thẩm sát, thấy rõ như thật tự tính của vạn pháp. Chỉ và quán đúng thời là vận dụng chỉ quán nhuần nhuyễn, tương thích với thực tại của thân tâm để diệt tận phiền não, thành tựu chánh trí, chúng đắc giải thoát, Niết bàn.

Như vậy, học hỏi, tư duy và thực hành pháp nếu được ứng dụng có thứ lớp, trình tự là nhân tố đưa đến sự thành công trong tu tập. Dụng công đúng thời là điều cần lưu tâm cho bất kỳ ai muốn tu học có kết quả. Ngày nay, người tu tuy nhiều nhưng chúng đắc các Thánh quả không nhiều, phải chăng chúng ta chưa thực sự “khéo tu tập” như lời chỉ dạy của Thế Tôn?▲

3- THUYẾT PHÁP PHÂN BIỆT

Một thời, Thế Tôn trú ở Nalandà, tại rừng Pàvārikamba. Rồi thôn trưởng Asibandhakaputta đi đến đánh lễ, bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, vì sao đối với một số người, Thế Tôn thuyết pháp một cách hoàn toàn trọn vẹn và đối với một số người khác lại không như vậy?

Này thôn trưởng, ông nghĩ thế nào, một người cày ruộng có ba thửa ruộng. Một loại ruộng tốt, một loại bậc trung và một loại ruộng xấu. Người cày ruộng ấy muốn gieo hạt ở thửa ruộng nào trước?

Bạch Thế Tôn, tất nhiên người cày ruộng muốn gieo hạt giống vào thửa ruộng tốt trước.

Này thôn trưởng, cũng vậy, ví như thửa ruộng tốt là các Tỷ kheo, Tỷ kheo ni của Ta. Ví như thửa ruộng loại trung, là các nam nữ cư sĩ của Ta. Đối với họ, Ta thuyết pháp sơ thiện, trung thiện và hậu thiện, có nghĩa, có văn. Ta nói lên cho họ biết đời sống Phạm hạnh thanh tịnh. Vì họ sống lấy Ta làm chỗ nương tựa. Ví như thửa ruộng xấu là các ngoại đạo, Bà la môn, du sĩ. Đối với họ, Ta thuyết pháp sơ thiện, trung thiện và hậu thiện, có nghĩa, có văn. Vì rằng, nếu họ hiểu được chỉ một câu, như vậy là họ được hạnh phúc an lạc lâu dài.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ IV*, chương 8, phần Thuyết pháp [trích], Nxb Tôn Giáo, 2001, tr.493)

LỜI BÀN:

Tất cả chúng sinh đều có khả tính giác ngộ, tuy nhiên tùy thuộc vào duyên nghiệp của mỗi người mà khả năng ấy được phát huy

và có những thành tựu nhất định.

Theo tuệ giác Thế Tôn, có ba nhóm đối tượng cơ bản cần phân biệt giáo hóa. Trước hết là những đệ tử xuất gia, những thửa ruộng tốt cần gieo hạt trước. Hoa trái giải thoát của Tứ thánh quả vốn đã tiềm tàng trong hàng ngũ xuất gia. Với lợi thế của đời sống xuất gia là không bị gia đình ràng buộc, có thể dành hết thời gian cho thiền định và như thế, sự chứng đắc các Thánh quả là điều chắc chắn họ sẽ gặt hái được. Đây cũng là lý do Thế Tôn ưu ái hàng trưởng tử.

Tiếp đến là hàng cư sĩ Phật tử, những đệ tử tại gia của Thế Tôn. Do đặc điểm sinh kế và nhiều ràng buộc với gia đình, xã hội nên không thể chuyên nhất tu tập giải thoát như hàng xuất gia. Tuy nhiên, hàng cư sĩ có một trọng trách to lớn là hộ pháp và vẫn có thể thành tựu những quả Thánh từ Sơ quả đến Tam quả. Do đó, hàng cư sĩ trong giáo pháp là những thửa ruộng loại trung, nếu gia tâm chăm bón thì cũng được đền bù xứng đáng.

Ngoài ra, đối với những thửa ruộng xấu, Thế Tôn vẫn gieo mầm hy vọng, mong mỗi nơi họ dự phần giác ngộ để được lợi ích. Do vậy, Thế Tôn thường quán sát căn cơ để tùy duyên giáo hóa, dù bình đẳng đối với tất cả chúng sinh nhưng phương tiện và pháp môn tuyên thuyết cũng như sự quan tâm cho mỗi nhóm đối tượng thì có khác biệt.▲

4- GIÁO HÓA NGƯỜI NGHÈO

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagha, Veluvana. Bấy giờ, một người bệnh hủi tên là Suppabuddha nghèo đói, ăn xin, khốn cùng. Từ xa, thấy hội chúng đang nghe Thế Tôn thuyết pháp, Suppabuddha nghĩ rằng: “Ở đây, có thể xin được cái gì để ăn”, liền đi đến. Khi đến nơi, biết Thế Tôn đang thuyết pháp, liền ở lại nghe pháp.

Rồi Thế Tôn, quán sát hội chúng biết rằng người hủi Suppabuddha có thể hiểu pháp nên tuần tự thuyết về bố thí, trì giới, thiên giới, sự nguy hiểm của các dục, sự xuất ly.

Như tấm vải được gột rửa những vết đen nên dễ nhuộm; cũng vậy, sau khi nghe pháp, trong tâm người hủi Suppabuddha khởi lên pháp nhãn xả ly trần cấu: Phàm cái gì được khởi lên, tất cả đều bị đoạn diệt, chứng quả Dự lưu. Rồi Suppabuddha phát tâm quy y Tam bảo, nguyện từ nay cho đến mạng chung, trọn đời quy ngưỡng.

(ĐTKVN, *Tiểu Bộ* I, chương 5, phẩm Trưởng lão Sona, Nxb.TPHCM ấn hành, 1999, tr.203)

LỜI BÀN:

Không phải đến bây giờ mà ngay từ thời Thế Tôn tại thế, khi thấy hội chúng đông đảo thì những người ăn xin kéo đến, với ước mong đơn giản là có thể xin được thực phẩm để sống qua ngày. Vì thế, mỗi khi chùa có lễ hay hội thì những người ăn xin tụ về đông đảo, nhất là dịp lễ lớn thì họ đến càng đông hơn.

Cố nhiên Thế Tôn và các Tỷ kheo thời bấy giờ sống đời khát thực nên không có nhiều thực phẩm để san sẻ nhưng nhờ quán sát nhân duyên, Thế Tôn khéo thuyết giảng hợp với căn tánh của họ nên giáo hóa dễ dàng, đưa họ về với Chánh pháp, trở thành Phật

tử chân chánh, thậm chí chúng đắc Thánh quả.

Ngày nay, chúng ta có nhiều cái để cho những người hành khát hơn, vì thế họ tập trung đến chùa vào những dịp lễ hội càng đông. Mỗi khi đến chùa lễ bái, tham quan, thư giãn và tĩnh tâm, nhìn thấy cảnh tượng này ai cũng không khỏi chạnh lòng.

Giải pháp cho vấn đề này thì có nhiều nhưng kết quả không mấy khả quan. Bởi vì nếu cho họ vật chất thôi thì chỉ là phương thức tạm thời, đôi khi bị những người biếng nhác lợi dụng. Nên chớ ngoài vật chất ra, người con Phật cần phát khởi lòng từ bố thí pháp, như Thế Tôn đã thuyết pháp giáo hóa Suppabuddha.

Người cho và nhận đều được lợi ích khi cả hai hiểu được ý nghĩa của việc mình làm. Do vậy, từ bi và trí tuệ phải song hành trong mọi hành xử của người con Phật, nhất là trong phương diện bố thí, để tất cả đều lợi lạc.▲

5- DU HÀNH

Một thời, Thế Tôn trú ở Kimbilà, tại Veluvana, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có năm điều nguy hại này cho người sống du hành dài, du hành không có mục đích. Thế nào là năm?

Không nghe điều chưa được nghe; không làm cho thanh tịnh điều đã được nghe; có sợ hãi một phần điều đã được nghe; cảm xúc bệnh hoạn trầm trọng; không có bạn bè.

Này các Tỷ kheo, có năm lợi ích này cho người sống du hành có mục đích. Thế nào là năm?

Nghe điều chưa được nghe; làm cho thanh tịnh điều đã được nghe; không có sợ hãi một phần điều đã được nghe; không cảm xúc bệnh hoạn trầm trọng; có bạn bè.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Du hành dài, phần Du hành dài [1], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.723)

LỜI BÀN:

Du hành là không ở cố định một nơi, luôn di chuyển, gần như lang thang vô định cốt yếu nhằm không dính mắc vào các tiện nghi vật chất. Du hành là lối sống đẹp, thông dong nhẹ nhàng của các bậc xuất gia, khát sĩ. Chỉ ba y và bình bát, vị Tỷ kheo cứ thế bộ hành, vân du đó đây tự tại. Cơm ăn hàng ngày phụ thuộc vào tín thí, chỗ nghỉ là những gốc cây. Sống đơn giản tri túc và thiếu dục, không cần dự phòng cho tương lai; chỉ an trú vững chãi, chánh niệm từng phút giây trong hiện tại.

Đặc trưng của đời sống khát sĩ là du hành, với mục đích trợ duyên cho giải thoát. Thay đổi môi trường sống liên tục nhằm tránh xa sự tham đắm và chấp thủ. Ngay cả gốc cây mà không

nên ngủ quá ba đêm vì sợ khởi tâm ưa thích và bám víu, hướng gì là tinh xá, chùa chiền và tín đồ... Mặt khác, du hành có mục đích là cơ hội quý giá để học hỏi, tầm cầu giáo pháp. Ra đi, tầm nhìn sẽ được mở mang, tri thức sẽ thêm hoàn thiện, bởi “đi một ngày đàng, học một sàng khôn”. Đặc biệt là học hỏi những kinh nghiệm thực tập chuyển hóa nội tâm từ các bậc trưởng lão, tôn túc để chuyển hóa phiền não tự thân.

Được tiếp nhận và trao truyền kinh nghiệm tu tập là phúc duyên của hàng hậu học. Sự trải nghiệm của chư vị trưởng lão sẽ làm giàu thêm hành trang giải thoát cho người thực tâm cầu học, nhất là sự thân chứng mà chư vị đó kinh qua như nhân quả, nghiệp báo, tội phước và các diễn biến nội tâm trong thiền định. Những lời giáo huấn ấy như cam lộ tưới tắm những tâm hồn bất an, đặc biệt là khơi dậy niềm tịnh tín giải thoát nơi các hành giả sơ cơ, nội tâm chưa thực sự an lạc, vững chãi.

Du hành còn là một phương thức vận động cơ thể, rèn luyện thể lực, thích ứng với nhiều môi trường sống khác nhau, tạo ra sự điều hòa và khỏe mạnh. Đồng thời, đời sống du hành sẽ mở rộng các quan hệ pháp lữ, thắt chặt thêm tình huynh đệ ở những trụ xứ khác nhằm trợ duyên và nương tựa lẫn nhau hướng đến giải thoát. Đây là những lợi ích thiết thực cho những hành giả sống du hành có mục đích.

Tuy nhiên, đối với những ai du hành không vì mục tiêu hướng đến giải thoát thì chỉ đơn thuần là du hí mà thôi. Vân du sơn thủy du lịch đó đây mà xa rời mục tiêu phạm hạnh và hướng đến giải thoát thì không phải là hạnh du hành. Vì thế, du hành có mục đích là điều tối cần thiết cho đời sống khát sĩ nhằm hướng đến giải thoát, an lạc. ▀

6- BỐN HẠNG NGƯỜI NGHE PHÁP

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Vajji, làng Bhandā. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Có bốn hạng người, này các Tỷ kheo, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Nghe ít, điều đã nghe không được khởi lên; nghe ít, điều đã nghe được khởi lên; nghe nhiều, điều đã nghe không được khởi lên; nghe nhiều, điều đã nghe được khởi lên.

Ở đây, này các Tỷ kheo, có hạng người được nghe ít về kinh pháp. Với những điều đã nghe ít ỏi này, người ấy không biết nghĩa, không thực hành pháp.

Này các Tỷ kheo, ở đây, có hạng người được nghe ít về kinh pháp. Với những điều đã nghe ít ỏi này, người ấy biết nghĩa, thực hành pháp.

Ở đây, này các Tỷ kheo, có hạng người được nghe nhiều về kinh pháp. Với những điều đã nghe nhiều này, người ấy không biết nghĩa, không thực hành pháp.

Này các Tỷ kheo, ở đây, có hạng người được nghe nhiều về kinh pháp. Với những điều đã nghe nhiều này, người ấy biết nghĩa, thực hành pháp.

Này các Tỷ kheo, có bốn hạng người này hiện hữu ở đời.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* I, chương 4, phẩm Bhandagāma, phần Học hỏi ít, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.560)

LỜI BÀN:

Nghe pháp là một trong những phương thức tu học của người con Phật. Muốn tu học thành công tất phải học tập, nghe pháp để hiểu và hành trì đúng Chánh pháp. Tuy nhiên, tùy theo khả năng mà

mỗi người trong quá trình nghe pháp nhận thức giáo pháp khác biệt nhau.

Trước hết, có hạng người ít nghe đồng thời với cơ duyên nghe pháp ít ỏi ấy cũng không hiểu pháp. Đây là một hạn chế lớn, vì không hiểu pháp sẽ đưa đến nhiều tai hại, hành trì sai lạc, nhất là vấn đề “tin mà không hiểu Ta chính là phỉ báng”.

Đối với hạng người ít nghe pháp nhưng hiểu được và thực hành những vấn đề đã nghe, điều này thật quý giá, đáng trân trọng. Chỉ cần hiểu pháp dù không nhiều nhưng đảm bảo sẽ nhận thức và hành trì đúng pháp và chắc chắn sẽ có nhiều lợi ích.

Trường hợp của hạng người nghe nhiều nhưng hiểu và hành trì chẳng bao nhiêu khá phổ biến. Thực tế cho thấy hiện nay người học pháp rất nhiều nhưng cốt tủy và tinh hoa của giáo pháp mà người học lãnh hội được không mấy khả quan. Nhất là phương diện hành trì pháp, nền tảng của chuyển hóa không được ứng dụng nên đa phần không vượt thoát khổ đau.

Cuối cùng, hạng người nghe pháp nhiều, hiểu và thực hành đầy đủ những điều đã được nghe là những hạt giống tốt trong Chánh pháp. Bởi hạng người này là những bậc chân nhân, chắc chắn sẽ tìm ra hạnh phúc, an lạc trong đời sống đồng thời nỗ lực đem kinh nghiệm giải thoát đó truyền bá cho mọi người cùng được lợi ích, an vui.

Người con Phật chân chánh là phải hiểu và thực hành Chánh pháp để từng bước chuyển hóa khổ đau, thiết lập hạnh phúc trong đời sống hiện tại. Vì thế, nghe pháp để hiểu, hiểu pháp để thực hành, thực hành pháp để thoát khổ là phương châm tu học của tất cả những người con Phật.▲

7- BẢN LĨNH HOÀNG PHÁP

Một thời, Thế Tôn ở tại Rajagaha, Veluvana. Rồi Tôn giả Punna (Phú Lô Na) đi đến đảnh lễ, bạch Thế Tôn:

Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vẫn tất thuyết pháp cho con. Sau khi nghe pháp, con sẽ sống an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Này Punna, sau khi được nghe giáo giới vẫn tất của Ta, ông sẽ trú tại quốc độ nào?

Bạch Thế Tôn, con sẽ ở tại Sunàrapanta.

Này Punna, thô bạo, độc ác là người xứ Sunàrapanta. Nếu người xứ Sunàrapanta chửi bới, mắng nhiếc ông, ông nghĩ thế nào?

Bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ: Thật hiền thiện, người xứ Sunàrapanta! Vì những người này không lấy tay đánh đập ta.

Nhưng nếu họ đánh đập ông bằng tay, ông nghĩ như thế nào?

Bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ: Thật hiền thiện, người xứ Sunàrapanta! Vì những người này không đánh đập ta bằng gậy.

Này Punna, nhưng nếu người xứ Sunàrapanta sẽ đánh đập ông bằng gậy, thời ông nghĩ như thế nào?

Bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ: Thật hiền thiện, người xứ Sunàrapanta! Vì những người này không đoạn mạng ta bằng kiếm sắc bén.

Này Punna, nhưng nếu người xứ Sunàrapanta sẽ đoạn mạng ông với lưỡi kiếm sắc bén, thời ông nghĩ như thế nào?

Bạch Thế Tôn, nếu những người xứ Sunàrapanta sẽ đoạn mạng con với lưỡi kiếm sắc bén thì con sẽ nghĩ:

Chính họ đã giúp con loại bỏ cái thân ô trược này.

Lành thay, lành thay, này Punna. Ông có thể sống tại quốc độ Sunàrapanta.

Rồi Tôn giả đến xứ Sunàrapanta, trong mùa mưa ấy, Tôn giả độ được 500 cư sĩ.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ IV*, phẩm Chana, mục Punna, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.105)

LỜI BÀN:

Gieo trồng, phát tán hạt giống Bồ đề vào tâm thức mọi người là sứ mạng thiêng liêng của đệ tử Như Lai. Để thực thi trọn vẹn sứ mạng cao cả ấy, người con Phật phải dấn thân, phụng hiến tất cả vì tương lai của Phật pháp, thậm chí phải dấn thân xả thân vì đạo.

Một trong những yếu tố cơ bản và quan trọng nhất của vị Như Lai sứ giả là un dúc, trui rèn ý chí nhằm hoàn thiện tự thân, sắt son với tâm nguyện hoằng pháp. Không chỉ học rộng, biện tài, vị Như Lai sứ giả còn phải phát đại nguyện độ sinh cho đến không tiếc thân mạng.

Khi sự hoàn thiện đạt đến độ chín, trí tuệ và phương tiện hoằng pháp đầy đủ sẽ tạo ra bản lĩnh của một vị Như Lai sứ giả. Lúc bấy giờ, họ đủ khả năng đi đến bất cứ nơi đâu, bất chấp nơi ấy khó khăn đến thế nào cũng có thể hoàn thành viên mãn Phật sự.

Nơi Tôn giả Punna dung hội đầy đủ các yếu tố cần thiết của một vị Như Lai sứ giả. Là bậc tiên phong đầy bản lĩnh và thành công nhất trong công cuộc đưa Phật pháp đến những vùng xa. Tôn giả Punna, một bậc thầy đáng kính, một điển hình sinh động cho các vị Như Lai sứ giả trong thời hiện đại học tập và noi theo.▲

8- NGHE PHÁP ĐƯỢC NHIỀU LỢI ÍCH

Một thời, Thế Tôn trú ở Kimbilà, tại Veluvana, Ngài cho gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, nghe pháp có năm lợi ích này. Thế nào là năm?

Được nghe điều chưa nghe, làm cho trong sạch điều đã được nghe, đoạn trừ nghi, làm cho tri kiến chánh trực, làm cho tâm tịnh tín.

Này các Tỷ kheo, nghe pháp có năm lợi ích này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Kimbila, phần Nghe pháp, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.708)

LỜI BÀN:

Tri thức là chìa khóa để mở cửa mọi kho tàng của cuộc sống. Ngay cả kho tàng trí tuệ Bát nhã vốn siêu việt ngôn ngữ và tư duy cũng rất cần đến tri thức trong giai đoạn tiếp cận đầu tiên. Ở phương diện thế gian, nếu không có tri thức thì cuộc đời sẽ tối tăm, nhân loại sẽ mãi khổ đau, lầm than, cơ cực. Trong hành trình tìm cầu chân lý, cũng vậy, nếu thiếu vắng tri thức thì sẽ không có *chiếc bè để qua sông* và chẳng thể nào có *ngón tay để chỉ mặt trăng*. Muốn có được tri thức ấy thì ngoài khả năng tư duy, nghe và đọc là những phương thức cơ bản đồng thời cũng tối ưu nhất.

Một người con Phật, muốn có tri thức đúng đắn để thiết lập chánh kiến thì phải đọc, nghe và tư duy thật nhiều về những lời Phật dạy. Thời Đức Thế Tôn còn tại thế, kinh Phật dưới dạng văn bản chưa hình thành. Do vậy, nghe pháp là phương cách duy nhất để học tập giáo pháp nhằm tư duy, tu tập rồi từng bước thể nhập, trực nhận chân lý. Muốn có một đề mục để tư duy, tất nhiên phải được nghe Phật hoặc chư Tăng giảng thuyết, khai mở trước về đề

mục ấy. Vì thế trong ba loại trí tuệ: trí tuệ nhờ nghe pháp (văn tuệ), trí tuệ nhờ tư duy pháp (tư tuệ) và trí tuệ nhờ tu tập về pháp (tu tuệ) thì văn tuệ được thiết lập đầu tiên làm cơ sở cho tư tuệ và tu tuệ.

Nghe pháp để có nhận thức đúng đắn về Chánh pháp là một trong những nhiệm vụ cơ bản của người con Phật. Trong năm lợi ích của nghe pháp mà Phật đã nêu trên không ngoài mục đích nghe để hiểu, hiểu để tin và tin hiểu để thực hành. Một Phật tử nếu chỉ đơn thuần có niềm tin vào Tam bảo thì chưa đủ, ngoài niềm tin thì bắt buộc phải có sự hiểu biết chính xác, sâu sắc về giáo pháp. Vì rằng, niềm tin theo quan điểm của Thế Tôn phải là tịnh tín, tức do hiểu biết mới có niềm tin. Nếu tin mà không hiểu thì đồng nghĩa với sự phỉ báng, là mê tín. Do vậy, người con Phật phải thường xuyên nghe pháp; nghe pháp để tu học nhằm hoàn thiện tự thân và để hoằng pháp lợi sanh.

Ngày nay, để tiếp cận và học tập giáo lý của Đức Phật có vô số phương tiện. Tuy nhiên, nghe pháp vẫn là phương tiện tối thắng vì có tính trực quan, rất sinh động, đặc biệt là thính chúng có thể thảo luận trực tiếp với người giảng pháp để trực nhận chân lý. Vì thế, người Phật tử phải thường xuyên nghe pháp để phát huy nhận thức, hiểu biết sâu sắc hơn về giáo lý, phá tan những nghi hoặc, thành tựu niềm tin Tam bảo vững chắc, không thoái chuyển.▶

9- NĂM ĐỨC CỦA PHÁP SƯ

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambì, tại vườn Ghosita. Lúc bấy giờ, Tôn giả Udàyi đang ngồi thuyết pháp với hội chúng đông đảo vây quanh. Tôn giả Ànanda thấy vậy bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, Tôn giả Udàyi đang ngồi thuyết pháp với hội chúng đông đảo vây quanh.

Này Ànanda, thật không dễ gì thuyết pháp cho người khác. Để thuyết pháp cho người khác, này Ànanda, sau khi nội tâm an trú được năm pháp, mới nên thuyết pháp cho người khác. Thế nào là năm?

Ta sẽ thuyết pháp theo tuần tự; Ta sẽ thuyết pháp với mắt nhìn vào pháp môn; Ta sẽ thuyết pháp với lòng từ mẫn; Ta sẽ thuyết pháp, không phải vì tài vật; Ta sẽ thuyết pháp, không làm thương tổn cho mình và người. Này Ànanda, khi thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Diệu pháp, phần Tôn giả Udàyi, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.611)

LỜI BÀN:

Thuyết giảng giáo điển, kinh pháp cho mọi người hiểu rõ lời Phật dạy và ứng dụng thực hành để chuyển hóa khổ đau, xây dựng hạnh phúc an vui là nhiệm vụ của mỗi người con Phật. Không kể là xuất gia hay tại gia, đệ tử Phật phải chung sức gánh vác sứ mạng hoằng pháp, đem ánh sáng Chánh pháp soi sáng cuộc đời, thông qua sự tu học của chính mình để làm lợi ích cho bản thân và xã hội.

Diễn thuyết Phật pháp mà chuyển hóa được người nghe đồng thời khiến họ trở nên thích thú tìm hiểu giáo pháp, hâm mộ pháp sư

chẳng phải là chuyện dễ dàng. Phải tu luyện, tích lũy kinh nghiệm, trau dồi tri thức và hội tụ đầy đủ phúc duyên mới trở thành một pháp sư giỏi, chinh phục được người nghe. Theo tuệ giác Thế Tôn, cơ sở để một pháp sư thuyết pháp thành công thì tâm phải an trú vào năm đức: Trình bày vấn đề theo trình tự; hiểu rõ về giáo pháp đang trình bày; động cơ thuyết pháp là từ bi; không thuyết giảng vì danh lợi; những điều nói ra không làm hại cho mình và người.

Hiện nay, không khí học Phật và thuyết giảng giáo lý ở nước ta diễn ra khá sôi nổi ở khắp nơi. Từ những giảng đường, học đường Phật giáo cho đến các chùa viện, đạo tràng và những khóa tu đều có tổ chức thuyết pháp. Tuy nhiên, thực tế cho thấy hầu hết pháp sư là chư tôn đức Tăng, trong khi đội ngũ pháp sư Ni tuy có hoạt động nhưng khá khiêm nhường và gần như hiếm hoi lắm mới có một vài cư sĩ thăng tòa diễn thuyết giáo pháp cho quảng đại quần chúng.

Đây là vấn đề mà chúng ta cùng suy ngẫm để đa dạng hóa đội ngũ pháp sư, giảng sư. Vì theo tiêu chí của Thế Tôn, năm đức như đã nói ở trên mới chính là nền tảng để kiện toàn khả năng hoằng pháp, thuyết pháp của một cá nhân chứ không phân biệt là Tỷ kheo hay Tỷ kheo ni hoặc tại gia hay xuất gia...▲

10- THUYẾT PHÁP NHƯ TỶ KHEO NI SUKKÀ

Một thời, Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, Tỷ kheo ni Sukkà đang thuyết pháp với đại chúng doanh vậy.

Rồi một Dạ xoa có lòng tịnh tín đối với Tỷ kheo ni Sukkà, đi từ đường này đến đường khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác ở Ràjagaha, và ngay lúc ấy, nói lên những bài kệ này: *Này người Vương Xá thành / Các người đã làm gì / Mà nay lại nằm dài / Như say vì rượu ngọt / Không hầu hạ Sukkà / Đang thuyết pháp bất tử / Pháp ấy không trở lui / Cam lồ không lưng voi / Ta nghĩ người trí tuệ / Uống nước cam lồ ấy / Chẳng khác một trận mưa / Với kẻ khát lữ hành.*

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ I*, chương 10, phần Sukkà, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.468)

LỜI BÀN:

Thuyết pháp là nhiệm vụ căn bản (chỉ sau tu tập) của các Tỷ kheo. Các bậc Thánh tăng thời xưa thường tuyên thuyết giáo pháp trong khi đi khất thực, sau khi thọ trai, những lúc người khác tìm đến hỏi đạo, trong lúc cần phải tranh luận và phần lớn là thuyết pháp tại các tinh xá, giảng đường v.v... Ngoài Thế Tôn, các Tỷ kheo thì những Tỷ kheo ni và hàng cư sĩ cũng góp phần quan trọng vào sự nghiệp hoằng pháp. Những Thánh nữ A la hán thông tuệ như Khema (Trí tuệ đệ nhất), biện tài như Dhammadinnà (Thuyết pháp đệ nhất) đã làm rạng danh giáo pháp Như Lai. Tỷ kheo ni Sukkà tuy không được tôn vinh vào hàng đại đệ tử nhưng tài trí và đức độ hơn người đã thuyết pháp khiến cho quý thần quy phục, phát nguyện hộ trì.

Chúng ta cần thấy rằng, không hẳn là phải có bằng cấp chuyên ngành giảng sư hay có học vị cao mới thuyết pháp thành công. Tỷ kheo ni Sukkà chỉ với tâm thành, nhiệt huyết hoằng pháp cùng với khả năng thiền định, thâm nhập và thể nghiệm giáo pháp của tự thân mà cảm hóa được hội chúng trời người. Một pháp sư tuyên thuyết giáo pháp mà nhiếp phục được hội chúng đông đảo, ồn ào trở nên thanh tịnh vắng lặng đó là điều khó, nhưng chuyển hóa được các loài khác (chư Thiên, ma quỷ...) bỏ tà quy chánh lại càng khó hơn. Ngày nay, năng lượng giác ngộ và giải thoát, hay nói cách khác, phạm hạnh, đức độ, sự thực tu, thực chứng của vị pháp sư trở nên vô cùng quan trọng, nền tảng cho sự hoằng pháp thành công.

Pháp thoại này cũng cho thấy vai trò hộ pháp của chư Thiên và quý thần. Chúng ta thử tưởng tượng, một pháp sư đứng đàn thuyết pháp mà trong đạo tràng không chỉ hàng Phật tử mà có cả chư Thiên và quý thần vì kính trọng pháp sư mà động viên, nhắc nhở mọi người đến nghe pháp thì đạo tràng ấy sẽ trang nghiêm và hưng thịnh đến mức nào. Ngoài ra, thuyết pháp không nhất thiết là phải đứng đàn với hội chúng đông đảo và thao thao vô ngại biện tài mà chỉ cần thành tâm đọc tụng kinh điển một cách rõ ràng hay im lặng trong tư duy thiền quán các đề mục Chánh pháp cũng có thể giáo hóa chúng sinh.▶

IX. CHỮ THIÊN & MA QUỶ

1- NHÂN DUYÊN PHƯỚC BÁO LÀM THIÊN CHỦ

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Trùng Các giảng đường. Rồi Mahàli, người Licchavi đi đến đảnh lễ và bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có biết Thiên chủ Sakka không?

Này Mahàli, Ta biết Sakka và các pháp tác thành Sakka. Chính do chấp trì các pháp ấy, Sakka được địa vị Thiên chủ.

Này Mahàli, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakka còn là người, vị này chấp trì và thực hành bảy cấm giới túc. Thế nào là bảy cấm giới túc? Cho đến trọn đời, tôi hiếu dưỡng với cha mẹ. Cho đến trọn đời, tôi kính trọng các bậc gia trưởng. Cho đến trọn đời, tôi nói lời nhu hòa. Cho đến trọn đời, tôi không nói hai lưỡi. Cho đến trọn đời, với tâm xa lìa cấu uế và xan tham, tôi sống với tâm bố thí; hoan hỷ thí xả, nhiệt tình đáp ứng các nhu cầu, sung sướng phân phối vật bố thí. Cho đến trọn đời, tôi nói lời chân thật. Cho đến trọn đời, tôi không phẫn nộ; nếu tôi phẫn nộ, sẽ mau chóng dẹp trừ.

Nhờ chấp trì bảy cấm giới túc này, Sakka được địa vị Thiên chủ.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ* I, chương 11, phẩm 2, phần Chư Thiên, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.511)

LỜI BÀN:

Thiên chủ Sakka là vua của cõi trời Tam Thập Tam, có đầy đủ phước báo và uy quyền trong Thiên giới. Địa vị Thiên chủ của Sakka có được nhờ tu tập bảy cấm giới trọn vẹn, đầy đủ khi còn làm người.

Bảy giới cấm này chính là nhân để tác thành phước báo của một vị Thiên chủ, đồng thời đó cũng là bảy nhân cách của một người đệ

tử Phật. Chí nguyện cao cả của người con Phật là hướng đến giải thoát và giác ngộ. Tuy nhiên, nếu chưa đầy đủ phước đức, trí tuệ để chứng đắc quả Phật thì chí ít cũng được tái sinh làm trời, người và xa lìa khổ đau của tam đồ, ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Như vậy, muốn tái sinh làm người, hàng đệ tử Phật phải gìn giữ và tu tập năm giới cấm trọn vẹn, đầy đủ. Muốn sinh vào cõi trời, làm vua của trời Tam Thập Tam, người Phật tử phải tu tập viên mãn bảy giới cấm. Trong đó, hiếu dưỡng với cha mẹ là vấn đề tối quan trọng, được đưa lên hàng đầu. Tiếp đến là kính trọng các bậc bô lão, tộc trưởng, gia trưởng. Mặt khác, trong lời ăn tiếng nói hàng ngày phải chân thật, nhu hòa, yêu thương và xây dựng. Đồng thời phải biết chia sẻ, bố thí và giữ tâm luôn an vui, không nóng giận, oán thù. Chỉ cần thực tập trọn vẹn bảy điều trên thì chắc chắn sẽ gặt hái được nhiều an vui và hạnh phúc trong hiện tại và phước báo Thiên chủ ở vị lai.

Tương lai của mỗi người đều phụ thuộc vào sự tác nghiệp của chính họ trong hiện tại. Vì vậy, mỗi người con Phật phải tự quyết định lấy tương lai của chính mình bằng cách trang nghiêm phước báo tự thân, thọ trì bảy cấm giới.▲

2- TRỘM HƯƠNG

Một thời, một Tỷ kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, Tỷ kheo ấy ăn xong, trên con đường đi khát thực trở về, đi xuống hồ nước và ngửi mùi bông sen hồng.

Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy, thương xót Tỷ kheo, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác liền đi đến Tỷ kheo. Sau khi đi đến, vị Thiên ấy nói lên bài kệ: *Hoa này từ nước sanh / Không cho, ông người trộm / Như vậy một loại trộm / Ta gọi ông trộm hương.*

Tỷ kheo đáp: *Không lấy đi không bẻ / Đứng xa ta người hoa / Vậy do hình tướng gì / Được gọi là trộm hương / Ai đào rễ củ sen / Ăn dùng các loại sen / Do các hành động ấy / Sao không gọi trộm hương?*

Vị Thiên trả lời: *Người ti tiện độc ác / Lời ta không liên hệ / Nhưng chính thật cho ông / Chính lời ta tương ứng / Với người không cấu ứ / Thường hướng cầu thanh tịnh / Với kẻ ác nhìn thấy / Nhỏ như đầu sợi lông / Vị ấy xem thật lớn / Như đám mây trên trời.*

Tỷ kheo nói: *Thật sự này Dạ xoa / Ông biết ta, thương ta / Hãy nói lại với ta / Khi thấy ta như vậy.*

Vị Tỷ kheo được vị Thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ I*, chương 9, phần Sen hồng hay sen trắng, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.449)

LỜI BÀN:

Thường sen là một thú tao nhã, diễm viên thật bình an, trong sáng, thanh cao và thánh thiện như một biểu hiện đồng cảm, biết ơn đất

trời trước sự ban tặng của thiên nhiên hào phóng. Chỉ có những người thật sự thanh thoi, có tâm hồn cao khiết mới đủ tinh tế để cảm nhận hết những vẻ đẹp huyền nhiệm của tự nhiên.

Thế nhưng, đối với vị Tỷ kheo, sự thưởng thức và cảm nhận tinh tế ấy lại là tội lỗi vì đang thực hiện hành vi ăn trộm. Thật lạ và ngạc nhiên đây thú vị cho thế thường khi vật bị trộm thì vô hình, kẻ ăn trộm là người lương thiện và hành vi ăn trộm lại là thú thanh cao, lẽ nào yêu thiên nhiên lại là tội lỗi?

Thì ra, không phải Tỷ kheo trộm hoa mà trộm hương. Đối với người thường thì tâm niệm “nhìn bằng mắt chớ nhạt bằng tay” là một sự cảnh tỉnh tuyệt vời, nhưng đối với một hành giả hướng đến xả ly tham ái thì phải cảnh giác đấm nhiểm từ trong tâm ý. Bởi đam mê, thích thú dù thanh khiết và tao nhã đến mấy cũng là biểu hiện đa chiều của tham ái, dựa trên nền tảng của dục vọng.

Sở dĩ, vị Thiên cảnh tỉnh bởi kính trọng đức độ và cảm mến sự tu hành của vị Tỷ kheo nên trợ duyên. Theo vị Thiên ấy, “với người không cấu uế, thường hướng cầu thanh tịnh” thì những điều ác dù “nhỏ như đầu sợi lông, vị ấy xem thật lớn, như đám mây trên trời”. Vì thế, trộm hương dù đẳng cấp thượng thặng khiến những bậc thầy của đạo chích phải khâm phục, dù tinh vi đến độ tự thưởng, vô hình, không dấu vết, là cõi riêng người ngoài không thể biết... cũng vẫn là trộm, một trong nhiều hình thức của tâm tham, nên cần phải tránh.

Nguyện không lấy của không cho, đưa tay ra rồi rút tay vào chưa phải là khó. Khi lục căn tiếp xúc với lục trần, để vượt thoát tham ái mới thật sự khó làm. Do vậy, muốn thu thúc lục căn, bảo hộ thân tâm, vững chãi trước trần cảnh cần phải chánh niệm thường trực, tỉnh giác cao độ. Đây cũng là nguyên tắc căn bản của việc hàng phục và an trụ tâm. ▀

3- TỤNG KINH

Một thời, một Tỷ kheo sống giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, vị Tỷ kheo ấy trước kia siêng năng tụng kinh rất nhiều, sau một thời gian, trở thành thụ động, im lặng.

Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy không còn được nghe pháp từ vị Tỷ kheo, liền đi đến, sau khi đến, vị Thiên ấy nói lên bài kệ sau: *Này Tỷ kheo, sao ông / Sống chung các Tỷ kheo / Lại không chịu tụng đọc / Các kinh điển pháp cú / Ai nghe thuyết Chánh pháp / Tâm được sinh tịnh tín / Và ngay đời hiện tại / Được mọi người tán thán.*

Vị Tỷ kheo đáp: *Trước kia đối pháp cú / Ta tha thiết tìm hiểu / Cho đến khi chứng được / Quả vị bậc ly dục / Từ khi chứng ly dục / Mọi thấy, nghe, xúc cảm / Nhờ trí tuệ hiểu biết / Điều được bỏ một bên / Chính các bậc Hiền thiện / Giảng dạy là như vậy.*

(ĐTKVN, *Tương Ưng I*, chương 9, phần Tụng học kinh điển, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.445)

LỜI BÀN:

Nói đến tu tập, người ta liên tưởng ngay đến việc tụng niệm. Cố nhiên tu thì phải tụng kinh, niệm Phật nhưng không nhất thiết hễ tu là cứ phải tụng kinh, gõ mõ. Tụng niệm như thế nào là vấn đề còn tùy thuộc vào năng lực công phu và nội chứng của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu thực hành pháp thì tụng kinh là một pháp trợ duyên không thể thiếu cho việc thành tựu thiền định về sau.

Điều thú vị nhất trong pháp thoại này là việc tụng kinh không chỉ

dem lại sự nhận thức sâu sắc về giáo pháp cho bản thân người tụng mà đồng thời đó còn là một thời “thuyết pháp”. Đối tượng nghe pháp là chư Thiên và quỷ thần mà mắt người bình thường thì không thể thấy nhưng chắc chắn những thời tụng kinh thanh tịnh ấy đó mang lại lợi ích thiết thực cho nhiều chúng sinh. Mặt khác, pháp thoại này cho thấy từ thời Thế Tôn còn tại thế, việc tụng kinh (pháp cú) là một trong những nội dung tu tập, hành trì có tính chất phổ biến đối với hàng Tỷ kheo tân học.

Điều này lý giải một cách thỏa đáng cho truyền thống tụng kinh của những người đệ tử Phật rất thịnh hành và phổ biến hiện nay. Có nghĩa tụng kinh không phải là xu hướng tu hành theo kiểu “kệ kinh nhiều kẻ đọc suông”, phi chính thống như một vài người từng quan niệm. Tụng kinh là một pháp môn tu tập được ứng dụng cho hàng xuất gia thực thi ngay từ thời Thế Tôn còn tại thế.

Tuy nhiên, khi thành tựu Thánh quả, đoạn tận tham dục thì vị Tỷ kheo chỉ an tịnh trong hiện pháp lạc trú với tuệ giác thường trực và hoàn toàn tự chủ. Đây là thời điểm mà hành giả đạt đến “sự im lặng của bậc Thánh”. Ngay đây, việc tụng kinh hay không tụng kinh không còn là vấn đề nhưng vì để mọi chúng sinh (nhất là trời, thần) được nghe pháp thì tụng kinh lại càng cần thiết hơn.▶

4- KHÔNG BỊ PHI NHÂN LÀM HẠI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, gọi các Tỷ kheo:

Ví như, này các Tỷ kheo, những gia đình nào có nhiều phụ nữ và ít đàn ông, thì những gia đình ấy rất dễ bị đạo tặc, trộm cướp não hại.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo nào không tu tập từ tâm giải thoát, không làm cho sung mãn, thì vị ấy dễ bị phi nhân não hại.

Ví như, này các Tỷ kheo, những gia đình nào có ít phụ nữ và nhiều đàn ông, thì những gia đình ấy khó bị đạo tặc, trộm cướp não hại.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo nào tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thì vị ấy rất khó bị phi nhân não hại.

Do vậy, này các Tỷ kheo, các ông cần phải học tập như sau: Chúng tôi sẽ tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành căn cứ địa, an trú và khéo thực hiện.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ II*, chương 9, phần Gia đình, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.461)

LỜI BÀN:

Phi nhân là những chúng sinh không phải loài người nói chung. Theo nhân sinh quan Phật giáo thì trong vũ trụ có nhiều loại chúng sinh, ngoài loài người còn có loài trời, A tu la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Phi nhân là những chúng sinh thuộc nhóm thiên, thần, quỷ và vật, sống chung hoặc sống trong các “thế giới đan xen” với loài người.

Trừ các bậc Thánh có thể thấy biết và giao tiếp với phi nhân, còn đa phần chúng ta thì không có khả năng ấy. Tuy vậy, từ xa xưa

trong nền tảng đạo đức, văn hóa ứng xử của người Á Đông đối với phi nhân luôn tôn kính nhưng thận trọng, cảnh giác (*Quý thần kính nhi viễn chi* - Khổng Tử). Quan điểm của Phật giáo cũng vậy, tôn trọng mọi chúng sinh vì tinh thần từ bi, bình đẳng và nhất là các chúng sinh đều có khả năng giác ngộ.

Các chúng sinh trong loài phi nhân cũng như loài người có cả thiện ác, tốt xấu lẫn lộn. Hơn nữa, chúng có thần lực hơn loài người nên có khả năng làm hại con người nếu bị xúc phạm hoặc có thể giúp đỡ con người trong một vài trường hợp đủ duyên. Vì thế nên từ xa xưa, con người thường hay cúng bái, cầu xin thần linh ban phước cho mình và giáng họa lên kẻ thù. Tín ngưỡng vào thần linh kiểu này đến nay vẫn còn.

Đặc điểm nổi bật của loài phi nhân (ác thần) là tự ngã, phẫn nộ và não hại. Nhất là khi chúng ta vô tình hay cố ý xúc phạm đến tự ngã, sở thích hoặc chỗ ở của họ. Trong những trường hợp trên, loài phi nhân thường không hỷ xả và bỏ qua mà tìm cách làm hại. Vì vậy nên đối với quỷ thần, tuy con người kính trọng mà phải tránh xa.

Cảm hóa loài phi nhân, theo tuệ giác của Thế Tôn là cần trái lòng từ với họ. Chính tâm từ bi hỷ xả sẽ là suối nguồn an tịnh có khả năng dung nhiếp và hóa giải phẫn nộ, não hại nơi loài phi nhân, đồng thời là phương tiện bảo vệ hữu hiệu nhất để phòng hộ sự làm hại của họ, nếu có.▲

5- NGẠ QUỶ NGHE KINH

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Bấy giờ, Tôn giả Anuruddha ở Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika, thức dậy khi đêm vừa mới sáng, đang tụng đọc pháp cú.

Khi ấy, một nữ Dạ xoa, mẹ của Piyankara dỗ cho con nín như sau: *Này Piyankara/ Chớ có sinh tiếng động/ Vị Tỷ kheo đang tụng/ Những lời về pháp cú/ Nếu chúng ta biết được/ Học được pháp cú này/ Rồi như pháp hành trì/ Chúng ta được lợi ích/ Không sát hại sinh vật/ Không cố ý nói láo/ Tự học tập giới luật/ Chúng ta thoát nạn quỷ.*

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 10, phần Piyankara, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.462)

LỜI BÀN:

Chuyện người xuất gia trì tụng kinh Phật đã có từ thời Thế Tôn. Tất nhiên, tụng kinh là nhiệm vụ quan trọng của người tu. Tụng đọc kinh điển mỗi ngày để ghi nhớ, hiểu sâu và thể nhập diệu pháp.

Việc tụng kinh không chỉ mang đến lợi ích cho riêng người đọc tụng mà các loài hữu tình khác nếu nghe được đều lợi lạc. Vì thế, trong quá trình trì tụng kinh pháp cần phải chính xác, rõ ràng và nhất là không sơ sót, bỏ mất câu chữ.

Trong lục đạo, trừ các chúng sinh trong địa ngục Vô gián bị đau khổ hành hạ liên tục và các chúng sinh loài súc sinh luôn ngu muội tăm tối, còn lại các loài khác đều có khả năng nghe hiểu được tâm ý, ngôn ngữ của loài người. Điều thú vị là một số ma quỷ có thiện tâm cũng thích nghe kinh Phật.

Ngạ quỷ thường sống chung với loài người nhưng chúng ta hầu như ít khi nhận biết hoặc ý thức về sự hiện hữu của họ. Nghiệp lực đặc

thù của loài này là tham lam, keo sên nên ngã quý thường xuyên bị đói khát hành hạ. Tuy vậy, một số ngã quý cũng biết phát tâm hướng thiện, tu hành. Mong muốn được nhanh chóng thoát khỏi cảnh khổ của Dạ xoa, mẹ của Piyankara là một điển hình.

Hình ảnh một ngã quý mẹ đỡ con: “Đừng khóc con ơi, đừng có làm ồn, quý thầy đang tụng kinh đó, hai mẹ con chúng ta cần siêng năng nghe kinh và ứng dụng hành trì để mau thoát kiếp ngã quý” thật đẹp và dễ thương như những đệ tử Phật thuần thành, không có chút bóng dáng gì của “đồ quý cái” cả.

Loài ngã quý mà còn biết dạy nhau nghe pháp để tu học, hướng hồ Phật tử chúng ta? Vì thế, mỗi khi tụng kinh, chúng ta cần phát tâm bố thí pháp và hồi hướng công đức cho chúng sinh. Năng lực chuyển hóa của kinh pháp là không thể nghĩ bàn. Mỗi chúng ta đều là “pháp sư” hóa độ vô lượng chúng sinh nếu tụng kinh Phật đều đặn, chính xác trong tâm từ ái và thanh tịnh.▲

6- CHƯ THIÊN CẢNH GIÁC

Một thời, Tôn giả Ananda trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ananda sống quá bận rộn bởi nhiều liên hệ với cư sĩ.

Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy thương xót Tôn giả Ananda, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác, liền đi đến Tôn giả Ananda. Sau khi đi đến, vị ấy nói lên bài kệ với Tôn giả Ananda: *Ông đã quyết lựa chọn / Đời sống dưới gốc cây / Tâm ông quyết nhập một / Với mục đích Niết bàn / Cù Đàm, hãy thiên tư / Và sống chớ phóng dật / Đối với ông, ich gì / Tạp thoại vô vị ấy.*

Tôn giả Ananda được vị Thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ I*, chương 9, phần Ananda, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.438)

LỜI BÀN:

Đành rằng mối liên hệ giữa bốn chúng đệ tử Phật vốn hòa hợp như nước với sữa, luôn khăng khít và không thể tách rời. Thế nhưng, quá bận rộn bởi các liên hệ với cư sĩ chưa phải là điều hay đối với người xuất gia, vì duyên trần sẽ quấy đảo an tịnh nội tâm, làm chướng ngại thiền định.

Như Tôn giả Ananda, thị giả của Thế Tôn, bẩm tính thông minh, có trí nhớ phi thường lại rất dễ thương và hòa ái nên được hàng cư sĩ đặc biệt mến mộ. Và do đặc điểm của công việc thị giả cho Đức Phật nên phải xử lý vô số công việc đồng thời phải tiếp xúc, gặp gỡ rất nhiều hạng người. Từ đó, Tôn giả Ananda còn rất ít thời gian cho thiền định nhằm thanh lọc và thăng hoa tâm.

Vi thế, một vị Trời ở trong trụ xứ của Tôn giả Ananda đã trợ duyên,

cảnh tỉnh với Tôn giả rằng sự bận rộn ấy tuy là Phật sự (có phước báo) nhưng đối với mục tiêu giải thoát Niết bàn thì chỉ là “phóng dật, tạp thoại vô vị”. Đây cũng là một bài học lớn cho chúng ta nhằm tránh bỏ gốc để chạy theo ngọn, nhận ra những việc cốt tủy mà hàng xuất gia cần phải làm.

Đối với người xuất gia, hai mục tiêu tự lợi và lợi tha cần phải thực hiện song hành. Tuy vậy, khi nội tâm chưa thực sự vững chãi trước những thách thức và cám dỗ của ngoại cảnh thì tự lợi, tức sự tu học cá nhân cần được ưu tiên hơn. Khi nội tâm chưa thực sự an tịnh và vững vàng mà chuyên lo lợi tha và quên mất phần tự lợi thì có khi mất cả chì lẫn chài.

Tôn giả Ananda thông tuệ đến thế, nhớ tất cả những lời dạy của Thế Tôn mà đến khi Thế Tôn nhập Niết bàn vẫn chưa chứng đắc Thánh quả A la hán là điều đáng cho tất cả chúng ta suy ngẫm.▶

7- KHÔNG CHẾ NGỰ

Một thời, rất nhiều Tỷ kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại khu rừng nọ, cống cao, ngạo mạn, ồn ào, lảm miêng, lảm lời, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn không chế ngự.

Rồi một vị thiên trú ở khu rừng ấy, vì lòng thương xót, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác, liền đi đến các Tỷ kheo nói lên bài kệ sau:

Xưa sống thật an lạc / Chúng đệ tử Cù Đàm / Không tham tìm món ăn / Không tham tìm chỗ trú / Biết đời là vô thường / Họ chấm dứt khổ đau / Nay tự làm ác hạnh / Như thôn trưởng trong làng / Họ ăn, ăn ngã gục / Thèm khát vật nhà người / Con vãi chào chúng Tăng / Đánh lễ một vài vị / Vất vưởng không hướng dẫn / Họ sống như ngạ quỷ / Những ai sống phóng dật / Vì họ, con nói lên / Những ai không phóng dật / Chân thành con đánh lễ.

Các vị Tỷ kheo ấy được vị thiên cảnh tỉnh, tâm hết sức xúc động.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 9, phần Không chế ngự căn hay nhiều Tỷ kheo, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.448)

LỜI BÀN:

Từ thời Thế Tôn, lác đác vẫn có những hội chúng Tỷ kheo phóng dật, tham đắm lợi dưỡng, không mấy thú hướng tu hành để đạt đến giải thoát, Niết bàn. Nhất là về sau, khi Tăng đoàn phát triển lớn mạnh, người xuất gia ngày càng đông và những kẻ cơ hội đó trà trộn vào hàng ngũ xuất gia nhưng không vì mục tiêu giải thoát càng nhiều thì những tệ đoan bắt đầu gia tăng.

Rất dễ dàng để nhận ra một hội chúng Tỷ kheo kém phẩm chất,

khiếm khuyết về phạm hạnh, không được thanh tịnh thông qua các biểu hiện như “cống cao, ngạo mạn, ồn ào, lảm miêng, lảm lời, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn không chế ngự”. Và những hội chúng Tỷ kheo nào mà trong nội dung các hoạt động tu tập và Phật sự thiếu vắng tinh thần giới, định và tuệ thì hội chúng đó chỉ có hình thức, danh nghĩa mà thôi.

Có điều chắc chắn rằng, khi một hội chúng Tỷ kheo không thanh tịnh thì sự ngưỡng mộ và quy hướng của tín đồ suy giảm dần, ngày càng mất đi sự ủng hộ của hàng cư sĩ và chư Thiên. Do vậy, vai trò hộ pháp của cư sĩ và chư Thiên không chỉ tận lực ủng hộ về cúng dường tài vật mà còn thể hiện bằng tinh thần xây dựng, củng cố Tăng đoàn.

Vì thanh tịnh của Tăng đoàn, vì tồn vong của đạo pháp, chư Thiên và cư sĩ hộ pháp luôn quan tâm đến chư Tăng, ủng hộ và bảo vệ hết lòng, chia sẻ khi khó khăn, góp ý và thức tỉnh lúc phóng dật... với tất cả tâm từ như vị thiên trong pháp thoại trên đây, chính là trách nhiệm hộ pháp của mỗi người đệ tử Phật. ▀

8- ÁC MA XÚI GIỤC CAI TRỊ

Một thời, Thế Tôn ở Kosala, dưới chân núi Tuyết Sơn, tại một am thất nhỏ trong rừng.

Trong khi Thế Tôn thiền tịnh độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: Có thể chăng cai trị mà không giết hại, không để người giết hại; Không chinh phục, không khiến người chinh phục; Không sàu muợn, không khiến người sàu muợn một cách đúng pháp?

Rồi Ác ma, biết được tâm tư Thế Tôn như vậy, liền đi đến nói với Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cai trị. Thiện Thệ hãy cai trị.

- Nay Ác ma, ông thấy gì mà ông nói với Ta như vậy?

- Bạch Thế Tôn, Bồn như ý túc đó được Thế Tôn tu tập, làm cho sung mãn, khéo áp dụng. Và bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn muốn núi Tuyết Sơn, vua các loài núi trở thành vàng, Thế Tôn có thể quyết định như vậy, và ngọn núi có thể trở thành vàng.

Thế Tôn (nói kệ):

Dầu cho cả ngọn núi / Trở thành toàn vàng ròng / Cho đến hóa gấp đôi / Cũng không thỏa mãn được / Tham vọng của một người / Biết vậy để hành trì / Ai thấy rõ đau khổ / Và nguyên nhân đau khổ / Làm sao người như vậy / Có khuyh hướng ái dục? / Sau khi biết sinh y / Là ràng buộc ở đời / Người biết vậy nên học / Giải trừ mọi buộc ràng.

Rồi Ác ma biết được: “Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta”, sàu khổ, thất vọng, liền biến mất tại chỗ ấy.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 4, phẩm 2, phần Thống trị, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.257)

LỜI BÀN:

Pháp thoại này cho thấy Thế Tôn đã từng nghĩ đến việc thiết lập một xã hội đức trị lý tưởng, trong đó có cai trị mà “không giết hại, không để người giết hại; không chinh phục, không khiến người chinh phục; không sấu muộn, không khiến người sấu muộn”.

Quả đây là một ý tưởng tuyệt vời, tâm nguyện vì chúng sinh cao cả. Nhưng khi Thế Tôn vừa khởi lên tư tưởng này thì ác ma liền nắm bắt đồng thời cất lời xung tán và động viên Ngài hãy thiết lập sự cai trị. Ngay lập tức, Thế Tôn biết được ác ma đang lợi dụng lòng tốt của Ngài nên liền xả niệm, an trụ vào vô tâm, tịch tịnh.

Với trí tuệ của bậc Giác ngộ, Ngài thấy rằng dù cho làm được điều khó làm nhất như biến ngọn Tuyết Sơn thành một khối vàng ròng nhưng nếu tâm tham chưa điều phục thì việc ấy chỉ tăng trưởng tham vọng, chấp thủ và buộc ràng mà thôi. Điều này thật đáng để cho những đệ tử Phật suy tư trước những hoài bão độ sinh to lớn, những Phật sự bộn bề và nhất là nỗ lực để cải thiện và kiện toàn các hình thái tổ chức xã hội cũng như Giáo hội... trong khi thân tâm còn nhiều ràng buộc và giới hạn của tập khí, phiền não.

Ác ma luôn ca ngợi và khuyến khích hành giả (chưa giải thoát) tham gia quản trị xã hội nhưng thực chất là đánh lạc hướng chúng ta lệch khỏi mục tiêu giải thoát và tăng trưởng tham ái quyền lực. Do đó, tùy duyên mà làm lợi ích cho đời, làm tất cả những hạnh lành nhưng phải buông xả tất cả, vô chấp để vượt qua mọi kềm tỏa và lợi dụng của ác ma.▲

9- CÔ ĐỘC MÀ KHÔNG CÔ ĐƠN

Một thời, Tỷ kheo Vajjiputtaka trú ở Vesàli tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ có một cuộc lễ tổ chức suốt đêm ở Vesàli.

Tỷ kheo ấy được nghe tiếng nhạc khí, tiếng công v.v... đánh lên, tiếng ồn ào khởi lên, liền than thở, nói lên ngay lúc ấy bài kệ này: *Chúng ta sống một mình / Trong khu rừng cô độc / Như khúc gỗ lột vỏ / Lăn lóc trong rừng sâu / Trong đêm tối hân hoan / Như hiện tại đêm nay / Ai sống đời bất hạnh / Như chúng ta hiện sống.*

Rồi một vị Thiên trú ở khu rừng ấy, có lòng thương xót vị Tỷ kheo ấy, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác liền đi đến vị Tỷ kheo. Sau khi đến, vị Thiên ấy nói lên bài kệ: *Ông sống chỉ một mình / Trong khu rừng cô độc / Như khúc gỗ lột vỏ / Lăn lóc trong rừng sâu / Rất nhiều người thềm muốn / Đời sống như ông vậy / Như kẻ đọa địa ngục / Thềm muốn sinh thiên giới.*

Tỷ kheo ấy được vị Thiên cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ I*, chương 9 Tương ứng Rừng, phần Vajjiputta, VNCPHVN ấn hành 1993, tr.443)

LỜI BÀN:

Dù đã phát nguyện dẫn thân, tự nguyện chấp nhận sống đời cô độc nhưng thỉnh thoảng bất chợt xuất hiện cảm giác cô đơn, trống trải âu cũng là chuyện thường tình. Đặc biệt, trong trường hợp hạnh phúc xuất thế chưa đạt được mà hạnh phúc đời thường lại không có thì cảm giác cô đơn lại dễ ùa về xâm chiếm tâm hồn chúng ta hơn, nhất là những khi xung quanh ta ngập tràn không khí lễ hội, ca nhạc ồn ào náo nhiệt.

Một ẩn sĩ sống cô độc trong rừng, vì thiếu chánh niệm cho nên chột chạnh lòng, cảm giác cô đơn, xót xa cho thân phận bất hạnh. Đây là một biểu hiện quen thuộc của tâm hoang vu khi thiếu sự kiểm soát, thiếu ý thức về thực tại. Để khắc phục tình trạng này, hành giả nhanh chóng trở về thực tại bằng cách hướng tâm vào chánh niệm. Để mục đích duy trì chánh niệm có thể là niệm danh hiệu Phật, chú tâm vào hơi thở hoặc thiền quán về tâm thức đương tại... Khi đã an trú tâm vào chánh niệm thì cảm giác cô đơn bị đẩy lùi và triệt tiêu. Ai khắc phục được cô đơn tức người ấy đã nắm vững nghệ thuật của *Người biết sống một mình*.

Theo tuệ giác Thế Tôn, người tu nhờ biết duy trì chánh niệm thường trực nên dù sống cô độc mà không hề cô đơn. Bí quyết sống hạnh phúc, hoan hỷ vui tươi, tâm sung mãn tràn ngập bi trí của *Người biết sống một mình* là pháp lạc, hoa trái của chánh niệm. Một vị Trời nhận thức sâu sắc về hạnh phúc nội tâm của một ẩn sĩ nên khẳng định “rất nhiều người thèm muốn, đời sống như ông vậy”. Nhất là trong cuộc sống hiện tại với vô vàn biến động, đầy dẫy trói buộc, hệ lụy và hư dối thì một cuộc sống thanh bình, tĩnh tại nhưng sung mãn hạnh phúc tự nội vẫn là mong muốn, khát vọng của nhiều người.

Cô đơn, trống vắng và những tâm hồn đi hoang là hội chứng làm điêu linh tâm thức của con người hiện đại. Họ thường chạy trốn và sợ hãi cô đơn, nhất là khi phải đối diện với chính mình. Vì vậy, phải nhận diện và thân thiện với tâm hoang vu của bản thân để thấy rằng cô đơn không khủng khiếp và đáng sợ như ta tưởng, vì cô đơn vốn không thực. Hãy thấp sáng chánh niệm để làm chủ, an trú và nuôi dưỡng tâm bằng niềm hạnh phúc tự nội. Đây chính là bí quyết *Cư trần lạc đạo* của những người tu Phật.▲

X. THAM ÁI

1- KHÔNG BAO GIỜ THỎA MÃN

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, hưởng thọ ba sự ở đời, không bao giờ thỏa mãn. Thế nào là ba?

Hưởng thọ ngủ nghỉ, này các Tỷ kheo, không bao giờ thỏa mãn. Hưởng thọ rượu men rượu nấu, này các Tỷ kheo, không bao giờ thỏa mãn. Hưởng thọ khoái lạc ân ái nam nữ, này các Tỷ kheo, không bao giờ thỏa mãn.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* I, Chương 3, phẩm Chánh giác, phần Không thỏa mãn, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.473)

LỜI BÀN:

Trừ các bậc Bồ tát vì bi nguyện tái sinh, còn lại hết thảy chúng ta sinh ra trong cõi Dục với gốc rễ nghiệp duyên tham ái. Do đó, ái dục là bản chất của con người và sự khát ái trở nên vô cùng tận. Người ta nói “lòng tham vô đáy” vì lòng tham cùng với sự hưởng thọ các món dục ở đời dường như không bao giờ thỏa mãn.

Sự hưởng dục ví như người bị trôi giạt giữa biển khơi khát nước, càng uống nước biển vào lại càng khát, hay giống như người bị bệnh phong cùi ngồi bên bếp lửa cào cấu vết thương, càng đã ngứa thì vết thương càng lở loét ra thêm. Trong các thú vui ở đời, theo tuệ giác Thế Tôn thì ngủ nghỉ, sử dụng các chất gây nghiện (rượu, ma túy...) và hoan lạc ân ái nam nữ là không bao giờ thỏa mãn. Như lúc no say, nhu cầu ăn uống tạm ngưng nhưng rồi không lâu sau con người lại cần ăn uống và điệp khúc này diễn tiến đến hết đời.

Thực ra, “sự hưởng thọ không bao giờ thỏa mãn” ấy là một trong những nhu cầu sống chính đáng của con người. Vấn đề là phải

nhận thức rõ ràng về việc ta không bao giờ thỏa mãn với những gì hiện có và nhu cầu hưởng thụ ấy không có điểm dừng để chuyển hóa tham ái của tự thân. Mặt khác, nghĩ rằng thỏa mãn các tham muốn là hạnh phúc thì không bao giờ tìm ra hạnh phúc đích thực vì nhu cầu được thỏa mãn vốn đa dạng và vô cùng.

Do nhận thức được vấn đề nên người con Phật thiết lập muốn ít và biết đủ đồng thời làm sung mãn và an tịnh nội tâm bằng thiền định. Lộ trình chuyển hóa tâm từ bất tham đến ly tham được xây dựng trên nền tảng tuệ giác chứ không phải khổ hạnh hay chịu đựng. Phải thấy được sai lầm trong quan niệm thỏa mãn các nhu cầu tham ái là hạnh phúc để không chạy theo, không tìm cầu hạnh phúc bên ngoài. Hạnh phúc đích thực khi tâm đạt đến trạng thái thanh tịnh, không còn tham ái và chấp thủ.▶

2- CON VƯỜN VÀ CHIẾC BÃY

Một thời, Thế Tôn trú tại Sàvatthi, Ngài nói với các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, tại núi chúa Tuyết sơn, có khoảng đất bằng phẳng, khá ái, có các loài vườn và loài người qua lại. Tại đấy, những người thợ săn đặt các bẫy nhựa trên đường để bắt những con vườn.

Ở đây, này các Tỷ kheo, những con vườn nào tánh không ngu si, không tham ăn, thấy bẫy nhựa liền tránh xa. Còn con vườn nào ngu si, tham ăn, thấy bẫy nhựa ấy, thò tay nắm lấy và bị dính vào đấy. “Ta sẽ gỡ bàn tay ra”, nó thò bàn tay khác vào liền bị dính. “Ta sẽ gỡ hai tay ra”, nó giơ chân nắm lấy và bị dính. “Ta sẽ gỡ hai tay và bàn chân ra”, nó đưa chân khác vào và bị dính. “Ta sẽ gỡ cả hai tay và hai chân ra”, nó dùng miệng ngậm vào và bị dính luôn ở đấy.

Như vậy, này các Tỷ kheo, con vườn bị dính năm chỗ, nằm rên la, rơi vào bất hạnh. Người thợ săn đâm chết nó và nướng nó trên đồng củi.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, nếu đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của người khác là sắc, thanh, hương, vị và xúc khả lạc, khả ý, hấp dẫn... Ác ma sẽ nắm được cơ hội, sẽ bắt được đối tượng...

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 3, phẩm Ambapàli, phần Con vườn [lược], Nxb Tôn Giáo, 2002, tr.230)

LỜI BÀN:

Sống ở trên đời, ai mà không thích được sở hữu năm món dục lạc. Sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngọt và xúc chạm êm ái

luôn là mục tiêu tìm kiếm nhằm chiếm hữu của con người. Miệt mài chạy theo ngũ dục, không bao giờ biết dừng lại đã dẫn không ít người đến bị kịch bị trói buộc, bị dính mắc và trở thành nô lệ của ngũ dục mà không tự biết.

Ngũ dục rất hấp dẫn đồng thời cũng rất nguy hiểm, luôn rình rập như những chiếc bẫy. Cạm bẫy ngũ dục rất êm ái, được thiết kế bằng một chất keo siêu dính, một khi đã vướng vào thì con mỗi càng vùng vẫy lại càng bị dính chặt. Chết trong ngũ dục là chết ngộp, tuy không đau đớn thậm chí còn ngọt ngào, ngũ dục trói chặt và nhận chìm con mỗi cho đến chết.

Như con vượn ngu si và tham ăn kia khi đã dính vào bẫy nhựa, càng xoay xử để thoát ra thì lại càng bị dính chặt hơn. Điều đáng lưu ý ở đây là khi đã dính vào một chi ắt dính luôn các chi còn lại. Con vượn bị dính vào năm chỗ, tứ chi và miệng, để rồi nằm rên la và kết quả phải đến là bị người thợ săn đâm chết rồi nướng cháy trên ngọn lửa.

Cũng vậy, ác ma luôn giăng bẫy ngũ dục để chờ đón những Tỷ kheo. Trong xã hội phát triển, ngũ dục thịnh hành và tất nhiên sự thành công của ác ma không phải là ít. Như những con vượn khôn ngoan kia không đi vào vùng có giăng bẫy, nếu phải đi vào vùng có bẫy thì cảnh giác, tránh xa. Người sơ tâm học Phật không nên đi vào ngũ dục, chỗ không phải hành xử của mình. Không những thế mà đi đúng vào hành xử của Tỷ kheo tức thực hành Tứ niệm xứ, được vậy, ác ma sẽ không còn cơ hội, không thể nào nắm bắt. ▀

3- CỌ CÂY LẤY LỬA

Một thời, Thế Tôn ở tại Vesali, rừng Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường. Rồi Aggivessana đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi chào hỏi, chúc tụng và ngồi xuống một bên. Thế Tôn giảng cho ông về cách cọ cây lấy lửa.

Này Aggivessana, ví như có một khúc cây ướt đẫm, đầy nhựa sống và đặt trong nước. Có một người đến, cầm dụng cụ làm lửa với ý nghĩ: Ta sẽ nhen lửa, hơi nóng sẽ hiện ra. Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Người ấy lấy khúc cây ướt đẫm, đầy nhựa sống và đặt trong nước ấy, rồi cọ xát với dụng cụ làm lửa thì có thể nhen lửa, khiến hơi nóng hiện ra được không?

Thưa không, Tôn giả Gotama.

Cũng vậy, này Aggivessana, những Sa môn hay Bà la môn sống không xả ly các dục về thân như dục tham, dục ái, dục hôn ám, dục nhiệt não và nội tâm chưa được khéo đoạn trừ thì các vị ấy không thể chứng được Vô thượng Chánh giác.

Này Aggivessana, ví như có một khúc cây khô, không nhựa, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô. Có một người đến, cầm dụng cụ làm lửa với ý nghĩ: Ta sẽ nhen lửa, hơi nóng sẽ hiện ra. Này Aggivessana, ông nghĩ thế nào? Người ấy lấy khúc cây khô, không nhựa, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô ấy, rồi cọ xát với dụng cụ làm lửa thì có thể nhen lửa, khiến hơi nóng hiện ra được không?

Thưa được, Tôn giả Gotama.

Cũng vậy, này Aggivessana, những Sa môn hay Bà la môn sống xả ly các dục về thân như dục tham, dục ái, dục hôn ám, dục nhiệt não và nội tâm được khéo đoạn trừ thì

các vị ấy có thể chứng được Vô thượng Chánh giác.

(ĐTKVN, *Trung Bộ I*, Đại kinh Saccaka [trích],
VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.528)

LỜI BÀN:

Tu tập là một lộ trình dài, muốn thành tựu giác ngộ phải từng bước dọn dẹp thân tâm, đoạn trừ phiền não. Nếu không nỗ lực làm đoạn giảm tham ái thì quả vị giải thoát vẫn còn xa vời như sự vô vọng của người cọ cây lấy lửa với một khúc cây ướt đẫm, tràn đầy nhựa sống.

Một trong những nguyên lý cơ bản của Niết bàn là xa lìa và đoạn tận tham dục, luyến ái. Như nước với lửa không thể cùng song song tồn tại; cũng vậy, Niết bàn và ái dục không thể dung hợp lẫn nhau. Vì thế mà Niết bàn có một nghĩa là ái diệt.

Chuẩn bị cho quả vị Vô thượng Chánh giác, làm bùng sáng trí tuệ Bát nhã thì tự thân tâm của mỗi hành giả phải xả ly tham ái. Ngọn lửa trí tuệ sẽ bùng cháy khi thân tâm thực sự khô kiệt phiền não. Như cọ xát cành cây khô với dụng cụ làm lửa mới hy vọng có hơi nóng bốc lên và phát hỏa.

Để tạo ra lửa không những cần phải có cành cây khô và dụng cụ làm lửa mà đòi hỏi phải có một sự kiên trì, bền bỉ và liên tục. Lửa không thể phát sinh nếu quá trình cọ cây bị gián đoạn, nếu dừng lại thì cành cây sẽ nguội đi và để có lửa ắt phải cọ xát lại từ đầu. Cũng vậy, trong quá trình đoạn tận tham ái, tinh tấn là yếu tố cực kỳ quan trọng.

Lửa vốn sẵn trong cây, chỉ cần làm cho cây khô và kiên trì cọ xát với dụng cụ làm lửa, chắc chắn sẽ có lửa. Giác ngộ vốn ẩn tàng trong chúng sinh đầy dẫy tham dục. Vì thế, tinh tấn và ly tham là điều tối cần cho những người con Phật hướng đến Vô thượng Chánh giác. ▀

4- VÔ LƯỢNG KIẾP LUÂN HỒI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Rồi có nhiều Tỷ kheo đi đến, ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn:

Có bao nhiêu kiếp, bạch Thế Tôn, đã đi qua, đã vượt qua?

Rất nhiều, này các Tỷ kheo, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được là một vài kiếp, một vài trăm kiếp, một vài ngàn kiếp, một vài trăm ngàn kiếp.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho một ví dụ được không?

Ở đây, này các Tỷ kheo, có bốn vị đệ tử, sống đến một trăm năm. Cứ mỗi ngày họ nhớ đến trăm ngàn kiếp, này các Tỷ kheo, các kiếp được họ nhớ đến là vậy.

Nhiều như vậy, này các Tỷ kheo, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được là một vài kiếp, một vài trăm kiếp, một vài ngàn kiếp, một vài trăm ngàn kiếp.

Vì sao? Vô thí là luân hồi này, này các Tỷ kheo, là vừa đủ để các ông nhàm chán, là vừa đủ để các ông từ bỏ, là vừa đủ để các ông giải thoát đối với tất cả các hành.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ II*, chương 4, phẩm 1, phần Các đệ tử, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.317)

LỜI BÀN:

Trừ các bậc Thánh A la hán, không một ai có thể biết được chúng ta từ đâu đến và sẽ đi về đâu trong cuộc tử sinh bất tận, vô thí và vô chung này. Thế giới vô biên, những chúng sinh sống trong các thế giới vô số lượng và sự sinh tử luân hồi của họ cũng vô cùng.

Luân hồi là hình ảnh bánh xe quay tròn, quay mãi không dừng.

Sự trôi lăn tử sinh lên xuống của chúng sinh trong sáu nẻo trời, người, a tu la, súc sanh, ngạ quỷ và địa ngục cũng như vậy. Chính nghiệp hoặc thiện hoặc ác do mỗi chúng sinh gây tạo trong quá khứ và hiện tại là động lực thúc đẩy tiến trình tái sinh. Trong đó, tham ái là tác nhân quan trọng, chính yếu nhất của chu trình luân hồi sinh tử.

Có thể nói, tham ái là dấu hiệu nổi bật nhất để một cá nhân tự nhận biết mình đang còn bị kềm tỏa bởi luân hồi. Nói cách khác, còn tham ái là còn luân hồi, chưa thể giải thoát được. Mà ai trong chúng ta là người đã hết sạch tham ái? Bớt đi hoặc ít lại những tâm tham, niệm ái trong cuộc sống là đã quý lắm rồi. Vậy nên dòng luân hồi tự muôn đời vẫn luôn nhộn nhịp, đông vui.

Dù vậy, bánh xe quay nếu hết trón cũng dừng, ngọn đèn cháy hết dầu phải tắt, vòng luân hồi vô tận kia nếu diệt hết tham ái cũng phải vỡ tan. Giới, định và tuệ chính là những chất liệu làm xói mòn tham ái, tan chảy cơ chế tái sinh. Vì thế, để chấm dứt luân hồi, mỗi người con Phật phải tự nỗ lực đoạn trừ tham ái bằng cách thành tựu Tam vô lậu học.▲

5- NHƯ CÁ MẮC CÂU

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha, tại vườn xoài Jivaka, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, ví như một người câu cá trong hồ nước sâu, quăng xuống nước một lưới câu có mắc mồi. Một con cá đớp mồi, nuốt lưới câu ấy. Như vậy, này các Tỷ kheo, con cá ấy vì nuốt lưới câu nên đi đến bất hạnh, đi đến ách nạn, bị người câu cá muốn làm gì thì làm.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, có sáu lưới câu trong đời, đưa đến bất hạnh cho loài hữu tình, đưa đến tai hại cho các loài chúng sinh. Thế nào là sáu?

Này các Tỷ kheo, có những sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ái, hấp dẫn, liên hệ đến dục. Nếu hoan hỷ, tán dương, tham luyến và an trú vào sắc ấy, thì này các Tỷ kheo, được gọi là nuốt lưới câu của ác ma, đã đi đến bất hạnh, đã đi đến ách nạn, đã bị ác ma muốn làm gì thì làm.

Này các Tỷ kheo, có những tiếng do tai nhận thức... Có những hương do mũi nhận thức... Có những vị do lưỡi nhận thức... Có những xúc do thân nhận thức... Có những pháp do ý nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ái, hấp dẫn, liên hệ đến dục. Nếu hoan hỷ, tán dương, tham luyến và an trú vào pháp ấy, thì này các Tỷ kheo, được gọi là nuốt lưới câu của ác ma, đã đi đến bất hạnh, đã đi đến ách nạn, đã bị ác ma muốn làm gì thì làm.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ IV*, phẩm Biển, phần Người câu cá [trích], Nxb Tôn Giáo, 2001, tr.264)

LỜI BÀN:

Các giác quan của con người là những công cụ để nhận thức thế

giới khách quan và cả chiều sâu nội tại trong tâm thức của từng chủ thể. Những giác quan ấy, kinh Phật gọi là “căn” và phòng hộ, thu thúc sáu căn là một trong những pháp tu cực kỳ quan trọng trong Phật giáo. Có thể nói, từ nơi sáu căn này mà mỗi người tự xây dựng cho mình một thế giới an vui tịnh lạc của giải thoát Niết bàn hay ngược lại là cảnh giới khổ đau, đọa lạc.

Khi các giác quan tiếp xúc với đối tượng của nó, như mắt thấy sắc đẹp, tai nghe tiếng hay, mũi ngửi mùi thơm... thì tâm tham ái khởi lên và mong ước sở hữu hình thành. Và cũng từ đây, con người phải cố gắng bằng mọi cách để truy tìm, chinh phục nhằm thỏa mãn khát vọng chiếm hữu. Thế Tôn gọi hành vi này là nuốt phải lưỡi câu có gắn mỗi dục vọng của ác ma và bị ác ma muốn làm gì thì làm.

Đành rằng, phấn đấu để xây dựng cuộc sống hoàn thiện, đầy đủ, sung túc là tiêu chí chung của nhân loại. Nhưng vì lòng tham không bao giờ thỏa mãn nên cuộc đời mãi là cuộc hành trình hướng về, hướng đến... trong chi phối của tham dục và vô minh mà thôi.

Trong thực tế, chúng ta khổ đau không phải vì thiếu thốn mà vì mong ước quá nhiều, tham vọng quá lớn. Do vậy, giữ tâm chánh niệm khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần để không bị lôi kéo, không chạy theo, không đánh mất mình là tránh được lưỡi câu của ác ma. Sống trong trần thế mà chẳng nhiễm bụi trần chính là nhờ sự tu tập giữ gìn, phòng hộ sáu căn này.▲

6- TRÚNG TÊN ĐỘC

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, dạy các Tỷ kheo:

Khổ lụy, này các Tỷ kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng..

Như thế nào, này các Tỷ kheo, bị mũi tên độc bắn trúng (được ví như) một người hữu học với tâm trí nhiệt thành khi bị các lợi đắc, cung kính, danh vọng chạm đến.

Mũi tên, này các Tỷ kheo, chỉ cho các lợi đắc, cung kính, danh vọng.

Này các Tỷ kheo, như vậy khổ lụy là các lợi đắc, cung kính, danh vọng.

Như vậy, này các Tỷ kheo, các ông cần phải học tập.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ II*, chương 6, phần Trúng độc, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.396)

LỜI BÀN:

Lợi lộc, danh tiếng và những sự trọng vọng ở đời là điều mà hết thảy mọi người đều mong ước và gắng sức phấn đấu để thành tựu. Cuộc đua chen trong trường danh lợi này với muôn ngàn sắc màu được mắt và vô số cung bậc buồn vui chính là diện mạo sống động nhất của bức tranh đời. Và cũng chính vì mãi chạy theo danh lợi với lòng tham vô tận nên không ít người bị thân bại danh liệt, chịu lao lý tù đày và thậm chí có thể mất mạng.

Đối với người xuất gia, danh lợi và cung kính cũng theo thời gian sẽ tìm đến họ vì đó là hoa trái của phước báo hữu lậu. Tuy nhiên, theo tuệ giác Thế Tôn, bậc hành giả phải xem đó là những mũi tên độc để né tránh và đề phòng. Càng ít thọ nhận và vướng mắc vào danh lợi bao nhiêu thì càng an ổn và vững tiến trên đường đạo bấy nhiêu.

Như cây lớn có nhiều chim chóc tìm về làm tổ, sớm tối ca hát véo

von thì sớm muộn gì cũng không tránh khỏi việc gãy cành, trụi lá. Cũng vậy, những doanh vẫy của danh lợi và cung kính sẽ góp phần làm lệch hướng mục tiêu giải thoát đối với những ai chưa thiết lập được tâm Bồ đề. Vì thế, quán chiếu về danh lợi như mũi tên độc để giữ tâm và lập chí vững chắc là điều cần yếu đối với hàng sơ tâm.

Dẫu biết vậy nhưng chúng ta có đủ tuệ giác để nhận ra đó là những mũi tên độc và can đảm né tránh và khước từ chúng hay không mới là vấn đề. Không ít người ngày nay xem việc thành tựu về phước báo hữu lậu là thành công trong sự nghiệp xuất gia. Điều này chỉ đúng một phần trên phương diện phương tiện hoằng hóa nhưng bám víu vào phương tiện thì chỉ ở “hóa thành”, trong khi mục tiêu hay cứu cánh của người xuất gia là phạm hạnh, giải thoát và Niết bàn.▲

7- BỊ TRÚNG LAO

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, dạy các Tỷ kheo:

Khổ lụy, này các Tỷ kheo, là lợi đắc, danh vọng, cung kính, là chướng ngại pháp để chúng đắc vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách.

Này các Tỷ kheo, thuở xưa, trong một hồ nước có những con rùa sinh sống. Rồi một con rùa nói với con rùa khác: Chớ có đi đến chỗ ấy. Con rùa kia không nghe lời đi đến chỗ ấy liền bị người thợ săn phóng trúng nó một cây lao có sợi dây.

Khi thấy con rùa kia đi đến, con rùa này hỏi: Này bạn, bạn có bị thương, bị bắn trúng không?

Không, tôi không bị thương, không bị bắn trúng nhưng có ngọn lao và sợi dây dính theo lưng tôi.

Này bạn, bạn bị thương thật rồi. Bạn bị bắn trúng thật rồi. Chính vì những vật này của người thợ săn mà cha ông của bạn rơi vào bất hạnh, rơi vào tai họa.

Này các Tỷ kheo, người thợ săn chỉ cho ác ma. Cái lao chỉ cho lợi đắc, danh vọng và cung kính. Sợi dây chỉ cho hỷ tham.

Tỷ kheo nào, đối với lợi đắc, danh vọng, cung kính mà thọ hưởng và luyến ái thì vị ấy đã bị lao đâm trúng, đã rơi vào tai họa, bị ác ma muốn làm gì thì làm.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ II*, chương 6, phẩm 1, phần Con rùa [lược], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.391)

LỜI BÀN:

Lợi danh là một trong những món dục hấp dẫn ở đời. Khi chưa đoạn trừ tâm tham thì tất nhiên chúng ta vẫn bị cuốn theo ngũ

dục. Vấn đề là mỗi người có nhận ra điều ấy để tự thức liễm, chỉnh đốn thân tâm của mình trước cơn lốc tham dục hay không?

Chuyện con rùa bị người thợ săn phóng lao cắm chặt trên lưng cùng với sợi dây mà không tự biết mình đang bị nạn, sắp rơi vào tai họa cho ta nhiều suy ngẫm. Phải chăng đâu đó trên thân tâm mình cũng đang dính chặt một ngọn lao danh lợi? Nhưng chắc là không, vì chẳng thấy đau đớn hay thống khổ gì cả! Cũng như chú rùa kia nhờ chiếc mai dày nên dù trúng lao nhưng không có cảm giác đau, và đây mới là vấn đề.

Làm được những điều tốt, các việc thiện hay những Phật sự nói chung vốn thật quý hóa. Tuy nhiên, để nuôi dưỡng từ tâm, phụng sự chúng sinh lâu dài trong tinh thần vô ngã vị tha, quả chẳng dễ dàng. Sự thành công lắm khi trở thành phù sa màu mỡ cho cái tôi nảy mầm, bén rễ. Một khi cái tôi có mặt thì tham ái và chấp thủ bắt đầu trỗi dậy, ngọn lao và sợi dây xuất hiện, khả năng lọt vào vòng kềm tỏa của ác ma có thể xảy ra.

Do đó, thường xuyên cảnh giác với danh lợi và cung kính, tỉnh táo trước vị ngọt của dục để tránh những ngọn lao luôn nhắm vào chúng ta. Người thợ săn dễ dàng khống chế, bắt làm thịt con rùa đã trúng lao. Cũng vậy, chúng ta cũng dễ dàng bị ác ma điều khiển, thao túng, dẫn dắt khi móng tâm thọ hưởng và luyến ái lợi danh. ▀

8- BỊ TRÓI

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosala. Rồi một số đông các Tỷ kheo vào thành khát thực, sau khi thọ thực họ trở về, đi đến đánh lễ, bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, trên đường khát thực, chúng con thấy vua Pasenadi nước Kosala bắt trói một số người; một số bị trói bằng dây, một số bị trói bằng kẽm kẹp.

Rồi Thế Tôn sau khi biết sự việc, liền nói lên bài kệ:
Bạc có trí nói rằng/Trói vậy không vững chắc/Trói bằng sắt, dây gai/Kẽm kẹp bằng gỗ mộc/Đam mê các dục lạc/Với châu báu và trang sức/Và tâm tư tưởng vọng/Hướng về con về vợ/Bạc có trí nói rằng/Trói vậy thật vững chắc.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 3, phẩm 1, phần Thiên phược [lược], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.177)

LỜI BÀN:

Các Tỷ kheo trẻ trong Tăng đoàn ngày xưa cũng quan tâm đến chuyện thời sự. Giống như các Tỷ kheo thời nay thường hay đọc báo, xem truyền hình để biết thêm diễn biến của cuộc sống hàng ngày. Vấn đề là qua những điều mắt thấy tai nghe ấy, chúng ta có vận dụng tư duy, thiền quán để có được sự tuệ tri về sự thật của cuộc đời mà tinh tấn tu tập hay không?

Nếu có chánh tư duy thì tất cả những gì xảy ra chung quanh ta đều là những đề mục thiền quán hữu ích. Một nhóm tội phạm bị trói, giải đi trên đường phố, tất nhiên sẽ thu hút sự quan tâm của nhiều người. Người hay buôn chuyện thì chỉ ghi nhận thông tin và hình ảnh rồi kể lại cho người khác. Người tu thì lại khác, hình ảnh đó giúp ta liên hệ đến nhân quả hiện tiền. Những phạm nhân kia, ắt trước đó đó làm điều gì xấu ác; trộm cướp, giết chóc, buôn lậu...

gieo nhân ác tất phải gặt quả báo.

Với Thế Tôn, hình ảnh nhóm phạm nhân bị trói được tư duy theo một tầm cao mới, trói vậy chưa vững chắc. Vì sao? Xiềng xích và gông cùm chỉ là giải pháp cho vấn đề thuộc về quả, trong khi nhân của vấn đề lại bỏ ngỏ. “Bồ tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả”. Do đó, phải hoàn thiện con người bắt đầu từ nhân, ngăn chặn điều ác khi chưa xảy ra thậm chí ngay từ trong tâm tưởng.

Mặt khác, theo tuệ giác Thế Tôn, không chỉ các phạm nhân mới bị trói, bị giải đi mà tất cả mọi người đều đang bị trói, bị dẫn dắt bởi tham vọng và vô minh. Và sự trói buộc này còn vững chắc hơn cả gông cùm và xiềng xích. Ai thành tựu được tuệ giác này mới có khả năng tháo gỡ cho chính mình.

Vui vẻ, hoan hỷ và tự nguyện được trói buộc theo dục vọng, lợi danh... mà không tự biết còn nguy hại, giam hãm con người hơn cả ngục tù. Vì vậy, người con Phật cần quán chiếu, sớm nhận ra dây trói tham vọng và vô minh để cắt đứt, tự giải thoát cho chính mình.▶

9- CẢNH GIÁC VỚI LỢI DƯỠNG, CUNG KÍNH

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana. Lúc bấy giờ, hoàng tử Ājātasattu (A Xà Thế), sáng chiều đi đến hầu Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) với năm trăm cỗ xe và cúng dường các món ăn trong năm trăm mâm bàn.

Rồi một số đông Tỷ kheo đi đến bạch Thế Tôn về chuyện ấy. Thế Tôn dạy:

Này các Tỷ kheo, chớ có thêm lợi đắc, cung kính và danh vọng của Devadatta. Ví như, này các Tỷ kheo, nếu đem bóp lá gan trước mũi con chó dữ thì con chó càng dữ dội bội phần. Cũng vậy, chừng nào hoàng tử Ājātasattu sáng chiều còn đi đến hầu Devadatta với năm trăm cỗ xe và cúng dường các món ăn trong năm trăm mâm bàn, thời này các Tỷ kheo, đối với Devadatta, chỉ có chờ đợi sự tổn giảm trong thiện pháp, không có sự tăng trưởng.

Như vậy, khổ lụy là lợi đắc, cung kính và danh vọng.. các ông cần phải học tập.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ II*, chương 6, phẩm 4, phần Xe [lược], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.421)

LỜI BÀN:

Người tu hành đức độ, uy tín càng cao thì tin đồ nương tựa càng nhiều, cung phụng càng hậu. Tuy hình thức có thọ nhận nhưng đối với bậc chân tu, tâm luôn hỷ xả, chủ yếu là làm ruộng phước cho chúng sinh. Còn đối với người mới tu, hoặc tu lâu mà chưa chứng thì đối với lợi dưỡng chỉ cần vừa đủ và phải dè chừng, vì đó là “nợ”.

Ngoài ra, người tu cần tỉnh táo để khỏi mất mình bởi thiên hạ có thể “mua” dứt chúng ta bằng hình thức cúng dường, trọng vọng. Chuyện vương tử Ājātasattu vờ vĩnh cung kính, trọng vọng Tỷ kheo

Devadatta thời Thế Tôn tại thế là một điển hình. Àjatasattu âm mưu soán đoạt ngai vàng nên cấu kết, tranh thủ sự ủng hộ của Devadatta bằng cách cúng dường hậu hĩ. Và Devadatta với tham vọng làm giáo chủ nên “liên minh ma quỷ” giữa họ càng thắm thiết hơn.

Những tân Tỷ kheo chưa có tuệ nhãn nhìn Devadatta áo mão xênh xang, lên xe xuống ngựa, thường hội đàm với vua quan thì xuýt xoa, ngưỡng vọng. Vì vậy, Thế Tôn đã kịp thời cảnh tỉnh hiện tượng Devadatta là khổ lụy, là sự tổn giảm trong thiện pháp, một sự lệch hướng tu tập trầm trọng, cần phải chấn chỉnh kịp thời.

Thì ra, có những sự cúng dường đúng pháp và phi pháp. Đối với sự cúng dường đúng pháp, người tu còn phải tự lượng sức mình “muốn ít và biết đủ” để chuyển hóa tham lam, nói chi đến cúng dường phi pháp. Nợ của đàn na tín thí, người tu có thể trả được bằng sự tu hành của chính mình nhưng nợ của những âm mưu và tham vọng thế tục thì chẳng những không trả nổi mà còn gánh chịu hậu quả mất mạng, vong thân.▲

10- NGUY HIỂM CỦA ĐAM MÊ RƯỢU CHÈ

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana. Bấy giờ, Singālaka, gia chủ tử, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, chấp tay đánh lễ sáu phương.

Rồi Thế Tôn, buổi sáng vào thành Vương Xá khát thực, sau khi dạy Singālaka về ý nghĩa đánh lễ sáu phương, Ngài dạy thêm:

Này gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm: Tài sản hiện tại bị tổn thất, đấu tranh tăng trưởng, bệnh tật dễ xâm nhập, tổn thương danh dự, để lộ âm tàng và trí lực tổn hại.

Này gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm như vậy.

(ĐTKVN, *Trường Bộ II*, kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt [trích], VNCPHVN ấn hành, 1991, tr.533)

LỜI BÀN:

“Miếng trầu là đầu câu chuyện” hay “Vô tửu bất thành lễ” là tập tục, truyền thống lâu đời của người Việt. Vì vậy, trong những dịp ăn mừng, tiệc tùng, nhất là những ngày đầu xuân thì ly trà, chén rượu được nhiều người xem là “đầu câu chuyện”.

Người Phật tử, dĩ nhiên không dùng rượu (trừ thuốc ngâm rượu để chữa bệnh), còn những người khác uống chút tí nhằm giao hảo thì cũng chẳng sao. Tuy vậy, không phải ai cũng tự làm chủ, biết dừng lại mà phần lớn vì vui vẻ nên quên, rồi quá chén.

Hiện nay, nát rượu có thể xem như một tệ nạn xã hội. Trong các tai nạn, nhất là tai nạn giao thông thì đa phần do say rượu gây ra, làm tổn thất, thiệt hại không ít về người và của. Rồi rượu vào thì lời ra, nhẹ thì làm mất lòng nhau, nặng thì gây gỗ, đánh nhau làm ảnh

hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự xã hội. Uống say đến bí tử có thể dẫn đến tử vong vì ngộ độc, trúng gió. Ngoài ra uống nhiều rượu có thể sẽ bị xơ gan, một trong những bệnh khó trị hiện nay. Khi say, không làm chủ được mình nên có thể nói năng, hành động ngớ ngẩn, có thể dẫn đến mất hết nhân cách, danh dự. Chuyện người say đến độ vút bỏ cả y phục, làm trò cười cho thiên hạ, đến khi tỉnh lại dờ khóc dờ cười cũng không phải là chuyện lạ. Sau cơn say khướt thì thân thể mệt mỏi, tay chân rã rời, đầu óc đờ đẫn, tâm trí không còn minh mẫn. Đó là những nguy hiểm do uống quá nhiều rượu gây ra.

Vì say rượu có sáu nguy hiểm như thế nên Thế Tôn luôn khuyến khích hàng Phật tử từ bỏ. Người con Phật phát nguyện không uống rượu, không sản xuất, không mời mọc, không ca ngợi việc uống rượu. Cố nhiên, rượu vẫn phổ biến trong đời sống xã hội, vấn đề là cần nhận thức rõ ràng tất cả những nguy hiểm của nó nhằm tự chế ngự khi dùng và phấn đấu để đạt đến chấm dứt, đoạn tuyệt với say sưa.▲

11- VƯỚNG MẮC NGŨ DỤC

Một thời, Thế Tôn trú tại Sàvatthi, dạy các Tỷ kheo:

Khổ lụy, này các Tỷ kheo, là lợi đắc, cung kính và danh vọng...

Này các Tỷ kheo, ví như có một con dê cái, lông dài, đi vào một khóm cây gai góc. Chỗ này, chỗ kia nó bị mắc dính vào; chỗ này, chỗ kia nó bị vướng mắc vào; chỗ này, chỗ kia nó bị trói buộc vào; chỗ này, chỗ kia nó bị rơi vào bất hạnh, tai họa.

Cũng như vậy, này các Tỷ kheo, ở đây có Tỷ kheo bị lợi đắc, cung kính, danh vọng chi phối, tâm vị ấy bị xâm chiếm, vào buổi sáng đắp y, mang bát đi vào làng khát thực. Chỗ này, chỗ kia vị ấy bị mắc dính vào; chỗ này, chỗ kia vị ấy bị vướng mắc vào; chỗ này, chỗ kia vị ấy bị trói buộc vào; chỗ này, chỗ kia vị ấy bị rơi vào bất hạnh, tai họa.

Như vậy, này các Tỷ kheo, dính mắc vào lợi đắc, cung kính và danh vọng là khổ lụy, các ông cần phải học tập.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ II*, chương 6, phẩm 1, phần Long dài, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.393)

LỜI BÀN:

Một người khi mới phát tâm tu thường nhủ lòng, thệ nguyện phải “xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo”. Gái sơ tâm đẹp đẽ và cao thượng lắm, nếu giữ được tấm lòng son ấy, chắc chắn con đường thành Phật, Bồ tát tuy không gần nhưng cũng chẳng xa.

Ấy thế mà một vài người trong chúng ta thì “nhất niên Phật hiện tiền” rồi “nhị niên Phật thăng thiên”. Tấc lòng son tuy lóa sáng nhưng không phải ai cũng vững vàng trước bão tố cám dỗ của cuộc đời. Có kẻ đèn lòng vụt tắt, có người sơ tâm leo lét chập chờn, vì

vậy mà không đủ sáng suốt để soi đường cho cả chính mình (nói gì soi sáng cho người), đến nỗi phải vấp ngang té dọc, nếm đủ trần ai.

Như con dê lông dài chui vào bụi gai, càng vùng vẫy thì càng bị dính chặt, người tu chẳng may vướng vào danh lợi và cung kính lại càng khó thoát ra. Đành rằng, tu tập sẽ đem đến phúc báo, tuy hướng về Không nhưng có vẫn đủ đầy. Song, ngũ dục có sức mê hoặc kỳ lạ, làm cho một vài người mù mị bỏ Không để chạy theo, nắm giữ cái có để rồi hoàn không, mất trắng, rơi vào khổ lụy.

Hẳn nhiên, đi trong hồng trần làm sao không dính bụi trần, người tu sống trong cõi dục khi chưa thực sự vững chãi, giải thoát thì ít nhiều cũng bị dục nhiễm xâm chiếm. Vấn đề là phải thấy được sự nguy hiểm của nó. Con kiến chết trong chén mật là chết chìm, chết ngộp chứ không hề chết đói. Người tu mà không biết mình chỉ là “kẻ ăn xin” (khất sĩ), chạy theo hoặc tự mãn với danh lợi và cung kính thì chắc chắn không ngộp cũng chìm. Do vậy, cần phải thấy rõ ngũ dục là khổ lụy để sợ hãi, tránh xa, quyết không vướng mắc, mới mong thành tựu đạo nghiệp.▲

12- CHÚNG SINH

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, rồi Tôn giả Ràdha đi đến đánh lễ, bạch Thế Tôn:

“Chúng sinh, chúng sinh”, bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào được gọi là chúng sinh?

Này Ràdha, dục nào, tham nào, hỷ nào, khát ái nào đối với sắc, thọ tướng, hành và thức triền phược ở đấy, triền miên ở đấy, gọi là chúng sinh.

Ví như, này Ràdha, những đứa trẻ chơi với cái nhà bằng đất. Cho đến khi đối với căn nhà bằng đất ấy lòng tham, ái, dục chưa thoát ly thời chúng còn tham dính vào, thích chơi, chất chứa và đắm trước những căn nhà bằng đất ấy.

Nhưng khi nào những đứa trẻ ấy đối với những căn nhà bằng đất kia, lòng tham, ái, dục đã thoát ly, rời với tay và chân, chúng phá tan, phá vỡ, phá sập, không chơi với những căn nhà bằng đất ấy.

Cũng vậy, này Ràdha, ông hãy phá tan, phá vỡ, phá sập, không chơi với sắc, thọ, tướng, hành và thức, chú tâm hướng đến đoạn diệt khát ái đối với sắc, thọ, tướng, hành và thức.

Đoạn diệt khát ái, này Ràdha, là Niết bàn.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ III*, chương 2, phẩm 1, phần Chúng sinh, Nxb Tôn Giáo, 2000, tr.331)

LỜI BÀN:

Thế giới của chúng ta đang sống thuộc cõi dục. Dựa trên nền tảng ái dục mà con người có mặt ở đời. Tất cả những biểu hiện về tư duy, ngôn ngữ và hành động của con người luôn gắn liền với tham ái, vì thế chúng ta được gọi là chúng sinh.

Có mặt ở đời từ căn nguyên ái dục nên con người ai cũng tham dục. Khát ái, tham vọng của con người vốn vô tận, không có điểm dừng. Tuy vậy, tham ái thân này mới thực sự sâu dày, nặng nề nhất. Tất cả những việc làm của con người đều không ngoài mục đích phục vụ cho cái tôi, bị trói buộc triền miên với tự ngã, do đó gọi là chúng sinh.

Theo tuệ giác Thế Tôn, chúng sinh luyến ái tự ngã cũng giống như trẻ con nghịch đất, yêu thích những ngôi nhà bằng đất do chúng đắp nên. Lũ trẻ đâu biết rằng cái thiên đường bằng đất thân yêu ấy thật mong manh, dễ vỡ. Cũng vậy, thân tâm này là của tôi, là nhất, là bất khả xâm phạm... nhưng sự thật thì thân tâm này có đó rồi không đó, sinh già bệnh chết chi phối mãnh liệt mà chẳng ai có thể làm gì khác được.

Khi nào nhận chân được cái tự ngã mà ta thương yêu nhất chỉ là một hợp thể năm uẩn, vốn duyên sinh và hoàn toàn vô ngã, lúc đó con người có khả năng làm suy giảm, đoạn tận tham ái và chấp thủ. Như lũ trẻ kia, nhàm chán ngôi nhà bằng đất, không còn yêu thích nữa thì tự tay chúng đập phá. Cũng vậy, thiền quán và tuệ tri về sự thật duyên khởi của năm uẩn là phương cách hữu hiệu để diệt trừ khát ái. Chấm dứt tham ái, không còn bị trói buộc với tự ngã, đó chính là giải thoát, Niết bàn. ▀

13- ĐƯỢC VÀ MẤT

Một thời, Thế Tôn ở Sàvatthi, dạy các Tỷ kheo:

Khổ lụy, này các Tỷ kheo, là lợi đắc, danh vọng và cung kính...

Các ông có nghe chẳng lúc trời gần sáng, có con dã can tru lớn tiếng?

Thưa có, bạch Thế Tôn.

Này các Tỷ kheo, đó là tiếng con dã can già, mắc bệnh ghê lở, không thoải mái khi ở chỗ hoang vắng, khi ở dưới gốc cây, lúc nó đi đứng ngồi nằm, tại các chỗ ấy nó cảm thấy tai họa, bất hạnh.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, ở đây, Tỷ kheo nào bị lợi đắc, cung kính và danh vọng chi phối, tâm bị xâm chiếm thì vị ấy không thoải mái khi ở chỗ hoang vắng, khi ở dưới gốc cây, lúc đi đứng ngồi nằm, tại các chỗ ấy vị ấy cảm thấy tai họa, bất hạnh.

Như vậy, này các Tỷ kheo, khổ lụy là lợi đắc, danh vọng và cung kính...

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ II*, chương 6, phẩm 1, phần Con dã can, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.397)

LỜI BÀN:

Một phần của sự thành công trong cuộc sống chính là thành tựu tiền tài, danh vọng và được mọi người kính trọng. Đây cũng chính là mục tiêu phấn đấu của mọi người, luôn mong mỏi và vươn tới một tương lai tươi đẹp hơn. Để đạt được điều đó, con người phải phấn đấu thật nhiều nếu muốn đi lên bằng con đường lương thiện, chân chánh.

Riêng đối với những người phát nguyện ly tục, tìm cầu giải thoát

thì sự thành tựu về lợi dưỡng, cung kính và danh vọng nếu có cũng chỉ là phương tiện để hành đạo, chẳng có gì để lưu tâm, vướng bận vì cứu cánh của họ là giải thoát sinh tử. Tuy vậy, không phải người tu nào cũng đầy đủ chánh kiến để vượt qua những trói buộc, hệ lụy tầm thường này, thậm chí một vài người còn chạy theo, bị trói buộc nặng nề để rồi rơi vào khổ lụy, luôn sống trong tai họa và bất hạnh.

Dùng hình ảnh con dã can già bị ghẻ lở hành hạ, tru tréo thống khổ trong đêm tối vì đau nhức, không lúc nào được an ổn để liên tưởng đến sự khổ lụy của con người khi bị trói buộc vào danh lợi thật ấn tượng. Cố nhiên danh lợi sẽ đến với người tu hoặc nhiều, hoặc ít vì lẽ đó là phước báo. Cái được này là kết quả hiển nhiên, không mong cầu vì phước báo tròn đầy, càng xả bao nhiêu thì lại được bấy nhiêu. Nhưng nếu khởi tâm tìm cầu, khao khát thì chẳng những không được gì mà còn bị mất trắng. Mà dẫu có được chẳng thì vẫn là mất vì tâm chạy theo danh lợi đã thiêu đốt, hành hạ làm chúng ta luôn bất an. Bởi chính những bất hạnh này là vật cản, chướng ngại trên lộ trình hướng đến ly tham, thành tựu giải thoát.

Tu tập là xả ly mọi sự ràng buộc, mà đỉnh cao là thành tựu Niết bàn. Tùy duyên, không chấp thủ, thanh thoi và tự tại luôn là mục tiêu hướng đến của mọi người con Phật.▲

14- NGUY HIỂM CỦA ĐAM MÊ CỜ BẠC

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana. Bấy giờ, Singālaka, gia chủ tử, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, chấp tay đánh lễ sáu phương.

Rồi Thế Tôn, buổi sáng vào thành Vương Xá khát thực, sau khi dạy Singālaka về ý nghĩa đánh lễ sáu phương, Ngài dạy thêm:

Này gia chủ tử, đam mê cờ bạc có sáu nguy hiểm: Nếu thắng thì sinh oán thù, nếu thua thì sinh tâm sầu muộn, tài sản hiện tại bị tổn thất, tại hội trường (pháp đình) lời nói không hiệu lực, bằng hữu đồng liêu khinh miệt, vấn đề cưới gả không được tín nhiệm vì kẻ đam mê cờ bạc không xứng để có vợ.

Này gia chủ tử, đam mê cờ bạc có sáu nguy hiểm như vậy.
(ĐTKVN, *Trường Bộ II*, kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt [trích], VNCPHVN ấn hành, 1991, tr.534)

LỜI BÀN:

Cờ bạc, cá cược hay các trò đỏ đen nói chung là cái thú, đam mê của nhiều người. Thường thì vào những dịp đoàn tụ, gặp gỡ, hội hè hay ngày đầu xuân người ta có thói quen tiêu khiển, giải trí, mua vui bằng cách chơi bài, đánh cược... với số tiền cực nhỏ, vui là chính. Tuy vậy, ít ai đủ tỉnh táo để dừng lại nơi giải trí đơn thuần mà đa số bị tham, sân chi phối rồi sa lầy. Từ chỗ chơi cho vui dẫn đến chơi hết mình, ăn thua, sát phạt; từ chỗ chơi với số tiền nhỏ đến số tiền lớn, mất sạch tiền bạc, phải cầm cố tài sản; từ chỗ chơi mỗi khi có dịp vui đến suốt tháng, quanh năm.

Tham lam, biếng nhác, tà kiến tin vào may rủi là đặc điểm của những người đam mê cờ bạc. Dẫn thân vào thế giới đỏ đen tức

phải đối diện với nhiều hiểm nguy luôn chờ đợi, rình rập. Theo tuệ giác của Thế Tôn, có sáu nguy hiểm cho những ai đam mê cờ bạc: Nếu thắng lớn thì chưa chắc toàn mạng, ai mà đoán được các con bạc trắng tay sẽ làm gì khi không còn gì để mất. Khi mất sạch thì lại càng bi thương hơn. Biết bao tài sản tích lũy được do công khó lao động lẫn lượt ra đi. Vì cần tiền chơi tiếp, hy vọng cứu vãn tình thế nên các con bạc tìm mọi cách để có tiền. Rồi mất dần uy tín cá nhân; người thân, bạn bè, đồng nghiệp cảnh giác, xa lánh thậm chí khinh miệt. Tệ hại hơn là không đủ tư cách để tìm kiếm một người bạn đời...

Ngày nay, các hình thức đồ đen biến thái muôn hình vạn trạng và thâm nhập vào mọi ngõ ngách cuộc sống. Từ bài bạc, đề đóm, đến cá cược trong các môn thể thao v.v... và ngay cả trên thế giới ảo, internet cũng bày trò đồ đen luôn kích thích lòng tham của con người. Vì vậy, hơn lúc nào hết, tu tập chánh mạng, tức tìm một công việc chân chánh để mưu sinh là tối cần thiết. Từ bỏ mọi ảo tưởng hên xui, điều phục thói đam mê cờ bạc, tránh xa các hình thái giải trí không lành mạnh là điều mọi người con Phật cần lưu tâm và thực hành.▲

15- ĐĂNG SAU MIẾNG MỠI NGON LÀ KHỔ LỤY

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại vườn ông Anàthapindika. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ kheo và nói như sau:

Khổ lụy, này các Tỷ kheo, là lợi đắc, cung kính, danh vọng; thật là đắng cay, ác độc, là chướng ngại pháp để chúng đạt vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách.

Ví như, này các Tỷ kheo, một người câu cá quăng một lưới câu có gắn mồi thịt vào trong một hồ nước sâu và một con cá có mắt thấy mồi thịt nuốt lưới câu ấy. Như vậy, này các Tỷ kheo, con cá đó nuốt lưới câu ấy bị rơi vào bất hạnh, bị rơi vào tai họa, bị người câu cá muốn làm gì thì làm.

Người câu cá, này các Tỷ kheo, chỉ cho ác ma; lưới câu có gắn mồi thịt chỉ cho lợi đắc, danh vọng và cung kính.

Tỷ kheo nào thọ hưởng, ái luyến lợi đắc, danh vọng và cung kính đã đến, Tỷ kheo ấy được gọi là Tỷ kheo đã nuốt lưới câu của ác ma, bị rơi vào bất hạnh, bị rơi vào tai họa, bị ác ma muốn làm gì thì làm.

Do vậy, này các Tỷ kheo, các ông phải học tập như sau: “Đối với lợi đắc, danh vọng và cung kính đã đến, chúng ta hãy từ bỏ chúng. Đối với lợi đắc, danh vọng và cung kính chưa đến, chúng ta không để chúng xâm chiếm tâm và an trú”.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ II*, chương 6, phẩm 1, phần Lưới câu, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.390)

LỜI BÀN:

Quyền lợi, danh vọng và uy quyền là điều mọi người sống trên đời đều mong muốn chiếm hữu. Ban đầu, con người thường mong cầu lợi dưỡng, mơ ước làm giàu. Một khi đã đầy đủ về phương diện vật

chất, con người có khuynh hướng tìm cầu địa vị, chức tước và danh vọng. Không dừng lại ở chỗ có tiền, có danh, tập khí tham lam cố hữu của con người luôn khát khao uy quyền, thống lãnh và nhiếp phục thiên hạ; thích thú, hả hê khi được mọi người cung kính, khép nép và sợ hãi.

Lợi danh và cung kính thật ngon ngọt, hấp dẫn nhưng lại không có nhiều nên mọi người phải tranh chấp, xâu xé, chụp giựt... và đó là căn nguyên của mọi đổ vỡ, mâu thuẫn, xung đột, bất hạnh ở đời. Không ít người bị lợi danh làm mờ mắt, bất chấp hậu quả, không ngại thủ đoạn, lường gạt, xu nịnh, thậm chí vô sỉ đến độ cam tâm bán mình, vong thân, vong bản.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, danh lợi và cung kính giống như miếng mồi ngon bao bọc bên ngoài một lưỡi câu sắc nhọn. Đối với người xuất gia, tiếp xúc với mồi ngon lợi danh và cung kính thì lại càng cẩn trọng hơn. Vì người xuất gia có một điểm kỳ đặc khác với người đời là sau một thời gian tu hành thì phước đức tăng trưởng, dầu không cầu nhưng lợi danh và cung kính tự đến.

Thọ nhận sự dâng cúng, tôn vinh và kính trọng của tín đồ là trách nhiệm của người xuất gia để tạo phước báo cho tín đồ song cũng ngay chính ở đây ẩn tàng một hiểm họa khôn lường. Nếu không chánh niệm để tri túc và thiếu dục thì chắc chắn bị dính câu, rơi vào bất hạnh, chịu sự sai khiến của kẻ khác.

Vì thế, muốn thành tựu giải thoát, vượt ra ngoài mọi sự kiềm tỏa, người con Phật phải luôn tâm niệm, quán sát về sự nguy hiểm của dục. Lợi danh và cung kính chẳng khác nào chút mật trên lưỡi dao, vị ngọt ngon của chút mật ấy luôn gắn liền với tai họa đứt lưỡi.▲

XI. SÂN HẬU

1- GIẾT GIẶC PHIỀN NÃO

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana cùng chúng Tỷ kheo. Rồi Thiên chủ Sakka đi đến, sau khi đánh lễ, nói lên bài kệ hỏi Thế Tôn:

Giết vật gì, được vui / Giết vật gì, không sâu / Có một loại pháp gì / Ngài tán đồng sát hại / Tôn giả Gotama?

Thế Tôn trả lời:

Giết phần nộ được vui / Giết phần nộ không sâu / Phần nộ với độc căn / Với vị ngọt tối thượng / Pháp ấy, bậc Hiền Thánh / Tán đồng sự sát hại / Sát pháp ấy, không sâu / Hỡi này Vāsava!

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ I*, chương 11, phẩm 3, phần Sát hại gì, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.527)

LỜI BÀN:

Một trong những ý nghĩa của A la hán là giết giặc phiền não (sát tặc). Và người tu cũng là một chiến sĩ, luôn chiến đấu không ngừng với nội tâm, vượt lên cái ác để chiến thắng nghiệp lực, hoàn thiện chính mình. Hình ảnh Bồ tát Văn Thù, tay cầm kiếm trí tuệ sáng ngời, biểu trưng cho tinh thần chiến đấu và chiến thắng giặc phiền não của người tu.

Trong các phiền não, phần nộ hay giận dữ rất nguy hiểm, có sức tàn phá công đức khủng khiếp nhất. Phật dạy “Chớ coi thường đốm lửa nhỏ” bởi nếu không ngăn chặn kịp thời, ngọn lửa nhỏ ấy sẽ gây nên hiểm họa khôn lường. Giận thì mất khôn, không ai có thể lường trước mình sẽ làm gì trong cơn giận dữ. Chỉ một phút mất bình tĩnh, không kiềm được nóng giận sẽ gây nên tai họa. Những nỗi đau khổ, những niềm ân hận của con người thường bắt đầu bằng phút nông nổi, tự đánh mất mình khi tức giận bùng phát.

Vi thế, chuyển hóa nóng giận là việc cần phải làm trong mỗi phút giây của đời sống hàng ngày. Ai cũng có phần nộ, nó tiềm ẩn trong tâm, tùy theo duyên mà bùng nổ. Do đó, luôn ý thức sự nguy hiểm của nóng giận để thực tập “một điều nhịn, chín điều lành”. Điều cần yếu là thiết lập đời sống hướng nội, thường xuyên thấy rõ tâm mình, để nhận ra những ý niệm giận dữ khi mới manh nha, còn trong trứng nước. Phát hiện cơn giận khi còn là đốm lửa nhỏ thì mới có khả năng dập tắt.

Để dập tắt một đám cháy, cần phát hiện sớm và đủ phương tiện chữa cháy. Cũng vậy, muốn chuyển hóa ngọn lửa sân hận, cần nhất là chánh niệm tỉnh giác và từ bi. Tỉnh giác là khả năng quán sát, rõ biết thân và tâm, hiểu mình và hiểu người. Nhận diện trọn vẹn về cơn giận đang hình thành với các tác động kích thích bên ngoài sẽ dễ dàng khống chế và chuyển hóa nó. Mặt khác, nước từ bi cam lồ phải luôn đầy đủ và sẵn sàng mới có thể tưới mát, dập tắt lửa sân kịp thời.

Cho nên tu tập trí tuệ và từ bi, hiểu rõ để yêu thương và tha thứ là phương thức giết giặc nóng giận hiệu quả nhất. Pháp này được Thế Tôn tán đồng và những người con Phật ứng dụng để xây dựng cuộc sống bình an.▲

2- KHAM NHÃN

Một thời, Thế Tôn trú ở Kimbilà, tại Veluvana, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có năm nguy hại này cho người không kham nhẫn. Thế nào là năm?

Quần chúng không ái mộ, không ưa thích; nhiều người hận thù; nhiều người tránh né; khi mạng chung tâm bị mê loạn; sau khi thân hoại mạng chung, sinh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ kheo, đây là năm nguy hại cho người không kham nhẫn.

Này các Tỷ kheo, có năm lợi ích này cho người có kham nhẫn. Thế nào là năm?

Quần chúng ái mộ và ưa thích; không có nhiều người hận thù; không có nhiều người tránh né; khi mạng chung tâm không bị mê loạn; sau khi thân hoại mạng chung, được sinh vào cõi thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Này các Tỷ kheo, đây là năm lợi ích cho người có kham nhẫn.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Măng nhiên, phần Không kham nhẫn, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.719)

LỜI BÀN:

Trong cuộc sống, để đạt đến thành công và nhất là mong ước kiến tạo hạnh phúc, hòa hợp, an vui trong gia đình, cộng đồng thì không thể thiếu sự kham nhẫn. Những ai đã từng trải trong đời thì kinh nghiệm sâu sắc về điều này bởi không ít người phải ngậm ngùi, ân hận và nuối tiếc đến suốt đời chỉ vì một phút nóng nảy, thiếu kiềm chế, không kham nhẫn.

Kham nhẫn là sự chịu đựng, chấp nhận, nhẫn chịu trước những điều không như ý. Tuy nhiên, tinh thần kham nhẫn theo lời dạy của Thế Tôn không đơn thuần là nhẫn nhịn mang tính dè dặt, nuốt hận mà là sự vượt qua nghịch cảnh một cách an nhiên nhờ tuệ giác. Sự tĩnh tại, bất động trong mọi hoàn cảnh chính là tâm thái sáng suốt, vững chãi khi đã thấu triệt sự thật hư ảo về tự thân, con người và cuộc đời.

Có thể mọi người đều ít nhiều nhận ra lợi ích của kham nhẫn và những tác hại khi không kham nhẫn nổi các chướng ngại trong đời sống. Với tuệ giác và kinh nghiệm của Thế Tôn thì năm lợi ích của kham nhẫn và năm nguy hại của không kham nhẫn được trình bày trong pháp thoại trên thật rõ ràng. Tuy vậy, dù thấy rõ hai mặt lợi hại của vấn đề nhưng để thực hành kham nhẫn một cách trọn vẹn là điều không đơn giản.

Bước đầu tiên thực hành kham nhẫn là sự chịu đựng, dù sức chịu đựng vốn giới hạn, sẽ cực kỳ nguy hiểm khi quá ngưỡng. Tiếp đến phải vận dụng năng lực định tĩnh và tuệ giác nhờ thực tập thiền định trong đời sống của tự thân để kham nhẫn, vượt thoát. An nhiên trước mọi nghịch cảnh vì thấy rõ bản chất của nó, kham nhẫn được tất cả nhưng không cần cố gắng mới là Nhẫn nhục ba la mật.

Vận dụng trí tuệ để hóa giải tất cả những xung đột và mâu thuẫn nội tâm cũng như ngoại cảnh chính là nền tảng của sự an tâm, bình tĩnh, tự chủ, tự tại trước mọi biến động trong cuộc đời. Đây chính là bí quyết của việc tu tập kham nhẫn để vượt qua nghịch cảnh, chướng duyên nhằm đem đến sự bình an, hòa hợp, hạnh phúc và an vui trong đời sống mà mỗi người con Phật cần phải thực tập để thành tựu. ▀

3- NHỮNG HẠNG NGƯỜI NÓNG GIẬN

Một thời, Thế Tôn trú ở Bārānasi, tại vườn Nai, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có ba hạng người này xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Hạng người như chữ viết trên đá, hạng người như chữ viết trên đất, hạng người như chữ viết trên nước.

Thế nào là hạng người như chữ viết trên đá? Này các Tỷ kheo, có người luôn luôn phần nộ và phần nộ của người này tiếp tục lâu dài. Ví như chữ viết trên đá không bị gió hay nước tẩy xóa nhanh chóng, được tồn tại lâu dài.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người như chữ viết trên đất? Ở đây, này các Tỷ kheo, có người luôn luôn phần nộ và phần nộ của người này không có tiếp tục lâu dài. Ví như chữ được viết trên đất bị gió hay nước tẩy xóa mau chóng, không tồn tại lâu dài.

Thế nào là hạng người như chữ viết trên nước? Này các Tỷ kheo, có người dẫu bị nói một cách kịch liệt, bị nói một cách ác độc, bị nói một cách thô lỗ, tuy vậy, vẫn dễ dàng hòa hợp, thân thiện và hoan hỷ. Ví như chữ viết trên nước được mau chóng biến mất, không có tồn tại lâu dài.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* I, chương 3, phẩm Kusināra, phần Chữ viết trên đá, trên đất, trên nước, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.517)

LỜI BÀN:

Con người sống ở đời thường hân hoan khi gặp những điều gì vừa ý đồng thời phản ứng giận dữ, gay gắt lúc gặp cảnh chẳng đẹp lòng. Phần nộ, sân hận với những điều trái ý là tâm lý bình thường của chúng sinh. Tuy nhiên, tùy theo nghiệp lực nặng nhẹ

của mỗi người mà biểu lộ sự giận dữ với những sắc thái và cấp độ khác nhau.

Có hạng người rất dễ bị sân hận, chỉ cần nghịch ý thì lập tức bùng bùng nổi giận. Người dễ giận mà khó nguôi thì gần như vô phương cứu chữa, chẳng mấy ai dám gần gũi và thân thiết với hạng người này. Bởi giận thì mất khôn, không thể làm chủ lời nói cũng như hành vi một khi đã nổi giận. Như dòng chữ khắc sâu vào đá, khó phai mờ dù gió táp mưa sa, sự phẫn nộ tồn tại lâu dài sẽ thiêu đốt thân tâm, làm cho ai ôm ấp nó phải héo hon, cằn cỗi.

Nếu như mau giận mà chóng quên, nóng nảy chỉ vì trực tính, có chuyện liền nói ra không để bụng thì vẫn còn được cảm thông. Một người có nóng giận nhưng rồi sau đó biết lỗi, nhận thức được sự nguy hiểm mà tìm cách khắc phục, rất đáng được ca ngợi. Bởi chúng sinh thì ai cũng có nóng giận nhưng phải biết kiềm chế và nhẫn nhịn để điều phục. Giống như chữ viết trên cát, mưa gió dễ dàng xóa nhòa, người có giận cũng không nên giận lâu, nhanh chóng chuyển hóa cho thân tâm nhẹ nhàng, mát mẻ.

Không giận là trường hợp hiếm có ở trên đời, một người thành tựu tuệ giác vô ngã mới đạt đến khả năng này. Bậc thánh giả luôn hoan hỷ với những nghịch cảnh nhờ có đầy đủ trí tuệ và từ bi. Như chữ viết trên nước, có mà như không, chẳng có gì có thể làm lay động tâm tư của những vị này. Người con Phật trong quá trình hướng đến không sân hận của bậc Thánh, trước phải biết nhẫn nhịn đồng thời phát huy bi và trí để từng bước điều phục, chuyển hóa nóng giận của chính mình.▲

4- NGƯỜI ÁC VÀ NGƯỜI HIỀN

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại vườn ông Anàthapindika. Rồi thôn trưởng Canda đi đến.

Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì có người được gọi là tàn bạo, có người được gọi là hiền lành?

Ở đây, này Thôn trưởng, có người tham, sân, si chưa được đoạn tận. Do tham, sân, si chưa được đoạn tận, người ấy bị người khác làm cho phẫn nộ. Do bị người khác làm phẫn nộ nên phẫn nộ hiện hành. Người ấy do vậy được gọi là người tàn bạo.

Này Thôn trưởng, đây là nhân, là duyên có người được gọi là tàn bạo.

Nhưng ở đây, này Thôn trưởng, có người tham, sân, si được đoạn tận. Do tham, sân, si được đoạn tận, người ấy không bị người khác làm cho phẫn nộ. Do không bị người khác làm phẫn nộ nên phẫn nộ không hiện hành. Người ấy do vậy được gọi là hiền lành.

Này Thôn trưởng, đây là nhân, là duyên có người được gọi là hiền lành.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ IV*, chương 8, Tương ưng thôn trưởng, phần Canda [trích], Nxb Tôn Giáo, 2001, tr.479)

LỜI BÀN:

Một người sống lương thiện lúc nào cũng tâm nguyện làm lành tránh dữ. Nhưng để thực sự trở thành người hiền đúng nghĩa là chuyện không dễ dàng, bởi trong tâm ta vốn chứa lẫn lộn vô số mầm thiện ác. Những biểu hiện hiền lành trong đời sống nếu có cũng chỉ là phần nổi của khối băng lênh đênh trong đại dương mà ít ai biết được trong phần chìm của khối băng tâm ấy tiềm ẩn

những gì. Vì thế, Đức Phật từng khuyến cáo chưa phải là bậc A la hán thì không nên chủ quan vào tâm ý của mình.

Pháp thoại này cho thấy khi tham, sân và si chưa đoạn tận thì chúng ta vẫn là người ác, có thể sẽ làm ác đến tàn bạo dù điều ấy chưa từng xảy ra. Và điều quan trọng là mấy ai hiện hữu trên cõi đời chứng đạt sự thanh tịnh tuyệt đối, dứt bật ba phiền não căn bản ấy. Quán niệm về điều này thật sâu sắc để thấy rằng phiền não còn thì cái ác vẫn còn. Tâm ta là ngọn núi lửa được phủ lên một thảm thực vật hiền hòa, xanh tốt và chỉ cần chút duyên địa chấn thì nham thạch sân hận sẽ trào tuôn và nhấn chìm tất cả trong biển lửa phẫn nộ.

Hiểu được điều này, chúng ta không mấy ngạc nhiên khi gặp những phản ứng sân hận bộc phát dữ dội nơi những người vốn dĩ hiền lành, đồng thời chúng ta cũng không lấy làm khó hiểu về những hành vi giận dữ bất thường của chính mình. Bởi cái ác không hẳn là bản chất của con người song nó luôn tiềm ẩn chờ cơ hội để bùng phát. Nhận thức được điều này là một trong những điều kiện thiết yếu để tiến tới làm chủ và tịnh hóa tâm thức. Không chủ quan, không mất cảnh giác với chính mình, thực tập tỉnh thức trong mọi suy nghĩ, lời nói và hành động để kiểm soát thân tâm một cách trọn vẹn là phương thức để trở thành người hiền, và đây cũng là mục tiêu phấn đấu nhằm hoàn thiện tự thân của mỗi người con Phật.▲

5- PHẦN NỘ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, gọi các Tỷ kheo:

Có bốn loại rắn, này các Tỷ kheo. Thế nào là bốn?

Loại rắn có nọc độc nhưng không ác độc; loại rắn ác độc nhưng không có nọc độc; loại rắn có nọc độc và ác độc; loại rắn không có nọc độc, không có ác độc.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, có bốn hạng người được ví dụ như bốn loại rắn này có mặt ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ kheo, có hạng người rất mau phần nộ nhưng phần nộ không tồn tại lâu dài. Ví như loại rắn có nọc độc nhưng không ác độc.

Này các Tỷ kheo, có hạng người không mau phần nộ nhưng phần nộ tồn tại lâu dài. Như là loại rắn ác độc nhưng không có nọc độc.

Ở đây, này các Tỷ kheo, có hạng người rất mau phần nộ nhưng phần nộ tồn tại lâu dài. Ví như loại rắn có nọc độc và ác độc.

Này các Tỷ kheo, có hạng người không mau phần nộ nhưng phần nộ không tồn tại lâu dài. Như là loại rắn không có nọc độc, không có ác độc.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 4, phẩm Mây mưa, phần Các con rắn, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.23)

LỜI BÀN:

Tâm sân hận của con người thường được ví như hình ảnh ngọn lửa tàn phá những khu rừng hạn hán, thiêu đốt tất cả những gì

tốt đẹp mà chính họ đã tạo dựng. Cơn giận bùng phát ra bên ngoài thường hung hãn như ngọn lửa lớn. Tuy nhiên, khi giận dữ được nén vào trong lòng thì nó ẩn tàng hiểm họa như nọc độc của rắn độc.

Nóng giận nhanh mà nguội lạnh nhanh, hạng người này bộc trực, ngay thẳng, không để bụng, điều gì không vừa ý thì nói ngay, nói rồi thôi. Xem ra nếu hiểu thì cũng dễ dàng thông cảm và sống chung với họ. Tuy vậy, hạng người này thường mang lại những tổn thương, tự ái cho nhiều người. Như loại rắn độc thường phun nọc độc nhưng dùng để tự vệ hơn là tấn công nhằm giết hại đối phương.

Hạng người khác ít nóng giận hơn hoặc có giận thì thường dồn nén mà không biểu hiện ra. Tuy họ có vẻ thoải mái, dễ chịu nhưng một khi đã ghim gút thì giận lâu, khó tháo gỡ. Như loại rắn không có nọc độc nhưng tâm tính ác độc. Ít giận nhưng một khi đã giận ai thì giận dai, không hỷ xả cũng là một tâm tính ác cần phải đoạn trừ.

Nguy hiểm nhất là hạng người dễ giận và giận lâu. Hiểm họa thật khó lường luôn chờ đón những người sống chung và chính bản thân của người ấy. Nếu không đủ tuệ giác và từ bi để dung nhiếp thì cần phải tránh xa hạng người này. Bởi cầm đuốc đi ngược gió thì sẽ có ngày cháy tay, gấn rắn độc và hung dữ thì khó tránh khỏi tai họa.

Không sân hận hay nếu có thì nhanh chóng hỷ xả là một trong những đặc điểm lý tưởng để sống chung an hòa. Hạng người này hiểm có trên đời, phải nỗ lực tu tập trong thời gian dài mới mong thành tựu. Do vậy, nuôi dưỡng và phát triển từ bi, trí tuệ từng phút giây trong đời sống hàng ngày là điều cần yếu và quan trọng của mỗi người. ▀

6- TÂM NGƯỜI NHƯ VẾT THƯƠNG

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, dạy các Tỷ kheo:

Có ba hạng người này, này các Tỷ kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Hạng người với tâm ví dụ như vết thương, với tâm ví dụ như chớp sáng, với tâm ví dụ như kim cang.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người với tâm ví dụ như vết thương? Ở đây, này các Tỷ kheo, có người phần nộ, nhiều hiềm hận, dầu có bị nói chút ít, cũng tức tối phần nộ, sân hận, sừng sộ, biểu lộ sự phần nộ, sân hận và bực tức. Ví như một vết thương đang làm mủ, nếu bị cây gậy hay một miếng sành đánh phải, liền chảy mủ nhiều hơn.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người với tâm được ví dụ như chớp sáng? Ở đây, này các Tỷ kheo, có hạng người như thật rõ biết: “đây là khổ”,..., như thật rõ biết “đây là con đường đưa đến khổ diệt”. Ví như một người có mắt, thấy các sắc trong đêm tối mù mịt, khi có chớp sáng.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người với tâm được ví dụ như kim cang? Ở đây, này các Tỷ kheo, có hạng người, nhờ đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ kheo, đây gọi là hạng người, với tâm được ví dụ như kim cang.

Ba hạng người này, này các Tỷ kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Người, phần Vết thương làm mủ [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.220)

LỜI BÀN:

Trong ba hạng người mà Thế Tôn đã trình bày, chắc chắn rằng chúng ta không phải là hạng người với tâm như kim cang. Vì đó là tâm của các bậc Thánh A la hán đã đoạn tận phiền não, lậu hoặc, hoàn toàn thanh tịnh và giải thoát.

Và đôi khi, tâm của chúng ta chợt lóe sáng, như tia chớp xé tan màn đêm. Tiếc rằng, ánh chớp ấy tuy rất sáng nhưng ngắn ngủi, nên khi vụt tắt rồi thì bóng đêm lại tràn ngập. Khi chúng ta bình tâm, lắng lòng trong sạch thì có thể nhận diện rất rõ về những sự thật ở đời, luôn xảy ra trong cuộc sống xung quanh ta như sự mong manh, vô thường, những khổ đau trong cuộc sống và tình trạng không chủ thể (vô ngã) của tất cả. Những khi thấy được như thế, tâm ta trở nên nhẹ nhàng, bình an và thanh thản hơn trước những lo toan làm giàu, đua tranh, ghét ghen và thù hận... Những phút tâm lóe sáng như thế tuy không nhiều nhưng đã góp phần to lớn nuôi dưỡng tuệ giác và tình thương và vun đắp niềm tin yêu cho cuộc sống.

Còn lại thì đa phần chúng ta đều có tâm ở trạng thái như vết thương, sẵn sàng trào tuôn máu mủ và lở loét thêm mỗi khi đụng vào. Những tham lam, giận dữ gần như có mặt thường xuyên, phản ứng bén nhạy với các môi trường hoàn cảnh cuộc sống. Vì thế, đời sống chúng ta vốn đã vất vả, vất vả cho cho cuộc mưu sinh lại càng căng thẳng, phức tạp thêm. Do đó, chúng ta cần thiết lập đời sống hướng nội, giữ tâm thăng bằng, đồng thời quán sát sâu sắc hơn về thân tâm và cuộc sống để cho tâm được lóe sáng.▲

XII. SI MÊ

1- TỔN THẤT LỚN NHẤT

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Đại Lâm, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có năm điều tổn thất này. Thế nào là năm?

Tổn thất bà con, tổn thất tài sản, tổn thất vì bệnh tật, tổn thất giới và tổn thất tri kiến. Này các Tỷ kheo, không do nhân tổn thất bà con, không do nhân tổn thất tài sản, không do nhân tổn thất vì bệnh tật mà các loài hữu tình sau khi mạng chung sinh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ kheo, chính do nhân tổn thất giới, tổn thất tri kiến mà các loài hữu tình sau khi mạng chung sinh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ kheo, có năm tổn thất này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Bệnh, phần Thành tựu [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.547)

LỜI BÀN:

Có thể nói, tổn thất và mất mát là thuộc tính cơ bản của đời sống. Những gì ta đang có hôm nay sẽ rời bỏ chúng ta ra đi bất cứ lúc nào. Nếu may mắn, những gì ta yêu thương luôn gắn bó thì một ngày nào đó chúng ta cũng phải lìa bỏ nó. Bởi chẳng ai có thể đem theo bất cứ vật gì khi nhắm mắt, xuôi tay; có chăng là nghiệp lực của chính mình.

Mất mát đâu không ai muốn nhưng đó là sự thật, vấn đề là xác định tổn thất cái gì trong cuộc đời là to lớn nhất. Tài sản chăng? Người ta thường an ủi nhau của đi thay người. Mất của thì có thể làm lại được. Những người thân mất đi là tổn thất lớn, vì người chết không bao giờ sống lại và chúng ta mất các điểm tựa quan trọng

trong đời. Bệnh tật, hoạn nạn đã cướp đi một phần sức khỏe và thân thể cũng là tổn thất lớn. Tuy vậy, những tổn thất này dù lớn nhưng chỉ ảnh hưởng đến trong đời này.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, đánh mất nhân cách đạo đức (giới) và không nhận thức đúng đắn (tri kiến) là tổn thất lớn nhất. Chính sự suy thoái đạo đức và những quan niệm sống lệch lạc, tà kiến là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sa đọa, tạo ra khổ đau cho mình và người trong hiện tại và cả tương lai.

Ngày nay xã hội đang báo động về băng hoại đạo đức, tha hóa nhân cách dẫn đến sự gia tăng tham nhũng, hủ hóa, suy đồi và các tệ nạn xã hội... Những biểu hiện tiêu cực này luôn đi kèm với nhận thức không đúng đắn, quan niệm sống lầm lạc như thực dụng, hưởng thụ, tuyệt đối hóa sức mạnh của đồng tiền, bất chấp nhân quả, tội phước v.v... Chính các hành vi xấu ác phát xuất từ quan điểm sai lầm là tác nhân của đọa lạc vào ác thú, cõi dữ và địa ngục.

Do vậy, người con Phật nhận thức sâu sắc lời Phật dạy, luôn thiết lập và duy trì nền tảng đạo đức bằng cách giữ gìn năm giới cấm. Quan trọng hơn, kiện toàn nhận thức và quan điểm sống theo chánh kiến: thấy biết đúng chân lý, tin sâu nhân quả tội phước, làm lành tránh dữ, tương thân tương ái, chia sẻ khổ đau mất mát với mọi người...▶

2- VỰC THẨM

Một thời, Thế Tôn trú tại Ràjagaha, trên núi Gijjhakùta. Rồi Thế Tôn cho gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, chúng ta hãy đi đến Patibhànakùta.

Khi đến Patibhànakùta, một Tỷ kheo thấy vực thẳm liền bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, thật là lớn, thật đáng sợ hãi, vực thẳm này! Không biết có vực thẳm nào khác lớn hơn và đáng sợ hãi hơn không?

Này các Tỷ kheo, có vực thẳm khác lớn hơn và đáng sợ hãi hơn vực thẳm này. Đó là các Sa môn nào không biết rõ như thật: đây là Khổ, đây là nguyên nhân của Khổ, đây là Khổ diệt và đây là con đường đưa đến Khổ diệt. Họ hoan hỷ với các hành đưa đến sanh, họ hoan hỷ với các hành đưa đến già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Vì hoan hỷ với các hành nên tạo dựng các hành đưa đến sanh, già... ưu, não. Vì tạo dựng các hành đưa đến sanh, già... ưu, não nên bị rơi vào vực thẳm của sanh, họ rơi vào vực thẳm của già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu và não. Ta nói rằng, họ không liễu thoát khỏi đau khổ.

Do vậy, này các Tỷ kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: Đây là Khổ, đây là nguyên nhân của Khổ, đây là Khổ diệt và đây là con đường đưa đến Khổ diệt.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 12, phẩm Vực thẳm, phần Vực thẳm, Nxb Tôn Giáo, 2002, tr.651)

LỜI BÀN:

Trong tự nhiên, sâu nhất có lẽ là những vực thẳm trong lòng đại dương. Đối với con người, vực thẳm khó dò là tấm lòng ngổn ngang

bao suy tư, toan tính. Dù sâu đến mấy, vực thẳm của đại dương vẫn đo được. Nhưng lòng người thì khó lường bởi tận trong bản chất vốn dĩ thậm thâm, thường bất chợt đổi thay trong từng sát na của các thái cực buồn vui, thương ghét, hạnh phúc và khổ đau, cao thượng và đốn hèn...

Đứng trước vực thẳm của tự nhiên, con người thường có cảm giác sợ hãi. Đối diện với vực thẳm của lòng người, ta cảm thấy ghê tởm và kinh khiếp. Nhưng trở trêu thay, ít ai thấu hiểu và cảm nhận hết cái đốn mạt, dối trá và nguy hiểm của vực thẳm lòng mình. Trong tấn bi hài kịch cuộc đời, những chiếc mặt nạ liên tục được mang vào rồi lại cởi ra, riết rồi tự thân của những diễn viên ấy không xác định được đâu là mặt thật của chính mình. Những chiếc mặt nạ ấy là bọt bèo sôi lên từ vực thẳm của tâm thức, là mặt nổi của vọng tưởng vốn gian trá, xảo quyệt và muôn thuở lưu manh.

Trong đạo lộ giải thoát, một vực thẳm sâu hơn, nguy hiểm hơn bất kỳ vực thẳm tuyệt mù nào là vô minh, không nhận ra chân lý Tứ Thánh đế. Theo tuệ giác của Thế Tôn, không nhận chân được Bốn sự thật mới là vực thẳm lớn nhất và nguy hiểm nhất. Chấp nhận sinh tử và ưu não một cách tự nguyện và thích thú, thậm chí xem đó là cứu cánh của một đời người, một căn bệnh nan y của chúng sinh có tiền sử vô minh, gần như hết phương cứu chữa.

Muốn vượt ra khỏi hố thẳm cuộc đời và của chính tự thân, những người con Phật phải quay về tự tâm, nhìn thẳng vào cuộc đời và chính mình. Để rồi từ đó, cảm nhận được những sự thật về con người và thế giới, thấy được nguy hiểm của vực thẳm vọng tâm để xa lìa, đồng thời thể nhập, an trú chơn tâm mà cụ thể là giác ngộ Bốn sự thật cao thượng.▲

3- RỬA TỘI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Lúc bấy giờ, Bà la môn Sangàrava trú ở Sàvatthi là nhà Tịnh thủy hành, tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiều theo hạnh xuống nước để tắm cho thanh tịnh. Rồi Bà la môn Sangàrava đi đến Thế Tôn. Thế Tôn nói với Bà la môn Sangàrava:

Có đúng sự thật chẳng, này Bà la môn, ông là nhà Tịnh thủy hành, tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiều theo hạnh xuống nước để tắm cho thanh tịnh?

Này Bà la môn, nhằm mục đích lợi ích gì, ông là nhà Tịnh thủy hành, tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiều theo hạnh xuống nước để tắm cho thanh tịnh?

Ở đây, Tôn giả Gotama, ban ngày tôi làm ác nghiệp gì, buổi chiều tôi tắm để gội sạch ác nghiệp ấy; buổi tối tôi làm ác nghiệp gì, buổi sáng hôm sau tôi tắm để gội sạch ác nghiệp ấy. Do mục đích như vậy, tôi là nhà Tịnh thủy hành, tin tưởng nhờ nước được thanh tịnh, sáng chiều theo hạnh xuống nước để tắm cho thanh tịnh.

Này Bà la môn: *Chánh pháp là ao hồ / Giới là bến nước tắm / Không cấu uế, trong sạch / Được thiện nhơn tán thán / Là chỗ bậc có trí / Thường tắm trừ uế tạp / Khi tay chân trong sạch / Họ qua bờ bên kia.*

Khi được nghe như vậy, Bà la môn Sangàrava phát tâm quy y Phật.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 7, phẩm Cư sĩ, phần Sangarava, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.401)

LỜI BÀN:

Biết ý thức, quan tâm đến những hành vi của tự thân trong đời

sống hàng ngày để nhận diện tốt xấu là điều đáng quý. Một người, muốn tự hoàn thiện mình thì phải thực tập tự vấn lương tâm mỗi ngày. Có thể vào mỗi buổi sáng, lúc mới thức dậy, dành vài phút yên lặng để xem ngày hôm qua ta đã làm gì và ngày hôm nay công việc sẽ đến với ta thế nào? Điều gì hại mình, hại người cần ăn năn để từ bỏ và điều gì lợi mình, lợi người thì tiếp tục phát huy.

Bà la môn Sangàrava là người có chí hướng thiện, tìm cách khắc phục những lầm lỗi của bản thân hàng ngày. Chỉ có điều, ông ta lạc vào tà kiến, tin tưởng rằng nước có thể rửa sạch tội lỗi. Vì thế, ông tinh tấn tắm gội hàng ngày để mong rằng nước sẽ cuốn đi tất cả tội lỗi mà mình đã tạo ra. Và tất nhiên, kết quả của sự nỗ lực này vẫn rất khiêm tốn, chỉ ý thức mà không hóa giải được tội lỗi, có chăng chỉ là được cảm lạnh mà thôi.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, tội lỗi được tạo ra từ hành động (thân), lời nói (khẩu), tư duy (ý) thì phải nhằm ngay nơi ba nghiệp mà sám hối, thanh lọc và tịnh hóa. Trong đó, ý là cội rễ, cú điểm xuất phát đầu tiên để tạo ra ác nghiệp muôn hình vạn trạng. Do vậy, *“Tội từ tâm khởi đem tâm sám, tâm được tịnh rồi tội liền tiêu”* là cốt lõi của phương thức diệt tội theo Phật giáo. Người con Phật luôn ý thức về sự tạo nghiệp và luôn sám hối những tội lỗi của mình bằng cách nương theo bốn bờ giới luật để tắm gội thân tâm trong Chánh pháp. Nương vào Pháp và Luật để chuyển hóa phiền não, rửa sạch tội lỗi, thanh tịnh thân tâm là biện pháp khả thi cho mọi người hướng đến giải thoát, an vui.▲

4- MÙ LÒA

Một thời, Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Tất cả, này các Tỷ kheo, là mù lòa. Và này các Tỷ kheo, cái gì là mù lòa?

Mắt, này các Tỷ kheo, là mù lòa. Các sắc là mù lòa. Nhãn thức là mù lòa. Nhãn xúc là mù lòa. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là mù lòa. Mù lòa bởi cái gì? Ta nói rằng mù lòa bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não...

Tai, Mũi, Lưỡi, Thân và Ý, này các Tỷ kheo, là mù lòa...

Thấy vậy, này các Tỷ kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhằm chán đối với mắt, nhằm chán đối với các sắc, nhằm chán đối với nhãn thức, nhằm chán đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy nhằm chán cảm thọ ấy. Do nhằm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: “Sinh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa”.

(ĐTKVN, *Tương Ưng bộ IV*, chương 1, phẩm Tất cả, phần Mù lòa, Nxb Tôn Giáo, 2001, tr.40)

LỜI BÀN:

“*Mẹ cho em đôi mắt sáng ngời...*”, thật vậy, trừ những người tật nguyền, mọi người đều được cha mẹ và cuộc đời ban cho một đôi mắt sáng, tinh tường. Không chỉ đôi mắt mà các giác quan khác đều đầy đủ, khỏe mạnh, có thể nhận thức tất cả các sự vật, hiện tượng. Vậy mà Thế Tôn dạy tất cả đều mù lòa. Chẳng lẽ, chúng

ta tật nguyên thật sao?

Không, mắt của ta rất sáng, tai nghe rất rõ... chúng ta không hề bị thương tật. Chỉ có điều nhận thức giác quan của chúng ta về thế giới rất giới hạn, phiến diện, hầu hết là sai lầm. Sự thấy biết ấy bị hạn chế, che lấp bởi nghiệp lực nên đa phần không nhận thức đúng như thật. Đã không nhận thức đúng thì chẳng khác nào người mù “thấy” rất rõ thế giới muôn hồng ngàn tía chỉ thuần một màu đen.

Bản chất của sự mù lòa, theo tuệ giác Thế Tôn là mù lòa bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não... Phản ứng tình cảm (ái) của chúng ta; thương, ghét hoặc dửng dưng vô cảm chính là nền tảng của tham, sân, si đều bắt nguồn từ các cảm thọ vui, khổ hoặc không vui không khổ. Mà những cảm thọ thì do giác quan (căn), đối tượng giác quan (trần), nhận thức (thức) và sự kết hợp giữa chúng (xúc) tạo nên. Tất cả đều là biểu hiện của nghiệp vốn dĩ tầm tối, mù lòa. Nghiệp lực chi phối nhận thức, tình cảm đồng thời nhận thức và tình cảm ấy lại tạo thành nghiệp lực. Và chính vòng xoáy vô tận ấy đó tạo ra thân phận mù lòa, bởi mù lòa nên lẫn lộn trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não...

Tu học chính là mở to đôi mắt, nhìn thẳng vào cuộc đời để thấy đúng sự thật. Vận dụng tuệ giác về duyên sinh và vô ngã tính của tất cả sự vật hiện tượng để cảm nhận cuộc sống. Dưới sự soi rọi, minh triết của tuệ giác ấy thì người con Phật thấy rất rõ ràng cơ chế vận hành của căn, trần, thức và xúc, đồng thời mỉm cười với sự thật duyên sanh, giả hợp và nhất là vững vàng tự chủ không bị những cảm thọ sai khiến, đánh lừa. Nhàm chán căn, trần, thức, xúc và cảm thọ vì thấy rõ bản chất của chúng vốn mù lòa. Nhờ nhàm chán nên ly tham, do ly tham mà thành tựu giải thoát. ▀

5- TRÓI BUỘC VÀ NGĂN CHE

Một thời, Thế Tôn trú giữa những người Sumbha, tại thị trấn Setaka dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có năm cấu ố này đối với vàng. Đó là sắt, đồng, thiếc, chì và bạc. Do những cấu ố này, vàng bị ố nhiễm, không có nhu nhuyễn, không có kham nhậ, không có chói sáng, dễ bị bể vụn và không chân chánh chịu sử dụng.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, có năm cấu ố của tâm. Đó là dục tham, sân, hôn trầm, trạo hối và nghi. Chính những cấu ố này khiến tâm bị ố nhiễm, không có nhu nhuyễn, không có kham nhậ, không có chói sáng, dễ bị bể vụn và không chân chánh được định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, phẩm Triền cái, phần Cấu ố, Nxb Tôn Giáo, 2002, tr.146)

LỜI BÀN:

Trong công nghệ luyện kim, việc thanh lọc các tạp chất ra khỏi quặng là một trong những công đoạn quan trọng để tác thành chất lượng sản phẩm. Cũng vậy, trong lĩnh vực luyện tâm, điều tối cần là phải loại bỏ những cấu ố, dơ bẩn ra khỏi tâm thì mới có thể điều phục tâm trở thành thanh tịnh.

Muốn thành tựu thiền định, trước hết và quan trọng nhất phải vượt qua chướng ngại năm triền cái. Dục tham, sân hận, hôn trầm, trạo hối và nghi ngờ là năm thứ tạp chất, cấu ố khiến cho tâm bị trói buộc vào các dục và làm ngăn che, chướng ngại thiền định. Do vậy, bước đầu thanh lọc tâm cũng chính là nỗ lực tịnh hóa năm món trói buộc và ngăn che này.

Tâm chúng ta chẳng bao giờ yên lặng mà luôn bị khuấy động. Chỉ

cần ngồi yên vài phút thôi thì rất dễ dàng nhận ra điều ấy. Bước đầu thực tập thiền định, năm triền cái này là trở lực chủ yếu khiến hành giả khó đạt đến nhất tâm. Tuy nhiên, nếu hành giả tinh tấn nhiếp tâm vào đề mục (niệm hơi thở, niệm Phật hay trì chú...) đồng thời ghi nhận một cách rõ ràng về sự xuất hiện, tồn tại và ra đi của năm triền cái cùng các phiên não khác (nếu có) thì dần dần sẽ thiết lập được chánh niệm, an trú vững chãi trong đề mục.

Chánh niệm là vũ khí sắc bén để tiêu diệt năm triền cái. Do đó, thực tập để phát huy chánh niệm thường trực đến cao độ là nền tảng quan trọng của thiền định. Vượt qua sự trói buộc và ngăn che của triền cái mới có khả năng tiến vào Sơ thiền. Nhiếp phục và chuyển hóa được năm triền cái là hành giả đã bước lên một giai đoạn mới trong lộ trình thăng hoa tâm. Từ Sơ thiền lên đến Tứ thiền cùng với nỗ lực thiền quán về vô ngã, triệt tiêu mười kiết sử tức chứng Thánh vị A la hán là một chặng đường dài, điểm xuất phát vẫn là đoạn trừ năm triền cái. Cũng như vàng ròng có thể làm vô số đồ trang sức quý báu nhưng trước hết cần phải gạn đục khơi trong. ▀

6- CỘI NGUỒN CỦA BẤT AN

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến, sau khi đánh lễ, ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn:

Có bao nhiêu loại pháp, bạch Thế Tôn, khi khởi lên trong nội tâm một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy?

Thưa Đại vương, có ba loại pháp, khi khởi lên trong nội tâm một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy. Thế nào là ba? Tham pháp, sân pháp và si pháp khi khởi lên trong nội tâm một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy.

Ba pháp này, thưa Đại vương, khi khởi lên trong nội tâm một người, sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 3, phẩm 1, phần Người, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.164)

LỜI BÀN:

Con người sống ở đời ai cũng mong muốn được hạnh phúc, an vui. Tuy vậy, đa phần trong chúng ta đều phải chấp nhận một thực tại của đời sống vốn dĩ vui ít, khổ nhiều. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những đau khổ, phiền muộn và bất an nhưng cội nguồn vẫn là do tham sân si đẩy khởi và chi phối.

Tham lam, sân hận và si mê vốn là những thuộc tính cố hữu, gần như là bản chất của con người, vì thế kinh Phật gọi chúng là căn bản phiền não. Chỉ có từ bậc Thánh A la hán trở lên mới hoàn toàn đoạn tận, dập tắt tham sân si, còn hạng phàm phu chúng ta thì ai cũng bị chúng chi phối, nhiễu loạn. Chỉ sai khác ở chỗ là tùy căn

tánh, nghiệp lực và nỗ lực tu tập của mỗi người mà bị tham sân si chi phối, làm tổn hại với những cấp độ khác nhau.

Khi tham sân si tạm thời lắng xuống, nội tâm tĩnh lặng đó là thời điểm mà chúng ta cảm thấy bình an, hạnh phúc nhất. Hạnh phúc và an vui đích thực chính là lúc ta có được sự an tịnh của tâm hồn. Những ai đó từng trải nghiệm với được mất, thăng trầm, vinh nhục... trong đời thì sẽ thấu hiểu điều ấy. Song, sự “ngủ yên” hiếm hoi của tham sân si chỉ có tính cách tạm thời, chúng sẽ bùng lên và đem đến bất an cho con người bất cứ lúc nào.

Do vậy, thực tập pháp để tự chủ với những biến động của nội tâm và ngoại giới, chế ngự và làm giảm thiểu tham sân si chính là minh triết trong đời sống của những người con Phật. Hạnh phúc đích thực của đời người không phải nhờ giàu có, danh vọng... thỏa mãn ngũ dục nói chung mà chính là sự bình ổn của thân tâm khi tham sân si không còn chi phối.▲

7- TA THƯƠNG MÌNH NHẤT

Một thời, Thế Tôn trú tại Sàvatthi. Lúc bấy giờ vua Pasenadi nước Kosala có mặt với hoàng hậu Mallikà, trên lầu thượng (hoàng cung). Rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với hoàng hậu Mallikà:

Này Mallikà, có ai khác thân ái với hoàng hậu hơn là tự ngã của hoàng hậu?

Thưa đại vương, không có ai khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thưa đại vương, có ai khác thân ái với đại vương hơn là tự ngã của đại vương?

Này Mallikà, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta.

Rồi vua Pasenadi đi đến đánh lễ, bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, con có nói với hoàng hậu Mallikà: Này Mallikà, có ai khác thân ái với hoàng hậu hơn là tự ngã của hoàng hậu?

Khi được nói vậy, bạch Thế Tôn, hoàng hậu Mallikà trả lời với con: Thưa đại vương, không có ai khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thưa đại vương, có ai khác thân ái với đại vương hơn là tự ngã của đại vương? Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời cho hoàng hậu Mallikà: Này Mallikà, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta.

Rồi Thế Tôn, sau khi biết rõ, nói lên bài kệ này: *Tâm ta đi cùng khắp / Tất cả mọi phương trời / Cũng không tìm thấy được / Ai thân hơn tự ngã / Tự ngã đối mọi người / Quá thân ái như vậy / Vậy ai yêu tự ngã / Chớ hại tự ngã người.*

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 3, phẩm 1, phần Mallikà, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.173)

LỜI BÀN:

Thường thì trong những lần gần gũi, tâm sự với những người mình yêu thương như cha mẹ, vợ chồng, con cái v.v... chúng ta thường nói rằng ta thương yêu họ nhất. Dẫu rằng, những lời yêu thương ấy hầu hết là thật lòng, phát xuất từ tình cảm chân thành. Nhưng nếu bình tâm suy xét tận cùng trong sâu thẳm của lời ái ngữ kia sẽ thấy rõ rằng chúng ta vẫn chưa thương được người ngoài bằng chính bản thân mình.

Ta thương mình nhất là một sự thật. Ta cũng thương những người thân của mình nhưng ít hơn thương mình và động cơ của tình thương ấy cũng vì ta. Hiếm hoi lắm ta mới mở rộng được biên giới của tình thương, yêu thương tất cả mọi người, mọi loài mà không có điều kiện. Vì chấp ngã là một tập khí sâu dày của chúng sinh. Chấp thủ về ta và của ta được thiết lập từ vô thỉ, cùng với ta du hành trong vạn nẻo luân hồi.

Nhận thức rõ ràng về tình thương của ta như thế để thấy rằng ngã ái vốn rất nặng nề, đồng thời đây là cơ hội để ta xem lại tình thương của mình dành cho những người thân (và những người đáng thương) đó thực sự vì họ hay chỉ vì ta? Mặt khác, nhờ sự quán sát này mà ta nghiệm ra rằng mình yêu thương bản thân mình nhiều nhất và biết người khác cũng như vậy nên tôn trọng và bảo vệ sự sống của họ.

Ai cũng yêu quý thân mạng của mình nên nguyện không giết hại, không làm tổn hại sự sống của mọi người, mọi loài khác. ▴

8- NHÂN DUYÊN CỦA SỰ SUY VONG

Một thời, Thế Tôn trú ở Àlavì, rừng Simsapà. Rồi một Bà la môn giàu có lớn đi đến đánh lễ, bạch Thế Tôn:

Do nhân gì, duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, ngày nay loài người lại bị tiêu diệt, bị giảm thiểu trông rõ như thế, các làng trở thành không phải làng, các thị trấn trở thành không phải thị trấn, các thành phố trở thành không phải thành phố, các quốc độ trở thành không phải quốc độ?

Ngày nay, này Bà la môn, loài người bị tham ái phi pháp làm cho say đắm, ác tham chinh phục, bị tà kiến chi phối, khiến họ cầm gươm sắc bén sát hại lẫn nhau. Do vậy, nhiều người mạng chung. Đây là nhân, này Bà la môn, đây là duyên, ngày nay loài người bị tiêu diệt, bị giảm thiểu..

Lại nữa, này Bà la môn, ngày nay, loài người bị tham ái phi pháp làm cho say đắm, bị ác tham chinh phục, bị các tà kiến chi phối, khiến trời không mưa xuống đều đặn. Vì vậy, bữa ăn khó tìm, mùa màng hư mất. Do vậy, nhiều người mạng chung. Đây là nhân, này Bà la môn, đây là duyên, vì sao ngày nay loài người bị tiêu diệt, bị giảm thiểu..

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* I, chương 3, phẩm Các Bà la môn, phần Người giàu có [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.285)

LỜI BÀN:

Chiến tranh loạn lạc cùng với thiên tai, dịch bệnh là những nguyên nhân chính yếu đe dọa sự tồn vong của loài người. Lịch sử nhân loại đã ghi nhận rất rõ ràng và chính xác về những biến cố ấy. Những tưởng nhân loại ngày càng văn minh thì chiến tranh và nghèo đói sẽ giảm thiểu nhưng thực tế thì ngược lại, chiến tranh vẫn nổ ra ở khắp nơi, chiến sự trở nên khốc liệt với sự hủy diệt

hàng loạt của vũ khí hiện đại. Và những người dân vô tội trong các vùng chiến sự sẽ trực tiếp gánh chịu những hy sinh, mất mát và thiệt thòi.

Theo tuệ giác Thế Tôn, chính tham lam, sân hận và si mê là tác nhân gây ra những đau thương và mất mát đó. Người ta có thể nhân danh bất cứ điều gì để khởi động chiến tranh, nhưng tận trong sâu thẳm của vấn đề thì tất cả đều “bị tham ái phi pháp làm cho say đắm, bị ác tham chinh phục, bị các tà kiến chi phối”. Không chỉ con người tự tàn hại lẫn nhau mà trời đất cũng trở nên phần nộ với con người khi họ quá tàn ác, tham vọng và tối tăm.

Gần đây, qua các phương tiện truyền thông, nạn bạo lực bắn giết, đâm chém, hãm hại lẫn nhau một cách dã man xảy ra liên tục cũng cho thấy lòng người ngày càng trở nên hung bạo. Sự tham lam vô độ cùng với tà kiến sùng tín sức mạnh của đồng tiền, không tin vào nhân quả, bất chấp luật lệ của không ít người đã góp phần làm nên những hành vi tội ác. Không chỉ bản thân gánh chịu hậu quả trong hiện tại, những tội lỗi ấy sẽ để lại di họa cho gia đình, xã hội và cả những kiếp lai sinh.

Vì thế, để chung sức làm nên bình an cho xã hội, góp phần xây dựng hòa bình thế giới, tự thân mỗi người phải tự điều phục tham sân si của chính mình.▀

HẾT TẬP II

**Lời Phật dạy
trong Kinh tạng Nikàya**

Tập III

I. AN LẠC

1- BỐN LOẠI AN LẠC

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng tại Koli cùng với các Tỷ kheo. Rồi gia chủ Anàthapindika đi đến đánh lễ, Thế Tôn nói với Anàthapindika:

Có bốn loại an lạc này, này gia chủ, người tại gia thọ hưởng các dục thâu hoạch được, tùy thời gian, tùy thời cơ khởi lên cho vị ấy. Thế nào là bốn? Lạc sở hữu, lạc thọ dụng, lạc không mắc nợ, lạc không phạm tội.

Này gia chủ, thế nào là lạc sở hữu? Ở đây, tài sản thâu hoạch được do siêng năng, tích lũy được do mồ hôi đổ ra, thâu hoạch đúng pháp. Nghĩ về điều ấy, vị ấy được hỷ lạc.

Thế nào là lạc thọ dụng? Này gia chủ, thiện nam tử thọ dụng những tài sản thâu hoạch đúng pháp. Nghĩ về điều ấy, vị ấy được hỷ lạc.

Này gia chủ, thế nào là lạc không mắc nợ? Thiện nam tử không có mắc nợ ai một điều gì, dù ít hay nhiều. Nghĩ về điều ấy, vị ấy được hỷ lạc.

Thế nào là lạc không phạm tội? Này gia chủ, vị Thánh đệ tử thành tựu thân hành, khẩu hành và ý hành không phạm tội. Nghĩ về điều ấy, vị ấy được hỷ lạc.

Này gia chủ, có bốn loại an lạc này, người tại gia thọ hưởng các dục thâu hoạch được, tùy thời gian, tùy thời cơ khởi lên cho vị ấy. Trong đó, hỷ lạc sở hữu, thọ hưởng, không mắc nợ chỉ bằng 1/16 hỷ lạc không phạm tội.

(ĐTKVN (*), *Tăng Chi Bộ I*, chương 4, phẩm Nghiệp công đức, phần Không nợ [lược], VNCPHVN (**), ấn hành, 1998, tr.682)

LỜI BÀN:

Lạc thú trên đời thì rất nhiều. Có những thú vui thỏa mãn các

giác quan, hưởng ngoại, ôn ào và ẩn tàng tổn hại, hiểm họa nhưng có những niềm vui hưởng nội nhẹ nhàng, thanh tao và bền vững. Vì thế, hạnh phúc ở đời có tính tương đối, tùy thuộc vào quan niệm của mỗi người nhưng chân hạnh phúc, an lạc đích thực thì chỉ có một, duy nhất, đó là thân tâm thanh tịnh.

Theo tuệ giác Thế Tôn, nhờ làm ăn chân chính mà trở nên giàu có, thành quả lao động ấy là một niềm an vui, đáng tự hào. Bởi lẽ, người giàu thì không thiếu nhưng mấy ai được bình an trong sự giàu sang nhờ mưu mô, tranh đoạt, lọc lừa. Tài sản do công sức làm ra, cố nhiên mình có quyền thụ hưởng, chia sẻ. Và sự thọ dụng ấy mới thực sự thanh thản, an vui vì không hề lo sợ hoặc ray rứt, ăn năn. Thêm nữa, nhờ ăn nên làm ra nên thoát được nợ nần, không còn lo lắng, bị bức bách, phiền muộn và luôn ngẩng cao đầu trong cuộc sống.

Tuy vậy, không phạm tội mới là niềm an lạc to lớn và quan trọng nhất. Tất cả tư duy, lời nói và việc làm đều trong sáng, lương thiện, lợi mình và lợi người chính là an vui đích thực. Ba nghiệp thân khẩu ý thuần thiện hay thân tâm thanh tịnh là cơ sở để thiết lập nên bình an nội tại sâu lắng, vững chắc nhất. Và đây cũng chính là niềm an lạc mà những người con Phật luôn hướng đến.▶

(*) Đại tạng kinh Việt Nam

(**) Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

2- NGÀY LÀNH THÁNG TỐT

Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Các loài hữu tình nào, này các Tỷ kheo, vào buổi sáng, thân làm việc thiện, nói lời nói thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy, này các Tỷ kheo, có một buổi sáng tốt đẹp.

Các loài hữu tình nào, này các Tỷ kheo, vào buổi trưa, thân làm việc thiện, nói lời nói thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy, này các Tỷ kheo, có một buổi trưa tốt đẹp.

Các loài hữu tình nào, này các Tỷ kheo, vào buổi chiều, thân làm việc thiện, nói lời nói thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy, này các Tỷ kheo, có một buổi chiều tốt đẹp.

Này các Tỷ kheo:

*Vàng sao lành, điều lành / Rạng đông lành, dậy lành /
Sát na lành, thời lành / Cúng dường bậc Phạm hạnh /
Thân nghiệp chánh, lời chánh / Ý nghiệp chánh, nguyện
chánh / Làm các điều chơn chánh / Được lợi ích chơn chánh /
Thì được lợi, an lạc / Lớn mạnh trong Phật giáo / Hãy
không bệnh, an lạc / Cùng tất cả bà con.*

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Cát tường, phần Buổi sáng tốt đẹp, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.540)

LỜI BÀN:

Trong tâm thức người Á Đông nói chung và trong đó có không ít những Phật tử sơ cơ đều tin niệm về ngày giờ tốt xấu, cát hung.

Vì thế những liên hệ về tuổi tác, ngày giờ tốt xấu để khởi sự công việc làm ăn hay bất cứ việc hệ trọng nào, đối với họ là một trong những mối quan tâm lớn, được ưu tiên hàng đầu.

Chuyện có ngày tốt đích thực hay không đến nay vẫn là cảm nghiệm riêng của mỗi người. Thực sự thì không có ngày nào tốt cho tất cả mọi người, bởi có thể có ngày tốt đối với người này nhưng ngày ấy lại là ngày xấu đối với người kia. Chuyện hai người bán áo mưa và bán quạt ở cạnh nhau nhận xét về ngày tốt xấu là một điển hình. Vì ngày mưa sẽ tốt đối với người bán áo mưa nhưng không tốt với người bán quạt và ngược lại.

Theo tuệ giác Thế Tôn, ngày nào chúng ta có những phẩm chất tốt đẹp như suy nghĩ điều thiện, nói lời nói thiện và làm những việc thiện thì ngày đó chính là ngày tốt. Và như thế, ngày tốt phải do chúng ta tạo ra, làm nên chứ không phải do tạo hóa hay bất cứ sự vận hành nào tác thành. Vậy nên, thay vì tìm cầu chọn lựa ngày tốt từ bên ngoài, người con Phật chủ động tạo ngày tốt cho chính mình và mọi người bằng cách tịnh hóa tam nghiệp.

Trong một ngày, nếu từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều và từ chiều đến tối mà ta không làm bất cứ điều gì sai trái, xấu ác đồng thời còn làm được nhiều điều tốt đẹp, lợi ích thì chắc chắn đó là một ngày tràn ngập hạnh phúc, an vui. Thì ra, ngày tốt vốn có hàng ngày và không cần nhờ cậy bất kỳ ai coi ngày, ta vẫn có được ngày tốt lành cho mình, nếu biết tu dưỡng và chuyển hóa thân tâm. ▀

3- DỤC LẠC VÀ AN LẠC

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Ngài cho gọi các Tỷ kheo:

Có hai loại lạc này, này các Tỷ kheo, thế nào là hai? Lạc tại gia và lạc xuất gia. Tối thắng trong hai lạc này là lạc xuất gia.

Có hai loại lạc này, này các Tỷ kheo, thế nào là hai? Dục lạc và viễn ly lạc. Tối thắng trong hai lạc này là viễn ly lạc.

Có hai loại lạc này, này các Tỷ kheo, thế nào là hai? Lạc sanh y và lạc không sanh y. Tối thắng trong hai lạc này là lạc không sanh y.

Có hai loại lạc này, này các Tỷ kheo, thế nào là hai? Lạc thuộc thân và lạc thuộc tâm. Tối thắng trong hai lạc này là lạc thuộc tâm.

Có hai loại lạc này, này các Tỷ kheo, thế nào là hai? Lạc bậc Thánh và lạc không phải bậc Thánh. Tối thắng trong hai lạc này là lạc bậc Thánh.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* I, chương 2, phẩm Lạc, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.150)

LỜI BÀN:

Đi tìm hạnh phúc là nhu yếu, mong cầu chính đáng của con người. Tùy theo quan niệm sống của mỗi người mà cảm thụ hạnh phúc, vui sướng với những cung bậc và cấp độ khác nhau. Sống mà không có mấy may an vui và hạnh phúc thì chẳng khác nào đang thọ hình trong cõi ác, đọa xứ. Do vậy, dù mỗi người một hoàn cảnh, lý tưởng sống khác nhau nhưng chung quy họ đều nỗ lực

tìm kiếm và hướng về an vui, hạnh phúc.

Hạnh phúc trong cuộc sống đối với mọi người thường là đầy đủ sức khỏe, ít bệnh hoạn, kể đến là thỏa mãn những nhu cầu của các giác quan, sở hữu càng nhiều về vật chất, tiền bạc, tình cảm, danh tiếng và ngủ nghỉ... cùng các lạc thú nói chung. Tuy nhiên, việc chạy theo ngũ dục nhằm tìm kiếm và kiến tạo hạnh phúc thật mong manh, bởi chúng khó tìm nhưng dễ mất. Đó là chưa kể đến khi đã đứng trước bến bờ hạnh phúc thì sức cùng lực kiệt hay phải trả giá đắt cho những toan tính cùng niềm ân hận đến suốt đời.

Người tu thì ngược lại, họ chối bỏ những lạc thú thế tục nhưng vẫn không ngoài mục tiêu tìm kiếm niềm an lạc thoát tục. Khác với hạnh phúc của người đời là chiếm hữu, hạnh phúc của người xuất gia là buông bỏ. Càng buông bỏ, xả ly, sẻ chia, sống vì mọi người thì hạnh phúc càng lớn, đó chính là viễn ly lạc. Mặt khác, ở cấp độ thô, hạnh phúc là thỏa mãn những nhu cầu của thân như ăn, mặc, ngủ nghỉ... Đi sâu vào nội tâm, sự thanh tịnh tâm hồn là niềm an lạc nhiệm mầu. Những ai trải nghiệm thiền định đều kinh nghiệm sâu sắc về niềm vui tịch tịnh của nội tâm vắng lặng.

Niềm vui và hạnh phúc chân thật, vững bền nhất là hỷ lạc của các bậc Thánh. An lạc phát khởi khi tham sân si phiền não bị triệt tiêu, khát ái được đoạn tận, vô minh bị xóa sạch, bậc Thánh an trụ trong niềm tịnh lạc, giải thoát, Niết bàn.▲

4- LỢI LẠC CHO SỐ ĐÔNG

Một thời, Tôn giả Mahà Kaccàna trú ở Madhurà, tại rừng Gundhà, dạy các Tỷ kheo:

Khi nào các người trộm cướp cường mạnh, này các Tỷ kheo, trong khi vua chúa yếu đuối, khi ấy, thật không an toàn cho những người ra đi làm các công việc ở bên ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, khi các ác Tỷ kheo cường mạnh, trong khi ấy, các Tỷ kheo thuần tịnh yếu đuối. Này các Tỷ kheo, trong khi ấy, các Tỷ kheo thuần tịnh giữ thái độ im lặng, hoặc ẩn mình giữa chúng Tỷ kheo, hoặc đi đến các quốc độ biên địa. Và như vậy, này các Tỷ kheo, là bất hạnh, không an lạc, không lợi ích cho đa số; là bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người.

Khi nào, này các Tỷ kheo, các vua chúa cường mạnh, trong khi các người trộm cướp yếu đuối, khi ấy, thật an toàn cho những người ra đi làm các công việc ở bên ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, khi các Tỷ kheo thuần tịnh cường mạnh, trong khi ấy, các ác Tỷ kheo yếu đuối. Này các Tỷ kheo, trong khi ấy, các ác Tỷ kheo giữ thái độ im lặng, hoặc ẩn mình giữa chúng Tỷ kheo, hoặc đi đến các quốc độ biên địa. Và như vậy, này các Tỷ kheo, là hạnh phúc, an lạc, lợi ích cho đa số; là hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* I, chương 2, phẩm Tâm thăng bằng, phần Đất [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.130)

LỜI BÀN:

Sứ mạng của chư Tăng nói chung là tự hoàn thiện mình đồng thời góp phần mang đến an lạc, hạnh phúc cho chư thiên và nhân

loại. Tuy nhiên, sứ mạng ấy chỉ được thực thi và hoàn thiện khi Tăng già thuần tịnh, có sức mạnh nhiếp phục mọi người cải tà quy chánh, nhất tâm quy hướng Chánh pháp, phụng sự Tam bảo.

Đối với một đất nước, nếu lãnh đạo gương mẫu, pháp luật nghiêm minh, giữ vững an ninh trật tự xã hội, không có trộm cướp và các tệ nạn khác hoành hành thì người dân mới được an cư lạc nghiệp. Với hội chúng Tỷ kheo cũng vậy, khi nào phần lớn các thành viên trong hội chúng ấy thuần tịnh, thúc thủ được số ít chưa thanh tịnh thì chắc chắn trụ xứ ấy sẽ an ổn và vững mạnh.

Thời Thế Tôn, một vài hội chúng Tỷ kheo ở những trụ xứ riêng lẻ từng có biểu hiện các ác Tỷ kheo cường thịnh, chiếm đa số và lấn lướt những Tỷ kheo chân chính đến độ họ phải im lặng hoặc ẩn dật. Dù cho những hội chúng này có tụ hội đông đảo và lớn mạnh, theo Thế Tôn vẫn là “bất hạnh, không an lạc, không lợi ích” cho số đông.

Do đó, đối với các hội chúng Tỷ kheo, hình thức bên ngoài chưa nói lên được điều gì, trừ khi song hành với hình thức bề thế và hoành tráng kia là sự thuần tịnh, chân chánh của chư vị lãnh đạo và toàn thể thành viên trong hội chúng ấy. Được vậy, những hội chúng này mới thực sự mang lại an lạc và hạnh phúc cho chư thiên và loài người. ▴

5- VUI TRONG TĨNH LẶNG

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng. Lúc bấy giờ Bà la môn Navakammika đang làm việc tại khu rừng ấy, thấy Thế Tôn ngồi kiết già dưới gốc cây, lưng thẳng và để niêm trước mặt.

Thấy vậy, Bà la môn suy nghĩ: Ta thích làm việc về củi gỗ tại khu rừng này. Còn Sa môn Gotama thì thích làm việc gì ở đây?

Nghĩ vậy rồi Bà la môn Navakammika liền đi đến Thế Tôn nói lên bài kệ: *Nay ông làm việc gì/ Trong rừng cây sa la/ Khiến ông sống một mình/ Vui gì ông tìm được/ Sa môn Gotama?*

Thế Tôn đáp: *Ta không phải làm gì/ Trong khu rừng sa la/ Với Ta, rễ đã cắt/ Cả khu rừng rậm rạp/ Như vậy Ta được thoát/ Mọi rừng rú chông gai/ Tâm Ta không bị dâm/ Một mình sống an lạc/ Đoạn trừ mọi bất mãn/ Sống thích thú hoan hỷ.*

Được nghe nói vậy, Bà la môn Navakammika bạch Thế Tôn:

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama. Mong Tôn giả nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 7, phẩm Cư sĩ, phần Navakammika, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.394)

LỜI BÀN:

Có những niềm vui, hạnh phúc biểu hiện ra bên ngoài, chìm ngập trong đèn hoa rực rỡ cùng vô số những tràng pháo tay, chúc tụng

ồn ào. Nhưng cũng có những niềm an vui, hạnh phúc rất sâu lắng, thuộc về nội tâm mà người ngoài khó có thể biết được. Và những ai chưa từng trở về với chính mình, chưa một lần trải nghiệm thiền định thì không thể ngờ rằng có những người dù sống cô độc, khắc khổ trong rừng nhưng lại ân hưởng một niềm hạnh phúc, an vui lặng lẽ và trọn vẹn.

Thời Thế Tôn, Bà la môn Navakammika đã nhiều lần tự hỏi không biết Sa môn Gotama sống một mình trong rừng vì mục đích gì? Hay là vị Sa môn này đã tìm được niềm vui nào đó trong lối sống độc cư ở nơi hoang vu rừng núi? Và những thao thức đó ngày nay vẫn hiện hữu nơi rất nhiều người khi họ quan tâm tìm hiểu đời sống tu tập của người xuất gia.

Thực ra, mỗi người sống ở trên đời đều mưu cầu hạnh phúc. Người xuất gia chối bỏ những niềm vui và hạnh phúc của thế thường vì nó mong manh và thực chất chúng là vỏ bọc của những khổ đau trá hình. Hạnh phúc đích thực của đời sống con người không phải là sự sung mãn về vật chất, thỏa mãn tham vọng quyền lực và danh vọng... mà chính là thiết lập được bình an nội tại. Chính sự an tịnh nội tâm, hỷ lạc do thiền định mang lại là hạnh phúc đích thực, là chất liệu nuôi dưỡng đời sống xuất gia.

Một khi đã dọn dẹp vườn tâm an tịnh, tẩy sạch cấu uế tham ái, phiền não thì người ấy, dù ở đâu và trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng hạnh phúc, an vui. Tâm thanh tịnh thì thế giới thanh tịnh. Do đó, người xuất gia không hướng ngoại để cầu toàn mà luôn trở về tự tâm an trú trong hiện tại với chánh niệm. Không vương bận quá khứ, không bị chi phối bởi tương lai, sống thanh thoi, hạnh phúc ngay trong hiện tại, bây giờ và ở đây.▲

6- PHÁP MÔN ĐƯA ĐẾN AN ỔN

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, Ta sẽ giảng cho các ông pháp môn đưa đến an ổn, khỏi các khổ ách.

Thế nào là pháp môn đưa đến an ổn, khỏi các khổ ách? Này các Tỷ kheo, có những sắc do mắt nhận biết khả lạc, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Những sắc ấy đã được Như Lai đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy Như Lai được gọi là vị đã được an ổn, khỏi các khổ ách. Này các Tỷ kheo, có những tiếng... có những hương...có những vị...có những xúc...

Này các Tỷ kheo, có những pháp do ý nhận biết khả lạc, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Những pháp ấy đã được Như Lai đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy Như Lai được gọi là vị đã được an ổn, khỏi các khổ ách.

Này các Tỷ kheo, đây là pháp môn đưa đến an ổn, khỏi các khổ ách, là pháp môn đúng pháp.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ* IV, chương 1, phẩm An ổn, khỏi các khổ ách, phần Người được an ổn, khỏi các khổ ách, Nxb Tôn Giáo, 2001, tr.149)

LỜI BÀN:

Kinh Phật có đến vô lượng pháp môn tu. Tùy theo căn cơ, nghiệp lực và hoàn cảnh sống của mỗi người mà chọn cho mình một pháp môn thích hợp. Như trăm sông đều xuôi về biển cả, các

pháp môn tu do Đức Phật tuyên thuyết đều xuôi về giải thoát, Niết bàn. Pháp thoại này, Thế Tôn giới thiệu một pháp môn tu đơn giản mà vô cùng hiệu quả là quán chiếu ngay nơi sáu giác quan để làm chủ thân tâm và đoạn tận phiền não, đạt đến an ổn, khỏi các khổ ách.

Thu thúc lục căn là làm chủ sáu giác quan khi tiếp xúc với sáu đối tượng trần cảnh. Khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm và ý nghĩ đến... thường đi kèm với tâm phân biệt cùng thái độ yêu ghét. Và mọi tham muốn, khổ đau, hệ lụy ở đời cũng đều xuất phát từ đây. Vấn đề là làm sao khi mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe mà không bị cái thấy nghe chi phối?

Chính chánh niệm tỉnh giác (biết rõ) khi mắt nhìn thấy sắc, tai nghe âm thanh là yếu tố quan trọng để làm chủ thân tâm, không bị sắc thanh lôi cuốn. Khi mắt thấy sắc, rõ biết và ghi nhận đó là một sự vật, một bông hoa chẳng hạn. Nhưng chỉ thuần có cái thấy, tâm không phân biệt đẹp xấu, không biểu hiện tình cảm yêu ghét. Thấy được như vậy thì cái thấy đó không hề mang đến hệ lụy và não phiền. Nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, nghĩ tưởng đều chánh niệm tỉnh giác như vậy thì hành giả sẽ đạt đến an ổn, khỏi các khổ ách.

Hạnh phúc an lạc hay phiền não khổ đau phụ thuộc vào sự tu tập làm chủ sáu giác quan này. Do đó, thực tập và duy trì chánh niệm tỉnh giác trong đời sống hàng ngày chính là con đường đưa đến giải thoát, an vui. ▀

7- BIẾT ĐỦ THƯỜNG VUI

Một thời Thế Tôn trú ở Sàketa, tại khu vườn Kàlaka gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có bốn pháp này là không quan trọng, dễ được và không có phạm lỗi. Thế nào là bốn?

Trong các loại y, này các Tỷ kheo, y phẩn tảo (y lượm từ đồng rác) là không quan trọng, dễ được và không có phạm lỗi. Trong các loại đồ ăn, này các Tỷ kheo, khát thực là không quan trọng, dễ được và không vi phạm. Trong các sàng tọa, này các Tỷ kheo, gốc cây là không quan trọng, dễ được và không có phạm lỗi. Trong các loại được phẩm, này các Tỷ kheo, nước tiểu của quỷ là không quan trọng, dễ được và không có phạm lỗi.

Bốn loại, này các Tỷ kheo, không quan trọng, dễ được, không có phạm lỗi này, nếu các Tỷ kheo nào biết đủ, với các loại không quan trọng, dễ được này, Ta tuyên bố rằng đây là một trong những chi phần của Sa môn hạnh.

Biết đủ với sự vật / Không quan trọng, dễ được / Lại không có phạm tội / Tâm không bị phiền nhiễu / Về vấn đề trú xứ / Y áo và ăn uống / Tâm không bị lo lắng / Về phương hướng phải đi / Các pháp được tuyên bố / Thuận lợi Sa môn hạnh / Chúng được có đầy đủ / Với vị biết vừa đủ / Với vị không phóng dật / Tinh cần trong học tập.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 4, phẩm Uruvelà, phần Biết đủ, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.599)

LỜI BÀN:

Đối với nhu cầu và khát vọng của con người thì cuộc sống này

đường như chẳng bao giờ có sự bão hòa, đầy đủ. Thiếu, chưa đủ, cần phải tìm kiếm thêm... là đặc điểm cố hữu của con người. Thành ra, nếu chúng ta tự biết đủ thì tự khắc sẽ tạm đủ, còn nếu ai chưa biết đủ thì cứ mãi miết đi tìm.

Thực ra, để nâng cao phẩm chất cuộc sống không đơn thuần chỉ đầy đủ về vật chất mà quan trọng hơn là sung mãn, thoải mái về tinh thần. Nội tâm an lạc, thanh thoi thì dầu không dư dả nhưng vẫn lạc quan, vui vẻ. Ngược lại, nhà cao cửa rộng, vật chất đầy đủ mà tâm bị tham ái, giận hờn, si mê dẫn dắt, quấy nhiễu thì vẫn khổ đau như thường.

Do đó, người khôn ngoan thì không chỉ quần quật kiếm sống, cặm cụi làm giàu mà phải biết dành thời gian tu dưỡng, trau dồi đạo đức, chuyển hóa nội tâm, thăng hoa tuệ giác. Chính tuệ giác, hay nói cách khác là nhận thức đúng đắn về con người và cuộc đời sẽ giúp cho chúng ta buông xả, nhẹ nhàng, sống thanh thoi và giải thoát.

Riêng đối với người xuất gia thì biết đủ về các nhu cầu vật chất để dành thời gian và tâm lực tu tập thiền định lại càng quan trọng hơn. Thế Tôn gọi biết đủ là một trong những hạnh của Sa môn. Do đó, cần giảm thiểu các nhu cầu về ăn, mặc, ở... để bớt lo toan, được thanh thoi nhẹ nhàng, tạo thuận duyên cho sự nghiệp chuyển hóa và thăng hoa.▲

8- THIẾT LẬP AN LẠC

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, đầy đủ được ba pháp ấy, một Tỷ kheo ngay trong hiện tại, sống nhiều an lạc, hoan hỷ, và tạo nguyên nhân bắt đầu đoạn tận các lậu hoặc. Thế nào là ba? Hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống và chú tâm tỉnh giác.

Thế nào là Tỷ kheo hộ trì các căn? Ở đây, này các Tỷ kheo, khi mắt thấy sắc, Tỷ kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ kheo tự chế ngự những nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng..., mũi ngửi hương..., lưỡi nếm vị..., thân cảm xúc..., ý nhận thức các pháp... đều hộ trì.

Thế nào là Tỷ kheo tiết độ trong ăn uống? Ở đây, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo chân chánh giác sát thọ dụng món ăn không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được an trú, được bảo dưỡng, khỏi bị thương hại, để hỗ trợ phạm hạnh; vị ấy nghĩ rằng: “Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ, không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an lạc”.

Thế nào là Tỷ kheo chú tâm tỉnh giác? Ở đây, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo ban ngày trong khi đi kinh hành hay ngồi, tâm trừ sạch các chướng ngại pháp. Ban đêm canh một, khi đi kinh hành hay ngồi, tâm trừ sạch các chướng ngại pháp. Ban đêm canh giữa, vị ấy nằm phía hông bên phải, trong dáng nằm con sư tử, hai chân để trên nhau,

chánh niệm tỉnh giác, tác ý đến lúc thức dậy. Ban đêm trong canh cuối cùng, vị ấy thức dậy và trong khi đi kinh hành và ngồi, tâm trừ sạch các chướng ngại pháp.

Này các Tỷ kheo, đầy đủ ba pháp ấy, Tỷ kheo ngay trong hiện tại, sống nhiều an lạc, hoan hỷ, và tạo nguyên nhân bắt đầu đoạn tận các lậu hoặc.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ IV*, chương 1, phẩm Rắn độc, phần Hỷ lạc [lược], Nxb Tôn Giáo, 2001, tr.288)

LỜI BÀN:

Sống an lạc, hoan hỷ và tịnh hóa thân tâm là phận sự, là phương châm sống của những người con Phật. Theo kinh nghiệm của Thế Tôn, chỉ cần thực hành đầy đủ ba pháp: Hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống và chú tâm tỉnh giác thì các hành giả đã có những tiến bộ đáng kể trong sự nghiệp tu học.

Bởi nghiệp được tạo ra từ các giác quan, vì không khéo hộ trì nên chúng ta thường bị ngoại cảnh chi phối. Sự ăn uống nếu thiếu chừng mực, không tiết độ cũng khiến thân thể bất an, khó điều hòa và làm trở ngại việc tu tập. Không chú tâm tỉnh giác mọi lúc mọi nơi thì năm triền cái (dục tham, sân hận, hôn trầm, trạo hối và nghi) sẽ chướng ngại thiền định, không thể an tịnh thân tâm.

Do vậy, có thể nói ba pháp này là căn bản, nền tảng của sự tu tập. Hoa trái tịnh lạc, giải thoát, Niết bàn cũng lưu xuất từ đây.▶

II. BẠN TỐT

1- XỨNG ĐÁNG LÀ BẠN TỐT

Một thời Thế Tôn trú ở Sàketa, tại rừng Tikandaki, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, thành tựu năm pháp này, Tỷ kheo không đáng được làm bạn. Thế nào là năm?

Bảo làm việc đồng áng; ưa thích kiện tụng; chống đối các Tỷ kheo lãnh đạo; sống đời sống không có mục đích; không có khả năng trình bày hoặc khích lệ làm cho hoan hỷ với một bài thuyết pháp.

Thành tựu năm pháp này, Tỷ kheo không đáng được làm bạn.

Này các Tỷ kheo, thành tựu năm pháp này, Tỷ kheo đáng làm một người bạn. Thế nào là năm?

Không bảo làm việc đồng áng; không ưa thích kiện tụng; không chống đối các Tỷ kheo lãnh đạo; không sống đời sống không có mục đích; có khả năng trình bày hoặc khích lệ làm cho hoan hỷ với một bài thuyết pháp.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Tikandaki, phần Người bạn, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.589)

LỜI BÀN:

Trong đời sống Tăng đoàn, thầy và bạn là những nhân tố cực kỳ quan trọng góp phần tác thành nên phạm hạnh và tuệ giác cho mỗi vị Tỷ kheo. Đặc biệt là những người bạn đồng tu, vì sống chung nên có những ảnh hưởng, tác động mạnh mẽ đến nhân cách và phạm hạnh lẫn nhau cũng như về các phương diện khác.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, một người bạn đồng tu đúng nghĩa, trước hết phải là người dồn hết thời gian cho tu tập, không xu

hướng đến những công việc mưu sinh của thế tục như công việc đồng áng, sản xuất, kinh doanh... Bởi lẽ ảnh hưởng những tư duy hướng ngoại sẽ làm tán tâm, tăng trưởng tham ái, dục vọng.

Tiếp đến, người bạn tốt là người biết nhẫn nhịn, không chấp chặt, luôn hỷ xả. Những vướng mắc phát sinh trong đời sống xuất gia phải được giải quyết trong tinh thần lục hòa. Vận dụng hiểu biết và thương yêu để thiết lập hòa hợp, không tranh chấp, kiên tụng là phẩm chất quý giá của người thiện hữu tri thức.

Điều cần yếu trong tu tập là phải biết kính trên nhường dưới, đặc biệt là phụng mạng đối với các bậc tôn túc. Sự phục tùng, không chống đối các Tỷ kheo lãnh đạo thể hiện sự khiêm cung, cầu tiến. Kính thuận sư trưởng là một phẩm chất cao quý của người học đạo đồng thời là gương sáng cho bằng hữu học tập, noi theo.

Mục đích của người xuất gia là hướng đến giải thoát. Vì thế, nếu không xác định và duy trì được mục đích cao cả ấy trong đời sống xuất gia thì rất nguy hại. Người sống lây lất, qua ngày đoạn tháng, không có mục đích chỉ là gánh nặng và di họa cho đại chúng, có thể dẫn đến thoái đạo. Do vậy, muốn giữ vững chí nguyện xuất trần cần phải chọn bạn là người luôn hướng về giải thoát.

Sống theo pháp và nỗ lực hoằng truyền chánh pháp là phận sự của Tỷ kheo. Người bạn đồng tu tốt luôn quan tâm đến sự thịnh suy của giáo pháp đồng thời luôn hoan hỷ, tán thán với việc bố thí pháp. Chính công hạnh này sẽ làm động lực trợ duyên cho pháp lữ dẫn thân hoằng pháp vì lợi ích quần sanh.

Chọn bạn tu tốt để nương tựa là điều cần yếu trong tu tập. Mặt khác, chính tự thân mỗi vị Tỷ kheo phải nỗ lực hoàn thiện mình để xứng đáng là bậc thiện hữu cho đại chúng nương tựa. ▀

2- CHỌN BẠN MÀ CHƠI

Một thời Thế Tôn trú ở núi Gijjhakùta, dạy các Tỷ kheo:

Thành tựu bảy chi phần, này các Tỷ kheo, một Tỷ kheo cần phải thân cận như một người bạn. Thế nào là bảy?

Cho những gì khó cho, làm những gì khó làm, nhẫn những gì khó nhẫn, nói lên những gì bí mật của mình, che giấu bí mật của người khác, không từ bỏ khi gặp bất hạnh, không có khinh rẻ khi tài sản khánh tận.

Thành tựu bảy chi phần này, này các Tỷ kheo, một Tỷ kheo cần phải thân cận như một người bạn.

*Bạn cho điều khó cho / Làm những điều khó làm /
Kham nhẫn những lời nói / Thật khó lòng kham nhẫn /
Nói lên bí mật mình / Che giấu bí mật người / Bất hạnh,
không từ bỏ / Khánh tận, không chê khinh / Trong những
trường hợp trên / Tìm được người như vậy / Với ai cần bạn
hữu / Hãy gần bạn như vậy.*

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương 7, phẩm Chư thiên, phần Bạn hữu [1], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.322)

LỜI BÀN:

Trong cuộc sống, mỗi người đều có quen biết nhiều, giao hảo rộng rãi nhưng tìm ra bạn hiền để tâm giao quả không mấy dễ dàng. Gặp một người tốt hiểu mình đã khó, chia sẻ những vướng mắc với mình về các phương diện trong cuộc sống lại càng khó khăn hơn. Người ta thường nói vui, ở đời này “Thạch Sanh thì ít mà Lý Thông lại nhiều” cũng vì lẽ ấy.

Có không ít người lâm vào khánh kiệt, vương phải nợ nần, gia đình tan nát cũng vì tin bạn. Cho nên, bạn bè có nhiều hạng, khi chưa thực sự hiểu nhiều về bạn thì cũng nên thận trọng, chớ vội sống hết mình. Tuy vậy, có rất nhiều người thành công nhờ sự động viên, giúp đỡ từ bạn bè. Gặp được bạn tốt là một phúc duyên quý báu, cần phải trân quý và gìn giữ tình bạn cao cả ấy.

Theo kinh nghiệm của Thế Tôn, bạn tốt là người biết chia sẻ, luôn sẵn sàng giúp đỡ, biết nhẫn nhịn, nói năng từ hòa, sống trải lòng ra với bạn bè, thận trọng khi nói về người khác, không bỏ rơi bạn khi gặp hiểm nguy, không khinh chê bạn khi làm ăn thất bại... Những ai hội đủ các phẩm tính ấy thì chắc chắn họ là người tốt, cần phải gần gũi và kết thân lâu dài.

Thân thiết với bạn cũng giống như đi trong sương sớm, lâu dần chắc chắn sẽ bị ướt áo. Ảnh hưởng của bạn bè tác động lên cuộc sống của chúng ta rất nhiều. Vì vậy, phải chọn bạn mà chơi, tìm bạn tốt để cùng nương nhau học tập, làm việc, tu dưỡng thân tâm trở thành người tốt, có ích cho bản thân, gia đình và xã hội.▲

3- CẦN PHẢI NUỜNG TỰA

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, dạy các Tỷ kheo:

Có ba hạng người này, này các Tỷ kheo, có mặt ở đời. Thế nào là ba?

Này các Tỷ kheo, có hạng người không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường. Ở đây, có hạng người thấp kém về giới, định, tuệ. Hạng người như vậy, này các Tỷ kheo, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường, trừ khi vì lòng từ mẫn.

Và này các Tỷ kheo, có hạng người nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường. Ở đây, có hạng người đồng đẳng (với mình) về giới, định, tuệ. Hạng người như vậy, này các Tỷ kheo, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường. Vì cố sao? Với ý nghĩ: (Cả hai) đều thiện xảo về giới, về định, về tuệ, vì thế câu chuyện của chúng ta sẽ thuộc về giới, định, tuệ; sẽ lợi ích cho cả hai và làm cho cả hai được an lạc. Do đó, hạng người như vậy nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.

Này các Tỷ kheo, có hạng người sau khi cung kính, tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường. Ở đây, có hạng người thù thắng về giới, định, tuệ. Hạng người như vậy, này các Tỷ kheo, sau khi cung kính, tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường. Vì cố sao? Với ý nghĩ: Như vậy, nếu chưa đầy đủ về giới, về định, về tuệ, ta sẽ làm đầy đủ; hay nếu giới, định, tuệ được đầy đủ ta sẽ hỗ trợ thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ. Cho nên, với hạng người như vậy nên gần gũi, sau khi cung

kính, tôn trọng, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Người, phần Cần phải thân cận [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.221)

LỜI BÀN:

Một trong những biểu hiện quan trọng của quy y Tăng là không gần gũi, thân cận thầy tà, bạn ác. Và giới định tuệ trở thành những tiêu chuẩn tin cậy nhất, là thước đo căn bản nhất để nhận biết về người thầy hoặc bạn mà mình đang nương tựa là chánh hay tà. Cho nên, dù hình thức có hoành tráng đến mấy song nội dung hay phẩm chất thiếu vắng hoặc thấp kém về giới định tuệ thì chắc chắn họ không phải là điểm tựa tâm linh đích thực cho ta quy nương.

Tuy nhiên, chỉ cần gặp được một người có tu tập và thành tựu giới định tuệ dù chỉ ở cấp độ tương đương với mình thôi cũng cần phải thân cận, hầu hạ và cúng dường, bởi không gì quý bằng “ăn cơm có canh, tu hành có bạn”. Do đó, cần phải nương tựa những cộng đồng Tăng thân, pháp lữ chân tu thực học.

Nếu được gần gũi những bậc minh sư thù thắng về giới định tuệ là một phúc duyên lớn. Theo lời dạy của Thế Tôn, đối với các bậc minh sư, hàng Phật tử chúng ta không chỉ cung kính, tôn trọng mà nên gần gũi, thân cận, hầu hạ và cúng dường. Nhất là trong mùa an cư, chư Tăng tập trung về những đạo tràng tịnh tu tam nghiệp, trau dồi giới định tuệ. Đây là cơ hội quý báu cho hàng cư sĩ gieo trồng phước báo và tu tập theo chư Tăng để được chuyển hóa và thăng hoa.▲

4- THÂN CẬN BẠN TỐT

Một thời Thế Tôn trú ở núi Gijjhakùta, dạy các Tỷ kheo:

Thành tựu bảy chi phần, này các Tỷ kheo, là người bạn cần phải thân cận, cần phải giao thiệp, cần phải hầu cận, dầu có bị xua đuổi. Thế nào là bảy?

Khả ái, khả ý; tôn trọng; đáng được bắt chước; nhà thuyết giả; kham nhẫn lời nói; nói lời sâu kín; không có hối thúc những điều không hợp lý.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo là người bạn, cần phải thân cận, cần phải giao thiệp, cần phải hầu hạ, dầu có bị xua đuổi.

*Khả ái và đáng kính / Đáng bắt chước, thuyết giả /
Kham nhẫn các lời nói / Nói những lời thâm sâu / Không
hối thúc ép buộc / Những điều không hợp lý / Ai có những
pháp này / Ở đời, người như vậy / Người ấy là bạn hữu /
Với ai cần bạn hữu / Người mong muốn lợi ích / Với lòng
từ ai mãi / Dầu có bị đuổi xua / Hãy thân cận bạn ấy.*

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương 7, phẩm Chư thiên, phần Bạn hữu [2], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.323)

LỜI BÀN:

Tục ngữ Việt Nam có câu “Học thầy không tày học bạn” để nói lên tầm quan trọng và ảnh hưởng từ những người bạn tốt. Có không ít người vươn lên thành công trong cuộc sống nhờ có duyên lành được bạn tốt dắt dìu, nâng đỡ. Tuy vậy, tìm được bạn tốt để kết thân, gần gũi và học hỏi, cùng nhau hướng thiện cũng không phải là điều dễ dàng.

Theo kinh nghiệm của Thế Tôn, một người bạn tốt mà ta cần nương tựa để học hỏi, trước hết dung mạo phải dễ nhìn, tính cách hiền lành dễ thương. Kế đến, người bạn tốt luôn có những hành động và ứng xử đẹp đẽ khiến ta khâm phục. Không chỉ làm tốt mà người ấy còn nói hay. Những lời động viên chân thành, góp ý ngăn can hợp lý, chia sẻ đồng cảm sâu sắc có tác dụng đánh thức ta trước những cám dỗ, quyết định sai lầm. Người bạn tốt luôn biết nhẫn nhịn, không nóng nảy cộc cằn. Nhờ trầm tĩnh nên bạn rất sâu sắc và vững chãi trong cuộc sống. Bạn tốt là người có thể hơn ta về nhiều phương diện nhưng lại luôn tôn trọng, không hề chi phối mà chỉ trợ duyên soi sáng giúp ta tự quyết định lấy công việc của mình.

Những ai gặp được bạn hiền, hội đủ những tố chất tốt đẹp như trên là một phúc báo lớn, cần nương tựa suốt đời để noi gương, học hỏi. Khoan nói đến việc bạn chỉ bảo cho ta điều gì mà chỉ cần được gần gũi, thân cận, thân thiết với người tốt thôi cũng đã có thật nhiều lợi ích. Năng lượng hiểu biết và yêu thương nơi bạn sẽ lan tỏa và thấm đẫm tâm ý chúng ta một cách nhẹ nhàng, khiến ta luôn bình an và tĩnh thức.

Trái lòng để học thầy, học bạn và học nơi tất cả mọi người trong cuộc sống xung quanh cùng với sự suy ngẫm, chiêm nghiệm sâu sắc, chắc chắn sẽ giúp chúng ta từng bước trưởng thành.▲

5- NGƯỜI BẠN CHÂN THẬT

Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana. Bấy giờ, Singālaka, Gia chủ tử, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, chấp tay đánh lễ sáu phương.

Rồi Thế Tôn, buổi sáng vào thành Vương Xá khát thực, sau khi dạy Singālaka về ý nghĩa đánh lễ sáu phương, Ngài dạy thêm:

Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là người bạn chân thật: Ngăn chặn bạn không làm điều ác; khuyến khích bạn làm điều thiện; cho bạn nghe điều bạn chưa nghe; cho bạn biết con đường lên cõi chư Thiên. Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là người bạn chân thật.

Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn thương tưởng phải được xem là người bạn chân thật: Không hoan hỷ khi bạn gặp hoạn nạn; hoan hỷ khi bạn gặp may mắn; ngăn chặn những ai nói xấu bạn; khuyến khích những ai tán thán bạn. Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn thương tưởng phải được xem là người bạn chân thật.

(ĐTKVN, *Trường Bộ II*, kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt [trích], VNCPHVN ấn hành, 1991, tr.539)

LỜI BÀN:

Bạn bè ở đời có nhiều người và nhiều hạng. Vì thế nên người xưa đã từng khuyên chọn bạn mà chơi, chọn mặt để gửi vàng. Việc chọn lựa, tìm kiếm những người bạn hiền, chân thật để học hỏi và sẻ chia là điều cần thiết. Ai có nhiều bạn hiền, ắt hẳn người ấy

có cơ hội gạt hái được nhiều thành công trong cuộc sống.

Một người bạn chân thật, theo tuệ giác của Thế Tôn, phải thường xuyên khuyến khích và nhắc nhở cho ta những điều lợi ích cần phải thực hành để đem đến an vui. Người bạn chân thật thường thẳng thắn khuyên ngăn chúng ta trước những việc làm ác. Cuộc sống vốn nhiều biến động và vô vàn những ngang trái, éo le dễ làm cho con người manh tâm tham lam, thù hận. Nếu không kịp thời phản tỉnh trước những lời khuyên của bạn tốt thì chúng ta rất dễ dàng tạo ra những lầm lỗi. Không chỉ có thế, người bạn tốt còn khuyên ta làm các điều lành, tận tình chỉ bày cho ta những điều chưa biết và nhất là trao truyền những phương pháp thực tập chuyển hóa để sống an vui trong hiện tại và tăng trưởng phước báo ở vị lai.

Một đặc điểm khác của những người bạn chân thật là luôn sẻ chia buồn vui với ta trong những lúc thành công hay thất bại. Nhờ bạn tốt nên lúc thành công, ta không quá đỗi tự hào và lúc gặp thất bại cũng không thối chí, gượng gượng vươn lên. Trước những lời thị phi ta đang gánh chịu, bạn tốt ra sức bảo vệ và trước những lời tán dương ca ngợi ta, bạn tốt luôn bày tỏ đồng quan điểm. Có được những người bạn với những đức tính như trên, chắc chắn họ là bạn hiền.

Những ai có phước duyên gặp được bạn hiền như trên thì cần phải trân trọng, giữ gìn những tình cảm bạn bè tốt đẹp ấy để cùng nhau học tập, tu dưỡng đạo đức, sống hiền thiện, hạnh phúc và an vui. ▀

6- Ở Đâu Cũng Được Thương Mến

Một thời, Thế Tôn trú ở Kimbilà, tại Veluvana, dạy các Tỷ kheo:

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo trú tại chỗ giúp đỡ rất nhiều cho trú xứ ấy. Thế nào là năm?

Có giới và học tập các học pháp. Nghe nhiều và khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Vị ấy sửa chữa những gì bị gãy, bị hư hại. Khi đại chúng Tỷ kheo đi đến từ nhiều địa phương khác nhau, vị ấy nói với các gia chủ đi đến như sau: “Nay đại chúng Tỷ kheo đã đến từ nhiều địa phương khác nhau. Các vị hãy làm phước đức. Nay là thời điểm làm các phước đức”. Chúng được không khó khăn, chúng được không mệt nhọc, chúng được bốn thiên không phí sức và hiện tại lạc trú.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo trú tại chỗ giúp đỡ rất nhiều cho trú xứ ấy.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ II*, chương 5, phẩm Trú tại chỗ, phần Giúp đỡ nhiều, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.735)

LỜI BÀN:

Theo truyền thống thiền môn, chư vị Tỷ kheo khi du hành và lưu trú trong bất cứ các tự viện hay chùa chiền nào cho đến ba ngày sau thì xem như không còn là khách mà phải thực hành trách nhiệm và bổn phận như Tăng chúng thường trụ ở nơi ấy. Để cho sự có mặt của mình không trở thành gánh nặng và đến đâu cũng được kính quý, mỗi vị Tỷ kheo phải luôn phấn đấu tu học đồng thời góp sức cùng chư Tăng nơi trụ xứ ấy bảo vệ và xây dựng chùa chiền ngày càng vững mạnh, phát triển hơn.

Theo kinh nghiệm của Thế Tôn, khi gia nhập hội chúng mới, trước hết vị Tỷ kheo cần phải nỗ lực tu tập, giới hạnh tinh nghiêm. Kế đến là thường xuyên học hỏi, nghe pháp để có nhận thức và quan niệm đúng Chánh pháp. Đồng thời vị ấy tự giác tham gia vào công việc như chấp tác, dọn dẹp, sửa chữa những gì bị hư hại làm cho chùa viện sạch đẹp, khang trang hơn. Đối với các bạn đồng tu mới du hành đến trụ xứ, Tỷ kheo ấy phải sanh tâm hoan hỷ, kêu gọi các gia chủ cư sĩ cúng dường để gieo trồng phước báo và trợ duyên cho các huynh đệ đầy đủ phương tiện tu hành. Quan trọng nhất là vị Tỷ kheo trong thời gian ở tại trụ xứ ấy đạt được các quả chứng và sống thanh thoi an lạc.

Nếu hội đủ năm yếu tố trên, một vị Tỷ kheo đi đến nơi đâu sẽ giúp ích cho nơi ấy rất nhiều. Và tất nhiên, vị ấy ở đâu cũng không trở thành gánh nặng, được mọi người thương mến, kính trọng và mong mỏi ở lại lâu dài.

Trong thực tế hiện nay, một số Tỷ kheo trẻ cũng khá vất vả trong việc tìm cho mình một trụ xứ để nương tựa tu học. Thực trạng này hẳn có nhiều nguyên nhân, nhưng trước hết mỗi chúng ta phải tự xem lại mình đã thực hành được những gì để đóng góp cho trụ xứ như lời Phật đã dạy?▲

7- ĐƯỢC ÁI MỘ VÀ NOI THEO

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvathi, Jetavana, khu vườn Anāthapindika. Tại đấy, Thế Tôn dạy các Tỷ kheo:

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo không được các đồng Phạm hạnh ái mộ, không được khả ý, không được kính trọng, không được bắt chước tu tập theo. Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ kheo, vị Tỷ kheo ưa muốn lợi dưỡng, ưa muốn tôn kính, ưa muốn được tán thán, không xấu hổ, không sợ hãi, ác dục và tà kiến.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo không được các đồng Phạm hạnh ái mộ, không được khả ý, không được kính trọng, không được bắt chước tu tập theo.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo được các đồng Phạm hạnh ái mộ, được khả ý, được kính trọng, được bắt chước tu tập theo. Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ kheo, vị Tỷ kheo không ưa muốn lợi dưỡng, không ưa muốn tôn kính, không ưa muốn được tán thán, có xấu hổ, có sợ hãi, ít dục và chánh kiến.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo được các đồng Phạm hạnh ái mộ, được khả ý, được kính trọng, được bắt chước tu tập theo.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương Bảy pháp, phẩm Tài sản, phần Được ái mộ, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.275)

LỜI BÀN:

Trong cuộc sống, ai cũng mong muốn phần đầu tư hoàn thiện mình để được mọi người kính trọng, mến mộ, ca ngợi và học tập

theo. Người thực sự có uy tín, có danh dự, làm gương sáng cho mọi người trong một đoàn thể, cộng đồng là một phước báo lớn bởi đó là kết quả của quá trình phấn đấu, học tập, tu dưỡng và thành tựu đạo đức, trí tuệ.

Để đạt được phước báo này, dù bất cứ ai, theo tuệ giác Thế Tôn, mỗi người phải tự chuyển hóa, thăng hoa bằng cách thực tập: không ưa muốn lợi dưỡng, không ưa muốn tôn kính, không ưa muốn được tán thán, có xấu hổ, có sợ hãi, ít dục và chánh kiến. Phải thấy rõ chính việc chạy theo danh và lợi; trơ trẽn, chẳng biết xấu hổ; xem nhẹ các giá trị đạo đức, coi thường pháp luật; tham vọng, ích kỷ và bảo thủ, cố chấp là hố thẳm vùi lấp danh dự, uy tín, nhân phẩm của con người.

Đối với đoàn thể xuất gia cũng vậy, muốn được đại chúng, các đồng Phạm hạnh kính trọng, ngưỡng mộ và thương mến thì phải tuân thủ, thực hành trọn vẹn bảy nguyên tắc trên. Chính tuệ giác và giới đức mới là nền tảng của nhân cách, phẩm hạnh. Theo Phật giáo, đức và trí (thành tựu Giới - Định - Tuệ) là những yếu tố cơ bản tác thành nên Thánh cách của bậc đại nhân, thạc đức để mọi người kính ngưỡng, quy y chứ không phải các hình thức bên ngoài. Có thể chúng Tăng bên ngoài có phần nề vì, kiêng dè ai đó bởi tuổi tác hay chức vụ nhưng tận trong sâu thẳm lòng ái kính của họ chỉ dành cho những bậc đạo cao đức trọng mà thôi.

Vì thế, những ai biết vượt lên cái tôi, không màng đến danh lợi, chẳng vướng bận khen chê, khiêm tốn và giản dị, độ lượng cùng bao dung, biết xấu hổ và sợ hãi điều xấu ác, luôn minh triết trong đời sống thì chính vị ấy đã thành tựu viên mãn phẩm hạnh, xứng đáng được bằng hữu cùng hàng hậu học ngưỡng mộ, kính trọng, học hỏi và noi theo. ▀

III. HẠNH PHÚC

1- ĐỂ MÃI BÊN NHAU

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Bhagga, tại núi Sumsuàra, ở vườn Nai. Rồi gia chủ cha Nakulà và nữ gia chủ mẹ Nakulà đi đến đánh lễ Thế Tôn. Ngồi xuống một bên, gia chủ cha Nakulà bạch Thế Tôn:

Từ khi nữ gia chủ mẹ Nakulà được đem về đây cho con khi con còn trẻ nhỏ, con không bao giờ có điều gì xâm phạm đến vợ con, cho đến ý nghĩ cũng không, đừng nói gì đến thân. Vì rằng bạch Thế Tôn, chúng con muốn thấy mặt nhau trong đời này và còn muốn thấy mặt nhau trong những đời sau nữa.

Nữ gia chủ mẹ Nakulà cũng bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, từ khi con được đem về đây cho gia chủ cha Nakulà, khi con còn trẻ nhỏ, con không bao giờ có điều gì xâm phạm đến chồng con, cho đến ý nghĩ cũng không, đừng nói gì đến thân. Vì rằng bạch Thế Tôn, chúng con muốn thấy mặt nhau trong đời này và còn muốn thấy mặt nhau trong những đời sau nữa.

Vậy này các gia chủ, khi cả hai vợ chồng muốn thấy mặt nhau trong đời này và cũng muốn thấy mặt nhau trong những đời sau nữa, cả hai người cùng có niềm tin, cùng giữ giới, cùng bố thí, cùng tu tập trí tuệ thì trong đời hiện tại được thấy mặt nhau, và trong các đời sau, các người cũng được thấy mặt nhau.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 4, phẩm Nguồn sanh phước, phần Xứng đôi, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.668)

LỜI BÀN:

Tình nghĩa vợ chồng khi đã kết tóc xe duyên thì không chỉ nguyện

ước sống mãi bên nhau cho đến đầu bạc răng long mà còn nguyện cùng nhau đi cho đến sơn cùng thủy tận. Đây cũng là mong ước, tâm nguyện chân thành đồng thời cũng là điệp khúc muôn thuở của tất cả những người đang yêu. Tuy nhiên, giữa ước mơ và thực tại là một khoảng cách xa vời. Khi đã thực sự chung sống, chẳng khó khăn gì để mọi người nhận ra một sự thật rằng: hạnh phúc tuy có đấy nhưng quá đổi mong manh, khó tìm nhưng lại dễ mất.

Tuyệt vời thay cho gia đình Nakulà, sống chung mà chẳng có điều gì xâm phạm lẫn nhau cho dù trong ý nghĩ. Cố nhiên là họ yêu thương nhau nhưng cốt tủy của vấn đề ở chỗ là họ thực sự hiểu nhau. Yêu thương và hiểu biết lẫn nhau là hai yếu tố cực kỳ quan trọng trong việc giữ gìn hạnh phúc gia đình. Chúng hỗ tương, khắng khít và chẳng thể tách rời. Bởi yêu thương mà thiếu hiểu biết thì tình thương ấy sẽ trở thành sự trói buộc. Sẽ không đủ sức mạnh để tin yêu, thông cảm, tôn trọng, tha thứ và bao dung... nếu không thực sự hiểu biết lẫn nhau.

Vun bồi những chất liệu nuôi dưỡng tình yêu nhằm giữ gìn hạnh phúc gia đình, theo quan điểm của Thế Tôn, cả hai người phải nỗ lực tu tập về tín, giới, thí và tuệ. Tin tưởng nơi chính mình và người bạn đời của mình; tự nguyện gìn giữ phẩm hạnh, thủy chung son sắt; hỷ xả và tha thứ những lỗi lầm của nhau; hiểu biết nhau thật sự là bí quyết để nuôi dưỡng tình yêu nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc.

Trong bối cảnh xã hội phát triển, khi xu thế ly hôn, đổ vỡ hạnh phúc gia đình ngày một gia tăng như hiện nay, thiết nghĩ sự tu tập theo lời Phật dạy như trên để hàn gắn những tổn thương, giữ gìn hạnh phúc gia đình là cẩm nang không thể thiếu đối với mọi người, nhất là những người con Phật.▲

2- ĐẠO NGHĨA VỢ CHỒNG

Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana. Bấy giờ, Singālaka, gia chủ tử, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, chấp tay đánh lễ sáu phương.

Rồi Thế Tôn, buổi sáng vào thành Vương Xá khát thực, sau khi dạy Singālaka về ý nghĩa đánh lễ sáu phương, Ngài dạy thêm về đạo nghĩa vợ chồng:

Này gia chủ, có năm cách người chồng phải đối xử với người vợ: Kính trọng vợ, không bất kính đối với vợ, trung thành với vợ, giao quyền hành cho vợ, sắm đồ nữ trang cho vợ.

Này gia chủ, được chồng đối xử như vậy, người vợ có lòng thương tưởng chồng theo năm cách: Thi hành tốt bổn phận của mình, khéo tiếp đón bà con, trung thành với chồng, khéo giữ gìn tài sản của chồng, khéo léo và nhanh nhẹn làm mọi công việc.

Này gia chủ, người vợ được chồng đối xử theo năm cách và người vợ tỏ lòng thương tưởng chồng theo năm cách như vậy gia đình sẽ an ổn và thoát khỏi các sợ hãi.

(ĐTKVN, *Trường Bộ II*, kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt [lược], VNCPHVN ấn hành, 1991, tr.543)

LỜI BÀN:

Trong lễ thành hôn, người ta thường chúc nhau trăm năm hạnh phúc, mong cho đôi vợ chồng trẻ sống với nhau đến ngày đầu bạc răng long. Sở dĩ ai cũng mong cầu hạnh phúc vì điều ấy tuy có đầy nhưng khó đạt được. Mỗi người phải phấn đấu và nỗ lực không ngừng để kiện toàn tự thân thì mới có thể hy vọng tạo

dựng hạnh phúc hôn nhân bền vững, lâu dài. Ngoài tình yêu, hiểu nhau đến tận chân tơ kẽ tóc, mỗi người phải làm tròn bổn phận làm vợ, làm chồng của mình.

Theo Thế Tôn, một người chồng tốt, trước hết phải kính trọng người bạn đời của mình. Nguyên tắc này, ngày nay chúng ta thấy bình thường nhưng ở thời đại của Thế Tôn, nhất là trong một xã hội cổ đại trọng nam khinh nữ, khi phụ nữ là “ngọn đuốc sáng soi đường đến địa ngục” thì phải kính trọng vợ là điều hết sức cách mạng. Không chỉ tôn trọng mà người chồng còn phải chung thủy, tin tưởng hoàn toàn nơi người bạn đời; và điều quan trọng là tất cả những tính cách tốt đẹp ấy của người chồng phải được biểu hiện ra bằng hành động cụ thể sẵn sàng, ân cần.

Cùng với người chồng tốt, người vợ phải thực sự ngoan hiền, chung thủy, đảm đang và tháo vát. Mặc dù phụ nữ thời nay có thể nói bình đẳng hoàn toàn với nam giới trên mọi phương diện song không ai trong gia đình có thể đảm nhiệm tốt vai trò “nội tướng” hơn người vợ, người mẹ. Thực hiện tốt vai trò này, người vợ đã góp phần cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng sự ổn định, phát triển vững chắc cho gia đình.

Thế Tôn đã khẳng định, nếu vợ chồng biết chung sống với đầy đủ trách nhiệm và bổn phận theo năm cách đã nói ở trên thì chắc chắn sẽ đạt được hạnh phúc. Đây cũng là điều mà mỗi người con Phật cần suy gẫm, thực hành trong đời sống hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc. ▀

3- BÍ QUYẾT HẠNH PHÚC

Một thời, Thế Tôn trú tại Sàvatthi. Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến đảnh lễ, bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, có một pháp nào có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai hạnh phúc: hạnh phúc đời này và hạnh phúc đời sau?

Thưa Đại vương, có một pháp có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai hạnh phúc: hạnh phúc đời này và hạnh phúc đời sau.

Bạch Thế Tôn, pháp ấy là gì?

Bất phóng dật, thưa Đại vương, là một pháp có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai hạnh phúc: hạnh phúc đời này và hạnh phúc đời sau.

Ai ước nguyện tuổi thọ / Không bệnh, có diệu sắc / Được sanh lên Thiên giới / Sanh các nhà quý tộc / Phải liên tục tăng thượng / Tinh tấn, không dừng nghỉ / Người hiền triết tán thán / Hạnh lành không phóng dật / Đối với những người lành / Làm các hạnh công đức / Người hiền không phóng dật / Được cả hai lợi ích / Lợi ích trong đời này / Lợi ích cả đời sau / Kẻ anh hùng được gọi / Là bậc chơn hiền trí / Nếu biết nắm chụp lấy / Hạnh phúc cho chính mình.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ I*, chương 3, phẩm 2, phần Không phóng dật [lược], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.194)

LỜI BÀN:

Phóng dật là lối sống buông thả, phóng túng theo dục vọng, không có tiết độ, không biết tự giới hạn và kiểm chế bản thân,

nói nôm na là sống xả lảng, không cần nghĩ đến ngày mai. Theo tuệ giác của Thế Tôn, chính sự phóng túng không biết dừng lại đúng lúc là nguyên nhân của mọi bất hạnh trong đời này và cả những đời sau.

Thì ra, những điều kiện để thiết lập hạnh phúc trong đời sống vốn ở trong tầm tay của mọi người. Đó là sự chuẩn mực, điều độ, biết làm chủ bản thân mình trước những cám dỗ. Chúng ta thừa biết tác hại của việc ăn quá no hoặc ngủ quá nhiều, đam mê tửu sắc vô độ, quá vui hoặc quá buồn, stress v.v... ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần, là nguyên nhân của vô số bệnh tật, dẫn đến thể trạng sa sút và suy giảm tuổi thọ nhưng để làm chủ được bản thân không phải là điều dễ dàng.

Mặt khác, những ai biết dừng lại đúng lúc trước cám dỗ chắc chắn người ấy sẽ không bao giờ phải hối tiếc và ăn năn về những việc đã làm. Không ít người chỉ vì một phút không chế ngự được bản thân để tham sân chi phối mà phải thân bại danh liệt hay ân hận suốt cuộc đời.▲

4- TỔN HẠI GIA ĐÌNH

Một thời Thế Tôn du hành ở giữa dân tộc Kosala cùng với đại chúng Tỷ kheo đi đến Nàlandà. Tại đây, Thế Tôn trú tại rừng Pàvarikamba. Lúc ấy, Nàlandà đang đói kém, khó kiếm được cái ăn, xương trắng đầy tràn.

Rồi thôn trưởng Asibandhakaputta, đệ tử của Nigantha đi đến đánh lễ, cất vấn Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, có phải Thế Tôn dùng nhiều phương tiện tán thán, thương kính các gia đình, bảo vệ các gia đình, từ miễn đối với các gia đình?

Đúng vậy, này thôn trưởng!

Vậy thì vì sao, bạch Thế Tôn, Ngài cùng đại chúng Tỷ kheo lại du hành tại xứ Nàlandà đang đói kém, khó kiếm được cái ăn, xương trắng đầy tràn? Như vậy, Thế Tôn thực hành tàn phá các gia đình, thực hành sự bất hạnh cho các gia đình, thực hành sự tổn hại cho các gia đình.

Này thôn trưởng, có tám nhân duyên làm tổn hại các gia đình. Do quốc vương, các gia đình đi đến tổn hại. Hay do trộm cướp, các gia đình đi đến tổn hại. Hay do lửa, các gia đình đi đến tổn hại. Hay do nước, các gia đình đi đến tổn hại. Hay họ không tìm được tiền của cất giấu. Hay do biếng nhác, họ bỏ bê công việc. Hay trong gia đình có kẻ phá hoại. Và vô thường là thứ tám. Này thôn trưởng, chính tám nhân duyên này làm tổn hại các gia đình.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ IV*, chương 8, phần Gia tộc, Nxb Tôn Giáo, 2001, tr.505)

LỜI BÀN:

Không phải ngày nay mới có một vài người nhận thức phiến diện cho rằng tu sĩ là một bộ phận không lao động, thụ hưởng, là gánh nặng cho xã hội mà ngay thời Thế Tôn còn tại thế, quan niệm thiển cận này đã có mặt. Tu sĩ nói chung, dù trực tiếp hay không trực tiếp tham gia sản xuất thì vẫn có vai trò rất quan trọng trong xã hội, đóng góp tích cực vào việc thiết lập và xây dựng nền tảng đạo đức, góp phần gìn giữ sự ổn định, thăng hoa đời sống, phát triển xã hội.

Theo tuệ giác Thế Tôn, một gia đình, địa phương, khu vực hay quốc gia rơi vào nghèo khổ, kinh tế kiệt quệ thậm chí bị chết đói không phải vì “gánh nặng” tu sĩ mà bởi: Vua quan bất tài, dốt nát, chỉ biết bóc lột; giặc giã, trộm cướp hoành hành; thiên tai lửa cháy, nước trôi tàn phá; không kế thừa gia sản của cha ông; biếng nhác, bỏ bê công việc; bị chính các thành viên trong gia đình phá hoại; cuối cùng là do vô thường biến hoại, chi phối, thay đổi. Đây chính là những nguyên nhân chủ yếu làm tổn hại các gia đình.

Bước đường du hóa hành đạo của Thế Tôn và chư Thánh đệ tử vốn tùy duyên, bình đẳng, vô phân biệt. Không vì nơi giàu có sung túc mà dừng chân quá lâu hay những nơi đói nghèo thì chẳng đặt chân đến. Tinh thần thương kính các gia đình, bảo vệ các gia đình, từ miễn đối với các gia đình vẫn xuyên suốt trong mọi hành trình của Thế Tôn và tất cả những người con Phật. Ở đâu càng đói nghèo, tăm tối và đau khổ lại càng cần có những bước chân an lạc, từ bi, vô ngã, vị tha. Vì lẽ ấy, nơi nào có đau khổ do chiến tranh, thiên tai, dịch họa... thì nơi ấy có mặt người con Phật với tâm nguyện ban vui, cứu khổ “vì lợi ích, an lạc cho chư Thiên và loài người”. ▴

5- THIẾT LẬP HẠNH PHÚC

Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Koliya, tại thị trấn Kakakrapatta. Rồi Byagghapajja, đi đến đánh lễ, bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, chúng con là những người gia chủ thọ hưởng các dục vọng, sống trói buộc với vợ con, dùng hương chiên đàn, đeo vòng hoa, thọ lãnh vàng bạc. Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp cho những người như chúng con, để chúng con được hạnh phúc, an lạc trong hiện tại.

Này Byagghapajja, có bốn pháp này đưa đến hạnh phúc và an lạc trong hiện tại. Thế nào là bốn? Đây đủ tháo vát, đầy đủ phòng hộ, làm bạn với thiện, sống thẳng bằng và điều hòa.

Ở đây, này Byagghapajja, phàm làm nghề gì để sinh sống, hoặc nghề nông, hoặc đi buôn, hoặc làm bất cứ nghề nào. Vị ấy phải thiện xảo với nghề, làm việc không biết mệt, biết suy tư, tìm hiểu vừa đủ để tự làm và điều khiển người khác làm. Đây gọi là đầy đủ sự tháo vát.

Ở đây, này Byagghapajja, những tài sản thu được do sự siêng năng, tháo vát; do bàn tay, mồ hôi và công sức đúng pháp, vị ấy biết giữ gìn, bảo vệ, không để thất thoát. Đây gọi là đầy đủ sự phòng hộ.

Ở đây, này Byagghapajja, sống tại làng hay thị trấn có những gia đình mà những đứa trẻ được lớn lên trong giới đức, những người lớn trưởng thành trong giới đức; đầy đủ lòng tin, giới hạnh, bố thí và trí tuệ. Vị ấy phải làm quen, nói chuyện và học tập theo. Đây gọi là làm bạn với thiện.

Ở đây, này Byagghapajja, biết rõ tài sản nhập và xuất, sống một cách điều hòa, không quá phung phí và không quá

bổn sên. Đây gọi là sống thăng bằng và điều hòa.

Này Byagghapajja, bốn pháp này đưa đến hạnh phúc và an lạc trong hiện tại.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương VIII, phẩm Gotamì, phần Dìghajànu-Người Koliya, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.661)

LỜI BÀN:

Trong cuộc sống, mỗi người có một nghề nghiệp riêng. Để có một nghề nghiệp ổn định, dù làm bất cứ công việc nào, thì phải có sự thiện xảo về công việc ấy. Song song với thiện xảo, phải yêu nghề, thiết tha và tận tụy với nghề đồng thời phải thường xuyên học tập, trau dồi để cập nhật nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

Khi có nghề nghiệp vững vàng, tất nhiên thu nhập của người ấy ổn định. Tài sản do sự lao động chân chính, do mồ hôi và công sức của mình tạo ra nên phải biết trân quý thành quả lao động, giữ gìn và bảo vệ tài sản do mình làm ra, tránh hư hao, mất mát và thất thoát.

Mặt khác, người Phật tử muốn xây dựng hạnh phúc phải biết chọn môi trường sống lành mạnh đồng thời nỗ lực xây dựng cộng đồng để mọi người chung sống an hòa, vui vẻ và thân thiện để học tập lẫn nhau, cùng giúp nhau tiến bộ.

Sau cùng, muốn xây dựng hạnh phúc gia đình, người Phật tử sống thăng bằng tức biết rõ nguồn thu nhập của gia đình đồng thời phải điều hòa, tức sự chi tiêu không quá lãng phí mà cũng không quá keo kiệt.

Thực hành được bốn pháp trên chính là những hành động cụ thể để thiết lập bình an và hạnh phúc trong cuộc sống của người con Phật. ▀

6- BÁU VẬT Ở ĐỜI

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàlì, tại Đại Lâm, chỗ giảng đường có nóc nhọn. Lúc bấy giờ, khoảng 500 người Licchavì đang ngồi tụ họp tại đền Sàrandada, và câu chuyện về sự hiện hữu của năm châu báu khó tìm được ở đời được khởi lên.

Rồi thấy Thế Tôn từ xa đi đến, các người Licchavì đánh lễ, bạch Thế Tôn:

Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con đang ngồi tụ họp, vấn đề này được khởi lên: Sự hiện hữu của năm châu báu khó tìm được ở đời. Và thế nào là năm? Sự hiện hữu của voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu và cư sĩ báu là khó tìm được ở đời.

Đối với các ông, người Licchavì đang thiên nặng về dục, cuộc nói chuyện y cứ trên dục được khởi lên. Nay các Licchavì, sự hiện hữu của năm châu báu khó tìm được ở đời. Và thế nào là năm?

Sự hiện hữu của Như Lai, bậc A la hán, Chánh đẳng Giác; Người có thể thuyết giảng Pháp và Luật do Như Lai tuyên bố; Người hiểu được lời thuyết giảng về Pháp là Luật do Như Lai tuyên bố; Người đem thực hành các pháp và tùy pháp được hiểu từ lời thuyết giảng về Pháp và Luật do Như Lai tuyên bố; Người biết ơn và nhớ ơn là khó tìm được ở đời.

Sự hiện hữu của năm châu báu này, này các Licchavì, khó tìm được ở đời.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Tikandaki, phần Tại đền Sàrandada [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.583)

LỜI BÀN:

Thường những gì quý hiếm thì có giá trị cao, mọi người đều mơ ước chiếm giữ làm tài sản cho riêng mình. Sở hữu nhiều vật quý giá là một trong những thước đo về sự giàu có, thành đạt, đẳng cấp xã hội. Ngày xưa những người Licchavi hay bàn bạc về những vật quý giá như voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu thì cũng giống như chúng ta ngày nay thường bàn về xe hơi, nhà lầu, chúng khoán, ngoại tệ, vợ đẹp, con xinh, ăn ngon, mặc đẹp v.v... Hầu hết mọi người đều quan tâm đến những vấn đề này.

Đành rằng những thứ người ta hay bàn bạc, quan tâm và mơ ước được sở hữu đều quý giá nhưng ít ai lưu tâm đến vấn đề cái gì là thực sự quý giá nhất, có giá trị nhất ở cõi đời này. Và ngay đây sẽ phát xuất nhiều đáp án khác nhau tùy thuộc vào quan niệm sống, nghiệp lực và tuệ giác của mỗi người. Hầu hết những người chín chắn, từng trải đều nhận ra rằng những vật ngoài thân như tiền bạc, nhà cửa, xe cộ... cũng quý nhưng chỉ có giá trị tương đối mà thôi. Bởi có khá nhiều người sở hữu được nhiều thứ nhưng vẫn khổ đau, không có hạnh phúc.

Theo tuệ giác Thế Tôn thì quý giá nhất ở đời không phải là vàng bạc, châu báu... mà chính là người giác ngộ, người hướng dẫn và thực tập để thành tựu sự giác ngộ, người biết ơn và nhớ ơn. Tâm an lạc thanh thoi không còn bị tham dục, phiền não khổ đau chi phối mới thật sự quý báu. Do vậy, người con Phật ngoài những công việc làm ăn cần thiết cho cuộc sống, cần phải dốc sức tu dưỡng, chuyển hóa thân tâm để thiết lập đời sống bình an, hạnh phúc.▲

7- NHỮNG CẶP VỢ CHỒNG

Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường cùng với nhiều nam nữ gia chủ giữa Madhurà và Veranja. Rồi Thế Tôn đi đến ngồi dưới một gốc cây đã soạn sẵn, các nam nữ gia chủ cũng đi đến gốc cây. Sau khi đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên, Thế Tôn nói với các nam nữ gia chủ:

Này các gia chủ, có bốn loại sống chung này. Thế nào là bốn? Đê tiện nam sống chung với đê tiện nữ. Đê tiện nam sống chung với thiên nữ. Thiên nam sống chung với đê tiện nữ và thiên nam sống chung với thiên nữ.

Thế nào là đê tiện nam sống chung với đê tiện nữ? Ở đây, người chồng sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh, nói láo, say rượu, ác giới, tham lam và chửi rủa các Sa môn, Bà la môn. Người vợ cũng sống như vậy.

Và này các gia chủ, thế nào là đê tiện nam sống chung với thiên nữ? Ở đây, người chồng sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh, nói láo, say rượu, ác giới, tham lam và chửi rủa các Sa môn, Bà la môn. Người vợ thì sống ngược lại.

Này các gia chủ, thế nào là thiên nam sống chung với đê tiện nữ? Ở đây, người chồng từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, không sống tà hạnh, từ bỏ nói láo, không say rượu, từ bỏ ác giới, từ bỏ tham lam và không chửi rủa các Sa môn, Bà la môn. Người vợ thì sống ngược lại.

Và này các gia chủ, thế nào là thiên nam sống chung với thiên nữ? Ở đây, người chồng từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, không sống tà hạnh, từ bỏ nói láo, không say rượu, từ bỏ ác giới, từ bỏ tham lam và không chửi rủa các Sa môn, Bà la môn. Người vợ cũng sống như vậy.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 4, phẩm Nguồn sanh phước, phần Sống chung, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.661)

LỜI BÀN:

Trong cuộc sống, tìm cho mình một người bạn đời phù hợp là mong ước của mọi người. Vấn biết, nỗi nào thì vung ấy là nguyên tắc chung song thực tế hôn nhân thì rất đa dạng, thật nhiều khê. Phần nhiều nỗi và vung chông chênh, nghiêng ngửa và phải nỗ lực thật nhiều từ cả hai phía mới tìm được sự đồng điệu, trọn lành.

Thật bất hạnh thay cho những cặp nối tròn mà vung lại méo hoặc ngược lại. Trớ trêu là điều ấy lại không xảy ra hoặc ẩn mình trong những năm tháng tìm hiểu, khi chưa thật sự tự nguyện buộc ràng. Lúc ván đã đóng thuyền, lênh đênh trong sóng cả và giông tố cuộc đời mới biến tướng hoặc hiện rõ bản chất để tỏ mặt mười mươi. Nếu bình tâm dừng tự an vào số phận thì dễ dàng biết rằng đó là kết quả của nghiệp lực mà chủ yếu là nghiệp mới, phát sinh từ thực tế cuộc sống của hai người.

May mắn và hạnh phúc cho những cặp vợ chồng thiên nam và thiên nữ. Yếu tố cơ bản để cấu thành hạnh phúc cho những cặp vợ chồng này là giữ giới và hướng thiện. Trừ trường hợp nỗi vung đều méo, tức đê tiện nam sống chung với đê tiện nữ, thì các trường hợp khác đều có thể khắc phục. Hạnh phúc hay đau khổ đều do hai người tạo ra. Nếu biết sống theo lời Phật dạy, chuyển hóa những đê tiện của tự thân, thì có thể xây dựng đời sống hôn nhân hạnh phúc và bền vững.▲

IV. KHỔ ĐAU

1- NGUỒN GỐC KHỔ ĐAU

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Bấy giờ, vua Pasenadi nước Kosala đi đến đảnh lễ, bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu pháp ở đời, khi khởi lên đưa đến bất lợi, đau khổ và bất an?

Thưa Đại vương, có ba pháp ở đời, khi khởi lên đưa đến bất lợi, đau khổ và bất an.

Thế nào là ba? Thưa Đại vương, tham là pháp ở đời, khi khởi lên đưa đến bất lợi, đau khổ và bất an. Sân là pháp ở đời, khi khởi lên đưa đến bất lợi, đau khổ và bất an. Si là pháp ở đời, khi khởi lên đưa đến bất lợi, đau khổ và bất an.

Thưa Đại vương, ba pháp này ở đời, khi khởi lên đưa đến bất lợi, đau khổ và bất an. *Tham sân si ba pháp/ Là ác tâm cho người/ Chúng di hại tự ngã/ Chúng tác thành tự ngã/ Như vỏ và lõi cây/ Tự tác thành trái cây.*

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ I*, chương 3, phẩm 3, phần Thế gian, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.218)

LỜI BÀN:

Khổ đau trong đời sống con người vốn dĩ vô tận và nguyên nhân của nó cũng vô cùng nhưng tựu trung không ngoài ba phiền não căn bản là tham, sân, si. Thường thì khi đối mặt với khổ đau, người ta chỉ thấy những nguyên nhân gần, trực tiếp mà không nhận thức được nguyên nhân sâu xa, cội nguồn của đau khổ xuất phát từ bản thân mình.

Tham dục luôn hiện hữu trong mỗi chúng ta, không ai sống trên đời mà chẳng tham, chỉ khác nhau là mức độ tham dục nặng hay

nhẹ, thô hay tế mà thôi. Tùy theo cấp độ tham dục nơi mỗi người mà khổ đau phát khởi nhiều hay ít. Do vậy quá trình diệt khổ chính là hành trình ly tham nơi tự thân mỗi cá nhân.

Tham muốn nhiều mà không thực hiện được ắt sanh tức giận, bực bội. Sân hận là phản ứng tâm lý thường gặp khi lòng tham không được thỏa mãn. Sự giận dữ tiềm ẩn trong tâm chúng ta như những ngọn núi lửa ngủ yên, chúng sẵn sàng thức dậy bất cứ lúc nào và tàn phá tất cả.

Khi tham dục và sân hận xuất hiện thì tâm ta bị mê hoặc, cuốn hút theo, mất hết khả năng sáng suốt và tự chủ. Chính si mê ám chướng này đã che lấp hết những nhân cách tốt đẹp mà ta đã dày công gây dựng, vun đắp từ trước đến nay, nguồn gốc của muôn ngàn khổ đau trong cuộc đời.

Vì thế, người con Phật luôn nhận thức khổ đau do chính chúng ta tự gây ra, cội rễ của nó là tham sân si. Khổ đau không đến từ bên ngoài, những tác động khách quan chỉ là thứ yếu, quyết định vẫn tại tâm mình. Do vậy, luôn tỉnh thức để nhận diện và chuyển hóa tham sân si nơi tự tâm của mỗi người.▶

2- GIÀU MÀ KHÔNG ĐƯỢC HƯỞNG

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Rồi vua Pasenadi nước Kosala, vào buổi trưa đi đến, đánh lễ Thế Tôn. Thế Tôn nói với vua Pasenadi đang ngồi một bên:

Thưa Đại vương, Đại vương đi từ đâu đến trong giữa trưa như thế này?

Ở đây, bạch Thế Tôn, có triệu phú gia chủ ở Sàvatthi bị mệnh chung, và con đến để xem tài sản của vị không có con ấy được chở vào nội thành. Bạch Thế Tôn, có đến tám triệu đồng tiền vàng, không nói đến tiền bằng bạc. Bạch Thế Tôn, tuy vậy đồ ăn của triệu phú gia chủ ấy lại chỉ gồm có cháo tấm chua ngày hôm qua để lại. Còn vải mặc chỉ mang vải gai may thành ba tấm. Còn xe thì đi xe nhỏ, cũ kỹ và hư nát, có gắn tán che bằng lá.

Thật như vậy, thưa Đại vương! Một kẻ không phải chân nhân, dầu cho có được tài sản lớn cũng không đem lại an lạc cho mình, cha mẹ, vợ con, các người phục vụ, bạn bè thân hữu; đối với các vị Sa môn, Bà la môn, không thiết trí các sự cúng dường hướng thượng, có khả năng đưa lên thượng giới, đưa đến lạc quả, hướng đến thiên giới. Các tài sản của người ấy nếu không thọ dụng chơn chánh, thời vua chúa sẽ cướp đoạt, hay trộm cắp cướp đoạt, hay bị lửa đốt, hay bị nước cuốn trôi, hay bị con cháu thừa tự thù nghịch cướp đoạt. Sự việc là như vậy, thưa Đại vương, các tài sản nếu không thọ dụng chơn chánh, đưa đến tổn giảm, không đưa đến thọ hưởng.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 3, phẩm 2, phần Không con [lược], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.200)

LỜI BÀN:

Một đại phú gia ở Sàvatthi chết đi, để lại gia sản khổng lồ. Vua Pasenadi nước Kosala, một trong những đại vương hùng mạnh nhất, phải đi xem khối gia sản ấy thì biết rằng nó to lớn dường nào. Ấy vậy mà đại phú gia kia lúc sinh thời vẫn sống trong nghèo khổ, không chỉ bản thân ông ta mà gia đình, dòng tộc và xã hội đều không được chút lợi ích.

Thì ra vị đại phú gia vô phước ấy chỉ biết làm lụng, tích lũy, cất chứa tiền của cho tràn đầy kho lẫm mà không biết tiêu tiền và thọ dụng tài sản một cách chính đáng. Với cách xử lý tài sản keo kiệt, của cải tuôn vào mà không hề rỉ ra, theo Thế Tôn, đại phú gia ấy không phải là người có trí, bậc chân nhân.

Chúng ta vẫn thường nghe, người làm ra của chứ của không làm ra người. Vì thế, một khi làm ăn khấm khá, trước phải chăm lo cho bản thân, gia đình, thân thuộc và những cộng sự. Sau cần phải chung sức xây dựng xã hội, phát triển cộng đồng. Quan trọng hơn, phải biết cúng dường Tam bảo, vun bồi thiện nghiệp, tích lũy phước báo cho đời này và đời sau.

Làm ra tiền vốn khó nhưng biết cách tiêu tiền hợp lý, có ý nghĩa lại càng khó hơn. Theo tuệ giác Thế Tôn, nếu biết cách xài tiền, thọ dụng tài sản do mình làm ra một cách chính đáng thì phước báo cũng như tài sản ngày càng tăng thêm, không tổn giảm. Ngược lại, nếu làm ra của cải mà chỉ bo bo cất giữ, không dám ăn tiêu, không giúp đỡ mọi người cũng như làm phước thiện thì rốt cuộc vẫn trắng tay và không có chút phước báo nào. ▀

3- KHỔ ĐAU NHIỀU HƠN HẠNH PHÚC

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, gọi các Tỷ kheo:

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ kheo, cái gì là nhiều hơn? Nước mắt tuôn chảy do các ông than khóc lúc phải hội ngộ với những gì không ưa, phải chia ly với những gì mình thích, khi lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài hay nước trong bốn biển?

Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn dạy, chúng con hiểu rằng, nhiều hơn là nước mắt tuôn chảy do chúng con than khóc lúc phải hội ngộ với những gì không ưa, phải chia ly với những gì mình thích, khi lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài chớ không phải nước trong bốn biển.

Lành thay, này các Tỷ kheo, các ông đã hiểu pháp mà Ta đã dạy.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ II*, chương 4, phẩm 1, phần Nước mắt, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.312)

LỜI BÀN:

Có bi quan chẳng khi nhìn cuộc đời với khổ đau nhiều hơn hạnh phúc? Chẳng bi quan chút nào bởi sự thật cuộc đời vốn dĩ như vậy, hạnh phúc khó tìm nhưng lại dễ mất trong khi khổ đau cố tránh mà cứ thường gặp. Không lúc nào vừa ý, chẳng có cái gì làm đẹp lòng là một thực trạng luôn doanh vẫy kiếp người. Chúng xuất hiện gần như thường trực trong đời sống như cố tình thách thức, trêu người làm cho con người ta hiếm khi được an bình, thanh thản.

Đời người như những chuyến xe, ngược xuôi bất tận giữa dòng mưu sinh đầy biến động với vô vàn chia ly và hội ngộ. Trớ trêu là

hội ngộ với những điều không đáng hội ngộ, chia ly với những điều không thể chia ly, ấy vậy mà người ta khổ. Tất nhiên, thỉnh thoảng chúng ta cũng có những phút giây hạnh phúc. Có điều, phần đông chúng ta không biết tận hưởng niềm hạnh phúc ấy, ít bằng lòng với những gì mình đang có trong hiện tại. Hạnh phúc của con người dường như đang ở đâu đó trước mặt, thấp thoáng chợt ẩn chợt hiện nhưng không nắm bắt được. Vì vậy, đời người chỉ giẫm lên đau khổ để chạy theo bóng dáng hạnh phúc mà thôi.

Thực ra hạnh phúc đang hiện hữu và tràn ngập quanh ta. Vì con người quay lưng với hạnh phúc chân thật vốn rất đời thường và quen truy tìm bóng dáng hạnh phúc nên mới ngược xuôi, đau khổ. Người đệ tử Phật cần bình tâm quán sát để thấy được khổ là bản chất của cuộc đời. Đây là một tuệ giác lớn để luôn tự chủ, tự tại trước mọi đổi thay, biến động.

Mặt khác, một khi nhận thức đúng đắn về sự thật của thân, tâm và thế giới là vô thường, chúng ta sẽ dễ dàng cảm thông, hoan hỷ chấp nhận với mọi hoàn cảnh thuận nghịch của cuộc đời. Nhất là biết an trú trong hiện tại, biết trân quý những gì đang có, bởi hạnh phúc luôn có mặt khi nội tâm an tĩnh, chánh niệm thường trực, đương niệm, bây giờ và ở đây.▲

4- SỢ HÃI VÀ VÔ ÚY

Một thời Thế Tôn trú ở Sàketa, tại rừng Tikandaki, dạy các Tỷ kheo:

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo rơi vào trong sợ hãi. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo không có lòng tin, giữ ác giới, nghe ít, biếng nhác và ác tuệ.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo rơi vào trong sợ hãi.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo không có sợ hãi. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo có lòng tin, có giới, có nghe nhiều, tinh cần tinh tấn, có trí tuệ.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo không có sợ hãi.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Diệu pháp, phần Sợ hãi, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.610)

LỜI BÀN:

Sợ hãi là tâm lý chung của những người có hành vi tà vạy, sai trái, đồng thời nó là một trong những nỗi khổ lớn của con người. Một khi chúng ta có lỗi lầm, lỡ đã làm những việc bất chính thì thường sống trong phập phồng, thấp thỏm bất an. Người bình thường khi có khiếm khuyết, sai phạm còn lo sợ như vậy huống gì người tu càng lo lắng và bất an hơn nữa.

Tỷ kheo, ngoài ý nghĩa là khát sĩ (đi xin thực phẩm để nuôi thân) và phá ác (tu tập đoạn trừ các điều ác) còn có nghĩa bố ma

(khiến cho các loài ma phải hoảng sợ). Một Tỷ kheo chân chính có tiềm năng làm thầy của chư thiên và loài người. Với hành trang giới định tuệ và một bát ba y, vị Tỷ kheo vân du giáo hóa khắp nơi, làm lợi mình lợi người, trong tâm thái an lạc, tự chủ và hoàn toàn không hề sợ hãi trước bất cứ thế lực nào, dù ma mãnh và quái ác đến đâu cũng không làm vị Tỷ kheo phải chùn bước.

Để luôn ngẩng cao đầu trong cuộc đời, chẳng hề sợ hãi trước bất cứ ai thì phải là bậc chân tu: Có lòng tin kiên cố vào Chánh pháp; có giới đức và hạnh kiểm tốt; có sự học tập và hiểu biết sâu sắc về giáo pháp; có sự nỗ lực, gắng sức và bền bỉ thực tập; sau cùng là có tuệ giác để soi sáng những si ám che đậy bản tâm và vượt thắng não phiền, nhiễm ô mà thành tựu giác ngộ.

Gia sản của người tu thường đem bố thí cho chúng sanh là giáo pháp (pháp thí) và sự bình an, không sợ hãi (vô úy thí). Nhưng một khi tự thân chúng ta bị “rơi vào trong sợ hãi” thì liệu chúng ta đã làm gì được cho mình, chứ chưa vội nói đến chuyện giúp người. Người xưa nói “vàng thật thì chẳng sợ gì lửa”, cũng vậy, hãy tự rèn luyện mình trở thành bậc chân tu thực đức thì không những không sợ hãi mà ngược lại còn nhiếp phục các thế lực ma mị khác quay về chánh đạo.▲

5- ÁC TỶ KHEO

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, con quạ thành tựu với mười tà pháp. Thế nào là mười?

Ngạo nghễ, hung hãn, cường dục, ăn lớn, độc ác, không từ bi, khiếp nhược, giọng chói tai, vọng niệm và cất chứa tài sản.

Này các Tỷ kheo, con quạ thành tựu với mười tà pháp này.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, vị ác Tỷ kheo thành tựu với mười tà pháp. Thế nào là mười?

Ngạo nghễ, hung hãn, cường dục, ăn lớn, độc ác, không từ bi, khiếp nhược, giọng chói tai, vọng niệm và cất chứa tài sản.

Này các Tỷ kheo, vị ác Tỷ kheo thành tựu với mười tà pháp này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ IV*, chương 10, phẩm Ước nguyện, phần Con quạ, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr.439)

LỜI BÀN:

Xuất gia là bước lên lộ trình hướng đến giải thoát. Trong suốt chặng đường đầy cam go ấy, người thì tiến bộ đạt được mục tiêu rất nhanh, không ít người tiến bộ vừa hoặc chậm và một số ít người thối thất phải quay về. Cố nhiên, đã xuất gia thì không ai là người ác cả, ác Tỷ kheo dùng để chỉ cho những người xuất gia tiến bộ chậm, chưa chuyển hóa các tập khí xấu ác của chính mình.

Thế Tôn dùng hình ảnh những con quạ đen để minh họa cho hạng

xuất gia tiến bộ chậm, những ác Tỷ kheo, thật ấn tượng. Nói đến loài quạ, tự khắc ta liên tưởng đến cảnh tượng xấu xa, xô bồ, giành giật, đấu đá, tham lam và chết chóc. Hình ảnh bầy quạ đen đúa, ranh mãnh, láu lỉnh, chụp giật, giành nhau ăn xác chết khiến ta kinh hãi, như những thần chết. Quán niệm về hình ảnh của loài quạ sẽ giúp hành giả tự phản tỉnh về những hành vi của mình bởi chỉ cần một phút loạn động, không giữ được chánh niệm thì các tập khí sẽ trỗi dậy và dễ dàng sa vào đường ác.

Thế Tôn gọi mười tập tính xấu ác của loài quạ là tà pháp và những ai xuất gia mà chưa chuyển hóa được các tà pháp này là ác Tỷ kheo. Tuy nhiên, những tà pháp này dễ dàng chuyển hóa thành chánh pháp nếu biết tu tập, nương tựa vào Bát Thánh đạo. Tám con đường Thánh này là phương tiện để vượt lên những phiền não đang đoanh vây đời sống chúng ta. Trong đó, đặc biệt là chánh kiến, sự thấy biết đúng như thật sẽ giúp cho hành giả thấy rõ chánh và tà, biết làm những gì cần làm, từ bỏ những gì cần từ bỏ.

Những người con Phật nói chung phải luôn quán sát để nhận diện và loại trừ mười tà pháp nêu trên. Vận dụng tuệ giác để gạn đục khơi trong, nhận chân được chánh tà, nhất là biết rõ chính mình là con đường tối thắng để xả ly tham ái, phiền não và thành tựu giải thoát.▲

6- GỐC RỄ CỦA ĐẤU TRANH

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Sàmagàma dạy các Tỷ kheo:

Có sáu gốc rễ đấu tranh này, này các Tỷ kheo. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ kheo, phần nộ và hiềm hận, giả dối và não hại, tật đố và xan tham, lừa đảo và man trá, ác dục và tà kiến, chấp trước sở kiến và rất khó rời bỏ.

Này các Tỷ kheo, Tỷ kheo nào phần nộ và hiềm hận, giả dối và não hại, tật đố và xan tham, lừa đảo và man trá, ác dục và tà kiến, chấp trước sở kiến và rất khó rời bỏ, vị ấy sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; sống không cung kính, không tùy thuận Pháp; sống không cung kính, không tùy thuận Tăng; không thành tựu đầy đủ các học pháp, vị ấy khởi lên tranh luận giữa chư Tăng. Tranh luận như vậy khiến nhiều người không hạnh phúc, khiến nhiều người không an lạc, khiến nhiều người không lợi ích.

Này các Tỷ kheo, nếu các Thầy thấy những ác tránh căn ấy, các Thầy phải cố gắng đoạn trừ, phải tác động đừng cho nó có cơ hội làm hại trong tương lai. Như vậy là đoạn tận ác tránh căn ấy, như vậy là ngăn chặn ác tránh căn ấy trong tương lai.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương 6, phẩm Chư thiên, phần Gốc rễ của đấu tranh, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.88)

LỜI BÀN:

Ác tránh căn nghĩa là gốc rễ của đấu tranh, tranh chấp và xung

đột khiến cho tổn hại. Nó là bản chất của chúng sanh, nói cách khác sự tranh đấu lẫn nhau trong một loài hay giữa các loài chúng sanh với nhau là một trong những bản năng sinh tồn. Loài người có ý thức, được xem là văn minh cũng đấu tranh và xung đột giết chóc lẫn nhau triền miên từ ngày khai sinh lập địa cho đến hiện nay, thậm chí ngày càng tinh vi và khốc liệt hơn.

Đời sống của người xuất gia, trong chừng mực nào đó vốn vượt ra ngoài những toan tính thế thường nên nhẹ nhàng và ít tranh chấp hơn. Tuy nhiên, nếu không nỗ lực để chuyển hóa thân tâm thì cũng khó tránh khỏi tranh đấu lẫn nhau.

Biểu hiện của tranh chấp trong những hội chúng xuất gia bắt đầu từ sự không cung kính và tùy thuận Phật Pháp Tăng, nhất là khởi lên tranh luận với chư Tăng. Những sự tranh cãi thiếu thiện chí là cội nguồn cho tranh đấu và chắc chắn sẽ mang đến sự khó chịu, bất an và hoàn toàn tổn hại cho bản thân cùng hội chúng.

Theo tuệ giác Thế Tôn, những ai chưa chuyển hóa được những phiền não như “phẫn nộ và hiềm hận, giả dối và náo hại, tật đố và xan tham, lừa đảo và man trá, ác dục và tà kiến, chấp trước sở kiến và rất khó rời bỏ” thì gốc rễ tranh chấp (ác tránh căn) vẫn tồn tại và tranh đấu, náo hại lẫn nhau là nguy cơ có thể diễn ra bất cứ lúc nào, ngay cả những hội chúng xuất gia vẫn không là ngoại lệ.

Vì thế, tu tập để chuyển hóa thân tâm, đoạn trừ phiền não là phương cách tối thắng nhằm dập tắt và đoạn tận mọi tranh chấp, xung đột. ▀

7- KHỔ VUI DO MÌNH

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, dạy các Tỷ kheo:

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo ngay trong hiện tại sống đau khổ, với tổn não, với ưu não, với nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là ác thú. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo không có lòng tin, không có lòng hổ thẹn, không có lòng sợ hãi, biếng nhác, ác tuệ. Thành tựu với năm pháp này, này các Tỷ kheo, ngay trong hiện tại sống đau khổ, với tổn não, với ưu não, với nhiệt não; sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là ác thú.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo ngay trong hiện tại sống an lạc, không có tổn não, không ưu não, không có nhiệt não; sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là cõi lành. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo có lòng tin, có lòng hổ thẹn, có lòng sợ hãi, tinh cần tinh tấn, có trí tuệ. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo ngay trong hiện tại sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não; sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là cõi lành.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Sức mạnh hữu học, phần Khổ, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.307)

LỜI BÀN:

Ai sống trên cuộc đời này cũng mong sao cho mình và người thân được vui vẻ, hạnh phúc. Tuy vậy, trang bị cho mình những chất

liệu để loại trừ khổ đau, tăng trưởng an lạc thì không phải ai cũng làm được. Cho nên mưu cầu hạnh phúc, an lạc thì ai cũng có nhưng thực tế của mỗi cá nhân lại hoàn toàn khác biệt nhau, tùy thuộc vào nỗ lực chuyển hóa của mỗi người.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, những yếu tố gây nên đau khổ cho con người trong hiện tại và cả ở tương lai gồm: không có lòng tin, không có lòng hổ thẹn, không có lòng sợ hãi, biếng nhác, ác tuệ.

Người không có lòng tin thì rất dễ làm ác. Lòng tin là nền tảng cho quá trình phấn đấu, hướng đến các giá trị đạo đức. Không có lòng hổ thẹn thì điều gì cũng làm được. Con người sở dĩ khác với các sinh vật khác nhờ có lòng hổ thẹn. Biết xấu hổ với người và với chính mình nên từ bỏ việc ác. Không có lòng sợ hãi, chí ít là sợ nhân quả, nên “gieo gió thì gặt bão” là đương nhiên. Cộng thêm tính lười biếng lao động, sự lọc lõi khôn ranh, chuyên làm việc bất chính để thủ lợi riêng... Tất cả những hành vi này đã tạo nên đau khổ, tổn hại và vô vàn ưu phiền trong hiện tại và ở tương lai.

Người con Phật nhận ra các nguyên nhân của khổ đau nên tinh cần chuyển hóa thân tâm. Sống có lòng tin, có lòng hổ thẹn, có lòng sợ hãi, tinh cần tinh tấn và có trí tuệ thì chắc chắn hiện đời và đời sau luôn hạnh phúc, an lành. Khổ hay vui không phải do số phận an bài hoặc do thần linh chi phối mà chính ngay nơi hành nghiệp của chính mình.▲

8- KHỔ VÀ DIỆT KHỔ

Một thời, Thế Tôn trú tại Sàvatthi, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, Ta sẽ giảng sự tập khởi và sự đoạn diệt của khổ. Hãy nghe...

Và này các Tỷ kheo, thế nào là khổ tập khởi?

Do duyên con mắt và các sắc, nhãn thức khởi lên. Do ba cái tụ hội nên xúc khởi. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Này các Tỷ kheo, đây là khổ tập khởi.

Do duyên tai và các tiếng... Do duyên mũi và các hương... Do duyên lưỡi và các vị... Do duyên thân và các xúc... Do duyên ý và các pháp, ý thức khởi lên. Do ba cái tụ hội, nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Này các Tỷ kheo, đây là khổ tập khởi.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là khổ đoạn diệt?

Do duyên con mắt và các sắc, nhãn thức khởi lên. Do ba cái tụ hội, nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ kheo, đây là khổ đoạn diệt.

Do duyên lỗ tai và các tiếng,... Do duyên mũi và các hương,... Do duyên lưỡi và các vị,... Do duyên thân và các xúc,... Do duyên ý và các pháp,... đều đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ kheo, đây là khổ đoạn diệt.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ II*, chương 1, phẩm Gia chủ, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.131)

LỜI BÀN:

Khổ đau của chúng sanh thì vô cùng tận. Nhưng nếu lắng lòng quán sát vấn đề thì sẽ dễ dàng nhận thấy đau khổ xuất phát từ bên trong ta, chứ không phải do bên ngoài tác động vào. Khi mắt thấy sắc, nhận biết đẹp, nhìn hoài không chán, sanh tâm yêu thích, mong muốn chiếm hữu... và khổ phát sanh. Con mắt hay sắc đẹp vốn không đưa đến khổ nhưng vì sanh tâm ưa thích (ái) nên mới khổ. Nguyên nhân chủ yếu của khổ là do tham ái chứ không phải do hoàn cảnh bên ngoài.

Xác định nguyên nhân cốt tủy của khổ đau do tham ái là một nhận thức quan trọng. Có nhiều cách tu để đoạn trừ tham ái nhưng căn bản nhất là thiết lập chánh niệm khi căn tiếp xúc với trần. Sáu giác quan của chúng ta luôn tiếp xúc với sáu trần cảnh. Nhưng sự có mặt kịp thời của chánh niệm sẽ thức tỉnh chúng ta dừng lại, không chạy theo, không tham ái và không nắm bắt nên ta được bình an.

Tham ái diệt thì sầu bi khổ ưu não diệt. Đây là sự thật được chúng nghiệm một cách rõ ràng trong quá trình tu tập. Chánh niệm càng cao độ bao nhiêu thì sẽ làm chủ thân tâm chặt chẽ bấy nhiêu. Do vậy, đối diện với khổ đau, người con Phật không than thân trách phận mà phải thực hành chánh niệm và nỗ lực chuyển hóa. Khổ đau do duyên sanh thì cũng do duyên diệt. Vấn đề là không sợ khổ, chỉ sợ không thực hành pháp để diệt khổ mà thôi. ▀

9- KHỔ TÂM VÀ VÔ TÂM

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosala, dạy các Tỷ kheo:

Thành tựu với sáu pháp, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo ngay trong hiện tại sống đau khổ, hiềm hận, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú. Thế nào là sáu?

Với dục tâm, với sân tâm, với hại tâm, với dục tưởng, với sân tưởng, với hại tưởng. Thành tựu với sáu pháp này, các Tỷ kheo, Tỷ kheo ngay trong hiện tại sống đau khổ, hiềm hận, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú.

Thành tựu với sáu pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo ngay trong hiện tại sống an lạc, không hiềm hận, không ưu não, không nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là thiện thú.

Với xuất ly tâm, với vô sân tâm, với bất hại tâm, với xuất ly tưởng, với vô sân tưởng, với bất hại tưởng.

Thành tựu với sáu pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo ngay trong hiện tại sống an lạc, không hiềm hận, không ưu não, không nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là thiện thú.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương 6, phẩm A la hán, phần Khổ, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.240)

LỜI BÀN:

Tâm và tưởng là những hoạt động của tâm, sanh khởi khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần. Tư duy về dục lạc, về ham muốn sắc, thanh, hương, vị và xúc chính là dục tâm. Sân tâm là tư duy về các đối

tượng mà mình không ưa, gây bực bội và chán ghét. Tư duy về sự gây tổn hại, tàn hại cho mình và người chính là hại tâm. Cùng với các tướng như dục tướng, sân tướng và hại tướng là những tác nhân gây đau khổ, phiền lụy cho chúng sanh.

Khi nội tâm không bình an, bị khuấy động bởi tham dục, giận dữ và tàn hại thì khổ đau xuất hiện. Khổ tâm chính là một trong những nỗi khổ lớn của con người. Thậm chí nỗi khổ tâm tàn phá sức khỏe và tinh thần gấp nhiều lần so với nỗi khổ về thân xác. Vì thế phải nhanh chóng chuyển hóa những tâm địa xấu ác để tinh thần được thanh thản, sống vui an lạc.

Luôn thiết lập chánh niệm và xả ly dục sân hại, hướng tư duy đến từ bỏ, không hận thù bực tức, không gây tổn hại cho mình và người. Quán sát sự nguy hiểm của dục, sân, hại tâm và dục, sân, hại tướng đồng thời an trú vô dục, vô sân, vô hại là cách nuôi dưỡng tâm hồn mát mẻ và tịnh lạc. Khi tâm được thanh thoi, không đau khổ ưu phiền thì cuộc sống được cải thiện và từng bước thăng hoa.

“Tâm tịnh tức độ tịnh”, vì thế, chuyển hóa tâm là một trong những vấn đề trọng yếu của tu tập. Muốn an bình và hạnh phúc thì trước hết tâm tư phải bình an. Tâm an tịnh là chất liệu quan trọng để thiết lập hạnh phúc trong hiện tại. Người con Phật phải tự thân chứng đạt hạnh phúc chứ không cầu xin ân điển từ các đấng thiêng liêng. Để đạt được điều ấy, nỗ lực tu tập của tự thân loại bỏ các tâm niệm về dục sân hại là căn bản và cần yếu nhất. ▀

10- THƯƠNG NGƯỜI BỆNH KHỔ

Một thời Thế Tôn trú ở Vesàli, dạy các Tỷ kheo:

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ kheo, một người săn sóc bệnh không đủ khả năng để săn sóc người bệnh. Thế nào là năm?

Không có năng lực pha thuốc; không biết cái gì thích đáng, cái gì không thích đáng, đưa cái gì không thích đáng, không đưa cái gì thích đáng; vì muốn lợi ích vật chất, săn sóc người bệnh, không phải vì lòng từ; cảm thấy ghê tởm khi phải dọn phân, nước tiểu, đồ mửa ra hay đờm; không có năng lực thỉnh thoảng với pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ người bệnh.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ kheo, một người săn sóc bệnh có đủ khả năng để săn sóc người bệnh. Thế nào là năm?

Có năng lực pha thuốc; biết cái gì thích đáng, cái gì không thích đáng, đưa cái gì thích đáng, không đưa cái gì không thích đáng; vì lòng từ săn sóc người bệnh, không vì lợi ích vật chất; không cảm thấy ghê tởm khi phải dọn phân, nước tiểu, đồ mửa ra hay đờm; có năng lực thỉnh thoảng với pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ người bệnh.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Bệnh, phần Săn sóc bệnh [2], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.542)

LỜI BÀN:

Bệnh khổ là lẽ thường nhiên, có thân ắt có bệnh. Ai cũng từng nếm trải bệnh khổ, chỉ khác là nhiều hay ít, bệnh này hay bệnh

khác mà thôi. Khi lâm bệnh, người bệnh rất cần được chăm sóc và điều trị. Những người có gia đình, khi ốm đau thường được vợ, chồng hoặc con cái chăm sóc. Còn những người sống độc thân hoặc xuất gia, khi đau ốm phải nhờ huynh đệ, bạn bè hay tín đồ giúp đỡ, đôi khi phải tự mình chống chọi với bệnh tật hiểm nghèo trong thiếu thốn mọi bề.

Theo tuệ giác Thế Tôn, những ai phát tâm săn sóc bệnh nhân vì lòng thương được phước báo vô lượng. Muốn săn sóc người bệnh được chu toàn, cần phải hội đủ các yếu tố căn bản như biết pha chế thuốc, biết kiêng cữ, săn sóc người bệnh với lòng từ, không ngại dơ bẩn, và nhất là biết nói lên những đạo lý chân thật giúp người bệnh hoan hỷ, an tâm điều dưỡng và trị liệu.

Bệnh thì khổ, thân khổ vì đau đớn, tâm khổ vì lo lắng về tình trạng bệnh tật, kinh phí điều trị đồng thời buồn tủi thêm khi không người săn sóc, an ủi, vỗ về. Sau mỗi cơn bạo bệnh, người ta thường rút ra nhiều bài học về sức khỏe cũng như thế thái nhân tình. Vì thế, chúng ta cần rèn luyện các kỹ năng săn sóc bệnh nhân theo lời dạy của Thế Tôn, để giúp đỡ lẫn nhau trong gia đình, những người thân và mọi người vượt qua bệnh khổ.▲

V. HỘI CHỨNG

1- HÒA HỢP TĂNG

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A la hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ kheo, có một pháp khởi lên ở đời, khi khởi lên đem lại hạnh phúc cho nhiều người, đem lại lợi ích cho nhiều người, không đem lại bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Thế nào là một pháp? Sự hòa hợp chúng Tăng.

Này các Tỷ kheo, khi chư Tăng được hòa hợp, không có những tranh luận với nhau, không có những mắng nhiếc lẫn nhau, không có những ngăn cách và từ bỏ lẫn nhau. Ở tại đây, những người không hòa hợp đi đến hòa hợp và những người hòa hợp lại càng hòa hợp hơn nữa.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

(ĐTKVN, *Tiểu Bộ I*, kinh Phật thuyết như vậy, chương Một pháp, phẩm 2, Nxb TP.HCM, 1999, tr.308)

LỜI BÀN:

Tăng già là đoàn thể xuất gia từ bốn người trở lên, sống chung thanh tịnh và hòa hợp. Đồng thời, chính sự thanh tịnh và hòa hợp đã tác thành bản thể của Tăng già. Do đó, nếu đánh mất sự hòa hợp và thanh tịnh thì đoàn thể tu hành ấy không được gọi là Tăng.

Biểu hiện cụ thể sự hòa hợp của chư Tăng trong một trụ xứ là lục hòa. Bởi lục hòa là linh hồn, là sức mạnh của Tăng nên khi sự hòa hợp được thực thi triệt để trong một trú xứ nào thì chư Tăng tại trú xứ ấy có hạnh phúc, an lạc. Không chỉ chư Tăng mà trời và

người cũng tăng phần lợi ích và an vui.

Ngày nay, sự tu tập và ứng dụng tinh thần lục hòa trong Tăng chúng hiếm có nơi nào được thực thi trọn vẹn. Những biểu hiện như “tranh luận với nhau, mắng nhiếc lẫn nhau, ngăn cách và từ bỏ lẫn nhau” đã hình thành và tồn tại ở không ít các hội chúng xuất gia. Cố nhiên, điều đó đã ảnh hưởng, tác động không nhỏ đến sức mạnh và chất lượng Tăng già.

Sự hòa hợp hay tinh thần lục hòa không đơn thuần là những phương thức ứng xử mà đó chính là hoa trái của việc thành tựu Giới-Định-Tuệ. Chỉ khi nào những phiền não tham ái vật chất, danh lợi được chuyển hóa; thân tâm an trú chánh niệm và tuệ giác liên tục được thăng hoa thì sự hòa hợp và thanh tịnh tự khắc thành tựu. Còn việc kêu gọi chư Tăng thiết lập sự hòa hợp, sống lục hòa nhưng chỉ trên phương diện ngôn ngữ mà không chú trọng đến thực hành thì khó gặt hái kết quả.

Tăng già hòa hợp để thực thi sứ mạng giữ gìn và tuyên dương Chánh pháp. Do đó, những ai có tâm huyết với sự hưng suy Phật pháp thì hãy quan tâm đến việc xây dựng Tăng để Tăng đoàn trở nên hòa hợp và thanh tịnh đúng nghĩa của Tăng già. Một trong những nỗ lực để xây dựng Tăng là sự tu tập để hoàn thiện tự thân nơi mỗi cá nhân.▶

2- CHÚNG TĂNG CƯỜNG THỊNH

Một thời Thế Tôn ở tại Ràjagaha, trên núi Gijjhakùta, tập hợp các vị Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, Ta sẽ giảng bả pháp bất thối, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Đây là bả pháp làm cho chúng Tỷ kheo được cường thịnh, không suy giảm. Bả pháp ấy bao gồm:

- Chúng Tỷ kheo thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau.

- Chúng Tỷ kheo tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc Tăng sự trong niệm đoàn kết.

- Chúng Tỷ kheo không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với những học giới được ban hành.

- Chúng Tỷ kheo tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc thượng tọa niên cao lạp trưởng và nghe theo lời dạy của những vị này.

- Chúng Tỷ kheo không bị chi phối bởi tham ái.

- Chúng Tỷ kheo thích sống những chỗ nhàn tịnh.

- Chúng Tỷ kheo tự thân an trú chánh niệm, khiến các bạn đồng tu thiện chí chưa đến, muốn đến ở và các bạn đồng tu thiện chí đã đến ở, được sống an lạc.

Này các Tỷ kheo, khi nào bả pháp bất thối này vẫn được duy trì giữa các vị Tỷ kheo, khi nào các vị Tỷ kheo được giảng dạy bả pháp bất thối này thì chúng Tỷ kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

(ĐTKVN, *Trường Bộ I*, kinh Đại Bát Niết Bàn, VNCPHVN, 1991, tr.547)

LỜI BÀN:

Chúng Tỷ kheo được cường thịnh, không suy giảm là vấn đề luôn được quan tâm, thực thi từ thời Thế Tôn còn tại thế và liên tục cho đến ngày nay. Trong đó, các yếu tố đoàn kết, hòa hợp và thanh tịnh của chúng Tăng phải được đặt lên hàng đầu trong mọi hoạt động Tăng sự, nhằm giúp Tăng đoàn phát triển vững mạnh. Đây là vấn đề có tính chất sống còn, là vận mệnh của Tăng già đã được kiểm chứng qua lịch sử tồn tại và phát triển của Phật giáo.

Ngày nay, Tăng đoàn có sự phát triển lớn mạnh về Tăng số, song Bảy pháp bất thối chưa được thực thi triệt để trong chúng Tăng, và đó sẽ là một mối nguy lớn, một hiểm họa cho sự tồn vong của Phật pháp. Bởi sự hưng thịnh của Phật pháp không phụ thuộc vào số lượng mà được quyết định bởi chất lượng của Tăng già.

Nền tảng của chất lượng Tăng già là sự hoàn thiện tự thân của mỗi Tỷ kheo cùng với sự đoàn kết, hòa hợp và thanh tịnh của Tăng chúng. Để góp phần làm cho chúng Tỷ kheo được hưng thịnh, không bị suy giảm, mỗi thành viên và mọi tổ chức của Tăng già phải ý thức sâu sắc lời Phật dạy về Bảy pháp bất thối. Cần nhanh chóng đưa Bảy pháp này làm đề mục quán niệm đồng thời phải áp dụng triệt để tinh thần Bảy pháp ấy trong tu tập, đời sống và sinh hoạt Tăng già.▲

3- SÁU PHÁP HÒA KÍNH

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi, tại tinh xá Ghosita. Lúc bấy giờ, các Tỷ kheo ở Kosambi sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi. Họ không tự thông cảm nhau, không chấp nhận thông cảm; họ không tự hòa giải, không chấp nhận hòa giải.

Rồi Thế Tôn cho gọi các Tỷ kheo đến và dạy như sau:

Này các Tỷ kheo, có sáu pháp này cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến không tranh luận, hòa hợp, nhất trí. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo an trú từ thân hành; an trú từ khẩu hành; an trú từ ý hành đối các vị đồng phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng. Đối với những tài vật nhận được đúng pháp phải san sẻ, dùng chung đối với các vị đồng phạm hạnh. Đối với các giới luật không có vi phạm, thành tựu các giới luật ấy với các vị đồng phạm hạnh. Đối với các tri kiến thuộc về bậc Thánh, Tỷ kheo sống thành tựu tri kiến như vậy cùng với các vị đồng phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng.

Này các Tỷ kheo, sáu pháp này cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến không tranh luận, hòa hợp, nhất trí.

(ĐTKVN, *Trung Bộ I*, kinh Kosambiya, VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.701)

LỜI BÀN:

Nguyên nhân chủ yếu để đưa đến xung đột, tranh chấp và đấu

khẩu lẫn nhau trong một hội chúng xuất gia là do không tuân thủ sáu nguyên tắc sống chung an lạc.

An trú từ thân hành, từ khẩu hành và từ ý hành là ba nguyên tắc đầu tiên (thân hòa cùng ở, miệng hòa không tranh, ý hòa cùng vui). Những hành nghiệp thân khẩu ý của một thành viên đối với đại chúng phải hướng về tịnh nghiệp, nghĩa là ba nghiệp được tác tạo và an trú trong chánh niệm đồng thời được soi sáng bởi trí tuệ và từ bi. Tiếp đến, việc chia sẻ quyền lợi đồng đều, hợp lý trong đại chúng cũng là một nguyên tắc quan trọng để đưa đến sự hòa hợp. Quan trọng nhất là tuân thủ giới luật, thanh quy trong đại chúng cùng với sự chia sẻ, đồng nhất về nhận thức giáo pháp, quan điểm tu tập, hướng đến giải thoát.

Sáu pháp hòa hợp này không chỉ có tác dụng chấm dứt tranh cãi, đấu tranh mà còn góp phần kiến tạo bản thể của Tăng già, đem lại hòa hợp an vui đồng thời làm nên linh hồn và sức mạnh đích thực của chúng Tăng. Vì lẽ ấy, bất cứ hội chúng nào mà thiếu vắng lục hòa thì nơi ấy đại chúng sẽ bất hạnh, suy yếu bởi lục đục, xáo trộn, cạnh tranh và chia rẽ.

Ngày nay, vì nhiều nhân duyên khác nhau, đa phần pháp lục hòa chưa được thực thi một cách trọn vẹn, triệt để tại các trụ xứ và dấu hiệu rạn vỡ, bất hòa trong các đoàn thể xuất gia ngày càng gia tăng. Tuy chưa đến mức báo động nhưng cũng làm thao thức, trăn trở cho nhiều người lưu tâm đến sự hưng suy và tồn vong của Chánh pháp.▲

4- BA LOẠI HỘI CHÚNG

Một thời Thế Tôn trú ở Kosala, dạy các Tỷ kheo:

Có ba hội chúng, này các Tỷ kheo, thế nào là ba? Hội chúng tối thượng, hội chúng không hòa hợp, hội chúng hòa hợp.

Thế nào là hội chúng tối thượng? Này các Tỷ kheo, hội chúng nào có các Tỷ kheo trưởng lão, không có sống đầy đủ, không có biếng nhác, từ bỏ dẫn đầu về đọa lạc, đi đầu về hạnh viễn ly, chúng đắc những gì chưa chúng. Và những thế hệ kế tiếp chúng tùy thuận theo tri kiến của chúng. Này các Tỷ kheo, đây gọi là hội chúng tối thượng.

Và thế nào là hội chúng không hòa hợp? Này các Tỷ kheo, hội chúng nào các Tỷ kheo sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau. Này các Tỷ kheo, đây gọi là hội chúng không hòa hợp.

Và thế nào là hội chúng hòa hợp? Này các Tỷ kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ kheo sống hòa hợp hoan hỷ, không luận tranh, sống hòa hợp như nước với sữa. Này các Tỷ kheo, đây gọi là hội chúng hòa hợp.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* I, chương 3, phẩm Hạt muối, phần Hội chúng [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.440)

LỜI BÀN:

Một trong những đặc điểm quan trọng của đời sống xuất gia là luôn gắn liền với Tăng già. Do vậy, xác định một hội chúng để nương tựa tu tập là việc cần làm của mỗi Tỷ kheo. Tăng già nguyên nghĩa là hội chúng Tỷ kheo sống hòa hợp và thanh tịnh. Tuy nhiên, không phải hội chúng Tỷ kheo nào cũng đạt chuẩn

thanh tịnh và hòa hợp.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, hội chúng lý tưởng là hội chúng có các vị Tỷ kheo thành tựu giải thoát, đạo cao và đức trọng. Chính sự hiện hữu của các trưởng lão tràn đầy trí tuệ và từ bi đã làm chuyển hóa đại chúng. Dù các ngài không trực tiếp tham gia lãnh đạo nhưng đạo lực của các ngài có năng lực thấm nhiếp và tịnh hóa thân tâm hội chúng. Đồng thời, với uy đức của bậc tôn túc, đại chúng mặc nhiên kính ái mà tự nguyện tuân thủ quy củ thiển môn.

Thật là bất hạnh cho người xuất gia khi sống trong hội chúng không hòa hợp. Một hội chúng nhiều tranh cãi, bất hòa sẽ tạo ra vô vàn khổ đau, đặc biệt là những nỗi đau không nên có đối với người đã phát nguyện ly tục. Với những hội chúng “Bà la môn” như thế, nếu không đủ đạo lực để chuyển hóa thì nên nhanh chóng từ bỏ như từ bỏ “khu rừng tâm không thanh tịnh và khất thực khó khăn” (Kinh Khu rừng).

Hội chúng hòa hợp là những hội chúng sống chung trong sáu sự hòa kính. Dù khó nhưng nếu đại chúng cùng nhau tuân thủ giới luật thì sẽ làm được. Người xuất gia nguyện “cát ái từ thân” nên được sống trong sự yêu thương của đại chúng là một niềm hạnh phúc. Đó là điểm tựa để phát huy năng lực tu tập.

Ngày nay, tìm một hội chúng tối thượng để nương tựa thật không dễ nhưng xây dựng một hội chúng hòa hợp cũng không phải là điều khó. Chính sự nỗ lực tự kiện toàn của mỗi cá nhân sẽ xây dựng nên đại chúng hòa hợp và đó cũng là bốn phận, trách nhiệm của những người con Phật.▲

5- TĂNG GIÀ THANH TỊNH

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka. Lúc bấy giờ vua Pasenadi nước Kosala đi đến, bước vào tịnh thất, cúi đầu đánh lễ Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, con thấy các Tỷ kheo sống ở đây hành trì phạm hạnh viên mãn, thanh tịnh đến trọn đời. Bạch Thế Tôn, ngoài đây ra con không thấy có một hội chúng nào khác phạm hạnh viên mãn, thanh tịnh đến như vậy.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy vua chúa cãi lộn với vua chúa, Bà la môn cãi lộn với Bà la môn, gia chủ cãi lộn với gia chủ, mẹ cãi lộn với con, con cãi lộn với mẹ, cha cãi lộn với con, con cãi lộn với cha, anh em cãi lộn với anh em, bạn bè cãi lộn với bạn bè v.v...

Còn ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các Tỷ kheo sống với nhau hòa thuận, thân thiết, không cãi lộn với nhau, hòa hợp như nước với sữa, nhìn nhau với cặp mắt ái kính.

Bạch Thế Tôn, ngoài đây ra con không thấy có một hội chúng nào khác phạm hạnh viên mãn, thanh tịnh đến như vậy.

(ĐTKVN, *Trung Bộ II*, kinh Pháp Trang Nghiêm [lược], VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.613)

LỜI BÀN:

Hội chúng của Thế Tôn là một đoàn thể sống chung thanh tịnh và hòa hợp. Yếu tố cơ bản để xây dựng nên hòa hợp là nhờ ứng dụng triệt để tinh thần lục hòa. Sáu pháp hòa kính này là giếng mối, nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của cộng đồng Sangha.

Dưới sự dìu dắt của Thế Tôn, hội chúng Sangha thanh tịnh và hòa

hợp đã tạo ra một đoàn thể có sắc thái riêng khác biệt hoàn toàn với các hội chúng Bà la môn ôn ào, tạp thoại. Chính vua Pasenadi, người có uy lực nhất xứ Kosala phải kính ngạc và thán phục trước sự nhiếp hóa của Thế Tôn cũng như sự thanh tịnh tuyệt đối của Tăng đoàn. Điều mà vua Pasenadi trải nghiệm được là mọi người khó có thể sống hòa hợp với nhau, cho dù đó là những người có uy quyền (Sát đế lợi), những bậc tri thức và lãnh đạo tinh thần (Bà la môn) và ngay cả những người ruột thịt mà chúng ta yêu thương nhất cũng thường xảy ra bất đồng, xung đột. Do vậy, xây dựng được một hội chúng lý tưởng như Sangha là điều khó làm.

Ngày nay, lục hòa không còn được ứng dụng triệt để trong đời sống Tăng đoàn, vì thế rất khó xây dựng được hội chúng lý tưởng, thanh tịnh và hòa hợp như thời Thế Tôn. Đó là một sự thật mà chúng ta cần nhìn nhận để nỗ lực xây dựng, tịnh hóa Tăng đoàn trong bối cảnh những rạn nứt, đổ vỡ trong các hội chúng Tỷ kheo ngày càng gia tăng. Thiết lập tinh thần sống chung an lạc trong các hội chúng là một trong những phận sự quan trọng để xây dựng Tăng đoàn thanh tịnh và hòa hợp.▲

6- IM LẶNG HÙNG TRÁNG

Một thời, Thế Tôn ở tại Ràjagaha, nơi vườn xoài của Jivaka. Lúc bấy giờ là đêm rằm sáng trăng, Ajàtasattu vua nước Magadha muốn đi đến vườn xoài Jivaka để chiêm bái Thế Tôn. Ngồi trên voi chúa, vua Ajàtasattu cùng với các cung phi và tùy tùng xuất hành ra khỏi Ràjagaha, dưới ánh sáng các ngọn đuốc, với oai nghi của bậc đại vương thẳng tiến đến vườn xoài Jivaka.

Khi đến không xa vườn xoài, Ajàtasattu bỗng sợ hãi, kinh hoàng, râu tóc dựng ngược, nói với Jivaka:

Này Jivaka, người có phản ta chăng? Người nạp ta cho kẻ thù chăng? Tại sao trong một đại chúng lớn như thế, 1.250 vị mà không có một tiếng đảnh hắng, một tiếng ho hay tiếng ồn?

Tâu Đại vương, thần không phản bội hay lường gạt ngài đâu. Nơi căn nhà tròn kia, chỗ có những ngọn đèn, Thế Tôn đang ngồi ở chính giữa, trước mặt chúng Tỷ kheo.

Ajàtasattu đến gần, nhìn các Tỷ kheo đang yên lặng an tịnh như một hồ nước trong, cảm hứng nói rằng: “Mong cho hoàng tử Udàyibadha cũng được sự trầm lặng của các vị Tỷ kheo này”.

(ĐTKVN, *Trường Bộ I*, kinh Sa Môn Quả [trích], VNCPHVN ấn hành, 1991, tr.98)

LỜI BÀN:

Trong suy nghĩ của mọi người, nơi nào có sự tập trung đông đảo thì thường ồn ào, náo nhiệt. Vì thế, vua Ajàtasattu (A Xà Thế) đã một phen hoảng vía đến độ râu tóc dựng ngược, tưởng như rơi vào

Ổ phục kích bởi khi đến gần hội chúng 1.250 người của Thế Tôn mà bốn bề hoàn toàn lặng lẽ, tĩnh mịch.

Sau này, vua Ajatasattu mới biết im lặng như Chánh pháp là một trong những đặc điểm của các hội chúng Tỷ kheo. Thời Thế Tôn, hầu hết các Tỷ kheo đều có đời sống nội tâm sung mãn, giác tỉnh cao độ, do vậy những hội chúng Tỷ kheo thời ấy đa phần thanh tịnh và hòa hợp.

Ngày nay, chốn thiền môn vẫn còn duy trì được được sự im lặng cao quý ấy. Đặc biệt là những thiền viện, tu viện lớn với đông đảo người tu quy tụ nhưng vẫn giữ được sự im lặng, trang nghiêm nhờ tuân thủ nghiêm mật quy củ thiền môn. Có điều, trong những lễ lạt, hội họp... hiện nay, đa phần các Tỷ kheo chưa thiết lập được sự nói năng như Chánh pháp trong hội chúng. Do đó sự ồn ào, náo nhiệt kiểu hội chúng Bà la môn mà Thế Tôn thường quở trách, điều không nên có ấy vẫn thường xảy ra.

Tất nhiên, không ai chỉ trích, trách cứ hay phiền hà gì khi đông đúc mà ồn ào nhưng sự an tịnh, im lặng hùng tráng vẫn là nền tảng, là phẩm chất của hội chúng xuất gia. Vì thế, luôn chánh niệm, không dao động trước mọi hoàn cảnh, thiết lập một hội chúng trang nghiêm và thanh tịnh như hội chúng của Thế Tôn nơi vườn xoài Jivaka năm xưa, để cho tứ chúng nương tựa là điều những người con Phật tu học trong bối cảnh hiện nay cần lưu tâm, thực hiện.▲

7- HỘI CHÚNG TINH HOA

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại khu vườn ông Anàthapindika dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng cận bã và hội chúng tinh hoa.

Này các Tỷ kheo, thế nào là hội chúng cận bã? Ở đây, này các Tỷ kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ kheo đi đến con đường đục, đi đến con đường sâu, đi đến con đường si, đi đến con đường sợ hãi, này các Tỷ kheo, đây gọi là hội chúng cận bã.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hội chúng tinh hoa? Ở đây, này các Tỷ kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ kheo không đi đến con đường đục, không đi đến con đường sâu, đi không đến con đường si, không đi đến con đường sợ hãi, này các Tỷ kheo, đây gọi là hội chúng tinh hoa.

Này các Tỷ kheo, đây là hai hội chúng. Tối thắng trong hai hội chúng này là hội chúng tinh hoa.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* I, chương 2, phẩm Hội chúng [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.137)

LỜI BÀN:

Từ thời Thế Tôn, việc xây dựng hội chúng xuất gia thanh tịnh, trong sạch và vững mạnh đã được Ngài đặc biệt chú trọng. Các hội chúng xuất gia là biểu trưng của Giáo hội, Tăng già. Vì thế, nếu không từng bước xây dựng để kiện toàn thì sẽ đánh mất ảnh hưởng tích cực trong quần chúng và có thể dẫn đến sự thoái đọa của các thành viên trong hội chúng đó.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, có hai loại hội chúng, cận bã và tinh

hoa. Sở dĩ gọi là cận bã vì các thành viên của hội chúng này đầy dẫy tham sân si và sợ hãi. Nói cách khác, tham lam, sân hận, si mê và sợ hãi là bản chất của hội chúng cận bã. Một hội chúng cận bã thì vô dụng, không có ích cho đạo pháp, nhất là không xứng đáng để đại biểu cho Tăng già lãnh đạo tinh thần, hướng dẫn tu học cho Tăng tín đồ.

Trái ngược với hội chúng cận bã là hội chúng tinh hoa. Biểu hiện cụ thể của hội chúng này là các thành viên luôn hướng đến và thành tựu không tham, không sân, không si và nhất là không sợ hãi. Khi một hội chúng với các thành viên có đời sống trong sạch, tâm hồn thanh tịnh, luôn dẫn thân phụng sự thì không có gì phải sợ hãi, luôn cúi và chẳng có thế lực nào có thể làm họ khuất phục. Và những hội chúng như thế mới xứng đáng được tôn trọng, lễ bái, đại biểu cho Giáo hội, Tăng già.

Thế Tôn đã xác quyết hội chúng tinh hoa là tối thắng đồng thời khuyến cáo hàng đệ tử luôn nỗ lực để loại bỏ cận bã, xây dựng và thiết lập tinh hoa trong tự thân của mỗi Tỷ kheo và đoàn thể Tăng già. Vì thế, mỗi người con Phật cùng chung tay, góp sức xây dựng hội chúng tinh hoa bằng việc chuyển hóa bản thân, tịnh hóa Tăng già, chính là thực hành lời Phật dạy.▲

8- TÔN TRỌNG DIỆU PHÁP

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại khu vườn ông Anàthapindika dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng tôn trọng tài vật, không tôn trọng diệu pháp và hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật.

Này các Tỷ kheo, thế nào là tôn trọng tài vật, không tôn trọng diệu pháp? Ở đây, này các Tỷ kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ kheo trước mặt các gia chủ áo trắng, tự tán thán (hoặc chê trách) lẫn nhau như: “Tỷ kheo này là bậc Giải thoát, ..., Tỷ kheo này là bậc có giới hạnh, theo thiện pháp. Tỷ kheo này là kẻ ác giới, theo ác pháp”. Do vậy, họ được các lợi dưỡng. Sau khi được các lợi dưỡng, họ hưởng thọ, bị trói buộc, mê say, đắm trước, không thấy các sự nguy hại, không hiểu rõ sự giải thoát các lợi dưỡng ấy. Này các Tỷ kheo, đây là hội chúng tôn trọng tài vật, không tôn trọng diệu pháp.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật? Ở đây, này các Tỷ kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ kheo trước mặt các gia chủ áo trắng, không tự tán thán (hoặc chê trách) lẫn nhau như: “Tỷ kheo này là bậc Giải thoát..., Tỷ kheo này là bậc có giới hạnh, theo thiện pháp. Tỷ kheo này là kẻ ác giới, theo ác pháp”. Do vậy, họ được các lợi dưỡng. Họ hưởng thọ các lợi dưỡng ấy nhưng không bị trói buộc, mê say, đắm trước, thấy các sự nguy hại, hiểu rõ sự giải thoát các lợi dưỡng ấy. Này các Tỷ kheo, đây là hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật.

Này các Tỷ kheo, hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này là hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 2, phẩm Hội chúng [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.140)

LỜI BÀN:

Theo pháp và luật của Phật, hàng áo trắng (không phải người tu) không có quyền can dự hay chi phối bất cứ điều gì liên hệ đến Tăng sự. Sự tham mưu, góp ý xây dựng của hàng áo trắng về việc Tăng (nếu có) thì cũng chỉ để đạt lên chúng Tăng, nhờ chúng Tăng xem xét và quyết định mà thôi. Đây là biểu hiện cụ thể của tinh thần “tôn trọng diệu pháp” mà bất cứ hội chúng đệ tử Phật nào, muốn chính danh Tăng già, cũng phải tuân thủ và nghiêm chỉnh thực hành.

Không phải Thế Tôn quan ngại về “chuyện trong nhà chưa rõ mà ngoài ngõ đã hay”. Bởi người thế tục mà can thiệp hoặc xen vào chuyện Tăng nhiều quá, hoặc một vài chư Tăng vì các nguyên do nào đó mà cần sự hỗ trợ và tác động của người thế tục để được việc cho mình thì chắc chắn việc Tăng trong hội chúng đó chỉ thành tỵ về mặt hình thức mà thôi.

Khi Thế Tôn nhập Niết bàn, di huấn tối hậu của Ngài cho các Tỷ kheo là “Hãy lấy Pháp và Luật làm thầy” và “Hãy nương tựa hòn đảo chính mình”. Do đó, tuân thủ tuyệt đối Pháp và Luật hay “tôn trọng diệu pháp” là nhiệm vụ trọng yếu của mỗi Tỷ kheo.▲

9- NĂM HẠNG NGƯỜI SỐNG Ở RỪNG

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosala gọi các Tỷ kheo:

Có năm hạng người này sống ở rừng, thế nào là năm?

Hạng đầu độn ngu si sống ở rừng; hạng ác dục ác tánh sống ở rừng; hạng kiêu mạn loạn tâm sống ở rừng; hạng ở rừng vì được nghe Thế Tôn và các vị đệ tử Phật tán thán; hạng vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành nên sống ở rừng.

Trong năm hạng người sống ở rừng này, này các Tỷ kheo, hạng sống ở rừng vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành là đệ nhất, là tối thắng, là thượng thủ.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Rừng, phần Rừng, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.664)

LỜI BÀN:

Thường thì những người sinh sống, làm việc ở phố xá, đô thị, các trung tâm văn hóa, kinh tế sầm uất là có phước báo. Ngược lại, những ai sống những vùng xa xôi hẻo lánh, chốn núi rừng thâm sơn cùng cốc là vô phước, kém phần. Sự cách biệt về đời sống cũng như các phương diện khác giữa thành thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi... phản ánh rõ nét điều đó. Tuy vậy, theo tuệ giác của Thế Tôn, trong năm hạng người sống ở núi rừng, có một hạng người đặc biệt cao thượng, xứng đáng được người đời cung kính, đánh lễ và cúng dường.

Ngoài những bộ tộc sống trong núi rừng, những người chuyên săn bắn, truy tìm báu vật còn có hạng người sống ở rừng vì tâm kiêu mạn. Họ khinh ghét và chối bỏ chốn phồn hoa, “thà làm

chim trên rừng hoang vắng” hay “làm cây thông đứng giữa trời mà reo”. Một vài người khi mới phát tâm tu cũng mang tâm niệm này, vì kiêu mạn nên sống ở rừng, xa lia ồn náo mà tâm vẫn loạn động.

Một hạng người khác sống ở rừng vì biết rằng Thế Tôn thường ca ngợi người khổ hạnh, sống viễn ly nhưng với mục đích cầu danh. Tuy mang hình dáng ẩn sĩ và tự mãn với hình thức bần đạo nhưng nội tâm thì hoang vu cần cỗi. Không màng lợi lộc nhưng lại cầu danh tiếng, thực chất thì cũng luẩn quẩn trong vòng danh lợi mà thôi.

Chỉ có hạng người sống ở rừng với mục tiêu hướng về giải thoát mới thực sự đi theo con đường của Phật, Tổ đã đi qua. Tìm một nơi thanh vắng, tránh xa vòng xoáy danh lợi, nỗ lực dụng công tu hành mới mong đạt đến an tịnh, giải thoát. Cố nhiên núi rừng vắng vẻ, đời sống nghèo hèn chỉ có tác dụng trợ duyên, cốt tủy của vấn đề là nỗ lực chuyển hóa nội tâm, hành trì giáo pháp.

Do vậy, tìm một trú xứ an tịnh bên ngoài, dụng công tu tập để an lạc bên trong là một trong những điều kiện mà người tu phải thiết lập và thành tựu trong đời sống.▀

VI. TỪ BI HỮ XẢ

1- LỢI ÍCH TU TẬP TÂM TỪ

Một thời Thế Tôn trú ở Kapilavatthu, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, từ tâm giải thoát được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được tác thành cỗ xe, được tác thành căn cứ địa, được tiếp tục an trú, được tích tập, được khéo khởi sự thời được chờ đợi là mười một lợi ích. Thế nào là mười một?

Ngủ an lạc, thức an lạc, không ác mộng, được loài người ái mộ, được phi nhân ái mộ, chư Thiên bảo hộ; không bị lửa, thuốc độc, kiếm xúc chạm; tâm được định mau chóng, sắc mặt trong sáng, mệnh chung không hôn ám, nếu chưa thể nhập thượng pháp (A la hán quả) được sanh lên Phạm thiên giới.

Này các Tỷ kheo, từ tâm giải thoát được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được tác thành cỗ xe, được tác thành căn cứ địa, được tiếp tục an trú, được tích tập, được khéo khởi sự thời được chờ đợi là mười một lợi ích.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ IV*, chương 11, phẩm Tùy niệm, phần Từ, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr.684)

LỜI BÀN:

Từ bi là một phẩm tính quan trọng trong đạo Phật. Yêu thương, tôn trọng và bảo vệ sự sống con người cùng tất cả chúng sanh trong tinh thần không phân biệt chính là từ bi. Nhân loại tiến bộ ngày nay tôn vinh Đức Phật cùng giáo lý của Ngài vì cảm nhận được sự tuyệt diệu, cao cả của lòng từ. Từ bi được các nhà lãnh đạo thế giới xem như liệu pháp quan trọng để giải quyết những khủng hoảng thế giới hiện nay.

Những người con Phật luôn an trú trong tâm từ, lấy từ bi làm nền tảng cho mọi hành động, ứng xử trong cuộc sống. Nhờ đó mà thanh lọc và giảm thiểu đến tận cùng những mưu sâu kế độc, toan tính lợi mình, hại người. Tâm từ với khả tính thương yêu tưới tẩm sẽ dập tắt náo phiền và luôn mang đến bình an. Người sống với tâm từ, ngoài sự thanh thản, an vui còn được những người xung quanh quý mến, kính trọng và chư thiên hộ trì. Phước báo của sự thực hành tâm từ có thể hóa giải được các kiếp nạn, nhất là hỗ trợ đắc lực cho quá trình thanh tịnh và thăng hoa tâm linh để thành tựu các Thánh quả. Tâm từ khiến cho con người trở nên thuần hậu, an bình cho đến giây phút cuối cùng của cuộc đời và những kiếp lai sanh.

Không thể nhân danh người con Phật mà lại thiếu lòng từ. Để nuôi lớn từ tâm, ngoài việc thực hành thiền quán từ bi cần phải thực hành ăn chay, phóng sanh, bảo vệ môi trường... Yêu thương, tha thứ và bao dung là những phẩm chất cao quý cần thiết cho đời sống an lạc của mỗi cá nhân đồng thời đó cũng là những chất liệu quan trọng góp phần xây dựng hòa bình, hạnh phúc cho toàn thể nhân loại.▶

2- RẢI TÂM TỪ

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, dạy các Tỷ kheo:

Mong tất cả những ai/ Hữu tình có mạng sống/ Kẻ yếu hay kẻ mạnh/ Không bỏ sót một ai/ Kẻ dài hay kẻ lớn/ Trung, thấp, loài lớn, nhỏ.

Loài được thấy, không thấy/ Loài sống xa, không xa/ Các loài hiện đang sống/ Các loài sẽ được sanh/ Mong mọi loài chúng sanh/ Sống hạnh phúc an lạc.

Mong rằng không có ai/ Lường gạt lừa dối ai/ Không có ai khinh mạn/ Tại bất cứ chỗ nào/ Không vì giận hờn nhau/ Không vì tưởng chống đối/ Lại có người mong muốn/ Làm đau khổ cho nhau.

Như tấm lòng người mẹ/ Đối với con của mình/ Trọn đời lo che chở/ Con độc nhất mình sanh/ Cũng vậy, đối tất cả/ Các hữu tình chúng sanh/ Hãy tu tập tâm ý/ Không hạn lượng rộng lớn.

Hãy tu tập từ tâm/ Trong tất cả thế giới/ Hãy tu tập tâm ý/ Không hạn lượng rộng lớn/ Phía trên và phía dưới/ Cũng vậy, cả bề ngang/ Không hạn chế, trói buộc/ Không hận, không thù địch.

Khi đứng, hay khi đi/ Khi ngồi, hay khi nằm/ Lâu cho đến khi nào/ Khi đang còn tỉnh thức/ Hãy an trú niệm này/ Nếp sống này như vậy/ Được đời đề cập đến/ Là nếp sống tối thượng.

(ĐTKVN, Tiểu Bộ I, kinh Tập, chương 1, phẩm Rắn, phần Kinh Từ bi [trích], Nxb TP.HCM ấn hành, 1999, tr.506)

LỜI BÀN:

Ngày nay khi xung đột, bạo động và nguy cơ chiến tranh hủy diệt trên thế giới ngày càng cao làm cho nhân loại yêu chuộng hòa bình trên thế giới càng quan tâm hơn về giáo lý từ bi của đạo Phật. Thế Tôn đã từng dạy, chỉ có từ bi mới có thể hóa giải được gốc rễ hận thù, tranh chấp, đối kháng và loại trừ lẫn nhau, ngoài từ bi không có con đường nào khác.

Đây là điều mà mọi người cần suy ngẫm để cùng góp sức bảo vệ hòa bình bằng chính từ tâm của bản thân mình. Tâm từ trong ta vốn sẵn nhưng bị tăm tối của tham vọng, hận thù che lấp. Do vậy, để nuôi lớn tâm từ, mỗi người phải thực tập tập thiền quán từ bi trong đời sống hàng ngày.

Hãy ngồi yên, buông thư toàn thể thân tâm, mở rộng lòng thương hướng đến tất cả mọi người và mọi loài trong khắp cả mười phương thế giới, nguyện cho tất cả chúng sanh luôn được bình an, hạnh phúc. Đây là lòng yêu thương chân thật, rộng mở, không tính toán, phân biệt. Càng rải từ tâm đến chúng sanh bao nhiêu thì lòng thương yêu trong ta lớn dần thêm bấy nhiêu. Cứ thế, luôn ban rải tâm từ đến vô hạn, vô cùng...

Lúc đầu, khi lòng từ của ta còn yếu ớt thì đối tượng hướng tâm thường là phổ quát gồm hết cả chúng sanh hoặc là những người thân yêu, không thù oán. Về sau, khi lòng từ lớn dần, cần hướng tâm đến những đối tượng cụ thể mà họ đã từng làm ta khổ đau, oán hận, quyết không đội trời chung, thể một mất một còn. Tâm từ như dòng nước ùa về cánh đồng khô cháy, xóa dần đi nút nê quá khứ đau thương, và đất tâm sẽ xanh màu hoa trái.

Một người tu tập tâm từ, mọi người tu tập tâm từ thì thế giới sẽ tràn ngập tình thương và nhân loại sẽ tránh được khổ đau phát xuất từ nguyên nhân xung đột, tranh chấp.▲

3- TỪ MẮN VỚI PHẬT TỬ

Một thời Thế Tôn trú ở Kimbilà, dạy các Tỷ kheo:

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ kheo, vị Tỷ kheo trú tại chỗ có lòng từ mẫn đối với các gia chủ. Thế nào là năm?

Khích lệ tăng thượng giới; khiến chúng sống theo gương pháp; khi đến thăm người bệnh, an trú niệm cho người bệnh như sau: “Các vị hãy an trú niệm và hướng đến quả A la hán”; khi đại chúng Tỷ kheo đi đến từ nhiều địa phương khác nhau, vị ấy nói với các gia chủ đi đến như sau: “Nay đại chúng Tỷ kheo đã đến từ nhiều địa phương khác nhau. Các vị hãy làm các phước đức. Nay là thời làm các phước đức”; họ có cúng dường các món ăn gì, hoặc thô hoặc tế, tự mình thọ dụng, không làm cho của tín thí rơi rớt.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ kheo, vị Tỷ kheo trú tại chỗ có lòng từ mẫn đối với các gia chủ.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Trú tại chỗ, phần Có lòng từ mẫn, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.736)

LỜI BÀN:

Quan hệ giữa hàng đệ tử xuất gia và đệ tử tại gia của Thế Tôn luôn gắn bó, thân thiện và hòa hợp như nước với sữa. Chúng xuất gia chuyên tâm tu học để thành tựu giải thoát, giác ngộ nhằm soi sáng, hướng đạo cho chúng tại gia. Và chúng tại gia vừa nương tựa tu tập, vừa hộ pháp đắc lực cho chư Tăng trong sự nghiệp bảo vệ, hoằng dương Chánh pháp. Vì thế, hàng Phật tử có vai trò quan trọng, là đối tượng chính yếu để chư Tăng quan tâm chăm sóc, trưởng dưỡng, dìu dắt tu học và thể hiện lòng biết ơn.

Sự thương tưởng và tri ân hàng Phật tử được chư Tăng thể hiện qua lòng từ mẫn, luôn khuyến khích họ thực hành đạo đức, giữ gìn và phát huy năm nhân cách cao thượng (năm giới) của người Phật tử. Chư Tăng phải thật sự mẫu mực, phạm hạnh để làm gương cho Phật tử noi theo. Mỗi khi gia đình Phật tử hữu sự như có người bệnh hoạn, tai nạn hoặc mất mát thì chư Tăng cần lân mẫn thăm viếng để chia sẻ, động viên và nhất là trợ duyên hộ niệm, giúp họ “an trú niệm và hướng đến quả A la hán”. Khi có chư khách Tăng du hành từ nơi khác đến, chư Tăng địa phương luôn hoan hỷ, kêu gọi các Phật tử hỗ trợ, cúng dường mà không hề móng khởi niệm phân biệt, đây là trụ xứ của chúng tôi, là Phật tử của chúng tôi v.v... Đối với những phẩm vật Phật tử dâng cúng, chư Tăng tùy thuận thọ dụng trong niệm muốn ít, biết đủ và tiết kiệm, không lãng phí dù đó là hạt gạo, cọng rau.

Những vị xuất gia nào thực hiện được năm điều này trong hành xử với người Phật tử, theo Thế Tôn, người ấy đã thực sự từ mẫn, yêu thương, tôn trọng và biết ơn đệ tử, tín đồ, những người đã ủng hộ mình. Và đây chính là một trong những vấn đề mấu chốt nhằm thắt chặt đoàn kết, gắn bó giữa chư Tăng và Phật tử nhằm bảo vệ và phát triển Chánh pháp ngày càng vững mạnh. ▀

4- HOAN HỖ

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana. Rồi gia chủ Anàthapindika với khoảng năm trăm nam cư sĩ đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anàthapindika:

Này gia chủ, ông đã cung cấp cho chúng Tỷ kheo các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng ông chớ có bằng lòng với ý nghĩ: “Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ kheo các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh”. Do vậy, này gia chủ, ông cần phải học tập như sau:

“Với phương tiện nào chúng ta thỉnh thoảng đạt được và an trú hỷ do viễn ly sanh”. Như vậy, này gia chủ, ông cần phải học tập.

Được nghe nói như vậy, Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Khéo nói thay là lời nói này của Thế Tôn: “Này gia chủ, ông đã cung cấp cho chúng Tỷ kheo các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng ông chớ có bằng lòng với ý nghĩ: Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ kheo các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Do vậy, ông cần phải học tập như sau: Với phương tiện nào chúng ta thỉnh thoảng đạt được và an trú hỷ do viễn ly sanh! Như vậy, này gia chủ, ông cần phải học tập”.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Nam cư sĩ, phần Hoan hỷ [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.644)

LỜI BÀN:

Hoan hỷ là vui vẻ, sự đẹp lòng với tâm trạng hân hoan mà an tịnh, thoải mái, nhẹ nhàng và thanh thoát. Niềm vui trong cuộc sống thì có nhiều nhưng không phải niềm vui nào cũng được gọi là hoan hỷ. Những sự vui thích do thu về nhiều nguồn lợi vật chất hay sự hả hê của say men chiến thắng hoặc hài lòng khi thấy đối phương thất bại v.v... đều không phải hỷ. Một niềm vui an tịnh, nhẹ nhàng và sâu lắng khi đã buông xả hết các vướng mắc, chấp thủ mới là hỷ đích thực.

Cuộc sống vốn dĩ là vướng mắc. Chúng ta thường bị kẹt vào vô số chuyện như bị tham sân si phiền não chi phối thì đã đành, những chuyện tốt đẹp, làm các điều phước thiện như công quả, tu học, bố thí, cúng dường nếu không khéo cũng bị kẹt, rơi vào chấp thủ. Đại thí chủ Anàthapindika (Cấp Cô Độc) đã nhiều năm thực hành bố thí rất to lớn, tâm tư thật hào phóng và khoáng đạt nhưng Thế Tôn vẫn luôn khuyến tấn “chớ có bằng lòng” vì mình đã cúng dường nhiều, có công đức lớn với Tam bảo mà phải luôn “an trú hỷ do viễn ly sanh” trước mỗi điều tốt đã làm.

Làm được nhiều việc thiện lành nhưng không hề nghĩ mình đã làm được nhiều, buông xả hết không chấp thủ thì công đức ấy mới vô lượng. Niềm vui của sự thâm vào tuy có đầy nhưng chật hẹp, nhỏ nhoi và không bền. Niềm vui buông ra, xả ly trọn vẹn mới thật sự bền vững và có tác dụng trị liệu phiền não, nuôi dưỡng thân tâm an tịnh, hướng đến an lạc dài lâu.▲

5- XẢ BUÔNG

Một thời Thế Tôn ở Sàketa, rừng Anjana, tại vườn Nai. Rồi thiên tử Kakudha, sau khi đêm đã gần mãn, với nhan sắc thù thắng chói sáng toàn khu rừng Anjana, đi đến đánh lễ, bạch Thế Tôn:

Thưa Sa môn, Ngài có hoan hỷ không?

Ta được cái gì, này Hiền giả, mà Ta hoan hỷ?

Nếu vậy, thưa Sa môn, có phải Ngài sầu muộn?

Ta mòn mỏi cái gì, này Hiền giả, mà Ta sầu muộn?

Vậy thời thưa Sa môn, Ngài không hoan hỷ và không sầu muộn?

Thật như vậy, này Hiền giả.

Làm sao, này Tỷ kheo / Ngài không có sầu muộn / Tuy vậy, Ngài cũng không / Có được sự hoan hỷ / Làm sao nay Ngài lại / Ngồi cô độc một mình / Không có được hoan hỷ / Cũng không bị dao động?

Thật sự, này Dạ xoa / Ta không có sầu muộn / Tuy vậy ở nơi Ta / Hoan hỷ không khởi lên / Dầu nay Ta có ngồi / Riêng một mình cô độc / Ta không có hoan hỷ / Cũng không bị dao động.

Làm sao, này Tỷ kheo / Ngài không có sầu muộn / Làm sao ở nơi Ngài / Hoan hỷ không khởi lên / Làm sao nay Ngài lại / Ngồi cô độc một mình / Không có được hoan hỷ / Cũng không bị dao động?

Hoan hỷ chỉ có đến / Với người tâm sầu muộn / Sầu muộn chỉ có đến / Với người tâm hoan hỷ / Do vậy, vị Tỷ kheo / Không hoan hỷ, sầu muộn / Vậy nên, này Hiền giả / Ông phải biết như vậy.

*Đã lâu, con mới thấy / Bà la môn tịch tịnh / Vị Tỷ kheo
không sầu / Cũng không có hoan hỷ / Đã an toàn vượt
khỏi / Chỗ người đời đắm say.*

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 2, phẩm Cấp Cô Độc,
phần Kakudha, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.124)

LỜI BÀN:

Hầu hết chúng ta đều sống với những hoài niệm trong quá khứ và các dự hướng ở tương lai mà hiếm khi an trú vào hiện tại. Vì không thiết lập được chánh niệm để an trú nên tâm của chúng ta thường lang thang, chạy theo cảnh bên ngoài hoặc chơi trò trốn tìm với chính mình, buồn vui theo vọng tưởng.

Tâm của chúng ta luôn dao động, lẫn lộn buồn vui. Đôi khi tâm ta rơi vào trạng thái không vui cũng không buồn nhưng vì thiếu chánh niệm nên ta cảm thấy trống trải, cô đơn. Thậm chí một vài người sợ hãi khi phải đối diện với chính mình liền tìm cách chạy trốn như điện thoại tâm sự với người thân, nghe nhạc, xem phim hoặc đi ngủ.

Nên những ai chưa từng trải nghiệm thiền định, thiết lập một đời sống hướng nội, chánh niệm tỉnh giác thì khó mà hiểu được sức sống nội tại và sự an tĩnh, thanh thoi của hành giả. Thật không dễ hình dung về cách sống bình dị, đơn độc, thanh bản, trầm lắng, xem ra chẳng có gì vui cả, mà người ta cứ sống vậy suốt đời.

Theo tuệ giác Thế Tôn, người ta buồn vì có vui (hết vui thì thấy buồn) và người ta vui vì có buồn (hết buồn thì thấy vui). Chỉ có những người thiết lập được sự bình an, tâm tư lắng đọng, không bị cảnh bên ngoài chi phối, tâm an trú xả vượt lên sự buồn vui thường tình mới thực sự vững chãi và tịnh lạc. ▀

6- AN LẠC VÀ HOAN HỖ

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosala, dạy các Tỷ kheo:

Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo ngay trong hiện tại sống với nhiều lạc hỷ, đối với vị ấy nguyên nhân đã được hình thành để đoạn trừ các lậu hoặc. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo ưa thích pháp, ưa thích tu tập, ưa thích đoạn trừ, ưa thích viễn ly, ưa thích không có sân hận, ưa thích không có hý luận. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo ngay trong hiện tại sống với nhiều lạc hỷ, đối với vị ấy, nguyên nhân đã được hình thành để đoạn trừ các lậu hoặc.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương 6, phẩm A la hán, phần Khổ, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.243)

LỜI BÀN:

Người ta thường cảm nhận về những hành giả xuất gia qua chân dung nghiêm nghị, khắc khổ, dè dặt và cam chịu. Kỳ thực, những người tu thực hành Chánh pháp một cách nghiêm cẩn và tinh chuyên lại là người rất thanh thoi, thoải mái, an lạc và hoan hỷ vô cùng. Quan trọng hơn, đối với người tu, an lạc và hoan hỷ là một trong những nền tảng quan trọng để đoạn trừ các phiền não lậu hoặc, thành tựu giải thoát.

Cho nên, từ bi hỷ xả là những phẩm chất căn bản của người tu. Nét khổ hạnh, phảng phất sự cam chịu, kham nhẫn của các bậc chân tu chỉ là uy nghi bên ngoài, còn bên trong nội tâm thì cực kỳ thanh thoi, an lạc. Có hạnh phúc và lạc hỷ như vậy, người tu mới an trụ một cách vững chãi trong đường đạo, vượt lên mọi cám dỗ

của thế thường để thực hành ban vui cứu khổ, làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh.

Để thiết lập lạc hỷ trong đời sống, theo tuệ giác của Thế Tôn, người tu phải thành tựu sáu pháp “ưa thích pháp, ưa thích tu tập, ưa thích đoạn trừ, ưa thích viễn ly, ưa thích không có sân hận, ưa thích không có hý luận”. An trú vào Chánh pháp, vận dụng thực hành giáo pháp vào thực tiễn đời sống, khéo léo đoạn trừ những nguyên nhân mang đến phiền lụy, chọn môi trường tu tập thanh tịnh, vui vẻ và hòa ái với mọi người, không bàn luận chuyện thị phi được mất của thế gian... chính là sáu bí quyết làm nên sự lạc hỷ.

Những người tu Phật mà chưa thiết lập được lạc hỷ và thể hiện lạc hỷ trong ứng xử, sinh hoạt hàng ngày thì khó mà an trú bền vững và tiến xa trên con đường giải thoát. Mặc dù đường tu vốn nhiều chướng ngại và gian khó, được ví như con thuyền đi ngược nước nhưng nếu thực tâm và tinh tấn hành trì giáo pháp thì sẽ đạt được hạnh phúc, an vui. Quá trình đoạn trừ lậu hoặc để thành tựu giải thoát, chứng đắc Niết bàn được đặt trên nền tảng an lạc và hoan hỷ là điều mà những người con Phật cần lưu tâm. Khổ hạnh không làm nên giải thoát tối hậu, điều này Thế Tôn đã kinh qua. Do vậy, trước khi hướng đến mục tiêu giải thoát, chúng ta phải thiết lập được lạc hỷ trong đời sống hiện tại.▲

7- HÃY SỐNG VỚI TÂM TỪ

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Tại đấy, Thế Tôn dạy các Tỷ kheo:

Ai tu tập từ tâm / Vô lượng thường ức niệm / Các kiết sử yếu dần / Thấy được sanh y diệt / Với tâm không ác độc / Từ mẫn mọi chúng sanh / Do vậy, vị ấy thành / Bạc thuận nhất chí thiện / Với tâm ý từ mẫn / Đối với mọi chúng sanh / Bạc Thánh khéo thực hiện / Nhiều công đức tốt lành / Sau khi đã chinh phục / Rất đông đảo loài người / Các ẩn sĩ vua chúa / Theo nghi lễ tế tự / Lễ tế ngựa tế người / Lễ uống nước thắng trận / Lễ ném cầu may rủi / Lễ rút lui khóa cửa / Không được phần mười sáu / Bạc khéo tu từ tâm / Như ánh sáng mặt trăng / Đối với các vì sao / Không giết, không bảo giết / Không thắng, không bảo thắng / Từ tâm mọi chúng sanh / Không hận thù với ai.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III*, chương 8, phẩm Từ, phần Từ [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.488)

LỜI BÀN:

Từ bi là một phẩm tính đặc thù của Phật giáo đồ nói chung, đồng thời là yếu tố quan trọng trong quá trình thực hành giáo pháp nhằm thanh tịnh và thăng hoa tâm linh. Thương yêu tất cả mọi chúng sanh không phân biệt và vô điều kiện chính là tâm từ. Phẩm tính thương yêu của tâm từ thì ai cũng có nhưng vì nhiều nhân duyên mà hiển lộ hoặc bị che lấp nhiều ít khác nhau tùy mỗi người. Vì thế, phải thực tập thiền quán rải tâm từ hàng ngày để nuôi dưỡng và phát triển từ bi.

Năng lượng yêu thương của tâm từ rất lớn, bản thân người tu tập cũng như những người xung quanh có thể cảm nhận về nó một cách rõ ràng. Tâm từ như dòng nước cam lồ, tưới tắm thân tâm luôn mát mẻ và an lành. Mặt khác, tâm từ có thể tuôn chảy đến những người khác, những người chúng ta yêu thương và cả những người từng oán ghét hay làm cho chúng ta đau khổ. Nhờ sống với yêu thương nên những náo phiền được dập tắt, sự căm ghét oán hận được thay thế bằng tha thứ xả buông, và cuộc sống chúng ta trở nên nhẹ nhàng, thanh thản hơn.

Cũng từ đây, từ tâm trở thành một chất liệu kết nối những tấm lòng nhân ái để tạo ra vô số công đức tốt lành bằng hạnh nguyện làm lợi mình và lợi người. Yêu thương mọi loài với từ tâm là nhân tố chính yếu tạo ra tất cả các công đức thiện lành ở thế gian. Khi mà người ta ở trong các cộng đồng biết yêu thương nhau như ruột thịt (từ bi), biết nhìn nhận sự có mặt trong nhau (trí tuệ) nên không làm tổn hại thì những cộng đồng ấy tất yếu sẽ gặt hái thật nhiều an lành và hạnh phúc.

Tâm bình thì thế giới bình. Do vậy, trong bối cảnh xung đột, bạo lực cùng nguy cơ chiến tranh ngày càng bùng phát mạnh mẽ và có tính toàn cầu thì tâm từ càng được tôn vinh nhằm ứng dụng thực hành như là một giải pháp tất yếu để cứu nguy cho nhân loại. “Khéo tu tập tâm từ” tức là tùy hoàn cảnh và điều kiện của mỗi người, mỗi nơi mà vận dụng thực hành thiền quán từ bi, khơi nguồn cam lộ tưới mát thế gian. Đây là lời dạy của Thế Tôn từ xa xưa nhưng lại trở nên cấp thiết và quan yếu nhất đối với nhân loại hiện nay. ▀

VII. NỀN TẢNG CỦA GIẢI THOÁT

1- NỀN TẢNG CỦA GIẢI THOÁT

Một thời, Thế Tôn ở tại Rājagaha, trên núi Gijjhakūta, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, những ai nói như sau: “Không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ, Khổ tập, Khổ diệt và Con Đường đưa đến Khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ đau”, sự kiện này không xảy ra.

Ví như, này các Tỷ kheo, những ai nói như sau: “Không xây dựng tầng dưới của ngôi nhà có nóc nhọn, tôi sẽ xây dựng tầng trên của ngôi nhà”, sự kiện này không xảy ra. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, những ai nói như sau: “Không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ, Khổ tập, Khổ diệt và Con Đường đưa đến Khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ đau”, sự kiện này không xảy ra.

Ví như, này các Tỷ kheo, những ai nói như sau: “Sau khi xây dựng tầng dưới của ngôi nhà có nóc nhọn, tôi sẽ xây dựng tầng trên của ngôi nhà”, sự kiện này có xảy ra. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, những ai nói như sau: “Sau khi như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ, Khổ tập, Khổ diệt và Con Đường đưa đến Khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ đau”, sự kiện này có xảy ra.

Do vậy, này các Tỷ kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt và đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt”.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ V*, chương 12, phẩm Vực thăm, phần Nhà có nóc nhọn, NXB Tôn Giáo, 2002, tr.655)

LỜI BÀN:

Bất cứ thành công nào trong cuộc sống tất yếu phải dựa vào một

nền tảng, phải có bột mới gột nên hồ. Nền tảng càng vững chãi, chắc chắn bao nhiêu thì sự phát triển bền vững, ổn định càng gia tăng bấy nhiêu. Nhìn vào hiện tại để biết tương lai, hiện tại là nền tảng của tương lai, hướng đến tương lai xán lạn mà thiếu quan tâm, vun đắp hiện tại là hão huyền.

Rõ ràng và sinh động nhất là ảnh dụ xây dựng nền tảng của ngôi nhà. Nếu không có tầng dưới mà hoài vọng xây dựng tầng trên, sự kiện này chắc chắn không xảy ra. Ngay cả khi có tầng dưới nhưng ốm yếu, ọp ẹp, kém chất lượng thì vẫn không thể đứng vững, làm giá đỡ cho cả tòa nhà. Và ngôi nhà sẽ sụp đổ nhanh chóng là chuyện đương nhiên.

Tu học cũng vậy, tuy giáo điển cực kỳ đồ sộ, có đến tám vạn bốn ngàn pháp môn cho mọi căn cơ nhưng vẫn dựa trên một nền tảng cơ bản là Tứ Thánh đế. Không giác ngộ Tứ Thánh đế tức bốn sự thật về Khổ, Khổ tập, Khổ diệt và Con đường đưa đến Khổ diệt thì chắc chắn không thành tựu giải thoát khổ đau, hạnh phúc, Niết bàn.

Tuy có bốn sự thật nhưng chúng vốn tương tức, có mặt trong nhau, vì thế chỉ cần giác ngộ một sự thật là giác ngộ bốn sự thật và thành tựu tất cả. Người con Phật chỉ cần tuệ tri và giác ngộ về Khổ của tự thân, của tha nhân và pháp giới. Khổ (dukkha), ngoài ý nghĩa khổ đau còn hàm chứa sự vô thường, biến hoại và vô ngã tính. Chỉ cần giác ngộ toàn triệt về Khổ, tự khắc người con Phật vượt thoát mọi khổ đau. Từ đây, nền tảng giải thoát đã được thiết lập, được xây dựng kiên cố, vững chắc làm nền móng cho quả vị Vô thượng Bồ đề. ▀

2- XA VÀ GẦN

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có bốn sự việc này, rất xa, rất xa với nhau. Thế nào là bốn?

Trời và đất là sự việc thứ nhất rất xa, rất xa với nhau. Bờ biển bên này và bờ biển bên kia rất xa, rất xa với nhau, là sự việc thứ hai. Từ chỗ mặt trời mọc lên đến chỗ mặt trời lặn xuống là sự việc thứ ba rất xa, rất xa với nhau. Pháp của hạng người bất thiện với pháp của hạng người thiện rất xa, rất xa với nhau, là sự việc thứ tư.

Này các Tỷ kheo, đây là bốn sự việc rất xa, rất xa với nhau này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 4, phẩm Rohitassa, phần Rất xa xăm, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.647)

LỜI BÀN:

Nếu ai đã từng trải nghiệm về cuộc sống thì sẽ dễ dàng nhận thấy khoảng cách vật lý giữa xa và gần thật rõ ràng, xa thì đúng thật là xa mà gần đích thực là gần. Tuy nhiên, khoảng cách tâm lý xa gần giữa thiện và ác thì khó lường. Bởi thiện và ác về tính chất vốn cách nhau rất xa nhưng trong tự thân của mỗi người thì lẫn lộn “tuy xa mà gần, tuy gần mà xa”.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, pháp của hạng người thiện và bất thiện rất xa nhau như khoảng cách giữa trời và đất, bờ này với bờ kia của đại dương, từ chỗ mặt trời mọc đến chỗ mặt trời lặn. Vì đối với hạng người thuần thiện thì suy nghĩ, lời nói và hành động đều thiện, nói chung ba nghiệp thanh tịnh và đối lập hoàn toàn

với hạng người ác, luôn tạo ba ác nghiệp.

Vấn đề là con người sống ở đời thường không thuần thiện hoặc ác mà luôn giao thoa giữa thiện và ác. Vì thế, đời sống là một quá trình đấu tranh liên tục để vượt lên cái ác. Nơi đây, khoảng cách giữa thiện và ác không còn rất xa nữa mà thậm chí rất gần, chỉ cần một sát na mất chánh niệm thì cái ác sẽ hiện tiền. Vì tham, sân, si và phiền não nói chung luôn tiềm ẩn trong ta, do đó niệm ác sẵn sàng trỗi dậy bất cứ lúc nào. Bởi vậy, phải nỗ lực tu tập, nguyện làm các điều lành, luôn giữ tâm chánh niệm để tự chủ để không chạy theo và bị chi phối bởi các điều ác.

Kinh nghiệm của tiền nhân cho thấy “bảy mươi chưa hết què”, hay “chỉ cần một chút sơ suất có thể dẫn đến đọa lạc nhiều kiếp” (*Kinh Tứ Thập Nhị Chương*), tức lầm lỗi có thể tạo ra bất cứ lúc nào. Nhận thức được như thế, người con Phật trong nỗ lực hướng đến sự thuần thiện, luôn cảnh giác với cái ác vì thiện ác vốn rất xa mà lại rất gần trong mỗi chúng ta.▲

3- TU HỌC PHẢI SONG HÀNH

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có bốn loại chuột này. Thế nào là bốn?

Đào hang không ở, ở không đào hang, không đào hang không ở, có đào hang có ở. Này các Tỷ kheo, có bốn loại chuột này.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, có bốn hạng người được ví dụ với các loại chuột này có mặt, hiện hữu ở đời.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người có đào hang, không ở?

Ở đây, này các Tỷ kheo, có hạng người thuộc lòng pháp như Khế kinh... Quảng thuyết. Vị ấy không như thật quán tri: “Đây là Khổ”, “Đây là Khổ tập”, “Đây là Khổ diệt”, “Đây là Con đường đưa đến Khổ diệt”.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người có ở, không đào hang?

Ở đây, này các Tỷ kheo, có hạng người không có học thuộc lòng pháp, như Khế kinh... Quảng thuyết. Vị ấy như thật quán tri: “Đây là Khổ”, “Đây là Khổ tập”...

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người không đào hang, không ở?

Ở đây, này các Tỷ kheo, có hạng người không học thuộc lòng pháp như Khế kinh... Quảng thuyết. Vị ấy không như thật quán tri: “Đây là Khổ”, “Đây là Khổ tập”...

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người có đào hang, có ở?

Ở đây, này các Tỷ kheo, có hạng người học thuộc lòng pháp như Khế kinh... Quảng thuyết. Người ấy như thật quán tri: “Đây là Khổ”, “Đây là Khổ tập”...

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 4, phẩm Mây mưa, phần Các loại chuột [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.18)

LỜI BÀN:

Hiện nay, người đi chùa ngày một nhiều, nhưng dịp lễ lộc vô cùng nhộn nhịp và đông đúc. Đi chùa, lễ Phật, cầu nguyện Tam bảo gia hộ là điều tốt, song quan trọng hơn là học tập và ứng dụng giáo pháp để tự hoàn thiện mình, mới mong thiết lập bình an và hạnh phúc đích thực.

Theo tuệ giác Thế Tôn, có bốn hạng người tu học giống như bốn loại chuột. Hạng người thứ nhất “có đào hang, không ở” tức học nhưng không hành. Hạng người này khá am tường giáo lý nhưng chỉ nói suông, không áp dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống. Hạng người thứ hai “có ở, không đào hang” tuy không biết nhiều và rành rẽ giáo pháp nhưng có thực hành những gì đã học. Hạng người thứ ba “không đào hang, không ở” tức không học giáo pháp và cũng chẳng thực hành. Và hạng người thứ tư “có đào hang, có ở”, tức tu học song hành.

Trong sự tu học, tìm hiểu và thực hành giáo pháp là hai yếu tố cực kỳ quan trọng. Vì thế, một khi đã có đức tin vào Tam bảo thì ngoài vấn đề cầu nguyện và lễ bái ra, người con Phật cần chú trọng đến học tập và hành trì lời Phật dạy. Giống như hai cánh của loài chim giúp nó bay lượn thoải mái trên bầu trời; cũng vậy, song hành học tập và hành trì giáo pháp sẽ giúp người học Phật vượt thoát khổ đau, thăng hoa trong cuộc sống.▲

4- HÌNH THỨC BÊN NGOÀI

Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Koli, dạy các Tỷ kheo:

Có bốn hạng người này, này các Tỷ kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Hạng người đo lường sắc và thỏa mãn với sắc; hạng người đo lường tiếng và thỏa mãn với tiếng; hạng người đo lường với thô và thỏa mãn với thô; hạng người đo lường với pháp và thỏa mãn với pháp. Bốn hạng người này, này các Tỷ kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

Những ai đo lường sắc / Những ai đi đến tiếng / Bị tham dục dẫn dắt / Chúng không biết người ấy.

Không biết được nội tâm / Không thấy được ngoại cảnh / Kẻ ngu bị bao quanh / Bị tiếng nói chi phối.

Không biết được nội tâm / Quán thấy được ngoại cảnh / Thấy được quả ở ngoài / Bị tiếng nói chi phối.

Rõ biết được nội tâm / Quán thấy được ở ngoài / Thấy rõ không chướng ngại / Không bị tiếng chi phối.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 4, phẩm Nghiệp công đức, phần Hình thức bên ngoài, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.686)

LỜI BÀN:

Người ta thường nói “quen sợ dạ, lạ sợ áo quần” để nêu lên tầm quan trọng của hình thức trong giao tế hàng ngày. Phục sức đẹp, lịch sự và giao tiếp nhã nhặn, khéo léo rất dễ tạo được ấn tượng ban đầu với đối tác. Nhưng khi đi sâu vào tiến trình giao hảo thì sự trung thực, tấm lòng nhân hậu, nhân cách cao thượng mới thực sự là nhân tố quyết định. Do đó, nếu chỉ lo tô vẽ hình thức bên

ngoài cho thật lộng lẫy nhằm che đậy sự xảo trá, lọc lừa và toan tính bên trong thì có thành tựu chẳng cũng chỉ ở giai đoạn đầu.

Trong các yếu tố hấp dẫn con người thì hình sắc và âm thanh đóng vai trò quan trọng. Vì thế ai cũng tự sửa sang, chỉnh đốn cho mình đẹp hơn, ăn nói khôn khéo hơn. Ngành công nghệ giải trí đã ăn nên làm ra nhờ khai thác triệt để hai khía cạnh nghe và nhìn này. Khi chưa nhận ra bản chất thực của thân tâm và ngoại cảnh là vô thường-khổ-vô ngã thì đời sống của phần đông chúng ta là một cuộc đua giành quán quân sở hữu âm thanh và sắc tướng. Và chính việc chạy theo âm thanh, sắc tướng của mình và người là nguyên nhân của khổ.

Tuy vậy, có hạng người tiến bộ hơn biết được ngoại cảnh là hư giả nhưng do chưa thấu suốt được nội tâm vốn hư vọng với cội nguồn phiền não là tham sân si thúc đẩy nên cuối cùng vẫn bị ngoại cảnh chi phối. Chỉ có những bậc đã liễu tri về thân tâm và ngoại giới, tức căn-trần-thức đều rỗng không, vô ngã mới thực sự tự chủ và tự tại. Và đó chính là “hạng người đo lường với pháp và thỏa mãn với pháp” mà mỗi người con Phật luôn hướng đến và thành tựu.▲

5- KHÔNG THỐI ĐẠ

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có sáu pháp không thối đọa này, Ta sẽ thuyết, hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là sáu pháp không thối đọa? Không ưa công việc, không ưa nói chuyện, không ưa ngủ nghỉ, không ưa hội chúng, thiện ngôn, thiện bạn hữu.

Này các Tỷ kheo, có sáu pháp không thối đọa này.

Này các Tỷ kheo, những ai trong thời quá khứ không bị thối đọa trong các thiện pháp, tất cả đều nhờ sáu pháp này. Này các Tỷ kheo, những ai trong thời vị lai sẽ không bị thối đọa trong các thiện pháp, tất cả đều nhờ sáu pháp này. Này các Tỷ kheo, những ai trong thời hiện tại không bị thối đọa trong các thiện pháp, tất cả đều nhờ sáu pháp này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương 6, phẩm Trên tất cả, phần Không thối đọa, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.56)

LỜI BÀN:

Việc tu tập, hướng thiện như bơi thuyền ngược nước, nếu không gắng sức chống chèo sẽ bị cuốn xuôi. Vì thế, biết bao người một thời hăm hở tu hành, tưởng chừng như sắp thành chánh quả, rồi chẳng bao lâu sau thì lối cũ ta về, an phận theo thế thường.

Thối thất, thụt lùi trên đường đạo về cả hai phương diện nội tâm bên trong và hình thức bên ngoài vốn có nhiều nguyên nhân, tùy thuộc nghiệp duyên của mỗi người. Theo kinh nghiệm của Thế Tôn, để giữ vững chí nguyện xuất trần, trước phải biết buông bỏ những buộc ràng về công việc. Có một điều gần như nghịch lý

rằng, những tướng xuất gia là vô sự, thanh bần và thông dong nhưng rồi thực tế thì công việc lại nhiều hơn. Việc càng nhiều thì thời gian tu tập càng ít lại và phiền não có cơ hội thêm lên. Cho nên, càng ôm đồm thì càng khổ mà hầu như chúng ta lại thích ôm đồm.

Kể đến, một hành giả phải trau dồi thân tâm, tích cực hướng nội bằng cách thực tập các phương pháp thiền định. Không ưa nói chuyện, vì hí luận sẽ khiến tâm phan duyên, hướng ngoại. Hạn chế ngủ nghỉ để thần trí tỉnh táo, tâm không bị mê mờ. Quan trọng hơn là tránh xa những hội chúng ồn ào để giữ tâm định tĩnh. Đời sống tịnh cư hay độc cư sẽ là thắng duyên cho những ai chuyên tâm thiền định. Đặc biệt là được thân cận các bậc thiện hữu tri thức để luôn được sách tấn, trợ duyên và nâng đỡ mỗi khi lạc bước, yếu lòng.

Nếu những ai hội đủ các duyên lành này trong quá khứ, hiện tại và mai sau thì chắc chắn rằng những người ấy sẽ thẳng tiến trên đạo lộ giải thoát. Thực ra, những duyên lành này vốn sẵn trong đời sống hàng ngày. Có điều, chúng ta có khai thác và tận dụng chúng để nuôi dưỡng và giữ vững chí nguyện xuất trần của mình hay không mà thôi.▲

6- HƯỚNG ĐẾN ÁNH SÁNG

Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi. Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến đảnh lễ Thế Tôn. Thế Tôn nói với vua Pasenadi đang ngồi xuống một bên:

Thưa Đại vương, có bốn hạng người này có mặt, hiện diện ở đời.

Thế nào là bốn? Hạng người sống trong bóng tối và hướng đến bóng tối. Hạng người sống trong bóng tối và hướng đến ánh sáng. Hạng người sống trong ánh sáng và hướng đến bóng tối. Hạng người sống trong ánh sáng và hướng đến ánh sáng.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 3, phẩm 3, phần Người [trích], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.209)

LỜI BÀN:

Mỗi người được sinh ra ở trên đời với một thân phận, hoàn cảnh khác nhau. Họ không có quyền chọn lựa cho mình nơi để sinh ra vì đó là nghiệp dĩ. Tuy nhiên, con người hoàn toàn có thể phấn đấu cải tạo nghiệp lực, chuyển hóa thân tâm và hoàn cảnh theo hướng tích cực, tốt đẹp hơn. Cuộc sống là một quá trình đấu tranh giữa cái thiện và cái ác. Và tất nhiên không phải ai cũng đạt đến thành công trong việc tự hoàn thiện mình. Do đó, mỗi người cần nỗ lực hướng thiện bền bỉ và liên tục.

Theo tuệ giác Thế Tôn, có hạng người thiếu phước “sống trong bóng tối và hướng đến bóng tối” sinh ra trong đói khổ, thất học, thiếu vắng tình thương và từ đó không tìm ra lối đi sáng sủa cho cuộc đời mình. Nếu không phải là tội phạm thì họ cũng không đoan chánh, không có niềm tin và chẳng tạo ra được chút phước

lành nào trong đời. Hạng người này thật đáng thương và rất cần sự trợ duyên, đùm bọc của xã hội.

Hạng người thứ hai “sống trong bóng tối và hướng đến ánh sáng” cũng xuất thân từ đói khổ, bất hạnh nhưng nhờ còn chút phước duyên nên gặp được thiện tri thức và biết phấn đấu vươn lên từ đói nghèo để đi đến thành công. Chuyện những cô Tấm và nàng Lọ Lem thời hiện đại cùng những tấm gương vượt khó của họ thật đáng cho chúng ta suy gẫm để học tập, noi theo.

Thế nhưng lại có hạng người “sống trong ánh sáng và hướng đến ánh sáng”. Tuy xuất thân trong môi trường tốt, gia đình danh giá nhưng vì lười biếng và ỷ lại cùng với thói quen hưởng thụ, một bộ phận không nhỏ thanh thiếu niên rơi vào sa đọa, nghiện ngập và trở thành tội phạm. Họ không làm được gì giúp cho bản thân và gia đình mà còn trở thành gánh nặng cho xã hội.

Hạng người sau cùng “sống trong ánh sáng và hướng đến ánh sáng” vốn đầy đủ phước duyên. Họ nhờ những thuận duyên ngay từ nhỏ để phấn đấu học tập, tu dưỡng đạo đức và trở thành người tài đức vẹn toàn.

Một xã hội, đất nước mà tích tụ được nhân tài từ hai hạng người hướng đến ánh sáng như lời Phật dạy thì chắc chắn đất nước ấy đang thực sự phát triển, đi lên trong sự thịnh vượng bền vững, dài lâu.▲

7- ĐƯỢC TIẾNG THƠM

Một thời Thế Tôn trú ở Àlavì, trong rừng Simsapà, dạy các Tỷ kheo:

Có ba pháp này, này các Tỷ kheo, được người hiền trí tuyên bố, được bậc chân nhân tuyên bố. Thế nào là ba?

Bố thí, này các Tỷ kheo, được người hiền trí tuyên bố, được bậc chân nhân tuyên bố. Xuất gia, này các Tỷ kheo, được người hiền trí tuyên bố, được bậc chân nhân tuyên bố. Hầu hạ cha mẹ, này các Tỷ kheo, được người hiền trí tuyên bố, được bậc chân nhân tuyên bố. Ba pháp này, này các Tỷ kheo, được người hiền trí tuyên bố, được bậc chân nhân tuyên bố.

Biết bố thí, thiện sĩ / Bất hại, chế ngự căn / Tự điều, hầu cha mẹ / Các vị sống phạm hạnh / Bốn phận kẻ thiện khen / Người hiền thực hiện chúng / Bậc Thánh thấy rõ vậy / Đạt được đời an lạc.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Nhỏ, phần Bốn phận, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.270)

LỜI BÀN:

Tiếng thơm, danh tốt là điều ai cũng mong muốn. Người ta nỗ lực phấn đấu học tập, lao động và tu dưỡng suốt cả một đời cũng cốt mong sao cho “công thành danh toại”. Tiếng thơm là thành quả của những việc làm cao thượng, thiện lành, vì lợi ích cho tha nhân và cuộc đời.

Biết đồng cảm và sẻ chia, mở rộng vòng tay với mọi người, nhất là những người bất hạnh là điều cao quý nhất. Những người bất hạnh xung quanh ta rất nhiều, họ cần sự trợ duyên giúp đỡ. Người

ta khổ không phải chỉ vì đói nghèo mà có thể vì tằm tối, bết tắc, không tìm được lối ra cho cuộc sống hoặc khổ đau vì sợ hãi. Tùy mỗi trường hợp mà chia sẻ như đói nghèo ta ủng hộ vật chất (tài thí), bết tắc về ý nghĩa cuộc đời ta chỉ họ con đường tu học (pháp thí), sợ hãi và lo lắng cho tương lai ta vỗ an họ bằng sự có mặt trong vững chãi, thanh thoi của mình (vô úy thí). Làm được điều này, ắt hẳn được người đời ca tụng, tiếng lành đồn xa.

Xuất gia không dành riêng cho người tu, xuất gia là ra khỏi nhà phiền não tức tự thanh lọc và tịnh hóa tâm hồn để thực sự làm chủ đời mình. Đây là lối sống thanh cao, trong sạch, hoàn toàn an tịnh, là hạnh phúc đích thực. Người nào thực sự sống với tâm thanh tịnh, trong sáng, không tham lam, không chấp thủ thì mới có khả năng sống hạnh phúc và cống hiến thật nhiều cho nhân quần, xã hội. Tự kiêu toàn nhân cách, hoàn thiện mình trở thành người tốt, có ích cho bản thân, gia đình và xã hội thì tất nhiên ta sẽ được ca ngợi, tôn vinh.

Hiếu thảo với tổ tiên ông bà cha mẹ, biết tri ân đền đáp mọi ân đức trong cuộc đời là những phẩm hạnh không thể thiếu của một con người. Kẻ vong ân bội nghĩa, bất hiếu ngỗ nghịch bị người đời phê phán bao nhiêu thì người hiếu thảo, biết nhớ ơn và đền ơn được khen ngợi bấy nhiêu. Ấy vậy mà không phải ai cũng nhớ và làm tròn câu hiếu nghĩa, nhất là khi đối mặt với bả danh lợi tình tiền, để rồi khi thân bại danh liệt mới ngậm ngùi chiêm nghiệm câu “mua danh ba vạn, bán danh ba đồng”.

Để xây dựng đời sống an vui, mỗi người cần thực hành bố thí, xuất ly và hiếu thảo. Làm được ba điều này, người đời tôn vinh, các bậc hiền thánh ca ngợi và thiết thực nhất là tự thân chúng ta được an lành, hạnh phúc. ▀

8- NỘI CHỨNG BÊN TRONG

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi. Rồi Tôn giả Lakuntaka Bhaddiya đi đến Thế Tôn. Thấy Tôn giả Lakuntaka Bhaddiya từ xa đi đến, Thế Tôn liền gọi các Tỷ kheo:

Các ông có thấy không, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo kia đang đi đến, xấu xí, khó nhìn, còm lụng, bị các Tỷ kheo khinh miệt?

Thưa có, bạch Thế Tôn.

Tỷ kheo ấy, này các Tỷ kheo, có đại thần thông, có đại uy lực. Thật không dễ gì đạt được chứng đắc mà trước kia vị Tỷ kheo ấy chưa chứng đắc. Và cả đến mục đích mà con một lương gia xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tức vị ấy còn tự mình, ngay trong hiện tại, chứng tri, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này, con các lương gia xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Thế Tôn thuyết như vậy, bậc Thiện Thệ nói xong lại nói thêm:

*Thiên nga, cò, chim, công / Voi và nai có chấms / Tất cả
sợ sư tử / Dầu thân không đồng đều / Cũng vậy, giữa loài
người / Nếu kẻ có trí tuệ / Ở đấy vị ấy lớn / Không như
thân kẻ ngu.*

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ II*, chương 10,
phần Bhaddi, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.487)

LỜI BÀN:

Trong cuộc sống hiện nay có không ít người quá quan tâm, chú trọng đến hình thức bên ngoài. Họ rất chăm lo chỉnh trang, cải

thiện “mặt tiền” như nhà cửa, xe cộ, y phục, trang sức..., kể cả tìm kiếm một chút vị cho có hư danh với đời và cố che giấu đi hậu phương xơ xác tiêu điều, thậm chí nợ nần chồng chất. Về phương diện tinh thần, những giá trị sống thâm thúy và sâu sắc như cái nghĩa, cái tình, thủy chung son sắt dần dà trở nên thừa thãi, ít người lưu tâm; những phẩm chất của đời sống như sự an tịnh và thuần hóa tâm hồn thanh cao, hướng thượng không mấy người thành tựu. Vì thế, con người hiện đại có vẻ văn minh và thành đạt hơn về hình thức bên ngoài nhưng tâm hồn lại trống rỗng, cần cỗi và nghèo nàn các chất liệu hạnh phúc.

Thế nhưng, từ xa xưa cho đến bây giờ và mãi về sau, con người vẫn dễ dàng choáng ngợp với hình thức bên ngoài. “Trông mặt bắt hình dong” là một tập quán nhận thức không phải dễ dàng thay đổi. Nên sự cạn cụt khi đánh giá, nhận định về người khác để về sau ân hận, hối tiếc về sự hời hợt của mình vẫn thường xảy ra.

Đối với quan điểm của Thế Tôn, hình thức bên ngoài rất cần nhưng cần hơn vẫn là những phẩm chất bên trong, nhất là sự an tịnh nội tại và bừng sáng tuệ giác giải thoát. Một vị xuất gia tuy có dung mạo không mấy trang nghiêm nhưng tâm hồn trong sáng, chứng đạt giải thoát trọn vẹn vẫn quý hóa hơn người chưa chứng rất nhiều.

Người vĩ đại nhất chính là người thành tựu giác ngộ, thân tâm thanh tịnh, tự tại trước những trói buộc, đoạn trừ hết si ám mê lầm chứ không phải là người thành đạt bên ngoài. Do vậy, phải cẩn trọng trong việc nhận định hay phán xét về một người, nhất là người tu, khi chỉ mới biết qua hình thức.▲

9- CẤP THIẾT PHẢI LÀM NGAY

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosala, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có ba việc cấp thiết này, người nông phu gia chủ cần phải làm. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ kheo, người nông phu gia chủ mau lẹ khéo cày bừa thửa ruộng, sau khi khéo cày bừa liền mau lẹ gieo hạt giống, sau khi gieo hạt giống liền mau lẹ cho nước vô, cho nước ra. Này các Tỷ kheo, đây là ba việc cấp thiết mà người nông phu gia chủ cần phải làm.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, có ba công việc cấp thiết này Tỷ kheo cần phải làm. Thế nào là ba?

Chấp hành tăng thượng giới học, chấp hành tăng thượng định học, chấp hành tăng thượng tuệ học. Ba công việc cấp thiết này, này các Tỷ kheo, một Tỷ kheo cần phải làm.

Do vậy, này các Tỷ kheo, cần phải học tập như sau: Sắc bén sẽ là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng giới học. Sắc bén sẽ là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng định học. Sắc bén sẽ là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tuệ học.

Như vậy, này các Tỷ kheo, các thầy cần phải học tập.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Hạt muối, phần Cấp thiết [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.435)

LỜI BÀN:

Người ta sống ở đời có vô số công việc để làm. Điều quan trọng là biết việc làm nào quan trọng, cấp thiết và cần làm ngay. Những người thành công trong cuộc sống chính là người biết rõ

và làm kịp thời những điều nên làm, biết tránh những điều cần tránh và biết dừng lại những điều cần phải dừng lại.

Người nông dân trồng lúa cần xác định ba nhiệm vụ cày ruộng, gieo hạt và dẫn nước là quan trọng và cấp thiết nhất. Nếu các công việc trên không được thực hiện nhanh chóng, kịp thời vụ thì chắc chắn khó có được vụ mùa bội thu. Cũng vậy, đối với người tu Phật thì tăng trưởng giới định tuệ là ba nhiệm vụ cấp thiết nhất vì chúng là cốt tủy của sự nghiệp tu học.

Do vậy, dù công tác Phật sự rất đa dạng, “Phụng sự chúng sinh là cúng dường chư Phật” nhưng người tu không thể không thành tựu nhiệm vụ trọng yếu nhất của đời mình là tăng thượng giới định tuệ. Bất kỳ ai, nhân danh tu Phật ở bất cứ truyền thống hay tông phái nào cũng đều phải lấy việc phát triển và thành tựu giới định tuệ làm nền tảng. Nếu lãng quên hoặc chưa thành tựu giới định tuệ thì sự nghiệp tu học của chúng ta chẳng khác nào “người lên rừng kiếm lõi cây nhưng chỉ mang về cành lá” mà thôi.▲

10- KHÔNG CÓ CHE GIẤU

Một thời Thế Tôn trú ở Bārāṇasī, tại vườn Nai, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có ba pháp này được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Thế nào là ba?

Sở hành của nữ nhân, này các Tỷ kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Chú thuật của các Bà la môn, này các Tỷ kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Tà kiến, này các Tỷ kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ.

Này các Tỷ kheo, ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Vành tròn của mặt trăng, này các Tỷ kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Vành tròn của mặt trời, này các Tỷ kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Pháp và Luật được Thế Tôn tuyên thuyết, này các Tỷ kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Kusināra, phần Che giấu, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.516)

LỜI BÀN:

Chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu là những đặc tính quan trọng của toàn bộ giáo điển Phật giáo. Những gì Thế Tôn đã tuyên thuyết đều không ngoài mục đích “làm lợi ích chúng sanh, vì an lạc và hạnh phúc cho chư thiên và loài người” và Ngài khẳng định tất cả Pháp và Luật đều sáng rõ như mặt trăng, mặt trời; là pháp công truyền chứ không phải là pháp bí truyền.

Như thế, toàn thể nhân loại và hết thảy chúng sanh đều có thể

học tập, nghiên cứu để hiểu và ứng dụng thực hành theo Chánh pháp của Như Lai. Không như quan niệm của đạo Bà la môn, kinh Veda và chú thuật là thuộc về thẩm quyền nghiên cứu và hành trì của giai cấp Tăng lữ Bà la môn còn những người khác thì không thể. Vì thực ra, giáo pháp chỉ là bản đồ chỉ đường, là phương thuốc hay nhưng nếu sở hữu bản đồ mà không đi tới hoặc có thần dược mà không dùng thì cũng chẳng lợi ích gì nhiều.

Và quan trọng hơn, toàn bộ giáo pháp của Phật đều có thể đem ra phân tích, luận giảng cho mọi người để lãnh hội yếu nghĩa nhằm ứng dụng thực hành và hoàn toàn vắng mặt sự mặc khải cho một nhóm đối tượng riêng biệt nào, dù cho đó là các đệ tử xuất gia. Đây là cơ sở cho sự phấn đấu học tập nghiên tẩm và liễu triệt giáo nghĩa của bốn chúng đệ tử Phật. Không chỉ hàng xuất gia, thời Thế Tôn, những cư sĩ uyên thâm giáo pháp và có biệt tài thuyết pháp như Citta Macchikasandika, cư sĩ Duy Ma, về sau có Thiên sư Bàng Ẩn, Tuệ Trung và gần đây là cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám... đều là những bậc thông tuệ, lâu thông giáo điển.

Trong khi có khá nhiều giáo thuyết cho những gì không thể giải thích được là sự “mẫu nhiệm” của các đấng thiêng liêng thì đạo Phật khuyên dạy mọi người nên đến để thấy chứ không phải để tin, vì tất cả nội dung giáo pháp đều chói sáng, được hiển lộ và không có che giấu.▲

VIII. NHỮNG ĐIỀU KHÓ Ỏ ĐỜI

1- KHÔNG DỄ TÁI SANH LÀM NGƯỜI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi. Sau chuyến du hành, rồi Thế Tôn lấy một ít đất trên đầu móng tay và nói với các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, các ông nghĩ thế nào? Cái gì là nhiều hơn, chút đất này Ta lấy trên đầu móng tay hay quả đất lớn này?

Bạch Thế Tôn, nhiều hơn là quả đất lớn này và ít hơn là chút đất mà Thế Tôn lấy trên đầu móng tay. Không thể đi đến ước tính, không thể đi đến so sánh quả đất lớn với chút đất mà Thế Tôn đã lấy trên đầu móng tay.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, rất ít là chúng sanh được tái sanh làm người. Còn rất nhiều là chúng sanh phải tái sanh ra ngoài loài người.

Do vậy, này các Tỷ kheo, các ông cần phải học tập như sau: “Chúng tôi sẽ sống không phóng dật”.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ II*, chương 9, phần Đầu ngón tay, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.460)

LỜI BÀN:

Chúng sanh trong ba cõi, theo tuệ giác của Thế Tôn thì vô lượng vô biên, hằng hà sa số. Con người hiện hữu trên cõi đời cũng rất nhiều nhưng so với chúng sanh trong ba cõi thì chẳng đáng là bao, giống như chút đất trên đầu móng tay sánh với đất trên địa cầu.

Sở dĩ có sự chênh lệch như trên là do điều kiện để một chúng sanh tái sanh vào loài người rất khó. Khó đến mức như có con rùa mù sống trong đại dương, ba trăm năm mới ngoi lên mặt nước

một lần mà chui đầu vào lỗ thủng của một khúc cây lênh đênh trên biển. Do nghiệp lực nặng nề của chúng sanh nên đa phần bị sanh vào ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, may mắn lắm mới được sanh làm người.

Theo kinh nghiệm của Thế Tôn, trong các loài chúng sanh thì loài người là tối thắng, ưu việt nhất vì hội đủ các điều kiện tu tập để hướng đến giải thoát và giác ngộ. Bởi lẽ, nếu sanh vào các cõi trời, do phước báo của họ quá đầy đủ, thọ dụng dục lạc quá sung mãn và vi diệu nên không có cơ hội quán chiếu để thấu rõ bản chất của sự khổ mà thú hưởng giải thoát. Ngược lại, nếu sanh vào trong ba đường ác thì sự khổ đau quá lớn, liên tục không gián đoạn đồng thời thiếu nhận thức, luôn sống trong mù mịt, tối tăm nên cũng không thể nào tu tập được.

Chỉ có loài người, với phước báo trung dung, đầy đủ các phương diện khổ vui của cuộc sống nên dễ kinh nghiệm và thực chứng chân lý. Ngay cả Thế Tôn, kiếp sau cùng thành Phật cũng sanh vào cõi người. Vì thế, được sanh làm người là một phước báo lớn.

Tuy nhiên, không phải ai cũng nhận chân được giá trị của kiếp người để tận dụng cơ hội quý báu này mà nỗ lực tu học, hướng thiện. Đời người tuy dài nhưng tựu trung không đến ba vạn sáu ngàn ngày. Ngoài thời giờ dành cho việc mưu sinh, đáng tiếc phần lớn thời gian còn lại của con người chỉ quanh quẩn với toan tính, buồn vui, hơn thua và được mất...

Nhận thức rõ vấn đề được sanh làm người là khó, được gặp Phật pháp lại càng khó hơn nên người Phật tử vâng lời Phật dạy phải biết trân quý sự sống đồng thời tận dụng triệt để quý thời gian ít ỏi của đời người để tu học, nhằm hướng đến giải thoát và giác ngộ. ▀

2- KHÓ TÌM ĐƯỢC Ở ĐỜI

Một thời, Thế Tôn đang du hành giữa dân chúng Kosala, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, sự xuất hiện của ba hạng người này, khó tìm được ở đời. Thế nào là ba?

Này các Tỷ kheo, sự xuất hiện của Như Lai, bậc A la hán, Chánh đẳng giác, khó tìm được ở đời. Người có thể thuyết Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, khó tìm được ở đời. Người biết ơn và đền ơn, khó tìm được ở đời.

Sự xuất hiện của ba hạng người này, này các Tỷ kheo, khó tìm được ở đời.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Đọa xứ, phần Khó tìm được, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.483)

LỜI BÀN:

Kinh Phật thường nhắc đến những sự kiện hiếm có (hi hữu), chưa từng có (vị tăng hữu). Ba hạng người được đề cập trong pháp thoại này chỉ là hi hữu, tức hiếm có và khó gặp ở đời. Tuy khó tìm và khó gặp nhưng sự đời vốn hữu duyên thiên lý năng tương ngộ.

Trong ba hạng người khó tìm được ở đời, theo lời dạy của Thế Tôn, gặp được Phật, bậc A la hán Chánh đẳng giác quả là rất khó. Bởi sự xuất hiện của bậc Như Lai được ví như loài hoa thiêng Ưu đàm 3.000 năm mới nở một lần. Người đầy đủ phước báo mới sinh ra đời gặp Phật và được khai ngộ. Vì thế, trong thời mạt pháp, khi Phật đã nhập diệt lâu xa thì chỉ cần gặp được minh sư hướng dẫn tu trì giới định tuệ đã là có phúc duyên và hạnh ngộ lắm rồi.

Hạng người có thể tuyên thuyết giáo pháp của Như Lai cũng khó

tìm ở đời. Do vô minh nghiệp lực che lấp, nên không phải ai cũng có thể nói và cảm nhận đúng đắn về các sự thật của chân lý như duyên khởi, vô thường, vô ngã. Trong khi tiếng nói của tham vọng, cuồng tín và si mê lại có sức cuốn hút mạnh mẽ, chinh phục được nhiều người, thậm chí đôi khi họ còn xem cách hành xử đầy nhân bản và tuệ giác như từ bi hỷ xả là yếm thế, tiêu cực...

Hạng người biết ơn và đền ơn đúng nghĩa tuy có nhưng không nhiều, vì thế Như Lai nói khó tìm được ở đời. Lãng quên (cố ý hoặc vô tình) là thói quen của nhiều người. Chính sự lãng quên này mà khi thành công rồi người ta dễ trở thành vô ơn, bạc nghĩa. Bởi bất cứ thành công nào cũng nhờ sự góp sức, thậm chí phải hy sinh thân mạng của người thân, bà con, bạn bè, đồng đội.

Biết rằng khó tìm được ở đời nhưng bình tâm nhìn lại cuộc sống thì ba hạng người này vẫn thấp thoáng quanh ta. Đó là nền tảng của hy vọng về một tương lai tươi sáng, khi con người biết hướng thiện, tri ân và hướng đến xây dựng đất nước thanh bình, an lạc, phần vinh và thịnh vượng. ▴

3- KHÔNG THỂ ƯỚC LƯỢNG

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có ba hạng người này có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Dễ ước lượng, khó ước lượng và không thể ước lượng.

Thế nào là hạng người dễ ước lượng? Ở đây, này các Tỷ kheo, có hạng người tháo động, kiêu căng, lấm mồm lấm miệng, thất niệm, không tỉnh giác, tâm tán loạn, các căn buông thả. Này các Tỷ kheo, đây gọi là người dễ ước lượng.

Thế nào là hạng người khó ước lượng? Ở đây, này các Tỷ kheo, có hạng người không tháo động, không kiêu căng, không lấm mồm lấm miệng, trú niệm, tỉnh giác, nhất tâm, các căn được bảo vệ. Này các Tỷ kheo, đây gọi là người khó ước lượng.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người không thể ước lượng? Ở đây, này các Tỷ kheo, bậc A la hán các lậu hoặc đã được đoạn tận. Này các Tỷ kheo, đây gọi là hạng người không thể ước lượng.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Đọa xứ, phần Không thể ước lượng, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.483)

LỜI BÀN:

Tất cả mọi biểu hiện qua hành vi, ngôn ngữ trong đời sống của con người đều được điều động, sắp xếp và chi phối từ trong tâm ý. Đức Phật từng chỉ rõ “Ý dẫn đầu các pháp” (*Pháp Cú*) hay “Tất cả do tâm tạo” (*Hoa Nghiêm*) để nói lên hoạt dụng vô cùng tận của tâm ý.

Khi một người chưa thiết lập được chánh niệm thì tâm ý họ luôn rong ruổi theo trần, vọng động không ngừng khi đối duyên xúc cảnh. Với một đời sống hưởng ngoại hoàn toàn, những người này rất dễ dàng bị ngoại cảnh cuốn hút, chi phối, vui buồn với những điều mắt thấy, tai nghe. Cũng vì thiếu hướng nội nên đời sống của họ dần dần trở nên rời rạc, đánh mất sự vững chãi, sâu lắng và nhất là đánh mất cơ hội quán sát sâu sắc vào bên trong những biểu hiện bình thường của cuộc sống để hiểu nhau hơn. Do vậy, Thế Tôn gọi những người này là dễ ước lượng, dễ đo lường vì tâm họ theo cảnh mà phơi bày hết ra ngoài qua tham vọng, tật đố, si mê và tất cả phiền não nói chung.

Đối với người biết trú niệm, luôn chánh niệm tỉnh giác và hộ trì các căn thì họ không dao động theo hoàn cảnh bên ngoài. Mặc dù tiếp xúc đầy đủ với mọi biến động của ngoại cảnh nhưng tâm họ vẫn bình an, bất động. Hạng người này luôn sống trong ung dung, tĩnh lặng mà sáng suốt tinh tường mọi sự. Không biểu hiện cảm xúc thái quá, an nhiên với mọi biến động nên khó mà biết được tâm ý của hạng người này.

Hạng người thứ ba, bậc A la hán đã diệt tận mọi lậu hoặc an trụ tâm siêu thế của các bậc Thánh nên không thể lấy suy xét phàm tình để đo lường, đánh giá hay “hiểu” được các ngài. Không chỉ loài người mà tất cả các loài khác như chư thiên, quỷ thần cũng không tìm ra dấu vết của những bậc đã an trụ tâm nơi vô sở trụ, thể nhập tánh Không, tuệ giác vô ngã. Do vậy, Thế Tôn mới gọi các bậc Thánh là không thể ước lượng.▲

4- RẤT KHÓ THỰC HIỆN

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại khu vườn ông Anàthapindika, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có hai sự tinh cần này rất khó thực hiện ở đời. Thế nào là hai? Sự tinh cần của các gia chủ ở nhà với mục đích bố thí các vật dụng như y phục, đồ ăn, sàng tọa và các dược phẩm trị bệnh. Và sự tinh cần của các người xuất gia từ bỏ gia đình sống không gia đình, với mục đích từ bỏ tất cả các sanh y. Hai sự tinh cần này, này các Tỷ kheo, rất khó thực hiện ở đời.

Trong hai sự tinh cần này, này các Tỷ kheo, tối thắng là tinh cần với mục đích từ bỏ tất cả sanh y. Do vậy, này các Tỷ kheo, các thầy cần phải học tập như sau: “Ta sẽ cố gắng tinh cần để từ bỏ tất cả các sanh y”. Như vậy, này các Tỷ kheo, các thầy cần phải học tập.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 2, phẩm Hình phạt, phần Hai loại tội [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.96)

LỜI BÀN:

Ở đời, tất nhiên có rất nhiều việc khó làm hoặc không thể làm. Điều đáng nói ở đây là có những việc trong tầm tay, không khó mấy để thực hành nhưng vì tập khí tham ái sâu dày che lấp nên thành ra không làm được. Đó là mở rộng vòng tay, sẻ chia trong tinh thần lá lành đùm lá rách hay quan trọng hơn là thanh tịnh cúng dường.

Cho đi là điều khó, vì nắm giữ là tập khí cố hữu của con người. Mới sinh ra trẻ sơ sinh đã nắm chặt hai bàn tay. Đến khi lớn lên, hai bàn tay ấy mới buông ra từ từ, tuy vậy có người vẫn nắm chặt

tất cả những gì mình có cho đến tận cuối đời.

Cho đã khó như thế nhưng siêng năng, cần mẫn thực hành việc đem cho quả là “rất khó thực hiện ở đời”. Thường thì người ta vẫn cho nhau nhiều thứ với những mục đích khác nhau (vì xót thương, vì danh, vì lợi...). Đa phần họ chỉ cho một chút dư thừa và có sự kêu gọi hoặc là chỉ cho một đôi lần, hiếm khi cho nhiều lần. Chỉ có những người nhận thức rõ ràng về vô thường đồng thời an vui và hạnh phúc tràn ngập khi đem cho mới siêng năng và bền bỉ trong việc bố thí, tức làm được việc khó làm.

Đối với người xuất gia, việc khó làm nhất là tinh cần từ bỏ tất cả các sanh y. Nghĩa là việc xây dựng chùa to Phật lớn, lập nên đạo tràng đông đảo, làm nhiều điều phúc thiện... đối với người xuất gia đã khó nhưng khó hơn và cần kíp hơn là thường xuyên nỗ lực, tinh cần tu tập để đoạn trừ phiền não, thành tựu giải thoát, Niết bàn. Thiết nghĩ, đây cũng là một tiêu chí quan trọng cho người xuất gia xác lập tôn chỉ, mục đích tu học của mình theo lời Phật dạy.▲

5- KHÔNG THỂ NGHĨ ĐẾN

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi, gọi các Tỷ kheo:

Có bốn điều này không thể nghĩ đến được, này các Tỷ kheo, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Thế nào là bốn?

Phật giới của các Đức Phật, này các Tỷ kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.

Thiền giới của người ngồi thiền, này các Tỷ kheo, không thể nghĩ được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.

Quả dị thực của nghiệp, này các Tỷ kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.

Tâm tư thế giới, này các Tỷ kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.

Có bốn điều này không thể nghĩ đến được, này các Tỷ kheo, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* I, chương IV, phẩm Không hý luận, phần Không thể nghĩ đến được, VNCPHVN ấn hành 1996, tr.706)

LỜI BÀN:

Con người dùng những giác quan và vô số công cụ hỗ trợ khác để nhận thức, khám phá thế giới khách quan cũng như ngay chính thân tâm của mình. Dù nhân loại ngày nay đã hiểu biết tường tận

rất nhiều lãnh vực nhưng không phải họ biết tất cả. Còn vô số công trình nghiên cứu đang bỏ dở, hy vọng sẽ hoàn tất trong tương lai. Quan trọng hơn, có bốn điều mà một người bình thường (với nghiệp lực của loài người) vĩnh viễn không bao giờ nhận thức được.

Trước hết là cảnh giới của chư Phật. Cảnh giới Chân như thực tướng của chư Phật vượt ra ngoài tâm thức ngã chấp hữu hạn của phàm phu nên mọi cố gắng của chúng ta để nhận thức về Chân như đều không thể. Như một người ngồi trong cái thùng rồi tìm cách nhấc cái thùng lên, vĩnh viễn không thể được.

Cảnh giới thiền định của các thiền giả cũng không thể nghĩ đến được. Từ Sơ thiền cho đến Tứ thiền hoặc cao hơn nữa là cảnh giới của thiền Vô sắc giới hoàn toàn khác biệt với tâm thức của con người (Dục giới) nên chúng ta không thể nhận thức được. Đó là chưa kể đến việc thiền giả an trụ tâm nơi vô trụ, vô tâm thì không chỉ con người mà ngay cả chư Thiên cũng không thể biết được.

Kế đến là quả nghiệp dị thực của chúng sanh, tức quá trình từ nghiệp nhân đến nghiệp quả với tác động và chi phối bởi vô vàn các mối tương hệ “trùng trùng duyên khởi”. Nhân-duyên-quả là một chu trình rất phức tạp và không đơn thuần là nhân nào thì quả nấy. Do vậy, quả nghiệp dị thực là điều mà phàm phu không thể biết và nghĩ đến được.

Sau hết là những suy nghĩ về thế giới. Thế giới hữu biên hay vô biên, hữu hạn hay vô hạn, tồn tại hay không tồn tại v.v... đều là những vấn đề khi được hỏi Thế Tôn đều im lặng, không trả lời. Đơn giản là Ngài không muốn cho người hỏi “có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ” trước những vấn đề không thể.

Chỉ khi nào tâm đạt đến thanh tịnh hoàn toàn, thành tựu tuệ giác vô ngã thì thực tướng các pháp tự hiển bày.▶

6- SANH LÀM NGƯỜI LÀ KHÓ

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Trùng Các giảng đường. Vào buổi sáng, Tôn giả Ananda đắp y, cầm bát vào thành khất thực. Sau bữa ăn, Tôn giả đi đến, đánh lễ Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, trên đường khất thực, con thấy rất nhiều thiếu niên Licchavi tập bắn cung, từ xa bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ, đuôi mũi tên này tiếp mũi tên khác, không sai trượt lần nào. Thấy vậy, con liền nghĩ: “Các thiếu niên Licchavi này, thật khéo luyện tập...”.

Ông nghĩ thế nào, này Ananda, cái gì khó làm hơn, từ xa bắn mũi tên xuyên qua đầu một sợi lông được chia nhỏ một trăm lần?

Bạch Đức Thế Tôn, bắn xuyên đầu một sợi lông được chia nhỏ một trăm lần là khó làm hơn.

Cũng vậy, này Ananda, ví như có người quăng một khúc gỗ có một lỗ hổng vào biển lớn. Tại đấy, có con rùa mù sau một trăm năm mới nổi lên một lần. Ông nghĩ thế nào, con rùa mù sau một trăm năm mới nổi lên một lần, có thể chui cổ vào lỗ hổng của khúc gỗ hay không?

Thật khó có thể được, bạch Thế Tôn.

Ta tuyên bố rằng con rùa mù ấy, sau một trăm năm mới nổi lên một lần, có thể chui cổ vào lỗ hổng của khúc gỗ còn nhanh hơn kẻ ngu, khi đã rơi vào đọa xứ để được sanh làm người trở lại.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 12, phẩm Vực thăm, phần Lỗ khóa, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.659)

LỜI BÀN:

Trừ các bậc Thánh, chẳng mấy ai có được sự tự chủ trong việc tự thân họ hiện hữu trên cõi đời. Đa phần, đều do nghiệp duyên của họ đã chín muồi ứng với phước báo làm người nên được sanh ra trong đời. Tưởng chừng đơn giản, nhưng theo tuệ giác của Thế Tôn, được sanh làm người là điều hy hữu, còn khó hơn con rùa mù sau một trăm năm mới ngoi lên mặt biển mà lọt cổ vào lỗ hổng của khúc cây lênh đênh trên đại dương.

Do vậy, thật bất hạnh cho những ai không thấy được điều hy hữu này. Tuy được làm người nhưng họ lại tự hủy hoại, đầu độc chính mình bằng cách tiếp nhận các tố chất độc hại, làm cho thân thể suy kiệt, tinh thần bại hoại, thậm chí có thể mất mạng.

Mặt khác, có người tuy giữ gìn được xác thân, nhưng lại theo tà kiến, mê tín lầm lạc, dẫn đến ác hạnh, bị đọa vào đường ác, rất khó mới được sanh làm người trở lại.

Thế mới biết, được sanh ra làm người, được tu học theo Chánh pháp là một phước báo lớn, cực kỳ hy hữu trong đời. Vì vậy, người con Phật phải biết trân quý thân mạng đồng thời tận dụng tất cả quý thời gian cho một đời người để làm việc có ích, hướng thượng nhằm thăng hoa cuộc sống trong đời này và đời sau.▶

7- DẠY CON NÊN NGƯỜI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, một tín nữ chơn chánh khuyên dạy đứa con trai độc nhất, đáng yêu, đáng mến của mình như sau:

“Này con thân yêu, hãy giống như gia chủ Citta, hãy giống như Hattaka ở Avala”. Các vị ấy là mẫu mực trong những đệ tử nam cư sĩ của Ta. “Này con thân yêu, nếu con xuất gia, hãy giống như Sàriputta và Moggalana”. Các vị ấy là mẫu mực trong những đệ tử Tỷ kheo của Ta.

Này các Tỷ kheo, một tín nữ chơn chánh khuyên dạy đứa con gái độc nhất, đáng yêu, đáng mến của mình như sau:

“Này con thân yêu, hãy giống như nữ cư sĩ Khujjutarà và Velukandakiyà, mẹ của Nanda”. Các vị ấy là mẫu mực trong những đệ tử nữ cư sĩ của Ta. “Này con thân yêu, nếu con xuất gia, hãy giống như Tỷ kheo ni Khema và Uppàlavanna”. Các vị ấy là mẫu mực trong những đệ tử Tỷ kheo ni của Ta.

“Này con thân yêu, chớ để cho lợi dắc, cung kính và danh vọng chạm đến người”.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ II*, chương 6, phẩm 3, phần Con trai-Con gái một [trích], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.408)

LỜI BÀN:

Người ta thường nói “cha mẹ sinh con, trời sanh tánh”, điều này có nghĩa tánh nết của con cái tùy thuộc vào nghiệp lực của nó, cha mẹ khó can thiệp vào.

Đành rằng tánh nết của con người phản ánh nghiệp lực của chính họ. Tuy nhiên, nghiệp cũng như các phương diện khác đều chịu sự chi phối của vô thường, biến đổi vì thế có thể chuyển hóa nó. Do vậy, ngoài sanh dưỡng thì giáo dục để định hướng nhân cách tốt cho con cái là trách nhiệm của các bậc cha mẹ. Nói cách khác, cha mẹ cần tham gia vào quá trình chuyển hóa nghiệp lực cho con cái. Đó chính là nội dung giáo dục cần yếu để tác thành nhân cách cho con cái nên người.

Có câu “dạy con từ thuở lên ba” nhưng thực tế thì cha mẹ đã dạy con từ thuở... mang thai và điều đó vẫn được duy trì cho đến lúc từ giã cõi đời. Theo tuệ giác của Thế Tôn, một trong những nội dung quan trọng của vấn đề giáo dục con cái là phải cảnh giác (nếu không nói là tránh xa) với mùi danh lợi. Bởi trên đời, lắm chuyện trở trêu, ngang trái và đấng cay cũng đều xuất phát từ đây. Đã không ít người, vì mãi chạy theo bả lợi danh nên biến chất, trở lì, vô cảm đành cam phản bội vong ân, bất hiếu bất mục...

Không chỉ cảnh giác, thận trọng không để mùi danh lợi chạm đến người, các bậc cha mẹ cần đề cao những tấm gương sáng như: Citta và Hattaka, Khujjatarà và Velukandakiyà, các vị nam nữ cư sĩ đức hạnh cho đến các bậc Thánh xuất chúng như Sàriputta và Moggalana, Khema và Uppàlavanna, cho con cái học tập, noi theo. Điều quan trọng nhất, chính nhân cách của cha mẹ sẽ ảnh hưởng sâu đậm đến con cái. Vì thế, muốn con nên người, cha mẹ cần nỗ lực để xứng đáng làm điểm tựa, là ngọn đuốc sáng soi đường cho con. ▀

IX. PHẠT VÀ THÁNH TÍCH

1- MỘT SỰ XUẤT HIỆN VI DIỆU

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, rừng Jetavana, dạy các Tỷ kheo:

Một người, này các Tỷ kheo, khi xuất hiện ở đời, đem lại hạnh phúc và an lạc cho số đông, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác.

Một người, này các Tỷ kheo, khi xuất hiện ở đời, là xuất hiện một người vi diệu, khó gặp được ở đời. Một người, khi xuất hiện ở đời, không hai, không có đồng bạn, không có so sánh, không có tương tự, không có đối phần, không có người ngang bằng, bậc tối thượng giữa các loài hai chân. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* I, chương 1, phẩm Một người, phần Như Lai [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.46)

LỜI BÀN:

Lâm Tỳ Ni ngày Thế Tôn đản sanh thật huy hoàng, tráng lệ. Trên trời, chư thiên trời nhạc, tung hoa. Mặt đất rúng động. Chim chóc ca hát. Cây cối nở hoa. Lòng người vô cùng hoan hỷ. Một đám rước linh đình, xa giá đưa thái tử hồi cung trong niềm hân hoan tột bậc của vương triều và thần dân Ca Tỳ La Vệ.

Ngài ra đời dưới cội Vô ưu, nơi không phiền muộn. Hoa sen tinh khiết không vướng lụy trần nâng bảy bước chân Ngài ca khúc khải hoàn “thiên thượng thiên hạ, duy ngã vi tôn”, bậc tôn quý trong trời đất. Chỉ có bậc Bồ tát Nhất sanh bồ xứ, thị hiện Đản sanh, thành Phật mới đủ phước đức và thần lực làm nên sự kiện hy

hữu này.

Ngài xuất hiện ở đời, thế giới reo vui, tin lành đến vạn nẻo. Thần dân không hề có lo sợ, không có cuộc bố ráp hay vây bắt nào và không có trẻ em nào sanh cùng thời bị giết hại... Chỉ có những nụ cười trên môi khi tin lành Đản sanh truyền đến, ngoại trừ những giọt nước mắt già nua, quéo quắt trên mặt tiên nhân A Tư Đà. Vừa cười lại vừa khóc, vì A Tư Đà mừng cho tương lai của thái tử và tủi phận mình kém phước không trụ thế đến ngày diện kiến Thế Tôn.

Không lâu sau, dưới cội Bồ đề, bên dòng sông Ni Liên Thiên, ngài trở thành đấng Giác ngộ, bậc tôn quý nhất, độc tôn ở đời. Bởi chỉ có thành tựu tuệ giác vô ngã, kết quả của thiền quán mới dẹp tan vô minh, vượt ra khỏi mọi sự kềm tỏa của ác ma, giải thoát hoàn toàn mọi chi phối của phiền não, sanh tử. Thế Tôn là bậc Thiên nhân sư, thầy của trời người. Không chỉ loài người được ân hưởng tuệ giác Bát nhã soi đường hướng đến và chúng đạt giải thoát mà ngay cả Thiên chủ, vị thần linh tối thượng cùng với thiên chúng cũng đều quy ngưỡng, nương tựa.

Ngày nay, nhân loại đều ghi nhận những giá trị tuệ giác của Đạo Phật trong việc thiết lập hòa bình. Hóa giải những mâu thuẫn, xung đột trong nội tâm mỗi cá nhân, giữa các đoàn thể, cộng đồng, sắc tộc, tôn giáo và các quốc gia trên toàn thế giới đang là nhu yếu vô cùng quan trọng. Cội rễ của những xung đột, tranh chấp, nguồn gốc của mọi khổ đau đều phát xuất từ chấp ngã. Vì thế, vô ngã là tuệ giác vĩ đại có thể cứu tinh cho nhân loại. Cho nên Thế Tôn, bậc đã vượt thoát ngã chấp, thấy rõ như thật về tính Không của vạn pháp, thành tựu tuệ giác vô ngã, xóa sạch tham sân si và chấp thủ, xứng đáng được trời người xưng tán.▲

2- NGƯỜI MANG HẠNH PHÚC CHO NHÂN LOẠI

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, rừng Jetavana, dạy các Tỷ kheo:

Có một người, này các Tỷ kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đưa lại bất hạnh cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Một người ấy là ai? Người có tà kiến, người có điên đảo kiến. Người ấy làm cho số đông xa lìa diệu pháp, an trú phi pháp. Chính một người này, này các Tỷ kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đưa lại bất hạnh cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người.

Có một người, này các Tỷ kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đưa đến hạnh phúc cho đa số, lợi ích cho đa số, đưa đến hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Một người ấy là ai? Người có chánh kiến, người không có điên đảo kiến. Chính một người này, này các Tỷ kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đưa đến hạnh phúc cho đa số, lợi ích cho đa số, đưa đến hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 1, phẩm Makkhali, phần Một pháp [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.71)

LỜI BÀN:

Lịch sử nhân loại từng ghi nhận rằng, có những người, khi mới ra đời đã mang đến tai họa cho dân chúng trong vùng. Ngược lại, có những người khi mới sanh ra đã là tín hiệu tốt lành, an vui, thịnh vượng cho đất nước, dân chúng và muôn loài.

Theo tuệ giác Thế Tôn, người có chánh kiến xuất hiện ở đời mới

thực sự cố gắng hiến cho xã hội niềm an lạc và hạnh phúc. Chánh kiến tức thấy biết đúng như thật về bản chất của con người, cuộc đời và thế giới. Con người là tổ hợp của năm uẩn, chịu sự chi phối của sanh già bệnh chết, do vậy thân này vô thường và vô ngã. Cuộc đời phần lớn là những bất toàn, không như ý nên bị những nỗi khổ doanh vầy. Và thế giới thì giả có như mộng huyễn vì vạn sự vạn vật đều do nhân duyên mà sanh khởi. Đây là những sự thật, không ai có thể thay đổi được những chân lý khách quan này. Và, với những hiểu biết như thế, chúng ta sẽ sống mà không quá cố chấp, tham lam, sống vì mình đồng thời biết buông xả, sống vì người, cho người, thân tâm luôn thanh thản, nhẹ nhàng.

Trong những cộng đồng có càng nhiều người hiểu biết và hành xử với tuệ giác chánh kiến như thế thì cộng đồng ấy càng có nhiều an lạc và hạnh phúc. Ngược lại, những người chỉ hăm hở vun đắp cho cá nhân với nhiều tham vọng, thù oán và vô minh thì chắc chắn họ sẽ mang đến nhiều bất an cho trụ xứ, đoàn thể của họ. Nguyên nhân chủ yếu đưa đến bất hạnh chính là không có chánh kiến, thiếu tuệ giác, không thấy được sự thật nên nhận lầm những điều hư giả mà cho là chân thật. Chính vì thế họ trở nên mê tín (tin không đúng với sự thật), bám víu, chấp thủ đồng thời gây tạo khổ đau cho mình và người.

Thế Tôn đã thành tựu chánh kiến và Ngài đã mang đến hạnh phúc, an vui cho đời. Chúng ta, những người đệ tử Phật, noi gương Ngài thực tập và thành tựu chánh kiến để kiến tạo hạnh phúc cho mình và xã hội.▲

3- SỰ XUẤT HIỆN CỦA MẮT LỚN

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, rừng Jetavana, tại khu vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn bảo các Tỷ kheo:

Một người, này các Tỷ kheo, khi xuất hiện ở đời, là sự xuất hiện của mắt lớn, là sự xuất hiện của đại quang, là sự xuất hiện của đại minh, là sự xuất hiện của sáu vô thượng, là sự chứng ngộ bốn vô ngại giải, là sự thông đạt của nhiều giới, là sự thông đạt của các giới sai biệt, là sự chứng ngộ của mình và giải thoát, là sự chứng ngộ quả Dự Lưu, là sự chứng ngộ quả Nhất Lai, là sự chứng ngộ quả Bất Lai, là chứng ngộ quả A-la-hán. Của một người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 1, phẩm Một người, phần Như Lai [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.48)

LỜI BÀN:

Thế Tôn xuất hiện nơi đời là một sự kiện hiếm có, chưa từng có, như hoa Ưu đàm tương truyền 3.000 năm mới nở một lần. Ngài là Phật nhưng cũng là một con người, một người vi diệu. Vi diệu là vì Ngài đã trải qua vô lượng kiếp hành Bồ tát đạo, từ địa vị chúng sanh Ngài bước lên tôn vị Chánh đẳng Giác, giác ngộ hoàn toàn, phước trí trang nghiêm, trời người đều cung kính. Ngài có mặt ở đời là sự xuất hiện của mắt lớn, thấu suốt khắp cả thế gian bằng tuệ giác vô ngã vĩ đại.

Trước Thế Tôn, tư tưởng Vệ-đà thống trị xã hội Ấn Độ cổ đại, làm tê liệt não trạng con người với niềm tin mù quáng vào quyền năng sáng tạo của Phạm Thiên (Brahma). Mỗi con người hiện hữu trên

thế gian với một hoàn cảnh riêng là do ý muốn của Phạm Thiên. Mọi sự vật sinh thành hoại diệt cũng không ngoài tôn ý của đấng Tối cao, giữ quyền năng sáng tạo. Con người không thể thay đổi số phận và càng không thể chuyển hóa thân tâm, nói chung là không thể “bẻ nạng chống trời” mà chỉ cúi đầu tuân phục và làm đẹp lòng Phạm Thiên thông qua tế lễ và cầu nguyện.

Khi mắt lớn Thế Tôn xuất hiện, bằng tuệ giác của bậc đã giác ngộ và giải thoát, Ngài chỉ rõ cho nhân loại rằng không hề có sự sáng tạo của các đấng thiêng liêng ở trên trời. Đó chỉ là một sự ám ảnh tập thể của nhóm người chỉ biết tin mà không cần hiểu, không muốn thấy. Thực chất sự sinh thành và hoại diệt của vạn pháp là do duyên sanh. Đủ duyên thì sinh ra, có mặt và hết duyên thì tan hoại, biến mất mà không cần có sự sáng tạo của bất cứ thế lực siêu nhiên nào.

Con người cũng vậy, hoàn toàn không phải do Phạm Thiên hay các đấng thiêng liêng sinh ra và có toàn quyền chi phối thân phận của họ. Với tuệ giác của mắt lớn, Thế Tôn khẳng định mỗi người có mặt trên đời với một hoàn cảnh và thân phận khác nhau là do nghiệp của chính họ, không do bất kỳ ai khác chi phối hay tham dự vào. Và nghiệp có thể chuyển được, nếu cá nhân biết hướng các suy nghĩ, lời nói và hành vi của tự thân về nẻo thiện.

Cho nên, mỗi người “Hãy tự mình thấp đước lên mà đi”. Hãy thấp sáng đời mình bằng Chánh pháp với tuệ giác vô ngã để xua tan vô minh tăm tối. ▀

4- TÔN GIẢ ĐẠI CA DIẾP

Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana. Rồi Tôn giả Mahà Kassapa (Đại Ca Diếp) đi đến đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Mahà Kassapa:

Này Kassapa, ông đã già rồi, như những tấm vải gai thô cũ nát đáng được quăng bỏ. Vậy này Kassapa, hãy mang những y áo do các gia chủ cúng, thọ dụng các món ăn được mời và ở gần bên Ta.

Bạch Thế Tôn, con là người đã lâu ngày sống ở rừng, đi khát thực, mang y phấn tảo, sống thiếu dục tri túc, không giao thiệp và thương tình cần.

Này Kassapa, ông thấy có lợi ích gì mà đã lâu ngày sống ở rừng, đi khát thực, mang y phấn tảo, sống thiếu dục tri túc, không giao thiệp và thương tình cần?

Con thấy có hai lợi ích, tự mình được an lạc và vì lòng từ mẫn mong rằng chúng sanh sẽ học tập theo... nếu thực hành được như vậy trong một thời gian dài họ sẽ sống an lạc, hạnh phúc.

Lành thay, Kassapa. Ông thực hành như vậy vì lợi ích cho chúng sanh, vì lòng từ mẫn với đời, vì an lạc cho chư Thiên và loài người.

Vậy này Kassapa, hãy mang vải gai thô đáng được quăng bỏ. Hãy sống khát thực và trú ở trong rừng.

(ĐTKVN, *Tương Ưng* II, chương 5, phần Trở về già, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.348)

LỜI BÀN:

Khi Thế Tôn và ngài Đại Ca Diếp về già, theo tháng năm cả hai

ngài đều không còn khỏe mạnh như xưa. Và đã nhiều lần Thế Tôn mời Ca Diếp về tinh xá, nơi có đời sống ổn định, thích hợp với tuổi già hơn ở rừng, thế mà Trưởng lão Ca Diếp đều từ chối.

Xuất thân là một Bà la môn giàu có, từ lúc mới xuất gia ngài đã phát tâm khổ hạnh, nguyện sống phạm hạnh, thiếu dục và tri túc. Cho đến lúc về già, Trưởng lão vẫn chọn đời sống khổ thực, mang y phấn tảo thô rách, sống lang thang trong những khu rừng cô tịch đến cuối đời.

Điều gì đã giúp Tôn giả Ca Diếp thực hành phạm hạnh viên mãn? Tự thân ngài đạt được an lạc và mục đích của đời sống phạm hạnh là pháp thoại sống động, thuyết phục nhất để chúng sanh học tập, noi theo. Ngài xứng đáng được tôn xưng bậc Thánh đệ nhất phạm hạnh từ nội tâm giải thoát cho đến cuộc sống đời thường.

Dù môi trường tu tập và hoằng hóa của chư Tăng ngày nay đã khác xưa nhưng tấm gương sáng về phạm hạnh của Trưởng lão Ca Diếp vẫn là điều tối cần cho chúng ta học tập. Sự sung mãn vật chất, tiện nghi thật cần thiết cho chúng ta thực thi Phật sự, song phẩm chất phạm hạnh và tuệ giác mới là chất liệu đích thực để tác thành nên nhân cách của những người con Phật đúng nghĩa. ▀

5- CHIÊM BÁI THÁNH TÍCH

Một thời Thế Tôn trú tại Kusinàrà, rừng Sàlà dạy Tôn giả Ananda:

Này Ananda, có bốn Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Thế nào là bốn?

“Đây là chỗ Như Lai đản sanh”, “Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác”, “Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng”, “Đây là chỗ Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết bàn”.

Này Ananda, đó là bốn Thánh tích, kẻ thiện tín cư sĩ cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Này Ananda, các thiện tín Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, nam nữ cư sĩ sẽ đến với niềm suy tư: “Đây là chỗ Như Lai đản sanh”, “Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác”, “Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng”, “Đây là chỗ Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết bàn”.

Này Ananda, những ai trong khi chiêm bái những Thánh tích mà từ trần với tâm thâm tín hoan hỷ, thời những vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh cõi thiện thú, cảnh giới chư Thiên.

(ĐTKVN, *Trường Bộ I*, kinh Đại Bát Niết Bàn [lược], VNCPHVN ấn hành, 1991, tr.643)

LỜI BÀN:

Bốn di tích cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp tu tập và độ sanh của Đức Thế Tôn bao gồm: Lumbini (Lâm Tỳ Ni), nơi Thế Tôn đản sanh; Bodhgaya (Bồ Đề đạo tràng), nơi Thế Tôn thành đạo; Isipatana (Vườn Nai), nơi Thế Tôn chuyển Pháp luân; Kusinara

(Câu Thi Na), nơi Thế Tôn nhập Niết bàn.

Theo thời gian, trải dài hơn hai mươi lăm thế kỷ, bốn Thánh tích về cảnh quan cũng nhạt nhòa, phai mờ và vô thường cùng năm tháng. Tuy nhiên, về phương diện tâm linh, nguồn mạch tuệ giác và từ bi của Thế Tôn vẫn còn dào dạt làm rúng động tâm hồn khách hành hương. Khách hồng trần chợt sực tỉnh cơn trường mộng thế thường khi đến Thánh tích, bởi ẩn hiện đâu đây cảnh quan huy hoàng ngày Thế Tôn giáng thế, ngời sáng hào quang tuệ giác của đêm thành đạo dưới cội Bồ đề, vang vọng mệnh mang pháp âm trầm hùng Chuyển pháp luân và khung cảnh bi tráng đến ngập trời đêm Phật Niết bàn nơi rừng thiêng Ta la song thọ.

Không phải ngẫu nhiên mà những người con Phật từ khắp nơi trên thế giới đều hướng về Ấn Độ, đất Phật. Hành hương về xứ Phật để chiêm bái những Thánh tích là ao ước, khát vọng của nhiều Phật tử. Tận trong sâu thẳm nơi tấm lòng mỗi người con Phật ai cũng mong mỗi được ít nhất một lần trong đời chiêm ngưỡng và lễ bái bốn Thánh tích, để tiếp nhận thêm niềm tin, sức sống và năng lượng yêu thương từ tuệ giác Thế Tôn. Đặc biệt là phước báo thù thắng từ việc chiêm bái Thánh tích mà Đức Thế Tôn đã huyền ký rằng, nếu ai đã từng một lần chiêm bái Thánh tích rồi từ trần trong thâm tín hoan hỷ thì được sanh về cõi lành.

Thật phước báo cho những người con Phật nào đã từng chiêm bái Thánh tích. Trở về xứ Phật cũng chính là tìm về cội nguồn tâm linh của chính mình. Tuy vậy, pháp thân Phật có mặt ở khắp nơi, nếu người con Phật nào không hội đủ thắng duyên để đến chiêm bái Thánh tích nơi xứ Phật thì chúng ta hãy hướng về Pháp thân, chiêm bái và đánh lễ Phật tâm thanh tịnh của chính mình.▲

6- TỬ ĐỘNG TÂM

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, gọi các Tỷ kheo:

Có bốn trú xứ, này các Tỷ kheo, khi một tín nam nhìn thấy cần phải xúc động mãnh liệt. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ kheo, chỗ Như Lai sanh. Đây là trú xứ khi một tín nam nhìn thấy, cần phải xúc động mãnh liệt. Ở đây, này các Tỷ kheo, chỗ Như Lai giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác. Đây là trú xứ khi một tín nam nhìn thấy, cần phải xúc động mãnh liệt. Ở đây, này các Tỷ kheo, chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng. Đây là trú xứ khi một tín nam nhìn thấy, cần phải xúc động mãnh liệt. Ở đây, này các Tỷ kheo, chỗ Như Lai nhập Niết bàn. Đây là trú xứ khi một tín nam nhìn thấy, cần phải xúc động mãnh liệt.

Có bốn trú xứ này, một tín nam khi nhìn thấy, cần phải xúc động mãnh liệt.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 4, phẩm Kesi, phần Xúc động, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.44)

LỜI BÀN:

Động tâm là tâm xúc động mãnh liệt, tình cảm tôn giáo của tín đồ vỡ òa trước những Thánh tích. Tứ động tâm là bốn Thánh tích Phật giáo thiêng liêng, nơi ghi dấu Đức Thế Tôn đản sanh, thành đạo, chuyển pháp luân và thị hiện Niết bàn. Mỗi lần hành hương chiêm bái các nơi này, hình ảnh Đức Phật, Thánh chúng và các hoạt động tu tập hàng ngày của Tăng đoàn thời Thế Tôn còn tại thế lại được tái hiện trong tâm khảm, khiến cho tâm bị chấn

động, cảm xúc trào dâng mãnh liệt. Và hầu hết Tăng Ni, Phật tử đều không cầm được nước mắt khi chiêm bái các Thánh tích này.

Mặc dù đạo Phật luôn đặt nặng vấn đề thành tựu tuệ giác nhưng có điều mà chúng ta không thể ngờ là nhờ những cảm xúc tôn giáo thiêng liêng ấy mà nhiều khách hành hương được chuyển hóa, được Tam bảo gia hộ. Không ít người sau khi chiêm bái Phật tích trở về đã thay đổi tâm tính rõ rệt, tinh tấn tu học và từ bi hỷ xả nhiều hơn. Có lẽ vì thế nên trước lúc nhập Niết bàn, Thế Tôn đã căn dặn môn đệ nhiều vấn đề, đặc biệt trong đó có hành hương chiêm bái Tứ động tâm.

Quan trọng hơn, pháp thoại này Thế Tôn đã nhấn mạnh sự lưu tâm đến hàng nam cư sĩ, thậm chí gọi họ là “tín nam”, vị nam cư sĩ có lòng tin, trong khi bình thường Thế Tôn gọi họ là thiện nam (người con trai lành so với tín nữ). Như vậy, ngoài lý trí, nền tảng của niềm tịnh tín Tam bảo thì tình cảm cũng là một trong những yếu tố quan trọng để giúp con người hướng thiện, thăng hoa. Cảm xúc trào dâng trước các Thánh tích của khách hành hương là một tín hiệu lành cho thấy những hạt giống thiện đang nảy mầm, đơm bông và kết trái.▶

7- DI HUẤN SAU CÙNG

Một thời Thế Tôn trú ở Vesàli, dạy các Tỷ kheo:

Này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác. Này Ananda, thế nào là vị Tỷ kheo hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác?

Này Ananda, ở đời, vị Tỷ kheo, đối với thân quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời; đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời. Này Ananda, như vậy vị Tỷ kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác.

Này Ananda, những ai sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một pháp gì khác, những vị ấy, này Ananda, là những vị tối thượng trong hàng Tỷ kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.

(ĐTKVN, *Trường Bộ I*, kinh Đại Bát Niết Bàn [trích], VNCPHVN ấn hành, 1991, tr.584)

LỜI BÀN:

Trước khi Thế Tôn nhập Niết bàn, một trong những di huấn quan trọng sau cùng của Ngài cho hàng đệ tử là hãy nương tựa vào chính mình, dùng ngọn đèn Chánh pháp để soi sáng cho cuộc đời của mình, không nương tựa vào bất cứ điều gì khác. Vì thế, mỗi người con Phật trong sự nghiệp tu hành luôn tâm niệm “Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi”. Không hề ỷ lại hay dựa dẫm vào bất cứ thế lực nào ở bên ngoài. Quá trình chuyển hóa thân tâm hướng đến thanh tịnh, an lạc là do sự nỗ lực của tự thân dưới ánh sáng của ngọn đèn Chánh pháp.

Giáo pháp của Thế Tôn thì quá bao la, đồ sộ nhưng cốt tủy vẫn là tu tập Tứ niệm xứ. Thế Tôn cũng từng dạy “Đây là con đường duy nhất đưa đến chứng đạt và an trú Niết bàn”. Quán thân, thọ, tâm và pháp để nhiếp phục tham ái, ưu bi ở đời là hành trang căn bản, vô cùng cần thiết để chứng đạt giải thoát. Dù tu tập theo bất cứ pháp môn hay truyền thống Phật giáo nào thì vẫn không thể thiếu nội dung Tứ niệm xứ. Vì lẽ ấy, Thế Tôn đã xác định những ai thiết tha học hỏi và hành trì Tứ niệm xứ là “những vị tối thượng trong hàng Tỷ kheo của Ta”.

Ngọn đèn Chánh pháp Tứ niệm xứ hiện vẫn còn lưu truyền, giảng dạy và thực hành. Tứ niệm xứ là pháp môn thực hành, ứng dụng rất linh hoạt và có tác dụng trị liệu, chuyển hóa thân tâm rất thiết thực, sâu sắc. Như Lai đã trao cho chúng ta ngọn đèn, vấn đề là phải tự thắp sáng đời mình để phá tan hôn ám của vô minh.▲

X. THÂN NGHIỆP

1- SÁT SANH - LỢI BẮT CẬP HẠI

Một thời, Thế Tôn đang du hành giữa dân chúng Kosala cùng đại chúng Tỷ kheo. Trong khi đi đường, Ngài thấy một người đánh cá, sau khi bắt cá, giết cá và đang ngồi bán cá. Thấy vậy, Thế Tôn liền bảo các Tỷ kheo:

Các Thầy nghĩ thế nào, này các Tỷ kheo, các Thầy có thấy hay nghe như sau: “Một người đánh cá, bắt cá, giết cá và đang bán cá; do nghiệp ấy, do mạng sống ấy được thọ hưởng hay được sống giữa các tài sản lớn?”.

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Này các Tỷ kheo, các Thầy nghĩ thế nào, có thấy hoặc nghe như sau: “Người đồ tể, sau khi giết các con dê, heo, bò... các loài thú rừng, giết rồi đem đi bán; do nghiệp ấy, do mạng sống ấy được thọ hưởng hay được sống giữa các tài sản lớn?”.

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Lành thay, này các Tỷ kheo! Ta cũng không thấy, cũng không nghe người đồ tể, sau khi giết các con dê, heo, bò... được hưởng, được sống giữa các tài sản lớn. Vì sao? Vì người đồ tể giết các loài thú, với ác ý nhìn các loài thú bị giết; vì vậy người ấy không được hưởng, được sống giữa các tài sản lớn. Hưởng gì người với ác ý nhìn loài người bị giết, bị đem đi giết hại. Này các Tỷ kheo, như vậy là bất hạnh, đau khổ lâu dài cho vị ấy, sau khi mạng chung sanh vào đọa xứ, ác thú và địa ngục.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* III, chương 6, phẩm Cần phải nhớ, phần Con cá, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.42)

LỜI BÀN:

Trong cuộc sống, mỗi người có một công việc, một nghề nghiệp riêng. Mặc dù, không có công việc nào là thấp hèn khi công việc ấy góp phần xây dựng và phát triển xã hội. Tuy nhiên, xét về phương diện tác nghiệp thì những nghề như đồ tể, đao phủ là những nghề tạo ra ác nghiệp, không có lợi ích cho tự thân ở đời này và đời sau.

Khi chọn việc giết hại làm nghề thì sự thuần thực nghề nghiệp sẽ làm cho hành động giết hại ngày càng thiện nghệ. Năng suất lao động tăng lên thì số lượng chúng sanh bị giết càng cao. Sự rèn luyện nhằm nâng cao tay nghề cùng với việc gia tâm học hỏi, nghiên cứu đã làm cho nghiệp giết ngày càng được tích lũy, nhuần nhuyễn và nặng nề thêm.

Điều quan trọng khác mà không mấy ai để ý là nghề giết hại tạo ra tâm lý thích giết, vui khi thấy bị giết, không hề ghê sợ cảnh vấy máu, tàn sát và chết chóc. Công nghệ giải trí hiện đại cũng góp phần đầu độc ác tâm con người bằng các thể loại phim kinh dị, game bạo lực v.v... Từ tâm lý đó, dễ dàng dẫn người ta đến hành vi giết người mà không hề run sợ.

Đã đến lúc nhân loại cần thức tỉnh để xét lại quan điểm “vật dưỡng nhơn” của mình. Chính sự giết hại, tàn sát sinh vật một cách dã man để cung cấp thực phẩm và thỏa mãn lợi nhuận đã tạo ra sự mất cân bằng sinh thái. Đồng thời, sự sát hại, ưa thích giết hại là nguyên nhân sâu xa của chiến tranh, khủng bố, xung đột, bạo lực và hận thù trên toàn cầu.

Vi lẽ ấy, người Phật tử không giết hại, không tán đồng việc giết hại, cực lực phản đối mọi hành vi giết hại đồng thời phát triển từ tâm, bảo vệ mọi sự sống. Nếu có nghề nghiệp khác thì không làm nghề giết hại; nếu đang làm nghề giết hại mà chưa thể giải nghệ được thì phải nhận thức sâu sắc ác nghiệp đang làm để tìm cách từ bỏ. Làm được như vậy, người Phật tử đã sống và thực hành theo lời Phật dạy. ▀

2- QUẢ BÁO CỦA NGHIỆP GIẾT

Một thời, Thế Tôn trú ở Ràjagaha. Lúc bấy giờ, Tôn giả Lakkhana và Tôn giả Moggallàna trú ở núi Linh Thứu. Rồi Tôn giả Moggallàna khi từ núi Linh Thứu bước xuống, đi qua một chỗ, liền mỉm cười.

Thấy vậy, sau khi khát thực xong, hai vị đi đến đánh lễ Thế Tôn, Tôn giả Lakkhana hỏi Tôn giả Moggallàna: Do nhân gì, duyên gì khi từ núi Linh Thứu bước xuống, Tôn giả lại mỉm cười?

Này Tôn giả Lakkhana, khi tôi từ núi Linh Thứu bước xuống, tôi thấy một bộ xương đang đi trên trời. Các con kên kên, quạ và chim ưng đuổi theo cắn mổ nó và nó kêu lên đau đớn. Thấy vậy, tôi suy nghĩ như sau: “Thật vi diệu thay! Một kẻ như vậy lại trở thành một chúng sanh như vậy, một dạ xoa như vậy, một tự ngã như vậy”.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Chúng sanh ấy, này các Tỷ kheo, là một đồ tể giết trâu bò ở Ràjagaha này. Do nghiệp của người đó thuần thực, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm và với quả báo còn lại người đó cảm thọ với một tự ngã như vậy.

(ĐTKVN, *Tương Ưng II*, chương 8, phẩm 1, phần Đổng xương [lược], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.445)

LỜI BÀN:

Tội báo của nghiệp nhân giết hại chúng sanh, nhất là hành vi giết người phải gánh chịu nhiều thống khổ, đọa đày lâu dài trong địa ngục. Chưa hết, sau khi mãn phần thọ báo nơi địa ngục, chúng

sanh ấy được sanh lên nọ quý, bần sanh hoặc làm người nhưng còn in hằn dấu vết của nghiệp sát nên chịu nhiều bệnh tật, đau đớn, bị tai nạn và yếu mạng.

Nhân quả của nghiệp giết hại rất phân minh và rõ ràng. Quan sát cuộc sống quanh ta với vô vàn dị biệt về lẽ sinh tử để nhận ra phần nào sự vận hành của nghiệp. Có những cái chết khi đang còn trong trứng nước hoặc mới mở mắt chào đời. Không ít những mái đầu xuân xanh đã vĩnh viễn nằm xuống trong chiến tranh, các vụ xung đột đẫm máu, những tai nạn... Trong khi chết già và ra đi trong an lành là một phước báo mà không phải ai mong muốn cũng đạt được.

Nếu dư báo của nghiệp nhân giết hại không lớn đến nỗi phải yếu mạng thì thường chịu nhiều bệnh tật, đau đớn dai dẳng về thể xác. Có nhiều người, cuộc đời của họ gắn liền với bệnh viện và thuốc thang. Tai này chưa qua thì nạn khác đã đến, có khi phải chịu bệnh hoạn, tật nguyên suốt cả cuộc đời. Trong khi, có không ít người luôn khỏe mạnh và nếu có bệnh tật gì cũng nhanh chóng qua khỏi... Tất cả những biểu hiện liên quan đến sức khỏe và thọ mạng của một người đã phản ánh rõ nét nghiệp nhân người ấy đã gây tạo trong quá khứ và trong hiện tại, đời này.

Nghiệp báo sát sanh nặng nề như vậy nên những người con Phật luôn tôn trọng và bảo vệ sự sống. Thực tập ăn chay, mở rộng lòng từ, không giết hại chúng sanh và nỗ lực phóng sanh là cách gieo trồng phước báo tốt đẹp cho đời này và đời sau.▶

3- SÁT SANH ĐỌA ĐỊA NGỤC

Một thời, Thế Tôn trú ở Ràjagaha dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, đầy đủ ba pháp này, tương xứng như vậy, bị rơi vào địa ngục. Thế nào là ba?

Tự mình sát sanh, khích lệ người khác sát sanh, tùy hỉ sự sát sanh. Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ kheo, tương xứng như vậy, bị rơi vào địa ngục.

Này các Tỷ kheo, đầy đủ ba pháp này, tương xứng như vậy, được sanh thiên giới. Thế nào là ba?

Tự mình từ bỏ sát sanh, khích lệ người khác từ bỏ sát sanh, tùy hỉ sự từ bỏ sát sanh. Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ kheo, tương xứng như vậy, được sanh thiên giới.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Lôa thể, phần Sát sanh, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.546)

LỜI BÀN:

Ác tâm bức hại đồng loại và giết hại chúng sanh là tập khí sâu dày, vốn hằn sâu trong tâm thức của nhiều người. Những biểu hiện gây chiến, khủng bố, bạo lực luôn xảy ra trên thế giới ngày nay là thách thức không nhỏ cho toàn thể nhân loại. Cùng với việc giết hại súc vật hàng loạt làm thực phẩm cũng như hủy hoại môi sinh, săn bắt những loài thú quý hiếm khiến nhiều loài động vật tuyệt chủng đã dẫn đến nguy cơ phá vỡ cân bằng sinh thái, đe dọa sự sống con người.

Tàn hại sự sống dù là con người, sinh vật hay môi trường tự nhiên đều là làm ác. Cái ác này thể hiện nơi hành vi tự mình trực tiếp sát hại hoặc sai khiến, xúi giục, khuyến khích, ca ngợi người khác sát hại và vui vẻ, ưa thích, tán đồng đối với sự giết hại. Nói cách

khác là trên cả ba phương diện thân miệng ý đều tạo nghiệp giết hại. Vì nhân ác giết hại luôn tràn ngập trong tư tưởng, lời nói và hành vi nên những người này khó tránh khỏi quả báo địa ngục. Và không cần chờ đến sự đọa lạc vào địa ngục trong lục đạo bởi “địa ngục trần gian” luôn hiện hữu ngay trước mắt đối với những người ác, chuyên gây hấn, sẵn sàng chém giết, xung đột...

Do đó, để thiết lập bình an cho mỗi người và xây dựng hòa bình trên toàn thế giới, nhân loại cần thực tập hạnh nguyện không sát sanh; nguyện từ bỏ giết hại, ca ngợi sự từ bỏ giết hại và vui vẻ với tất cả sự chấm dứt giết hại. Đồng thời, mỗi cá nhân cần tu tập rải tâm từ, thực hành ăn chay và nhất là thiền quán nhân duyên nhằm thấy rõ mối liên hệ chặt chẽ giữa con người, chúng sinh, thiên nhiên là bất khả phân để tôn trọng và giữ gìn sự sống cho mọi người, mọi loài.

Bình an cho mình cũng chính là bình an cho mọi người và mọi loài khác và ngược lại là một tuệ giác. Và chính tuệ giác này là nền tảng để xây dựng hạnh phúc trong hiện tại và vị lai. ▀

4- NGUY HẠI CỦA LƯỜI BIẾNG

Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana. Bấy giờ, Singālaka, gia chủ tử, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, chấp tay đánh lễ sáu phương.

Rồi Thế Tôn, buổi sáng vào thành Vương Xá khát thực, sau khi dạy Singālaka về ý nghĩa đánh lễ sáu phương, Ngài dạy thêm:

Này gia chủ tử, quen thói lười biếng có sáu nguy hiểm: “quá lạnh”, không làm việc; “quá nóng”, không làm việc; “quá trễ”, không làm việc; “quá sớm” không làm việc; “quá đói”, không làm việc; “quá no”, không làm việc. Trong khi những công việc phải làm thì không làm. Tài sản chưa có không xây dựng nên, tài sản đã có thì bị tiêu tán.

Này gia chủ tử, quen thói lười biếng có sáu nguy hiểm như vậy.

(ĐTKVN, *Trường Bộ II*, kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt [trích], VNCPHVN ấn hành, 1991, tr 534)

LỜI BÀN:

Ai cũng biết, lười biếng là một tật xấu. Biếng nhác là một trong những nguyên nhân dẫn đến đói nghèo, trì trệ, lạc hậu và làm gia tăng các tệ nạn xã hội. Trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội, muốn thành công phải dẹp tan sự lười biếng, tích cực làm việc, nhận chân giá trị cao quý của lao động.

Khi sức khỏe không được tốt, uể oải và mệt mỏi phát sinh. Đây là phản ứng ức chế của cơ thể, không phải thói biếng nhác, cần nghỉ ngơi để phục hồi sức khỏe. Nhưng lúc mạnh khỏe lại không thích làm việc cùng với tâm lý ưa làm chơi mà ăn thiệt, xem

thường lao động chính là thói lười biếng. Vì thế, những người lười biếng, thường tìm mọi lý do để trốn tránh lao động như nắng nghỉ, mưa ngủ, mát trời thì đi chơi...

Trong khi miệng ăn thì núi lở. Có cửa ăn cửa để to như ngọn núi mà chỉ ăn không ngồi rồi thì núi của ấy cũng sập, hưởng gì những kẻ trắng tay. Cũng chính vì nắng không ưa, mưa không chịu, viện đủ duyên cớ: quá lạnh, quá nóng, quá sớm, quá trễ, quá đói hay quá no... để nghỉ ngơi nên nghèo khổ, tệ nạn mới tràn lan.

Xã hội tôn vinh, ca ngợi lao động là vinh quang; nhà tư tưởng thì cho rằng lao động là cơ sở của tiến hóa; nhà Thiển luôn đề cao lao động, một ngày không làm thì một ngày không ăn..., mới biết giá trị của lao động. Người con Phật cần nhận thức sâu sắc lời dạy của Thế Tôn về sáu nguy hiểm của thói lười biếng để khắc phục. Nhất là giới trẻ, suy ngẫm về trách nhiệm của mình trước sự nghiệp của bản thân, trước sứ mạng phát triển của đất nước và tương lai của thế giới để vượt lên sự biếng nhác của tự thân bằng cách thực hành tinh tấn, “những điều tốt chưa sanh làm cho phát sanh, nếu đã sanh làm cho tăng trưởng; những điều xấu chưa sanh không cho phát sanh, nếu đã sanh phải làm cho đoạn diệt”.▶

5- QUÁN THÂN BẤT TỊNH

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, ví như một ung nhọt đã trải nhiều năm. Nó có chín miệng vết thương, có chín miệng nứt rạn. Từ đấy có cái gì chảy ra? Chắc chắn bất tịnh rỉ chảy, chắc chắn hôi thối rỉ chảy, chắc chắn nhàm chán rỉ chảy.

Ung nhọt, này các Tỷ kheo, là đồng nghĩa với thân này do bốn đại tác thành, do cha mẹ sanh ra, do cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, tan nát, có chín miệng vết thương, có chín miệng nứt rạn. Từ đấy có cái gì chảy ra? Chắc chắn bất tịnh rỉ chảy, chắc chắn hôi thối rỉ chảy, chắc chắn nhàm chán rỉ chảy.

Do vậy, này các Tỷ kheo, các Thầy hãy nhàm chán thân này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* IV, chương 9, phẩm Tiếng rống con sư tử, phần Một ung nhọt, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr.116)

LỜI BÀN:

Con người sống trên đời có nhiều cái để quý giá nhưng quý nhất vẫn là tấm hình hài. Người ta thường ít khi cho và nếu có người biết ban tặng và chia sẻ thì dầu rộng rãi đến mấy họ cũng cho những vật ngoài thân. Thân thể đối với mỗi người quý giá hơn vàng ngọc và bất khả xâm phạm. Cuộc sống con người vốn lao khổ, lo toan, thậm chí phải tranh đoạt, giành giật cũng không ngoài mục đích cung phụng và nuôi dưỡng thân này.

Thân thể đối với ta không những quý giá mà còn đẹp đẽ. Ta hằng nâng niu, trau chuốt, tỉa tót và chăm nom dung nhan, vóc dáng

mỗi ngày. Ta không chỉ yêu quý thân mình mà còn yêu thích, khát khao chiếm hữu nét đẹp của thân thể người khác. Đó cũng là nguyên nhân làm tăng thêm khổ đau vốn chất chồng trong đời sống con người. Theo tuệ giác của Thế Tôn, thân thể con người chẳng khác gì một ung nhọt, một khối bất tịnh được nguy trang bởi lớp vỏ đẹp đẽ bên ngoài. Ung nhọt này có đến chín miệng (2 mắt, 2 tai, 2 mũi, miệng, tiểu tiện, đại tiện) thường bài tiết ra những thứ không sạch. Chỉ cần chênh mảng vệ sinh của bản thân thôi thì tự khắc mỗi chúng ta chứng nghiệm được sự bất tịnh ấy.

Bình tâm mà quán sát thì đơ bản chính là thân này. Thân thể đích thực là ung nhọt, là đầy da chứa bên trong những thứ không sạch. Chỉ cần lớp da mỏng ấy bị trầy xước, bị bong ra thì lập tức bất tịnh tuôn chảy. Tuy nhiên, vì chấp ngã, luyến ái tự ngã quá sâu dày nên con người không nhận ra sự bất tịnh vốn dĩ ấy mới hằng tham luyến, yêu quý, say mê và tìm cầu. Do vậy, trong lộ trình hướng đến ly dục, đoạn trừ tham ái, điều quan trọng là phải nhận ra sự bất tịnh của thân.

Nhàm chán thân này không có nghĩa là phủ nhận nó, vì thân này chính là chiếc bè để qua sông sanh tử. Khi chưa qua sông mà vội buông bỏ chiếc bè, chắc chắn bị nước sông nhận chìm và cuốn trôi. Tuy nhiên, đừng quá vướng mắc và hệ lụy với tấm thân giả tạm này quá làm ảnh hưởng đến sự nghiệp giải thoát. Đây chính là tuệ giác mà mỗi người con Phật phải quán sát để thành tựu trong sự nghiệp tu tập của mình.▲

6- TU TẬP NIỆM THÂN

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Sumbha, tại thị trấn Sedaka. Tại đây, Thế Tôn dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, ví như có một số đông quần chúng, tụ họp lại nhìn một cô gái hoa hậu đang múa và hát với tất cả sự quyến rũ của mình. Rồi một người đến, muốn sống không muốn chết, họ nói với người ấy như sau: “Này ông, hãy xem đây. Đây là cát bát đựng đầy dầu. Ông hãy mang cái bát đựng đầy dầu ấy rồi đi vòng quanh đám quần chúng lớn và người con gái hoa hậu. Một người cầm kiếm giơ cao sẽ đi theo sau lưng ông. Tại chỗ nào, ông làm đổ một ít dầu, chính nơi ấy, đầu của ông sẽ bị rơi xuống”.

Này các Tỷ kheo, các ông nghĩ thế nào, người ấy có thể không chú ý đến bát dầu, phóng tâm hướng ngoại không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ví dụ này, này các Tỷ kheo, ta nói ra để nêu rõ ý nghĩa thân hành niệm. Do vậy, các ông cần phải học tập như sau: “Chúng ta sẽ tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, làm cho tiếp tục an trú...”.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ V*, chương 3, phẩm Nàlanda, phần Quốc độ, Nxb Tôn Giáo, 2002, tr 266)

LỜI BÀN:

Trong cuộc sống, có rất nhiều hành động được thực thi mà không hề có kiểm soát. Thân một đường mà tâm một nẻo là một thói quen cố hữu của con người. Đa phần, mọi người thường hướng tâm ra bên ngoài, ít ai chú ý đến các hành động của thân trong

hiện tại. Vì thế, trừ một vài công việc cần sự tập trung cao, có thể xảy ra nguy hiểm thì mới thực sự chú ý, còn lại thì gần như quên lãng, nhất là những công việc thường nhật. Mấy ai ý thức được nguyên nhân của phần lớn các tai nạn, bất hạnh giáng xuống đời sống con người đều phát xuất từ những sơ ý này.

Niệm thân hành là một pháp tu quan trọng nhằm kiểm soát tất cả những động tác của thân, giữ vững chánh niệm trong khi làm việc, đi lại và sinh hoạt. Nhờ ý thức sâu sắc về những hoạt động của thân thể mà con người có thể làm chủ được chính bản thân mình. Những ác nghiệp về thân, nhờ ý thức soi sáng nên dần được đoạn trừ. Mặt khác, niệm thân hành sẽ giúp tâm an trú, không phân tán, vì tâm luôn có mặt nơi các hoạt động của thân. Chánh niệm về thân hành sẽ đưa thân và tâm trở về an trú trong từng giây phút của hiện tại. Đây chính là sự minh triết trong đời sống.

Sở dĩ con người thiếu tập trung, không ý thức sâu sắc vào hành động là do thói quen hướng ngoại, để ý đến bên ngoài nhiều hơn là chú ý đến mình. Sự quên lãng ấy sẽ làm cho tâm lang thang vô định dẫn đến thất niệm. Khắc phục tình trạng thất niệm ấy bằng cách niệm thân hành; luôn tỉnh thức, sáng suốt và tự chủ trong mỗi mỗi cử chỉ, hành động. Ảnh dụ một người đàn ông sẽ trở thành tử tội nếu đánh rơi chỉ một giọt dầu khi bung bát dầu đầy ắp, đi vòng quanh đám đông reo hò trước một người đẹp đang múa hát thật cụ thể và sinh động.

Ý thức về vô thường, mạng người trong hơi thở, hành giả niệm thân hành để sống tỉnh thức và trọn vẹn. Cho nên, niệm thân hành để làm chủ thân tâm là phương châm sống của mỗi người con Phật. ▀

7- TÁC HẠI CỦA LỐI SỐNG XA HOA

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Mahàvana, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, sống trên gối rơm là lối sống hiện nay của dân chúng Licchavi, không phóng dật, nhiệt tâm trong nhiệm vụ. Ajàtasattu, vua nước Magadha không có cơ hội, không có đối tượng (để xâm lăng).

Trong tương lai, này các Tỷ kheo, nếu dân chúng Licchavi trở nên nhu nhược, nằm trên những đồ nằm mềm mại, ngủ trên gối bông. Ajàtasattu, vua nước Magadha có cơ hội, có đối tượng (để xâm lăng).

Sống trên các gối rơm, này các Tỷ kheo, là nếp sống hiện nay của các Tỷ kheo, không phóng dật, nhiệt tâm trong các nỗ lực. Ác ma không có cơ hội, không có đối tượng (để xâm lăng).

Trong tương lai, này các Tỷ kheo, nếu các Tỷ kheo trở nên nhu nhược, nằm trên những đồ nằm mềm mại, ngủ trên gối bông. Ác ma sẽ nắm được cơ hội, sẽ nắm được đối tượng (để xâm lăng).

Do đó, này các Tỷ kheo, phải học tập như sau: Chúng tôi sẽ sống trên gối rơm, không phóng dật, nhiệt tâm trong các nỗ lực.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ II*, chương 9, phần Cỏ rơm, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.467)

LỜI BÀN:

Nâng cao đời sống, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu là tiêu chí phấn đấu chung của cá nhân và xã hội. Tuy nhiên tránh sự đua đòi, xa

hoa và lãng phí trong hưởng thụ cá nhân nhằm góp phần xây dựng xã hội, đất nước vững mạnh là điều quan yếu cần phải làm. Nhất là trong bối cảnh đất nước đang chịu sức ép, lăm le xâm chiếm lãnh thổ của ngoại bang thì việc khắc kỷ, hy sinh những quyền lợi cá nhân, dẹp bỏ các hiềm khích riêng tư để chung tay xây dựng và bảo vệ đất nước trở nên vô cùng khẩn thiết.

Thế Tôn đã chỉ ra việc mạnh ai nấy làm giàu, chỉ lo hưởng thụ cá nhân, vun vén cho riêng mình, phó mặc việc chung đồng thời trở nên nhu nhược, hèn yếu chính là cơ hội tốt cho nước khác xâm lăng. Lịch sử đã minh chứng rõ nét về điều này, một khi quân vương vô đạo, quan lại thối nát vơ vét cho riêng mình, dân tình cơ cực oán thán, đất nước điêu linh thì ngoại bang tràn đến và khó tránh khỏi họa nô lệ.

Trong việc tu tập cũng vậy, nếu xu hướng theo vật dục và trở nên phóng dật là cơ hội tốt cho ác ma xâm chiếm. Phật hay ma ngự trị, xâm chiếm tâm của người tu tùy thuộc vào thái độ sống khắc kỷ hay phóng dật, tham ái ít hay nhiều, tinh cần hay giải đãi... Ngoại bang chỉ tràn vào khi đất nước suy vong, không có kết được dân tình. Cũng vậy, ác ma chỉ tràn vào thân tâm khi lòng ta buông thả theo tham dục, danh lợi, hưởng thụ.

Vì thế, không hưởng thụ xa hoa, xả kỷ vị tha là phương thức sống đúng đắn, tốt đẹp cho mình và người, nhất là góp phần quan trọng để xây dựng đất nước vững mạnh, phồn vinh.▲

8- ĐI ĐÊM GẶP NHIỀU NGUY HIỂM

Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Veluvana. Bấy giờ, Singālaka, gia chủ tử, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, chấp tay đánh lễ sáu phương.

Rồi Thế Tôn, buổi sáng vào thành Vương Xá khát thực, sau khi dạy Singālaka về ý nghĩa đánh lễ sáu phương, Ngài dạy thêm:

Này gia chủ tử, du hành đường phố phi thời có sáu nguy hiểm. Tự mình không được che chở hộ trì, vợ con không được che chở hộ trì, tài sản không được che chở hộ trì, bị tình nghi là tác giả các ác sự, nạn nhân của các tin đồn thất thiệt, tự rước vào thân nhiều khổ não.

Này gia chủ tử, du hành đường phố phi thời có sáu nguy hiểm như vậy.

(ĐTKVN, *Trường Bộ II*, kinh *Giáo thọ Thi Ca La Việt* [trích], VNCPHVN ấn hành, 1991, tr.533)

LỜI BÀN:

Bóng đêm luôn đồng nghĩa với tối tăm, mù quáng, tội lỗi và vô vàn bất trắc, hiểm nguy đang rình rập. Vì thế mà người ta thường cảnh báo đi đêm ắt có ngày gặp ma. Thực ra ma chết, ma quỷ không đáng sợ mà chính các loài ma sống, ma men, ma cô... ma mãnh sống về đêm mới nguy hiểm và đáng sợ hơn. Bóng đêm tuy không mấy an toàn nhưng có sức hấp dẫn riêng nên khiến cho không ít người thích sống về đêm, thậm chí lấy đêm làm ngày.

Thường thì chúng ta ít ra đường vào đêm hôm khuya khoắt (phi thời), trừ khi có những công việc khẩn cấp. Nhưng nếu phải đi thì tâm lý chung là lo ngại vì không được an toàn. Thật vậy, trước hết

là tính mạng bị đe dọa có thể do tai nạn, bị người xấu hành hung, bức hại. Kế đến là trong tình huống cô độc, một mình thì người đi đêm dễ dàng bị trấn lột, cướp bóc tài sản và nhất là đàn bà, con gái trong đêm hôm khuya khoắt, vắng vẻ lại càng nguy hiểm hơn. Ngoài ra, người đi đêm dễ dàng bị nghi ngờ làm những điều xấu ác, có thể bị bắt giữ, thẩm vấn và chịu nhiều rắc rối khác.

Vì thế, để tránh nguy hiểm cho bản thân và sự lo lắng của gia đình, chúng ta không nên về nhà quá khuya. Luôn quán niệm “bóng đêm đồng lõa với tội ác” để đề phòng và tự răn nhắc mình. Thực hành điều này vốn chẳng khó, song vì chủ quan và vô ý nên bị mang họa vào thân, làm khổ cho gia đình. Do vậy, cần tự khắc đối với bản thân, tập thói quen về nhà đúng giờ, không la cà đêm hôm ngoài đường. Việc này tưởng chừng như nhỏ nhặt nhưng nếu được thực thi nghiêm túc sẽ góp phần to lớn trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình và giữ gìn an ninh trật tự xã hội.▶

9- BỎ ÁC, LÀM LÀNH

Một thời Thế Tôn trú ở Kimbilà, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có năm nguy hại này cho người ác hành. Thế nào là năm?

Tự mình chỉ trích mình; sau khi suy xét, các bậc trí quở trách; tiếng ác đồn khắp; khi mạng chung, tâm bị mê loạn; sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ kheo, có năm nguy hại này cho người ác hành.

Này các Tỷ kheo, có năm lợi ích này cho người thiện hành. Thế nào là năm?

Tự mình không chỉ trích mình; sau khi suy xét, các bậc trí tán thán; tiếng tốt đồn khắp; khi mạng chung, tâm không bị mê loạn; sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Này các Tỷ kheo, có năm lợi ích này cho người thiện hành.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Ác hành, phần Người ác hành, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.741)

LỜI BÀN:

Thời Đường, Bạch Cư Dị có lần hỏi Thiên sư Ô Sào về đại ý Phật pháp và được trả lời một cách giản dị rằng “Không làm các việc ác, hãy làm các việc lành”. Bạch Cư Dị không mấy hài lòng về câu trả lời ấy vì trẻ lên ba cũng nói được. Ô Sào đã lưu ý rằng dù vậy nhưng người già tám mươi cũng chưa chắc đã làm xong. Thế

mới biết chuyện “bỏ ác, làm lành” quan trọng và không dễ làm. Ác hành là suy nghĩ ác, nói lời ác và hành động ác, tạo ba nghiệp bất thiện. Người làm ác tất bị lương tâm cắn rứt, luôn mang nỗi bất an, hối hận và lo sợ. Mặt khác, người làm ác bị pháp luật trừng trị, nhẹ hơn thì bị xã hội phê phán, tiếng xấu đồn khắp, thân bại danh liệt. Quan trọng hơn, những việc ác đã gây tạo trong đời sẽ kết thành cận tử nghiệp xấu ác và theo đó sẽ bị sanh vào cõi dữ ở tương lai.

Thiện hành là suy nghĩ thiện, nói lời thiện và hành động thiện, tạo ba nghiệp thiện. Ai sống trong sạch thì cõi lòng thanh thản, tâm thư thái an nhiên, không lo lắng, dằn vặt và sợ hãi. Ăn hiền ở lành thì mọi người đều khen ngợi, tiếng tốt đồn xa. Nhất là, một đời làm các điều thiện sẽ kết tụ nghiệp lành, làm cho cuộc sống hiện tại luôn bình an, đến khi từ già cuộc đời chết trong thanh thản và tái sanh vào cõi lành.

Bỏ ác, làm lành là đạo lý sống của những người con Phật và của tất cả mọi người. Nhân quả luôn chính xác và rõ ràng. Mỗi người đều có một hoàn cảnh cuộc sống khác nhau, điều đó phản ánh đích thực nghiệp nhân của chính họ. Do vậy, muốn hạnh phúc và bình an trong cuộc sống ở hiện tại cũng như trong tương lai, mỗi người phải tự gây tạo nhân lành cho chính mình.▲

XI. KHẨU NGHIỆP

1- NÓI VÀ IM LẶNG NHƯ PHÁP

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ kheo sau buổi ăn, sau khi đi khất thực trở về, ngồi hội họp tại rạp tròn có cây Kareri và câu chuyện sau đây được khởi lên:

“Này chư hiền, ai biết nghề gì? Ai học tập nghề gì? Nghề gì là tối thượng?”. Ở đây, một số người nói như sau: Huấn luyện voi là nghề tối thượng. Một số người khác nói: Huấn luyện ngựa là nghề tối thượng; Làm xe là nghề tối thượng; Nghề bắn cung là nghề tối thượng; Nghề đao kiếm là nghề tối thượng; Nghề tính toán là nghề tối thượng; Nghề viết bài là nghề tối thượng; Nghề làm thơ là nghề tối thượng; Nghề phỏng đoán các nguyên nhân tự nhiên là nghề tối thượng; Nghề điều khiển bộ máy quốc gia là nghề tối thượng... Câu chuyện giữa các Tỷ kheo chưa được nói xong thì Thế Tôn đến, nói với các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, các Thầy ngồi ở đây nói câu chuyện gì? Và câu chuyện gì giữa các Thầy chưa được nói xong?

Sau khi nghe các Tỷ kheo trình bày nội dung câu chuyện, Thế Tôn dạy:

Này các Tỷ kheo, chuyện này thật không xứng đáng cho các Thầy, là những thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, khi các Thầy nói lên câu chuyện như vậy. Khi các Thầy ngồi hội họp với nhau, này các Tỷ kheo, có hai công việc cần phải làm: Nói pháp hay giữ im lặng của bậc Thánh!

(ĐTKVN, *Tiểu Bộ I*, chương 3, phẩm Nanda, Nxb TP.HCM ấn hành, 1999, tr.171)

LỜI BÀN:

Trong cuộc sống tu tập hàng ngày, ngoài thời gian dụng công tọa thiền, tụng kinh, bái sám, chúng ta thường quan tâm đến các vấn đề khác như: Phật sự, thời sự, xã hội, an ninh v.v... Tu học trong thời đại hiện nay, quan tâm, thảo luận để nhận định về các tình hình, diễn biến của xã hội là điều cần thiết. Song, điều khẩn thiết hơn cả đối với người xuất gia là hoằng pháp và điều phục chuyển hóa tâm để được an tịnh, giải thoát.

Thuyết pháp là một trong những nhiệm vụ quan trọng của người tu. Tuyên thuyết giáo pháp giải thoát và giác ngộ của Thế Tôn, ngoài việc dạy người còn có tác dụng tự răn nhắc chính mình thực hành giáo pháp. Mặt khác, sự thảo luận về giáo nghĩa Phật pháp giữa các Tỷ kheo với nhau hay cùng với chư vị cư sĩ sẽ giúp hội chúng hiểu biết sâu sắc hơn về những điều thâm áo của giáo pháp.

Khi không nói pháp thì nên an trú thân tâm trong chánh niệm, thực hành sự im lặng của bậc Thánh. Đôi khi sự im lặng lại là một pháp thoại vô cùng hùng tráng, có sức thuyết phục lớn về thực hành uy nghi, niệm thân hành và khả năng định lực mạnh mẽ. Thế Tôn khuyến cáo người tu không nên nói chuyện tạt vì sa đà vào các vấn đề bên ngoài, dễ dàng dẫn đến hý luận và phóng dật, một trong những tác nhân cơ bản ảnh hưởng đến sự an trú và điều phục tâm.

Nói năng và im lặng như pháp là một biểu hiện của chánh niệm cao độ, định lực vững vàng. Đây cũng là cơ sở, nền tảng quan trọng để thăng hoa tâm linh, thành tựu giải thoát. ▀

2- NÓI NHƯ HOA, NHƯ MẶT

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, tại Jetavana, vườn ông Anàthapindika, dạy các Tỷ kheo:

Có ba hạng người này, này các Tỷ kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Hạng người nói như phân, hạng người nói như hoa, hạng người nói như mặt.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người nói như phân? Ở đây, này các Tỷ kheo, có hạng người khi đi vào hội trường, hay đi vào hội chúng, hay đi đến giữa các người bà con, hay khi đến các người đồng một tổ hợp, đến giữa cung vua, hay bị dẫn như là người làm chứng, được nói: “Người biết gì, hãy nói lên”. Người ấy không biết, nói rằng: “Tôi có biết”; có biết, nói rằng: “Tôi không biết”; không thấy, nói rằng: “Tôi có thấy”; có thấy, nói rằng: “Tôi không thấy”. Do vì mình hay vì người, hay vì một vài lợi vật nhỏ mà đã cố ý nói láo. Người như vậy, này các Tỷ kheo, được gọi là người nói như phân.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người nói như hoa? Ở đây, này các Tỷ kheo, có hạng người khi đi vào hội trường hay đi vào hội chúng, hay đi đến giữa các người bà con, hay khi đến các người đồng một tổ hợp, đến giữa cung vua, hay bị dẫn như là người làm chứng, được nói: “Người biết gì, hãy nói lên”. Người ấy không biết, nói rằng: “Tôi không biết”; có biết, nói rằng: “Tôi có biết”; không thấy, nói rằng: “Tôi không thấy”; có thấy, nói rằng: “Tôi có thấy”, không vì mình hay vì người, hay vì một vài lợi vật nhỏ mà đã cố ý nói láo. Người như vậy, này các Tỷ kheo, được gọi là người nói như hoa.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người nói như

mật? Ở đây, này các Tỷ kheo, có người đoạn tận ác ngữ, từ bỏ lời nói ác ngữ. Lời nói của người ấy không hại, tai ưa nghe, khả ái, đi thẳng đến tâm, lễ độ, được nhiều người ưa thích, được nhiều người thích ý. Người ấy nói những lời như vậy, này các Tỷ kheo, đây gọi là hạng người nói như mật.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Người, phần Nói như hoa, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.227)

LỜI BÀN:

Lời nói là phương tiện truyền đạt kinh nghiệm, kiến thức từ thế hệ này sang thế hệ khác; là sự biểu lộ sự nhận thức, tình cảm, sự quan tâm lẫn nhau của con người trong các mối quan hệ. Không có lời nói, cuộc sống này sẽ vô nghĩa, tẻ nhạt biết chừng nào. Thế nhưng, không phải ai trong chúng ta cũng đều khéo léo trong việc vận dụng lời nói của mình để mang đến hạnh phúc, an vui.

Có những lời nói đối trá, không đúng thời, thiếu suy nghĩ và nhất là được phát ra trong khi giận dữ, thù hận sẽ trở thành độc dược, gây ra nhiều hiểm họa, tai ương. Một lời nói xuất phát từ chân tình, từ sự thật với tinh thần trách nhiệm và thiện chí sẽ trở thành diệu dược, giúp cho ta và người thêm dũng lực và sẽ vượt qua bao thử thách chông gai trong cuộc đời.

Những lời nói chân thật, thiện cảm được nhiều người lắng nghe và có tác dụng sẻ chia, hướng dẫn tha nhân từng bước trở về với chân thiện mỹ thật đáng trân trọng. Vận dụng lời nói trung thực, không ác ý, với tâm từ ái, khoan dung thì mỗi lời nói ra sẽ là những hoa sen tinh khiết, ngát thơm giữa cuộc đời.▲

3- MẮNG NHIẾC BẬC THÁNH

Một thời Thế Tôn trú ở Kimbilà, tại Veluvana, Ngài cho gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, Tỷ kheo nào và những ai mắng nhiếc, mạ lỵ các vị tu phạm hạnh, phỉ báng các bậc Thánh, vị ấy được chờ đợi năm sự nguy hại. Thế nào là năm?

Phạm tội bị tấn xuất, chặt đứt con đường hưởng thượng; hay phạm một tội nhiễm; hay cảm xúc bệnh hoạn trầm trọng; khi mạng chung tâm bị mê loạn; sau khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ và địa ngục.

Này các Tỷ kheo, Tỷ kheo nào và những ai mắng nhiếc, mạ lỵ các vị tu phạm hạnh, phỉ báng các bậc Thánh, vị ấy được chờ đợi năm sự nguy hại này.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Mắng nhiếc, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.715)

LỜI BÀN:

Ở bất cứ địa phương hay quốc gia nào, nếu có sự hiện diện của những vị tu phạm hạnh và các bậc Thánh thì đó là niềm vinh hạnh, may mắn và là phước báo cho địa phương hay quốc gia đó. Vì rằng, sự hiện hữu của các vị chân nhân sẽ tác động tích cực về phương diện đạo đức, tinh thần cho xã hội, góp phần định hướng cho con người kiện toàn nhân cách. Thế nhưng, không phải ai cũng thấy được vị trí, vai trò quan trọng của những bậc phạm hạnh, các vị Thánh để tôn trọng, đánh lễ, cúng dường; đôi lúc, vài nơi những bậc Thánh vẫn bị mắng nhiếc, mạ lỵ thậm chí bị phỉ báng, giam giữ và bị giết hại.

Xúc phạm đến bậc Thánh là điều không nên nhưng lại thường xảy

ra đối với những người vô minh ám chướng, nghiệp lực nặng nề, bất tín nhân quả. Thời Thế Tôn còn tại thế, chính Ngài cũng có đôi lần bị chửi mắng, bị vu cáo và mạ lỵ. Không chỉ dừng lại ở đó, Tôn giả Mục Kiền Liên, vị đại đệ tử thần thông bậc nhất của Phật, cũng bị phái Lōa thể quá khích mai phục, đánh đập cho đến chết.

Đối với tự thân của các bậc Thánh và những bậc chân tu phạm hạnh thì dẫu có bị mắng nhiếc, mạ lỵ, vu khống và phỉ báng đến mấy đi nữa thì các Ngài vẫn an nhiên, chấp nhận. Vì lẽ, dưới ánh sáng của tuệ quán, đó chỉ là dư tàn của duyên nghiệp nào đó trong quá khứ xa xôi nay còn lưu dấu mà thôi. Tuy các bậc Thánh vui vẻ chấp nhận mọi tai ương, oán đối đồng thời không bao giờ móng khởi tâm niệm oán hận hay trả thù nhưng vì xúc phạm đến Thánh nhân, chúng ta đã tự thiêu đốt phước đức của mình thành tro bụi, khi mất hết phước đức thì tất nhiên phải chịu đọa lạc, bị quả báo nặng nề.

Ngày nay, người tu hành tuy nhiều nhưng những bậc chân tu phạm hạnh và những bậc Thánh không nhiều, tuy nhiên không phải là không có. Chúng ta đa phần là người phàm, mắt thịt nên không thể nào phân định thánh phàm. Mặt khác, bậc chân nhân thì đa phần ẩn mình, không bao giờ tiết lộ thân phận. Do vậy, những người con Phật, sống theo lời Phật dạy thì phải hết sức cẩn trọng trong mọi hành vi của mình, đặc biệt là những phê phán, nhận định, bình phẩm về nhân cách và phẩm chất của người tu, để tránh mắc vào lỗi lầm và chịu nhiều quả báo oan uổng. ▀

4- HÁI HOA TẶNG NGƯỜI

Một thời, Thế Tôn trú ở Ràjagaha, xứ Veluvana. Bà la môn Akkosaka khi nghe tin Bà la môn dòng họ Bhàradvàja đã xuất gia liền phẫn nộ, đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, nói những lời không tốt đẹp, phỉ báng và mắng nhiếc Thế Tôn.

Được nghe như vậy, Thế Tôn nói với Bà la môn Akkosaka:

Này Bà la môn, khi có bà con hoặc khách bạn đến thăm, ông có sửa soạn các món ăn để tiếp đãi họ không?

Thưa Tôn giả Gotama, thỉnh thoảng có bà con hoặc khách bạn đến thăm, chúng tôi có sửa soạn các món ăn để tiếp đãi họ.

Nhưng này Bà la môn, nếu họ không thâu nhận thì những món ăn ấy thuộc về ai?

Thưa Tôn giả Gotama, tất nhiên nếu họ không thâu nhận thì những món ăn ấy về lại chúng tôi.

Cũng vậy này Bà la môn, nếu ông phỉ báng chúng tôi; mắng nhiếc chúng tôi; gây lộn với chúng tôi mà chúng tôi không thâu nhận thì sự việc ấy từ ông chỉ về lại ông.

Này Bà la môn, ai phỉ báng lại khi bị phỉ báng, mắng nhiếc lại khi bị mắng nhiếc, gây lộn lại khi bị gây lộn, thì như vậy, này Bà la môn, người ấy được xem là đã hưởng thọ, đã san sẻ với ông. Còn chúng tôi, không cùng hưởng thọ sự việc ấy với ông, không cùng san sẻ sự việc ấy với ông, thì này Bà la môn, sự việc ấy về lại ông.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama. Con xin quy y Thế Tôn. Mong Tôn giả Gotama cho con được xuất gia tu học

cùng Thế Tôn.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 7, phẩm A la hán, phần Phi bát, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.352)

LỜI BÀN:

Dù nỗ lực để tự hoàn thiện mình đến mấy thì trong cuộc sống cũng khó có ai tránh khỏi những va chạm, hiểu lầm để rồi bị chỉ trích, phỉ báng. Đối với bậc Giác ngộ như Thế Tôn mà còn bị những hạng người cuồng ngôn, loạn ngữ chửi mắng huống là chúng ta.

Thường thì không ai chịu nổi những lời gây gổ, mắng nhiếc đến với mình, nhất là những lời nói khiếm nhã ấy lại có tính hồ đồ, vô căn cứ. Và, chúng ta sẽ quyết một trận khẩu chiến với họ cho hả giận, đôi khi còn dẫn đến xô xát, thậm chí gây ra những hậu quả đáng tiếc.

Tuy nhiên, theo tuệ giác Thế Tôn thì những lời nói đến từ bên ngoài như thế là một món quà vốn dĩ quá ư hào phóng của người đời. Người nghe như người sắp được nhận quà, hoàn toàn chủ động trong việc nên hay không nên nhận món quà ấy. Khi trao tặng một vật gì cho ai mà họ không nhận, thì tất nhiên vật ấy vẫn là của mình. Quy luật này rất sòng phẳng và chua chát thay cho những ai có ý định ban tặng những món quà kém phẩm chất, vô giá trị.

Vi thế, trước những lời khen tặng, ca ngợi cũng như những lời trái tai, mắng nhiếc, gây gổ, người đệ tử Phật phải thật bình tĩnh, tiếp nhận một cách thanh thản và không nên vội vàng phản ứng. Vì rằng, chính sự vững chãi ấy đã hàm chứa câu trả lời. Đồng thời, trong cuộc sống người con Phật phải luôn mang những bông hoa tươi đẹp nhất của tâm hồn dâng tặng cho đời. Đây là việc làm khôn ngoan nhất, vì nếu lỡ không ai nhận hoa thì ta vẫn còn để tự tặng mình. ▀

5- NÓI NĂNG CẨN TRỌNG

Một thời Thế Tôn trú ở Kimbilà, tại Venuvana, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có năm nguy hại cho người nói nhiều. Thế nào là năm?

Nói láo; nói hai lưỡi; nói lời độc ác; nói lời phù phiếm; sau khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ kheo, có năm nguy hại này cho kẻ nói nhiều.

Này các Tỷ kheo, có năm lợi ích này cho người nói vừa phải. Thế nào là năm?

Không nói láo; không nói hai lưỡi; không nói lời độc ác; không nói lời phù phiếm; sau khi thân hoại mạng chung sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Này các Tỷ kheo, có năm lợi ích này cho người nói vừa phải.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Măng nhếc, phần Người nói nhiều, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.718)

LỜI BÀN:

Trong cuộc sống, ngôn ngữ là một phương tiện đặc thù nhằm trao đổi thông tin, biểu đạt tình cảm, giúp con người hiểu biết và thương yêu. Tuy vậy, ngôn ngữ cũng có mặt trái của nó, nếu không khéo sử dụng thì có thể đem đến tai họa, chia rẽ, thù hận và đọa lạc.

Kinh nghiệm cuộc sống đã cho thấy rằng hiểm họa phát xuất từ lời nói (họa tùng khẩu xuất) thật khó lường. Một lời nói khi đã

phát ra thì khó thu về, tác dụng nhanh đến nỗi xe tứ mã cũng không đuổi kịp (nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy). Vì thế, trước khi nói phải “uốn lưỡi bảy lần”. Nói cách khác, phải có chánh niệm trong lời nói.

Đối với người nói nhiều, huyền thuyên bất tận thì dễ dàng bị sơ suất, sai sót. Nói dài, nói dai... cuối cùng là nói đại bởi nói nhiều thì lỗi nhiều (đa ngôn đa quá). Người nói nhiều quá chắc chắn sẽ rơi vào lầm lỗi và phải gánh chịu năm sự nguy hại của việc nói láo; nói hai lưỡi; nói lời độc ác; nói lời phù phiếm; sau khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Người biết nói vừa phải, chừng mực mới có thể tránh được lỗi lầm. Nói vừa phải là nói đúng người, đúng lời, đúng việc, đúng lúc và đúng nơi. Ý thức rất rõ về tâm trạng và lời nói của mình trước khi nói để “lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau” là chìa khóa để thực hành ái ngữ. Tu tập hạnh nói vừa phải cố nhiên là nên nói ít mà nghe nhiều. Nghe để hiểu, hiểu rồi thì dễ dàng nói lời chân thật, hòa giải, xây dựng, tha thứ và yêu thương.

Nhận chân được năm lợi ích của việc nói lời vừa phải, người con Phật thực tập nói năng trong chánh niệm, ý thức và sáng suốt. Lời nói phát ra dưới sự soi sáng của chánh niệm sẽ là hoa trái làm thơm mát cuộc đời. Vì thế, trong cuộc sống mỗi người con Phật luôn thực hành “im lặng và nói năng như Chánh pháp”.▲

6- KHÉO NÓI

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, đầy đủ bốn đức tánh này lời nói được xem là thiện thuyết, không phải ác thuyết, không có tội và không bị người có trí chỉ trích. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ kheo, Tỷ kheo nói lời thiện thuyết, không nói lời ác thuyết; nói lời đúng pháp, không nói lời phi pháp; nói lời ái ngữ, không nói lời ác ngữ; nói lời chơn ngữ, không nói lời phi chơn. Đầy đủ bốn đức tánh này lời nói được xem là thiện thuyết, không phải ác thuyết, không có tội và không bị người có trí chỉ trích.

Rồi Tôn giả Vangisa từ chỗ ở trong hội chúng đứng dậy, chấp tay hướng về Thế Tôn nói lên bài kệ tán thán: “Ai nói lên lời gì, lời ấy không khổ mình, lại không làm hại người, lời ấy là thiện thuyết. Ai nói lời ái ngữ, lời nói khiến hoan hỷ, lời nói không ác độc. Những lời nói đúng pháp, và những lời chân thật, là lời nói bất tử”.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 8, phần Khéo nói
[lược], VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.415)

LỜI BÀN:

Lời nói là một phương tiện giao tiếp cực kỳ quan trọng trong đời sống con người. Thử hình dung nhân loại sẽ sống ra sao nếu thiếu vắng ngôn ngữ, lời nói. Tuy nhiên, lời ăn tiếng nói của con người vốn đầy đủ hai mặt; có những lời nói đem đến sự hiểu biết và yêu thương đồng thời cũng có những lời nói đem đến đổ vỡ, chia rẽ và thù hận. Vì thế, ông cha ta đã từng kinh nghiệm “lời nói không

mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”.

Nói cho vừa lòng nhau hay thiện thuyết là cả một nghệ thuật sống. Con người phải học tập, rèn luyện và tu dưỡng thân tâm trong một thời gian dài mới mong hoàn thiện lời ăn tiếng nói của mình. Vì ngôn ngữ bị chi phối bởi tư duy, “ý dẫn đầu các pháp”, nên muốn nói cho vừa lòng nhau tất phải dựa trên một tâm thái sáng suốt, định tĩnh và chan chứa tình thương. Thiếu đi những yếu tố này tức tâm không được kiểm soát, chánh niệm không có mặt thì khả năng ác thuyết, những lời nói gây khổ đau cho bản thân và mọi người có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Khéo nói ở đây không phải nói nhằm được lòng người để thủ lợi. Khéo nói là nói ra những lời đem lợi ích, an lạc đến cho mình và người, trong hiện tại và cả tương lai. Tu tập trọn vẹn giới không nói dối (không nói sai sự thật, không nói lời chia rẽ, không nói lời hung ác, không nói lời xu nịnh nhằm xiêu lòng người) thì người con Phật có thể đạt được khả năng thiện thuyết.

Khổ đau trong đời sống con người rất nhiều và nguyên nhân của những nỗi khổ ấy xuất phát từ lời nói cũng không phải là ít. Do vậy, tu tập chuyển hóa khẩu nghiệp để trở thành người khéo nói, thiện thuyết nhằm đem lại hạnh phúc, an vui cho tự thân và cộng đồng là trách nhiệm của mỗi người con Phật.▲

7- LỜI NÓI VÀ VIỆC LÀM

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại vườn ông Anàthapndika, gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có bốn loại mây mưa này. Thế nào là bốn? Có sấm, không có mưa; có mưa, không có sấm; không sấm và không mưa; có sấm và có mưa.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, có bốn hạng người được ví dụ với bốn loại mây mưa này, hiện hữu ở đời. Hạng người có sấm, không có mưa; hạng người có mưa, không có sấm; hạng người không sấm và không mưa; hạng người có sấm và có mưa.

Thế nào là hạng người như mây có sấm, không có mưa? Này các Tỷ kheo, có hạng người có nói mà không làm.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người như mây có mưa, không có sấm? Đó là hạng người có làm mà không nói.

Thế nào là hạng người như mây không sấm và không mưa? Này các Tỷ kheo, có hạng người không nói và cũng không làm.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là hạng người như mây có sấm và có mưa? Đó là hạng người có nói và có làm.

Này các Tỷ kheo, có bốn hạng người giống như bốn loại mây này có mặt, hiện hữu ở đời.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 4, phẩm Mây mưa, phần Mây mưa [1], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.9)

LỜI BÀN:

Tương quan giữa lời nói và việc làm là một trong những thang giá trị nhằm thẩm định uy tín, danh dự của cá nhân hoặc tổ chức nào

đó. Bởi thực hiện song hành giữa nói và làm là điều không đơn giản, đa phần người ta chỉ nói suông hoặc làm được phần nào những điều đã nói mà thôi.

Đáng chê trách là hạng người nói nhiều mà làm chẳng bao nhiêu, thậm chí là không làm được gì cả. Thuyết phục người khác bằng lời nói là điều khó song chỉ nói hay mà không làm thì chẳng có giá trị, lợi ích nào hết; trái lại còn tổn hại đến uy tín, danh dự trầm trọng. Trong cuộc sống, chữ tín vốn rất quan trọng, đánh mất chữ tín đồng nghĩa với đánh mất tất cả.

Ngược lại với hạng người “nổ” là hạng người không nói mà làm. Rất dễ thương, trầm tĩnh nhưng hạng người này khó thành công vì ít người hiểu và tin vào việc làm của mình, nhất là khi những việc làm ấy mới khởi sự hoặc còn dang dở. Dù sao thì hạng người này vẫn được trân trọng vì đã có làm và có thể làm được.

Thật buồn cho hạng người bàng quan, chẳng quan tâm đến cái gì cả. Không nói cũng chẳng làm thì khác gì đứng đưng, vô trách nhiệm trước những việc cần phải nói, cần phải xắn tay vào cuộc. Cuộc sống quanh ta luôn cần những tác động tích cực, có tính xây dựng đầu chỉ là một lời nói, hỗ trợ về tinh thần.

Một người có nhân cách, một tổ chức có uy tín bao giờ lời nói cũng đi đôi với việc làm. Làm được những điều đã nói thật không đơn giản nhưng nếu cố gắng, nhiệt tâm thì vẫn thực hiện được. Đối với người học Phật thì nói và làm song hành lại càng cần thiết hơn vì bản chất của giáo pháp giải thoát vốn dĩ “thiết thực và hiện tại”. ▀

8- TẬP THOẠI

Một thời, Thế Tôn trú tại Kapilavatthu, khu vườn các cây bàng, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, chớ có nói những câu chuyện về vua chúa, đại thần, binh lính, chiến tranh, ăn trộm, đồ ăn, thức uống, vải mặc, bà con, làng xóm, xe cộ, thành phố, đàn ông, đàn bà, súc sanh, lễ đường, người đã chết..., về sự biến trạng của thế giới, về biến trạng của đại dương, về sự hiện hữu và không hiện hữu.

Những câu chuyện này, này các Tỷ kheo, không đưa đến mục đích, không phải căn bản cho phạm hạnh, không đưa đến ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn.

Có nói chuyện, này các Tỷ kheo, các ông hãy nói chuyện: Đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt và đây là Con đường đưa đến Khổ diệt.

Các câu chuyện này, này các Tỷ kheo, liên hệ đến mục đích, là căn bản cho phạm hạnh, đưa đến ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn.

(ĐTKVN, *Tương Ứng Bộ V*, chương 12, phẩm Định, phần Lời nói, Nxb Tôn Giáo, 2002, tr.609)

LỜI BÀN:

Thông tin là một nhu cầu quan trọng trong đời sống của con người. Mỗi người thường quan tâm đến những thể loại thông tin khác nhau, nếu thiếu thì xem như bị đói thông tin. Nhưng ngoài nhu cầu về những thông tin cần thiết thì đa phần, con người thích buôn chuyện. Thành ra, chuyện từ trong nhà ra ngoài phố, cho

đến thế giới đó đây... gần như ai cũng biết. Chỉ có điều, người ta ít để ý đến chuyện của chính mình.

Chuyện của chính mình thì nhiều lắm nhưng chung quy không ngoài khổ. Đó là các cung bậc thăng trầm, buồn vui hỷ nộ... của đời sống. Vì chúng ta thường không thấy nguyên nhân chính của khổ là do tham ái nơi tự tâm nên có chuyện gì xảy ra thì âu cũng là hên xui, may rủi hay số phận mà không hề biết là do nghiệp quả của chính mình.

Đối với người con Phật, thấy rõ tham ái là cội nguồn của mọi khổ đau nên phải thao thức tìm phương cách chuyển hóa tham ái. Nếu chưa chuyển hóa được trọn vẹn thì ít ra cũng nhẹ nhàng, bớt tham, biết đủ. Vì thế tìm hiểu, học hỏi, trao đổi thông tin có tác dụng chuyển hóa thân tâm, xây dựng hạnh phúc, an vui là điều cần được ưu tiên hàng đầu.

Người học Phật cần chia sẻ những thông tin liên hệ đến giáo pháp thực sự có lợi ích cho mình và người. Nhất là những lúc đến chùa, tham dự các khóa tu thì mọi chuyện thế gian nên gác lại, buông bỏ hết. Cần phải tận dụng cơ hội hiếm hoi này để thực tập im lặng và nói năng như Chánh pháp. Bởi đối với người tu, những câu chuyện không liên hệ đến tu tập, ảnh hưởng đến an tịnh thân tâm đều được Thế Tôn xem là không lợi ích, tạp thoại, nói nhảm.▲

9- TÁN THÁN

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambi, dạy các Tỷ kheo:

Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là bốn?

Không suy tư, không thẩm sát, tán thán người không xứng đáng được tán thán. Không suy tư, không thẩm sát, không tán thán người xứng đáng được tán thán. Không suy tư, không thẩm sát, tự cảm thấy tin tưởng đối với những chỗ không đáng tin tưởng. Không suy tư, không thẩm sát, tự cảm thấy không tin tưởng đối với những chỗ đáng tin tưởng.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

Có suy tư, có thẩm sát, không tán thán người không xứng đáng được tán thán. Có suy tư, có thẩm sát, tán thán người xứng đáng được tán thán. Có suy tư, có thẩm sát, tự cảm thấy không tin tưởng đối với những chỗ không xứng đáng được tin tưởng. Có suy tư, có thẩm sát, tự cảm thấy tin tưởng đối với những chỗ đáng tin tưởng.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* I, chương 4, phẩm Không có rung động, phần Tán thán, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.714)

LỜI BÀN:

Tán thán, tôn vinh, ca ngợi là liệu pháp cần yếu để động viên và

khuyến khích mọi người cố gắng hơn nữa trong công việc hiện tại. Tuy nhiên, sự cố vũ nhiệt thành ấy phải dựa trên nền tảng tuệ giác như ngợi khen điều thiện, xưng tán chính nghĩa, tôn vinh cái đẹp... thì mới đem lại lợi ích thiết thực cho mình và người, trong hiện tại và ở tương lai.

Người đời thường tiết kiệm sự ca ngợi bởi chúng ta ít khi đánh giá cao sự cố gắng và thành công của người khác. Đôi khi có lời xưng tán nhưng với tâm dua nịnh, nhằm lợi mình. Thành ra, cuộc đời đầy dẫy tiếng tung hứng, khen chê nhưng tìm ra lời thành thật để an trú, nuôi dưỡng và thăng hoa đời sống không phải là chuyện dễ.

Song hành với ca ngợi là sự tin tưởng, thường chúng ta thán phục ai thì có xu hướng tin và hành động theo người ấy. Sự tin tưởng có liên hệ mật thiết đến đời sống của mỗi cá nhân và xã hội nên chúng ta phải thận trọng phát huy tuệ giác để soi sáng cho niềm tin của chính mình. Sự tin hiểu và dẫn thân hành động đúng đắn mới đem lại lợi ích thiết thực.

Cuộc sống luôn cần sự ca ngợi và tin tưởng bởi đó là những chất liệu làm thăng hoa cá nhân và cộng đồng. Cho nên, mỗi người con Phật phải vận dụng trí tuệ để ca ngợi và tin tưởng đúng người, đúng việc, đúng nơi và đúng lúc. ▀

10- NÓI KHÔNG LỖ LẦM

Một thời Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Mahavàna, dạy các Tỷ kheo:

Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ kheo, các lời là thiện thuyết, không phải ác thuyết, không có phạm lỗi và không bị những người có trí chỉ trích. Thế nào là năm?

Nói đúng thời, nói đúng sự thật, nói lời nhu hòa, nói lời liên hệ đến lợi ích, nói lời với từ tâm.

Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ kheo, các lời là thiện thuyết, không phải ác thuyết, không có phạm lỗi và không bị những người có trí chỉ trích.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* II, chương 5, phẩm Bà la môn, phần Lời nói, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.701)

LỜI BÀN:

Nói năng và hành xử sao cho vừa ý, đẹp lòng nhau là cả một nghệ thuật sống với nền tảng là sự chân thật, minh triết và từ bi. Đôi khi người ta hay ca ngợi một người nào đó sao khéo ăn nói vì biết cách thuyết phục người để làm lợi cho riêng mình, khiến người khác làm theo chủ ý của mình. Thực ra, hành vi và cách nói năng này không phải là thiện thuyết, khéo nói mà là ý ngữ, nói lời thù dệt, phù phiếm, nịnh hót làm mê hoặc người.

Theo tuệ giác Thế Tôn, để trở thành người khéo nói, trước hết phải nói đúng lúc. Xác định đúng thời điểm để mở lời về một vấn đề nào đó rất quan trọng. Nếu cảm thấy chưa đúng thời thì không nên nói vì dù có nói ra cũng không mang đến kết quả.

Kế đến, khéo nói chính là nói thật vì không có gì mẫu nhiệm, cao siêu hơn nói về sự thật. Đành rằng, không phải nói ra bất cứ sự

thật nào cũng có lợi cho mình và người, cho nên phải chờ đúng lúc mới nói. Và một khi đã hợp thời thì quyết không bưng bít hay nói sai sự thật.

Mặt khác, lời nói phải nhẹ nhàng, hòa ái nhằm mang đến sự tin cậy và hòa hợp. Phải trưởng dưỡng nội tâm thanh thản thì mới có thể nói được lời thanh tao, nhẹ nhàng. Lời nói sẽ trở nên hay tuyệt khi mình và người đều được lợi ích. Quan trọng hơn lời nói phát ra vì lòng từ, vì tình thương, luôn mong muốn cho người được an lành, lợi lạc. Cho nên những ai biết “nói như hoa” đúng lúc, đúng với sự thật, nhu hòa, lợi ích và từ ái thì chắc chắn người này gặt hái được nhiều an vui, hạnh phúc.

Không phải không có nguyên nhân khi người xưa nói “tai họa từ miệng mà ra”. Do vậy, tu tập để chuyển hóa những lời nói thô ác trở nên thiện lành nhằm tránh xa những xung đột, bất hòa, khổ não là điều cần thiết trong đời sống hàng ngày của mỗi người con Phật. ▀

11- MỘT ĐIỀU NHỊN, CHÍN ĐIỀU LÀNH

Một thời Thế Tôn ở Rājagaha, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Bà la môn Asurindaka Bhàradvāja nghe như sau: “Bà la môn thuộc dòng họ Bhàradvāja đã xuất gia với Thế Tôn, từ bỏ gia đình, sống không gia đình”.

Phần nộ, không hoan hỷ, vị ấy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, có những lời không tốt đẹp, ác ngữ, phỉ báng và nhiếc mắng Thế Tôn.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng.

Rồi Bà la môn Asurindaka Bhàradvāja nói với Thế Tôn:

Này Sa môn, Ông đã bị chinh phục. Này Sa môn, Ông đã bị chinh phục!

Thế Tôn (nói kệ):

*Kẻ ngu nghĩ mình thắng / Khi nói lời ác ngữ / Ai biết
chịu kham nhẫn / Kẻ ấy thật thắng trận / Những ai bị phỉ
báng / Trở lại phỉ báng người / Kẻ ấy làm ác mình / Lại
làm ác cho người / Những ai bị phỉ báng / Không phỉ báng
đối lại / Người ấy đã thắng trận / Thắng cho mình cho
người / Vị ấy tìm lợi ích / Cho cả mình và người / Và kẻ đã
phỉ báng / Tự hiểu, lắng nguội dần / Bạc y sư cả hai /
Chữa mình, chữa cho người / Quân chúng nghĩ là ngu / Vì
không hiểu Chánh pháp.*

Được nghe nói vậy, Bà la môn Asurindaka Bhàradvāja bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Nay con quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và Tăng. Mong cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 7, phẩm A la hán, phần Asurindaka, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.356)

LỜI BÀN:

Trong cuộc sống hàng ngày, không ít người có thói quen sử dụng ngôn ngữ ác độc, lời lẽ khiếm nhã để chửi mắng, thóa mạ nhằm trấn áp, chinh phục đối phương. Họ hả hê, thỏa dạ và xem mình là kẻ chiến thắng khi người kia chịu lép, im lặng không đấu khẩu hoặc nhẫn nhịn trước những phát ngôn thô bỉ, dữ dằn. Cũng vì thế mà lời qua tiếng lại, mắng nhiếc, chửi rủa luôn xảy ra từ trong nhà cho đến phố chợ và không ít những bất hạnh, tang thương trong cuộc sống đã bắt nguồn từ đây.

Tuy nhiên, theo tuệ giác Thế Tôn, người biết im lặng, kham nhẫn, không chửi mắng trở lại khi bị chửi mắng, không phỉ báng lại khi mình bị người khác phỉ báng... mới thực sự là người chiến thắng. Bởi sự đấu khẩu trở lại ắt sẽ dẫn đến sự xung đột và chắc chắn mình và người kia đều bị thiệt hại, thương tổn nặng nề. Sự thắng trận, theo Thế Tôn, là nhờ nhẫn nhịn nên tránh được những thiệt hại về thân mạng, danh dự và tài sản không đáng có do sân si gây hấn, xung đột tạo nên. Mặt khác, sự kham nhẫn ấy là liệu pháp hữu hiệu nhất để dập tắt nóng giận nơi người kia và thức tỉnh họ hồi tâm.

Thường thì người ta chỉ hối hận khi đã muộn, khi mọi sự đã rồi. Con người vì vô minh nghiệp lực che lấp nên cho rằng nhẫn nhịn là bạc nhược, không sáng suốt, là kẻ ngu. Kỳ thật, Đức Phật luôn dạy rằng, nhẫn nhịn là phương thức trị liệu nóng giận hiệu quả nhất cho mình và người để cả hai cùng được an lạc. Vì thế, ông cha ta đã đúc kết kinh nghiệm của tiền nhân nên luôn răn nhắc hàng hậu thế: “Một điều nhịn, chín điều lành”.▲

XII. ÝNGHIỆP

1- GIỮ TÂM TRONG SẠCH

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anathapindika. Lúc bấy giờ Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, như một tấm vải cấu ứ, nhiễm bụi, người thợ nhuộm nhúng tấm vải ấy vào các thuốc nhuộm xanh, vàng hoặc đỏ... vải ấy sẽ được màu nhuộm không tốt đẹp, không sạch sẽ. Vì sao vậy? Này các Tỷ kheo, vì tấm vải không được trong sạch. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, cõi ác chờ đợi một tâm cấu ứ.

Này các Tỷ kheo, như một tấm vải thanh tịnh, trong sạch, người thợ nhuộm nhúng tấm vải ấy vào các thuốc nhuộm xanh, vàng hoặc đỏ... vải ấy sẽ được màu nhuộm tốt đẹp, sạch sẽ. Vì sao vậy? Này các Tỷ kheo, vì tấm vải được trong sạch. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, cõi thiện chờ đợi một tâm không cấu ứ.

(ĐTKVN, *Trung Bộ I*, kinh Ví Dụ Tắm Vải [lược], VNCPHVN ấn hành, 1992, tr.87)

LỜI BÀN:

Con người sống trên đời quý ở tấm lòng, nơi cái tâm bởi “chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”. Trong tu tập thì việc giữ tâm trong sạch lại càng quan trọng hơn vì “ý làm chủ các pháp” hay “nhất thiết duy tâm tạo”. Do vậy, quán sát tâm của mình hiện tại là thiện hoặc ác, tốt hoặc xấu, cao thượng hay thấp hèn... để biết chắc mình sẽ đón nhận một tương lai khổ hoặc vui thích ứng với các loại tâm ấy.

Theo tuệ giác của Thế Tôn, tâm ta giống như tấm vải và chính ta cũng là người thợ nhuộm, nhuộm cuộc đời mình với nhiều sắc

màu chánh tà trong cuộc sống hiện tại. Ai cũng muốn tâm mình như tấm vải trắng để vẽ lên đó những bức tranh với các gam màu như ý nhưng thực tế thì cuộc mưu sinh nghiệt ngã đã ít nhiều làm tâm người hoen ố, dính đầy bụi trần. Khi bừng tỉnh, giác ngộ về lẽ thật của cuộc đời và con người, phát nguyện quay về gột rửa thân tâm, mới thấy tâm mình thực sự là tấm vải dơ, loang lổ màu tham lam, thù hận... và tang thương gần như rách nát.

Tuy nhiên, dù tấm vải tâm có dơ bẩn đến mấy thì trước đây nó vốn trong sạch và dẫu bị nhuộm bụi trần đậm đặc đến thế nào thì vẫn có thể gột rửa được. Vấn đề là ta có quyết tâm và nỗ lực để tẩy xóa, làm trong sạch tấm vải tâm của mình hay không? Chính sự bền bỉ, chuyên nhất trong việc chuyển hóa tâm theo khuynh hướng thiện sẽ khiến tâm ta trở thành thanh tịnh và trong sạch. Chỉ khi nào tâm chúng ta thanh tịnh như tấm vải sạch thì lúc ấy mới có thể nhuộm được màu tốt đẹp, như y, đồng thời một tương lai tốt đẹp sẽ chờ đón chúng ta. Ngược lại, nếu không ra sức chuyển hóa để làm trong sạch tâm mình thì chắc chắn trong hiện tại và mai sau không thể như ý mình được vì nhân và quả vốn chẳng tách rời.

Tu tập chính là tẩy xóa và gột rửa thân tâm. Tự thân mỗi cá nhân sẽ nhuộm màu cho cuộc đời mình, không ai có thể làm thay cho mình được. Do vậy, thực hành các thiện pháp để tâm trong sạch luôn là phận sự, trọng trách của mỗi người con Phật.▲

2- TÀ TƯ DUY

Một thời, một Tỷ kheo trú giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.

Lúc bấy giờ, Tỷ kheo ấy, khi đang nghỉ ban ngày, khởi lên những tư duy ác, bất thiện như dục tư duy, sân tư duy và hại tư duy.

Rồi vị Thiên trú ở khu rừng ấy, vì lòng thương xót, vì muốn lợi ích, muốn cảnh giác liền đi đến nói lên bài kệ cho Tỷ kheo: *“Ông tác ý bất chánh / Nên say đắm tư duy / Hãy từ bỏ bất chánh / Hãy tư duy chơn chánh / Nương tựa Phật Pháp Tăng / Giữ giới, không thối chuyển / Ông chắc chắn chứng đạt / Hân hoan và hỷ lạc / Với hân hoan sung mãn / Ông chấm dứt khổ đau”*.

Tỷ kheo ấy, sau khi được vị Thiên cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 9, phần Bất chánh tư duy, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.446)

LỜI BÀN:

Khi phát tâm tu học, điều quan trọng là nguyện chuyển hóa và thăng hoa ba nghiệp thân khẩu ý. Đoan chính trong lời nói và hành động vốn đã khó nhưng chính trực trong tư duy, suy niệm lại càng khó hơn. Tuy tâm ý khó làm chủ nhưng không thể buông xuôi, bởi tư duy chân chính sẽ là nền tảng cho lời nói và hành động đúng đắn.

Điều thú vị là lời nói và hành động của ta, người khác có thể quan sát, đánh giá và bình phẩm nhưng tâm ý của mình thì chỉ tự mình biết lấy mà thôi. Ngoại trừ Phật, Bồ tát, chư Thiên và bản thân,

không ai biết mình đang nghĩ gì. Dù suy tư là điều “chỉ mình ta với ta” nhưng vẫn tạo nghiệp, ý nghiệp. Khi tư duy không chính trực, tà vạy thì tham sân si, ba nghiệp ác về ý dấy khởi, làm vẩn đục đời sống tịnh nghiệp.

Để giữ gìn tâm ý ngay thẳng và thánh thiện, người con Phật luôn hướng đến Chánh tư duy. Luôn suy tư về điều thiện để làm lợi ích cho mình và người, hằng tư duy về Chánh pháp, công hạnh của Phật, Bồ tát và các vị cao tăng để noi theo. Ngoài ra, cần phải nhớ rằng tất cả những điều thắm kín trong tâm ý của mình, chư Phật, Bồ tát, chư Thiên, Hộ pháp và ma quỷ đều biết rõ. Do đó, để nhận được sự hộ niệm của chư vị, người tu cần phải tịnh hóa tư duy của mình bằng sự hổ thẹn, tự trách và đưa tâm về quỹ đạo tư duy chân chính.

Khi tư duy đạt đến sự trong sáng, thuần thiện, tâm ý sẽ thanh tịnh. Sự suy niệm sâu sắc, đúng đắn sẽ định hướng cho lời nói và việc làm hợp với điều thiện. Ngược lại, những tư duy tà vạy, bất chính hướng về tham vọng, làm hại sẽ dẫn dắt con người đi vào đường ác. Vì thế, cần phải tự uốn nắn, điều chỉnh bản thân bắt đầu từ nền tảng tư duy chân chính.▲

3- TƯỚNG ĐIÊN ĐẢO

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có bốn tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo này. Thế nào là bốn?

Trong vô thường, nghĩ là thường; trong khổ, nghĩ là không khổ; trong vô ngã, nghĩ là ngã; trong không thanh tịnh, nghĩ là thanh tịnh, này các Tỷ kheo, đây là bốn tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Này các Tỷ kheo, có bốn tướng không điên đảo, tâm không điên đảo, kiến không điên đảo này. Thế nào là bốn?

Trong vô thường, nghĩ là vô thường; trong khổ, nghĩ là khổ; trong vô ngã, nghĩ là vô ngã; trong không thanh tịnh, nghĩ là không thanh tịnh, này các Tỷ kheo, đây là bốn tướng không điên đảo, tâm không điên đảo, kiến không điên đảo.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* I, chương 4, phẩm Rohitassa, phần Tướng điên đảo [lược], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.650)

LỜI BÀN:

Người tu Phật thường đề cập đến vấn đề tuệ giác, tức nhận thức đúng như thật về các pháp. Sự thật về thân, tâm và thế giới như thế nào thì nhận thức như nó đang là. Thấy biết như vậy gọi là trí tuệ hay “tướng không điên đảo, tâm không điên đảo, kiến không điên đảo”.

Vô thường là sự biến dịch, thay đổi và không có định tính trong tất cả các sự vật, hiện tượng. Không cái gì cố định và đứng yên, tự thân chúng đang chuyển biến trong từng sát-na. Thấy được như thế thì chúng ta sẽ thiết lập được thăng bằng. Mọi

được mất, hơn thua, vui buồn, vinh nhục và thăng trầm trong cuộc sống sẽ không tác động và chi phối đến ta nhiều, nhờ đó mà được bình an.

Khổ đau với nhiều hình thái khác nhau và những điều không như ý luôn doanh vây đời sống con người. Không một ai sống ở trên đời mà hoàn toàn toại ý, không có những khổ đau. Nhận thức được điều này để chấp nhận thực tại, tìm cách vượt thoát và nhất là không lấy khổ làm vui bằng cách lẩn trốn trong những lạc thú, đam mê.

Chúng sanh và vạn pháp vốn do duyên sanh nên tự tán phụ thuộc vào nhân duyên. Do đó, không hề có cái tôi, tự ngã hay tồn tại một thực thể thuần nhất, bất biến. Chấp thủ và bám víu vào tự ngã là cội nguồn của mọi tranh chấp, khổ đau và điên đảo.

Thân, tâm này vốn dĩ bất tịnh và nhiễm ô, luôn nhuộm màu dục vọng. Nhưng chúng ta cũng có thể tự thanh lọc thân tâm khiến cho ba nghiệp thân khẩu ý trở thành thanh tịnh. Tất cả đều bắt đầu từ tâm ý, nếu thú hưởng bất tịnh và nhiễm ô là cội nguồn khổ đau, ngược lại hướng về thanh tịnh và vô nhiễm là nền tảng của an lạc.

Đa phần khổ đau của chúng ta là do nhận thức sai lầm, vọng tưởng điên đảo, nói cách khác là do vô minh, nhận lầm những huyễn ảo mà cho là thật. Tu tập là phát huy tuệ giác nhằm nhận ra sự thật về vô thường, khổ và vô ngã của vạn pháp để sống xả kỷ, vị tha và chuyển hóa phiền não, làm chủ bản thân trước vô vàn biến động của cuộc đời.▲

4- KIÊU MẠN

Một thời Thế Tôn ở Àlavì, tại Gomagga, trong rừng Simsapà, dạy các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, có ba kiêu mạn này, thế nào là ba? Kiêu mạn của tuổi trẻ, kiêu mạn của không bệnh, kiêu mạn của sự sống.

Say sưa trong kiêu mạn của tuổi trẻ, này các Tỷ kheo, kẻ vô văn phạm phu làm các ác hành về thân, khẩu, ý. Do làm các ác hành ấy, sau khi mạng chung bị sanh vào cõi dữ, đọa xứ, địa ngục.

Say sưa trong kiêu mạn của không bệnh, này các Tỷ kheo, kẻ vô văn phạm phu làm các ác hành về thân, khẩu, ý. Do làm các ác hành ấy, sau khi mạng chung bị sanh vào cõi dữ, đọa xứ, địa ngục.

Say sưa trong kiêu mạn của sự sống, này các Tỷ kheo, kẻ vô văn phạm phu làm các ác hành về thân, khẩu, ý. Do làm các ác hành ấy, sau khi mạng chung bị sanh vào cõi dữ, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ kheo, say sưa trong kiêu mạn của tuổi trẻ, của không bệnh, của sự sống, vị Tỷ kheo từ bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 3, phẩm Sứ giả của trời, phần Kiêu mạn, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.261)

LỜI BÀN:

Kiêu mạn là tự cao, khinh khi người khác, một loại tâm lý khá phổ biến nơi những người có chút may mắn và thành công. Ở đời, thường thì “phước bất trùng lai, họa vô đơn chí”. Do đó, có ít

nhiều thành công thực ra cũng đáng tự hào nhưng đừng quá tự đắc, kiêu căng, say sưa và ngủ quên trong men chiến thắng vì ngày mai chưa biết sẽ ra sao vẫn là một nghi án luôn ám ảnh đời người.

Đối với tuổi trẻ, ưu điểm của họ là năng động, dám nghĩ và dám làm nhưng tuổi trẻ thường hay chủ quan, ỷ lại sức trẻ nên đôi lúc thành ra nông nổi. Sự tự mãn và năng động thái quá dễ dẫn đến những hành vi nổi loạn, tạo ra ác nghiệp. Sự thật thì có ai trẻ mãi, tuổi xuân chỉ một thời, hỗn nhiên mà nhiều vụng dại, rồi khi tuổi trẻ đi qua để lại những hậu quả khó lường, những nỗi niềm riêng một đời ray rứt. Người có sức khỏe tốt, ít bệnh tật là một phúc báo lớn. Có sức khỏe là có thể có tất cả song sức lực con người theo tháng năm dần dà suy giảm cho đến lúc “lực bất tòng tâm”. Chỉ sau một cơn bạo bệnh thôi sẽ làm cho chúng ta chín chắn hơn với những ý nguyện viễn vông và trời lấp biển, sự tỉnh giấc mộng hải hà.

Sự sống cũng vậy, có đó rồi không đó, sanh tử không hẹn, vì mạng người mong manh chỉ trong hơi thở. Do vậy nhận thức rằng ta sẽ chết, tuy có phần âm đạm, phảng phất chút bi quan nhưng lẽ thật ấy sẽ giúp ích thật nhiều cho một sự sống đúng nghĩa, biết trân quý cuộc sống, làm ngay những việc cần làm.

Khổ đau ở đời có nhiều nguyên nhân nhưng xuất phát từ kiêu mạn về tuổi trẻ, sức khỏe và sự sống chiếm phần không nhỏ. Khiêm cung là phương thuốc có khả năng trị liệu bệnh kiêu mạn. Biết khiêm tốn, lễ độ, biết mình biết ta, biết sống có hậu, không kiêu căng, tự phụ để không tạo ra ác nghiệp là biểu hiện của tuệ giác. Vì thế, thường hành khiêm hạ, tu tập hạnh “thường bất khinh” để diệt trừ kiêu mạn là điều cần làm của tất cả người con Phật.▲

5- NGHIỆP MỚI VÀ CŨ

Một thời Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại thị trấn Devadaha. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, Ta sẽ thuyết về các nghiệp mới và cũ, sự đoạn diệt của các nghiệp, con đường đưa đến sự đoạn diệt của các nghiệp. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ.

Này các Tỷ kheo, thế nào là nghiệp cũ? Mắt, cần phải quán là nghiệp cũ, được tác thành, được tư niệm, được cảm thọ. Tai, Mũi, Lưỡi, Thân và Ý cần phải quán là nghiệp cũ, được tác thành, được tư niệm, được cảm thọ.

Các Tỷ kheo, đây được gọi là nghiệp cũ.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là nghiệp mới? Hiện tại phạm làm việc gì với thân, với lời nói hay với ý. Này các Tỷ kheo, đây được gọi là nghiệp mới.

Thế nào là nghiệp đoạn diệt? Này các Tỷ kheo, đó là sự đoạn diệt thân nghiệp, ngữ nghiệp và ý nghiệp.

Này các Tỷ kheo, thế nào là con đường đưa đến sự đoạn diệt của các nghiệp? Đây là con đường Bát Thánh đạo.

Như vậy, này các Tỷ kheo, Ta đã giảng về nghiệp cũ và nghiệp mới, đã giảng về nghiệp đoạn diệt, đã giảng con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt.

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ IV, phẩm Mới và cũ, phần Nghiệp* [lược], Nxb Tôn Giáo, 2001, tr.223)

LỜI BÀN:

Mỗi người hiện hữu trên cuộc này với những đặc trưng, cá biệt là do nghiệp. Đồng thời trong từng phút giây của cuộc sống, chúng ta đang dệt nghiệp cho chính mình bằng sự tạo tác của thân,

miệng và ý. Nghiệp được tạo ra trở lại tác động đến tự thân trong hiện tại cùng vị lai. Thành ra cuộc sống con người bị chi phối bởi một vòng nghiệp lực.

Nghiệp có nhiều chủng loại và tính chất khác nhau. Ở pháp thoại này, Thế Tôn chỉ ra hai loại nghiệp căn bản là nghiệp cũ và nghiệp mới. Sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý) hay nói cách khác con người chúng ta chính là nghiệp cũ. Sở dĩ gọi là nghiệp cũ vì đó chính là sự kế thừa trung thực nhất nghiệp lực của chính mình đã gieo trồng trong quá khứ. Vì thế, hình dáng cao thấp, dung mạo đẹp xấu... của mỗi cá nhân đều do nghiệp cũ quyết định.

Tuy nhiên, chính những tác tạo của sáu căn ấy khi duyên với sáu trần cùng sáu thức đã tạo ra nghiệp mới. Thân, miệng và ý luôn tạo ra mười nghiệp thiện hoặc bất thiện đều bắt đầu từ sự dấy động của sáu căn này. Ngay đây, chúng ta thấy rõ một điều vô cùng quan trọng là nghiệp mới có thể chuyển hóa, thay đổi và chấm dứt.

Nếu thiết lập được chánh niệm, từng bước làm chủ các căn thì nghiệp mới hình thành theo khuynh hướng thiện, tích cực. Đó là bước đầu chuyển nghiệp. Để dứt nghiệp tức thanh tịnh ba nghiệp thân, khẩu và ý cũng từ sáu căn. Khi chánh niệm thường trực, sáu căn được làm chủ hoàn toàn thì nghiệp mới sẽ đoạn diệt. Có nhiều con đường để đạt đến dứt nghiệp, cơ bản nhất là tu tập Bát Thánh đạo và đây cũng là pháp hành cho tất cả những người con Phật hướng đến tịnh nghiệp, giải thoát.▶

6- VƯỢT QUA DÒNG XOÁY CUỘC ĐỜI

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại vườn ông Anàthapindika. Rồi một vị Thiên đi đến đánh lễ, sau khi đánh lễ, bạch Thế Tôn:

Thưa Tôn giả, làm sao Ngài vượt khỏi bực lưu?

Này Hiền giả, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bực lưu.

Thưa Tôn giả, làm sao không đứng lại, không bước tới, Ngài vượt khỏi bực lưu?

Này Hiền giả, khi Ta đứng lại, thời Ta chìm xuống; khi Ta bước tới, thời Ta trôi giạt. Do vậy, này Hiền giả, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bực lưu.

Vị Thiên đáp: *Từ lâu, tôi mới thấy/ Bà la môn tịch tịnh/ Không đứng, không bước tới/ Vượt chấp trước ở đời.*

(ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I*, chương 1, phẩm Cây lau, phần Bực lưu, VNCPHVN ấn hành, 1993, tr.9)

LỜI BÀN:

Ai đã từng dẫn thân khám phá, chinh phục thiên nhiên thì đã có lần băn khoăn trước ghềnh thác hiểm trở, nước xoáy ầm ào (bực lưu), nghĩ cách vượt qua nó mà không bị nhấn chìm hay cuốn trôi? Cũng vậy, đứng trước dòng xoáy cuộc đời với vô vàn cám dỗ và chạm bẫy, hạnh phúc và khổ đau, được mất và hơn thua, yêu thương và thù hận..., con người cũng loay hoay, ta phải vượt qua nó bằng cách nào? Một câu hỏi lớn cho không riêng gì loài người mà ngay cả loài Trời cũng phân vân, bối rối.

Thế Tôn đã vượt qua dòng xoáy sanh tử ấy, truyền lại cho hậu thế bằng kinh nghiệm xương máu của Ngài: để vượt qua dòng xoáy

cuộc đời là không đứng lại và cũng không bước tới, tức sang bờ bên kia. Có điều là nếu không đứng lại thì đi, và không bước tới thì đứng, chứ không đi cũng không đứng thì biết làm thế nào để sang được bờ kia? Ấy vậy mà Thế Tôn và các vị Thánh đệ tử của Ngài đã làm được.

Cố nhiên vượt qua ghềnh thác cuộc đời khó hơn bội phần so với thác ghềnh thiên nhiên nên kỹ thuật cũng đặc biệt hơn. Không đứng lại bởi nếu đứng lại lập tức bị nhấn chìm. Đứng lại là chấp thủ, bám víu mà làm sao bám víu được khi mọi thứ đang trôi chảy? Bị cột chặt, trôi buộc tất phải chìm đắm. Không bước tới vì nếu bước tới sẽ bị cuốn trôi. Bước tới là đâm trước, chạy theo sự sai sử của dục vọng mà dục vọng của chúng sanh thì vô tận, không có bến bờ. Dòng xoáy của tham dục sẽ cuốn phăng tất cả, sẵn sàng đập lên mọi thứ kể cả nhân nghĩa. Một đời lao đao lẫn lộn buồn vui, thành công và thất bại... để rồi ra đi với hai bàn tay trần và chẳng biết về đâu chẳng phải trôi giạt là gì?

Vậy nên, người đệ tử Phật thận trọng vượt qua dòng xoáy cuộc đời bằng sự tỉnh táo, thấy rõ như thật bản chất hư ảo của cuộc đời. Không chấp thủ, không đâm trước với mọi thứ và cứ thế, sang bờ kia.▲

7- ĐẶT TÂM ĐÚNG HƯỚNG

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika, dạy các Tỷ kheo:

Ví như, này các Tỷ kheo, sợi râu của lúa mì, hay sợi râu của lúa mạch bị đặt sai hướng, khi tay hay chân đè vào, có thể đâm thủng tay hay chân, hay có thể làm đổ máu; sự tình này không xảy ra. Vì cố sao? Này các Tỷ kheo, vì sợi râu bị đặt sai hướng. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, vị Tỷ kheo với tâm bị đặt sai hướng, có thể đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi, có thể chứng đạt Niết bàn; sự tình này không xảy ra. Vì cố sao? Này các Tỷ kheo, vì tâm bị đặt sai hướng.

Này các Tỷ kheo, ví như các sợi râu của lúa mì, hay sợi râu của lúa mạch được đặt đúng hướng, khi tay hay chân đè vào, có thể đâm thủng tay hay chân, hay có thể làm cho đổ máu; sự tình này có xảy ra. Vì cố sao? Này các Tỷ kheo, vì sợi râu được đặt đúng hướng. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, vị Tỷ kheo với tâm được đặt đúng hướng, có thể đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi, có thể chứng đạt Niết bàn; sự tình này có thể xảy ra. Vì cố sao? Này các Tỷ kheo, vì tâm được đặt đúng hướng.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ* I, chương 1, phẩm Đặt hướng và trong sáng, phần Tâm đặt sai hướng [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.21)

LỜI BÀN:

Nhiều người nghĩ rằng tu hành là do nơi tự tâm, nói cách khác là tu tâm. Nhưng tâm của con người thì muôn hình vạn trạng “công

cũng đứng đầu mà tội cũng đứng nhất” nên biết tu tâm nào. Theo kinh nghiệm của Thế Tôn, tuy là tu tâm nhưng tâm phải đặt đúng hướng thì mới có thể xuyên thủng vô minh, thành tựu tuệ giác, chứng đắc Niết bàn.

Một trong những đặc điểm của tâm là dịch chuyển, thay đổi rất mau lẹ như vượn chuyền cành, như ngựa phi ngoài đồng cỏ. Tâm thay đổi, sinh diệt trong từng sát-na nên việc hướng tâm, giữ tâm an trú vào thiện pháp là điều chẳng dễ dàng. Thường thì ban đầu ai cũng tinh tấn, hăng hái tu tập nhưng về sau cứ giải đãi, biếng nhác dần và không ít người thối thất.

Như cây lớn, cành lá nghiêng về hướng nào thì khi bị cửa chắn nó sẽ ngã về hướng đó. Như râu của hạt lúa mì, đặt đúng hướng mới có thể đâm thủng bàn chân. Cũng vậy, tâm của chúng ta phải nghiêng về giải thoát mới hướng cuộc đời về tịnh lạc. Tâm của chúng ta phải hướng về tuệ giác mới có thể chọc thủng vô minh. Do đó, tâm người tu phải luôn hướng về và an trú trong Chánh pháp mới mong thành đạo nghiệp.

Ngày nay, người tu tuy nhiều nhưng người thành tựu đạo nghiệp không nhiều. Vậy nên “đặt tâm đúng hướng” cũng là một trong những vấn đề quan trọng mà mỗi người con Phật cần suy ngẫm và điều chỉnh để vượt thoát phiền não, thăng hoa tâm linh, thành tựu giải thoát, Niết bàn.▲

8- LẮNG LÒNG THANH TỊNH

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ kheo:

Này các Tỷ kheo, ví như một hồ nước trong sáng, không bị khuấy động. Tại đấy, một người đứng trên bờ, có thể nhìn thấy các con ốc, con sò, các hòn sỏi, các đàn cá qua lại trong nước. Vì có sao? Vì nước không bị khuấy đục.

Này các Tỷ kheo, cũng vậy, vị Tỷ kheo với tâm không bị khuấy đục, biết được lợi ích của mình và biết được lợi ích của người hay biết được lợi ích của cả hai, sẽ chứng ngộ các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng của bậc Thánh; sự kiện như vậy có thể xảy ra. Này các Tỷ kheo, vì có sao? Vì rằng tâm không bị khuấy đục.

(ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ I*, chương 1, phẩm Đặt hướng và trong sáng, phần Tâm đặt sai hướng [trích], VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.23)

LỜI BÀN:

Lắng lòng thanh tịnh, giữ tâm chánh niệm trong sáng và thuần khiết là nền tảng căn bản của các phương thức thiền định Phật giáo. Nhờ thực tập nuôi dưỡng sự tĩnh lặng cho tâm hồn nên người ta tỉnh táo, sáng suốt và hành xử hợp tình hợp lý hơn đối trước mọi biến động của cuộc sống.

Tâm chúng ta như một hồ nước với nhiều trạng thái khác nhau, khi thì bình lặng trong suốt như pha lê, lúc thì đục ngầu sôi sục và còn lại là lẫn tẩn gợn sóng lao xao. Có một điều mà ai cũng đã từng kinh nghiệm là nội tâm càng bình yên, thanh thản chừng nào thì sự tự chủ của ta càng lớn và khả năng vượt thoát cám dỗ,

nóng giận càng cao.

Khi tâm vắng lặng, những toan tính và lo âu vụn vặt đời thường tạm thời buông xuống, lúc bấy giờ ta mới cảm nhận sâu sắc về sự bình an. Đây là cơ hội quý báu nhất để chúng ta nhìn lại chính mình, thấy rõ mình là ai? Nhờ tâm không bị tham sân si khuấy đục nên hành giả “biết được lợi ích của mình và biết được lợi ích của người hay biết được lợi ích của cả hai” mà bình thường chúng ta chỉ biết có bản thân mình.

Do vậy, dù bề bộn thế nào mỗi ngày chúng ta phải dành một khoảng thời gian để lắng đọng tâm hồn. Có thể tịnh hóa thân tâm bằng tọa thiền, tụng kinh, lễ Phật, niệm Phật, thiền hành hay đi bộ, thưởng thức nghệ thuật, uống trà... với tâm buông xả, chánh niệm tỉnh giác. Thực hành đều đặn những phương thức thanh tịnh tâm như trên, không chỉ giúp tâm trí được thư giãn, nghỉ ngơi mà còn trưởng dưỡng những ý nguyện thiện lành và nếu hội đủ duyên lành có thể thăng hoa thành thanh tịnh và giải thoát. ▀

HẾT TẬP III

MỤC LỤC

TẬP I

I- LÒNG TIN

- | | |
|-----------------------------------|----|
| 1- Lợi ích của lòng tin | 12 |
| 2- Biểu hiện của lòng tin | 14 |
| 3- Chánh tín | 16 |
| 4- Lòng tin là tài sản tối thượng | 18 |
| 5- Chỉ tin một người | 20 |

II- BỐ THÍ & CÚNG DƯỜNG

- | | |
|--|----|
| 1- Phước báo thù thắng của bố thí | 24 |
| 2- Bố thí & cúng dường như pháp | 26 |
| 3- Tương quan giữa cho và nhận | 28 |
| 4- Bố thí với tâm rộng lớn | 30 |
| 5- Cội phước | 32 |
| 6- Bố thí thanh tịnh | 34 |
| 7- Nhân duyên của giàu và nghèo | 36 |
| 8- Hai hạng người đáng được cúng dường | 38 |
| 9- Người cày ruộng | 40 |
| 10- Xứng đáng là ruộng phước | 42 |

III- LÀM GIÀU

- | | |
|------------------------------|----|
| 1- Kinh doanh thành công | 46 |
| 2- Không kinh doanh phi pháp | 48 |
| 3- Làm giàu | 50 |
| 4- Giàu lên dễ sanh tật | 52 |
| 5- Có mắt mà như mù | 54 |
| 6- Sự nghèo khổ | 56 |
| 7- Buôn bán phát tài | 58 |
| 8- Chủ nhân & người làm | 60 |

IV- TÀI SẢN

- | | |
|-------------------------|----|
| 1- Tài sản của người tu | 64 |
| 2- Giữ gìn tài sản | 66 |

3- Động sản & bất động sản	68
4- Có tài sản lớn	70
5- Nguyên nhân phung phí tài sản	72
6- Kế thừa gia tài Chánh pháp	74

V- CƯ SĨ

1- Hoa sen trong giới nam cư sĩ	78
2- Người cư sĩ	80
3- Bốn phận người gia chủ	82
4- Cư sĩ chứng quả Dự lưu	84
5- Lật úp bình bát	86
6- Thọ trì năm giới	88
7- Hương đức hạnh	90
8- Những gia đình chư Tăng không nên đến	92

VI- XUẤT GIA

1- Ba hạnh của Sa môn	96
2- Khất sĩ	98
3- Bạc trưởng lão	100
4- Năm hạng người ăn bình bát	102
5- Sống biệt lập	104
6- Không nên sống quá lâu ở một nơi	106
7- Bốn hạng thuyết trình	108
8- Ba việc trọng yếu của người tu	110
9- Xứng đáng được xây tháp	112
10- Xuất gia khi tuổi xế chiều	114
11- Hoàn tục	116
12- Khó làm	118
13- Hóa duyên	120
14- Thiện & Giáo	122
15- Đến với gia chủ	124

VII- HÃY TỰ MÌNH THẤP ĐƯỢC LÊN MÀ ĐI

1- Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn	128
2- Tránh xa hai cực đoan	130

3- Dòng đời xuôi ngược	132
4- Sinh tử là việc lớn	134
5- Chớ khinh thường trẻ tuổi	136
6- Nắm lá trong bàn tay	138
7- Hạt muối	140
8- Tinh cần	142
9- Sợ hãi	144

VIII- NHÂN QUẢ

1- Trường thọ & đoản thọ	148
2- Vu khống bậc Thánh	150
3- Đẹp & xấu	152
4- Quả báo	154
5- Hai loại tội	156
6- Khó được ở đời	158

IX- HIẾU ĐẠO

1- Thâm ân nan báo	162
2- Bao la tình mẹ	164
3- Cha mẹ & con cái	166
4- Người thực sự có hiếu không nhiều	168
5- Khuyến hóa cha mẹ hướng thiện	170
6- Phước báo hiếu dưỡng	172

X- GIỚI

1- Rùa & dĩa can	176
2- Biển lớn không dung chứa tử thi	178
3- Chánh mạng	180
4- Vui trong Chánh pháp	182
5- Mang y bát đẹp bị Phật quở	184
6- Không phòng hộ	186
7- Tội lỗi	188
8- Sống với người thứ hai	190
9- Lợi ích của giữ giới	192

XI- ĐỊNH

1- Sơ thiền	196
2- Tứ niệm xứ	198
3- Mạng người trong hơi thở	200
4- Tâm cấu ược	202
5- Niệm Phật	204
6- Trung đạo	206
7- Đất lành chim đậu	208
8- Ung nhọt	210

XII- TUỆ

1- Trí tuệ là tối thượng	214
2- Vô minh & tuệ giác	216
3- Chánh tri kiến	218
4- Không phải của tôi	220
5- Tu tập tánh Không	222
6- Người mù sờ voi	224
7- Vô minh là cấu ược lớn nhất	226
8- Bọt nước	228
9- Có & Không	230
10- Tàm & quý	232
11- Tuệ giác vô ngã	234

TẬP II

I- ĂN UỐNG & SỨC KHỎE

1- Ăn nhiều không tốt cho sức khỏe	238
2- Năm pháp làm gia tăng tuổi thọ	240
3- Lợi ích của kinh hành	242
4- Trăm năm trong cõi người ta	244
5- Thân bệnh nhưng tâm không bệnh	246
6- Ăn đúng giờ có năm lợi ích	248
7- Ai cũng có bệnh	250
8- Bị bệnh vẫn tu được	252

9- Bốn loại bệnh của người xuất gia	254
10- Sức mạnh	256

II- NGỦ NGHỈ, THƯ GIÃN

1- Đem dài lẩm mọng	260
2- Thiền, liệu pháp của giấc ngủ bình an	262
3- Ngủ ban ngày	264
4- Bốn cách nằm	266
5- Ngủ an lành	268
6- Đói ăn, mệt ngủ	270
7- Lo toan	272

III- NAM GIỚI

1- Người đàn ông lý tưởng	276
2- Ba hạng con trai	278
3- Sinh con - gái hay trai đều tốt	280
4- Sự trói buộc giữa nam và nữ	282
5- Thích sinh con trai	284

IV- PHỤ NỮ

1- Người con gái trước thêm hôn nhân	288
2- Phái yếu	290
3- Dễ thương như người vợ trẻ	292
4- Phụ nữ thành công	294
5- Phước báo thiên nữ khả ái	296
6- Sức mạnh của phái yếu	298
7- Mẫu người phụ nữ được nam giới yêu thích	300
8- Người vợ lý tưởng	302

V- CẦU NGUYỆN

1- Cầu nguyện	306
2- Tế đàn	308
3- Cúng linh	310
4- Thánh cầu	312
5- Ước nguyện	314

VI- AN CƯ

1- An cư	318
2- Tự tứ	320
3- Thời điểm lý tưởng để nỗ lực tu hành	322
4- Xứng đáng được cúng dường	324
5- Đức Phật an cư không tiếp khách	326
6- Khúc gỗ	328
7- Không nên sống quá lâu tại một nơi	330
8- Chư Thiên cũng luyện tiếu an cư	332

VII- GIÀ CHẾT

1- Có sinh ắt có diệt	336
2- Tuổi xế chiều	338
3- Niệm chết	340
4- Chết do tai nạn sẽ tái sinh về đâu?	342
5- Trợ duyên cho người hấp hối	344
6- Chết - một sự thật tất yếu	346
7- Chết có đáng sợ không?	348
8- Cội nguồn khổ đau	350

VIII- THUYẾT PHÁP & NGHE PHÁP

1- Ba hạng người nghe pháp	354
2- Đúng thời	356
3- Thuyết pháp phân biệt	358
4- Giáo hóa người nghèo	360
5- Du hành	362
6- Bốn hạng người nghe pháp	364
7- Bản lĩnh hoàng pháp	366
8- Nghe pháp được nhiều lợi ích	368
9- Năm đức của pháp sư	370
10- Thuyết pháp như Tỷ kheo ni Sukkà	372

IX- CHƯ THIÊN & MA QUỶ

1- Nhân duyên phước báo làm thiên chủ	376
2- Trộm hương	378

3- Tụng kinh	380
4- Không bị phi nhân làm hại	382
5- Ngạ quỷ nghe kinh	384
6- Chư Thiên cảnh giác	386
7- Không chế ngự	388
8- Ác ma xúi giục cai trị	390
9- Cô độc mà không cô đơn	392

X- THAM ÁI

1- Không bao giờ thỏa mãn	396
2- Con vượn và chiếc bẫy	398
3- Cọ cây lấy lửa	400
4- Vô lượng kiếp luân hồi	402
5- Như cá mắc câu	404
6- Trúng tên độc	406
7- Bị trúng lao	408
8- Bị trói	410
9- Cảnh giác với lợi dưỡng cung kính	412
10- Nguy hiểm của đam mê rượu chè	414
11- Vương mắc ngũ dục	416
12- Chúng sinh	418
13- Được và mất	420
14- Nguy hiểm của đam mê cờ bạc	422
15- Đằng sau miếng mồi ngon là khổ lụy	424

XI- SÂN HẬN

1- Giết giặc phiền não	428
2- Kham nhẫn	430
3- Những hạng người nóng giận	432
4- Người ác và người hiền	434
5- Phẫn nộ	436
6- Tâm người như vết thương	438

XII- SI MÊ

1- Tổn thất lớn nhất	442
----------------------	-----

2- Vực thẳm	444
3- Rửa tội	446
4- Mù lòa	448
5- Trói buộc và ngăn che	450
6- Cội nguồn của bất an	452
7- Ta thương mình nhất	454
8- Nhân duyên của sự suy vong	456

TẬP III

I- AN LẠC

1- Bốn loại an lạc	460
2- Ngày lành tháng tốt	462
3- Dục lạc và an lạc	464
4- Lợi lạc cho số đông	466
5- Vui trong tĩnh lặng	468
6- Pháp môn đưa đến an ổn	470
7- Biết đủ thường vui	472
8- Thiết lập an lạc	474

II- BẠN TỐT

1- Xứng đáng là bạn tốt	478
2- Chọn bạn mà chơi	480
3- Cần phải nương tựa	482
4- Thân cận bạn tốt	484
5- Người bạn chân thật	486
6- Ở đâu cũng được thương mến	488
7- Được ái mộ và noi theo	490

III- HẠNH PHÚC

1- Để mãi bên nhau	494
2- Đạo nghĩa vợ chồng	496
3- Bí quyết hạnh phúc	498
4- Tổn hại gia đình	500
5- Thiết lập hạnh phúc	502

6- Báu vật ở đời	504
7- Những cặp vợ chồng	506

IV- KHỔ ĐAU

1- Nguồn gốc khổ đau	510
2- Giàu mà không được hưởng	512
3- Khổ đau nhiều hơn hạnh phúc	514
4- Sợ hãi và vô úy	516
5- Ác Tỷ kheo	518
6- Gốc rễ của đấu tranh	520
7- Khổ vui do mình	522
8- Khổ và diệt khổ	524
9- Khổ tâm và vô tâm	526
10- Thương người bệnh khổ	528

V- HỘI CHÚNG

1- Hòa hợp Tăng	532
2- Chúng Tăng cường thịnh	534
3- Sáu pháp hòa kính	536
4- Ba loại hội chúng	538
5- Tăng già thanh tịnh	540
6- Im lặng hùng tráng	542
7- Hội chúng tinh hoa	544
8- Tôn trọng diệu pháp	546
9- Năm hạng người sống ở rừng	548

VI- TỪ BI HỖ XẢ

1- Lợi ích tu tập tâm từ	552
2- Rải tâm từ	554
3- Từ mẫn với Phật tử	556
4- Hoan hỉ	558
5- Xả buông	560
6- An lạc và hoan hỷ	562
7- Hãy sống với tâm từ	564

VII- NỀN TẢNG CỦA GIẢI THOÁT

1- Nền tảng của giải thoát	568
2- Xa và gần	570
3- Tu học phải song hành	572
4- Hình thức bên ngoài	574
5- Không thối đọa	576
6- Hướng đến ánh sáng	578
7- Được tiếng thơm	580
8- Nội chứng bên trong	582
9- Cấp thiết phải làm ngay	584
10- Không có che giấu	586

VIII- NHỮNG ĐIỀU KHÓ Ở ĐỜI

1- Không dễ tái sanh làm người	590
2- Khó tìm được ở đời	592
3- Không thể ước lượng	594
4- Rất khó thực hiện	596
5- Không thể nghĩ đến	598
6- Sanh làm người là khó	600
7- Dạy con nên người	602

IX- PHẬT VÀ THÁNH TÍCH

1- Một sự xuất hiện vi diệu	606
2- Người mang hạnh phúc cho nhân loại	608
3- Sự xuất hiện của mắt lớn	610
4- Tôn giả Đại Ca Diếp	612
5- Chiêm bái thánh tích	614
6- Tứ động tâm	616
7- Di huấn sau cùng	618

X- THÂN NGHIỆP

1- Sát sanh - lợi bất cập hại	622
2- Quả báo của nghiệp giết	624
3- Sát sanh đọa địa ngục	626
4- Nguy hại của lưỡi biếng	628

5- Quán thân bất tịnh	630
6- Tu tập niệm thân	632
7- Tác hại của lối sống xa hoa	634
8- Đi đêm gặp nhiều nguy hiểm	636
9- Bỏ ác, làm lành	638

XI- KHẨU NGHIỆP

1- Nói và im lặng như pháp	642
2- Nói như hoa, như mật	644
3- Mắng nhiếc bậc thánh	646
4- Hái hoa tặng người	648
5- Nói năng cẩn trọng	650
6- Khéo nói	652
7- Lời nói và việc làm	654
8- Tạp thoại	656
9- Tán thán	658
10- Nói không lỗi lầm	660
11- Một điều nhịn, chín điều lành	662

XII- Ý NGHIỆP

1- Giữ tâm trong sạch	666
2- Tà tư duy	668
3- Tưởng điên đảo	670
4- Kiêu mạn	672
5- Nghiệp mới và cũ	674
6- Vượt qua dòng xoáy cuộc đời	676
7- Đặt tâm đúng hướng	678
8- Lắng lòng thanh tịnh	680

LỜI PHẬT DẠY
trong Kinh tạng Nikàya

Tập I, II & III

***Biên soạn:* QUẢNG TÁNH**

Chịu trách nhiệm xuất bản : Nguyễn Thị Thanh Hương
Biên tập : Cẩm Hồng
Sửa bản in : Hồng Anh
Bìa : Họa sĩ Nhuận Thường
Trình bày : Nguyễn Anh Tú

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP.HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM

ĐT: 08.38225340 - 38296764 - 38247225

Fax: 08.38222726 - Website: nxbhcm.com.vn

Đối tác liên kết:

TỊNH XÁ TRUNG TÂM

21 Nguyễn Trung Trực, P.5, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

In: 4.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm

Tại: Nhà in Văn Lang - số 6 Nguyễn Trung Trực, P.5, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

Số xuất bản: 50-11/CXB/73-123/THTPHCM ngày 18-5-2011

In xong và nộp lưu chiểu: tháng 6-2011